

DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP
(Cập nhật đến 17/01/2023)

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
AE-001 » Lifepharma Fze » P.O.Box 17404, Plot No MO 0502, Near Round about 13, Jebel Ali Free Zone, Jebel Ali, Dubai, UAE									
897	Lifepharma Fze	P.O.Box 17404, Plot No MO 0502, Near Round about 13, Jebel Ali Free Zone, Jebel Ali, Dubai, UAE	* Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén sủi bọt; viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; * Đóng gói thứ cấp: Thuốc kem, mỡ, thuốc nhỏ tai, thuốc đặt, viên nén, viên nang cứng, viên nang mềm.	WHO-GMP	GMP-2020-2020003	09-02-2020	09-02-2021	Ministry of Health & Prevention of United Arab Emirates	12
898	Lifepharma Fze	P.O.Box 17404, Plot No MO 0502, Near Round about 13, Jebel Ali Free Zone, Jebel Ali, Dubai, UAE	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao; thuốc dùng trong dạng lỏng.	EU-GMP	IWZJ.405.74.2018.ER.1 WTC/0468_01_01/147	30-05-2018	31-12-2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	12
AM-001 » Liqvor CJSC » 0089, Yerevan, Str.Kochinyan, 7/9, Republic of Armenia									
2106	Liqvor CJSC	7/9, Kochinyan st., Yerevan 0089, Republic of Armenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn; * Đóng gói thứ cấp * Xuất xưởng lộ * Kiểm tra chất lượng: hóa học/vật lý	WHO-GMP	AM/EAEU/H /2022/01/01	11-03-2022	13-01-2025	Ministry of Health of the Republic of Armenia	25
AR-001 » Laboratorio Elea Phoenix S.A. » Sanabria 2353, (Zip Code C1417AZE), of the City of Buenos Aires, Argentine Republic									
488	Laboratorio Elea Phoenix S.A (Tên cũ: Laboratorio Elea S.A.C.I.F.Y A)	Sanabria 2353, (Zip Code C1417AZE), of the City of Buenos Aires, Argentine Republic	* Thuốc không vô trùng, không chứa kháng sinh nhóm β-Lactam, không chứa chất độc tế bào, không chứa hormon: viên nén, viên nén bao, viên nang, thuốc bán rắn, thuốc đạn, viên trứng.	PIC/S-GMP	20132014 000298 20	01-04-2020	01-04-2021	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina	9
AR-002 » Laboratorio Pablo Cassara S.R.L. » Carhue 1096, Ciudad Autonoma de Buenos Aires, Argentine Republic									
899	Laboratorio Pablo Cassara S.R.L.	Carhue 1096, Ciudad Autonoma de Buenos Aires, Argentine Republic (Cách ghi khác: Carhue 1096 (C1408GBV), Buenos Aires, Argentina)	Thuốc không chứa kháng sinh beta lactam, không chứa chất có hoạt tính hormon và không chứa chất kim tế bào: * Thuốc vô trùng: Dung dịch tiêm.	PIC/S-GMP	2019/175-INAME-33	01-06-2019	01-06-2021	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina	12
AR-006 » TRB Pharma S.A. » Plaza 939, 1427, Buenos Aires, Republica Argentina									
1348	TRB Pharma S.A.	Plaza 939/969, 1427, Autonomous City of Buenos Aires, Argentine Republic	* Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh beta lactam, chất kim tế bào và chất có hoạt tính hormon): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S-GMP	20132014 000277 20	09-04-2020	09-04-2021	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina	16
AR-009 » Laboratorios Casasco S.A.I.C » Av.Boyacá No 229/37/41/49/63/65 Terero No.250/52/60 and Bacacay No. 1843/45 - Autonomous City of Buenos Aires, Argentine Republic									
2043	Laboratorios Casasco S.A.I.C	Av.Boyacá No 229/37/41/49/63/65 Terero No.250/52/60 and Bacacay No. 1843/45 -Autonomous City of Buenos Aires, Argentine Republic.	* Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, chất kim tế bào và chất có hoạt tính hormon): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc bột, thuốc cốm; Thuốc bán rắn (Nhũ tương, gel, Pastes, Pomades, kem và mỡ); thuốc dạng dung dịch. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc không vô trùng nêu trên. * Đóng gói thứ cấp.	PIC/S-GMP	DI-2018-4699-APN-ANMAT#MS YDS and DI-2019-618-APN-ANMAT#MS YDS	01-05-2020	01-05-2022	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina	24
AT-001 » Fresenius Kabi Austria GmbH » Hafnerstraße 36, 8055 Graz, Austria									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
364	Fresenius Kabi Austria GmbH	Hafnerstraße (hoặc: Hafnerstrasse) 36, 8055 (hoặc A-8055 hoặc AT-8055) Graz, Austria	* Thuốc vô trùng (bao gồm dung dịch tiêm, dung dịch tiêm truyền, dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, nhũ tương tiêm truyền): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm tĩnh mạch (chứa hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch và nhũ tươngthuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch và nhũ tương thuốc tiêm thể tích nhỏ; nhũ tương thuốc tiêm tĩnh mạch (chứa hormon). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu; Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học, thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói: đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	INS-480166-13051970-15927486	22-04-2020	01-06-2023	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	8
AT-002 » Baxter AG » Industriestrasse 67, A- 1221 Wien, Austria									
85	Baxter AG	Industriestrasse 67, A- 1221 Wien (hoặc 1221 Vienna hoặc A-1221 Vienna), (các địa điểm SX: Benatzkygasse 2-6, 1221 Wien; Industriestrasse 20, 1221 Wien; Industriestrasse 72, 1221 Wien; Industriestrasse 131, 1221 Wien; Lange Allee 8, 1221 Wien; Lange Allee 24, 1221 Wien; Lange Allee 91, 1221 Wien; Pasettistrabe 76, 1200 Wien), Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; chế phẩm điều trị gen; thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng thuốc sinh học. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/vật lý; Sinh học.	EU-GMP	INS-480001-0233-001 (3/10)	03-09-2019	31-12-2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	6
AT-003 » Sandoz GmbH » Biochemiestraße 10, 6336 Langkampfen, Austria									
86	Sandoz GmbH	Biochemiestraße (hoặc: Biochemiestrasse) 10, 6336 Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Sản phẩm (không bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng): Bột pha tiêm Sandostatin LAR 20 mg; Bột pha tiêm Sandostatin LAR 30 mg;	EU-GMP	INS-482451-0059-001	11-07-2018	31-12-2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	6
1046	Sandoz GmbH (hoặc Sandoz GmbH - BP Schafftenau, hoặc Sandoz GmbH - Betriebsstätte/ Manufacturing Site Aseptics Drug Product Schafftenau (Aseptic DPS))	Biochemiestraße (hoặc: Biochemiestrasse hoặc Biochemiétr.) 10, 6336 (hoặc A-6336, hoặc AT-6336) Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Xuất xưởng lò: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý	EU-GMP	INS-482451-13101870-16066615	07-07-2020	31-12-2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	13
1675	Sandoz GmbH (hoặc Sandoz GmbH - BP Schafftenau, hoặc Sandoz GmbH - Betriebsstätte/ Manufacturing Site Aseptics Drug Product Schafftenau (Aseptic DPS))	Biochemiestraße (hoặc: Biochemiestrasse hoặc Biochemiétr.) 10, 6336 (hoặc A-6336, hoặc AT-6336) Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Xuất xưởng lò: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý	EU-GMP	INS-482451-14281541-16890084	22-06-2021	22-01-2024	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	19

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
AT-004 » P&G Health Austria GmbH & Co. OG (Tên cũ: Merck KGaA & Co. Werk Spittal) » Hösslgasse 20, 9800 Spittal an der Drau (hoặc Spittal/Drau), Austria									
87	P&G Health Austria GmbH & Co. OG (Tên cũ: Merck KGaA & Co. Werk Spittal)	Hösslgasse (hoặc Hoesslgasse) 20, 9800 Spittal an der Drau (hoặc Spittal/Drau), Austria	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên bao phim; viên bao đường; dạng bào chế bán rắn; viên nén; thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm; không bao gồm thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	INS-480021-0069-001 (1/10)	29-11-2018	11-09-2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	6
1453	P&G Health Austria GmbH & Co. OG (Tên cũ: Merck KGaA & Co. Werk Spittal)	Hösslgasse (hoặc Hoesslgasse) 20, 9800 Spittal an der Drau (hoặc Spittal/Drau), Austria	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén bao phim; viên nén bao đường; dạng bào chế bán rắn; viên nén; thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế trên không bao gồm thuốc cốm; bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	INS-480021-14029704-16700444 (5/10)	17-03-2021	16-12-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	17
AT-005 » Sandoz GmbH » Biochemiestraße 10, 6250 Kundl, Austria									
694	Sandoz GmbH - Betriebsstätte / Manufacturing Site Biotechnology Drug Substance Kundl (BT DSK) (Cách ghi khác: Sandoz GmbH) (Cơ sở xuất xưởng)	Biochemiestrasse (hoặc Biochemiestraße) 10, 6250 (or A-6250, or AT-6250) Kundl, Austria	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	INS-481922-13101848-16065030	15-07-2020	31-12-2022	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	11
900	Sandoz GmbH - Organisationseinheit/Business Unit Anti-Infectives FDF (AI-FDF Kundl)	Biochemiestraße 10, 6250 Kundl, Austria	* Thuốc vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	INS-481921-0133-001	14-06-2018	25-10-2020	Austrian Medicines and Medical Devices Agency (AGES)	12
AT-007 » Fresenius Kabi Austria GmbH » Am Gewerbepark 6, 8402 Werndorf, Austria									
252	Fresenius Kabi Austria GmbH	Am Gewerbepark 6, 8402 Werndorf, Austria	* Thuốc sinh học: Thuốc sinh học khác: Kiểm tra cảm quan, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng thuốc Adalimumab. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	INS-482159-0048-001 (3/3)	29-05-2019	31-12-2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	7
1834	Fresenius Kabi Austria GmbH	Am Gewerbepark 6, 8402 Werndorf, Austria	* Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	INS-482159-14315223-16916785 (2/3)	01-07-2021	03-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	21
AT-008 » EBEWE Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG » Mondseestraße 11, 4866 Unterach am Attersee, Austria									
347	EBEWE Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG	Mondseestraße (hoặc Mondseestrasse) 11, 4866 (hoặc A-4866 hoặc AT-4866) Unterach am Attersee, Austria	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm test vô trùng.	EU-GMP	INS-480020-0146-001 (5/10)	01-10-2019	08-07-2022	Federal Office for Safety in Health Care (Bundesamt für Sicherheit im Gesundheitswesen), Austria	8
AT-009 » Fresenius Kabi Austria GmbH » Estermannstraße 17, 4020 Linz, Austria									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
695	Fresenius Kabi Austria GmbH	Estermannstraße 17, 4020 Linz, Austria	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng: thuốc không vô trùng; thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	INS-480019-0065-001 (1/15)	24-09-2018	31-12-2021	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	11
1835	Fresenius Kabi Austria GmbH	Estermannstraße 17, 4020 Linz, Austria	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. + Xuất xưởng: thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh / (không vô trùng): Hóa học / Vật lý	EU-GMP	INS-480019-100447864-17329828 (6/10)	25-01-2022	15-07-2024	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	21
AT-010 » Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H » Oberlaaerstraße 235, 1100 Wien, Austria									
596	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H	Oberlaaerstraße 235, 1100 Wien, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm từ máu; Sản phẩm miễn dịch; Chế phẩm phân đoạn (intermediates out of fractionation)	EU-GMP	INS-480018-0072-001 (21/40)	08-05-2019	31-12-2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	10
AT-011 » EVER Neuro Pharma GmbH » Oberburgau 3, 4866 Unterach am Attersee, Austria									
696	EVER Neuro Pharma GmbH	Oberburgau 3, 4866 Unterach am Attersee, Austria	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng. * Sản xuất API vô trùng: Cerebrolysin.	EU-GMP	INS-482197-0052-001 (2/2)	08-02-2019	31-12-2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	11
AT-012 » Croma-Pharma GmbH » Industriezeile 6, 2100 Leobendorf, Austria									
901	Croma-Pharma GmbH	Industriezeile 6, 2100 Leobendorf, Austria	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn (vials chứa hyaluronic acid đậm đặc dạng gel; syringes chứa hyaruronic acid hoặc HPMC đậm đặc dạng gel).	EU-GMP	INS-483066-13178664-16027988	29-11-2018	31-12-2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	12
AT-013 » Pharmazeutische Fabrik Montavit GmbH » Salzbergstrasse 96, 6067 Absam, Austria									
1902	Pharmazeutische Fabrik Montavit GmbH	Salzbergstraße 96 (hoặc 96 AT), 6067 Absam, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dạng lỏng dùng ngoài (dung dịch; nhũ dịch); thuốc dạng lỏng dùng trong (siro; dung dịch uống); các thuốc dạng rắn khác (thuốc bột; thuốc cốm); thuốc bán rắn; thuốc đặt; viên nén; thuốc trướng; kem/nhũ tương chứa hormon (trừ hormon sinh dục có tác dụng tránh thai). + Xuất xưởng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng ở trên. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	INS-480347-100172608-17028519	21-10-2021	24-06-2024	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	22
AT-014 » Gebro Pharma GmbH » Bahnhofbichl 13, 6391 Fieberbrunn, Austria									
1158	Gebro Pharma GmbH	Bahnhofbichl 13, 6391 Fieberbrunn, Austria	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường; Thuốc bán rắn (thuốc mỡ); Thuốc dạng xịt. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường; Thuốc bán rắn (thuốc mỡ); Thuốc dạng xịt. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	INS-480114-13171743-16024502	15-06-2020	05-03-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	14
AT-016 » Sanochemia Pharmazeutika AG Werk 2 » Landeggersstrabe 33, 2491 Neufeld an der Leitha, Austria									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1159	Sanochemia Pharmazeutika AG Werk 2	Landeggersstrabe 33, 2491 Neufeld an der Leitha, Austria	* Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	INS-481987-0032-001 (14/20)	22-02-2018	01-12-2019	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	14
AT-017 » Sandoz GmbH - Betriebsstätte / Manufacturing Site Anti Infectives & Chemical Operations FDF Kundl (AICO FDF Kundl) » Biochemiestraße 10, Kundl, 6250, Austria									
1234	Sandoz GmbH - Betriebsstätte / Manufacturing Site Anti Infectives & Chemical Operations FDF Kundl (AICO FDF Kundl) (Cách ghi khác: Sandoz GmbH)	Biochemiestraße 10, 6250 Kundl, Austria	Sản xuất thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Penicillins: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc cốm. + Xuất xưởng lọ. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	INS-481921-13293047-16140348	03-08-2020	07-01-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	15
2044	Sandoz GmbH - Betriebsstätte / Manufacturing Site Anti Infectives & Chemical Operations FDF Kundl (AICO FDF Kundl)	Biochemiestraße 10, 6250 Kundl, Austria	Sản xuất thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Penicillins: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc cốm. + Xuất xưởng lọ. * Đóng gói sơ cấp 1: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	INS-481921-14002598-16716498	09-12-2020	09-12-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	24
AT-018 » F.Trenka Chemisch-Pharmazeutische Fabrik GmbH » Prinz Eugen-Straße 70, 1040 Wien, Austria									
1349	F.Trenka Chemisch-Pharmazeutische Fabrik GmbH	Prinz Eugen-Straße 70, 1040 Wien, Austria	Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	EU-GMP	INS-480117-0025-001 (2/5)	19-06-2019	04-09-2020	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	16
1454	F.Trenka Chemisch-Pharmazeutische Fabrik Gesellschaft m.b.H (cách ghi khác: F.Trenka Chemisch-Pharmazeutische Fabrik GmbH)	Prinz Eugen-Straße 70, 1040 Wien, Austria	Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	EU-GMP	INS-480117-13381552-16263817	09-09-2020	08-07-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	17
AT-020 » Takeda Austria GmbH » St. Peter-Straß 25, 4020 Linz, Austria									
1568	Takeda Austria GmbH	St. Peter-Straße 25, 4020 Linz, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (tiêm) + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (tiêm), dạng rắn, dạng cấy ghép * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng * Thuốc sinh học: sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật	EU-GMP	INS-480050-0114-001 (1/8)	02-03-2018	01-03-2019	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	18
1783	Takeda Austria GmbH	Sankt- Peter-Straße 25, 4020 Linz, Austria (cách ghi khác: St. Peter-Straße 25, 4020 Linz, Austria)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (tiêm) + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (tiêm), dạng rắn, dạng cấy ghép * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng * Thuốc sinh học: sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật	EU-GMP	INS-480050-100099379-16999846 (3/10)	12-08-2021	12-01-2024	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	20

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
AT-022 » Fereva Unterach GmbH » Mondseestraße 11, 4866 Unterach am Attersee, Austria									
2107	Fareva Unterach GmbH	Mondseestraße 11, 4866 Unterach am Attersee, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng lỏng thể tích nhỏ (độc tế bào/ kim tế bào) + Thuốc tiết trùng cuối: dạng lỏng thể tích nhỏ (độc tế bào/ kim tế bào) + Chứng nhận lô * Thuốc sinh học: sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật * Đóng gói thứ cấp <i>* Kiểm tra chất lượng: Vô sinh (thuốc không vô trùng) / L / Bào / Sinh</i>	EU-GMP	INS-484064-101127916-17654342 (4/10)	03-08-2022	31-05-2025	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	25
AU-001 » Hospira Australia Pty Ltd » Lexia Place, Mulgrave Vic 3170, Australia									
902	Hospira Australia Pty Ltd	Địa chỉ sản xuất: 1-5, 7-23 and 25-39 Lexia Place, Mulgrave Vic 3170, Australia. Địa chỉ bảo quản: 2-10 Lexia Place Mulgrave Vic 3170, Australia.	* Thuốc vô trùng: thuốc tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); thuốc hít. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng và không vô trùng.	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-02722-1	03-04-2020	30-11-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	12
1784	Hospira Australia Pty Ltd	Địa chỉ sản xuất: 1-5, 7-23 and 25-39 Lexia Place, Mulgrave Vic 3170, Australia. Địa chỉ bảo quản: 2-10 Lexia Place Mulgrave Vic 3170, Australia.	* Thuốc vô trùng: thuốc tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); thuốc hít. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng và không vô trùng.	Tương đương EU-GMP	MI-2021-LI-12456-1	22-11-2021	09-09-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	20
AU-002 » Phebra Pty Ltd » 19 Orion Road , Lane Cove NSW 2066 Australia									
88	Phebra Pty Ltd	19 Orion Road , Lane Cove NSW 2066 Australia	* Sản xuất (không bao gồm Thử nghiệm): + Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc tiêm * Đóng gói thứ cấp: thuốc không vô trùng: thuốc dạng rắn phân liều, thuốc bột hít, thuốc bột pha tiêm, viên nang mềm. * Xuất xưởng: thuốc dạng rắn , bột tiêm, viên nang mềm.	Tương đương EU-GMP	MI-2018-LI-03655-1		01-03-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	6
1350	Phebra Pty Ltd	17-19 Orion Road , Lane Cove NSW 2066 Australia	* Sản xuất (không bao gồm Thử nghiệm): + Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc tiêm * Đóng gói thứ cấp: thuốc không vô trùng: thuốc dạng rắn phân liều, thuốc bột hít, thuốc bột pha tiêm, viên nang mềm. * Xuất xưởng: thuốc dạng rắn, thuốc bột pha tiêm, viên nang mềm, thuốc bột hít	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-03508-1	24-04-2020	01-03-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	16
AU-003 » Sphere Healthcare Pty Ltd » 10-12 Church Road MOOREBANK NSW 2170, Australia									
253	Sphere Healthcare Pty Ltd	10-12 Church Road MOOREBANK NSW 2170, Australia	1. Sản xuất thuốc: * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên bao; thuốc bột; thuốc cổm; viên nang mềm; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ; gel); thuốc uống dạng lỏng; tinh dầu và dịch chiết được liệu. 2. Đóng gói, dán nhãn, kiểm nghiệm, xuất xưởng: viên ngậm (pastilles).	Tương đương EU-GMP	MI-2019-LI-08961-1	07-08-2019	15-06-2021	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	7
AU-004 » AstraZeneca Pty Ltd » 10-14 Khartoum Road, NORTH RYDE, NSW 2113, Australia									
89	AstraZeneca Pty Ltd	10-14 Khartoum Road, NORTH RYDE, NSW 2113, Australia	* Thuốc vô trùng: Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Tương đương EU-GMP	MI-2018-LI-10042-1	27-08-2018	23-06-2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	6
597	AstraZeneca Pty Ltd	10-14 Khartoum Road, NORTH RYDE, NSW 2113, Australia	* Thuốc vô trùng: Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-04069-1	23-04-2020	07-09-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	10
1569	AstraZeneca Pty Ltd	10-14 Khartoum Road, NORTH RYDE, NSW 2113, Australia	* Thuốc vô trùng: Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Tương đương EU-GMP	MI-2021-LI-04434-1	05-05-2021	05-06-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	18

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
AU-005 » Lipa Pharmaceuticals Ltd » 21 Reaghs Farm Road, MINTO NSW 2566, Australia									
697	Lipa Pharmaceuticals Ltd	21 Reaghs Farm Road, MINTO NSW 2566, Australia	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillins, Cephalosporins, hóc môn, steroids (trừ prednisone, prednisolone) và thuốc chống ung thư: Thuốc dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc cổm; bột; viên nang mềm; viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-05846-1	02-06-2020	11-04-2022	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	11
1903	Lipa Pharmaceuticals Ltd	21 Reaghs Farm Road, MINTO NSW 2566, Australia	Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillins, Cephalosporins, hormon, steroids (trừ prednisone, prednisolone) và thuốc chống ung thư: Thuốc dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc rắn phân liều (viên nén, viên bao, viên nang cứng); thuốc cổm; bột; viên nang mềm.	Tương đương EU-GMP	MI-2022-LI-00934-1	28-01-2022	21-01-2024	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	22
AU-006 » GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd » 1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia									
598	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormon, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bơm/thổi (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm; thuốc nước uống.	Tương đương EU-GMP	MI-2015-LI-12213-1	27-02-2018	12-10-2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	10
1047	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormon, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bơm/thổi (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm; thuốc nước uống.	Tương đương EU-GMP	MI-2019-LI-03659-1	04-04-2019	04-05-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	13
1455	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormon, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bơm/thổi (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm; thuốc nước uống.	Tương đương EU-GMP	MI-2021-LI-01097-1	08-02-2021	27-08-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	17
2108	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam: * Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng bơm/thổi (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc nước uống. * Đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng * Việc sản xuất đối với vắc xin Rotarix chỉ bao gồm các công đoạn hỗn, đóng, đóng gói và dán nhãn.	Tương đương EU-GMP	MI-2022-LI-08116-1	25-07-2022	25-05-2025	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	25
AU-007 » Pfizer (Perth) Pty Ltd » 15 Brodie Hall Drive Technology Park, Bentley WA 6102, Australia									
903	Pfizer (Perth) Pty Ltd	15 Brodie Hall Drive Technology Park, Bentley WA 6102, Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin: * Thuốc vô trùng: Dung dịch tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); dung dịch tiêm truyền; dung dịch hít; dung dịch rửa vết thương; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch uống; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ).	Tương đương EU-GMP	MI-2019-LI-12128-1	12-11-2019	14-12-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	12
1836	Pfizer (Perth) Pty Ltd	15 Brodie Hall Drive Technology Park, Bentley WA 6102, Australia (* Cách ghi khác: Technology Park, 15 Brodie Hall Drive, Bentley WA 6102, Australia)	* Thuốc vô trùng: Dung dịch tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); dung dịch tiêm truyền; dung dịch hít; dung dịch rửa vết thương; Dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch uống; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ).	Tương đương EU-GMP	MI-2021-LI-13150-1	08-12-2021	12-02-2024	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	21
AU-008 » Probiotec Pharma Pty Limited » 83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia									
254	Probiotec Pharma Pty Limited	83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotions); thuốc dạng bán rắn (kem, gel, thuốc mỡ); viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; thuốc bột; thuốc cổm. * Kiểm tra chất lượng, dán nhãn, đóng gói, xuất xưởng viên nang mềm. * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm kiểm tra vi sinh.	Tương đương EU-GMP	MI-2018-LI-11818-1	24-10-2018	15-03-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	7
392	Probiotec Pharma Pty Limited	83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotions); thuốc dạng bán rắn (kem, gel, thuốc mỡ); viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; thuốc bột; thuốc cổm. * Kiểm tra chất lượng, dán nhãn, đóng gói, xuất xưởng viên nang mềm. * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm kiểm tra vi sinh.	PIC/S-GMP	MI-2018-LI-11818-1	24-10-2018	15-03-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1160	Probiotec Pharma Pty Limited	83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotions); thuốc dạng bán rắn (kem, gel, thuốc mỡ); viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; thuốc bột; thuốc cốm. * Kiểm tra chất lượng, dán nhãn, đóng gói, xuất xưởng viên nang mềm. * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm kiểm tra vi sinh.	PIC/S-GMP (tương đương EU-GMP)	MI-2020-LI-13285-1	29-01-2021	20-11-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	14
AU-009 » Contract manufacturing & Packgaking Services Pty Ltd » 20-22 Long Street, Smithfield NSW, 2164, Australia									
599	Contract manufacturing & Packaging Services Pty Ltd	20-24 Long Street, Smithfield NSW, 2164, Australia (Địa chỉ cũ: 20-22 Long Street, Smithfield NSW, 2164, Australia)	* Thuốc không vô trùng (chứa dược liệu, vitamin, chất khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng) (không bao gồm các thử nghiệm vi sinh): viên nén bao phim; viên nang mềm; viên nang cứng; thuốc kem, thuốc mỡ, gel.	Tương đương EU-GMP	MI-2018-LI-04661-1	19-06-2019	01-02-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	10
AU-010 » Catalent Australia Pty Ltd » 217-221 Governor Road, Braeside Vic 3195, Australia									
255	Catalent Australia Pty Ltd	217-221 Governor Road, Braeside Vic 3195, Australia	* Thuốc không vô trùng (không chứa penicillin, cephalosporin, hormon, steroid, antineoplastic): viên nang mềm; viên nén bao phim; viên nang cứng. * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm kiểm tra vi sinh	EU-GMP	MI -2018-LI-09353-1	28-06-2019	29-11-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	7
1785	Catalent Australia Pty Ltd	217-221 Governor Road, Braeside Vic 3195, Australia	* Thuốc không vô trùng (không chứa penicillin, cephalosporin, hormon, steroid, antineoplastic): viên nang mềm; viên nén bao phim; viên nang cứng. * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm kiểm tra vi sinh	PIC/S-GMP (Tương đương EU-GMP)	MI -2021-LI-04948-1	26-05-2021	18-09-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	20
AU-011 » Aspen Pharma Pty Ltd » 286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia									
336	Aspen Pharma Pty Ltd	286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc cốm; thuốc bột; thuốc kem; thuốc phun mù; thuốc súc miệng; dung dịch dùng ngoài; thuốc mỡ, bột nhào.	Tương đương EU-GMP	MI-2017-LI-03557-1	29-01-2018	22-09-2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	8
1235	Aspen Pharma Pty Ltd	286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc cốm; thuốc bột; thuốc kem; thuốc phun mù; thuốc súc miệng; dung dịch dùng ngoài; thuốc mỡ, bột nhào.	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-02666-1	23-03-2020	28-06-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	15
2109	Aspen Pharma Pty Ltd	286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc cốm; thuốc bột; thuốc kem; thuốc phun mù; thuốc súc miệng; dung dịch dùng ngoài; thuốc mỡ, bột nhào.	Australia-GMP (tương đương EU GMP)	MI-2022-LI-09770-1	25-08-2022	17-06-2024	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	25
AU-012 » GlaxoSmithKline Consumer Healthcare Australia Pty Ltd » 82 Hughes Avenue Ermington NSW 2115, Australia									
698	GlaxoSmithKline Consumer Healthcare Australia Pty Ltd	82 Hughes Avenue Ermington NSW 2115, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén sủi); thuốc dạng lỏng; thuốc bột (không bao gồm đóng gói và dán nhãn); thuốc đặt; thuốc kem.	PIC/S-GMP (tương đương EU-GMP)	MI-2019-LI-02914-1	29-11-2019	30-06-2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	11
AU-014 » Mega Lifesciences (Australia) Pty Ltd » 60 National Avenue, Pakenham VIC 3810, Australia									
1236	Mega Lifesciences (Australia) Pty Ltd	60 National Avenue, Pakenham VIC 3810, Australia	* Thuốc không vô trùng (Chỉ sản xuất, không kiểm tra chất lượng): Viên nang cứng chứa L-Arginine; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén; * Thuốc không vô trùng (Đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng): Viên nang mềm. (Đối với thuốc kích thích, chỉ được sản xuất thuốc uống dạng rắn chứa cafein; Đối với thuốc thông đại tràng (colonic evacuation), chỉ được sản xuất thuốc bột chứa macrogol, picosulphate hoặc sodium sulphate; Không được sản xuất thuốc sinh học, thuốc chứa Penicillin, Cephalosporin, hormon, steroid hoặc thuốc ung thư).	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-01077-1	06-02-2020	27-09-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1676	Mega Lifesciences (Australia) Pty Ltd	60 National Avenue, Pakenham VIC 3810, Australia	* Thuốc không vô trùng (Chỉ sản xuất, không kiểm tra chất lượng): Viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén; * Thuốc không vô trùng (Đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng): Viên nang mềm. * Kiểm tra chất lượng: Vật lý.	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-05942-1	03-06-2020	24-04-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	19
AU-015 » Australian Nuclear Science and Technology Organisation T/A ANSTO » Building 23, New Illawarra Road, LUCAS HEIGHTS NSW 2234, Australia									
1456	Australian Nuclear Science and Technology Organisation T/A ANSTO	Building 23, New Illawarra Road, LUCAS HEIGHTS NSW 2234, Australia	Sản xuất thuốc phóng xạ và chất phóng xạ: * Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng. * Nguyên liệu API vô trùng và không vô trùng.	tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-13226-1	14-01-2021	06-03-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	17
AU-017 » Medical Developments International Limited » Building 8 & 10, 56 Smith Road, Springvale VIC 3171, Australia									
1570	Medical Developments International Limited	Building 8 & 10, 56 Smith Road, Springvale VIC 3171, Australia	* Sản xuất API: Methoxyflurane dạng lỏng. * Sản xuất, đóng gói thứ cấp: Thuốc hít chứa Methoxyflurane. * Không có hoạt động kiểm nghiệm.	Tương đương EU-GMP	MI-2021-LI-00946-1	29-01-2021	12-10-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	18
AU-018 » Medical Developments International Limited » 4 Caribbean Drive, Scoresby VIC 3179, Australia									
1571	Medical Developments International Limited	4 Caribbean Drive, Scoresby VIC 3179, Australia	* Sản xuất API: Methoxyflurane dạng lỏng. * Sản xuất, đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: Thuốc hít chứa Methoxyflurane. * Không có hoạt động kiểm nghiệm.	Tương đương EU-GMP	MI-2021-LI-00947-1	29-01-2021	12-10-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	18
BD-001 » Orion Pharma Ltd » 153- 154, Tejgaon Industrial Area, Dhaka-1208, Bangladesh									
90	Orion Pharma Ltd	153- 154, Tejgaon Industrial Area, Dhaka-1208, Bangladesh	Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên bao phim; viên nang cứng; syro dung dịch, hỗn dịch, nhũ tương, thuốc nhỏ giọt nhi khoa, Bột pha hỗn dịch, thuốc kem, mỡ thuốc bột pha tiêm	WHO-GMP	DA/6-61/02/6694	18-03-2018	18-03-2020	Drug Administration Bangladesh	6
BD-003 » Incepta Pharmaceuticals Limited » Dewan Idris Road, Bara Rangamatia, Zirabo, Ashulia, Savar, Dhaka-1341, Bangladesh									
473	Incepta Pharmaceuticals Limited	Dewan Idris Road, Bara Rangamala, Zirabo, Ashulia, Savar, Dhaka-1341, Bangladesh (Cách viết khác: Dewan Idris Road, Bara Rangamatia, Zirabo, Ashulia, Savar, Dhaka, Bangladesh / Dewan Idris Road, Bara Rangamatia, Zirabo, Savar, Dhaka, Bangladesh)	* Thuốc tiêm - IV,IM,SC; thuốc đông khô, thuốc bột pha tiêm; thuốc tiêm truyền tĩnh mạch. * Viên nén: viên nén bao, viên nén không bao, viên nén giải phóng chậm, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén sủi, viên nén phân tán, viên nén đặt. * Viên nang: viên nang cứng, viên nang chứa dạng chất lỏng. * Thuốc bột, thuốc cốm bao, thuốc uống nhỏ giọt, bột pha thuốc uống nhỏ giọt, thuốc nhỏ mũi, thuốc xịt mũi, si rô, dung dịch uống, nhũ dịch uống, bột pha hỗn dịch uống, Elixir, thuốc bột hít.	WHO-GMP	DA/6-91/04/5435	05-08-2019	05-08-2021	Directorate General of Drug Administration & Licensing Authority (Drugs), Government of the People's Republic of Bangladesh	9
474	Incepta Pharmaceuticals Limited - Zirabo Plant	Dewan Idris Road, Bara Rangamala, Zirabo, Savar, Dhaka, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 35139 Insp GMP 35139/9035 04-0003	28-09-2017	31-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2045	Incepta Pharmaceuticals Limited	Dewan Idris Road, Bara Rangamatia, Zirabo, Ashulia, Savar, Dhaka-1341, Bangladesh	* Thuốc tiêm: thuốc tiêm đông khô, thuốc bột pha tiêm, thuốc tiêm truyền tĩnh mạch. * Viên nén: viên nén bao, viên nén không bao, viên nén giải phóng chậm, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén sủi, viên nén phân tán, viên nén đặt. * Viên nang: viên nang cứng, viên nang chứa dạng chất lỏng. * Thuốc bột, thuốc cốt bao, thuốc uống nhỏ giọt, bột pha thuốc uống nhỏ giọt, thuốc nhỏ mũi, thuốc xịt mũi, si rô, dung dịch uống, nhũ dịch uống, bột pha hỗn dịch uống, Elixir, thuốc bột hít. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: thuốc viên nén, viên nang, thuốc bột pha hỗn dịch, thuốc tiêm bột.	WHO-GMP	DA/6-91/04/1459 9	30-08-2022	30-08-2024	Directorate General of Drug Administration & Licensing Authority (Drugs), Government of the People's Republic of Bangladesh	24
2046	Incepta Pharmaceuticals Limited - Zirabo Plant	Dewan Idris Road, Bara Rangamala, Zirabo, Savar, Dhaka, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 35139 Insp GMP 35139/9035 04-0003	28-09-2017	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	24
BD-004 » Square Pharmaceuticals Ltd » Square Road, Salgaria, Pabna, Bangladesh									
600	Square Pharmaceuticals Ltd	Square Road, Salgaria, Pabna, Bangladesh	* Viên nén: Viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén trần, viên nén nhai, viên nén kiểm soát giải phóng, viên nén phân tán, viên nén sủi bọt, viên nén đặt dưới lưỡi, viên nén đặt âm đạo. * Viên nang: Viên nang cứng, viên nang kiểm soát giải phóng. * Thuốc uống dạng lỏng: Siro, dung dịch, hỗn dịch, bột pha hỗn dịch, cốt pha dung dịch, cốt pha hỗn dịch, Elixir, dung dịch nhỏ giọt nhi khoa. * Thuốc dùng ngoài: kem, gel, mỡ, miếng dán, emulgel, lotion, dầu gội. * Thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi, dung dịch khí dung. * Thuốc đặt âm đạo, đặt trực tràng, thuốc xổ.	WHO-GMP	DA/6-5/99/4156	13-06-2019	13-06-2021	Directorate General of Drug Administration (DGDA) Bangladesh	10
BD-005 » Square Pharmaceuticals Ltd. (Chemicals Division) » BSCIC Industrial Estate, Hemayetpur, Pabna 6602, Bangladesh									
601	Square Pharmaceuticals Ltd. (Chemicals Division)	BSCIC Industrial Estate, Hemayetpur, Pabna 6602, Bangladesh. (Cách viết khác: BSCIC Industrial Area, Pabna - Bangladesh hoặc BSCIC Industrial Area, Pabna, Bangladesh)	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Thuốc bột pha thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicilli: Viên nén bao phim, viên nén không bao, viên nén phân tán; Viên nang cứng; Bột pha hỗn dịch uống. * Sản xuất bán thành phẩm (không chứa kháng sinh nhóm Penicillin): Pellet.	WHO-GMP	DA/6-119/07/541 6	04-08-2019	04-08-2021	Directorate General of Drug Administration & Licensing Authority (Drugs), Bangladesh	10
BD-006 » Square Pharmaceuticals Limited » Dhaka Unit, Kaliakoir, Gazipur, BD-1750, Bangladesh									
904	Square Pharmaceuticals Limited	Kaliakoir, Gazipur-1750, Bangladesh. (Cách viết khác: Kaliakoir, Gazipur, Bangladesh)	* Viên nén: Viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén không bao, viên nén phân tán, viên nén nhai, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén sủi. * Viên nang: viên nang cứng, viên nang tác dụng kéo dài, viên nang giải phóng kéo dài. * Thuốc nhỏ mắt. * Thuốc xịt định liều. * Bơm tiêm đóng sẵn. * Thuốc tiêm truyền dạng lỏng thể tích lớn. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; Viên nang.	WHO-GMP	DA/6-5/99/6218	04-09-2019	04-09-2021	Directorate General of Drug Administration & Licensing Authority (Drugs), Government of the People's Republic of Bangladesh	12
905	Square Pharmaceuticals Limited	Dhaka Unit, Kaliakoir, Gazipur, BD-1750, Bangladesh. (Cách viết khác: Dhaka Unit, Kaliakoir, Gazipur- 1750 - Bangladesh / Kaliakoir, Gazipur-1750, Bangladesh)	Sản xuất tại Formulation Unit 1 (FU1), the Oral Solid Dosage Form Facility: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 29943 Insp GMP 29943/3094 03-0006	21-04-2020	27-01-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	12
BD-007 » Aristopharma Ltd. » Plot # 14-22, Road # 11 & 12, Shampur-Kadamtali I/A, Dhaka-1204, Bangladesh									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
906	Aristopharma Ltd.	Plot 14-22, Road # 11 & 12, Shampur-Kadamtali I/A, Dhaka-1204, Bangladesh	* Viên nén: viên bao tan trong ruột, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén, viên nén nhai, viên nén bẻ được, viên nén giải phóng có kiểm soát, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén giải phóng biến đổi, viên nén giải phóng duy trì, viên nén giải phóng hẹn giờ, viên nén phân tán trong miệng. * Viên nang: viên nang cứng, viên nang bao tan trong ruột, viên nang giải phóng có kiểm soát, viên nang giải phóng duy trì, viên nang giải phóng biến đổi. * Sirô; hỗn dịch; thuốc uống nhỏ giọt; thuốc nhỏ mũi; dung dịch uống; gel uống; bột pha hỗn dịch; cốm pha hỗn dịch. * Thuốc kem; thuốc mỡ; lotion; gel; thuốc nhỏ tai * Thuốc tiêm vô trùng (dung dịch tiêm, bột khô pha tiêm; thuốc đông khô pha tiêm; bơm tiêm đóng sẵn; Insulin tiêm; thuốc tiêm truyền. * Thuốc mắt vô trùng: thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt & mũi, gel tra mắt, mỡ tra mắt, nhũ dịch nhỏ mắt, dung dịch nhỏ mắt, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc hít dạng phân liều: thuốc xịt dưới lưỡi, thuốc xịt mũi phân liều. * Thuốc đạn.	WHO-GMP	DA/6-34/96/8197	28-10-2019	28-10-2021	Ministry of Health & Family Welfare Bangladesh	12
1904	Aristopharma Ltd.	Plot 14-22, Road # 11 & 12, Shampur-Kadamtali I/A, Dhaka-1204, Bangladesh	* Viên nén: viên bao tan trong ruột, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén, viên nén nhai, viên nén bẻ được, viên nén giải phóng có kiểm soát, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén giải phóng biến đổi, viên nén giải phóng duy trì, viên nén giải phóng hẹn giờ, viên nén phân tán trong miệng. * Viên nang: viên nang cứng, viên nang bao tan trong ruột, viên nang giải phóng có kiểm soát, viên nang giải phóng duy trì, viên nang giải phóng biến đổi. * Sirô; hỗn dịch; thuốc uống nhỏ giọt; thuốc nhỏ mũi; xịt mũi; dung dịch uống; gel uống; bột pha hỗn dịch; cốm pha hỗn dịch. * Thuốc kem; thuốc mỡ; lotion; gel; thuốc nhỏ tai; dung dịch. * Thuốc tiêm vô trùng (dung dịch tiêm, bột khô pha tiêm; thuốc đông khô pha tiêm; bơm tiêm đóng sẵn; Insulin tiêm; thuốc tiêm truyền). * Thuốc mắt vô trùng: thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt & mũi, gel tra mắt, mỡ tra mắt, nhũ dịch nhỏ mắt, dung dịch nhỏ mắt, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc hít dạng phân liều: thuốc xịt dưới lưỡi, thuốc xịt mũi phân liều. * Thuốc đạn.	WHO-GMP	DA/6-34/96/20731	14-10-2021	21-11-2022	Directorate General of Drug Administration, Bangladesh	22
BD-008 » The Acme Laboratories Limited » Dhulivita, Dhamrai, Dhaka, Bangladesh									
1237	The Acme Laboratories Limited	Dhulivita, Dhamrai, Dhaka, Bangladesh	Viên nén (trần, bao, phân tán, nhai, kiểm soát giải phóng, tan trong miệng, dưới lưỡi, đặt) bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin; viên nang (gelatin cứng, gelatin mềm, giải phóng biến đổi) bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin; Siro, dung dịch uống, hỗn dịch uống, nhũ dịch uống, bột pha hỗn dịch uống, bột pha dung dịch uống, gel uống, kem, mỡ, gel dùng ngoài, lotion dùng ngoài, viên đặt; Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ.	WHO-GMP	DA/6-18/99/7351	24-09-2020	24-09-2022	Directorate general of Drug Administration, Bangladesh	15
1238	The Acme Laboratories Limited	Dhulivita, Dhamrai, Dhaka, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng, hóa học/ vật lý.	EU-GMP	UK GMP 44338 Insp GMP 44338/1186 8716-0002	29-01-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	15
BD-011 » ARISTOPHARMA LTD. » Gachha, Gazipur Sadar, Gazipur, Bangladesh									
1457	ARISTOPHARMA LTD.	Gachha, Gazipur Sadar, Gazipur, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc bột pha hỗn dịch. * Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Dung dịch nhỏ mắt; Hỗn dịch nhỏ mắt.	WHO-GMP	DGDA/6-209/2016/6351	02-09-2020	02-09-2022	Directorate General of Drug Administration & Licensing Authority (Drugs), Government of the People's Republic of Bangladesh	17
BE-001 » Schering - Plough Labo NV (N.V) » Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium									
78	Schering - Plough Labo NV (N.V)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium (Cách ghi khác: Industriepark 30, B- 2220, Heist-op-den-Berg, Belgium)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hỗn dịch xịt mũi); thuốc bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ); viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế trên bao gồm cả viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp (bao gồm cả sản phẩm: viên nang cứng Temodal (Temozolomide 5mg; 20mg; 100mg; 140mg; 180mg; 250mg), tên tại Việt Nam: Temodal Capsule).	EU-GMP	BE/GMP/2018/125	09-09-2021	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	5

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
256	Schering - Plough Labo NV (N.V)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium (Cách ghi khác: Industriepark 30, B- 2220, Heist-op-den-Berg, Belgium)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch/ hỗn dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô * Chứng nhận lô thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	BE/GMP/2019/050	02-02-2021	07-06-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	7
BE-002 » Janssen Pharmaceutica NV » Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium									
91	Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340), Belgium	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc lỏng dùng ngoài (dung dịch, hỗn dịch), thuốc lỏng uống (dung dịch, siro, hỗn dịch), thuốc bán rắn (kem, mỡ), miếng dán qua da. + Xuất xưởng * Đóng gói sơ cấp (Thuốc lỏng dùng ngoài (dung dịch, hỗn dịch), thuốc lỏng uống (dung dịch, siro, hỗn dịch), thuốc bán rắn (kem, mỡ), miếng dán qua da), đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	BE/GMP/2017/007	28-04-2017	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	6
92	Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340, Beerse), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; hỗn dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; dung dịch thuốc nhỏ mắt. + Xuất xưởng. * Đóng gói thứ cấp * Dược chất vô trùng: Paliperidone Palmitate.	EU-GMP	BE/GMP/2017/124	04-12-2019	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	6
BE-003 » Alcon-Couvreur NV » Rijksweg 14, Puurs, 2870, Belgium									
93	Alcon-Couvreur NV Cách ghi khác: S.A. Alcon-Couvreur N.V. hoặc SA. Alcon-Couvreur NV	Rijksweg 14, Puurs, 2870 (hoặc B-2870), Belgium	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ tra mắt); thuốc nhỏ mắt (dung dịch, hỗn dịch) (bao gồm Prostaglandin). * Chứng nhận xuất xưởng: Thuốc vô trùng và Thuốc sinh học. * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	BE/GMP/2018/132	12-02-2019	31-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	6
1161	Alcon-Couvreur NV Cách ghi khác: S.A. Alcon-Couvreur N.V. hoặc SA. Alcon-Couvreur NV	Rijksweg 14, Puurs, 2870 (hoặc B-2870), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ: Thuốc nhỏ mắt (dung dịch, hỗn dịch). * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học (chỉ pha chế và đóng lọ) * Chứng nhận xuất xưởng: Thuốc vô trùng và Thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2019/025	17-06-2019	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	14
2110	Alcon-Couvreur NV Cách ghi khác: S.A. Alcon-Couvreur N.V. hoặc SA. Alcon-Couvreur NV	Rijksweg 14, Puurs, 2870 (hoặc B-2870), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ: Thuốc nhỏ mắt (dung dịch, hỗn dịch). * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học (chỉ pha chế và đóng lọ) * Chứng nhận xuất xưởng: Thuốc vô trùng và Thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2021/065	25-08-2022	29-04-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	25
BE-004 » S.M.B. Technology SA » Zoning Industriel - Rue du Parc industriel 39, Marche-en-Famenne, 6900, Belgium									
398	S.M.B Technology SA (cách ghi khác: SMB Technology S.A.)	Zoning Industriel - Rue du Parc industriel 39, Marche-en-Famenne, 6900, Belgium (cách ghi khác: Rue du Parc Industriel 39 - 6900 Marche-en-Famenne-Belgium).	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao; viên nén súi.	EU-GMP	BE/GMP/2018/036	22-05-2018	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1837	S.M.B Technology SA (cách ghi khác: SMB Technology S.A.)	Zoning Industriel - Rue du Parc industriel 39, Marche-en-Famenne, 6900, Belgium (cách ghi khác: Rue du Parc Industriel 39 - 6900 Marche-en-Famenne-Belgium).	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén; viên nén bao; viên nén sủi	EU-GMP	BE/GMP/2021/067	01-10-2021	21-04-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	21
BE-005 » Catalent Belgium SA » Font Saint Landry 10, Bruxelles, 1120, Belgium									
257	Catalent Belgium SA	Font Saint Landry 10, Bruxelles, 1120, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	BE/GMP/2017/044	10-07-2017	06-04-2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	7
480	Catalent Belgium SA	Font Saint Landry 10, Bruxelles, 1120, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	BE/GMP/2020/003	31-03-2020	20-01-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	9
BE-006 » Besins Manufacturing Belgium SA » Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium									
258	Besins Manufacturing Belgium SA (Cách ghi khác: Besins Manufacturing Belgium)	Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium	* Thuốc không vô trùng: + Dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel) chứa hormon; + Chứng nhận xuất xưởng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm chứa hormon; Thuốc bán rắn chứa hormon. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý.	EU-GMP	BE/GMP/2019/095	14-01-2020	12-11-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	7
BE-007 » Pfizer Manufacturing Belgium NV » Rijksweg 12, Puurs, 2870, Belgium									
592	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Rijksweg 12, Puurs, 2870, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon); dung dịch thể tích nhỏ, hỗn dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, * Sản phẩm sinh học: Pha chế, đóng lọ thuốc miễn dịch, thuốc công nghệ sinh học, thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật (heparin có phân tử lượng thấp) * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc miễn dịch, thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc từ người và động vật	EU-GMP	BE/GMP/2020/009	22-04-2020	29-01-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	9
1786	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Rijksweg 12, Puurs, 2870, Belgium	Đóng gói thứ cấp vắc xin	EU-GMP	BE/GMP/2021/026	16-06-2021	29-01-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	20
2111	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Rijksweg 12, Puurs, 2870, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích nhỏ. * Sản phẩm sinh học: Thuốc miễn dịch. * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc miễn dịch. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	BE/GMP/2021/099	02-12-2021	27-09-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	25
BE-008 » Centre de Recherches et de Nouvelles Applications SA » Zoning Industriel d'Heppignies Ouest, Avenue d'Heppignies, Fleurus, 6220, Belgium									
699	Centre de Recherches et de Nouvelles Applications SA (en abrégé: CRNA SA)	Zoning Industriel d'Heppignies Ouest, Avenue d'Heppignies, Fleurus, 6220, Belgium	* Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	BE/GMP/2019/079	05-12-2019	12-09-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	11
BE-009 » Baxter SA » Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
412	Baxter SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: - Dung dịch, nhũ dịch thể tích lớn; - Dung dịch, nhũ dịch thể tích nhỏ. <i>* Xuất xưởng: các dạng thuốc trên, bao gồm cả cả phẩm miễn dịch</i>	EU-GMP	BE/GMP/2018/104	19-11-2018	19-10-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	8
1572	Baxter SA (Baxter S.A/Baxter S.A.)	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium Cách ghi khác: Bd. René Branquart 80, B-7860 Lessines, Belgium hoặc: Bd René Branquart 80, B-7860 Lessines - Belgium hoặc: Boulevard René Branquart 80, B-7860 Lessines - Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: - Dung dịch, nhũ dịch thể tích lớn; - Dung dịch, nhũ dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	BE/GMP/2019/113	30-03-2020	31-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	18
2112	Baxter SA (Baxter S.A/Baxter S.A.)	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium Cách ghi khác: Bd. René Branquart 80, B-7860 Lessines, Belgium hoặc: Bd René Branquart 80, B-7860 Lessines - Belgium hoặc: Boulevard René Branquart 80, B-7860 Lessines - Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: - Dung dịch, nhũ dịch thể tích lớn; - Dung dịch, nhũ dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	BE/GMP/2020/127	16-08-2021	14-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	25
BE-010 » GlaxoSmithKline Biologicals SA » Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300, Belgium									
907	GlaxoSmithKline Biologicals SA	Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2018/153	21-03-2019	21-09-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	12
1458	GlaxoSmithKline Biologicals SA (GSK Biologicals)	Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300 (hoặc B-1300 Wavre, hoặc 1300 Wavre), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học. + Xuất xưởng thuốc sinh học. * Đóng gói thứ cấp. <i>* Kiểm tra chất lượng: sinh học (Vi sinh, Hóa học/Vật lý), Hóa học/Vật lý, công nghệ sinh học</i>	EU-GMP	BE/GMP/2019/019	24-03-2021	28-02-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	17
1838	GlaxoSmithKline Biologicals SA (GSK Biologicals)	Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300 (hoặc B-1300 Wavre, hoặc 1300 Wavre), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học. + Xuất xưởng thuốc sinh học. * Đóng gói thứ cấp. <i>* Kiểm tra chất lượng: sinh học (Vi sinh, Hóa học/Vật lý), Hóa học/Vật lý, công nghệ sinh học</i>	EU-GMP	BE/GMP/2020/092	29-01-2021	23-09-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	21
BE-011 » GlaxoSmithKline Biologicals SA » Rue de l'Institut 89, Rixensart, 1330, Belgium									
516	GlaxoSmithKline Biologicals SA	Rue de l'Institut 89, Rixensart, 1330, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2018/145	06-03-2019	09-11-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1459	GlaxoSmithKline Biologicals SA (GSK Biologicals)	Rue de l'Institut 89, Rixensart, 1330, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học. + Xuất xưởng thuốc sinh học. * Kiểm tra chất lượng: sản phẩm sinh học	EU-GMP	BE/GMP/2020/095	08-02-2021	03-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	17
BE-012 » UCB Pharma SA » Chemin du Foriest, Braine-L'Alleud, 1420, Belgium									
1573	UCB Pharma SA	Chemin du Foriest, Braine-l'Alleud, 1420, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén * Chứng nhận lô	EU-GMP	BE/GMP/2016/100	12-05-2020	09-09-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	18
BE-013 » Baxalta Belgium Manufacturing SA » Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium									
700	Baxalta Belgium Manufacturing SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium. Cách viết khác: Boulevard René Branquart 80, Lessines, B- 7860, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch. * Chứng nhận xuất xưởng lô: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch; + Sản phẩm công nghệ sinh học * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý. + Sinh học	EU-GMP	BE/GMP/2017/118	29-01-2018	31-12-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	11
1351	Baxalta Belgium Manufacturing SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium. (*Cách ghi khác: Boulevard René Branquart 80, Lessines, B- 7860, Belgium)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch. * Chứng nhận xuất xưởng lô: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch; + Sản phẩm công nghệ sinh học * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	BE/GMP/2020/105	08-03-2021	17-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	16
BE-014 » Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA » Avenue Thomas Edison 32, Thines, 1402, Belgium									
908	Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA	Avenue Thomas Edison 32, Thines, 1402, Belgium	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	BE/GMP/2017/137	03-04-2018	31-12-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	12
1985	Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA	Avenue Thomas Edison 32, Thines, 1402, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	BE/GMP/2020/104	05-03-2021	03-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	23
BE-015 » Janssen Pharmaceutica NV » Lammerdries 55, Olen, 2250 (hoặc B-2250), Belgium									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
909	Janssen Pharmaceutica NV	Lammerdries 55, Olen, 2250 (hoặc B-2250), Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng hạt. * Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: + Viên nang cứng SPORAL (Itraconazole 100mg); + Viên nang cứng giải phóng kéo dài REMINYL, 16mg (10,25 mg galanatamine hydrobromide tương đương 8mg galantamine). + Viên nang cứng giải phóng kéo dài REMINYL, 8mg (20,51 mg galanatamine hydrobromide tương đương 16mg galantamine).	EU-GMP	BE/GMP/2016/026	05-12-2019	31-12-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium.	12
1677	Janssen Pharmaceutica NV	Lammerdries 55, Olen, 2250 (hoặc B-2250), Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng hạt. * Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: + Viên nang cứng SPORAL (Itraconazole 100mg); + Viên nang cứng giải phóng kéo dài REMINYL, 16mg (10,25 mg galanatamine hydrobromide tương đương 8mg galantamine). + Viên nang cứng giải phóng kéo dài REMINYL, 8mg (20,51 mg galanatamine hydrobromide tương đương 16mg galantamine).	EU-GMP	BE/GMP/2021/011	31-03-2021	03-02-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium.	19
BE-017 » Tilman SA » Zoning Industriel Sud 15, Baillonville, 5377, Belgium									
1239	Tilman SA	Zoning Industriel Sud 15, Baillonville, 5377, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả viên nén bao phim). * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	BE/GMP/2017/066	02-03-2020	29-08-2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	15
1905	Tilman SA	Zoning Industriel Sud 15, Baillonville, 5377, Belgium Cách ghi khác: Zoning Industriel Sud 15, B-5377 Baillonville, Belgium hoặc: 15 Zoning Industriel, B5377 Baillonville - Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc từ dược liệu. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói cấp 2 * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý	EU-GMP	BE/GMP/2021/094	23-11-2021	03-09-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	22
BE-018 » Laboratoria Smeets NV » Fotografielaan 42, Wilrijk, 2610, Belgium									
1574	Laboratoria Smeets NV	Fotografielaan 42, Wilrijk, 2610, Belgium	* Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	BE/GMP/2019/116	15-04-2020	19-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	18
BG-001 » Sopharma AD » 16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria									
452	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (không bao gồm đóng gói): thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	BG/GMP/2017/106	17-10-2017	21-09-2020	Bulgarian Drug Agency	9
459	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	BG/GMP/2019/153	09-05-2019	31-12-2022	Bulgarian Drug Agency	9
602	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	BG/GMP/2020/174	14-05-2020	12-03-2023	Bulgarian Drug Agency	10
2113	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (không bao gồm đóng gói): thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	BG/GMP/2022/217	25-11-2022	07-10-2025	Bulgarian Drug Agency	25
BG-002 » Sopharma AD » Vrabvevo vlg, 5660 district of Lovech, Bulgaria									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
94	Sopharma AD	Vrabevo vlg, 5660 district of Lovech, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; dung dịch thuốc dùng ngoài, nước súc miệng, thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch) thuốc kem, gels, mỡ. * Thuốc được liệu	EU-GMP	BG/GMP/2018/116	12-02-2018	31-12-2021	Bulgarian Drug Agency	6
1906	Sopharma AD	Vrabevo vlg, 5660, district of Lovech, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; dung dịch thuốc dùng ngoài, nước súc miệng; thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch); thuốc kem, gel, mỡ. * Thuốc được liệu. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén; dung dịch thuốc dùng ngoài, nước súc miệng; thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch); thuốc kem, gel, mỡ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	BG/GMP/2021/186	27-10-2021	24-09-2024	Bulgarian Drug Agency	22
BG-003 » Balkanpharma - Razgrad AD » 68 Aprilsko vastanie Blvd., Razgrad 7200, Bulgaria									
259	Balkanpharma - Razgrad AD	68 Aprilsko vastanie Blvd., Razgrad 7200, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt)(bao gồm cả thuốc chứa hormon corticosteroid); thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon corticosteroid);viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	BG/GMP/2018/126	10-07-2018	31-12-2021	Bulgarian Drug Agency	7
1839	Balkanpharma - Razgrad AD	68 Aprilsko vastanie Blvd., Razgrad 7200, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt) (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon) * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống và dung dịch uống.	EU-GMP	BG/GMP/2021/185	15-10-2021	30-07-2024	Bulgarian Drug Agency	21
BG-004 » GE Pharmaceuticals Ltd » Industrial Zone, "Chekanitza-South" area Botevgrad, 2140 Bulgaria									
260	GE Pharmaceuticals Ltd	Industrial Zone, "Chekanitza-South" area, 2140 Botevgrad, Bulgaria	* Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (trừ test vô khuẩn); hóa học/vật lý. * Đóng gói thứ cấp sản phẩm cụ thể: + Thuốc bột đông khô pha tiêm Bortezomib Genthon (Tập tại Việt Nam: Bortezomib Biogenero)	EU-GMP	BG/GMP/2018/121	31-05-2018	31-12-2022	Bulgarian Drug Agency	7
1986	GE Pharmaceuticals Ltd	Industrial Zone, "Chekanitza-South" area, 2140 Botevgrad, Bulgaria	* Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói cấp 1: viên nang cứng; viên nén; * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; hóa học/vật lý.	EU-GMP	BG/GMP/2022/197	12-01-2022	03-12-2024	Bulgarian Drug Agency	23
BG-005 » Balkanpharma - Dupnitsa AD » 3 Samokovsko Shosse Str., Dupnitsa 2600, Bulgaria									
503	BALKANPHARMA - DUPNITSA AD	3 SAMOKOVSKO SHOSSE STR., DUPNITSA 2600, BULGARIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm	EU-GMP	BG/GMP/2019/151	19-04-2019	31-12-2022	Bulgarian Drug Agency	9
2114	BALKANPHARMA - DUPNITSA AD	3 SAMOKOVSKO SHOSSE STR., DUPNITSA 2600, BULGARIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh, lý/hóa học	EU-GMP	BG/GMP/2022/204	24-02-2022	21-01-2025	Bulgarian Drug Agency	25
BG-006 » Pharma PLC » 13, Neofit Rilski Street, 2600 Dupnitsa, Bulgaria									
400	Pharma PLC	13, Neofit Rilski Street, 2600 Dupnitsa, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: viên nén. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	BG/GMP/2016/091	08-12-2016	21-10-2019	Bulgarian Drug Agency	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1048	Pharma PLC	13, Neofit Rilski Street, 2600 Dupnitsa, Bulgaria Cách ghi khác: 13 Neofit Rilski str., 2600 Dupnitsa, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: viên nén.; viên nang cứng * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: * Vi sinh: thuốc không vô trùng. * Hóa học/Ắt lý	EU-GMP	BG/GMP/2019/166	18-11-2019	31-12-2023	Bulgarian Drug Agency	13
BG-007 » INBIOTECH LTD » 7 Sheinovo Str., Sofia 1504, Bulgaria									
454	INBIOTECH LTD	7 Sheinovo Str., Sofia 1504, Bulgaria	* Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng.	EU-GMP	BG/GMP/2019/154	09-05-2019	31-12-2023	Bulgarian Drug Agency	9
BG-008 » Chemax Pharma LTd » 8A Goritsa Str., Sofia 1618, Bulgaria									
910	Chemax Pharma LTd	8 A Goritsa Str., Sofia 1618, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; bột pha dung dịch uống; bột pha hỗn dịch uống; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Viên nén.	EU-GMP	BG/GMP/2019/150	08-04-2019	31-12-2023	Bulgarian Drug Agency, Republic of Bulgaria	12
BG-009 » Vetprom AD » 26 Otez Paisii Str., Radomir 2400, Bulgaria									
1162	Vetprom AD	26 Otez Paisii Str., Radomir 2400, Bulgaria. (Cách viết khác: 26 Otez Paissij Str., 2400 Radomir, Bulgaria)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc lỏng thể tích nhỏ (dung dịch tiêm) + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc lỏng thể tích nhỏ (dung dịch tiêm) + Chứng nhận lô * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (siro, hỗn dịch), thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel) + Chứng nhận lô * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp	EU-GMP	BG/GMP/2018/125	02-07-2018	04-05-2021	Bulgarian Drug Agency	14
1352	Vetprom AD, the Vpharma site	26 Otez Paisii Str., Radomir 2400, Bulgaria (* Cách ghi khác: 26 Otez Paisii Str., 2400 Radomir, Bulgaria)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng dung dịch; Thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ). * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	BG/GMP/2018/142	18-12-2018	21-11-2021	Bulgarian Drug Agency, Republic of Bulgaria	16
BG-011 » Balkanpharma- Troyan AD » 1 Krayrechna Str., 5600 Troyan, Bulgaria									
1163	Balkanpharma- Troyan AD	1 Krayrechna Str., 5600 Troyan, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bán rắn.	EU-GMP	BG/GMP/2019/148	01-04-2019	31-12-2022	Bulgarian Drug Agency	14
BR-001 » Novartis Biociencias S.A » AV Nossa Senhora da Assuncao, 736, Sao Paulo Sao Paulo, Brasil									
575	Novartis Biociencias S.A	AV Nossa Senhora da Assuncao, 736, Sao Paulo Sao Paulo, Brasil	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc sản xuất vô trùng.	WHO-GMP	6UA0.H7MY. OCCV.79EI.A K3T.E3YW.2 RCS.KSoU.H 019.TIJQ	02-10-2017	02-10-2019	Brazilian Health Regulatory Agency	9
603	Novartis Biociências S.A	AV Nossa Senhora da Assunção, 736, São Paulo São Paulo, Brasil (Cách viết khác: AV. Nossa Senhora da Assunção, No. 736, Butantã – CEP 05359-001, São Paulo - SP, Brasil)	* Thuốc vô trùng: dung dịch thuốc sản xuất vô trùng.	WHO-GMP	FT6S.NWTD. M6MF.7H0N .WDIX.OG76 .CLNB.MVRL .EYE2.4WOA	23-09-2019	23-09-2021	Brazilian Health Regulatory Agency	10
BR-002 » Boehringer Ingelheim do Brasil Quimica E Pharrmaceutical Ltda » Rod. Regis Bittencourt (BR116), Km 286, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, Brasil									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
911	Boehringer Ingelheim do Brasil Quimica E Pharrmaceutical Ltda	Rod. Regis Bittencourt (BR116), Km 286, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, Brasil (* Cách ghi khác: + Rod. Regis Bittencourt (BR116), Km 286,06888-700, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, Brasil + Rodovia Regis Bittencourt, Km 286, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, CEP 06888-700, Brasil)	Thuốc dạng lỏng không vô trùng: Dung dịch; dung dịch khí dung; hỗn dịch, siro.	WHO-GMP	EKTБ.N5HC.QJDP.WJ8X.4G2T.LW84.LJPN.7BRI.OTON.TXWJ	13-07-2020	13-07-2022	Brazilian Health Regulatory Agency	12
912	Boehringer Ingelheim do Brasil Quimica e Farmaceutica Ltda	Rod. Regis Bittencourt (BR116), Km 286, 06888-700, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, SP Brasil (* Cách ghi khác: + Rod. Regis Bittencourt (BR116), Km 286,06888-700, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, Brasil + Rodovia Regis Bittencourt, Km 286, Itapecerica Da Serra Sao Paulo, CEP 06888-700, Brasil)	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch, siro); thuốc xịt mũi. Sản phẩm cụ thể: dung dịch khí dung Berodual, Dexa Rhiospray	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2020_0029	25-06-2020	22-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
BY-001 » Minskintercaps U.V » Building 2, 26/3 Inzhenernaya Str., 220075 Minsk, Republic of Belarus									
15	Minskintercaps U.V	Building 2, 26/3 Inzhenernaya Str., 220075 Minsk, Republic of Belarus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nang mềm	WHO-GMP	023/2016/GMP		28-02-2020	Bộ Y tế Belarus	2
BY-002 » Belmedpreparaty Republican Unitary production Enterprise » Workshop No. 2: 30 Fabritsius St., Minsk, Republic of Belarus									
95	Belmedpreparaty Republican Unitary production Enterprise (Cách ghi khác: Republican Unitary production Enterprise “Belmedpreparaty” Tên viết tắt: Belmedpreparaty RUE)	Workshop No. 2: 30 Fabritsius St., Minsk, Republic of Belarus (Cách ghi khác: 30 Fabritsius St., Minsk, 220007, Republic of Belarus hoặc: 220007 Minsk, 30, Fabritsius Street, Belarus)	Thuốc vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; dung dịch thuốc tiêm truyền thể tích nhỏ; thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm/ dung dịch tiêm truyền.	Belarus-GMP	057/2017/GMP	11-12-2017	11-12-2020	Ministry of Health of the Republic of Belarus	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
96	Belmedpreparaty Republican Unitary production Enterprise (Cách ghi khác: Republican Unitary production Enterprise “Belmedpreparaty ” Tên viết tắt: Belmedpreparaty RUE)	Workshop No.2: 30 Fabritsius St., Minsk, Republic of Belarus (Cách ghi khác: 30 Fabritsius St., Minsk, 220007, Republic of Belarus hoặc: 220007 Minsk, 30, Fabritsius Street, Belarus)	Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ, dung dịch thuốc tiêm truyền thể tích nhỏ; thuốc bột đông khô pha tiêm.	Belarus-GMP	077/2018/GMP	07-06-2018	07-06-2021	Ministry of Health of the Republic of Belarus	6
584	Republican Unitary production Enterprise “Belmed preparaty” (Tên viết tắt: Belmedpreparaty RUE)	Workshop No. 18: Republic of Belarus, Grodno Region, Lida, 19, 19/8 Kachan Str.; Minsk 7 Betonny proezd, 3/6 Fabritsius Lane (Cách ghi khác: Workshop 18: 19/8 Kachan Str.; Lida, Grodno region, Republic of Belarus)	Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm cephalosporin và carbapenem: thuốc bột pha dung dịch tiêm/ tiêm truyền.	Belarus-GMP	123/2019/GMP	31-07-2019	31-07-2022	Ministry of Health of the Republic of Belarus	9
585	Republican Unitary Enterprise - “Belmedpreparaty ” Workshop 2 (Cách ghi khác: Republican Unitary production Enterprise “Belmedpreparaty ” Tên viết tắt: Belmedpreparaty RUE)	30 Fabritsius St., Minsk, 220007, Republic of Belarus (Cách ghi khác: 220007 Minsk, 30, Fabritsius Street, Belarus)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào, chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	030/2019/RO	09-07-2019	31-12-2022	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	9
BY-003 » Belarusian-Dutch Joint Venture "Pharmland" Limited Liability Company » 124-3, Leninskaya Street, Nesvizh, Minsk Region, 222603, Republic of Belarus									
1240	Belarusian-Dutch Joint Venture "Pharmland" Limited Liability Company	124, Leninskaya Street, Room 3, 222603 Nesvizh, Minsk Region, Republic of Belarus	* Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch tiêm truyền (dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn).	WHO-GMP	147/2020/GMP	07-08-2020	07-08-2023	Bộ Y tế nước cộng hòa Belarus	15
BY-006 » Lekpharm Joint Limited Liability Company » 2a, Minskaya St., 301, Logoysk, 223141, Minsk Region Republic of Belarus									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1575	Lekpharm Joint Limited Liability Company. (* Cách ghi khác: Joint Limited Liability Company "Lekpharm")	2a, 2a/4, Minskaya St., Logoysk, 223141, Minsk Region Republic of Belarus. (Địa chỉ sản xuất: 223141, Minsk Region, Logoysk, Minskaya Str., 2a/4; Địa chỉ kho: 223141, Minsk Region, Logoysk, Minskaya Str., 2a)	* Thuốc tiêm đóng trong ampoules: Dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền, dung dịch tiêm tĩnh mạch và (hoặc) tiêm bắp, dung dịch tiêm tùy sống	Belarus-GMP	101/2018/GMP	23-11-2018	23-11-2021	Ministry of Health of the Republic of Belarus	18
1987	Lekpharm Joint Limited Liability Company.	2a, 2a/4, Minskaya St., Logoysk, 223141, Minsk Region Republic of Belarus. (Địa chỉ sản xuất: 2a/4, Minskaya Str., Logoysk 223141, Minsk Region, Belarus; Địa chỉ kho: 2a, Minskaya Str., Logoysk 223141, Minsk Region, Belarus)	Building 2: Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc cổm, thuốc bột	Belarus-GMP	146/2020/GMP	07-08-2020	07-08-2023	Ministry of Health of the Republic of Belarus	23
CA-001 » Patheon Inc » 2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9									
80	Patheon Inc	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9	* Sản xuất sản phẩm: + Viên nang Lenvima (Lenvatinib 4mg) + Viên nang Lenvima (Lenvatinib 10mg)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	71151	07-01-2019	07-01-2020	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	5
97	Patheon Inc	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9	* Thuốc không vô trùng (chứa các chất phải kiểm soát hoặc có hoạt tính cao): Viên nang; thuốc bột; dung dịch; hỗn dịch; viên nén; viên nén bao phim.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	74442	03-03-2020	03-03-2021	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	6
1907	Patheon Inc	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9	* Thuốc không vô trùng: Viên nang; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	77648	05-07-2021	05-07-2022	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	22
1988	Patheon Inc	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9	* Thuốc không vô trùng: Viên nang; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	79668	21-04-2022	21-04-2023	Health Product Compliance Directorate, Canada	23
CA-002 » Patheon Inc » 111 Consumers Drive, Whitby, Ontario, Canada L1N 5Z5									
98	Patheon Inc	111 Consumers Drive, Whitby, Ontario (hoặc ON), Canada L1N 5Z5. (* Cách ghi khác: Whitby Operations, 111 Consumers Drive, Whitby, ON, Canada L1N 5Z5)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Hỗn dịch; Dung dịch; Thuốc bột.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	72065	18-04-2019	18-04-2020	Health Products Compliance Directorate, Canada	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1164	Patheon Inc	111 Consumers Drive, Whitby, ON, Canada L1N 5Z5. (Cách ghi khác: 111 Consumers Drive, Whitby, ON L1N 5Z5, Canada hoặc 111 Consumers Drive, Whitby, Ontario, L1N 5Z5, Canada)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Hỗn dịch; Dung dịch; Thuốc bột.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	74091	16-01-2020	16-01-2021	Health Canada - Regulatory Operations and Regions Branch, Canada (tên mới: Health Canada - Regulatory Operations and Enforcement Branch)	14
1576	Patheon Inc	111 Consumers Drive, Whitby, ON, Canada L1N 5Z5. (* Cách ghi khác: 111 Consumers Drive, Whitby, ON L1N 5Z5, Canada hoặc 111 Consumers Drive, Whitby, Ontario, L1N 5Z5, Canada)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Hỗn dịch; Dung dịch; Thuốc bột.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	76430	02-02-2021	02-02-2022	Regulatory Operations and Enforcement Branch (tên cũ: Regulatory Operations and Regions Branch), Health Products Compliance Directorate, Canada	18
CA-003 » Omega Laboratories Ltd » 10850 Hamon Montreal, Quebec, Canada H3M 3A2									
99	Omega Laboratories Ltd	10850 Hamon Montreal, Quebec, Canada, H3M 3A2	Thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	71801	18-03-2019	18-03-2020	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	6
1353	Omega Laboratories Ltd	10850 Hamon Montreal, Quebec, Canada, H3M 3A2. (* Cách ghi khác: 10850 Hamon Montreal, QC, Canada, H3M 3A2)	Dung dịch thuốc: Dung dịch tiêm Otreotide Acetate Omega, tên tại Việt Nam: DBL Octreotide 0,1mg/ml (Octreotide dưới dạng Octreotide Acetate 100 mcg/ml)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	76317	27-01-2021	27-01-2022	Health Products Compliance Directorate, Health Canada	16
CA-004 » Pharmascience INC » 6111, Avenue Royalmount, Suite 100, Montreal, Quebec, Canada, H4P 2T4									
701	Pharmascience INC	6111, Avenue Royalmount, Suite 100, Montreal, Quebec, Canada, H4P 2T4	* Thuốc không vô trùng: viên nang; viên nén; thuốc bột.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	100241-A	05-03-2019	15-01-2021	Health Products Compliance Directorate, Canada	11
1577	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén PMS-IRBESARTAN (IRBESARTAN 75MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	75613	17-12-2020	17-12-2021	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1578	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén bao phim PMS-MONTELUKAST FC (MONTELUKAST (MONTELUKAST SODIUM) 10 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	75619	18-12-2020	18-12-2021	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1579	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén nhai PMS-MONTELUKAST (MONTELUKAST (MONTELUKAST SODIUM) 4 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	75617	18-12-2020	18-12-2021	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1580	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén (tablet for suspension) PMS-DEFERASIROX (DEFERASIROX 125 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	76200	22-01-2021	22-01-2022	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1581	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nang PMS-PREGABALIN (PREGABALIN 75 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	75620	18-12-2020	18-12-2021	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1582	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén PMS-ENTECAVIR (ENTECAVIR 0.5 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	77259	11-05-2021	11-05-2022	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1583	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén PMS-URSODIOL C (URSODIOL 500 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	75623	18-12-2020	18-12-2021	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1584	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén bao phim PMS-ROSUVASTATIN (ROSUVASTATIN (ROSUVASTATIN CALCIUM) 5 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	77269	11-05-2021	11-05-2022	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1585	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nén nhai PMS-MONTELUKAST (MONTELUKAST (MONTELUKAST SODIUM) 5 MG)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	75618	18-12-2020	18-12-2021	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1787	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	* Sản xuất: + Viên nén PMS-Rosuvastatin (tên tại Việt Nam: Viên nén bao phim PMS-Rosuvastatin) (Rosuvastatin (Rosuvastatin calcium) 10 mg);	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	77270	11-05-2021	11-05-2022	Health Products Compliance Directorate, Canada	20

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1788	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	* Sản xuất: + Viên nén PMS-Rosuvastatin (tên tại Việt Nam: Viên nén bao phim PMS-Rosuvastatin) (Rosuvastatin (Rosuvastatin calcium) 20 mg);	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	77271	11-05-2021	11-05-2022	Health Products Compliance Directorate, Canada	20
1908	Pharmascience INC	100-6111 Avenue Royalmount Montreal QC H4P 2T4, Canada (cách ghi khác: 6111 Royalmount Ave 100 Montreal, Quebec Canada, H4P 2T4)	Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	79372	15-03-2022	15-03-2023	Regulatory Operations and Enforcement Branch, Health Products Compliance Directorate, Canada	22
CA-008 » Apotex Inc. » 150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9, Canada									
604	Apotex Inc.	150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9, Canada (cơ sở sản xuất)	Sản xuất bán thành phẩm (không bao gồm công đoạn đóng gói): + Sản phẩm: Viên nén giải phóng chậm Esmacid (Esomeprazol dưới dạng (Esomeprazole magnesium) 40mg).	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	74259	10-02-2020	10-02-2021	Health Products Compliance Directorate, Health Canada	10
2115	Apotex Inc.	150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9, Canada	Sản xuất bán thành phẩm (không bao gồm công đoạn đóng gói) và kiểm nghiệm: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	79547	05-04-2022	05-04-2023	Health Products Compliance Directorate, Health Canada	25
CA-009 » Apotex Inc. » 4100 Weston road, Toronto, Ontario, M9L 2Y6, Canada									
605	Apotex Inc.	4100 Weston road, Toronto, Ontario, M9L 2Y6, Canada (cơ sở đóng gói)	Thực hiện công đoạn đóng gói: + Sản phẩm: Viên nén giải phóng chậm Esmacid (Esomeprazol dưới dạng (Esomeprazole magnesium) 40mg).	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	74260	10-02-2020	10-02-2021	Health Products Compliance Directorate, Health Canada	10
2116	Apotex Inc.	4100 Weston road, Toronto, Ontario, M9L 2Y6, Canada	Đóng gói và dán nhãn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang.	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	79546	05-04-2022	05-04-2023	Health Products Compliance Directorate, Health Canada	25
CA-011 » Pharmascience Inc. » 100 Boul de L'Industrie, Candiac QC J5R 1J1, Canada									
1586	Pharmascience Inc.	100 Boul de L'Industrie, Candiac QC J5R 1J1, Canada	* Sản xuất: Viên nén PMS-Erlotinib (Erlotinib (Erlotinib Hydrochloride) 100 mg) (đóng gói tại Pharmascience Inc, 6111 Royalmount Ave 100, Montreal, Quebec, Canada, H4P 2T4)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	76198	22-01-2021	22-01-2022	Health Products Compliance Directorate, Canada	18
1678	Pharmascience Inc.	100 Boul de L'Industrie, Candiac QC J5R 1J1, Canada	* Sản xuất: Viên nén PMS-Erlotinib (Erlotinib (Erlotinib Hydrochloride) 150 mg) (đóng gói tại Pharmascience Inc, 6111 Royalmount Ave 100, Montreal, Quebec, Canada, H4P 2T4)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	76199	22-01-2021	22-01-2022	Health Products Compliance Directorate, Canada	19
1909	Pharmascience Inc.	100 Boul de L'Industrie, Candiac QC J5R 1J1, Canada	Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao; Bột pha dung dịch (thuốc vô trùng); Dung dịch (thuốc vô trùng).	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	79373	15-03-2022	15-03-2023	Health Products Compliance Directorate, Canada	22
CH-001 » B.Braun Medical AG » Route de Sorge 9, 1023 Crissier, Switzerland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
100	B.Braun Medical AG	Route de Sorge 9, 1023 Crissier, Switzerland	Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ.	Tương đương EU-GMP	19-1395	19-11-2019	16-08-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	6
CH-002 » Novartis Pharma Stein AG » Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland									
101	Novartis Pharma Stein AG	Novartis Pharma Stein AG Technical Operations Schweiz, Steint Sterile, Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland (* Cách viết khác: Schaffhauserstrasse, 4332 (hoặc CH-4332) Stein, Switzerland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm sản xuất từ công nghệ tái tổ hợp, tế bào lai, kháng thể đơn dòng. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng. * Sản phẩm: + Bột và dung môi để pha dung dịch tiêm Xolair 150 mg (Omalizumab 150mg/lq); + Bột pha dung dịch tiêm Fraizeron (Secukinumab 150 mg). + Bột pha tiêm Simulect (Basiliximab 20mg).	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000723	19-12-2019	31-12-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	6
102	Novartis Pharma Stein AG	Novartis Pharma Stein AG Novartis Technical Operations Schweiz, Stein Solids, Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland (* Cách viết khác: Schaffhauserstrasse, 4332 (hoặc CH-4332) Stein, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang cứng chứa bột hít (bao gồm cả chất có hoạt tính cao); viên nén; viên nén bao phim; hệ điều trị qua da. * Đóng gói, xuất xưởng: các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang mềm.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000722	19-12-2019	31-12-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	6
1789	Novartis Pharma Stein AG	Novartis Pharma Stein AG Technical Operations Schweiz, Steint Sterile, Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland (* Cách viết khác: Schaffhauserstrasse, 4332 (hoặc CH-4332) Stein, Switzerland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm sản xuất từ công nghệ tái tổ hợp, tế bào lai, kháng thể đơn dòng. * Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1002561	01-10-2021	19-05-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	20
1790	Novartis Pharma Stein AG	Novartis Pharma Stein AG Novartis Technical Operations Schweiz, Stein Solids, Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland (* Cách viết khác: Schaffhauserstrasse, 4332 (hoặc CH-4332) Stein, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang cứng chứa bột hít (bao gồm cả chất có hoạt tính cao); viên nén; viên nén bao phim; hệ điều trị qua da. * Đóng gói, xuất xưởng: các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang mềm.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1002597	17-10-2021	16-06-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	20
CH-003 » Swiss Caps AG » Husenstrasse 35, 9533 Kirchberg SG, Switzerland									
1354	Swiss Caps AG	Husenstrasse 35, 9533 Kirchberg SG, Switzerland Cách viết khác: Husenstrasse 35, Kirchberg 9533, Switzerland Hoặc: Husenstrasse 35, Kirchberg CH-9533, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm (bao gồm thuốc chứa dược chất nhạy cảm hoặc có hoạt tính cao như hormon, ester của acid béo, dẫn chất của Vitamin D và Retinoic)	PIC/S-GMP	20-0671	02-12-2020	28-03-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	16

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1840	Swiss Caps AG	Husenstrasse 35, 9533 Kirchberg SG, Switzerland Cách viết khác: Husenstrasse 35, Kirchberg 9533, Switzerland Hoặc: Husenstrasse 35, Kirchberg CH-9533, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm (bao gồm thuốc chứa dược chất nhạy cảm hoặc có hoạt tính cao như hormon, ester của acid béo, dẫn chất của Vitamin D và Retinoic)	PIC/S-GMP	21-0301	29-11-2021	17-06-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	21
CH-004 » Ferring International Center SA » Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland									
460	Ferring International Center S.A	Chemin de la Vergognausaz 50 (hoặc Chemin de la Vergognausaz), 1162 (hoặc CH-1162), St-Prex (hoặc Saint-Prex), Switzerland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dạng rắn (viên nén, thuốc cốm (granules), thuốc đặt). * Đóng gói thứ cấp.	Tương đương EU-GMP	19-1017 GMPEHV-CH-1001161	25-07-2019	19-10-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	9
1791	Ferring International Center S.A	Chemin de la Vergognausaz 50 (hoặc Chemin de la Vergognausaz), 1162 (hoặc CH-1162), St-Prex (hoặc Saint-Prex), Switzerland	* Thuốc vô trùng: chứng nhận lô (batch certification (technical release)) * Thuốc không vô trùng: thuốc dạng rắn (thuốc cốm (granules, bao gồm cả cốm phóng thích chậm - retard granules); viên nén (bao gồm cả viên nén giải phóng kéo dài - prolonged release tablet); thuốc đặt. + chứng nhận lô (batch certification (technical release)) * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng); hóa/lý.	Swiss GMP (Tương đương EU-GMP)	GMP-CH-1002448	24-08-2021	07-05-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	20
CH-005 » Allpack Group AG » Pfeffingerstrasse 45, 4153 Reinach BL, Switzerland									
1460	Allpack Group AG	Pfeffingerstrasse 45, 4153 Reinach BL, Switzerland	* Đóng gói sơ cấp, thứ cấp.	Tương đương EU-GMP	19-1372	05-11-2019	31-12-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	17
CH-006 » F. Hoffmann-La Roche AG » Kaiseraugst - Herstellung, Verpackung und Prufung von Arzneimitteln, Wurmisweg, 4303, Kaiseraugst, Switzerland									
587	F. Hoffmann-La Roche AG (* Cách viết khác: F. Hoffmann-La Roche Ltd.,)	Kaiseraugst - Herstellung, Verpackung und Prufung von Arzneimitteln, Wurmisweg, 4303, Kaiseraugst, Switzerland (Cách viết khác: Wurmisweg, 4303 (hoặc CH-4303), Kaiseraugst, Switzerland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; sản phẩm:thuốc bột Rocephin. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học. * Xuất xưởng lô: thuốc vô trùng, thuốc sinh học * Đóng gói thứ cấp * Dược chất: 1% Benzylalcohol, Bevacizumab, G-CSF Solution in Sorbitol, Peginteferon-Alfa-2A, Trastuzumab, Rituximab, Atezolizumab, Mono-Pegylated Epoetin Beta, Epoetin Beta, Peg-GCSF-Solution in Sorbit, Interferon-Alfa-2A, Trastuzumab-Emtansine, Ceftriaxon, Polatuzumab.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000096	05-04-2019	10-08-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	9
1587	F. Hoffmann-La Roche AG (* Cách viết khác: F. Hoffmann-La Roche Ltd.,)	Kaiseraugst - Herstellung, Verpackung und Prufung von Arzneimitteln, Wurmisweg, 4303, Kaiseraugst, Switzerland (* Cách viết khác: Wurmisweg, 4303 (hoặc CH-4303), Kaiseraugst, Switzerland)	* Sản xuất thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ, ăn phẩm:thuốc bột Rocephin. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Sản xuất thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén. * Sản xuất thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học. * Xuất xưởng lô: thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén. * Đóng gói thứ cấp	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001589	24-11-2020	06-11-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	18
CH-007 » Cilag AG » Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
702	Cilag AG	Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland Cách viết khác: Hochstrasse 201, CH-8200 Schaffhausen, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ + Xuất xưởng lỗ * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lỗ. * Chế phẩm sinh học: sản xuất và xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh (vô trùng và không vô trùng) + Hóa lý/vật lý;	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000993	03-04-2020	28-11-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	11
CH-008 » Rivopharm SA » Centro Insema, 6928 Manno, Switzerland									
420	Rivopharm SA	Centro Insema, 6928 Manno, Switzerland	Thuốc bào chế dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng	Tương đương EU-GMP	19-1010	22-07-2019	15-05-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	8
1989	Rivopharm SA	Centro Insema, 6928 Manno, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1002273	22-06-2021	12-05-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	23
CH-009 » CSL Behring AG » Wankdorfstrasse 10, 3014 Bern, Switzerland									
586	CSL Behring AG	Wankdorfstrasse 10, 3014 Bern, Switzerland	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000133	24-04-2019	04-05-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	9
1355	CSL Behring AG	Wankdorfstrasse 10, 3014 Bern, Switzerland	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001268	11-08-2020	15-05-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	16
CH-010 » Zambon Switzerland Ltd » Via Industria 13, 6814 Cadempino, Switzerland									
261	Zambon Switzerland Ltd	Via Industria 13, 6814 Cadempino, Switzerland	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm carbapenem: Thuốc bột pha dung dịch tiêm/ truyền; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; thuốc bột, thuốc cốm.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001758	11-01-2021	03-12-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	7
CH-011 » Maropack AG » Industriestrasse Briseck 4, 6144 Zell LU, Switzerland									
703	Maropack AG	Industriestrasse Briseck 4, 6144 Zell LU (hoặc: CH-6144 Zell), Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng: thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001150	17-06-2020	31-12-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	11
1990	Maropack AG	Industriestrasse Briseck 4, 6144 Zell LU, Switzerland (Cách ghi khác: Industriestrasse Briseck 4, CH-6144 Zell, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng: thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học/ vật lý	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1002496	10-09-2021	03-02-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	23

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
CH-012 » Vifor SA » Route de Moncor 10, 1752 Villars-sur-Glâne, Switzerland									
1241	Vifor SA	Route de Moncor 10, 1752 Villars-sur-Glâne, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch, siro, thuốc nước nhỏ giọt); thuốc bột; thuốc cốm; thuốc bán rắn; viên nén. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng nêu trên. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng); hóa học/vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMPE-CH-1001198	06-07-2020	31-08-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	15
CH-013 » Vifor (International) Inc » Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland									
1165	Vifor (International) Inc	Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland	Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	EU-GMP	GMPEHV-CH-1000727	20-12-2019	15-11-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	14
2117	Vifor (International) Inc	Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: + Các dạng bào chế rắn. + Xuất xưởng lọ. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng trên. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng); hóa học/vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001855	11-02-2021	12-11-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	25
CH-014 » UCB Farchim SA » Z.I. de Planchy, Chemin de Croix-Blanche 10, 1630 Bulle, Switzerland									
1679	UCB Farchim SA	Z.I. de Planchy, Chemin de Croix-Blanche 10, Bulle, 1630, Switzerland (cách ghi khác: Chemin de Croix Blanche 10, Z.I. de Planchy, CH-1630 Bulle, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng; Thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	PIC/S-GMP và EU-GMP	GMPE-CH-1001830	01-02-2021	24-07-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	19
CH-015 » Merck Serono S.A. » Succursale d'Aubonne, Zone Industrielle de l' Ourietta, 1170 Aubonne, Switzerland									
913	Merck Serono S.A.	Succursale d'Aubonne, Zone Industrielle de l' Ourietta, 1170 Aubonne, Switzerland (* Cách ghi khác: Aubonne branch, Zone Industrielle de l' Ourietta, 1170 Aubonne, Switzerland / Zone Industrielle de l' Ourietta, 1170 Aubonne, Switzerland / Zone Industrielle de l' Ourietta, CH-1170 Aubonne, Switzerland)	Sản xuất thuốc không bao gồm các chế phẩm máu không bền: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học. + Xuất xưởng lọ thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý. + Sinh học.	PIC/S-GMP và EU-GMP	GMP-CH-1001095	19-05-2020	04-11-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	12
CH-016 » InfoRLife SA » Casai 7748 Campascio, Switzerland									
502	InfoRLife SA	Casai 7748 Campascio, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn	Tương đương EU-GMP	19-0177	12-02-2019	09-11-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1841	InfoRLife SA	Casai, 7748 Campascio, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng (Technical release). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng, không vô trùng); Hóa học/ Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001367	17-09-2020	19-06-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	21
CH-018 » F. Hoffmann-La Roche AG (hoặc F. Hoffmann-La Roche Ltd.) » Basel Grenzacherstrasse, Herstellung Wirkstoffe und Arzneimittel, Grenzacherstrasse 124, 4070 (hoặc CH-4074) Basel, Switzerland									
914	F. Hoffmann-La Roche AG (cách ghi khác: F. Hoffmann-La Roche Ltd.)	F. Hoffmann-La Roche AG Basel Grenzacherstrasse, Herstellung Wirkstoffe und Arzneimittel, Grenzacherstrasse 124, 4070 (hoặc CH-4074) Basel, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột. * Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: thuốc bột. * Kiểm tra chất lượng.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000099	05-04-2019	17-10-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic), Switzerland	12
1588	F. Hoffmann-La Roche AG (* Cách ghi khác: F. Hoffmann-La Roche Ltd.)	F. Hoffmann-La Roche AG Basel Grenzacherstrasse, Herstellung Wirkstoffe und Arzneimittel, Grenzacherstrasse 124, 4070 (hoặc CH-4070) Basel, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột. * Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: thuốc bột. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/ Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001692	18-12-2020	31-07-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic), Switzerland	18
CH-020 » GSK Consumer Health SA » Route de l'Etraz, 1260 Nyon, Switzerland									
704	GSK Consumer Healthcare SA	Route de l'Etraz 2, 1260 Nyon, Switzerland (Cách viết khác: Route de l'Etraz, 1260 Nyon, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn.	Tương đương EU-GMP	GMPEHV-CH-1001066	05-05-2020	14-06-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	11
CH-021 » IBSA Institut Biochemique SA. » Via Cantonale - zona Serta, 6814 Lamone, Switzerland									
606	IBSA Institut Biochemique SA	Via Cantonale - Zona Serta, Lamone, 6814, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.	Tương đương EU-GMP	18-2487	11-12-2018	18-10-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	10
1680	IBSA Institut Biochimique SA (Cách ghi cũ: IBSA Institut Biochemique SA)	Via Cantonale - Zona Serta, 6814 Lamone, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng, không vô trùng); Hóa học/ Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001974	12-03-2021	22-10-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	19
CH-022 » IBSA Institut Biochemique SA. » Via al Ponte 13, 6903 Lugano, Switzerland									
607	IBSA Institut Biochemique SA	Via al Ponte 13, Lugano, 6903, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng lô: Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.	Tương đương EU-GMP	18-2289	13-11-2018	04-07-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	10
1681	IBSA Institut Biochimique SA (Cách ghi cũ: IBSA Institut Biochemique SA)	Via al Ponte 13, 6903 Lugano, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: + Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng, không vô trùng); Hóa học/ Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001978	12-03-2021	18-06-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	19

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
CH-023 » IBSA Institut Biochemique SA. » Via del Piano, 6915 Pambio-Noranco, Switzerland									
608	IBSA Institut Biochemique SA	Via del Piano, Pambio-Noranco, 6915, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. * Kiểm tra chất lượng. * Đóng gói thứ cấp.	Tương đương EU-GMP	18-2298	13-11-2018	04-07-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	10
1682	IBSA Institut Biochimique SA (Cách ghi cũ: IBSA Institut Biochemique SA)	Via del Piano, 6915 Pambio-Noranco, Switzerland	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén. * Đóng gói thứ cấp.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001973	12-03-2021	18-06-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	19
CH-024 » Max Zeller Söhne AG » Seeblickstrasse 4, 8590 Romanshorn, Switzerland									
915	Max Zeller Söhne AG	Seeblickstrasse 4, Romanshorn, 8590, Switzerland (* Cách ghi khác: Seeblickstrasse 4, 8590 Romanshorn, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMPE-CH-1001447	19-10-2020	20-02-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	12
CH-025 » Alpex Pharma SA » Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland									
609	Alpex Pharma SA	Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén phân tán.	Tương đương EU-GMP	17-2448	08-01-2018	06-12-2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	10
1049	Alpex Pharma SA	Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén phân tán.	Tương đương EU-GMP	20-0084	06-02-2020	04-12-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	13
2118	Alpex Pharma SA	Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nén sủi bọt, viên nén phân tán * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng * Đóng gói cấp 1: các dạng thuốc trên * Đóng gói cấp 2 * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: thuốc không vô trùng + Hóa học/Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1002877	04-01-2022	02-12-2024	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	25
CH-026 » Baxalta Manufacturing Sarl » Route de Pierre-a-Bot 111, Neuchatel 2000, Switzerland									
916	Baxalta Manufacturing Sarl	Route de Pierre-à-Bot 111, 2000 Neuchâtel, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học. + Xuất xưởng lô thuốc công nghệ sinh học. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001111	04-06-2020	13-02-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	12
CH-028 » Soho Flordis International Switzerland SA » Via Mulini, 6934 Bioggio, Switzerland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2047	Soho Flordis International Switzerland SA (Tên cũ: Ginsana SA)	Via Mulini, 6934 Bioggio, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén. + Xuất xưởng lô. * Thuốc được liệu. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học/Chất lượng Sinh học	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000268	28-06-2019	03-10-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	24
CH-030 » Actelion Pharmaceuticals Ltd » Gewerbestrasse 16, 4123 Allschwil, Switzerland									
1461	Actelion Pharmaceuticals Ltd	Trụ sở chính: Gewerbestrasse 16, 4123 Allschwil, Switzerland Địa điểm sản xuất: Gewerbestrasse 12, 4123 Allschwil, Switzerland	Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000914	09-03-2020	18-12-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	17
CH-031 » SwissCo Services AG » Bahnhofstrasse 14, 4334 Sisseln AG, Switzerland									
1356	SwissCo Services AG	Bahnhofstrasse 14, 4334 Sisseln AG, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén sủi bọt. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén sủi bọt. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Chất lượng	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000816	30-01-2020	31-12-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	16
CH-032 » Medinova AG » Eggbühlstrasse 28, 8050 Zürich, Switzerland									
1462	Medinova AG	Eggbühlstrasse 28, 8050 Zürich, Switzerland	Xuất xưởng thuốc viên nén (sản phẩm Fluomizin Vaginal Tablets)	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1000593	11-11-2019	05-06-2022	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	17
CL-001 » Laboratorios Recalcine S.A » Av. Carrascal No. 5670, Quinta Normal, Santiago, Chile									
1050	Laboratorios Recalcine S.A	Av. Carrascal No. 5670, Quinta Normal, Santiago, Chile	* Sản xuất và đóng gói sơ cấp: + Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao; viên nang; thuốc bột uống hoặc dùng ngoài; dung dịch uống hoặc dùng ngoài; si rô; hỗn dịch; nhũ tương; kem; mỡ; thuốc đạn. * Thuốc không vô trùng chứa hormon sinh dục: thuốc dạng rắn (Viên nén, viên nén bao phim); kem; gel; thuốc trứng. * Thuốc chứa chất ức chế miễn dịch: thuốc dạng rắn; kem; gel. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	Chile-GMP	0089/20	27-08-2020	18-04-2022	National Drug Agency Department of the Public Health Institute of Chile	13
CN-001 » Shaanxi Buchang Pharmaceutical Co., Ltd » No 16 Buchang road, Xianyang, Shaanxi Province, China									
49	Shaanxi Buchang Pharmaceutical Co., Ltd	Cơ sở 2: No 16 Buchang road, Xianyang, Shaanxi Province	Cơ sở 2: Thuốc được liệu, thuốc cổ truyền: Viên nang cứng	Chinese-GMP	SN20190346	15-03-2019	14-03-2024	FDA - China	4
CN-002 » Beijing Boran Pharmaceutical Co., Ltd » Liucun Industrial, Changping Science Park, Beijing, China									
103	Beijing Boran Pharmaceutical Co., Ltd	Liucun Industrial, Changping Science Park, Beijing, China	* Thuốc không vô trùng: thuốc cổm.	Chinese-GMP	BJ20150144	30-04-2015	29-04-2020	Food & Drug Administration, China	6
CN-003 » AstraZeneca Pharmaceutical Company Ltd » No 2 HuangShan Road, Wuxi Jiangsu 214028, People Republic of China									
1357	AstraZeneca Pharmaceutical Company Ltd.	No 2 HuangShan Road, Wuxi, Jiangsu, China	* Thuốc không vô trùng: viên nén.	Chinese-GMP	JS20160605	10-10-2016	09-10-2021	Jiangsu Food and Drug Administration, China Food and Drug Administration, China	16
CN-005 » Beijing yiling Pharmaceutical Co., Ltd. » No. 17 Tianfu Street, Beijing Bio - engineering & Pharmaceutical Industrial Park, Beijing, China									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
561	Beijing yiling Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 17 Tianfu Street, Beijing Bio - engineering & Pharmaceutical Industrial Park, Beijing, China	Thuốc từ dược liệu: viên nang cứng, thuốc cốm.	Chinese-GMP	BJ20180356	30-10-2018	29-10-2023	Beijing Food and Drug Administration, People's republic of China	9
CN-006 » Shaanxi Buchang Pharmaceutical Co., Ltd » Weiyang Xi Luxi extension of Section 123, Xianyang City, China									
1051	Shaanxi Buchang Pharmaceutical Co., Ltd	Weiyang Xi Luxi extension of Section 123, Xianyang City; China	Thuốc dược liệu (bao gồm cả từ cao dược liệu): viên nang cứng.	Chinese-GMP	SN20190346	15-03-2019	14-03-2024	Chinese Food and Drug Administration	13
CN-009 » Tasly Pharmaceutical Group Co, Ltd » No.2 Tingjiang West Road, Beichen District, Tiajin, Shangdan Circulation Industrial Park, Shangzhou District, Shangluo, Shaanxi Province, China									
610	Tasly Pharmaceutical Group Co, Ltd	Site 1: No.2 Pujie East Road, Beichen District, Tiajin (Tasly Modern TCM Garden); Site2: No.2 Tingjiang West Road, Beichen District, Tiajin. Site 3: Shangdan Circulation Industrial Park, Shangzhou District, Shangluo, Shaanxi Province. Site 4: No.82, Qianshan Road, Huanren manchu autonomous county, benxi, Liaoning Province, P.R China	Thuốc cổ truyền Trung Quốc: - Site 1: Viên hoàn giọt; Thuốc cốm; Chiết xuất đông dược. - Site 2: Thuốc cốm; Viên nang mềm; Viên hoàn; Viên hoàn giọt (đóng gói). - Site 3: Chiết xuất đông dược (Dầu Kinh Hoa, Dầu Tía Tô). - Site 4: Chiết xuất đông dược.	Chinese-GMP	TJ20180159	29-08-2018	28-08-2023	Chinese Food and Drug Administration	10
CN-011 » Liaoning Chengda Biotechnology Co., Ltd. » No.1 Xinfang Street Hunnan New District Shenyang City, China									
377	Liaoning Chengda Biotechnology Co., Ltd.	No.1 Xinfang Street Hunnan New District Shenyang City, China	* Vắc xin đại bắt hoạt (sản xuất trên tế bào Vero) dạng lỏng và dạng đông khô. (Sản xuất tại Rabies Vaccine Workshop II và Vaccine Injection Workshop II).	Chinese-GMP	LN20170037	14-12-2017	13-12-2022	Liaoning Food and Drug Administration, China	8
CN-012 » Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd » No. 19 Gaoxinzhongyi Road, High-tech Industrial Park Nanshan District, Guandong Provine, Shenzhen 518057, China									
1589	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	No.19, Gaoxinzhongyi Road, Nanshan District, Shenzhen, Guangdong Province, China	* Dung dịch tiêm thể tích nhỏ.	Chinese-GMP	GD20160644	29-09-2016	28-09-2021	Chinese Food and Drug Administration	18
1590	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	No.19, Gaoxinzhongyi Road, High-tech Industrial Park, Nanshan District, Guangdong Province, Shenzhen 518057, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch tiêm thể tích nhỏ Enoxaprinum sodium (bơm tiêm đóng sẵn). + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật: Dung dịch tiêm Enoxaprinum sodium (bơm tiêm đóng sẵn). + Xuất xưởng. * Đóng gói: (Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ)	EU-GMP	IWZJ.405.55.2018.MG.3 WTC/0489_01_01/109	13-06-2019	22-03-2022	Chief Pharmaceutical Inspector (CPI), Poland	18
CN-015 » Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd. » No. 288 Zhujiang Road, High-tech industrial development zone, Shijiazhuang, China									
705	Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co. Ltd., China	238 Tianshan Street, High-Tech Area, Shijiazhuang Hebei Province, China	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang cứng, thuốc cốm (OSD Workshop 3)	Chinese-GMP	HE20180077	17-09-2018	16-09-2023	Chinese Food and Drug Administration	11
917	Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 288 Zhujiang Road, High-tech industrial development zone, Shijiazhuang, China	Workshop 103: * Thuốc vô trùng: dung dịch tiêm truyền thể tích lớn.	Chinese-GMP	HE20190014	02-03-2019	02-02-2024	Hebei Drug Administration, China	12
CN-017 » Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd. » South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
706	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Thuốc tiêm truyền tĩnh mạch thể tích lớn (Dây chuyền sản xuất H: dịch truyền trong chai thủy tinh, Dây chuyền sản xuất F: Nhũ dịch tiêm truyền trong chai thủy tinh; Dây chuyền sản xuất P: túi dịch truyền ba ngăn có bao ngoài), thuốc tiêm truyền tĩnh mạch thể tích nhỏ (Dây chuyền sản xuất E), lotion (dây chuyền H: dịch truyền trong chai thủy tinh).	Chinese-GMP	SC20170061	27-12-2017	26-12-2022	China Food and Drug Administration	11
707	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Sodium Chloride Injection, 100ml Polypropylene bottle "CMX"	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5123008005863	31-07-2018	31-07-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
708	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Sodium Chloride Injection, 250ml Polypropylene bottle "CMX"	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5123108006280	10-07-2019	10-07-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
709	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Sodium Chloride Injection, 500ml Polypropylene bottle "CMX"	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5123108006281	31-07-2018	31-07-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
CN-018 » Shijiazhuang No.4 Pharmaceutical Co., Ltd » Yangzi Road, Economic & Technological Development Zone, Shijiazhuang City, China									
2048	Shijiazhuang No.4 Pharmaceutical Co., Ltd	Yangzi Road, Economic & Technological Development Zone, Shijiazhuang City	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc tiêm truyền thể tích lớn.	Chinese-GMP	HE20180067	17-08-2018	16-08-2023	Hebei Food and Drug Administration, People's republic of China	24
CN-020 » Shanxi Xinbaoyuan Pharmaceutical Co., Ltd » Zhongyangdadao Northside Pharmaceutical Industrial Zone Datong City, China									
611	Shanxi Xinbaoyuan Pharmaceutical Co., Ltd	Zhongyangdadao Northside Pharmaceutical Industrial Zone Datong City, China	Nguyên liệu làm thuốc Trimebutine maleate.	Chinese-GMP	SX20170213	07-12-2017	06-12-2022	Shanxi Province Food and Drug Administration, China	10
CN-021 » Wuhan Fuxing Biological Pharmaceutical Co. ,Ltd » No. 9 Fuxing Road, Hanchuan Economic Development Zone, Hubei Province, P.R. China									
1166	Wuhan Fuxing Biological Pharmaceutical Co. ,Ltd	No. 9 Fuxing Road, Hanchuan Economic Development Zone, Hubei Province, P.R.China	Dung dịch tiêm thể tích lớn (chai truyền thủy tinh).	Chinese-GMP	HB20180399	06-03-2018	05-03-2023	China Food and Drug Administration	14
CN-027 » Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., LTD » 1098, Yuegong Road, Jinshan Industrial Zone, Shanghai, China									
918	Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., LTD	1098, Yuegong Road, Jinshan Industrial Zone, Shanghai, China	* Bột đông khô pha tiêm chứa chất độc tế bào. * Sinh phẩm: Thuốc tiêm Erythropoietin người tái tổ hợp (tế bào CHO).	Chinese-GMP	SH20190007	14-01-2019	13-01-2024	National Medical Products Administration, China	12
CN-032 » Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd » No. 1, Ruiyang Road, Yiyuan County, Shandong province, China									
919	Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1, Ruiyang Road, Yiyuan County, Shandong province, China	* Thuốc tiêm bột Penicillins (dây chuyền sản xuất số 301); * Thuốc tiêm bột (dây chuyền sản xuất số 304); * Dung dịch tiêm truyền thể tích nhỏ (bao gồm cả không tiết trùng cuối) (dây chuyền sản xuất số 321).	Chinese-GMP	SD20180716	13-06-2018	12-06-2023	Shandong Food and Drug Administration, China	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
920	Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1, Ruiyang Road, Yiyuan County, Shandong province, China	* Thuốc bột đông khô pha tiêm (dây chuyền sản xuất số 203 xưởng phía đông, dây chuyền sản xuất số 206); * Thuốc tiêm bột Cephalosporins (dây chuyền sản xuất số 305 xưởng 1); * Thuốc tiêm bột Penicillins (dây chuyền sản xuất số 306).	Chinese-GMP	SD20180815	26-11-2018	25-11-2023	Shandong Food and Drug Administration, China	12
921	Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1, Ruiyang Road, Yiyuan County, Shandong province, China	* Viên nén, cao lỏng, thuốc đặt (tất cả chứa nguyên liệu làm thuốc chiết xuất của Trung Quốc); viên nang. (Dây chuyền chiết xuất số 2 tại xưởng 401; dây chuyền sản xuất viên nén, viên nang tại xưởng 312; dây chuyền sản xuất hỗn hợp, thuốc đặt tại xưởng 401)	Chinese-GMP	SD20180652	30-01-2018	29-01-2023	Shandong Food and Drug Administration, China	12
CN-033 » Haikou Pharmaceutical Factory Co., Ltd » 1. No.192, Nanhai Road, Xiuying District, Haikou, Hainan, China 2. 12km away from Haiyu Centerline, Yongxin Town, Xiuying District, Haikou city, China									
922	Haikou Pharmaceutical Factory Co., Ltd	No.192, Nanhai Road, Xiuying District, Haikou, Hainan, China	Thuốc cốm (workshop C02)	Chinese-GMP	HI20180037	14-11-2018	13-11-2023	China Food and Drug Administration	12
CN-034 » KPC Pharmaceuticals, Inc. » Qigongli, West Suburb, Kunming, Yunnan Province, China									
1052	KPC Pharmaceuticals, Inc.	Qigongli, West Suburb, Kunming, Yunnan Province, China	* Thuốc vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (chiết xuất từ dược liệu).	Chinese-GMP	YN20190025	19-04-2019	19-04-2024	Chinese Food and Drug Administration	13
1591	KPC Pharmaceuticals, Inc.	Qigongli, West Suburb, Kunming, Yunnan Province, China	* Thuốc vô trùng: dung dịch tiêm thể tích nhỏ	Chinese-GMP	YN20160051	17-11-2016	16-11-2021	Chinese Food and Drug Administration	18
CN-035 » Shandong Kexing Bio-Products Co., Ltd » No.2666 Chuangye road, Mingshui Development zone, Zhangqiu, Jinan, Shandong, China									
1053	Shandong Kexing Bio-Products Co., Ltd	No.2666 Chuangye road, Mingshui Development zone, Zhangqiu, Jinan, Shandong, China	* Therapeutic bio-products (Thuốc tiêm tái tổ hợp erythropoietin người (CHO cell), gene workshop, Thuốc tiêm tái tổ hợp erythropoietin người (CHO cell) production line)	Chinese-GMP	SD20190879	22-02-2019	21-02-2024	Shandong Food and Drug Administration, China	13
CN-040 » JiangYin Tianjiang Pharmaceutical Co., Ltd » No.1, XinSheng road, High&New Technology Industries Development Zone, Jiangyin city, Jiangsu province, China									
1167	JiangYin Tianjiang Pharmaceutical Co., Ltd	No.1, XinSheng road, High&New Technology Industries Development Zone, Jiangyin city, Jiangsu province, China	* Nguyên liệu làm thuốc: cốm vị thuốc đông được; sơ chế và chiết xuất cốm đông được (concentrated granule for prescription (workshop 1 of preparation), Pretreatment and extraction of concentration granule for prescription)	Chinese-GMP	JS20191115	06-08-2019	05-08-2024	Cơ quan thẩm quyền Trung Quốc (National Medical Products Administration), China	14
CN-042 » Pfizer Pharmaceuticals Ltd » 22 Daqing Road, DETDZ, Dalian, 116600, China									
1592	Pfizer Pharmaceuticals Ltd	22 Daqing Road, DETDZ, Dalian, 116600, China	Trộn bột vô trùng Sulbactam Sodium - Cefoperazone Sodium 1:1 và 1:2	EU-GMP	IT/GMP/E/7/2019	23-12-2019	25-10-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	18
1593	Pfizer Pharmaceuticals Ltd	No. 22 Daqing Road, Economic & Technical Development Zone, Dalian, China	Plant 120C: Trộn bột vô trùng Sulbactam Sodium - Cefoperazone Sodium 1:1 và 1:2	Chinese-GMP	LN20170023	24-08-2017	23-08-2022	Liaoning Food and Drug Administration, China	18
CN-047 » WuHan Pusheng Pharmaceutical Co., Ltd » No. 1 Yangguang Avenue, Miaoshan, Jiangxia District, Wuhan, Hubei, China									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1594	WuHan Pusheng Pharmaceutical Co., Ltd	NO. 1 Yangguang Avenue, Miaooshan, Jiangxia District, Wuhan, Hubei, China	* Thuốc bột đông khô pha tiêm (Workshop 3).	Chinese-GMP	HB20180444	29-10-2018	28-10-2023	Hubei Province Food and Drug Administration, China Food and Drug Administration	18
CU-001 » Centro de Ingeniería Genética y Biotecnología (CIGB) » Avenida 31 entre 158 y 190, Cubanacán, Playa, La Habana, Cuba									
570	Centro de Ingeniería Genética y Biotecnología (CIGB)	Avenida 31, entre 158 y 190, Cubanacán, Playa, La Habana (Planta 1), Cuba	Sản xuất kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tái tổ hợp (rec-HBsAg), hoạt chất để sản xuất vắc xin Heberbiovac HB - 10; Heberbiovac HB - 20 và Heberpenta - L	WHO-GMP	007-19-B	22-04-2019	31-10-2021	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	9
714	Centro de Ingeniería Genética y Biotecnología (CIGB)	Avenida 31 entre 158 y 190, Cubanacán, Playa, La Habana (Planta 3), Cuba	Sản xuất tổng hợp kháng nguyên Haemophilus influenzae typ b cộng hợp (Chỉ tiến hành giai đoạn cộng hợp PRP và protein mang), hoạt chất để sản xuất vắc xin đơn giá hoặc kết hợp, bao gồm cả vắc xin Quimi-Hib®.	WHO-GMP	011-19-B	11-07-2019	31-01-2022	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	11
715	Centro de Ingeniería Genética y Biotecnología (CIGB)	Avenida 31, entre 158 y 190, Cubanacán, Playa, La Habana, Cuba (Plantas 5 y 6)	* Sản xuất hoạt chất (API): Interferon alpha 2b người tái tổ hợp, yếu tố kích thích Interferon gamma người tái tổ hợp, yếu tố kích thích bạch cầu hạt người tái tổ hợp; nguyên liệu sinh học P64K tái tổ hợp.	WHO-GMP	014-19-B	17-09-2019	01-03-2022	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	11
2049	Centro de Ingeniería Genética y Biotecnología (CIGB) (cách viết khác Center for Genetic Engineering and Biotechnology)	Avenida 31, entre 158 y 190, Cubanacán, Playa, La Habana, Cuba (Plant 10) (cách viết khác Avenue 31, between 158 and 190, Cubanacán, Playa, Havana, Cuba)	* Đóng gói thứ cấp: thuốc tiêm (dạng lỏng và đông khô); thuốc đạn; kem (chứa vaccines (kháng virus, kháng vi khuẩn và kết hợp), chất kích thích miễn dịch, các chế phẩm chống thiếu máu khác, thuốc kháng virus để sử dụng toàn thân, chữa bệnh và chống huyết khối)	WHO-GMP	008-21-B	23-09-2021	01-03-2024	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	24
CU-002 » Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN) » Carretera Beltrán, km 1 1/2, Bejucal, Mayabeque, Cuba									
1054	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN)	Carretera Beltrán, Km 1 1/2, Bejucal, Mayabeque (Packing Plant), Cuba	* Đóng gói thuốc tiêm dạng lỏng thể tích nhỏ và thuốc bột đông khô từ nhà máy Plant of Parenteral Products 2 và 3 (PPP2 và PPP3) của BIOCEN.	WHO-GMP	015-19-B	19-09-2019	01-03-2022	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	13
CU-003 » Centro de Inmunología Molecular (CIM) » Calle 216 y esquina 15, Reparto Atabey, Playa, La Habana, Cuba									
1055	Centro de Inmunología Molecular (CIM) - Planta de Producción de Anticuerpos Terapéuticos (ANTYTER)	Calle 216 y esquina 15, Reparto Atabey, Playa, La Habana, Cuba	* Sản xuất hoạt chất Nimotuzumab.	WHO-GMP	022-19-B	26-12-2019	06-2022	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1056	Centro de Inmunología Molecular (CIM) - Planta de Procesamiento Final	Calle 216 y esquina 15, Reparto Atabey, Playa, La Habana, Cuba	* Thuốc tiêm thể tích nhỏ: IOR® EPOCIM 2000, IOR® EPOCIM 3000, IOR® EPOCIM 4000, IOR® EPOCIM 5000, IOR® EPOCIM 10000, IOR® EPOCIM 30000, IOR® EPOCIM 40000, IOR® LEUKOCIM, CIMaHer®, CIMAVAX®-EGF, MONTANIDE ISA 51VG và VAXIRA®.	WHO-GMP	020-19-B	19-12-2019	01-06-2022	Centro para el Control Estatal de Medicamentos, Equipos y Dispositivos Médicos (CECMED), Cuba	13
CY-001 » Medochemie Limited (Ampoule Injectable Facility) » 48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus									
612	Medochemie Limited (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	MED07/2018/001	10-08-2018	31-12-2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	10
1463	Medochemie Limited (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	MED07/2020/001	13-05-2020	13-12-2023	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	17
CY-002 » Medochemie Limited - Central Factory » 1-10 Constantinoupoleos Street, 3011, Limassol, Cyprus									
534	Medochemie Limited - Central Factory	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, các dạng thuốc rắn khác: viên nén kháng dịch vị, viên nén bao phim, viên nén giải phóng biến đổi.	EU-GMP	MED01/2018/002	14-09-2018	31-12-2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
1792	Medochemie Limited - Central Factory	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, các dạng thuốc rắn khác: viên nén kháng dịch vị, viên nén bao phim, viên nén giải phóng biến đổi. * Đóng gói sơ cấp; Các dạng thuốc trên * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý/Vi sinh (thuốc không vô trùng)	EU-GMP	MED01/2021/001	09-11-2021	08-07-2024	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	20
CY-003 » Medochemie Limited - Factory C » 2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus									
558	Medochemie Limited - Factory C (Oral Facility)	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột và thuốc cốm pha hỗn dịch uống; * xuất xưởng lô thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột và thuốc cốm pha hỗn dịch uống; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	MED04/2019/001	18-03-2019	31-12-2023	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
613	Medochemie Limited - Factory C	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bột pha dung dịch tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenems).	EU-GMP	MED04/2018/002	10-08-2018	31-12-2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	10
1793	Medochemie Limited - Factory C (Tên trên giấy chứng nhận mới: Medochemie Limited (Factory C) - Injectable facility))	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bột pha dung dịch tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenems). + Chứng nhận lô thuốc vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý/Vi sinh (Thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng)	EU-GMP	MED04/2021/001	15-07-2021	20-02-2023	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	20
CY-004 » Medochemie Limited (Cogols Facility) » 1-10 Constantinoupoleos Street, 3011, Limassol, Cyprus									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
588	MEDOCHEMIE LTD (COGOLS FACILITY)	1-10 Constantinoupoleos street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng, thuốc dạng bán rắn, thuốc đạn.	EU-GMP	MED02/2020/001	12-03-2020	31-12-2022	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
1991	MEDOCHEMIE LTD (COGOLS FACILITY)	1-10 Constantinoupoleos street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng, thuốc dạng bán rắn, thuốc đạn. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng, thuốc dạng bán rắn, thuốc đạn. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	MED02/2021/001	09-11-2021	08-07-2024	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	23
CY-005 » Remedica Ltd » Aharon Street, Limassol Industrial Estate, Limassol, 3056, Cyprus									
442	Remedica Ltd	AHARNON STREET, LIMASSOL INDUSTRIAL ESTATE, BUILDING 1 - MAIN, BUILDING 2 - PENICILLINS, BUILDING 4 - CEPHALOSPORINS, BUILDING 5 - HORM.& CORT., BUILDING 10 - ANTI-NEOPLASTIC, IMMUNOMODULATING, LIMASSOL, CYPRUS, 3056, Cyprus (Cách viết khác: Aharon Street, Limassol Industrial Estate, 3056, Limassol, Cyprus)	* Building 1: Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; thuốc phun mù; thuốc dạng bán rắn; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim. * Building 2: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha dung dịch uống. * Building 4: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha dung dịch uống. * Building 5: Thuốc không vô trùng chứa hormon và corticosteroid: viên nén. * Building 10: Thuốc không vô trùng chứa thuốc chống ung thư: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	REM00/2018/001	01-02-2018	31-12-2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
716	Remedica Ltd	AHARNON STREET, LIMASSOL INDUSTRIAL ESTATE, BUILDING 5 - HORMONES & CORTICOSTEROIDS, BUILDING 10 - ANTINEOPLASTIC & IMMUNOMODULATING AGENTS, LIMASSOL, 3056,	* Building 5: Thuốc không vô trùng chứa hormon và corticosteroid: Viên nén. * Building 10: Thuốc không vô trùng chứa thuốc chống ung thư: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	REM5&10/2019/001	07-10-2019	31-12-2022	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	11
1683	Remedica Ltd	Aharon Street, Limassol Industrial Estate, Limassol, 3056, Cyprus	Building 1 - General products (thuốc thường): * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc phun mù; thuốc dạng bán rắn; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc phun mù; thuốc dạng bán rắn; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	REM01/2021/001	02-11-2021	03-06-2024	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	19
1684	Remedica Ltd	Aharon Street, Limassol Industrial Estate, Limassol, Cyprus, 3056, Cyprus	Building 2 - Penicillins: * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	REM02/2021/001	02-11-2021	03-06-2024	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	19
1992	Remedica Ltd	AHARNON STREET, LIMASSOL INDUSTRIAL ESTATE, LIMASSOL, 3056, Cyprus	* BUILDING 5 - HORMONES AND CORTICOSTEROIDS: Thuốc không vô trùng chứa hormon và corticosteroid: Viên nén.	EU-GMP	REM05/2022/001	10-01-2022	25-10-2024	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	23

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2050	Remedica Ltd	Aharnon Street, Limassol Industrial Estate, Limassol, 3056, Cyprus	* Building 4: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha dung dịch uống.	EU-GMP	REM04/2021/001	02-11-2021	03-06-2024	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	24
2119	Remedica Ltd (BUILDING 10 - ANTINEOPLASTIC & IMMUNOMODULATING PRODUCTS)	AHARNON STREET, LIMASSOL INDUSTRIAL ESTATE, LIMASSOL, 3056, Cyprus	* Thuốc không vô trùng (các sản phẩm chống ung thư): Viên nang cứng; Viên nén	EU-GMP	REM10/2022/001	10-01-2022	25-10-2024	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	25
CY-007 » Mundipharma Pharmaceuticals Ltd » 13 -15 Othellos Street, Dhali Industrial Area, Nicosia, Cyprus, 2540, Cyprus									
262	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd	13 -15 Othellos Street, Dhali Industrial Area, Nicosia, Cyprus, 2540, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc phun mù; thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ); thuốc đạn.	EU-GMP	MUN01/2019/001	13-03-2019	08-02-2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	7
1242	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd	13 -15 Othellos Street, Dhali Industrial Area, Nicosia, Cyprus, 2540, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc phun mù; thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ); thuốc đạn.	EU-GMP	MUN01/2020/001	17-11-2020	11-03-2023	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	15
CY-008 » Delorbis Pharmaceuticals Ltd » 17 Athinon str., Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, Lefkosia, Cyprus									
614	Delorbis Pharmaceuticals Ltd	17 Athinon str., Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, Lefkosia, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên bao gồm cả thuốc dạng rắn chứa độc tế bào. * Xuất xưởng: các dạng thuốc trên bao gồm cả thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: phép thử vi sinh không vô trùng được hợp đồng với đơn vị Foodlab Ltd.	EU-GMP	DELOR/001/2019	13-05-2019	31-12-2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	10
1842	Delorbis Pharmaceuticals Ltd	17 Athinon str., Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, Lefkosia, Cyprus Cách ghi khác: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P.O. Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống. * Xuất xưởng: các dạng thuốc trên bao gồm cả thuốc vô trùng. * Đóng gói: - Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên bao gồm cả thuốc dạng rắn chứa độc tế bào. - Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: - Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); hóa học/vật lý; sinh học. - Phép thử vi sinh không vô trùng được hợp đồng với đơn vị Foodlab Ltd.	EU-GMP	DELOR/001/2021	04-08-2021	23-10-2023	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	21
CY-009 » Medochemie Ltd (Factory B) » 48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus									
448	Medochemie Ltd (Factory B) - Oral Facility	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	MED03/2019/001	09-09-2019	31-12-2022	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
493	Medochemie Ltd (Factory B)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: thuốc bột pha dung dịch tiêm	EU-GMP	MED03/2018/002	10-08-2018	31-12-2022	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
1993	Medochemie Ltd (Factory B) Injectable facility	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: thuốc bột pha dung dịch tiêm * Xuất xưởng thuốc vô trùng * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	MED03/2021/001	15-07-2021	31-12-2023	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	23
CY-011 » Medochemie Ltd (Factory AZ) » 2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, Agios Athanassios, Limassol, 4101, Cyprus									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
536	Medochemie Ltd (Factory AZ)	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanasios Industrial Area, Agios Athanasios, Limassol, 4101, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén giải phóng thay đổi; viên nén kháng dịch vị; viên nén bao phim.	EU-GMP	MED05/2019/002	09-09-2019	31-12-2023	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	9
CZ-001 » Oncomed manufacturing a.s. » Karásek 2229/1b Budova 02 Reckovice 62100 Brno, Czech									
3	Oncomed manufacturing a.s.	Karásek 2229/1b Budova 02 Reckovice 62100 Brno, Czech	* Dây chuyền sản xuất thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào;	EU-GMP	sukls96769/2017	07-09-2017	23-06-2020	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1
523	Oncomed manufacturing a.s.	Karásek 2229/1b, budova 02, Řečkovice, 621 00 Brno, Czech (* Cách ghi khác: Karásek 2229/1b, budova 02, 621 00 Brno-Řečkovice, Czech)	* Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng. * Sản phẩm cụ thể (chỉ sản xuất, đóng gói sơ cấp và đóng gói thứ cấp): + Thuốc bột pha dung dịch đậm đặc để tiêm truyền Pemetrexed Synthron 100 mg (Tên tại Việt Nam: Pemetrexed Biovagen).	EU-GMP	sukls148875/2019	23-10-2019	05-09-2022	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	9
1994	Oncomed manufacturing a.s.	Karásek 2229/1b, budova 02, Řečkovice, 621 00 Brno, Czech (* Cách ghi khác: Karásek 2229/1b, budova 02, 621 00 Brno-Řečkovice, Czech)	* Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Sinh học. * Sản phẩm cụ thể (chỉ sản xuất, đóng gói sơ cấp và đóng gói thứ cấp): + Thuốc bột pha dung dịch đậm đặc để tiêm truyền Pemetrexed Synthron 100 mg (Tên tại Việt Nam: Pemetrexed Biovagen).	EU-GMP	sukls201293/2021	04-01-2022	07-10-2024	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	23
CZ-002 » VUAB Pharma a.s. » Vltavská 53, 25263 Roztoky, Czech Republic									
76	VUAB Pharma a.s.	Vltavská 53, 25263 Roztoky, Czech Republic	Thuốc vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (bao gồm cả hormones)	EU-GMP	sukls62266/2019	28-06-2019	17-04-2022	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	5
1843	VUAB Pharma a.s.	Vltavská 53, 252 63 Roztoky, Czech Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (bao gồm cả hormones). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vô sinh /Vô trùng - không vô trùng); Hóa học /Vật lý; Sinh học	EU-GMP	sukls222024/2021	15-11-2021	09-09-2024	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	21
CZ-003 » Teva Czech Industries s.r.o » Ostravská 305/29, Komárov 747 70 Opava, Czech Republic									
923	Teva Czech Industries s.r.o	Ostravská 305/29, Komárov 747 70 Opava, - Czech Republic	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm chứa ciclosporin, thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon (không bao gồm hormon sinh dục)	EU-GMP	sukls293205/2018	11-12-2018	13-09-2021	State institute for drug control, Czech Republic.	12
1595	Teva Czech Industries s.r.o	Ostravská 305/29, Komárov 747 70 Opava, - Czech Republic	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm ức chế miễn dịch, thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon (không bao gồm hormon sinh dục); * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp: viên nang mềm ức chế miễn dịch, thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon (không bao gồm hormon sinh dục); * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	sukls189852/2020	18-12-2020	17-09-2023	State institute for drug control, Czech Republic.	18
CZ-004 » Ferring - Léciva a.s. » K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
591	Ferring - Léčiva a.s.	K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	sukls200879 /2018	26-06-2018	07-06-2021	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	9
1358	Ferring - Léčiva a.s.	K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech	* Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm hỗn dịch thực trực tràng) + Xuất xưởng lô.	EU-GMP	sukls56450/2020	10-08-2020	23-06-2023	State Institute for Drug Control, Czech Republic	16
CZ-005 » Ferring - Léčiva a.s. » Ke Skále 455, 252 42 Vestec u Prahy (areál spol. ECP, a.s.), Czech									
466	Ferring - Léčiva a.s.	Ke Skále 455, 252 42 Vestec u Prahy (areál spol. ECP, a.s.), Czech	* Đóng gói sơ cấp: thuốc đạn, viên nén. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	sukls200879 /2018	26-06-2018	07-06-2021	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	9
1359	Ferring - Léčiva a.s.	Ke Skále 455, 252 42 Vestec u Prahy (areál spol. ECP, a.s.), Czech	* Đóng gói sơ cấp: thuốc đạn. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	sukls56450/2020	10-08-2020	23-06-2023	State Institute for Drug Control, Czech Republic	16
CZ-006 » PRO.MED.CS Praha a.s. » Telčská 377/1, Michle, Praha 4, 140 00, Czech Republic									
1685	PRO.MED.CS Praha a.s.	Telčská 377/1, 140 00 Praha 4 - Michle, Czech Republic	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột. + Xuất xưởng lô bao gồm thuốc dùng trong dạng lỏng, thuốc đạn và thuốc bột. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Viên nang; Không vô trùng; Hóa học/Ât lý	EU-GMP	sukls67055/2020	16-06-2020	22-05-2023	State Institute for Drug Control, Czech Republic	19
CZ-007 » Biomedica, spol. s r.o. » Biomedica, spol. s r.o. divize Horátev, Horátev 104, 289 12 Nymburk, Czech Republic									
924	Biomedica, spol. s r.o.	Biomedica, spol. s r.o. divize Horátev, Horátev 104, 289 12 Nymburk, Czech Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc gói. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc gói. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	sukls316098 /2018	03-01-2019	08-11-2021	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	12
1910	Biomedica, spol. s r.o.	Biomedica, spol. s r.o. divize Horátev, Horátev 104, 289 12 Nymburk, Czech Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc gói. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột, thuốc gói. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	sukls229717 /2020	04-06-2021	14-04-2024	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	22
DE-001 » Medac Gesellschaft fur klinische Spezialparate mbH » Theaterstraße 6 22880 Wedel, Germany									
4	Medac Gesellschaft fur klinische Spezialparate mbH	TheaterstraBe 6 22880 Wedel Germany	* Xuất xưởng lô (Thuốc sản xuất vô trùng; thuốc tiết trùng cuối; sản phẩm công nghệ sinh học; thuốc sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật); * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0039	12-12-2016	26-11-2018	Cơ quan Thẩm quyền Đức	1

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
345	Medac Gesellschaft fur klinische Spezialprparate mbH, Germany	TheaterstraBe 6 22880 Wedel Germany	* Xuất xưởng lô (Thuốc sản xuất vô trùng; thuốc tiết trùng cuối; sản phẩm công nghệ sinh học; thuốc sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc không vô trùng); * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0039	11-08-2018	19-10-2020	Cơ quan Thẩm quyền Đức	8
439	Medac Gesellschaft fur klinische Spezialprparate mbH	TheaterstraBe 6 22880 Wedel Germany	* Xuất xưởng lô (Thuốc sản xuất vô trùng; thuốc tiết trùng cuối; sản phẩm công nghệ sinh học; thuốc sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật); * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0039	08-11-2018	19-10-2020	Cơ quan Thẩm quyền Đức	8
925	Medac Gesellschaft fur klinische Spezialprparate mbH	TheaterstraBe 6 22880 Wedel Germany	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc công nghệ sinh học, thuốc sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2020_0032	19-08-2020	22-08-2022	Cơ quan Thẩm quyền Đức	12
2120	Medac Gesellschaft fur klinische Spezialprparate mbH	TheaterstraBe 6 22880 Wedel Germany	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc công nghệ sinh học, thuốc sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2022_0011	20-05-2022	12-08-2024	Cơ quan Thẩm quyền Đức	25
DE-002 » Haupt pharma Amareg GmbH » Donaustauffer Strabe 378, 93055 Regensburg, Germany									
25	Haupt pharma Amareg GmbH	Donaustauffer Strabe 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả kháng sinh, thuốc kim tế bào, thuốc độc tế bào; thuốc chữa hormon hoặc hoạt chất có hoạt tính hormon; thuốc ức chế miễn dịch): viên nang cứng, thuốc nước dùng ngoài, thuốc bán rắn, thuốc đặt, viên nén, viên nén bao.	EU-GMP	DE_BY_05_GMO_2017_0024	31-1-2019	06-07-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	2
717	Haupt pharma Amareg GmbH	Donaustauffer Strabe 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả kháng sinh, thuốc kim tế bào, thuốc độc tế bào; thuốc chữa hormon hoặc hoạt chất có hoạt tính hormon; thuốc ức chế miễn dịch): viên nang cứng, thuốc nước dùng ngoài, thuốc bán rắn, thuốc đặt, viên nén, viên nén bao.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2019_0070	31-10-2019	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-003 » Baxter Oncology GmbH » Kantstraße 2, 33790 Halle/Westfalen, Germany									
29	Baxter Oncology GmbH	Kantstraße 2, 33790 Halle/Westfalen, German	* Thuốc vô trùng (chứa hormon, chất độc tế bào, chất ức chế miễn dịch): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (chứa protein/DNA tái tổ hợp, hormon được tách từ nước tiểu người).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2017_1001		18-01-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	3
402	Baxter Oncology GmbH	Kantstraße 2, 33790 Halle/Westfalen, Germany Cách ghi khác: Kantstrasse 2, D-33790- Halle, Germany	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả hormon, chất độc tế bào, chất ức chế miễn dịch): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (chứa protein/DNA tái tổ hợp, hormon được tách từ nước tiểu người).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2020_0006	11-02-2020	29-01-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
DE-004 » Haupt Pharma Wülfing GmbH » Bethelner Landstrasse 18 Gronau/Leine, Niedersachsen, 31028, Germany									
104	Haupt Pharma Wülfing GmbH (Tên cũ: Wuelfing Pharma GmbH)	Bethelner Landstraße 18, 31028 Gronau/Leine, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm; Viên nén bao; Thuốc bán rắn; Thuốc đạn; Viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc từ dược liệu. * Đóng gói sơ cấp: Không bao gồm thuốc bán rắn.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2018_0022	17-05-2018	21-02-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1057	Haupt Pharma Wülfing GmbH (Tên cũ: Wülfing Pharma GmbH) (* Cách ghi khác: Haupt Pharma Wuelfing GmbH - Tên cũ: Wuelfing Pharma GmbH)	Bethelner Landstraße 18, 31028 Gronau/Leine, Germany (* Cách ghi khác: Bethelner Landstrasse 18, 31028 Gronau/Leine, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm; Viên nén bao; Thuốc bán rắn; Thuốc đạn; Viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc từ dược liệu. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm; Viên nén bao; Thuốc đạn; Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2020_0016	15-04-2020	05-02-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
DE-005 » INFAI GmbH » Zweigniederlassung Hagen, An der Kohlenbahn 39, 58135 Hagen, Germany									
54	INFAI GmbH	An der Kohlenbahn 39, 58135 Hagen, Germany	- Đóng gói sơ cấp, thứ cấp và xuất xưởng lô:: * Thuốc uống dạng lỏng: Gastromotal * Thuốc bột: Helicobacter testkit, Pancreo-Lip	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_0011	06-02-2017	31-01-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	4
DE-006 » Catalent Germany Schorndorf GmbH » Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany									
79	Catalent Germany Schorndorf GmbH	Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên bao phim, viên nang cứng, các dạng thuốc rắn khác (thuốc cốm)	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1056	07-09-2017	05-07-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	5
926	Catalent Germany Schorndorf GmbH	Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc dược liệu): Viên nén, viên bao phim, viên nang cứng, các dạng thuốc rắn khác (thuốc cốm, thuốc bột, viên tròn (globuli), pellets) * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp (bao gồm cả thuốc dược liệu): Bao gồm cả viên nang mềm, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn, thuốc hít. + Đóng gói thứ cấp * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/vật lý	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020-0083	23-06-2020	14-02-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
DE-007 » Siegfried Hameln GmbH » Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany									
83	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Sản xuất thuốc: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc sinh học: Vaccin chứa vi rút hoặc vi khuẩn bất hoạt (Chỉ có từ công đoạn filling).	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0016	15-04-2019	20-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	5
263	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Sản xuất thuốc: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0016	15-04-2019	20-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	7
1596	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng, đóng gói thứ cấp: thuốc đông khô	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2021_0003	27-01-2021	03-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
1686	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Sản xuất thuốc: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2021_0003	27-01-2021	03-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	19
DE-008 » GP Grenzach Produktions GmbH » Emil-Barell-Strasse 7, 79639 Grenzach-Wyhlen, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
105	GP Grenzach Produktions GmbH	Emil-Barell-Strasse 7, 79639 Grenzach-Wyhlen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô; Thuốc bán rắn; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bán rắn; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học; Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói sơ cấp: Không bao gồm thuốc dạng lỏng không vô trùng. Bao gồm cả viên nang mềm.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1077	20-10-2017	20-07-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1464	GP Grenzach Produktions GmbH	Emil-Barell-Strasse 7, 79639 Grenzach-Wyhlen, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bán rắn. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bán rắn; Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0061	21-04-2020	02-04-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
DE-009 » Bayer AG » Müllerstraße 178, 13353 Berlin, Germany									
106	Bayer AG (Tên cũ: Bayer Pharma AG)	Müllerstraße (hoặc: Müllerstrasse) 178, 13353 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng - Thuốc sản xuất vô trùng chứa hormon: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (ampoules, vials and cartridges) - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (infusion bottles and cartridges), dung dịch thể tích nhỏ (vials and pre-filled syringes) - Xuất xưởng lọ * Thuốc không vô trùng: Xuất xưởng lọ * Thuốc công nghệ sinh học: - Sản phẩm protein tái tổ hợp/DNA Afibercept (Eylea) - Xuất xưởng lọ. * Đóng gói - Đóng gói sơ cấp: viên nén chứa hormon. - Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2018_0032	15-11-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
DE-010 » Holopack Verpackungstechnik GmbH » Bahnhofstraße 18, 74429 Sulzbach - Laufen, Germany									
107	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Bahnhofstraße 18, 74429 Sulzbach - Laufen, Germany (* Cách ghi khác: Bahnhofstraße D-74429 Sulzbach - Laufen, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (yêu cầu đặc biệt: nguyên liệu có tính nhạy cảm cao khác, Prostaglandins/Cytokines, thuốc ức chế miễn dịch, Sulphonamides): Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ, dạng bào chế bán rắn. * Thuốc không vô trùng (yêu cầu đặc biệt: nguyên liệu có tính nhạy cảm cao khác, Prostaglandins/Cytokines, thuốc ức chế miễn dịch, Sulphonamides): Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học (protein, bào chế DNA, tái tổ hợp enzyme). * Thuốc dùng liều, thuốc vi lượng, đông khô	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0106	12-08-2019	24-07-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
DE-011 » Novartis Pharma Produktions GmbH » Öflinger Str. 44, 79664 Wehr, Germany									
549	Novartis Pharma Produktions GmbH	Öflinger Str. (hoặc Öflinger Strasse hoặc Oeflingerstrasse) 44, 79664 Wehr, Germany	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0033	29-01-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	9
2051	Novartis Pharma Produktions GmbH	Öflinger Str. (hoặc Öflinger Strasse hoặc Oeflingerstrasse) 44, 79664 Wehr, Germany	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2022_0089	21-06-2022	01-12-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	24
DE-012 » Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG » Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany									
108	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany. (Cách viết khác: Schützenstrasse (hoặc Schutzenstrasse) 87 und (hoặc and) 99-101, 88212 Ravensburg, Germany / Schutzenstrasse 87, D-88212 Ravensburg, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ huyết tương; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23-05-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1243	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany. (Cách viết khác: Schützenstrasse. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany / Schutzenstrasse 87, D-88212 Ravensburg, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon): thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon): dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0125	22-01-2020	11-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
1465	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany. (Cách viết khác: Schützenstrasse (hoặc Schutzenstrasse) . 87 und (hoặc and) 99-101, 88212 Ravensburg, Germany / Schutzenstrasse 87, D-88212 Ravensburg, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon): thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon): dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0077	03-06-2020	24-04-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
DE-013 » Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk) » Bunsenstrasse 4, 22946 Trittau, Germany									
109	Panpharma GmbH (* Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Bunsenstrasse (hoặc Bunsenstrasse) 4, 22946 Trittau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hóc môn và các chất có hoạt tính hóc môn); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn; * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2019_0040	07-06-2018	09-02-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)	6
718	Panpharma GmbH (* Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Bunsenstrasse (hoặc Bunsenstrasse) 4, 22946 Trittau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2020_0034	22-09-2020	28-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
2121	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Bunsenstrasse (hoặc Bunsenstrasse) 4, 22946 Trittau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp * Kiểm soát chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Hóa học/vật lý; Sinh học	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2022_0031	13-06-2022	21-10-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-014 » Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH » Industriestr.3, 34212 Melsungen, Germany									
110	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Industriestr.3 (hoặc Industriestrasse 3) 34212 Melsungen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (không bao gồm vi lượng đồng căn), dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc vi lượng đồng căn	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05-07-2018	23-05-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1360	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Industriestr.3 (hoặc Industriestrasse 3) 34212 Melsungen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (không bao gồm vi lượng đồng căn), dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc vi lượng đồng căn * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh (vô trùng).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0148	21-12-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-015 » Catalent Germany Eberbach GmbH » Gammelsbacher Str. 2 – 69412 Eberbach, Germany									
264	Catalent Germany Eberbach GmbH	Gammelsbacher Str. 2 – 69412 Eberbach, Đức	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); thuốc uống dạng lỏng (không bao gồm đóng gói sơ cấp); viên nang đặt hậu môn và âm đạo (không bao gồm đóng gói sơ cấp).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11-06-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	7
1687	Catalent Germany Eberbach GmbH	Gammelsbacher Str. 2 – 69412 Eberbach, Đức	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); thuốc uống dạng lỏng (không bao gồm đóng gói sơ cấp); viên nang đặt hậu môn và âm đạo (không bao gồm đóng gói sơ cấp). (chứng nhận không bao gồm sản phẩm máu, sản phẩm miễn dịch, sản phẩm trị liệu tế bào, sản phẩm trị liệu gen, sản phẩm in-vivo hoặc chỉ thị gen, sản phẩm sinh học, sản phẩm phóng xạ, sản phẩm dịch chiết từ người hay động vật	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0068	14-04-2021	12-03-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	19
DE-016 » Rottendorf Pharma GmbH » Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany									
111	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén (bao gồm viên nén chứa Tamoxifen, Flutamide và Clomifen và các chất tương tự); viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén giải phóng kéo dài; viên nén sủi bọt; thuốc bột; pellet; thuốc cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0027	01-07-2019	14-03-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
2052	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén; viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén giải phóng kéo dài; viên nén sủi bọt; thuốc bột; pellet; thuốc cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: thuốc bột; pellet; thuốc cốm. <i>* Kiểm tra chất lượng: hóa học/vật lý (vô trùng: không vô trùng)</i>	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2021_0030	26-10-2021	06-05-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-017 » BAG Health Care GmbH » Amtsgerichtsstraße 1-5, D-35423 Lich, Germany									
112	BAG Health Care GmbH	BAG Health Care GmbH Amtsgerichtsstraße 1-5, D-35423 Lich, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0106	31-07-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
DE-018 » Bayer Weimar GmbH und Co.KG » Döbereinerstraße 20, 99427 Weimar, Germany									
113	Bayer Weimar GmbH und Co.KG	Bayer Weimar GmbH und Co.KG Döbereinerstraße 20, (hoặc Döbereinerstrasse 20) 99427 Weimar, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén và viên nén bao phim (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2017_1020	28-08-2017	27-04-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
615	Bayer Weimar GmbH und Co.KG	Bayer Weimar GmbH und Co.KG Döbereinerstraße 20, (hoặc Döbereinerstrasse 20) 99427 Weimar, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). * Đóng gói thứ cấp và xuất xưởng lô hệ dán qua da và đóng gói lại thuốc dạng rắn	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2020-005	30-03-2020	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	10
DE-019 » Salutas Pharma GmbH » Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
114	Salutas Pharma GmbH	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất ức chế miễn dịch); viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất kim tế bào, chất ức chế miễn dịch và chất có hoạt tính nhạy cảm cao khác). * Đóng gói và xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2019_0035	02-07-2019	07-02-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1844	Salutas Pharma GmbH	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng (chứa chất ức chế miễn dịch); viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào, chất ức chế miễn dịch và chất có hoạt tính nhạy cảm cao). * Xuất xưởng thuốc vô trùng (thuốc tiêm truyền, dung dịch tiêm, thuốc đông khô, thuốc nhỏ mắt, thuốc bột pha dung dịch tiêm/tiêm truyền) * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: các dạng thuốc trên và thuốc bột, thuốc dạng bán rắn và cấy ghép. * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng trên và thuốc dán qua da; * Đóng gói thứ cấp: bao gồm cả thuốc đặt, vòng đặt * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2021_0007	14-10-2021	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-020 » Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co.KG » Eisenbahnstrasse 2-4, 88085 Langenargen, Germany									
115	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co.KG	Eisenbahnstr. 2-4, 88085 Langenargen, Germany. (Cách ghi khác: Eisenbahnstrasse 2-4, 88085 Langenargen, Germany)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính hormon): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô ; dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu: chế phẩm plasma; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (bao gồm cả thuốc chứa dược chất có hoạt tính hormon); sản phẩm chiết xuất từ người, động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0127	03-12-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
2122	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co.KG	Eisenbahnstr. 2-4, 88085 Langenargen, Germany. (Cách ghi khác: Eisenbahnstrasse 2-4, 88085 Langenargen, Germany)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính hormon): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô ; dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu: chế phẩm plasma; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (bao gồm cả thuốc chứa dược chất có hoạt tính hormon); sản phẩm chiết xuất từ người, động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2022_0131	12-09-2022	24-05-2025	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-021 » AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG » Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany									
116	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany (cách viết khác: Knollstrasse, D- 67061 Ludwigshafen, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1026	07-12-2017	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1688	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany (cách viết khác: Knollstrasse, D- 67061 Ludwigshafen, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2021_0013	12-05-2021	05-11-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	19
DE-022 » Roche Diagnostics GmbH » Sandhofer Straße 116, 68305 Mannheim, Germany									
117	Roche Diagnostics GmbH	Sandhofer Straße (hoặc: Strasse) 116, 68305 Mannheim, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (kháng thể đơn dòng sản xuất bằng công nghệ gen, Epoetin beta, Peginterferon alfa-2a, methoxypolyethyleneglycol-epoetin beta và CEA CD3 TCB). * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng: + Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14-06-2018	06-06-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1361	Roche Diagnostics GmbH	Sandhofer Straße (hoặc: Strasse) 116, 68305 Mannheim, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (kháng thể đơn dòng sản xuất bằng công nghệ gen, Epoetin beta, Peginterferon alfa-2a, methoxypolyethyleneglycol-epoetin beta). * Xuất xưởng: + Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng. + Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0104	05-08-2020	16-01-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-023 » IDT Biologika GmbH » Am Pharmapark 06861 Dessau-Roßlau, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
118	IDT Biologika GmbH	Am Pharmapark 06861 Dessau-Roblau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích lớn, thuốc đông khô, Dạng lỏng thể tích nhỏ * Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích lớn, Dạng lỏng thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học, vắc xin, impfstoffe * API: virus seed material * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0031	01-10-2018	08-06-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1244	IDT Biologika GmbH	Am Pharmapark 06861 Dessau-Rosslau, Germany (Am Pharmapark 06861 Dessau-Roßlau, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích lớn, thuốc đông khô, Dạng lỏng thể tích nhỏ * Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích lớn, Dạng lỏng thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học * API: virus seed material * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2020_0030	22-12-2020	10-09-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
DE-024 » Excella GmbH & Co.KG » Nurnberger Str.12 90537 Feucht, Germany									
719	Excella GmbH & Co.KG	Nurnberger Str.12 90537 Feucht, Germany (cách viết khác: Nurnberger Strasse 12, 90537 Feucht, Germany)	* Thuốc không vô trùng (hormon và chất có hoạt tính hormon, độc tế bào/ kim tế bào, ức chế miễn dịch): viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. + Chứng nhận lô * Đóng gói sơ cấp (hormon và chất có hoạt tính hormon, độc tế bào/ kim tế bào, ức chế miễn dịch): viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa/ lý.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2018_0064	13-08-2018	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberfranken), Germany	11
DE-025 » LTS Lohmann Theraple-System AG » Lohmann Str.2, 56626 Andernach, Germany									
397	LTS Lohmann Therapie - Systeme AG	Lohmannst. 2, 56626 Andernach, Germany	* Thuốc không vô trùng: thuốc khung thẩm; dạng bào chế bán rắn; miếng dán ngoài da chứa hóc môn và các chất có hoạt tính hóc môn.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP-2018_0005	06-02-2018	26-10-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
563	LTS Lohmann Theraple-System AG	Lohmann Str.2, 56626 Andernach, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc bán rắn + Khung thẩm (Impregnated matrices)	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2018_0005	06-02-2018	26-10-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1466	LTS Lohmann Therapie - Systeme AG	Lohmannstr. 2, 56626 Andernach, Germany	* Thuốc không vô trùng: thuốc khung thẩm; miếng dán ngoài da chứa hóc môn và các chất có hoạt tính hóc môn.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2021_0006	02-03-2021	31-10-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
DE-026 » B.Braun Melsungen AG » Straße 1 (hoặc Carl - Braun - Straße 1), 34212 Melsungen, Germany									
119	B.Braun Melsungen AG	Straße 1 34212 Melsungen, Germany (Cách ghi khác: Carl - Braun - Straße 1, 34212 Melsungen, Germany)	* Thuốc vô trùng + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, nhũ tương thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn; nhũ tương thể tích lớn.	EU-GMP	DE-HE-01-GMP-2019-0172	07-10-2019	22-05-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
2123	B.Braun Melsungen AG	Straße 1 34212 Melsungen, Germany (Cách ghi khác: Carl - Braun - Straße 1, 34212 Melsungen, Germany)	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn; * Sản phẩm được cấp phép xuất khẩu đến Việt Nam (theo Phụ lục 8 - Giấy phép sản xuất): Aminoplasma Hepa-10%; Aminoplasma B. Braun 10%E; Aminoplasma B. Braun 5%E; Lipidem; Lipofundin MCT/LCT 10%; Lipofundin MCT/LCT 20%; NutriFlex Lipid Peri; Propofol - Lipuro 1%	EU-GMP	DE-HE-01-GMP-2022-0060	17-05-2022	21-02-2025	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-027 » Bendalis GmbH » Keltenring 17, 82041 Oberhaching, Germany									
120	Bendalis GmbH	Keltenring 17, 82041 Oberhaching, Germany	Xuất xưởng thuốc vô trùng	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0041	16-04-2019	11-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
DE-028 » Biokanol Pharma GmbH » Kehler Str.7, 76437 Rastatt, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
551	Biokanol Pharma GmbH	Kehler Str.7, 76437 Rastatt, Germany	* Xuất xưởng: thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc miễn dịch * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0133	16-10-2019	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
DE-029 » Octapharma Dessau GmbH » Otto-Reuter-Straße 3, 06847, Dessau-Roßlau, Germany									
121	Octapharma Dessau GmbH	Otto-Reuter-Straße 3, 06847, Dessau-Roßlau, Germany	Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0045	21-11-2018	16-08-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1597	Octapharma Dessau GmbH	Otto-Reuter-Straße 3, 06847, Dessau-Roßlau, Germany	* Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2021_0001	22-01-2021	29-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-030 » Dr. Gerhard Mann Chem.-pharm. Fabrik GmbH » Brunsbutteiler Damm 149-153, 155a, 165-173, 13581 Berlin, Germany									
1058	Dr. Gerhard Mann Chem.-pharm. Fabrik GmbH	Brunsbütteler Damm 149-153, 155a, 165-173, 13581 Berlin, Germany	+ Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế bán rắn (gel tra mắt, mỡ tra mắt); dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt). + Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch dùng ngoài da).	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2018_0017	22-08-2018	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
DE-031 » Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. Kg » Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany									
365	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. Kg	Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany	* Sản xuất thuốc: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch để hít. + Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc nước uống; thuốc bột; thuốc cốm; chế phẩm sử dụng áp lực; viên nén; dung dịch để hít; pellet. * Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2018_0007	27-02-2018	20-10-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
579	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. Kg	Binger Strasse (hoặc Straße hoặc Str.)173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany	* Sản xuất: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch để hít. + Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc nước uống; thuốc bột; thuốc cốm; chế phẩm sử dụng áp lực (khí dung); viên nén; viên nén bao phim; viên nén phóng thích chậm; dung dịch để hít, pellet. * Đóng gói sơ cấp: + Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc nước uống; thuốc bột; thuốc cốm; chế phẩm sử dụng áp lực (khí dung); viên nén; viên nén bao phim; viên nén phóng thích chậm; dung dịch để hít, pellet. * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2019_0035	03-06-2020	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
DE-032 » Corden Pharma GmbH » Otto-Hahn-Str. 68723 Plankstadt, Germany									
122	Corden Pharma GmbH	Corden Pharma, Otto-Hahn-Str. 68723 Plankstadt, Germany hoặc Otto-Hahn-Strasse, 68723 Plankstadt - Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột (chứa hoạt chất có hoạt tính cao); viên nén, viên nén bao phim (chứa hoạt chất có hoạt tính cao).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0082	21-06-2019	20-03-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1911	Corden Pharma GmbH	Corden Pharma, Otto-Hahn-Str. 68723 Plankstadt, Germany hoặc Otto-Hahn-Strasse, 68723 Plankstadt - Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột (chứa hoạt chất có hoạt tính cao); viên nén, viên nén bao phim (chứa hoạt chất có hoạt tính cao). * Đóng gói: + Đóng gói cấp 1: các dạng thuốc trên + Đóng gói cấp 2 * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: Vật sinh (không vô trùng); Hóa lý/Vật lý	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0193	21-12-2021	08-09-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-033 » Merck KGaA » Frankfurter Strabe 250, 64293 Darmstadt, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
123	Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc nhỏ mắt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (dung dịch thể tích nhỏ); thuốc công nghệ sinh học (dung dịch thể tích nhỏ).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0004	10-01-2018	18-08-2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
433	Merck Healthcare KGaA (* Tên cũ: Merck KGaA)	Frankfurter Strabe 250, A 31, A 32, D 11, D 12, D 15, D 39, F 128, PH 5, PH 15, PH 16, PH 26, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, PH 85, PH 95 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse (hoặc Strabe, Strabe) 250 64293 (hoặc D-64293) Darmstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc nhỏ mắt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); * Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng: bao gồm cả thuốc dùng ngoài dạng lỏng; không bao gồm viên nang cứng. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ); thuốc công nghệ sinh học (Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0053	21-05-2019	05-04-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
1845	Merck Healthcare KGaA (* Tên cũ: Merck KGaA)	Frankfurter Strabe 250, A 31, A 32, D 11, D 12, D 15, D 39, F 128, PH 5, PH 15, PH 16, PH 26, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, PH 85, PH 95 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse (hoặc Strabe, Strabe) 250 64293 (hoặc D-64293) Darmstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ thuốc nhỏ mắt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng: thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim. + Xuất xưởng: thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ); thuốc công nghệ sinh học (Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ). + Xuất xưởng: thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; (không bao gồm viên nang cứng). + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0126	29-11-2021	10-09-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-034 » Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH » Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany									
124	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany	Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc có hoạt tính cao: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc cốm, pellet.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1070	09-10-2017	29-06-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
720	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany	Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc có hoạt tính cao: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc cốm, pellet.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0084	27-06-2019	12-10-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1168	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany	* Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc có hoạt tính cao: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc cốm, pellet. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc cốm, pellet (bao gồm cả thuốc có hoạt tính cao); viên nang mềm; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng, hóa học/ vật lý.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0097	13-07-2020	28-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
1912	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany	* Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc có hoạt tính cao: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc cốm, pellet. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc cốm, pellet (bao gồm cả thuốc có hoạt tính cao); viên nang mềm; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/ vật lý.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0006	11-02-2021	07-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-035 » Berlin Chemie AG » Tempelhofer Weg 83, 12347 Berlin, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
361	Berlin Chemie AG	Berlin-Chemie AG, Tempelhofer Weg 83, 12347 Berlin, Germany	* Sản xuất bán thành phẩm: + Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, thuốc cốm.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1065	20-12-2017	10-11-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
1169	Berlin Chemie AG	Berlin-Chemie AG, Tempelhofer Weg 83, 12347 Berlin, Germany	* Sản xuất bán thành phẩm: + Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, thuốc cốm. + Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật: bột pancreas (porcine).	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2020_0007	24-03-2020	24-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
1995	Berlin Chemie AG	Berlin-Chemie AG, Tempelhofer Weg 83, 12347 Berlin, Germany	* Sản xuất bán thành phẩm: + Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon L-thyroxine), viên nén bao phim, viên nén bao đường, thuốc cốm. + Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật: bột pancreas (porcine). *Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2022-0014	01-03-2022	06-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	23
DE-036 » Pencef Pharma GmbH » Breitenbachstrabe 13-14, 13509 Berlin, Germany									
125	Pencef Pharma GMBH	Breitenbachstrabe 13-14, 13509 Berlin, Germany	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh Penicillin: Viên nang cứng, Viên nén, viên nén bao phim, viên nén phân tán, viên nén hòa tan, thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột pha dung dịch uống, thuốc cốm pha dung dịch uống, thuốc cốm pha hỗn dịch, thuốc bột, thuốc cốm	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1014	29-06-2017	01-06-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
DE-037 » Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG » Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss, Germany									
126	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany (Cách ghi khác: Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; pellet; * Thuốc sinh học khác: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1039	18-09-2017	11-05-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
537	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany (Cách ghi khác: Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss Germany)	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; pellet; * Thuốc sinh học khác: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0122	19-09-2019	23-05-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1689	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany (Cách ghi khác: Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss Germany)	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng (Dung dịch tiêm/tiêm truyền): Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô (thuốc bột đông khô); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; pellet; * Thuốc sinh học khác: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0114	23-09-2020	30-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	19
DE-038 » Deltamedica GmbH » Ernst-Wagner-Weg 1-5, Reutlingen, 72766, Germany									
927	Deltamedica GmbH	Ernst-Wagner-Weg 1-5, Reutlingen, 72766, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0006	14-01-2019	18-10-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1794	Deltamedica GmbH	Ernst-Wagner-Weg 1-5, 72766 Reutlingen, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0112	07-07-2021	29-06-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	20
DE-039 » Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH » Pfaffenrieder Straße 5, 82515 Wolfratshausen, Germany									
528	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH Pfaffenrieder Straße 5, 82515 Wolfratshausen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Hỗn dịch và thuốc xịt mũi. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Hỗn dịch. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng ; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; Viên nén. Đóng gói sơ cấp thuốc viên nén chứa chất kim tế bào. * Kiểm tra chất lượng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; Viên nén.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2020-0001	07-01-2020	08-02-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1913	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH Pfaffenrieder Straße 5, 82515 Wolfratshausen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Hỗn dịch và thuốc xịt mũi. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); Hỗn dịch. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng ; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; Viên nén. Đóng gói cấp 1 thuốc viên nén chứa chất kim tế bào. * Kiểm tra chất lượng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; Viên nén.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0041	24-03-2021	08-02-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-040 » Abbott Laboratories GmbH » Justus-von-Liebig-Strabe 33, 31535 Neustadt, Germany									
127	Abbott Laboratories GmbH	Justus-von-Liebig-Strabe 33, 31535 Neustadt, Germany	* Sản xuất thuốc: + Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; + Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng lô: bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói sơ cấp, đóng gói thứ cấp: chỉ đối với viên nang cứng.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0013	03-04-2019	18-09-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
1598	Abbott Laboratories GmbH	Justus-von-Liebig-Strabe 33, 31535 Neustadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng. * Xuất xưởng: viên nang cứng; viên nang mềm. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng: thuốc sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: chỉ đối với viên nang cứng. + Đóng gói thứ cấp: chỉ đối với viên nang cứng. * Kiểm tra chất lượng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; Viên nén.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2021_0008	04-05-2021	05-03-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-041 » Pharbil Waltrop GmbH » Im Wirrigen 25, 45731 Waltrop, Germany									
1170	Pharbil Waltrop GmbH	Pharbil Waltrop GmbH Im Wirrigen 25, 45731 Waltrop, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; pellets (chứa hormon); thuốc cốm (chứa hormon); thuốc bán rắn (chứa hormon); thuốc đặt âm đạo (chứa hormon); viên nén (chứa hormon).	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0030	01-07-2019	14-02-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
2124	Pharbil Waltrop GmbH	Pharbil Waltrop GmbH Im Wirrigen 25, 45731 Waltrop, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; pellets (chứa hormon); thuốc cốm (chứa hormon); thuốc bán rắn (chứa hormon); thuốc đặt âm đạo (chứa hormon); viên nén (chứa hormon).	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2022_0008	11-03-2022	17-11-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-042 » Thymoorgan Pharmazie GmbH » Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany									
721	Thymoorgan Pharmazie GmbH	Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany (* Cách ghi cũ: Schiffgraben 23, 38690 Vienenburg, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); thuốc lỏng thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc lỏng thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói: + Đóng gói cấp 2 * Kiểm tra chất lượng:	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2019_0017	15-07-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-043 » Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG » Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
928	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany (cách ghi khác: Willmar-Schwabe-Str. 4, D-76227 Karlsruhe, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng rắn (thuốc bột; thuốc cốm; thuốc dạng hạt nhỏ (pillules)); viên nén; viên nén bao phim. * Các thuốc khác: + Thuốc được liệu. + Thuốc vi lượng đồng căn (Homoeopathic products).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0060	05-08-2019	22-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1245	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany (cách ghi khác: Willmar-Schwabe-Str. 4, D-76227 Karlsruhe, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng rắn (thuốc bột; thuốc cốm; thuốc dạng hạt nhỏ (pillules)); viên nén; viên nén bao phim. * Xuất xưởng Thuốc không vô trùng. * Các thuốc khác: + Thuốc được liệu. + Thuốc vi lượng đồng căn (Homoeopathic products). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc ở mục Thuốc không vô trùng. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0136	16-10-2019	30-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
2053	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany (cách ghi khác: Willmar-Schwabe-Str. 4, D-76227 Karlsruhe, Germany)	* Thuốc vô trùng: Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng rắn (thuốc bột; thuốc cốm; thuốc dạng hạt nhỏ (pillules)); viên nén; viên nén bao phim. * Xuất xưởng Thuốc không vô trùng. * Các thuốc khác: + Thuốc được liệu. + Thuốc vi lượng đồng căn (Homoeopathic products). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc ở mục Thuốc không vô trùng. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2022_0010	26-01-2022	12-11-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-045 » Stada Arzneimittel AG » Stadastrasse 2-18, 61118 Bad Vilbel - Germany									
265	Stada Arzneimittel AG	STADA Arzneimittel AG Stadastrasse (hoặc Stadastraße) 2-18, 61118 Bad Vilbel - Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng;. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim, viên nén giải phóng thay đổi, viên nén kháng dịch dạ dày); * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: Bao gồm cả viên nhai, dạng bào chế có áp lực; thuốc đặt; thuốc dán qua da. * Xuất xưởng thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học;.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0168	26-09-2019	29-08-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	7
DE-046 » Lindopharm GmbH » Neustrasse (hoặc Neustrabe) 82 40721 Hilden, Germany									
266	Lindopharm GmbH	Lindopharm GmbH Neustrasse (hoặc Neustraße) 82 40721 Hilden, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nén chứa chất có hoạt tính hormon; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2018_0038	11-02-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	7
2125	Lindopharm GmbH	Lindopharm GmbH Neustrasse (hoặc Neustraße) 82 40721 Hilden, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nén chứa chất có hoạt tính hormon; thuốc vô trùng khác (thuốc bột; thuốc cốm). * Xuất xưởng. * Đóng gói : + Đóng gói sơ cấp: Viên nén; thuốc vô trùng khác (thuốc bột; thuốc cốm) + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2022_0017	11-03-2022	04-11-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-047 » STADAPharm GmbH » Feodor-Lynen-Straße 35, Hannover, Niedersachsen, 30625, Germany									
453	STADAPharm GmbH	STADAPHARM GmbH, Feodor-Lynen-Straße 35, 30625 Hannover, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2020_0013	25-03-2020	05-11-2022	Cơ quan Thẩm quyền Đức	9
DE-048 » Berlin-Chemie AG » Glienicker Weg 125 12489 Berlin, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
722	Berlin-Chemie AG	Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc đặt. + Sản xuất thuốc cốm (bán thành phẩm). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc đặt; Viên nén (bao gồm cả hormones và sulfonamides), viên nén bao, viên nén bao đường. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2019_0009	11-02-2019	31-01-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1996	Berlin-Chemie AG	Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc đặt; Thuốc cốm (bán thành phẩm); Viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật: bột tụy (của lợn). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc đặt; Viên nén (bao gồm cả hormon), viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén nhai. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2022_0013	01-03-2022	21-01-2025	Cơ quan thẩm quyền Đức	23
DE-049 » Cheplapharm Arzneimittel GmbH » Ziegelhof 23-24, Greifswald, Mecklenburg-Vorpommern, 17489, Germany									
723	Cheplapharm Arzneimittel GmbH	Ziegelhof 23-24, 17489, Greifswald, Germany	* Thuốc vô trùng: + Xuất xưởng thuốc vô trùng * Thuốc không vô trùng: + Xuất xưởng thuốc không vô trùng	EU-GMP	DE_MV_01_GMP_2019_0017	21-08-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-050 » Artesan Pharma GmbH & Co. KG » Wendlandstraße 1, 29439 Luchow, Lower Saxony, Germany									
1059	Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Wendlandstraße 1, 29439 Lúchow, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai. + Thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục; nystatin và kháng sinh non - betalactam). * Thuốc được liệu; sản phẩm vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng và các dạng thuốc không vô trùng nêu trên.	EU-GMP	DE_NI_03_GMP_2018_0020	05-11-2018	13-09-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
1599	Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Wendlandstraße 1, 29439 Lúchow, Germany (* cách ghi khác: Wendlandstr.1, 29439 Lúchow-Germany)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai. + Thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục; nystatin và kháng sinh non - betalactam). * Thuốc được liệu; sản phẩm vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng và các dạng thuốc không vô trùng nêu trên. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_NI_03_GMP_2021_0007	23-03-2021	03-09-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-051 » Artesan Pharma GmbH & Co. KG » Albrecht-Thaer-Strabe 9 29439 Luchow, Germany									
1060	Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Albrecht-Thaer-Strabe 9 29439 Luchow, Germany	* Đóng gói sơ cấp và thứ cấp thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai; khung thấm; các dạng bào chế rắn khác; viên nén; miếng dán; thuốc từ dược liệu; sản phẩm vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng; thuốc từ dược liệu; sản phẩm vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NI_03_GMP_2018_0023	05-11-2018	13-09-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
1690	Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Albrecht-Thaer-Straße 9, 29439 Lúchow, Germany	* Thuốc vô trùng: + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Xuất xưởng. * Thuốc được liệu, sản phẩm vi lượng đồng căn: chỉ có xuất xưởng, đóng gói sơ cấp, đóng gói thứ cấp. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai; khung thấm; dạng bào chế rắn khác; viên nén; miếng dán. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_NI_03_GMP_2021_0004	23-03-2021	03-09-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	19

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
DE-052 » AbbVie Biotechnology GmbH » Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany									
342	AbbVie Biotechnology GmbH	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany (cách viết khác: Knollstrasse, D- 67061 Ludwigshafen, Germany)	* Xuất xưởng thuốc công nghệ sinh học	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2019_0046	20-11-2018	25-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
DE-053 » Dragenopharm Apotheker Püschl GmbH » Göllstraße 1 84529 Tittmoning, Germany									
410	Dragenopharm Apotheker Püschl (hoặc Puesch) GmbH	Dragenopharm Apotheker Püschl (hoặc Puesch) GmbH Göllstraße 1 (hoặc Goellstrasse 1 hoặc Göllstr. 1), 84529 (hoặc D-84529) Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nang mềm (chỉ bao gồm bao viên); viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường * Thuốc được liệu * Thuốc vi lượng đồng căn. * Đóng gói sơ cấp: chỉ bao gồm viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng: chỉ bao gồm thuốc vô trùng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2020_0025	05-02-2020	30-01-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
1846	Dragenopharm Apotheker Püschl (hoặc Puesch) GmbH	Göllstraße 1 (hoặc Goellstrasse 1 hoặc Göllstr. 1), 84529 (hoặc D-84529) Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nang mềm (chỉ bao gồm bao viên); viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường * Thuốc được liệu * Thuốc vi lượng đồng căn. * Đóng gói sơ cấp: chỉ bao gồm viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý * Xuất xưởng: chỉ bao gồm thuốc vô trùng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0079	30-06-2021	24-06-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-054 » Ferring GmbH » Wittland 11, 24109 Kiel, Germany									
431	Ferring GmbH	Wittland 11, 24109 (hoặc D-24109) Kiel, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa hormon hoặc các hoạt chất có hoạt tính hormon: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; các thuốc vô trùng khác dạng vi nang. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc các hoạt chất có hoạt tính hormon: + Thuốc uống dạng lỏng. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: thuốc từ người (thuốc đông khô sản xuất vô trùng); các sản phẩm sử dụng công nghệ gen (thuốc đông khô sản xuất vô trùng). * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: vi sinh, hóa học/vật lý, sinh học.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2020_0017	27-05-2020	24-10-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
2054	Ferring GmbH	Wittland 11, 24109 (hoặc D-24109) Kiel, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa hormon hoặc các hoạt chất có hoạt tính hormon: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; các thuốc vô trùng khác dạng vi nang. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc các hoạt chất có hoạt tính hormon: + Thuốc uống dạng lỏng. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: thuốc từ người (thuốc đông khô sản xuất vô trùng); các sản phẩm sử dụng công nghệ gen (thuốc đông khô sản xuất vô trùng). * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: vi sinh, hóa học/vật lý, sinh học * Việc soi và đóng gói thứ cấp thực hiện tại Wittland 2, bảo quản tại Wittland 4-6.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2021_0038	20-12-2021	10-09-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-055 » Madaus GmbH » Lütticher Straße 5, 53842 Troisdorf, Germany									
393	Madaus GmbH - 51101 Köln	Madaus GmbH Lütticher Straße 5, 53842 Troisdorf, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc xịt mũi); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm, pastilles); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2019_0001	28-01-2019	28-06-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
616	Madaus GmbH - 51101 Köln	Madaus GmbH Lütticher Straße 5, 53842 Troisdorf, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc xịt mũi); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm, pastilles); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2020_0058	14-07-2020	17-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	10
DE-057 » Lomapharm GmbH » Langes Feld 5, 31860 Emmerthal, Germany									
929	Lomapharm GmbH	Langes Feld 5, 31860 Emmerthal, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa ciclosporin, Tacrolimus). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén bao phim, viên bao, thuốc bột, thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim tan trong ruột). * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (không bao gồm có nguồn gốc từ người hoặc từ não, mô thần kinh động vật); enzym; corticosteroid. * Thuốc từ được liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2018_0042	01-03-2019	05-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1847	Lomapharm GmbH	Langes Feld 5, 31860 Emmerthal, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa Ciclosporin, Tacrolimus). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén bao phim, viên bao, thuốc bột, thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim tan trong ruột). * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (không bao gồm có nguồn gốc từ người hoặc từ não, mô thần kinh động vật); enzym; corticosteroid. * Thuốc từ được liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng các dạng thuốc trên. * Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén bao phim, viên bao, thuốc bột, thuốc cốm; viên nén. * Đóng gói thứ cấp: tất cả các dạng thuốc trên.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2020_0037	09-10-2020	01-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-058 » Fresenius Kabi Deutschland GmbH » Freseniusstraße 1, 61169 Friedberg, Germany									
436	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Freseniusstrasse (hoặc Freseniusstraße) 1, 61169 Friedberg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. (bao gồm dung dịch tiêm, dung dịch tiêm truyền) * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0129	02-11-2018	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
1848	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Freseniusstrasse (hoặc Freseniusstraße) 1, 61169 Friedberg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0138	22-12-2021	05-11-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-059 » Menarini - Von Heyden GmbH » Leipziger Straße 7-13, 01097 Dresden, Germany									
437	Menarini - Von Heyden GmbH	Leipziger Straße 7-13, 01097 Dresden, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nén giải phóng kéo dài; thuốc cốm. * Đóng gói, kiểm tra chất lượng, xuất xưởng: các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang cứng, viên nang mềm.	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2018_0012	28-03-2018	28-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
1467	Menarini - Von Heyden GmbH	Leipziger Straße 7-13, 01097 Dresden, Germany	* Thuốc không vô trùng: thuốc cốm; viên nén (bao gồm viên nén bao; viên nén giải phóng kéo dài). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng nêu trên; viên nang cứng; viên nang mềm. * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng nêu trên; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc được liệu dạng bào chế rắn. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2021_0011	16-03-2021	04-03-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
DE-060 » Sanofi-Aventis Deutschland GmbH » Industriepark Höchst -Brünigstrabe 50, H500, H590, H600, H785, H790, 65926 Frankfurt am Main, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
477	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Industriepark Höchst-Brüningstraße 50, H500, H590, H600, H750, H785, H790, 65926 Frankfurt am Main, Germany (* Các cách ghi khác: - Industriepark Hoechst 65926 Frankfurt am Main, Allemagne, Germany. - Industriepark Höchst, D-65926 Frankfurt am Main, Germany. - Industriepark Hoechst, D-65926 Frankfurt am Main, Germany. - Industriepark Höchst, Brüningstrasse 50, D-65926 Frankfurt am Main, Germany. - Industriepark Höchst, Brüningstraße 50, D-65926 Frankfurt am Main, Germany. - Industriepark Höchst, 65926 Frankfurt am Main, Germany. - Brüningstrasse 50, D-65926 Frankfurt am Main, Germany. - Brüningstraße 50, Industriepark Höchst, 65926 Frankfurt am Main, Germany. - Brüningstrasse 50, Industriepark Höchst, 65926 Frankfurt am Main, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chất độc tế bào/chất kim tế bào, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon): dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn; vi hạt. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc cốm; thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: vi sinh, hóa học/vật lý, sinh học.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0018	12-07-2019	07-02-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1914	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH Bereich Handelsprodukte	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Bereich Handelsprodukte Industriepark Höchst-Brüningstraße 50, H500, H590, H600, H750, H785, H790, H821, 65926 Frankfurt am Main, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); vi hạt (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc dạng rắn; thuốc bán rắn. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0021	08-03-2021	09-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-061 » KVP Pharma + Veterinar Produkte GmbH » Projensdorfer Straße 324 24106 Kiel, Germany									
438	KVP Pharma + Veterinar Produkte GmbH	Projensdorfer Straße 324 24106 Kiel, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc bột. * Đóng gói sơ cấp: nguyên liệu làm thuốc chứa vi sinh vật: Emodepside.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0015	30-05-2018	15-11-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
1849	KVP Pharma + Veterinar Produkte GmbH	Projensdorfer Straße 324 24106 Kiel, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột. + Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Sản phẩm khác: Đóng gói sơ cấp nguyên liệu làm thuốc chứa vi sinh vật: Emodepside. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: Vi sinh (không vô trùng), Hóa học/vật lý	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2021_0031	30-08-2021	21-09-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-062 » Daiichi Sankyo Europe GmbH » Luitpoldstraße 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
399	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Daiichi Sankyo Europe GmbH Luitpoldstraße 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. * Thuốc sản xuất không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốt pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén (thuốc kim tế bào: viên nén bao phim Tivantinib) * Thuốc sinh học: sản phẩm miễn dịch uống: viên nén Luivac.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1049	20-10-2017	21-06-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	8
930	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Daiichi Sankyo Europe GmbH Luitpoldstraße (hoặc Luitpoldstrasse) 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chỉ bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng). * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch uống: viên nén Luivac. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốt pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc sinh học (thuốc miễn dịch). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0148	03-12-2019	01-02-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1691	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Daiichi Sankyo Europe GmbH Luitpoldstraße (hoặc Luitpoldstrasse) 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chỉ bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng). * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch uống: viên nén Luivac. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốt pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc sinh học (thuốc miễn dịch). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0066	20-05-2021	16-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	19
2055	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Luitpoldstraße (hoặc Luitpoldstrasse) 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chỉ bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng). * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch uống: viên nén Luivac. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốt pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (chỉ bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2022_0041	28-02-2022	16-11-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-063 » Bayer AG (Tên cũ: Bayer Pharma AG) » Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany									
527	Bayer AG (Tên cũ: Bayer Pharma AG)	Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany (cách viết khác: 51368 Leverkusen, Germany hoặc D-51368 Leverkusen, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nang chứa bột hít; thuốc bột; thuốc cốt. * Đóng gói sơ cấp: chỉ viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2019_0023	02-08-2019	10-05-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1600	Bayer AG (Tên cũ: Bayer Pharma AG)	Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany (* Cách viết khác: 51368 Leverkusen, Germany hoặc D-51368 Leverkusen, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng Thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nang chứa bột hít; thuốc bột; thuốc cốt. + Xuất xưởng Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. <i>* Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nang chứa bột hít; thuốc bột; thuốc cốt.</i>	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2021_0002	14-01-2021	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-064 » R-Pharm Germany GmbH » Heinrich-Mack-Str. 35, 89257 Illertissen, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
931	R-Pharm Germany GmbH	Heinrich-Mack-Str. 35, 89257 Illertissen, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao, trừ kháng sinh beta-lactam); Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao, trừ kháng sinh beta-lactam). + Xuất xưởng lọ. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao, trừ kháng sinh beta-lactam); Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao, trừ kháng sinh beta-lactam). + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0043	01-04-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
DE-065 » Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH » Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Strabe 18 83512 Wasserburg, Germany									
475	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH	Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany. (Cách ghi khác: Herderstraße 1,2 and Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2020_0016	23-03-2020	18-02-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
DE-066 » Engalhard Arzneimittel GmbH & Co.KG » Herzbergstraße 3, 61138 Niederdorfelden, Germany									
458	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co.KG	Herzbergstraße 3, 61138 Niederdorfelden, Germany. (Cách viết khác: Herzbergstraße 3, 61138 Niederdorfelden, Germany / Herzbergstrasse 3, 61138 Niederdorfelden, Germany / Herzbergstr. 3, 61138 Niederdorfelden, Germany / Herzbergstrasse 3, D-61138 Niederdorfelden, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên ngậm; thuốc bán rắn. * Xuất xưởng lọ bao gồm cả viên nén súi, viên đặt, viên nang mềm. * Đóng gói sơ cấp bao gồm cả viên nhai (gums), viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0045	08-04-2019	27-03-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1915	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co.KG	Herzbergstraße 3, 61138 Niederdorfelden, Germany. (Cách viết khác: Herzbergstraße 3, 61138 Niederdorfelden, Germany / Herzbergstrasse 3, 61138 Niederdorfelden, Germany / Herzbergstr. 3, 61138 Niederdorfelden, Germany / Herzbergstrasse 3, D-61138 Niederdorfelden, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên ngậm; thuốc bán rắn. * Xuất xưởng lọ bao gồm cả viên nén súi, viên đặt, viên nang mềm. * Đóng gói cấp 1 bao gồm cả viên nhai (gums), viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2022_0014	03-02-2022	22-02-2025	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-067 » Lyomark Pharma GmbH » Keltenring 17 82041 Oberhaching Germany									
531	Lyomark Pharma GmbH	Lyomark Pharma GmbH Keltenring 17 82041 Oberhaching Germany	Xuất xưởng thuốc vô trùng	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0039	26-03-2019	11-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
DE-068 » Sanavita Pharmaceuticals GmbH » Bruder-Grimm-Straße 121, 36396 Steinau an der Straße , Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
515	Sanavita Pharmaceuticals GmbH	Bruder-Grimm-Straße 121, 36396 Steinau an der Straße , Germany	* Xuất xưởng lô: thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1054	01-08-2018	14-09-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1362	Sanavita Pharmaceuticals GmbH	Bruder-Grimm-Straße 121, 36396 Steinau an der Straße , Germany	* Xuất xưởng lô: thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0018	23-02-2021	15-07-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-069 » Biotest Pharma GmbH » Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany									
529	Biotest AG	Biotest AG, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	* Sản phẩm (không bao gồm xuất xưởng): - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 250; - Dung dịch tiêm truyền Intratect; - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 500; - Dung dịch tiêm tĩnh mạch Pentaglobin; - Dung dịch tiêm Fovepta; - Dịch truyền Biseko (Protein huyết tương người 50g (Albumin 31g; Kháng thể người 10g)/1000ml). Dịch truyền Albiomin 20% (Protein huyết tương người 20g (Albumin 10g)/1000ml)	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0042	03-04-2019	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
530	Biotest Pharma GmbH	Biotest Pharma GmbH, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc sinh học (sản phẩm máu).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0072	22-05-2019	21-05-2022	Cơ quan thẩm quyền đức	9
1850	Biotest AG	- Địa chỉ sx: Industriestraße 14 (Industriestrasse 14), Landsteinerstraße (Landsteinerstrasse) 3, 5 và 10, Siemensstraße (Siemensstrasse) 7 và 24, 63303 Dreieich, Germany - Địa chỉ đăng ký: Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	* Sản phẩm (không bao gồm xuất xưởng): - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 250; - Dung dịch tiêm truyền Intratect; - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 500; - Dung dịch tiêm tĩnh mạch Pentaglobin; - Dịch truyền Biseko. - Dịch truyền Albiomin 20%.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0137	20-12-2021	20-05-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
2126	Biotest Pharma GmbH	Biotest Pharma GmbH, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc sinh học (sản phẩm máu).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0113	27-10-2021	01-09-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-070 » CSL Behring GmbH » Emil-von-Behring-Straße 76 35041 Marburg, Germany									
494	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Emil-von-Behring-Strasse (hoặc: Straße) 76 35041 Marburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; sản phẩm khác: Fibrinogen Based Glue. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; các sản phẩm khác: Nước cất pha tiêm; dung dịch Calciumchloride. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc khác: thrombin, fibrinogen từ người	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0147	26-11-2018	14-06-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1061	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Emil-von-Behring-Strasse (hoặc: Straße) 76 35041 Marburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; sản phẩm khác: Fibrinogen Based Glue. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; các sản phẩm khác: Nước cất pha tiêm; dung dịch Calciumchloride. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (Aprotinin (Bovine Lung)). * Thuốc khác: thrombin, fibrinogen từ người * Xuất xưởng: thuốc vô trùng; chế phẩm sinh học (chế phẩm từ máu; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật). * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Sinh học. * Kiểm tra chất lượng được thực hiện theo hợp đồng tại địa chỉ CSL Behring GmbH, Görzhäuser Hof 1, 35041 Marburg	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0104	22-07-2020	07-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2056	CSL Behring GmbH	Emil-von-Behring-Strasse (hoặc: Straße) 76 35041 Marburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; sản phẩm khác: Fibrinogen Based Glue. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; các sản phẩm khác: Nước cất pha tiêm; dung dịch Calciumchloride. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (Aprotinin (Bovine Lung)). * Thuốc khác: thrombin, fibrinogen từ người * Xuất xưởng: thuốc vô trùng; chế phẩm sinh học (chế phẩm từ máu; sản phẩm liệu pháp gene; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật). * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Sinh học.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2022_0120	14-07-2022	10-05-2025	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-071 » CSL Behring GmbH » Görzhäuser Hof 35041 Marburg (Stadtteil Michelbach) Germany									
495	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Görzhäuser Hof 1, 35041 Marburg (Stadtteil Michelbach), Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Human-thrombin; fibrinogen từ người	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0144	21-11-2018	14-06-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1062	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Görzhäuser Hof 1, 35041 Marburg (Stadtteil Michelbach), Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Human-thrombin; fibrinogen từ người * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0105	22-07-2020	07-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
2057	CSL Behring GmbH	Görzhäuser Hof 1, 35041 Marburg (Stadtteil Michelbach), Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Human-thrombin; fibrinogen từ người * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2022_0122	14-07-2022	10-05-2025	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-072 » Hermes Arzneimittel GmbH » Hans - Urmiller - Ring 52, 82515 Wolfstatshausen, Germany									
1363	Hermes Arzneimittel GmbH	Hans - Urmiller - Ring 52, 82515 Wolfstatshausen, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc cốt; viên nén. + Xuất xưởng: viên nang cứng; viên nang; viên nhai; thuốc bán rắn. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc không vô trùng nêu trên. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: + Vi sinh học: không vô trùng.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0126	10-10-2019	09-10-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-073 » B. Braun Avitum AG Werk Glandorf » Kattenvenner Str. 32, 49219 Glandorf, Germany									
525	B. Braun Avitum AG Werk Glandorf	Kattenvenner Str. 32, 49219 Glandorf, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Không có hoạt động đóng gói và xuất xưởng.	EU-GMP	DE_NI_04_GMP_2020_0009	07-04-2020	22-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1364	B. Braun Avitum AG	Kattenvenner Str. 32, 49219 Glandorf, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng trong dạng lỏng. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_NI_04_GMP_2021_0008	05-03-2021	22-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-074 » Aesica Pharmaceuticals GmbH » Alfred - Nobel - Str. 10 40789 Monheim am Rhein, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
617	Aesica Pharmaceuticals GmbH	Alfred - Nobel - Str. 10 40789 Monheim am Rhein, Germany	* Kiểm tra chất lượng: hóa, lý.	EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2016_0048	20-04-2017	05-10-2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	10
DE-076 » Aesica Pharmaceuticals GmbH » Galileistrabe 6, 08056 Zwickau, Germany									
618	Aesica Pharmaceuticals GmbH	Galileistrabe 6, 08056 Zwickau, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc lỏng uống, viên nén, miếng dán qua da, dạng bào chế rắn khác (viên nén bao, viên nén giải phóng chậm, thuốc bột, thuốc cốm, pellets)	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2017_1004	15-11-2017	17-08-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	10
DE-077 » Denk Pharma GmbH & Co.KG » Gollstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany									
724	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Gollstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc vô trùng: Chứng nhận lô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén bao phim, viên nén. * Kiểm tra chất lượng: hóa/ lý	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0058	10-05-2019	22-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1246	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Gollstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc vô trùng: Chứng nhận lô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén bao phim, viên nén, viên nén nhai * Kiểm tra chất lượng: hóa/ lý	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0015	01-02-2021	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
DE-078 » RubiePharm Arzneimittel GmbH » Brüder-Grimm-Straße 62, 36396 Steinau a. d. Straße, Germany									
725	RubiePharm Arzneimittel GmbH	Brüder-Grimm-Straße 62, 36396 Steinau a. d. Straße, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng bán rắn (thuốc mỡ); thuốc đạn	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0003	17-01-2019	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-079 » Schaper & Brummer GmbH & Co. KG » Bahnhofstr. 35, 38259 Salzgitter, Germany									
1247	Schaper & Brummer GmbH & Co. KG	Bahnhofstr. 35, 38259 Salzgitter, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc cốm. * Thuốc được liệu: Các dạng bào chế ở mục thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2019_0030	16-12-2019	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
DE-080 » Takeda GmbH » Robert-Bosch-Str. 8, 78224 Singen, Germany									
1468	Takeda GmbH	Takeda (Werk Singen), Robert-Bosch-Str. (hoặc Robert-Bosch-Strasse) 8, 78224 (hoặc D-78224 hoặc Deutschland-78224) Singen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; thuốc trứng đặt âm đạo. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý: Sinh học	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0058	16-04-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
DE-081 » Merz Pharma GmbH & Co. KGaA » Ludwigstraße 22, 64354 Reinheim, Germany									
726	Merz Pharma GmbH & Co. KGaA	Ludwigstraße 22 64354, Reinheim, Germany	* Thuốc vô trùng: Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: (bao gồm cả thuốc được liệu): + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bán rắn. + Xuất xưởng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp (bao gồm cả thuốc được liệu): Viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim + Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0059	27-05-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-082 » Klocke Pharma-Service GmbH » Strabburger Str.77, 77767 Appenweier, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
727	Klocke Pharma-Service GmbH	Klocke Pharma - Service Appenweier, Strassburger Str.77, 77767 Appenweier, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm). * Thuốc sinh học: Dạng bào chế rắn (thuốc bột chứa oligo- và polypeptide - từ lách lợn; thuốc pellets chứa pancreatin từ tuyến tụy lợn). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1086	01-12-2017	13-06-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-083 » Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH » Wolfgang-Marguerre-Allee 1, 31832 Springe, Germany									
728	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH	Wolfgang-Marguerre-Allee 1, 31832 Springe, Germany	* Chế phẩm sinh học: Chế phẩm từ máu (Sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ) gồm: + Sản phẩm trung gian từ huyết tương: Cryoprecipitate; Immunoglobulin paste, fraction I/II/III concentrate; Immunoglobulin paste, fraction I/III; Gamma globulin paste, fraction II; Albumin fraction V paste; Fraction IV paste; Albumin ultrafiltrate; Factor IX-Intermediate I; Albumin solution, addition of stabilizer, batch-pasteurisation; Albumin solutions. + Sản phẩm từ huyết tương: Albumin. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0023	07-06-2019	07-02-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1365	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH	Wolfgang-Marguerre-Allee 1, 31832 Springe, Germany	* Chế phẩm sinh học: Chế phẩm từ máu (Sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ) gồm: + Sản phẩm trung gian từ huyết tương: Cryoprecipitate; Immunoglobulin paste, fraction I/II/III concentrate; Immunoglobulin paste, fraction I/III; Gamma globulin paste, fraction II; Albumin fraction V paste; Fraction IV paste; Albumin ultrafiltrate; Factor IX-Intermediate I; Albumin solution, addition of stabilizer, batch-pasteurisation; Albumin solutions. + Sản phẩm từ huyết tương: Albumin. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu. * Kiểm tra chất lượng: Vô sinh /Vô trùng/; Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2020_0020	30-04-2020	12-02-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-084 » Pharbil Pharma GmbH » Reichenberger Straße 43, 33605 Bielefeld, Germany									
729	Pharbil Pharma GmbH	Reichenberger Straße 43, 33605 Bielefeld, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao; thuốc đạn; cốm bán thành phẩm; pellet bán thành phẩm. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm; dạng bào chế rắn không vô trùng đóng dạng gói (sachet). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2019_0003	15-01-2019	23-05-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1366	Pharbil Pharma GmbH	Reichenberger Straße (hoặc Strasse) 43, 33605 (hoặc D-33605) Bielefeld, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao; viên nén đặt trực tràng; cốm bán thành phẩm; pellet bán thành phẩm. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm; dạng bào chế rắn không vô trùng đóng dạng gói (sachet). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2020_0018	03-07-2020	20-05-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-085 » EVER Pharma Jena GmbH » Otto-Schott-Str. 15, 07745 Jena, Germany									
932	EVER Pharma Jena GmbH	Otto-Schott-Str. 15, 07745 Jena, Germany	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon, thuốc kim tế bào đóng lọ): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (công đoạn tiết trùng được hợp đồng bên ngoài); bơm tiêm đóng sẵn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2018_0023	14-05-2018	21-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1469	EVER Pharma Jena GmbH	Otto-Schott-Str. 15, 07745 Jena, Germany	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon, thuốc kim tế bào thể tích nhỏ đóng lọ, methotrexate đóng bơm tiêm): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (công đoạn tiết trùng được hợp đồng bên ngoài); bơm tiêm đóng sẵn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2020_0016	30-11-2020	25-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
1601	EVER Pharma Jena GmbH	Otto-Schott-Str. 15, 07745 Jena, Germany	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon, thuốc kim tế bào đóng lọ): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (công đoạn tiết trùng được hợp đồng bên ngoài); bơm tiêm đóng sẵn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2021_0005	17-05-2021	25-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-086 » EVER Pharma Jena GmbH » Bruesseler Str. 18, 07747 Jena, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
933	EVER Pharma Jena GmbH	Brüsseler Str. 18, 07747 Jena, Germany	* Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng (Hóa học/Vật lý): Kiểm tra bao bì đóng gói.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2018_0003	15-01-2018	15-11-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1171	EVER Pharma Jena GmbH	Brüsseler Str. 18, 07747 Jena, Germany	* Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng (Hóa học/Vật lý): Kiểm tra bao bì đóng gói.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2020_0015	30-11-2020	25-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
DE-087 » Oncotec Pharma Produktion GmbH » Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany									
730	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0010	30-01-2018	14-12-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1470	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2020_0007	03-04-2020	17-10-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
2058	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2022_0013	08-02-2022	14-10-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-088 » B. Braun Melsungen AG » Mistelweg 2, 12357 Berlin, Germany									
731	B. Braun Melsungen AG	Mistelweg 2, 12357 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Dung dịch, nhũ tương). + Xuất xưởng lô * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2019_0011	04-03-2019	02-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1471	B. Braun Melsungen AG	Mistelweg 2, 12357 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Dung dịch, nhũ tương). + Xuất xưởng lô * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2021_0009	24-02-2021	16-01-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
DE-089 » Neovii Biotech GmbH » Am Haag 5,6,7 82166 Grafelfing, Germany									
752	Neovii Biotech GmbH	Am Haag 5,6,7 82166 Grafelfing, Germany	* Thuốc sinh học: các sản phẩm miễn dịch (dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Grafalon (anti- human T-lymphocyte immunoglobulin from rabbits 20mg/ml))	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0091	04-10-2018	14-08-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1795	Neovii Biotech GmbH	Am Haag 5,6,7 82166 Grafelfing, Germany	* Thuốc sinh học: sản phẩm miễn dịch (dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Grafalon (anti- human T-lymphocyte immunoglobulin from rabbits 20mg/ml)). * Xuất xưởng thuốc sinh học * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng), hóa lý/vật lý, sinh học	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0104	29-09-2021	28-07-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	20
DE-090 » Haupt Pharma Münster GmbH » Schleebürgerkamp 15, 48159 Münster, Germany									
732	Haupt Pharma Münster GmbH	Haupt Pharma Münster GmbH Schleebürgerkamp 15, 48159 Münster, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén và viên nén bao (bao gồm hormon và chất kim tế bào dựa trên cơ chế đối kháng hormon ức chế sinh tổng hợp hormon). + Chứng nhận xuất xưởng * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm và thuốc bán rắn.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0038	23-09-2019	09-07-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2059	Haupt Pharma Münster GmbH	Schleebrüggenkamp 15, 48159 Münster, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén và viên nén bao (bao gồm hormon, chất có hoạt tính hormon và chất kim tế bào dựa trên cơ chế đối kháng hormon ức chế sinh tổng hợp hormon). + Chứng nhận xuất xưởng * Đóng gói cấp 1: bao gồm cả viên nang mềm (bao gồm hormon, chất có hoạt tính hormon và chất kim tế bào dựa trên cơ chế đối kháng hormon ức chế sinh tổng hợp hormon). * Kiểm tra chất lượng: Q&S, K/A/Ất K	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0038	07-03-2022	24-11-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-091 » Advance Pharma GmbH » Wallenroder Str. 8-14, 13435 Berlin, Germany									
733	Advance Pharma GmbH	Wallenroder Straße 8-14 (hoặc Wallenroder Strasse 8-14), 13435 Berlin, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nang mềm (bao gồm cả bao viên thuốc viên nang mềm), viên nén, viên ngậm, viên nén bao phim, thuốc cốm, bán thành phẩm thuốc cốm và viên nén. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế trên, thuốc bán rắn và thuốc đặt. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2020_0005	17-03-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
DE-092 » URSAPHARM Arzneimittel GmbH » Industriestraße 35, 66129 Saarbrücken, Germany									
734	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Industriestraße 35, 66129 Saarbrücken, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bán rắn; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch nhỏ mắt; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bán rắn; Viên nén; Thuốc cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_SL_01_GMP_2019_0009	18-01-2019	15-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1172	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Industriestraße 35, 66129 Saarbrücken, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bán rắn; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch nhỏ mắt; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bán rắn; Viên nén; Thuốc cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_SL_01_GMP_2020_0029	17-12-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
DE-093 » Takeda GmbH » Betriebsstätte Oranienburg Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany									
934	Takeda GmbH	Takeda GmbH - Betriebsstätte Oranienburg Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany (* Cách viết khác: Takeda GmbH - Production Site Oranienburg, Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BB_01_GMP_2019_0024	04-10-2019	08-03-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1602	Takeda GmbH	Takeda GmbH - Betriebsstätte Oranienburg, Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany (* Cách viết khác: Takeda GmbH - Production Site Oranienburg, Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lỏ. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_BB_01_GMP_2020_0040	23-02-2021	30-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-094 » GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG » Zirkusstrabe 40, 01069 Dresden, Germany									
935	GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG	GlaxoSmithKline Biologicals Zirkusstraße 40, 01069 Dresden, Germany	* Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch: Vắc xin cúm. * Sản xuất bán thành phẩm: Fluarix, Prepandix và Pandemrix. * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt, vắc xin phổi hợp vi khuẩn bất hoạt và virus. * Đóng gói thứ cấp: Dung môi.	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2018_0004	07-03-2018	07-12-2020	Cơ quan thẩm quyền của Đức	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1692	GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG	GlaxoSmithKline Biologicals Zirkusstraße 40, 01069 Dresden, Germany	* Sản phẩm sinh học: + Sản xuất: Vắc xin cúm (toàn bộ công đoạn trừ đóng gói thứ cấp); vắc xin viêm gan (sản xuất bán thành phẩm cuối cùng từ bán thành phẩm đơn dòng và đóng gói sơ cấp). + Xuất xưởng * Sản xuất bán thành phẩm: Fluarix, Prepandix và Pandemrix.	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2021_0007	15-02-2021	17-11-2023	Cơ quan thẩm quyền của Đức	19
DE-095 » Cheplapharm Arzneimittel GmbH » Bahnhofstr.1a; 17498 Mesekenhagen, Germany									
936	Cheplapharm Arzneimittel GmbH	Bahnhofstr.1a, 17498 Mesekenhagen, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói thứ cấp * Thuốc nhập khẩu: xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng.	EU-GMP	DE_MV_01_GMP_2019_0016	21-08-2019	22-05-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
DE-096 » Holopack Verpackungstechnik GmbH » Bahnhofstraße 20, 73453 Abtsgmünd-Untergröningen, Germany									
1063	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Bahnhofstraße 20, 73453 Abtsgmünd-Untergröningen, Germany Cách ghi khác: Bahnhofstrasse, 73453 Abtsgmünd-Untergröningen, Germany	* Thuốc vô trùng (yêu cầu đặc biệt: nguyên liệu có tính nhạy cảm cao khác, Prostaglandins/Cytokines, thuốc ức chế miễn dịch, Sulphonamides): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả dung dịch nhỏ mắt). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (yêu cầu đặc biệt: nguyên liệu có tính nhạy cảm cao khác, Prostaglandins/Cytokines, thuốc ức chế miễn dịch, Sulphonamides): Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học (DNA/protein tái tổ hợp, enzyme). * Thuốc được liệu, thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp (yêu cầu đặc biệt: nguyên liệu có tính nhạy cảm cao khác, Prostaglandins/Cytokines, thuốc ức chế miễn dịch, Sulphonamides): Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0108	12-08-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
DE-098 » Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG » Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany									
937	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma - Fertigung Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany (cách ghi khác: Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany)	* Thuốc vô trùng (không bao gồm đóng gói thứ cấp): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học (không bao gồm đóng gói thứ cấp): Chế phẩm máu (sản phẩm dẫn chất từ huyết tương); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục), sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Kiểm soát chất lượng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0064	23-05-2018	12-04-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
1064	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma -Fertigung Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany (cách ghi khác: Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu (sản phẩm dẫn chất từ huyết tương); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục), sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0011	29-01-2019	12-04-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
1367	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma - Fertigung Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany (* Cách ghi khác: Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm máu (sản phẩm dẫn chất từ huyết tương); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục); sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0109	23-09-2020	20-07-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
DE-099 » Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG » Kuhloweg 37, D- 58638 Iserlohn, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1065	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG; Kuhloweg 37, D- 58638 Iserlohn, Germany	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm (viên nang mềm vô gelatin Nephrotrans); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc cốm, pellet); dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim; thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng lô: Thuốc sinh học chứa Saccharomyces cerevisiae HANSEN (Perenterol); viên nén bao phim Sevelamercarbonat 800mg; bột pha hỗn dịch uống Sevelamercarbonat 2.4g. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vô trùng không vô trùng; hóa học/uất lú/sinh học	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2019_0002	04-03-2019	17-01-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
DE-100 » Ardeypharm GmbH » Loerfeldstr.20, 58313 Herdecke, Germany									
1066	Ardeypharm GmbH	Loerfeldstr.20, 58313 Herdecke, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, thuốc bột, chè thuốc. * Sản phẩm sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật, sản phẩm vi sinh vật. * Thuốc dược liệu, thuốc vi lượng đồng căn, nguyên liệu sinh học (biological active starting materials) * Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm, dạng bào chế rắn khác, dạng bán rắn. * Đóng gói thứ cấp: Thuốc vô trùng * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (thuốc không vô trùng), hóa / lý, sinh học (biological)	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2020_0019	01-09-2020	16-07-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Arnsberg), Germany	13
DE-101 » Rentschler Biopharma SE (Tên cũ: Rentschler Biotechnologie GmbH) » Erwin-Rentschler-Straße 21, 88471 Laupheim, Germany									
1067	Rentschler Biopharma SE (Tên cũ: Rentschler Biotechnologie GmbH)	Erwin-Rentschler-Straße 21, 88471 Laupheim, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0003	31-01-2018	13-12-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
DE-102 » Temmler Pharma GmbH » Temmlerstraße 2, 35039 Marburg, Germany									
1068	Temmler Pharma GmbH	Temmler Pharma GmbH, Temmlerstraße 2, 35039 Marburg, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bột; viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén sủi bọt, viên ngậm. * Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bột; viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén sủi bọt, viên ngậm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0011	11-02-2019	07-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	13
1603	Temmler Pharma GmbH	Temmler Pharma GmbH, Temmlerstraße 2, 35039 Marburg, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Dạng bào chế rắn khác: thuốc cốm giải phóng thay đổi, thuốc bột, viên nén bao đường, pellet giải phóng duy trì; Viên nén: viên nén, viên nén sủi, viên nén bao phim, viên ngậm, pellet giải phóng chậm, viên nén đặt dưới lưỡi. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Dạng bào chế rắn khác: thuốc cốm giải phóng thay đổi, thuốc bột, viên nén bao đường, pellet giải phóng duy trì; Viên nén: viên nén, viên nén sủi, viên nén bao phim, viên ngậm, pellet giải phóng chậm, viên nén đặt dưới lưỡi. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0174	15-12-2020	16-09-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-103 » AMW GmbH Arzneimittelwerk Warngau » Birkerfeld 11 83627 Warngau, Germany									
1173	AMW GmbH Arzneimittelwerk Warngau	Birkerfeld 11 83627 Warngau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Miếng dán qua da	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0001	05-02-2018	11-06-2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
1368	AMW GmbH (Tên cũ: AMW GmbH Arzneimittelwerk Warngau)	Birkerfeld 11, 83627 Warngau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0087	01-08-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
1997	AMW GmbH (Tên cũ: AMW GmbH Arzneimittelwerk Warngau)	Birkerfeld 11, 83627 Warngau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Chứng nhận xuất xưởng lô	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0080	12-07-2021	07-05-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	23

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
DE-104 » A. Nattermann & Cie. GmbH » Nattermannallee 1, 50829 Köln, Germany									
1174	A. Nattermann & Cie. GmbH	Nattermannallee 1, 50829 Köln, Germany (cách ghi khác: Nattermannallee 1, 50829 Cologne, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc dạng kẹo (pastilles); thuốc dạng bán rắn; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nén sủi bọt. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp; chỉ đóng gói sơ cấp thuốc dạng bán rắn. + Đóng gói thứ cấp: bao gồm hoạt động đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng lô. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2019_0017	31-07-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
2127	A. Nattermann & Cie. GmbH	Nattermannallee 1, 50829 Köln, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc dạng kẹo (pastilles); thuốc dạng bán rắn; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nén sủi bọt. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: chỉ đóng gói sơ cấp thuốc dạng bán rắn. + Đóng gói thứ cấp: bao gồm hoạt động đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng lô. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2021_0052	11-10-2021	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-105 » Rottendorf Pharma GmbH » Am Fleigendahl 3, 59320 Ennigerloh, Germany									
1175	Rottendorf Pharma GmbH	Am Fleigendahl 3, 59320 Ennigerloh, Germany	* Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột, pellet, thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả viên nén sủi bọt, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén phóng thích chậm, viên nén chứa Tamoxifen, Flutamide, Clomifen và các chất tương tự) + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0028	01-07-2019	14-03-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
1851	Rottendorf Pharma GmbH	Am Fleigendahl 3, 59320 Ennigerloh, Germany	* Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột, pellet, thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả viên nén sủi bọt, viên nén bao phim, viên nén bao đường) + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2021_0031	26-10-2021	06-05-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-107 » medphano Arzneimittel GmbH » Maienbergstrasse 10-12, Ruedersdorf, 15562, Germany									
1176	medphano Arzneimittel GmbH	Maienbergstrasse 10-12, 15562 Ruedersdorf, Germany	* Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_BB_01_GMP_2017_1008	18-08-2017	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	14
DE-108 » Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG » Rheinische Allee 11, 50858 Köln, Germany									
1369	Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG	Rheinische Allee 11, 50858 Köln, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên ngậm (pastille/ lozenges sản xuất bằng phương pháp đổ khuôn). * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1001	29-05-2017	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	16
2128	Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG	Rheinische Allee 11, 50858 Köln, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên ngậm (pastille/ lozenges sản xuất bằng phương pháp đổ khuôn). * Đóng gói sơ cấp: viên ngậm (pastille/ lozenges sản xuất bằng phương pháp đổ khuôn). * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2022_0009	08-04-2022	07-10-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-109 » Aeropharm GmbH » Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany									
1248	Aeropharm GmbH	Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Dạng bào chế có áp lực; thuốc bột hít. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2019_0008	17-04-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2129	Aeropharm GmbH	Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Dạng bào chế có áp lực; thuốc bột hít., bao gồm cả thiết bị lắp ráp được. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2022_0002	26-01-2022	07-10-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DE-110 » Anklam Extrakt GmbH » Johann-Friedrich-Böttger-Straße 4 und 10 entsprechend Lageplan vom 30.11.2017; D-17389 Anklam, Germany									
1916	Anklam Extrakt GmbH	Johann-Friedrich-Böttger-Straße 4 und 10 entsprechend Lageplan vom 30.11.2017; D-17389 Anklam, Germany.	Building Plant I: * Nguyên liệu từ dược liệu (chiết xuất (bằng phương pháp percolation), sản xuất, đóng gói sơ cấp, thứ cấp bao gồm cả bổ sung nhân để truy xuất nguồn gốc, kiểm tra chất lượng (hóa học/ vật lý): + Cồn thuốc (rễ cây hoa anh thảo); + Cao lỏng (cỏ xạ hương); + Cao đặc (lá ác ti sô, lá tía tô đất) + Cao khô (rễ nhân sâm, lá thường xuân)	EU-GMP	DE_MV_01_GMP_2021_0008	06-09-2021	20-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-113 » Dronania Pharmaceuticals GmbH » Karl-Benz-Straße 3, 86825 Bad Wörishofen, Germany									
1693	Dronania Pharmaceuticals GmbH	Karl-Benz-Straße 3, 86825 Bad Wörishofen, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc dạng lỏng dùng trong; viên nén. * Thuốc dược liệu (Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc dạng lỏng dùng trong; viên nén, trà bột); sản phẩm vi lượng đồng căn (Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc dạng lỏng dùng trong; viên nén). * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1029	27-07-2017	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	19
DE-114 » etol Gesundheitspflege - und Pharmaprodukte GmbH » Konrad-Adenauer-Str.3, 77704 Oberkirch, Germany									
1917	etol Gesundheitspflege - und Pharmaprodukte GmbH	Konrad-Adenauer-Str.3, 77704 Oberkirch, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Chứng nhận lô. * Thuốc dược liệu, thuốc vi lượng đồng căn. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0065	15-04-2021	20-01-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg), Germany	22
DE-115 » Aspen Bad Oldesloe GmbH » Industriestraße 32-36, 23843 Bad Oldesloe, Germany									
1604	Aspen Bad Oldesloe GmbH	Industriestraße 32-36, 23843 Bad Oldesloe, Germany	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc hít thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng chứa hormon/ chất có hoạt tính hormon (không bao gồm hormon sinh dục): thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc cốm; thuốc tán (trituration); * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng và không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc cốm; thuốc tán (trituration); * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2019_0002	05-03-2018	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-116 » Allphamed Pharbil Arzneimittel GmbH » Hildebrandstr. 10-12; 37081 Göttingen, Germany									
1605	Allphamed Pharbil Arzneimittel GmbH	Hildebrandstr. 10-12; 37081 Göttingen, Germany	* Thuốc vô trùng: xuất xưởng lô; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm. * Thuốc sinh học: xuất xưởng lô thuốc công nghệ sinh học; * Thuốc dược liệu. * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp: viên nang cứng, viên nén; dạng bào chế rắn khác; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2020_0036	18-11-2020	01-10-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-117 » MEDA Pharma GmbH & Co. KG » Benzstraße 1 61352 Bad Homburg v.d.Hohe, Germany									
1606	MEDA Pharma GmbH & Co. KG	Benzstraße (hoặc Benzstrasse) 1, 61352 Bad Homburg v.d.Hohe, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0102	08-07-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
DE-118 » Merckle GmbH » Ludwig-Merckle-Straße 3, 89143 Blaubeuren, Germany									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2060	Merckle GmbH	Ludwig-Merckle-Straße 3, 89143 Blaubeuren, Germany (* Cách ghi khác: Ludwig-Merckle-Strasse 3, 89143 Blaubeuren, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng: Thuốc đông khô; thuốc dạng bán rắn; thuốc dạng rắn. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc đóng túi. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: viên nang mềm; viên nhai (chewing gums); dạng khung thấm (impregnated matrices); bột/cốm pha hỗn dịch; dạng bào chế có áp lực; dạng bán rắn; thuốc đặt; miếng dán qua da. * Thuốc sinh học; Thuốc công nghệ sinh học. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; Thuốc sinh học khác (Hylak). * Thuốc khác: Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc dạng rắn. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0077	20-04-2021	12-11-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	24
DE-119 » Wiewelhove GmbH » Gildestraße 39, 49477 Ibbenbüren, Germany									
1852	Wiewelhove GmbH	Gildestraße 39, 49477 Ibbenbüren, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nang cứng, viên nang mềm (chỉ bao gồm hoạt động bao viên), thuốc cốm; * Thuốc dược liệu và thuốc vi lượng đồng căn: chỉ dạng bào chế rắn; * Thuốc sinh học: thuốc chứa enzyme chiết xuất từ vi khuẩn * Xuất xưởng thuốc không vô trùng và thuốc sinh học.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0037	12-08-2019	22-05-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
DE-120 » Medphano Arzneimittel » Maienbergstraße 10-12, 15562 Rüdersdorf, Germany									
1918	Medphano Arzneimittel	Maienbergstraße 10-12, 15562 Rüdersdorf Germany	* Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_BB_01_GMP_2021_0025	22-09-2021	18-05-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức	22
DE-121 » Lyocontract GmbH » Pulverwiese 1, 38871 Ilsenburg, Germany									
1998	Lyocontract GmbH	Pulverwiese 1, 38871 Ilsenburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn, thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học (vô trùng): thuốc miễn dịch, thuốc công nghệ sinh học, sản phẩm từ dịch chiết từ người hoặc động vật * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc miễn dịch * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng), hóa lý/vật lý	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2021_0023	28-04-2021	23-07-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	23
DE-122 » Loxxes Pharma GmbH » Amberger Str. 1-3, 82538 Geretsried-Gelting, Germany									
1999	Loxxess Pharma GmbH	Amberger Str. 1-3, 82538 Geretsried-Gelting, Germany	* Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2020_0082	29-05-2020	26-05-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	23
DE-127 » Labor LS SE & Co. KG » Mangelsfeld 4, 5, 6, Bad 97708 Bad Bocklet-Großenbrach, Germany									
2130	Labor LS SE & Co. KG	Mangelsfeld 4, 5, 6, Bad 97708 Bad Bocklet-Großenbrach, Germany	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2020_0035	08-04-2020	12-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
DK-001 » Xellia Pharmaceuticals ApS » Dalslandsgade 11, Kobenhavn S, 2300 (hoặc 2300 Copenhagen S), Denmark									
128	Xellia Pharmaceuticals ApS	Dalslandsgade 11, Kobenhavn S, 2300 (hoặc 2300 Copenhagen S), Denmark	Sản xuất dược chất: * Dược chất không vô trùng: Amphotericin B, Colistimethate Sodium, Colistin Sulphate, Polymycin B Sulphate, Tobramycin Sulphate, Vancomycin Hydrochloride. * Dược chất vô trùng: Bacitracin và Bacitracin Zink, Colistimethate Sodium, Polymycin B Sulphate, Tobramycin Sulphate, Vancomycin Hydrochloride.	EU-GMP	DK_API-H00095918	23-01-2018	10-08-2020	Danish Medicines Agency	6
1370	Xellia Pharmaceuticals ApS	Dalslandsgade 11, Kobenhavn S, 2300 (hoặc 2300 Copenhagen S), Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; thuốc bột pha tiêm, tiêm truyền; thuốc bột hít.	EU-GMP	DK_H00128620	18-02-2020	25-10-2022	Danish Health and Medicines Authority	16

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1607	Novo Nordisk A/S	Hallas Alle, Kalundborg, 4400, Denmark	* Thuốc không vô trùng: Viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nén. (Phạm vi chứng nhận: Building DF)	EU-GMP	DK H 10000143	17-03-2021	11-02-2024	Danish Medicines Agency	18
DK-006 » GMPack ApS » Plastvaenget 9, Hadsund, 9560, Denmark									
940	GMPack ApS	Plastvænget 9, Hadsund, 9560, Denmark	* Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm, viên nhai (chewing gum), viên nén. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng).	EU-GMP	DK H 00086517	04-05-2017	12-01-2020	Danish Health and Medicines Authority (DHMA)	12
DK-007 » H. Lundbeck A/S » Ottiliavej 9, Valby, 2500, Denmark									
1069	H. Lundbeck A/S	Ottiliavej 9, Valby, 2500, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DK H 00113519	06-02-2019	02-11-2021	Danish Medicines Agency, Denmark	13
1694	H. Lundbeck A/S	Ottiliavej 9, Valby, 2500, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng; viên nén. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DK H 10000032	26-11-2020	02-09-2023	Danish Medicines Agency, Denmark	19
DK-008 » Leo Pharma A/S » Industriparken 55, Ballerup, 2750, Denmark									
1177	LEO Pharma A/S	Industriparken 55, Ballerup, 2750, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; acid fusidic vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao phim giải phóng chậm; thuốc không vô trùng khác (dung dịch cho sản xuất viên nang, bột cho sản xuất viên nén, bột và dung môi cho dung dịch dùng ngoài da); * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; chế phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng; thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm; Bột và dung môi cho dung dịch dùng ngoài da + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DK H 00123119	18-09-2019	05-04-2022	Danish Medicines Agency, Denmark	14
DK-009 » Novo Nordisk A/S » Kirke Værløsevej 30, Værløse, 3500, Denmark									
1178	Novo Nordisk A/S	Kirke Værløsevej 30, Værløse, 3500, Denmark	* Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DK H 00109718	06-12-2018	23-10-2021	Danish Health and Medicines Authority (DHMA)	14
1919	Novo Nordisk A/S	Kirke Værløsevej 30, Værløse, 3500, Denmark	* Xuất xưởng: thuốc vô trùng; thuốc sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DK H 10000344	21-02-2022	18-11-2024	Danish Health and Medicines Authority (DHMA)	22
EE-001 » PharmaEstica Manufacturing (PharmaEstica Manufacturing OÜ) » Venapere tee 3, Pringi, Viimsi, 74011 Harju county, Estonia									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1608	PharmaEstica Manufacturing (PharmaEstica Manufacturing OÜ)	Vanapere tee 3, Pringi, Viimsi, 74011 Harju county, Estonia	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén sủi bọt. + Xuất xưởng viên nén sủi bọt. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nén sủi bọt. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	IN-2-14/20/3	02-03-2020	18-02-2023	Estonian State Agency of Medicines, Estonia	18
ES-001 » Faes Farma, S.A » C/Máximo Aguirre,14, Lejona- Leioa, Vizcaya, 48940, Spain									
30	Faes Farma, S.A	C/Máximo Aguirre,14, Lejona- Leioa, Vizcaya, 48940, Spain.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/064HVI/18	31-05-2018	15-03-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	3
2061	Faes Farma, S.A	C/Máximo Aguirre,14, Lejona- Leioa, Vizcaya, 48940, Spain.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô: Thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế trên và viên nang mềm. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Ât lý	EU-GMP	NCF/EUS/1874E/016101/001HVI/2021	21-06-2021	15-04-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	24
ES-002 » Seid, S.A. » Ctra. de Sabadell a Granollers, Km 15, Lliça de Vall, Barcelona, 08185, Spain									
51	Seid, S.A.	Ctra. de Sabadell a Granollers, Km 15, Lliça de Vall, Barcelona, 08185, Spain	Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (mỡ, gel thuốc); viên nén.	EU-GMP	NCF/1925/01/CAT	03-05-2019	30-11-2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	4
267	Laboratorio SEID, S.A	Ctra. Sabadell a Granollers, Km 15, 08185 Lliça de Vall (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc trên bao gồm cả Viên nang mềm.	EU-GMP	NCF/2004/01/CAT	27-01-2020	04-07-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	7
1372	Seid, S.A.	Ctra. de Sabadell a Granollers, Km 15, 08185, Lliça de Vall, Barcelona, Spain	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + thuốc uống dạng lỏng; + thuốc dùng ngoài dạng lỏng; + viên nén. + Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng trên. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NCF/2026/01/CAT	14-07-2020	04-07-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	16
2062	Seid, S.A.	Ctra. Sabadell a Granollers, Km 15, 08185, Lliça de Vall, Barcelona, Spain (Cách ghi khác: Ctra. Sabadell-Granollers, Km 15, 08185, Lliça de Vall, Barcelona, Spain)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Thuốc uống dạng lỏng; + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; + Viên nén. + Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NCF/2153/01/CAT	26-10-2021	07-10-2024	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	24
ES-003 » CYNDEA PHARMA S.L » Poligono Industrial Emiliano Revilla Sanz, Avda. de Agreda, 31, Olvega 42110 (Soria), Spain									
53	CYNDEA PHARMA S.L	Poligono Industrial Emiliano Revilla Sanz, Avda. de Agreda, 31, Olvega 42110 (Soria), Espana (Tây Ban Nha)	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang mềm (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn) - Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn)	EU-GMP	6358/16	13-04-2016	08-04-2019	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	4

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
564	CYNDEA PHARMA S.L	Poligono Industrial Emiliano Revilla Sanz, Avda. de Agreda, 31, Olvega 42110 (Soria), Espana (Tây Ban Nha), Spain	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang mềm (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn) + Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn) * Đóng gói sơ cấp: các dạng trên, bao gồm cả viên nang cứng. * Kiểm tra chất lượng và tính (thuốc không vô trùng) hóa / kỹ	EU-GMP	6358/19	21-05-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	9
2133	CYNDEA PHARMA S.L	Poligono Industrial Emiliano Revilla Sanz, Avda. de Agreda, 31, Olvega 42110 (Soria), Espana (Tây Ban Nha), Spain	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang mềm (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn) + Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn) * Đóng gói sơ cấp: các dạng trên, bao gồm cả viên nang cứng. * Đóng gói sơ cấp: các dạng trên, bao gồm cả viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng và tính (thuốc không vô trùng) hóa / kỹ	EU-GMP	6358/22	17-05-2022	10-03-2025	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	25
ES-004 » Toll Manufacturing services, S.L » C/Aragoneses, 2, Madrid, 28108 Madrid, Spain									
57	Toll Manufacturing services, S.L	C/Aragoneses, 2, Madrid, 28108 Madrid Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần)	EU-GMP	ES/051HVI/17	17-04-2017	07-03-2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	5
735	Toll Manufacturing services, S.L	C/Aragoneses, 2, Madrid, 28108 Madrid Spain Cách ghi khác: Aragoneses, 2 28108 Alcobendas (Madrid), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên bao gồm cả viên nang mềm. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng. (Phạm vi chứng nhận bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần)	EU-GMP	ES/090HVI/20	18-06-2020	05-03-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	11
ES-005 » Edefarm,S.L » Poligono Industrial Enchilagar del Rullo, 117.C.P.46191 Villamarchante, Valencia, Spain									
58	Edefarm,S.L	Poligono Industrial Enchilagar del Rullo, 117.C.P.46191 Villamarchante, Valencia, Spain	Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	4166-E/01-18/C.VAL	17-09-2018	31-05-2022	Cơ quan quản lý Dược Tây Ban Nha	5
ES-006 » Laboratorios Salvat, SA » Gall, 30-36 08950 Esplugues De Llobregat, Spain									
66	Laboratorios Salvat, SA	Gall, 30-36 08950 Esplugues De Llobregat, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên đạn.	EU-GMP	NCF/1732/02/CAT	17-10-2017	07-07-2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	5
129	Laboratorios Salvat, SA	Gall, 30-36 08950 Esplugues De Llobregat, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn.	EU-GMP	NCF/1934/01/CAT	08-07-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	6
ES-007 » Boehringer Ingelheim Espana, SA » c/Prat de la Riba, 50 08174 Sant Cugat De; Valles (Barcelona), Spain									
67	Boehringer Ingelheim Espana, SA	c/Prat de la Riba, 50 08174 Sant Cugat Del; Valles (Barcelona), Spain. Cách ghi khác: Prat de la Riba, 50 08174 Sant Cugat del; Valles (Barcelona), Spain.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch tiêm). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/1913/01/CAT	25-03-2019	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	5
2000	Boehringer Ingelheim Espana, SA	c/Prat de la Riba, 50 08174 Sant Cugat Del; Valles (Barcelona), Spain. (Cách ghi khác: Prat de la Riba, 50 08174 Sant Cugat del; Valles (Barcelona), Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch tiêm). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/2205/01/CAT	02-02-2022	05-02-2023	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	23

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
ES-008 » Lacer S.A » Boters, 5 Parc Tecnològic del Vallès 08290 Cerdanyola Del Vallès (Barcelona), Spain									
73	Lacer S.A	Boters, 5 Parc Tecnològic del Vallès 08290 Cerdanyola Del Vallès (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện và hướng thần): Viên nang cứng, thuốc nước uống, Viên nén, Viên nén bao phim, thuốc bán rắn, (thuốc kem, thuốc mỡ), các dạng thuốc rắn khác	EU-GMP	NCF/1947/0 01/CAT	26-09-2019	28-02-2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	5
1179	Lacer, S.A	C/. Boters, 5 Parc Tecnològic del Vallès 08290 Cerdanyola Del Vallès (Barcelona), Spain (* Cách ghi khác: Boters, 5 Parc Tecnològic del Vallès 08290 Cerdanyola Del Vallès (Barcelona), España, Spain)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện và hướng thần): Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, Viên nén, Viên nén bao phim, thuốc bán rắn, (thuốc kem, thuốc mỡ), các dạng thuốc rắn khác	EU-GMP	NCF/2002/0 01/CAT	13-01-2020	31-12-2023	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	14
ES-009 » SAG Manufacturing, S.L.U » Crta. N-I, Km 36, San Agustin de Guadalix, 28750 Madrid Espana, Spain									
74	SAG Manufacturing, S.L.U	Crta. N-I, Km 36, San Agustin de Guadalix, 28750 Madrid Espana/ Spain. Các viết khác: Carretera Nacional I, Km 36 28750 San Agustin de Guadalix, Madrid Espana/ Spain.	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc nước uống, thuốc nước dùng ngoài, viên nén, viên nén bao phim, thuốc bán rắn, thuốc rắn khác.	EU-GMP	ES/118HV/1 9/1	20-09-2019	18-07-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	5
ES-010 » B.Braun Medical, SA » Ctra. de Terrassa, 121 08191 RUBÍ (Barcelona), Spain									
130	B.Braun Medical, SA	Ctra. de Terrassa, 121 08191 RUBÍ (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, Dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	NCF/1946/0 01/CAT	26-09-2019	31-03-2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	6
577	B.Braun Medical, SA	Ctra. de Terrassa, 121 08191 RUBÍ (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ, Dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích lớn.	EU-GMP	NCF/2013/0 01/CAT	25-03-2020	17-02-2023	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	9
ES-011 » Laboratorios Lesvi, S.L. » Avda. Barcelona, 69, 08970 Sant Joan Despi (Barcelona), Spain									
131	Laboratorios Lesvi, S.L.	Avda. Barcelona, 69, 08970 Sant Joan Despi (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần): viên nang cứng, viên nén, dung dịch uống, viên nén bao phim.	EU-GMP	NCF/2007/0 01/CAT	28-02-2020	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	6
132	LABORATORIOS LESVI, SL	Avinguda de Barcelona, 69, 08970 Sant Joan Despi (Barcelona), Spain (* Cách ghi khác: Avda. Barcelona 69-08970 Sant Joan Despi, Barcelona, Spain)	* Thuốc vô trùng : + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng : Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/1950/0 01/CAT	24-10-2019	31-05-2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	6
ES-012 » Sanofi Aventis, SA » Ctra. C35 La Batlloria a Hostalric, km 63,09, 17404 Riells I Viabrea (Girona), Spain									
554	Sanofi Aventis, SA	Ctra. C35 La Batlloria a Hostalric, km 63,09, 17404 Riells I Viabrea (Girona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục); viên nén kháng acid dạ dày	EU-GMP	NCF/1817/0 01/CAT	04-04-2018	31-12-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1695	Sanofi Aventis, SA	Ctra. C35 La Batlloria a Hostalric, km 63,09, 17404 Riells I Viabrea (Girona hoặc Gerona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục); viên nén kháng acid dạ dày; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục); viên nén kháng acid dạ dày; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	NCF/2112/02/CAT	30-09-2020	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	19
ES-013 » Rovi Pharma Industrial Services, S.A (Tên cũ: Frosst Ibérica, S.A) » Via Complutense, 140, Alcalá de Henares, 28805 Madrid, Spain									
736	Rovi Pharma Industrial Services, S.A (Tên cũ: Frosst Ibérica, S.A)	Via Complutense, 140, Alcalá (hoặc Alcalá) de Henares, 28805 Madrid, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, dạng bào chế rắn khác (thuốc cốm). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế trên bao gồm cả viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	ES/063HVI/20	21-04-2020	31-12-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	11
ES-014 » Italfarmaco, S.A » C/San Rafael, 3, Pol. Ind. Alcobendas, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain									
737	Italfarmaco, S.A	C/ San Rafael, 3, Pol. Ind, Alcobendas, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain	Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dạng pellet, gel dùng tại âm đạo chứa hormon và chất có hoạt tính hormon.	EU-GMP	ES/003HVI/18	05-08-2020	31-12-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	11
1797	Italfarmaco, S.A	C/ San Rafael, 3, Pol. Ind, Alcobendas, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain	Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dạng pellet, gel dùng tại âm đạo chứa hormon và chất có hoạt tính hormon.	EU-GMP	ES/003HVI/18	09-09-2021	12-03-2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	20
1853	Italfarmaco, S.A	C/ San Rafael, 3, Pol. Ind, Alcobendas, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dạng pellet, gel dùng tại âm đạo chứa hormon và chất có hoạt tính hormon. + Chứng nhận lô * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dạng pellet, gel dùng tại âm đạo chứa hormon và chất có hoạt tính hormon * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	ES/190HVI/21	22-12-2021	14-07-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	21
ES-015 » Lilly, S.A » Avda dela Industria, 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain									
268	Lilly, S.A.	Avda de la Industria, 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain (hoặc Avda Industria 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain/ Avda dela Industria, 30, 28108 Alcobendas, Madrid, Spain)	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang cứng.	EU-GMP	ES/052HVI/18	25-04-2018	12-03-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	7
416	Lilly, S.A.	Avda de la Industria, 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain (hoặc Avda Industria 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain/ Avda dela Industria, 30, 28108 Alcobendas, Madrid, Spain)	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc sinh học (sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật); xuất xưởng thuốc vô trùng, xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	ES/052HVI/18	25-04-2018	12-03-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1472	Lilly, S.A.	Avda de la Industria, 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain (hoặc Avda Industria 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain/ Avda de la Industria, 30, 28108 Alcobendas, Madrid, Spain/ Avda Industria 30, 28108 Alcobendas, Madrid, Spain)	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim. * Chứng nhận lô (batch certification): thuốc sinh học (sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật); thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	ES/049HVI/21	01-04-2021	09-03-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	17
ES-016 » Synthon Hispania, SL » c/ Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain									
269	Synthon Hispania, SL	c/ Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain (cách ghi khác: Pol.Ind.Les Salines, Carrer Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT, Spain; hoặc Castelló 1, Polígono Las Salinas, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona), Spain)	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; pellets; viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc gây nghiện và hướng thần); thuốc bột (gói); viên nén phóng thích kéo dài * Xuất xưởng sản phẩm cụ thể: + Thuốc bột pha dung dịch đậm đặc để tiêm truyền Pemetrexed Synthon 100 mg (Tên tại Việt Nam: Pemetrexed Biovagen); + Thuốc bột pha dung dịch đậm đặc để tiêm truyền Pemetrexed Synthon 500 mg (Tên tại Việt Nam: Pemetrexed Biovagen); + Thuốc bột đông khô pha tiêm Bortezomib Genthon (Tên tại Việt Nam: Bortezomib Biovagen).	EU-GMP	NCF/2225/001/CAT	30-03-2022	25-03-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	7
ES-017 » Glaxo Wellcome S.A » Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero. (Burgos), Spain									
403	Glaxo Wellcome S.A	Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero. (Burgos), Spain. (* Cách ghi khác: Avda. De Extremadura no 3, 09400 Aranda de Duero. (Burgos), Spain; Avenida De Extremadura 3, Aranda de Duero, Burgos, E-09400, Spain; Avenida Extremadura, 3, 09400-Aranda de Duero (Burgos) (hoặc Aranda de Duero, Burgos 09400), Spain	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc phun mù dạng hỗn dịch, dung dịch để xịt mũi. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc phun mù dạng hỗn dịch, dung dịch để xịt mũi. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	3167/19	16-09-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	8
2134	Glaxo Wellcome S.A	Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero. (Burgos), Spain. (* Cách ghi khác: Avda. De Extremadura no 3, 09400 Aranda de Duero. (Burgos), Spain; Avenida De Extremadura 3, Aranda de Duero, Burgos, E-09400, Spain; Avenida Extremadura, 3, 09400-Aranda de Duero (Burgos) (hoặc Aranda de Duero, Burgos 09400), Spain	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc dược chất có hoạt tính hormon); viên nén, viên nén bao phim; thuốc phun mù dạng hỗn dịch, dung dịch để xịt mũi (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc hoạt chất có hoạt tính hormon) * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc dược chất có hoạt tính hormon); viên nén, viên nén bao phim; thuốc phun mù dạng hỗn dịch, dung dịch để xịt mũi (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc dược chất có hoạt tính hormon) + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng), hóa/ lý	EU-GMP	3167/22	20-07-2022	08-06-2025	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	25
ES-018 » Altan Pharmaceuticals, S.A. » Avda, de la Constitucion, 198-199, Poligono Industrial Monte Boyal, Casarrubios del Monte, 45950 Teledo Spain									
133	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Avda, de la Constitucion, 198-199, Poligono Industrial Monte Boyal, Casarrubios del Monte, 45950 Teledo Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	ES/145HV/19	07-11-2019	10-10-2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2001	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Avda, de la Constitucion, 198-199, Poligono Industrial Monte Boyal, Casarrubios del Monte, 45950 Toledo Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	ES/159HV/21	24-09-2021	24-09-2024	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	23
ES-019 » Laboratorios Normon, S.A » Ronda de Valdecarrizo, 6, Tres Cantos 28760 (Madrid) Espana									
134	Laboratorios Normon, S.A	Ronda de Valdecarrizo, 6, Tres Cantos 28760 (Madrid) Espana (Cách ghi khác: Ronda de Valdecarrizo, 6, 28760 Tres Cantos (Madrid), Spain)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc cấy ghép và thuốc dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén và viên nén bao phim (chứa kháng sinh nhóm β -Lactam, thuốc độc tế bào/ thuốc kim tế bào, hormon và chất có hoạt tính hormon, thuốc miễn dịch); Viên nén, viên nén bao phim, viên nén phân tán; Viên bao kháng virus.	EU-GMP	ES/041HVI/19	03-04-2019	31-12-2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	6
2063	Laboratorios Normon, S.A	Ronda de Valdecarrizo, 6, Tres Cantos 28760 (Madrid) Espana (Cách ghi khác: Ronda de Valdecarrizo, 6, 28760 Tres Cantos (Madrid), Spain)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc cấy ghép và dạng rắn: thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén và viên nén bao phim (chứa kháng sinh nhóm β -Lactam, thuốc độc tế bào/ thuốc kim tế bào, hormon và chất có hoạt tính hormon, thuốc miễn dịch); Viên nén, viên nén bao phim, viên nén phân tán; Viên bao kháng virus, thuốc bột pha hỗn dịch (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β -Lactam).	EU-GMP	ES/041HVI/19/1	20-01-2022	22-02-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	24
ES-021 » LABORATORIO REIG JOFRE, SA » Gran Capità, 10, 08970 Sant Joan Despí (Barcelona), Spain									
135	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	C/ Jarama 111 Polígono Industrial, Toledo, 45007 Toledo Espana, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin) : viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; dạng bào chế rắn khác (viên bao phim, thuốc bột, thuốc cốm)	EU-GMP	ES/070HVI/19	28-05-2019	04-03-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	6
426	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	Gran Capità, 10, 08970 Sant Joan Despí (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học (không bao gồm hoạt động với vi sinh vật sống hoặc nuôi cấy tế bào): Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm tách từ người hoặc động vật.	EU-GMP	NCF/1840/001/CAT	18-07-2018	31-12-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	8
ES-022 » Laboratorios Leon Farma S.A » Poligono Industrial Navatejera, C/ La Vallina s/n, Villaquilambre-Leon, Spain									
1070	Laboratorios Leon Farma S.A	C/ La Vallina s/n, Poligono Industrial Navatejera, Villaquilambre, Leon, 24008, Spain	* Thuốc không vô trùng chứa hóc môn và các hoạt chất có hoạt tính hóc môn: viên nang cứng; viên nang mềm; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao; vòng đặt âm đạo. * Đóng gói: đóng gói sơ cấp; đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	4208/18	11-04-2018	08-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	13
1609	Laboratorios Leon Farma S.A	C/ La Vallina s/n, Poligono Industrial Navatejera, Leon, 24008, Spain (cách ghi khác: C/ La Vallina s/n, Poligono Industrial Navatejera, 24008 Navatejera, Leon, Spain; C/ La Vallina s/n, P.I Navatejera, 24008, Villaquilambre, Leon, Spain)	* Thuốc không vô trùng chứa hóc môn hoặc các hoạt chất có hoạt tính hóc môn: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao; vòng đặt âm đạo. + Xuất xưởng Thuốc không vô trùng. * Đóng gói: đóng gói sơ cấp; đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	4208/21	30-03-2021	23-02-2024	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	18
ES-023 » Laboratorios Liconsa, S.A » Avda. Miralcampo, 7, Pol. Ind. Miralcampo, Azuqueca de Henares, 19200 Guadalajara, Spain									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
941	Laboratorios Liconsa, S.A	Avda. Miralcampo, 7, Pol. Ind. Miralcampo, Azuqueca de Henares, 19200 Guadalajara, Spain (cách ghi khác: Avenida Miralcampo 7, Poligono Industrial Miralcampo, 19200 Azuqueca de Henares, Guadalajara, Spain)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần): + Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, không bao gồm thuốc chứa hormon sinh dục; bao gồm cả viên nang bao tan trong ruột); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, không bao gồm thuốc chứa hormon sinh dục); + Viên nang mềm; Viên nén; Viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/085HVI/19	17-06-2019	31-12-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	12
ES-024 » Alcon Cusí SA » Camil Fabra, 58, 08320 EL Masnou (Barcelona), Spain									
270	Alcon Cusí SA	c/Camil Fabra, 58, 08320 EL Masnou (Barcelona), Spain (hoặc: Camil Fabra, 58, 08320 EL Masnou, Barcelona, Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormone sinh dục): thuốc mỡ tra mắt; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt); * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormone sinh dục).	EU-GMP	NCF/1923/01/CAT	29-04-2019	28-01-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	7
1696	Siegfried El Masnou, S.A. (tên cũ là Alcon Cusí SA)	c/Camil Fabra, 58, 08320 EL Masnou (Barcelona), Spain (hoặc: Camil Fabra, 58, 08320 El Masnou, Barcelona, Spain)	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormone sinh dục): thuốc mỡ tra mắt; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt); * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormone sinh dục). * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	NCF/2147/01/CAT	28-07-2021	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	19
ES-025 » Labiana Pharmaceutical, SLU » c/ Casanova, 27-31 Corbera De Llobregat, Barcelona, 08757, Spain									
371	Labiana Pharmaceuticals, SLU	c/ Casanova, 27-31, Corbera De Llobregat, Barcelona, 08757, Spain (Cách ghi khác: c/ Casanova, 27-31- Corbera De Llobregat, E-08757 Barcelona, Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon; thuốc chứa chất gây nghiện, hướng thần); Thuốc dùng trong dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon; thuốc chứa chất gây nghiện, hướng thần); Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường	EU-GMP	NCF/2009/01/CAT	02-03-2020	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	8
ES-026 » Laboratorios Rubio, S.A » C/. Indústria, 29 Pol. Ind. Comte de Sert 08755 CASTELLBISBAL (Barcelona), Spain									
271	Laboratorios Rubio, S.A	C/. Indústria, 29 Pol. Ind. Comte de Sert 08755 CASTELLBISBAL (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả sản xuất và bào quản thuốc gây nghiện/hướng tâm thần): viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, dạng bào chế rắn khác (bột pha hỗn dịch uống).	EU-GMP	NCF/1943/02/CAT	16-09-2019	18-06-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	7
ES-027 » Kern Pharma, SL » Polígon Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain									
337	Kern Pharma, SL	Polígon Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô (bao gồm sản phẩm chứa hormon hoặc chứa chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm sản phẩm chứa hormon hoặc chứa chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm sản phẩm chứa hormon hoặc chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc đặt	EU-GMP	NCF/1807/04/CAT	28-02-2018	27-11-2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	8
1180	Kern Pharma, SL	Polígon Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain (* Cách ghi khác: Poligono Industrial Colon II. Venus, 72, 08228 Tarrasa (Barcelona) - Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chứa chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chứa chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn, thuốc đặt.	EU-GMP	NCF/1953/01/CAT	20-11-2019	31-12-2023	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	14
ES-029 » B.Braun Medical, S.A. » Ronda de Los Olivares, parcela 11, Poligono Industrial Los Olivares, Jaen, 23009 Jaen Espana, Spain									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1071	B.Braun Medical, S.A.	Ronda de Los Olivares, parcela 11, Poligono Industrial Los Olivares, Jaen, 23009 Jaen Espana, Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có chứa hormon): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; + Thuốc dạng bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có chứa hormon). * Thuốc sinh học: chế phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	ES/093HVI/17*	17-04-2020	11-05-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	13
ES-030 » LABORATORIO ALDO-UNIÓN SL » Baronessa de Maldà, 73, 08950 Esplugues de Llobregat (Barcelona), Spain									
414	LABORATORIO ALDO-UNIÓN SL	Baronessa de Maldà, 73, 08950 Esplugues de Llobregat (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc phun mù (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon);	EU-GMP	NCF/1930/01/CAT	31-05-2019	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	8
2135	LABORATORIO ALDO-UNIÓN SL	Baronessa de Maldà, 73, 08950 Esplugues de Llobregat (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc phun mù (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon);	EU-GMP	NCF/2250/01/CAT	29-07-2022	22-04-2025	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	25
ES-031 » Laboratotios Cinfa S.A » Ctra. Olaz Chipi, 10. Polígono Industrial Areta, 31620 Huarte (Navarre), Spain									
2002	Laboratorios Cinfa S.A	Ctra. Olaz Chipi, 10, Poligono Industrial Areta, 31620 Huarte (Navarre), Spain	* Thuốc không vô trùng. + Viên nang cứng; dung dịch dùng ngoài; dung dịch dùng trong; thuốc dạng rắn khác; viên nén. + Xuất xưởng lỗ * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; dung dịch dùng ngoài; dung dịch uống; thuốc dạng rắn khác; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng.	EU-GMP	NCF/02/2019	04-11-2019	31-12-2023	Government of Navarre, Spain	23
ES-032 » TEDEC-MEIJ FARMIA, S.A. » Ctra. M-300, Km. 30,500, Alcalá de Henares, 28802 Madrid Espana, Spain									
449	Meiji Pharma Spain, S.A. (Tên cũ: TEDEC-MEIJ FARMIA, S.A.)	Avda. De Madrid, 94, Alcalá de Henares, 28802 Madrid Espana, Spain (Địa chỉ cũ: Ctra. M-300, Km. 30,500, Alcalá de Henares, 28802 Madrid Espana, Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (bao gồm thuốc gây nghiện/hướng thần): Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	EU-GMP	ES/142HVI/18	13-09-2019	31-12-2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	9
ES-033 » Novartis Farmaceutica, SA » Ronda de Santa Maria, 158, 08210 Barbera Del Valles (Barcelona), Spain									
535	Siegfried Barbera, S.L (Tên cũ: Novartis Farmaceutica, SA hoặc Novartis Farmacéutica, SA)	Ronda de Santa Maria (hoặc Ronda Santa Maria) , 158, 08210 Barbera Del Valles (hoặc Barberà Del Vallès), Barcelona, Spain	*Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần): + viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào); viên nang cứng chứa bột hít. + Xuất xưởng lỗ; + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào); viên nang cứng chứa bột hít; + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NCF/2108/01/CAT	09-03-2021	31-12-2023	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	9
ES-034 » J.Uriach I CIA, SA » Avinguda Camí Reial, 51-57, Poligon Industrial Riera de Calders, 08184 Palau - Solita I Plegamans (Barcelona), Spain									
738	J.Uriach Y Compania SA.	Avinguda Camí Reial, 51-57, 08184 Palau - Solità I Plegamans (Barcelona), Spain. Cách viết khác: Avda Camí Reial, 51-57, 08184 Palau - Solità I Plegamans Barcelona, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	NCF/2020/01/CAT	11-06-2020	31-12-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2003	J.Uriach Y Compania SA. (Cách ghi khác: J.Uriach and Cia., S.A.)	Avinguda Camí Reial, 51-57, 08184 Palau - Solità I Plegamans (Barcelona), Spain. (Cách ghi khác: Avda Camí Reial, 51-57, 08184 Palau - Solità I Plegamans Barcelona, Spain)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	NCF/2117/01/CAT	29-03-2021	01-02-2024	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	23
ES-035 » Recipharm Leganés S.L.U » Calle Severo Ochoa 13, Leganés, 28914 Madrid, Spain									
483	Recipharm Leganés S.L.U	Calle Severo Ochoa 13, Leganés, 28914 Madrid, Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao (thuốc ức chế miễn dịch). * Sản xuất và bảo quản thuốc gây nghiện; thuốc hướng tâm thần. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: + Vi sinh: không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	ES/001HVI/18	08-01-2018	05-10-2020	Agencia Espanola de Medicamentos y Productos Sanitarios, Spain	9
ES-036 » LDP-Laboratorios Torlan SA » Ctra. De Barcelona, 135-B, 08290 Cerdanyola Del Valles (Barcelona), Spain									
497	LDP-Laboratorios Torlan SA	Ctra. De Barcelona, 135-B, 08290 Cerdanyola Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh betalactam (thuốc bột pha tiêm).	EU-GMP	NCF/2024/01/CAT	20-06-2020	31-12-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	9
1697	LDP-Laboratorios Torlan SA	Ctra. De Barcelona, 135-B, 08290 Cerdanyola Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh betalactam (thuốc bột pha tiêm).	EU-GMP	NCF/2140/01/CAT	06-07-2021	01-07-2024	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	19
ES-037 » Prasfarma SL » C/ Sant Joan, 11-15 08560 Manlleu (Barcelona), Spain									
739	Prasfarma SL	C/ Sant Joan, 11-15, 08560 Manlleu (Barcelona), Spain	Thuốc chứa thuốc độc tế bào, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nén (Viên nén, viên nén bao phim). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Hóa học/Vật lý. + Vi sinh: Vô trùng.	EU-GMP	NCF/1739/01/CAT	17-11-2017	16-06-2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	11
ES-038 » Altan Pharmaceuticals, S.A. » Poligono Industrial de Bernedo, s/n, Bernedo, 01118 Alava - Spain									
619	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Poligono Industrial de Bernedo, s/n, Bernedo, 01118 Alava - Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	ES/037HVI/19*	15-05-2020	19-06-2021	Agency for Medicines and Medical Devices (AEMPS), Spain	10
1610	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Poligono Industrial de Bernedo, s/n, Bernedo, 01118 Alava - Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	ES/037HVI/19**	31-05-2021	16-06-2022	Agency for Medicines and Medical Devices (AEMPS), Spain	18
ES-039 » Instituto Grifols, SA » Poligon Industrial Llevant, Can Guasch, 2 08150 Parets Del Valles (Barcelona), Spain									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
740	Instituto Grifols, SA	Polígon Industrial Llevant, Can Guasch, 2 08150 Parets Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm máu. + Xuất xưởng lô chế phẩm máu. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	NCF/2019/01/CAT	04-06-2020	31-12-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	11
1698	Instituto Grifols, SA	Polígon Industrial Llevant, Can Guasch, 2 08150 Parets Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm máu. + Xuất xưởng lô chế phẩm máu. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	NCF/2133/01/CAT	16-06-2021	07-06-2024	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	19
ES-040 » GP Pharm, SA » Pol. Ind. Els Vinyets - Els Fogars, 2, Ctra. C-244, Km. 22; 08777 Sant Quinti de Mediona (Barcelona), Spain									
741	GP Pharm, SA	Pol. Ind. Els Vinyets - Els Fogars, 2, Ctra. C-244, Km. 22; 08777 Sant Quinti de Mediona (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc đông khô pha dung dịch tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn.	EU-GMP	NCF/1823/01/CAT	11-05-2018	06-03-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	11
1373	GP Pharm, SA	Pol. Ind. Els Vinyets - Els Fogars, 2, Ctra. C-244, Km. 22; 08777 Sant Quinti de Mediona (Barcelona), Spain (Cách ghi khác: Polígono Industrial Els Vinyets-Els Fogars, Sector 2. Carretera comarcal C-244, Km 22, 08777-Sant Quinti de Mediona (Barcelona), Spain).	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc đông khô pha dung dịch tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn.	EU-GMP	NCF/2105/01/CAT	24-02-2021	03-11-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	16
ES-043 » Laboratorios Francisco Durban, S.A. » Polígono Industrial La Redonda, C/IX, no 2, El Ejido, 04710 (Almeria), Spain									
742	Laboratorios Francisco Durban, S.A.	Polígono Industrial La Redonda, C/ IX, no 2, El Ejido, 04710 Almeria, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch uống. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế không vô trùng trên. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	ES/087HV/18	17-07-2018	05-10-2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	11
1249	Laboratorios Francisco Durban, S.A.	Polígono Industrial La Redonda, C/ IX, no 2, El Ejido, 04710 Almeria, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch uống. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý	EU-GMP	ES/005HV/21	11-01-2021	24-09-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	15
ES-044 » Farmasierra Manufacturing, S.L. » Ctra. Irun, Km. 26,200, San Sebastian de los Reyes, 28709, Madrid Espana, Spain									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
743	Farmasierra Manufacturing, S.L.	Ctra. Irun, Km. 26,200, San Sebastian de los Reyes, 28709, Madrid Espana, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác; thuốc dạng bán rắn; viên nén. * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp. * Xuất xưởng.	EU-GMP	ES/029HVI/20	13-03-2020	31-12-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	11
ES-045 » Berlimed S.A » C/Francisco Alonso nº 7, Polígono Industrial Santa Rosa, Alcalá de Henares, 28806 Madrid España, Spain									
1072	Berlimed S.A	C/Francisco Alonso nº 7, Polígono Industrial Santa Rosa, Alcalá de Henares, 28806 Madrid España (Spain) Cách ghi khác: Francisco Alonso, 7 Polígono Industrial Santa Rosa, 28806 Alcalá de Henares, Madrid, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm thuốc chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng. (Bao gồm thuốc chứa dược chất gây nghiện, hướng thần) * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng * Đóng gói sơ cấp và thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng, hóa học/vật lý	EU-GMP	ES/078HVI/19	10-06-2019	31-12-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	13
ES-046 » Industria Química Y Farmacéutica, VIR S.A » C/Laguna 66-68-70, Pol. Industrial Urtinsa II, Alcorcón, 28923 Madrid Espana, Spain									
942	Industria Química Y Farmacéutica, VIR S.A	C/Laguna 66-68-70, Pol. Industrial Urtinsa II, Alcorcón, 28923 Madrid Espana, Spain.	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/131HVI/20	06-10-2020	07-08-2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	12
1699	Industria Química Y Farmacéutica, VIR S.A	C/Laguna 66-68-70, Pol. Industrial Urtinsa II, Alcorcón, 28923 Madrid Espana, Spain.	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học/Vật lý	EU-GMP	ES/145HVI/21	05-10-2021	09-07-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	19
ES-049 » LABORATORIOS CINFA, S.A. » Travesía de Roncesvalles, 1 de Olloki 31699 (Navarre), Spain									
1181	LABORATORIOS CINFA, S.A.	Travesía de Roncesvalles, 1 de Olloki 31699 (Navarre) Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng: miếng dán qua da, thuốc đạn, thuốc bán rắn và viên nang mềm. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý	EU-GMP	NCF/03/2019	04-11-2019	31-12-2022	Health Department of the Navarre Government, Spain	14
ES-050 » Laboratorios Alcalá Farma, S.L. » Avenida de Madrid, 82, Alcalá de Henares, 28802 Madrid, España									
1798	Laboratorios Alcalá Farma, S.L.	Avenida de Madrid, 82, Alcalá de Henares, 28802 Madrid, Spain	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao đường, cốm, bột. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: - Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao đường, cốm, bột. - Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	ES/047HVI/21	24-03-2021	05-02-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	20
ES-051 » Ferrer Internacional, SA » c/. Joan Buscalla, 1-9, 08173 Sant Cugat Del Vallès (Barcelona), Spain									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1250	Ferrer Internacional, SA	c/. Joan Buscallà, 1-9, 08173 Sant Cugat Del Vallès (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lỗ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Thuốc đặt. + Xuất xưởng lỗ. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Thuốc đặt. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	NCF/2011/001/CAT	03-03-2020	31-12-2023	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	15
ES-052 » SERRA PAMIES, SA » Ctra. de Castellvell, 24, 43206 Reus (Tarragona), Spain									
1251	SERRA PAMIES, SA	Ctra. de Castellvell, 24, 43206 Reus (Tarragona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lỗ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. + Xuất xưởng lỗ. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng; Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Vi sinh: Không vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	NCF/1956/001/CAT	27-11-2019	18-11-2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	15
ES-053 » Laboratorium Sanitatis, S.L. » C/ Leonardo da Vinci, 11 (Parque Tecnológico de Álava), Miñano, 01510 Alava, Spain									
1252	Laboratorium Sanitatis, S.L.	C/ Leonardo da Vinci, 11 (Parque Tecnológico de Álava), Miñano, 01510 Alava, Spain	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	ES/046HVI/20	30-03-2020	31-12-2023	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	15
ES-054 » Wyeth Farma, S.A » Autovía del Norte A1, Km 23, desvío Algete, Km. 1, San Sebastián de los Reyes, 28700 Madrid, Spain									
1611	Wyeth Farma, S.A	Autovía del Norte A1, Km 23, desvío Algete, Km. 1, San Sebastián de los Reyes, 28700 Madrid, Espana/Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	ES/012HVI/19	01-02-2019	03-12-2021	Agencia Espanola de Medicamentos y Productos Sanitarios, Spain	18
ES-055 » Famar Health Care Services Madrid, S.A.U » Avda. Leganes, 62, Alcorcon 28923 (Madrid), Espana									
1473	Famar Health Care Services Madrid, S.A.U	Avda. Leganés, 62, Alcorcón, 28923 Madrid (Cách viết khác: Avda. Leganés, 62, Alcorcón, Madrid, 28923) , Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả chứa chất gây nghiện); dung dịch thuốc dùng ngoài; dung dịch thuốc uống; thuốc bột; viên nén (bao gồm cả chứa chất gây nghiện, hormon và chất có hoạt tính hormon); viên bao. * Thuốc sinh học: Thuốc có chiết xuất từ người hoặc động vật (chỉ bao gồm giai đoạn đóng ống cho thuốc chứa enoxaparine, danaparoid sodium, protamine). * Xuất xưởng thuốc vô trùng, không vô trùng và sinh học * Kiểm tra chất lượng: vi sinh vô trùng và không vô trùng, hóa học/ vật lý; sinh học	EU-GMP	ES/083HVI/21	25-05-2021	15-03-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	17
ES-056 » Towa Pharmaceutical Europe, SL » C/ de Sant Martí, 75 -97 08107 Martorelles, Spain									
1474	Towa Pharmaceutical Europe, SL	C/ de Sant Martí, 75 -97 08107 Martorelles, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; thuốc bột; thuốc uống dạng lỏng (dung dịch uống, hỗn dịch uống); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ).	EU-GMP	NCF/2018/001/CAT	16-06-2020	18-01-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	17
FI-001 » Orion Corporation / Orion Oyj / Orion pharma » Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland									
136	Orion Corporation / Orion Oyj / Orion pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong bàng quang; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa sulphonamide); thuốc bột hít. * Đóng gói sơ cấp: Bao gồm cả viên nang cứng, viên nang mềm	EU-GMP	2258/06.08.00.04/2018	27-03-2018	31-03-2020	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
272	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng hoạt tính cao: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng hoạt tính cao; thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng; viên nén hoạt tính cao; thuốc bột hít hoạt tính cao. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc trên, không bao gồm viên nang cứng, viên nén.	EU-GMP	5643/06.08.00.04/2019	02-09-2019	13-09-2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	7
273	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong bàng quang; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa sulphonamide); thuốc bột hít. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang cứng, viên nang mềm.	EU-GMP	3953/06.08.02.00/2017	12-11-2018	13-09-2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	7
521	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Orionintie 1, Espoo, 02200, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột hít. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế trên, trừ viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	003953/06.08.02.00/2017	17-12-2019	13-09-2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	9
1612	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng hoạt tính cao: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng hoạt tính cao; thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng; viên nén hoạt tính cao; viên nén bao phim; thuốc bột hít hoạt tính cao. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng; thuốc bột hít hoạt tính cao. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	FIMEA/2020/001590	16-10-2020	17-09-2023	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	18
FI-002 » Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma » Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360, Finland									
274	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360, Finland (* Cách ghi khác: Tengstrominkatu 8, Turku, 20360, Finland)	* Thuốc không vô trùng hoạt tính cao: Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon); thuốc gel, thuốc mỡ (chứa hormon); viên nén (chứa chất độc tế bào và sulphonamide). * Đóng gói sơ cấp: Không bao gồm viên nang cứng.	EU-GMP	5650/06.08.00.04/2019	02-09-2019	31-12-2022	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	7
2136	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360, Finland (* Cách ghi khác: Tengstrominkatu 8, Turku, 20360, Finland)	* Thuốc không vô trùng hoạt tính cao: Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon); thuốc gel, thuốc mỡ (chứa hormon); viên nén (chứa chất độc tế bào và sulphonamide). * Đóng gói sơ cấp: Không bao gồm viên nang cứng.	EU-GMP	FIMEA/2022/000364	06-04-2022	10-03-2025	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	25
FI-003 » Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma » Joensuunkatu 7, Salo, FI-24100, Finland									
275	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Joensuunkatu 7, Salo, FI-24100, Finland	* Xuất xưởng thuốc vô trùng; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp thuốc hoạt tính cao: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa Sulphonamide). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	5647/06.08.00.04/2019	02-09-2019	31-12-2022	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	7
1700	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Joensuunkatu 7, Salo, FI-24100, Finland	* Xuất xưởng thuốc vô trùng; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (hoạt tính cao); viên nang mềm (hoạt tính cao); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa Sulphonamide, bao gồm cả thuốc hoạt tính cao, trừ thuốc độc tế bào/kim tế bào, trừ thuốc chứa hormon sinh dục). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	FIMEA/2020/007862	12-05-2021	11-03-2024	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	19
FI-004 » Bayer Oy » Pansiontie 47, 20210 Turku, Finland									
943	Bayer Oy	Pansiontie 47, Turku, FI-20210, Finland (Cách viết khác: Pansiontie 47, 20210 Turku, Finland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (bao gồm thuốc chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc giải phóng hoạt chất tại tử cung (bao gồm thuốc chứa chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	004108/06.08.02.00/2017	21-01-2020	07-06-2022	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2004	Bayer Oy	Pansiontie 47, Turku, FI-20210, Finland (Cách ghi khác: Pansiontie 47, 20210 Turku, Finland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (bao gồm thuốc chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc giải phóng hoạt chất tại tử cung (bao gồm thuốc chứa chất có hoạt tính hormon). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vô sinh /Vô trùng /Không vô trùng/ Hóa học/Vật lý/ Sinh học	EU-GMP	FIMEA/2021/003144	08-07-2021	03-06-2024	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	23
FI-005 » Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma » Volttikatu 8, Kuopio, 70700, Finland									
1182	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Volttikatu 8, Kuopio, 70700, Finland	* Thuốc không vô trùng (sản phẩm có hoạt tính cao): thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch dùng ngoài, nhỏ mũi, xịt mũi, rửa mũi, nhỏ tai, rửa tai, thuốc xổ); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc nhỏ giọt, thuốc uống dạng lỏng chứa sulfonamides). * Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn + Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	002273/06.08.02.00/2016	17-12-2019	31-01-2022	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	14
2137	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Volttikatu 8, Kuopio, 70700, Finland	* Thuốc không vô trùng (sản phẩm có hoạt tính cao): thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch dùng ngoài, nhỏ mũi, xịt mũi, rửa mũi, nhỏ tai, rửa tai, thuốc xổ); thuốc uống dạng lỏng (thuốc nhỏ giọt, thuốc uống dạng lỏng chứa sulfonamides). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng. + Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	FIMEA/2021/006492	22-03-2022	14-12-2024	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	25
FI-006 » Santen Oy » Niittyhaankatu 20, Tampere, 33720, Finland									
1613	Santen Oy	Niittyhaankatu 20, 33720 Tampere, Finland	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật.	EU-GMP	FIMEA/2019/000238	11-11-2019	11-08-2020	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	18
FI-007 » Santen Oy » Kelloportinkatu 1, Tampere, 33100, Finland									
1614	Santen Oy	Kelloportinkatu 1, Tampere, 33100, Finland	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật.	EU-GMP	FIMEA/2019/000663/Site 2	28-02-2020	23-01-2023	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	18
FR-001 » Lilly France » Zone Industrielle, 2 rue du colonel Lilly, Fegersheim, 67640, France									
22	Lilly France	Zone Industrielle, 2 rue du colonel Lilly, Fegersheim, 67640, France	* Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm thuốc hormon không bao gồm hormone sinh dục có tác dụng tránh thai): + Thuốc đông khô, + Dung dịch thể tích nhỏ. + Chứng nhận xuất xưởng * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học + Chứng nhận xuất xưởng * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	2018/HPF/FR/097	12-04-2018	31-12-2021	CQQL Dược Pháp (ANSM)	2
1374	Lilly France	Zone Industrielle, 2 rue du colonel Lilly, Fegersheim, 67640, France	* Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm thuốc hormon không bao gồm hormone sinh dục có tác dụng tránh thai): + Thuốc đông khô, + Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	2021/HPF/FR/058	19-04-2021	15-01-2024	National Agency for the Safety of Medicine and Health Product, France	16
FR-002 » Pharmaster » Zone industrielle de Kraft, Ernstein, 67150, France									
31	Pharmaster	Zone industrielle de Kraft, Ernstein, 67150 France	* Thuốc SX vô trùng: dung dịch thể tích lớn; Thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: dung dịch dùng ngoài, dung dịch thuốc uống	EU-GMP	HPF/FR/141/2017	19-05-2017	31-03-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	3

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
509	Pharmaster	Zone industrielle de Krafft, Erstein, 67150 France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: dung dịch dùng ngoài, dung dịch thuốc uống.	EU-GMP	2020/HPF/F R/046	02-03-2020	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
FR-003 » Laboratoires Bouchara Recordati » 70, Avenue du General de Gaulle, Puteaux, 92800, France									
32	Laboratoires Bouchara Recordati	70, Avenue du General de Gaulle, Puteaux, 92800 France (hoặc 92800, Puteaux, France)	Cơ sở xuất xưởng; xuất xưởng lô thuốc không vô trùng.	EU-GMP	2018/HPF/F R/155	21-06-2018	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	3
FR-004 » Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret » Route de Marsat, Riom, Clermont Ferrand Cedex 9, 63963, France									
42	Laboratories Merck Sharp & Dohme-Chibret	Route de Marsat, Riom, CLERMONT FERRAND CEDEX 9, 63963, France	Đóng gói thứ cấp và xuất xưởng thuốc sản xuất: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học. Xuất xưởng thuốc nhập khẩu: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối.	EU-GMP	2018/HPF/F R/021	17-01-2018	24-04-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	4
744	Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret	Route de Marsat, Riom, Clermont Ferrand Cedex 9, 63963, France (* Các cách ghi khác: - Route de Marsat, Riom, F-63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, France; - Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, France)	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: + Thuốc đông khô chứa kháng sinh nhóm β-Lactam. + Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm truyền Invanz (Ertapenem; 1g); Bột pha dung dịch tiêm truyền Cancidas (Each vial contains 70mg of caspofungin (as acetate)); Bột pha dung dịch tiêm truyền Cancidas (Each vial contains 50mg of caspofungin (as acetate)). + Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng và thuốc sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng. * Xuất xưởng thuốc nhập khẩu: - Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối.	EU-GMP	2019/HPF/F R/278	14-10-2019	15-03-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	11
1375	FAREVA Mirabel (Tên cũ: Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret)	Route de Marsat, Riom, Clermont Ferrand Cedex 9, 63963, France (* Các cách ghi khác: - Route de Marsat, Riom, F-63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, France; - Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, France)	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: + Thuốc đông khô chứa kháng sinh nhóm β-Lactam. + Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm truyền Invanz (Ertapenem; 1g); Bột pha dung dịch tiêm truyền Cancidas (Each vial contains 70mg of caspofungin (as acetate)); Bột pha dung dịch tiêm truyền Cancidas (Each vial contains 50mg of caspofungin (as acetate)). + Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng và thuốc sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng. * Xuất xưởng thuốc nhập khẩu: - Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối.	EU-GMP	2021/HPF/F R/010	29-01-2021	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	16
FR-005 » MACO PRODUCTION SAS » rue Lorthios, MOUVAUX, 59420, France									
44	MACO PRODUCTION SAS-MOUVAUX	Rue Lorthios, Mouvaux, 59420, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/F R/268	18-12-2018	30-12-2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	4

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
492	MACO PRODUCTION SAS- MOUVAUX	rue Lorthios, MOUVAUX, 59420, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/F R/268	18-12-2018	30-12-2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
FR-006 » Laboratoires Galeniques Vernin » 20 rue Louis-Charles Vernin, DAMMARIÉ LES LYS, 77190, France									
45	Laboratoires Galeniques Vernin	20 rue Louis-Charles Vernin, DAMMARIÉ LES LYS, 77190, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc bột; thuốc đạn; viên nén. * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	2018/HPF/F R/156	21-06-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	4
2138	Laboratoires Galeniques Vernin	20 rue Louis-Charles Vernin, DAMMARIÉ LES LYS, 77190, France Cách viết khác: 20, rue Louis-Charles Vernin, 77190, DAMMARIÉ LES LYS, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc bột; thuốc đạn; viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc từ dược liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm; thuốc bột; thuốc đạn; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2022_HPFF_R_005	20-01-2022	01-10-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	25
FR-007 » Laboratoires Mayoly Spindler » 6 avenue de l'Europe, CHATOU, 78400, France									
46	Laboratoires Mayoly Spindler - Chatou	6 avenue de l'Europe, CHATOU, 78400, France	* Đóng gói sơ cấp, thứ cấp thuốc không vô trùng: viên nang mềm; viên nhai; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc dược liệu. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng: viên nang mềm; viên nhai; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; * Kiểm tra chất lượng thuốc không vô trùng: viên nang mềm; viên nhai; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc dược liệu.	EU-GMP	2019/HPF/F R/083	18-03-2019	30-03-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	4
944	Laboratoires Mayoly Spindler	6 avenue de l'Europe, CHATOU, 78400, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Thuốc dược liệu. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: chỉ giới hạn trong kiểm tra chất lượng nước tinh khiết và môi trường.	EU-GMP	2020/HPF/F R/039	21-02-2020	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	12
FR-008 » Aspen Notre Dame De Bondeville » 1 rue de L' Abbaye, Notre Dame De Bondeville, 76960, France									
68	Aspen Notre Dame De Bondeville	1 rue de L' Abbaye, Notre Dame De Bondeville, 76960, France	* Thuốc vô trùng (các thuốc Certoparine, Fondaparinux sodium, Nadroparine Calci, các ống dung môi pha tiêm của vắc xin Varilrix, nước pha tiêm của vắc xin Priorix): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/F R/173	26-06-2019	08-03-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety	5
FR-009 » PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION » Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France									
82	PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Sản xuất thuốc: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon); dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: dạng bào chế bán rắn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon). * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thuốc: + Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm chứa chất độc tế bào. + Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng lô.	EU-GMP	2018/HPF/F R/186	17-08-2018	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	5
FR-010 » DELPHARM LILLE SAS » Parc d'Activités Roubaix - Est, 22 rue de Toufflers CS 50070, LYS LEZ LANNOY, 59452, France									
137	DELPHARM LILLE SAS	Parc d'Activités Roubaix - Est, 22 rue de Toufflers CS 50070, LYS LEZ LANNOY, 59452, France	1. Sản xuất toàn bộ công đoạn: * Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc chứa thuốc độc tế bào, thuốc chứa hormon sinh dục: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. 2. Đóng gói sơ cấp thuốc chứa hormon sinh dục: Viên nang mềm, dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	2018/HPF/F R/052	28-02-2018	29-09-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
745	DELPHARM LILLE SAS	Parc d'Activités Roubaix - Est, 22 rue de Toufflers CS 50070, LYS LEZ LANNOY, 59452, France	* Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc chứa thuốc độc tế bào, thuốc chứa hormon sinh dục: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Đóng gói sơ cấp thuốc chứa hormon sinh dục: Viên nang mềm, dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	2020/HPF/F R/060	10-03-2020	08-11-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	11
FR-011 » Delpharm Tours » Rue Paul Langevin, 37170, Chambray Les Tours, France									
138	Delpharm Tours	Rue Paul Langevin, 37170, Chambray Les Tours, France	* Thuốc vô trùng; - Thuốc sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (riêng đối với thuốc Dung dịch tiêm Acupan không có xuất xương lỏ).	EU-GMP	2019/HPF/F R/276	09-10-2019	24-05-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
1920	Delpharm Tours	Rue Paul Langevin, 37170, Chambray Les Tours, France (hoặc Rue Paul Langevin, Chambray Les Tours, 37170, France)	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; * Xuất xương lỏ thuốc vô trùng; * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng và không vô trùng); Hóa học/ vật lý; Sinh học.	EU-GMP	2021/HPF/F R/162	18-10-2021	11-06-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-012 » Biocodex » 1, avenue Blaise Pascal, 60000 Beauvais, France									
139	Biocodex (cách ghi khác: Biocodex - Beauvais)	1, avenue Blaise Pascal, 60000 Beauvais, France	* Thuốc vô trùng: xuất xương lỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim (sản xuất đóng gói, xuất xương lỏ); thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: men Saccharomyces boulardii	EU-GMP	HPF/FR/030 /2018	26-01-2018	20-03-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
353	Biocodex (cách ghi khác: Biocodex - Beauvais)	1, avenue Blaise Pascal, 60000 Beauvais, France	* Thuốc vô trùng: xuất xương lỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm thuốc nhỏ tai); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bột; thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: men Saccharomyces boulardii	EU-GMP	2020/HPF/F R/041	24-02-2020	20-05-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	8
552	Biocodex (cách ghi khác: Biocodex - Beauvais)	1, avenue Blaise Pascal, 60000 Beauvais, France	* Thuốc vô trùng: xuất xương lỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm thuốc nhỏ tai); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bột; * Thuốc sinh học: men Saccharomyces boulardii	EU-GMP	2020/HPF/F R/085	17-06-2020	23-01-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
FR-013 » PANPHARMA » Zl du Clairay, LUITRE, 35133, France									
140	PANPHARMA	Zl du Clairay, LUITRE, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	2018/HPF/F R/158	20-06-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
1615	PANPHARMA	Zl du Clairay, LUITRE, 35133, France	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm penicillins và cephalosporins). * Xuất xương lỏ; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2021/HPF/F R/129	02-08-2021	23-04-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	18
FR-014 » SOPHARTEX (hoặc Laboratoires Sophartex) » 21 rue du Pressoir, VERNOUILLET, 28500, France									
141	SOPHARTEX (hoặc Laboratoires Sophartex)	21 rue du Pressoir, VERNOUILLET, 28500, France Cách ghi khác: 21 rue du Pressoir, 28500, VERNOUILLET, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh Penicillin); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh Penicillin); viên bao đường, viên nén bao phim. * Sản phẩm: - Thuốc bột uống Hidrasec 10mg Infants (racecadotril 10mg); - Thuốc bột uống Hidrasec 30mg Children (racecadotril 30mg).	EU-GMP	2019/HPF/F R/264	02-10-2019	10-11-2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	6
1073	SOPHARTEX (hoặc Laboratoires Sophartex)	21 rue du Pressoir, VERNOUILLET, 28500, France Cách ghi khác: 21 rue du Pressoir, 28500, VERNOUILLET, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm, thuốc bột; viên nén; viên nén đặt âm đạo; viên bao đường, viên nén bao phim. * Xuất xương thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; viên nén; viên nén đặt âm đạo. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2020/HPF/F R/094	07-07-2020	10-01-2023	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2139	SOPHARTEX (hoặc Laboratoires Sophartex)	21 rue du Pressoir, VERNOUILLET, 28500, France Cách ghi khác: 21 rue du Pressoir, 28500, VERNOUILLET, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm, thuốc bột; viên nén; viên nén đặt âm đạo; viên bao đường, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; viên nén; viên nén đặt âm đạo. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2022_HP_F R_006	01-06-2022	21-05-2024	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	25
FR-015 » DELPHARM REIMS » 10 rue Colonel Charbonneau, REIMS, 51100, France									
142	DELPHARM REIMS - REIMS	10 rue Colonel Charbonneau, REIMS, 51100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch uống; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén trần, viên nén bao đường, viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/298 /2017	04-12-2017	05-02-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
746	DELPHARM REIMS	10 rue Colonel Charbonneau, REIMS, 51100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch uống; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén trần, viên nén bao đường, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế không vô trùng trên. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2020/HPF/F R/013	22-01-2020	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	11
FR-016 » Laboratoire Renaudin » Zone Artisanale Errobi, Itxassou, 64250, France									
276	Laboratoire Renaudin - Itxassou (cách viết khác: Laboratoire Renaudin)	Zone Artisanale Errobi, Itxassou, 64250, France (Cách viết khác: Zone Artisanale, Itxassou, 64250, France / Z.A. Errobi, 64250, Itxassou -France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/F R/055	07-02-2019	21-09-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	7
1799	Laboratoire Renaudin - Itxassou (cách viết khác: Laboratoire Renaudin)	Zone Artisanale Errobi, Itxassou, 64250, France (Cách viết khác: Zone Artisanale, Itxassou, 64250, France / Z.A. Errobi, 64250, Itxassou -France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/F R/055_P_20 21	19-09-2021	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	20
FR-017 » Delpharm Dijon » 6 Boulevard de L'Europe, Quetigny, 21800, France									
277	Delpharm Dijon	6 Boulevard de L'Europe, Quetigny, 21800, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích nhỏ, Dạng rắn và cấy ghép. Bột bán thành phẩm hỗn dịch nano (limited to sterile nanosphere suspension in bulk). + Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bán rắn, viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc chiết xuất từ người hoặc động vật	EU-GMP	2019/HPF/F R/052	05-02-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	7
2140	Delpharm Dijon	6 Boulevard de L'Europe, Quetigny, 21800, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích nhỏ, Dạng rắn và cấy ghép. Bột bán thành phẩm hỗn dịch nano (limited to sterile nanosphere suspension in bulk). + Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bán rắn, viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc chiết xuất từ người hoặc động vật	EU-GMP	2022_HP_F R_056	11-04-2022	19-11-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	25
FR-018 » Ipsen Pharma Biotech » Parc d'Activité du Plateau de Signes, Chemin départemental N 402, Signes, 83870, France									
465	Ipsen Pharma Biotech	Parc d'Activité du Plateau de Signes, Chemin départemental No 402, Signes, 83870, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô chứa (hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bán rắn, thuốc rắn và cấy ghép (chứa hormon). * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	2020/HPF/F R/017	31-01-2020	22-10-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
1253	Ipsen Pharma Biotech	Parc d'Activités du Plateau de Signes, Chemin départemental No 402, Signes, 83870, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô chứa (hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bán rắn, thuốc rắn và cấy ghép (chứa hormon). * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	2021/HPF/F R/014	05-02-2021	06-11-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
FR-019 » Ethypharm » Zone Industrielle de Saint-Arnoult, Chateaufort EN Thymerais, 28170, France									
747	Ethypharm	Zone Industrielle de Saint-Arnoult, Chateaufort EN Thymerais, 28170, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	2018/HPF/F R/159	21-06-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
1921	Ethypharm	Zone Industrielle de Saint-Arnoult, Chateaufort en Thymerais, 28170, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	2021/HPF/F R/123	21-07-2021	25-03-2024	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-020 » Beaufour Ipsen Industrie » rue Ethé Virton, Dreux, 28100, France									
143	Beaufour Ipsen Industrie	rue Ethé Virton, Dreux, 28100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc bột; viên nén, viên bao. * Thuốc được liệu. * Xuất xưởng thuốc vô trùng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/268	04-10-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety	6
FR-021 » Pharma Developpment » Zone Industrielle, chemin de Marcy, Corbigny, 58800, France									
278	Pharma Developpement	Zone Industrielle, chemin de Marcy, Corbigny, 58800, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ). * Thuốc được liệu.	EU-GMP	2019/HPF/F R/090	19-03-2019	12-10-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	7
FR-022 » Laboratoire Chauvin » zone Industrielle Ripotier Haut, Aubenas, 07200, France									
144	Laboratoire Chauvin - Aubenas (Tên khác: Laboratoire Chauvin)	zone Industrielle Ripotier Haut, Aubenas, 07200, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc dùng ngoài.	EU-GMP	HPF/FR/082 /2017	27-03-2017	09-12-2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
581	Laboratoire Chauvin - Aubenas (Tên khác: Laboratoire Chauvin)	zone Industrielle Ripotier Haut, Aubenas, 07200, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc dùng ngoài.	EU-GMP	2019/HPF/F R/185	28-06-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
FR-023 » Upsa Sas » 979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France									
145	Upsa Sas	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France (Cách viết khác: 979 Avenue des Pyrénées, 47520, Le Passage, France)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc cốm; thuốc bột (bao gồm cả thuốc bột sủi bột); viên nén (bao gồm cả viên nén sủi bột). + Xuất xưởng lỏ. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột (bao gồm cả thuốc bột sủi bột); viên nén (bao gồm cả viên nén sủi bột). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Vật lý/hóa học.	EU-GMP	2018/HPF/F R/157	13-06-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
1854	Upsa Sas	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France (* Cách viết khác: 979 Avenue des Pyrénées, 47520, Le Passage, France)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc cốm; thuốc bột (bao gồm cả thuốc bột sủi bột); viên nén (bao gồm cả viên nén sủi bột). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột (bao gồm cả thuốc bột sủi bột); viên nén (bao gồm cả viên nén sủi bột). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Vật lý / Hóa học.	EU-GMP	2021/HPF/F R/78	01-06-2021	11-09-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	21
FR-024 » Merck Sante s.a.s » 2 rue du Pressoir Vert, Semoy, 45400, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
146	Merck Sante s.a.s	2 rue du Pressoir Vert, Semoy, 45400, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa sulphonamide): viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả viên nén phóng thích kéo dài).	EU-GMP	2019/HPF/F R/315	18-11-2019	25-09-2022	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	6
2141	Merck Sante s.a.s	2 rue du Pressoir Vert, Semoy, 45400, France (* cách viết khác: 2 rue du Pressoir Vert, 45400, Semoy, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. + Xuất xưởng: thuốc vô trùng nêu trên. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa sulphonamide): viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả viên nén phóng thích kéo dài). + Xuất xưởng: thuốc không vô trùng nêu trên. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc không vô trùng nêu trên. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2022_HPFF_F R_061	16-05-2022	05-11-2024	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	25
FR-025 » Pharmatis » Zone d'Activités Est n° 1, ESTREES SAINT DENIS, 60190, France									
147	Pharmatis	Zone d'Activités Est n° 1, ESTREES SAINT DENIS, 60190, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/250	18-09-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
2142	Pharmatis	Zone d'Activités Est n° 1, ESTREES SAINT DENIS, 60190, France	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng và sinh vật (thuốc không vô trùng): bao bì/vật lý	EU-GMP	2022_HPFF_F R_123	25-08-2022	28-01-2025	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	25
FR-026 » Sanofi Winthrop Industrie - Le Trait » 1051 boulevard Industriel, LE TRAIT, 76580, France									
748	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	1051 boulevard Industriel, LE TRAIT, 76580, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật; sản phẩm miễn dịch: vắc xin bất hoạt (chỉ đóng lọ vô trùng và đóng gói).	EU-GMP	2020/HPF/F R/091	29-06-2020	07-08-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM), France	11
2005	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	1051 boulevard Industriel, LE TRAIT, 76580, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật; sản phẩm miễn dịch: vắc xin bất hoạt (chỉ đóng lọ vô trùng và đóng gói). * Xuất xưởng thuốc vô trùng; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng và sinh vật (thuốc không vô trùng): bao bì/vật lý	EU-GMP	2021/HPF/F R/126	29-07-2021	03-02-2024	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM), France	23
FR-027 » Laboratoire Aguetant » 1 rue Alexander Fleming, Parc Scientifique Tony Garnier, Lyon, 69007, France									
148	Laboratoire Aguetant	1 rue Alexander Fleming, Parc Scientifique Tony Garnier, Lyon, 69007, France (Cách ghi khác: 1 rue Alexander Fleming, Lyon, 69007, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/F R/320	26-11-2019	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
1855	Laboratoire Aguetant	1 rue Alexander Fleming, Parc Scientifique Tony Garnier, Lyon, 69007, France (Cách ghi khác: 1 rue Alexander Fleming, Lyon, 69007, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Chứng nhận lô * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	2021/HPF/F R/148	20-09-2021	09-04-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	21
FR-028 » Innothera Chouzy » Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, Valloire-sur-Cisse, 41150, FRANCE									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
149	Innothera Chouzy	Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, Valloire-sur-Cisse, 41150, FRANCE. (* Các cách ghi khác: + Rue René Chantereau - L'Isle Vert 41150 Chouzy-sur-Cisse, France. + L'Isle Vert, Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, 41150, France.)	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch), viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc được liệu), viên nén nhai. * Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm.	EU-GMP	2018/HPF/F R/256	26-11-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
1701	Innothera Chouzy	Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, Valloire-sur-Cisse, 41150, FRANCE. (* Các cách ghi khác: + Rue René Chantereau - L'Isle Vert 41150 Chouzy-sur-Cisse, France. + L'Isle Vert, Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, 41150, France.)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch), viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc được liệu), viên nén nhai.; viên nang mềm + Xuất xưởng * Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế trên. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/089	07-06-2021	12-03-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	19
FR-029 » Farmea » 10 rue Bouche Thomas, Zac d'Orgemont, Angers, 49000, France									
1254	Farmeas	10 rue Bouché Thomas, ZAC d'Orgemont, ANGERS, 49000, France	* Thuốc vô trùng: xuất xưởng lọ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng trong (bao gồm cả dạng hỗn dịch); thuốc lỏng dùng ngoài; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc đặt; viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả viên nén thuốc được liệu, viên nén bao phim thuốc được liệu).. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: tất cả các thuốc ở mục thuốc không vô trùng (bao gồm cả viên nang mềm). + Đóng gói thứ cấp: thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng nêu trên. * Kiểm tra chất lượng. (được cấp phép cho hoạt động đóng gói sơ cấp; đóng gói thứ cấp và xuất xưởng viên nén chứa sulphonamides; được cấp phép sản xuất và đóng gói đối với	EU-GMP	2019/HPF/F R/230	07-08-2019	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	15
FR-030 » RECIPHARM FONTAINE » Rue des Près Potets Fontaine Les Dijon, 21121, France									
150	RECIPHARM FONTAINE	Rue des Près Potets Fontaine Les Dijon, 21121, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm.	EU-GMP	2018/HPF/F R/056	01-03-2018	31-12-2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	6
1856	Recipharm Fontaine	Rue des Près Potets Fontaine Les Dijon, 21121, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim. + Xuất xưởng Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); Hóa học/ Vật lý.	EU-GMP	2021/HPF/F R/106	14-09-2021	11-12-2023	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	21
FR-031 » MYLAN LABORATORIES SAS » route de Belleville, lieu-dit Maillard, CHATILLON SUR CHALARONNE, 01400, France									
151	MYLAN LABORATORIES SAS	route de Belleville, lieu-dit Maillard, CHATILLON SUR CHALARONNE, 01400, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	2019/HPF/F R/149	27-05-2019	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
FR-032 » Laboratoire Aguetant » Lieu-dit Chantecaille, CHAMPAGNE, 07340, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
279	Laboratoire Aguettant	Lieu-dit Chantecaille, CHAMPAGNE, 07340, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/F R/048	20-02-2018	19-10-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	7
1255	Laboratoire Aguettant	Lieu-dit Chantecaille, CHAMPAGNE, 07340, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: hóa lý/vật lý/vi sinh thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng	EU-GMP	2020/HPF/F R/123	16-09-2020	20-02-2023	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	15
FR-033 » Les Laboratoires Servier Industrie » 905 route de Saran, GIDY, 45520, France									
152	Les Laboratoires Servier Industrie	905 route de Saran, GIDY, 45520, France	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính đối với khả năng sinh sản); thuốc cốm pha hỗn dịch/dung dịch uống; vi cốm (microgranules); viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén phóng thích có kiểm soát, viên nén giải phóng biến đổi, viên nén bao phim giải phóng kéo dài, viên nén bao phim giải phóng có biến đổi, viên nén bao đường giải phóng chậm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính đối với khả năng sinh sản).	EU-GMP	2018/HPF/F R/235	31-10-2018	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
FR-034 » Catalent France Beinhem SA » 74 rue Principale, Beinhem, 67930, France									
1183	Catalent France Beinhem SA	74 rue Principale, Beinhem, 67930, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	HPF/FR/128 /2017	11-05-2017	15-12-2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	14
1475	Catalent France Beinhem SA	74 rue Principale, Beinhem, 67930, France	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang mềm (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý	EU-GMP	2021/hPF/F R/005	15-01-2021	29-10-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	17
FR-035 » UNITHER LIQUID MANUFACTURING - COLOMIERS » 1-3 Allée de la Neste, ZI d'En Sigal, COLOMIERS, 31770, France									
441	UNITHER LIQUID MANUFACTURING	1-3 Allée de la Neste, ZI d'En Sigal, COLOMIERS, 31770, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc đặt (bao gồm cả thuốc trứng); thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: Các sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	2019/HPF/F R/136	20-05-2019	20-05-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
1476	UNITHER LIQUID MANUFACTURING	1-3 Allée de la Neste, ZI d'En Sigal, COLOMIERS, 31770, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc đặt (bao gồm cả thuốc trứng); thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: Các sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	2020/HPF/F R/115	03-08-2020	27-02-2023	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	17
FR-036 » Novo Nordisk Production SAS » 45 Avenue d'Orléans, 28000 (hoặc F-28000) Chartres, France									
338	Novo Nordisk Production SAS	45 Avenue d'Orléans, Chartres, 28000, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	2019/HPF/F R/292	23-10-2019	05-06-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	8
945	Novo Nordisk Production SAS	45 Avenue d'Orléans, Chartres, 28000, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học. + Xuất xưởng lô thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	2020/HPF/F R/126	03-11-2020	24-07-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
FR-037 » Sanofi Winthrop Industrie - Compiègne » 56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France									
334	Sanofi Winthrop Industrie - Compiègne	56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins).	EU-GMP	HPF/FR/154 /2017	08-06-2017	16-12-2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	8
620	Sanofi Winthrop Industrie	56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins).	EU-GMP	2020/HPF/F R/068	09-03-2020	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	10
FR-038 » Sanofi Winthrop Industrie - Carbon Blanc » 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France									
280	Sanofi Winthrop Industrie - Carbon Blanc (tên khác: Sanofi Winthrop Industrie)	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France (cách ghi khác: 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, 33565 Carbon Blanc Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; vi cốm. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; enzym vi sinh vật. * Đóng gói sơ cấp và thứ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; vi cốm.	EU-GMP	2018/HPF/F R/196	04-09-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	7
1702	Sanofi Winthrop Industrie - Carbon Blanc (tên khác: Sanofi Winthrop Industrie)	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France (cách ghi khác: 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, 33565 Carbon Blanc Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; vi cốm. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; enzym vi sinh vật. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; vi cốm. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/037	23-07-2021	04-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	19
FR-039 » Fareva Amboise » Zone Industrielle, 29 route des, Poce Sur Cisse, 37530, France									
621	Fareva Amboise	Zone Industrielle, 29 route des Industries, POCE SUR CISSE, 37530, France	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc dán qua da (dị ứng nguyên); viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học (thuốc dán qua da): thuốc ức chế miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/115	16-04-2019	31-12-2021	French national Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	10
1703	Fareva Amboise	Zone Industrielle, 29 route des Industries, POCE SUR CISSE, 37530, France	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc dán qua da (dị ứng nguyên); viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học (thuốc dán qua da): + Thuốc ức chế miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc ức chế miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc dán qua da (dị ứng nguyên); viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/158	12-10-2021	11-06-2024	French national Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	19
FR-040 » Sanofi Winthrop Industrie - Tours » 30-36 avenue Gustave Eiffel, Tours, 37100, France									
281	Sanofi Winthrop Industrie	30-36 avenue Gustave Eiffel, Tours, 37100, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	2018/HPF/F R/072	30-03-2018	12-06-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety	7

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
749	Sanofi Winthrop Industrie - Tours (cách ghi khác: Sanofi Winthrop Industrie)	30-36 avenue Gustave Eiffel, Tours, 37100, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén phóng thích chậm, thuốc bột, thuốc cốm * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; xuất xưởng thuốc vô trùng (chỉ cho thuốc nhập khẩu) * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý, vật lý, vi sinh (không vô trùng)	EU-GMP	2019/HPF/F R/340	17-12-2019	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety	11
FR-041 » Capsugel Ploermel SAS » ZI de Camagnon, 56800 Ploermel, France									
282	Capsugel Ploermel SAS	ZI de Camagnon, Ploermel, 56800, France	* Thuốc không vô trùng chứa hoạt tính cao: Viên nang cứng; Viên nang mềm (chứa hormon sinh dục).	EU-GMP	2019/HPF/F R/117	11-04-2019	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	7
1704	Capsugel Ploërmel (hoặc Ploërmel) (Tên khác: Capsugel Ploermel (hoặc Ploërmel) SAS)	ZI de Camagnon, Ploërmel (hoặc Ploërmel), 56800, France	* Bán thành phẩm: Thuốc không vô trùng chứa hoạt tính cao: Viên nang cứng; Viên nang mềm (chứa hormon sinh dục). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng (Hóa lý/vật lý)	EU-GMP	2021/HPF/F R/074	27-05-2021	26-11-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	19
FR-042 » SANOFI PASTEUR » PARC INDUSTRIEL D'INCARVILLE, VAL DE REUIL, 27100, FRANCE									
335	SANOFI PASTEUR	Parc Industriel d'Incarville, Val-De-Reuil, 27100, France (Cách ghi khác: Parc Industriel d'Incarville, 27100 Val De Reuil, France / Parc Industriel d'Incarville, Val De Reuil 27100, France / Parc Industriel d'Incarville, Val-De-Reuil 27100, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/306	13-11-2019	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	8
FR-043 » SANOFI PASTEUR » 1541 AVENUE MARCEL MERIEUX, MARCY L'ETOILE, 69280, FRANCE									
622	SANOFI PASTEUR	1541 avenue Marcel Mérieux, Marcy L'Etoile, 69280, France (Cách ghi khác: 1541 avenue Marcel Mérieux, Marcy L'Etoile 69280, France / 1541 avenue Marcel Mérieux, 69280 Marcy L'Etoile, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu; Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/123	15-04-2019	31-12-2021	French Health Products Safety Agency (AFSSAPS)	10
1616	SANOFI PASTEUR	1541 avenue Marcel Mérieux, Marcy L'Etoile, 69280, France (* Cách ghi khác: 1541 avenue Marcel Mérieux, Marcy L'Etoile 69280, France / 1541 avenue Marcel Mérieux, 69280 Marcy L'Etoile, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Sản phẩm máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	2021/HPF/F R/049	25-03-2021	30-10-2023	National Agency For The Safety Of Medicine amd Health Products, France	18
FR-044 » Laboratoire Unither » ZI de la Guérie, Coutances Cedex, 50211, France									
450	Laboratoire Unither	ZI de la Guérie, Coutances Cedex, 50211, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng bán rắn (gel). * Thuốc sinh học: hỗn dịch uống chứa bào tử vi khuẩn.	EU-GMP	2019/HPF/F R/059	18-02-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
FR-045 » Famar Orleans » 5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France									
394	Famar Orleans	5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; sản phẩm sử dụng áp lực; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén sủi	EU-GMP	2019/HPF/F R/178	19-06-2019	31-12-2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	8
1922	Delpharm Orleans (Tên cũ: Famar Orleans)	5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; sản phẩm sử dụng áp lực; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén sủi	EU-GMP	2019/HPF/F R/326	03-12-2019	31-12-2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	22
2006	Delpharm Orleans (Tên cũ: Famar Orleans)	5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; sản phẩm sử dụng áp lực; dạng bào chế bán rắn; viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; sản phẩm sử dụng áp lực; dạng bào chế bán rắn; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2021/HPF/F R/120	21-07-2021	23-04-2024	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	23
FR-047 » Cenexi - Fontenay Sous Bois » 52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay Sous Bois, 94120, France									
750	Cenexi - Fontenay Sous Bois (Cách ghi khác: Cenexi hoặc Cenexi SAS)	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay Sous Bois, 94120, France (* Cách ghi khác: 52 rue Marcel et Jacques Gaucher - 94120 Fontenay - Sous Bois, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Xuất xưởng: bao gồm cả thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng, bao gồm cả viên nang mềm. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2018/HPF/F R/223	11-10-2018	31-12-2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	11
1705	Cenexi - Fontenay Sous Bois (Cách ghi khác: Cenexi hoặc Cenexi SAS)	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay Sous Bois, 94120, France (* Cách ghi khác: 52 rue Marcel et Jacques Gaucher - 94120 Fontenay - Sous Bois, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Xuất xưởng: bao gồm cả thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng, bao gồm cả viên nang mềm. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/116	15-07-2021	31-12-2023	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	19
FR-048 » Glaxo Wellcome Production » ZI de la Peyrennière, Mayenne, 53100, France									
435	Glaxo Wellcome Production	ZI de la Peyrennière, Mayenne, 53100, France	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh Penicillin: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	2018/HPF/F R/263	06-12-2018	31-12-2022	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	8
FR-049 » Carelide » rue Michel Raillard, Mouvaux, 59420, France									
550	Carelide	rue Michel Raillard, Mouvaux, 59420, France	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/F R/346	27-12-2019	10-07-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
1923	Carelide	rue Michel Raillard, Mouvaux, 59420, France	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng lô; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/346	05-01-2022	23-09-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-050 » Septodont hoặc Septodont SAS hoặc Specialites Septodont » 58 rue du pont de Creteil, Saint Maur des Fosses, 94100, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
351	Septodont hoặc Septodont SAS hoặc Specialites Septodont	58 rue du pont de Creteil, Saint Maur des Fosses, 94100, France.	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: thuốc dạng rắn hoặc cấy ghép; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc dùng trong; thuốc bột; thuốc bán rắn; viên nén; * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: dung dịch thuốc dùng trong; thuốc bột; thuốc bán rắn; viên nén; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	HPF/FR/058 /2019	13-02-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	8
FR-051 » Meda Manufacturing » Avenue JF Kennedy, MERIGNAC, 33700, France									
401	Meda Manufacturing	Avenue JF Kennedy, MERIGNAC, 33700, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dạng khung thấm (Impregnated matrices); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (gel, mỡ và kem); thuốc đạn; * Xuất xưởng thuốc vô trùng.	EU-GMP	HPF/FR/232 /2017	08-09-2017	21-11-2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	8
751	MEDA MANUFACTURING	Avenue JF Kennedy, MERIGNAC, 33700, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dạng khung thấm (Impregnated matrices); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (gel, mỡ và kem). * Xuất xưởng: thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dạng khung thấm (Impregnated matrices); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng rắn (thuốc cốt); thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/317	20-11-2019	20-09-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	11
FR-054 » Laboratoires Grimberg SA » ZA des Boutries rue Vermont, Conflans Sainte Honorine Cedex, 78704 France									
456	Laboratoires Grimberg SA	ZA des Boutries, rue Vermont, Conflans Sainte Honorine Cedex, 78704, France (Cách viết khác: Z.A. des Boutries, rue Vermont, 78704 Conflans Sainte Honorine Cedex, France)	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột (bao gồm cả bột pha hỗn dịch nhỏ tai); viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	2020/HPF/F R/024	06-02-2020	12-09-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
FR-055 » Laboratoire Unither - Amiens » Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028, AMIENS, 80084 CEDEX 2, France									
895	LABORATOIRE UNITHER	Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028, AMIENS, 80084 CEDEX 2, France (* Cách viết khác: Espace Industriel Nord, 151 rue Andre Durouchez - CS 28028, 80084 AMIENS CEDEX 2, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm dung dịch khí dung). + Chứng nhận lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng. + Chứng nhận lô. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	2020/HPF/F R/103	16-07-2020	13-12-2022	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
2143	LABORATOIRE UNITHER	Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez, AMIENS CEDEX 2, 80084, France (* Cách viết khác: Espace Industriel Nord, 151 rue Andre Durouchez - CS 28028, 80084 AMIENS CEDEX 2, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm dung dịch khí dung). + Chứng nhận lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng. + Chứng nhận lô. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	2022_HP_F R_063	22-04-2022	17-09-2024	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	25
FR-056 » Sanofi Winthrop Industrie - Maisons-Alfort » 180 rue Jean Jaurès, Maisons-Alfort, 94700, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
532	Sanofi Winthrop Industrie (* Cách viết khác: Sanofi Winthrop Industrie - Maisons Alfort)	180 rue Jean Jaurès, Maisons-Alfort, 94700, France (Cách viết khác: 180 rue Jean Jaurès, 94702 Maisons-Alfort Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/167	17-06-2019	31-12-2022	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	9
FR-058 » Cenexi HSC » 2 rue Louis Pasteur, Herouville Saint Clair, 14200, France									
1256	Cenexi HSC	2 rue Louis Pasteur, Herouville Saint Clair, 14200, France (cách ghi khác: 2, rue Louis Pasteur, 14200 Herouville St Clair, France)	* Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2018/HPF/F R/261	06-12-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	15
FR-059 » Delpharm Huningue SAS » 26 rue de la Chapelle, HUNINGUE, 68330, France									
533	Delpharm Huningue SAS	26 rue de la Chapelle, HUNINGUE, 68330 (hoặc F 68330, HUNINGUE), France	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hóc môn): thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, thuốc đạn.	EU-GMP	2019/HPF/F R/245	06-09-2019	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
FR-060 » Laboratoires Expanscience » rue des Quatre Filles, Epernon, 28230, France									
481	Laboratoires Expanscience	rue des Quatre Filles, Epernon, 28230, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2018/HPF/F R/165	12-07-2018	16-03-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
1184	Laboratoires Expanscience	rue des Quatre Filles, Epernon, 28230, France	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	2020/HPF/F R/149	16-12-2020	25-09-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	14
FR-061 » Guerbet » 16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France									
482	Guerbet	16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/F R/111	10-04-2019	16-11-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	9
1706	Guerbet	16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng sơ cấp (đối riêng: không vô trùng), không kiểm tra chất lượng	EU-GMP	2021/HPF/F R/051	23-03-2021	15-01-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	19
FR-062 » Laboratoires Besins International » 13 rue Périer, Montrouge, 92120, France									
1376	Laboratoires Besins International	13 rue Périer, Montrouge, 92120, France	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc bán rắn chứa hormon (trừ thuốc chứa hormon sinh dục có tác dụng tránh thai). + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp thuốc bán rắn chứa hormon (trừ thuốc chứa hormon sinh dục có tác dụng tránh thai) nêu trên. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	2019/HPF/F R/266	10-03-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	16

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
FR-064 » Laboratoires Galderma » ZI Montdésir, Alby Sur Cheran, 74540, France									
753	Laboratoires Galderma	ZI Montdésir, Alby Sur Cheran, 74540, France	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn. + Xuất xưởng lỗi. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/344	18-12-2019	04-09-2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	11
946	Laboratoires Galderma	ZI Montdésir, Alby Sur Cheran, 74540, France	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn. + Xuất xưởng lỗi. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	2020/HPF/F R/100	03-08-2020	12-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	12
FR-065 » Upsa Sas » 304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France									
754	Upsa Sas	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France (cách ghi khác: 304 avenue du Docteur Jean Bru, 47000 AGEN, France)	* Thuốc không vô trùng: Viên đạn. * Đóng gói sơ cấp: Viên đạn. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2018/HPF/F R/282	18-12-2018	22-11-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
1707	Upsa Sas	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France (cách ghi khác: 304 avenue du Docteur Jean Bru, 47000 AGEN, France)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc đạn. + Xuất xưởng lỗi. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc đạn. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/103	26-07-2021	03-02-2024	National Agency For The Safety Of Medicine and Health Products, France	19
FR-066 » Janssen Cilag - Val de reuil » Domaine de Maigremont, Val-de-reuil, 27100, France									
755	Janssen Cilag	Domaine de Maigremont, VAL-DE-REUIL, 27100, France Cách viết khác: Domaine de Maigremont, 27100, Val-de-Reuil, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2019:HPF/F R/138	15-05-2019	31-12-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
1800	Janssen Cilag	Domaine de Maigremont, VAL-DE-REUIL, 27100, France Cách viết khác: Domaine de Maigremont, 27100, Val-de-Reuil, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2021/HPF/F R/140	28-09-2021	07-05-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	20
FR-068 » Adare Pharmaceuticals SAS » Route de Bû, La Prévôté, Houdan,78550, France									
756	Adare Pharmaceuticals SAS	Route de Bû, La Prévôté, Houdan, 78550, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Thuốc sản xuất từ công nghệ lên men (không chứa vi sinh vật sống). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, thuốc bột. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/319	26-11-2019	31-12-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
1477	Adare Pharmaceuticals SAS	Route de Bû, La Prévôté, Houdan, 78550, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Thuốc sản xuất từ công nghệ lên men (không chứa vi sinh vật sống). * Xuất xưởng thuốc sinh học: Thuốc sản xuất từ công nghệ lên men (không chứa vi sinh vật sống). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, thuốc bột. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2021/HPF/F R/020	21-02-2021	15-10-2023	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
FR-069 » CIS BIO INTERNATIONAL » Route Nationale 306, Saclay BP 32, GIF SUR YVETTE, 91192, France									
757	CIS BIO INTERNATIONAL	Route Nationale 306, Saclay BP 32, GIF SUR YVETTE, 91192, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ); Column of molybdenum -99 for radionuclide generator of technetium. * Thuốc phóng xạ không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; máy tạo hạt nhân phóng xạ. * Thuốc sinh học phóng xạ : chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2020/HPF/F R/116	07-08-2020	31-01-2023	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
FR-070 » Delpharm Saint Remy » Rue de L'Isle, Saint Remy Sur Avre, 28380, France									
947	Delpharm Saint Remy (tên cũ: Famar L'Aigle)	Rue de L'Isle, Saint Remy Sur Avre, 28380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng. * Đóng gói. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/330	03-12-2019	09-11-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	12
1924	Delpharm Saint Remy (tên cũ: Famar L'Aigle)	Rue de L'Isle, Saint Remy Sur Avre, 28380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa lý/Vật lý; Sinh học (phép thử endotoxin).	EU-GMP	2021/HPF/F R/128	10-08-2021	07-05-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-071 » AstraZeneca Dunkerque Production » 224 avenue de la Dordogne, Dunkerque, 59640, France									
758	AstraZeneca Dunkerque Production	224 avenue de la Dordogne, Dunkerque, 59640, France	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế có áp lực (bao gồm cả hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít). * Xuất xưởng. * Đóng gói sơ cấp, đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/034	29-01-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	11
FR-072 » GLAXOSMITHKLINE BIOLOGICALS » 637 rue des Aulnois, SAINT AMAND LES EAUX, 59230, France									
948	GLAXOSMITHKLINE BIOLOGICALS - SAINT AMAND LES EAUX	637 rue des Aulnois, SAINT AMAND LES EAUX, 59230, France	* Vắc xin sản xuất vô trùng (bao gồm cả công đoạn pha chế): thuốc đông khô; thuốc lỏng thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/F R/249	12-11-2018	20-07-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	12
1478	GLAXOSMITHKLINE BIOLOGICALS	637 rue des Aulnois, SAINT AMAND LES EAUX, 59230, France	* Vắc xin sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; thuốc lỏng thể tích nhỏ.	EU-GMP	2021/HPF/F R/041	04-03-2021	20-11-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	17
FR-073 » PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION - GIEN » site Progipharma, rue du Lycée, GIEN, 45500, France									
1185	PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION - GIEN	site Progipharma, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc cổm; Dạng bào chế có áp lực. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc cổm; Dạng bào chế có áp lực. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	HPF/FR/300 /2017	07-12-2017	31-12-2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	14
1801	Pierre Fabre Medicament Production	Site Progipharma, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc cổm; Dạng bào chế có áp lực. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: các thuốc trên. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/093	11-06-2021	26-02-2024	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	20
FR-074 » Unither Industries » Zone Industrielle Le Malcourlet, Gannat, 03800, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1186	Unither Industries	Zone Industrielle Le Malcourlet, Gannat, 03800, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột, thuốc cốm; thuốc đặt (hocmon); viên nén. + Chứng nhận lô * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học + Chứng nhận lô * Thuốc được liệu * Đóng gói sơ cấp: Thuốc bột, thuốc cốm; thuốc đặt (hocmon); viên nén. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2019/HPF/F R/180	25-06-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	14
FR-075 » Laboratories Rosa-Phytopharma » 2 avenue du Traité de Rome, CHATOU, 78400, France									
1187	Laboratoires Rosa-Phytopharma	2 avenue du Traité de Rome, CHATOU, 78400, France	* Xuất xưởng lô: Thuốc không vô trùng	EU-GMP	2019/HPF/F R/080	05-03-2019	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	14
FR-076 » Laboratoires Chemineau » 93 route de Monnaie, Vouvray, 37210, France									
1188	Laboratoires Chemineau	93 route de Monnaie, Vouvray, 37210, France (* Cách ghi khác: 93 route de Monnaie, 37210, Vouvray, France)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (bao gồm chất có hoạt tính hormon). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (bao gồm chất có hoạt tính hormon). + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2019/HPF/F R/212	23-07-2019	05-04-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	14
1925	Laboratoires Chemineau	93 route de Monnaie, Vouvray, 37210, France (* Cách ghi khác: 93 route de Monnaie, 37210, Vouvray, France)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (bao gồm chất có hoạt tính hormon). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (bao gồm chất có hoạt tính hormon). + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2022/HPF/F R/003	10-01-2022	10-09-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-077 » Fresenius Kabi France » 6 rue du Rempart, Louviers, 27400, France									
1257	Fresenius Kabi France	6 rue du Rempart, Louviers, 27400, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2018/HPF/F R/099	12-04-2018	31-12-2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	15
1479	Fresenius Kabi France	6 rue du Rempart, Louviers, 27400, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2021/HPF/F R/061	28-04-2021	06-11-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	17
FR-078 » Laphal Industries - Allauch » Avenue de Provence, BP 7, Allauch, 13190, France									
1926	Laphal Industries - Allauch	Avenue de Provence, BP 7, Allauch, 13190, France	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc đặt. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng nêu trên. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2020/HPF/F R/139	14-12-2020	31-12-2023	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-079 » Laboratoires Crinex » 3 rue de Gentilly, Montrouge, 92120, France									
1927	Laboratoires Crinex	3 rue de Gentilly, Montrouge, 92120, France	Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	EU-GMP	2018/HPF/F R/194	31-08-2018	31-12-2023	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-080 » FAREVA PAU 2 » 50 chemin de Mazerolles, IDRON, 64320, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2007	FAREVA PAU 2	50 chemin de Mazerolles, IDRON, 64320, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (thuốc độc tế bào, hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch (bản thành phẩm) . * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2020/HPF/F R/143	11-12-2020	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	23
FR-082 » Recordati Rare Diseases » Eco River Parc, 30 rue des Peupliers, nanterre, 9200, France									
1617	Recordati Rare Diseases	Eco River Parc, 30 rue des Peupliers, nanterre, 9200, France	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc sinh học: sản phẩm máu, sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	2019/HPF/F R/142	21-05-2019	11-01-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	18
2064	Recordati Rare Diseases	Eco River Parc, 30 rue des Peupliers, Nanterre, 92000, France	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc sinh học: sản phẩm máu, sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2020/HPF/F R/133	04-12-2020	26-06-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	24
FR-083 » Haupt Pharma » 1 rue Comte de Sinard, Livron Sur Drome, 26250, France									
1480	Haupt Pharma (* Cách ghi khác: Haupt Pharma Livron SAS hoặc Haupt Pharma Livron)	1 rue Comte de Sinard, Livron Sur Drome, 26250, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Thuốc đặt. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc đặt. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2020/HPF/F R/081	02-06-2020	14-02-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	17
FR-084 » EXCELVISION » 27 rue de La Lombardière, ZI La Lombardière, ANNONAY, 07100, France									
1618	EXCELVISION	27 rue de La Lombardière, ZI La Lombardière, ANNONAY, 07100, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (ức chế miễn dịch). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2021/HPF/F R/054	25-03-2021	23-10-2023	French National Agency For The Safety Of Medicine and Health Product	18
FR-086 » LABORATOIRE AJC PHARMA » usine de Fontaury, CHATEAUNEUF SUR CHARENTE, 16120, France									
2144	Laboratoire AJC Pharma	usine de Fontaury, Chateaneuf Sur Charente, 16120, France	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc bột, thuốc cốm. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	2018/HPF/F R/195	31-08-2018	31-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	25
FR-087 » Fareva Pau » Fareva Pau 1, Avenue du Béarn, Idron, 64320, France									
1928	Fareva Pau (cách ghi khác: Fareva Pau 1)	Fareva Pau 1, Avenue du Béarn, Idron, 64320, France (cách ghi khác: Avenue du Béarn, Idron, 64320, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon, không bao gồm hormon sinh dục); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc dạng bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, không bao gồm hormon sinh dục). + Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang mềm chứa chất độc tế bào. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2021/HPF/F R/091_NA	17-09-2021	12-03-2024	French national Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	22
FR-088 » Valdepharm » Parc Industriel d'Incarville, Parc de la Fringale-CS 10606, Val de Reuil Cedex, 27106, France									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2008	Valdepharm	Parc Industriel d'Incarville, Parc de la Fringale-CS 10606, Val de Reuil Cedex, 27106, France (Cách ghi khác: Parc Industriel d'Incarville, Parc de la Fringale-CS 10606, 27106 Val de Reuil Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả sản phẩm chứa học môn), dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa học môn) + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa học môn) * Thuốc sinh học: sản phẩm miễn dịch * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng và thuốc sinh học (sản phẩm miễn dịch) * Đóng gói cấp 2 * Kiểm tra chất lượng: Vật lý, hóa lý, vi sinh (thuốc vô trùng/thuốc không vô trùng)	EU-GMP	2022_HP_F R_007	21-01-2022	11-06-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	23
FR-089 » Laboratoires BTT » ZI De Krafft, 67150 Erstein, France									
2065	Laboratoires BTT	ZI De Krafft, Erstein 67150, France	* Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin): Viên nang cứng, viên nén, thuốc bột * Sản xuất thuốc khác: Thuốc từ dược liệu * Đóng gói sơ cấp: + Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin): Viên nang cứng, viên nén, thuốc bột + Viên nang mềm + Viên nhai * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	2020/HPF/F R/112	03-08-2020	15-11-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM), France	24
GB-001 » Eisai Manufacturing Limited » European knowledge centre mosquito way hatfield AL10 9SN, United Kingdom									
5	Eisai Manufacturing Limited	European Knowledge Centre Mosquito way Hatfield AL 10 9sn UK	* Dây chuyền SX thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, Viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	UK MIA 32301 Insp GMP /IMP 32301/7262 19-0007	25-06-2018	22-06-2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1
27	Eisai Manufacturing Limited	European knowledge centre mosquito way hatfield AL10 9SN, UK	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (đóng gói thứ cấp và chứng nhận lô) * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU-GMP	UK MIA 32301 Insp GMP/IMP 32301/7262 19-0007		08-06-2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	2
153	Eisai Manufacturing Limited (Ltd.)	European Knowledge Centre, Mosquito way, Hatfield (Hertfordshire) AL 10 9SN, United Kingdom	* Xuất xưởng lô: Thuốc vô trùng, thuốc vô trùng, không vô trùng và công nghệ sinh học. * Thuốc không vô trùng (sản xuất, đóng gói thứ cấp, kiểm tra chất lượng): Viên nang cứng, Viên nén, Viên nén bao phim; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm phép thử vô trùng.	EU-GMP	UK MIA 32301 Insp GMP/GDP/I MP 32301/7262 19-0008	06-02-2019	27-11-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	6
1929	Eisai Manufacturing Limited (Ltd.)	European Knowledge Centre, Mosquito way, Hatfield (Hertfordshire) AL 10 9SN, United Kingdom	* Xuất xưởng lô: Thuốc vô trùng, thuốc công nghệ sinh học. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK MIA 32301 Insp GMP/IMP 32301/7262 19-0012	01-03-2022	19-01-2025	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	22
GB-002 » Macarthys laboratories Limited T/A Martindale Pharma » Bampton Road, Harold Hill, Romford, RM3 8UG, United Kingdom									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
65	Macarthy's laboratories Limited T/A Martindale Pharma Cách ghi khác: Macarthy's laboratories Limited hoặc Macarthy's laboratories Limited T/A Martindale Pharmaceuticals	Bampton Road, Harold Hill, Romford, RM3 8UG - United Kingdom Cách ghi khác: Bampton Road, Harold Hill, Romford, Essex, RM3 8UG - United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	UK MIA 1883 Insp GMP/GDP 1883/2700-0046	06-02-2018	28-11-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	5
2145	Macarthy's laboratories Limited T/A Martindale Pharma Cách ghi khác: Macarthy's laboratories Limited hoặc Macarthy's laboratories Limited T/A Martindale Pharmaceuticals	Bampton Road, Harold Hill, Romford, RM3 8UG- United Kingdom Cách ghi khác: Bampton Road, Harold Hill, Romford, Essex, RM3 8UG - United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	UK-GMP (tương đương EU-GMP)	UK MIA 1883 Insp GMP/IMP 1883/2700-0052	25-03-2022	20-07-2024	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	25
GB-003 » AstraZeneca UK Limited » Silk Road Business Park, Macclesfield, SK10 2NA, United Kingdom									
283	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom (hoặc Cheshire, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom).	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa hoạt chất LHRH Agonist (sản phẩm Zoladex). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (sản phẩm thuốc xịt mũi Zomig) . * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antiestrogen).	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/I MP 17901/10117- 0039	25-09-2018	06-11-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	7
759	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom (hoặc Silk Road Business Park, Cheshire, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom).	Sản xuất: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa hoạt chất LHRH Agonist (sản phẩm Zoladex). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (sản phẩm thuốc xịt mũi Zomig) . * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antiestrogen- thuốc Nolvadex). * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, thuốc dạng lỏng dùng ngoài, thuốc dạng lỏng dùng trong, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, thuốc rắn khác; lắp ráp bộ hít khí dung; * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh: vô trùng và không vô trùng; hóa học/ vật lý. * Xuất xưởng thuốc nhập khẩu.	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/I MP 17901/10117- 0042	15-08-2019	11-06-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1930	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom (hoặc Silk Road Business Park, Cheshire, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom).	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa hoạt chất LHRH Agonist (sản phẩm Zoladex). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (sản phẩm thuốc xịt mũi Zomig) . * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antiestrogen- thuốc Nolvadex). * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, thuốc dạng lỏng dùng ngoài, thuốc dạng lỏng dùng trong, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, thuốc rắn khác; lắp ráp bộ hít khí dung; * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng và không vô trùng); Hóa học/ vật lý.	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117-0043	25-03-2020	10-02-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	22
GB-004 » Wyeth Pharmaceuticals » New Lane, Havant, P09 2NG, United Kingdom									
154	Wyeth Pharmaceuticals	New Lane, Havant, P09 2NG, United Kingdom (* Cách ghi khác: New Lane, Havant, Hampshire, P09 2NG, United Kingdom)	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	UK MIA 11 Insp GMP 11/4452-0029	15-03-2019	15-03-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	6
GB-005 » Catalent UK Swindon Zydis Limited, UK » Frankland road Blagrove Swindon SN5 8RU, United Kingdom									
284	Catalent UK Swindon Zydis Limited, UK	Frankland road Blagrove Swindon SN5 8RU, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Bán thành phẩm Viên nén, Viên nén đông khô (Zydis) (Không có hoạt động đóng gói). * Thuốc sinh học: Bán thành phẩm dạng sản phẩm miễn dịch (Không có hoạt động đóng gói)	EU-GMP	UK MIA 14023 Insp GMP/IMP 14023/4574-0017	18-10-2016	13-09-2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	7
384	Catalent UK Swindon Zydis Limited, UK	Frankland road Blagrove Swindon SN5 8RU, United Kingdom (hoặc: Frankland road Blagrove Swindon, Wiltshire SN5 8RU, United Kingdom)	* Thuốc không vô trùng: Bán thành phẩm Viên nén, Viên nén đông khô (Zydis) (Không có hoạt động đóng gói). * Thuốc sinh học: Bán thành phẩm dạng sản phẩm miễn dịch (Không có hoạt động đóng gói)	EU-GMP	UK MIA 14023 Insp GMP/IMP 14023/4574-0018	22-02-2019	22-02-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	8
GB-006 » Glaxo Operations UK Ltd Trading AS Glaxo Wellcome Operations » Priory Street Ware SG12 0DJ, United Kingdom									
155	GLAXO OPERATIONS UK LTD TRADING AS GLAXO WELLCOME OPERATIONS (Cách ghi khác: “GLAXO OPERATIONS UK LTD”; “GLAXO OPERATIONS UK LTD (TRADING AS GLAXO WELLCOME OPERATIONS))	PRIORY STREET, WARE, SG12 0DJ, United Kingdom (Cách ghi khác: PRIORY STREET, WARE, Hertfordshire, SG12 0DJ, United Kingdom)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim, thuốc bột để hít (bao gồm cả thuốc chứa steroid, không bao gồm thuốc chứa hormon). * Nguyên liệu làm thuốc: dược chất vi mô.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/15159-0027	04-03-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	6
285	Glaxo Operations UK Ltd Trading AS Glaxo Wellcome Operations	Priory Street, Ware, SG12 0DJ, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng. + Thuốc dạng rắn khác: thuốc bột để hít chứa steroids (đơn và đa liều); thuốc bột (cốm) pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học: thuốc sinh học chứa steroids.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/15159-0026	09-02-2018	09-05-2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	7
GB-007 » Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK » Aston Lane North Whitehouse Vale Industrial Estate Runcorn WA7 3FA, United Kingdom									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
156	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK	Aston Lane North Whitehouse Vale Industrial Estate Runcorn WA7 3FA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UK MIA 530 Insp GMP 530/14004-0025	07-07-2017	25-04-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	6
760	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK	Aston Lane North Whitehouse Vale Industrial Estate Runcorn WA7 3FA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UK MIA 530 Insp GMP 530/14004-0026	03-03-2020	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
GB-008 » Merck Sharp & Dohme Limited » Shotton Lane, Cramlington, NE23 3JU, United Kingdom									
1074	Merck Sharp & Dohme Limited (hoặc Ltd)	Shotton Lane, Cramlington, NE23 3JU, United Kingdom (Cách ghi khác: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom)	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm công đoạn xuất xưởng): Viên nén;viên nén bao phim; viên nén nhai; bột cho dung dịch uống * Bán thành phẩm cốm. * Đóng gói sơ cấp: Viên nén;viên nén bao phim; bột cho dung dịch uống. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	UK MIA 25 Insp GMP 25/4061-0029	16-01-2020	31-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	13
1481	Organon Pharma (UK) Limited (Tên cũ: Merck Sharp & Dohme Limited (hoặc Ltd))	Shotton Lane, Cramlington, NE23 3JU, United Kingdom (Cách ghi khác: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom)	* Sản xuất: Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim; viên nén nhai; bột và cốm pha dung dịch uống (bulk granules and bulk blend for oral solution) * Đóng gói sơ cấp: Viên nén; viên nén bao phim; bột và cốm pha dung dịch uống (bulk granules and bulk blend for oral solution). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng * Xuất xưởng lô	EU-GMP	UK MIA 25 Insp GMP/IMP 25/4061-0030	29-01-2021	16-11-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
GB-009 » Ipsen Biopharm Limited » Ash Road Wrexham Industrial Estate Wrexham, LL13 9UF, United Kingdom.									
520	Ipsen Biopharm Limited	Ash Road Wrexham Industrial Estate Wrexham, LL 13 9UF, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học. (không bao gồm giai đoạn đóng gói)	EU-GMP	UK MIA 3070 Insp GMP 3070/14720 -0043	23-09-2019	23-04-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	9
1482	Ipsen Biopharm Limited	Ash Road Wrexham Industrial Estate Wrexham, LL 13 9UF, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói: đóng gói sơ cấp và đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UK MIA 3070 Insp GMP 3070/14720 -0046	25-05-2021	23-04-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
GB-010 » Fleet Laboratories Limited » 94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom									
366	Fleet Laboratories Limited	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom.	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, nhũ dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel) (bao gồm cả thuốc chứa hormon).	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787-0023	28-03-2019	25-03-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	8
GB-011 » Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited » Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, United Kingdom									
286	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, United Kingdom. Cách viết khác: Dansom Lane, Hull, East Yorkshire, HU8 7DS, United Kingdom.	* Thuốc không vô trùng: + Sản xuất: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén. + Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Sản xuất thuốc sinh học : Bán thành phẩm Nystatin (cho Thuốc kem Timodine). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng. + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Viên nén (thuốc không vô trùng); Viên nang cứng; Viên nang mềm	EU-GMP	UK MIA 63 Insp GMP 63/17092-0037	19-10-2017	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	7

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
GB-012 » Ferring Controlled Therapeutics Limited » 1 Redwood Place, Peel Park Campus, East Kilbride, Glasgow, G74 5PB, United Kingdom									
428	Ferring Controlled Therapeutics Limited	1 Redwood Place, Peel Park Campus, East Kilbride, Glasgow, G74 5PB, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: hệ phân phối thuốc đặt âm đạo (sản phẩm Propess (Dinoprostone 10mg). * Đóng gói thứ cấp (Sản phẩm Rekovelle (Follitropin delta 12mcg/0,36ml; 36mcg/1,08ml; 72mcg/2,16ml).	EU-GMP	UK MIA 8731 Insp GMP /IMP8731/1 8177-0019	12-03-2019	12-03-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	8
GB-013 » MEDIMMUNE UK LIMITED » 6 Renaissance Way, Liverpool, L24 9JW, United Kingdom									
569	MEDIMMUNE UK LIMITED	6 RENAISSANCE WAY, LIVERPOOL, L24 9JW, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bán thành phẩm gặt virus đơn giá. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Vắc xin. * Kiểm tra chất lượng. * Xuất xưởng cho thuốc nhập khẩu: Thuốc vô trùng (Thuốc sản xuất vô trùng); Thuốc sinh học (Sản phẩm miễn dịch; Vắc xin).	EU-GMP	UK MIA 19437 Insp GMP/IMP 19437/1047 62-0016	07-08-2017	27-03-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	9
1258	MEDIMMUNE UK LIMITED	6 RENAISSANCE WAY, LIVERPOOL, L24 9JW, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bán thành phẩm gặt virus đơn giá. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm công nghệ sinh học; Vắc xin. Kháng thể đơn dòng / Imfinzi (durvalumab) / COVID-19 Vaccine AZD1222(en). * Xuất xưởng thuốc sinh học: Vắc xin. Kháng thể đơn dòng / Imfinzi (durvalumab) / COVID-19 Vaccine AZD1222(en). * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học. * Xuất xưởng cho thuốc nhập khẩu: Thuốc vô trùng (Thuốc sản xuất vô trùng); Thuốc sinh học (Sản phẩm miễn dịch; Vắc xin).	EU-GMP	UK MIA 19437 Insp GMP 19437/1047 62-0017	23-12-2020	23-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	15
GB-014 » Bard Pharmaceuticals Limited » Unit 191, Cambridge Science Park, Milton Road, Cambridge CB4 0GW, United Kingdom									
484	Bard Pharmaceuticals Limited	Unit 191, Cambridge Science Park, Milton Road, Cambridge CB4 0GW, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc cốm pha hỗn dịch uống. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng; các dạng thuốc không vô trùng phía trên. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc cốm pha hỗn dịch uống. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm soát chất lượng: hóa học/vật lý	EU-GMP	UK MIA 1811 Insp GMP/IMP 1811/21989 -0031	19-02-2017	08-11-2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	9
GB-015 » Andersonbrecon (UK) Limited » Unit 2-7, Wye Valley Business Park, Brecon Road, Hay-On-Wye, Hereford, HR3 5 PG, United Kingdom									
761	Andersonbrecon (UK) Limited	Unit 2-7, Wye Valley Business Park, Brecon Road, Hay-On-Wye, Hereford, HR3 5PG, United Kingdom	* Xuất xưởng: thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng; thuốc sinh học (thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/vật lý	EU-GMP	UK MIA 11724 Insp GMP 11724/1144 45-0010	01-06-2020	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
GB-016 » SmithKline Beecham Ltd T\A SmithKline Beecham Pharmaceuticals » Clarendon Road, Worthing, BN14 8QH, United Kingdom									
894	SmithKline Beecham Ltd T\A SmithKline Beecham Pharmaceuticals (Cách ghi khác: SmithKline Beecham Limited / SmithKline Beecham Pharmaceuticals)	Clarendon Road, Worthing, BN14 8QH, United Kingdom (Cách ghi khác: Clarendon Road, Worthing, West Sussex, BN14 8QH, United Kingdom)	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nén, viên nén bao phim. + Chưng nhận lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK MIA 10592 Insp GMP/GDP 10592/3922 -0037	25-03-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
GB-017 » Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations » Harmire Road, Barnard Castle, County Durham, DL12 8DT, United Kingdom									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
623	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations Cách ghi khác: Glaxo Operations UK Ltd hoặc Glaxo Operations UK Limited	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom. - Cách viết khác: Harmire Road, Barnard Castle, Durham DL12 8DT, United Kingdom. Hoặc Harmire Road, Barnard Castle, County Durham DL12 8DT, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng (không bao gồm xuất xưởng): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dạng lỏng dùng trong; thuốc bán rắn. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốm pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0037	11-03-2019	21-01-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	10
1708	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations Cách ghi khác: Glaxo Operations UK Ltd hoặc Glaxo Operations UK Limited	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom. - Cách viết khác: Harmire Road, Barnard Castle, Durham DL12 8DT, United Kingdom. Hoặc Harmire Road, Barnard Castle, County Durham DL12 8DT, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốm pha hỗn dịch uống. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm. + Xuất xưởng lô: Thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0038	29-06-2020	27-01-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	19
GB-018 » Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations » North Lonsdale Road, Ulverston, LA12 9DR, United Kingdom									
762	Glaxo Operations UK Ltd. (tên khác: Glaxo Wellcome Operations)	North Lonsdale Road, Ulverston, LA12 9DR (hoặc Cumbria LA12 9DR), United Kingdom	Nguyên liệu sản xuất vô trùng: Ceftazidime pentahydrate; Avibactam sodium; Cefuroxime sodium.	EU-GMP	UK API 4 Insp GMP 4/15697 - 0019	07-07-2017	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
GB-019 » Central Pharma (Contract Packing) Limited » Caxton Road, Bedford, MK41 0XZ, United Kingdom									
763	Central Pharma (Contract Packing) Limited (Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng)	Caxton Road, Bedford, MK41 0XZ, United Kingdom (Cách ghi khác: Caxton Road, Bedford, Bedfordshire, MK41 0XZ, United Kingdom)	* Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Dạng bào chế có áp lực. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK MIA 27794 Insp GMP/GDP 27794/1317 -0029	27-03-2019	12-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
2146	Central Pharma (Contract Packing) Limited	Caxton Road, Bedford, MK41 0XZ, United Kingdom (Cách ghi khác: Caxton Road, Bedford, Bedfordshire, MK41 0XZ, United Kingdom hoặc Caxton Road, ELM Farm Industrial Estate, Bedford, Bedfordshire, MK41 0XZ, United Kingdom)	* Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Dạng bào chế có áp lực. * Đóng gói cấp 2.	UK-GMP (tương đương EU-GMP)	UK MIA 27794 Insp GMP/GDP 27794/1317 -0031	01-12-2021	01-09-2024	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	25
GB-021 » Waymade PLC » Sovereign House, Miles Gray Road, Basildon, SS14 3FR, United Kingdom									
1259	Waymade PLC	Sovereign House, Miles Gray Road, Basildon, SS14 3FR, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: xuất xưởng lô; * Thuốc không vô trùng: xuất xưởng lô; * Đóng gói: sơ cấp (viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén); * Đóng gói thứ cấp;	EU-GMP	UK MIA 6464 Insp GMP 6464/17190 -0032	21-02-2019	29-10-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1931	Waymade PLC	Sovereign House, Miles Gray Road, Basildon, SS14 3FR, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: xuất xưởng lọ; * Thuốc không vô trùng: xuất xưởng lọ; * Đóng gói: sơ cấp (viên nang cứng, viên nang mềm; viên nén, viên nén bao phim); * Đóng gói thứ cấp;	EU-GMP	UK MIA 6464 Insp GMP 6464/17190 -0032	13-05-2022	06-09-2024	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	22
GB-022 » ACCORD-UK LIMITED » WHIDDON VALLEY, BARNSTAPLE, EX32 8NS, United Kingdom									
764	ACCORD-UK LIMITED	WHIDDON VALLEY, BARNSTAPLE, EX32 8NS, United Kingdom cách viết khác: WHIDDON VALLEY, BARNSTAPLE, DEVON, EX32 8NS, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường.	EU-GMP	UK MIA 142 Insp GMP/IMP 142/6742- 0039	21-12-2018	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
GB-025 » Fisons Limited TA Aventis Pharma (Holmes Chapel) » 72 London Road Holmes Chapel Crewe, CW4 8BE, United Kingdom									
1075	Fisons Limited TA Aventis Pharma (Holmes Chapel)	72 London Road Holmes Chapel Crewe, CW4 8BE, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế có áp lực. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UK MIA 113 Insp GMP/GDP/I MP 113/15353- 0027	09-02-2018	06-11-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	13
GB-026 » AndersonBrecon (UK) Limited » Unit 1, Talgarth Business Park, Trefecca Road, Talgarth, Brecon, LD3 0PQ, United Kingdom									
1260	Andersonbrecon (UK) Limited	Unit 1, Talgarth Business Park, Trefecca Road, Talgarth, Brecon, LD3 0PQ, United Kingdom	Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nang mềm, viên nhai, khung thẩm, thuốc đặt, viên nén, miếng dán qua da. Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	UK MIA 11724 Insp GMP/IMP 11724/9224 2-0009	26-07-2019	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	15
GB-028 » Almac Pharma Services Limited » Seagoe Industrial Estate, Portadown, Craigavon, BT63 5UA, United Kingdom									
1261	Almac Pharma Services Limited	Seagoe Industrial Estate, Portadown, Craigavon, BT63 5UA, United Kingdom (* Cách ghi khác: Seagoe Industrial Estate, BT63 5UA Craigavon, United Kingdom)	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột, thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Xuất xưởng thuốc sinh học (sản phẩm liệu pháp gen, công nghệ sinh học). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK MIA 20782 Insp GMP/GDP/I MP 20782/1532 8-0016	07-02-2020	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	15
GB-029 » Penn Pharmaceuticals Limited » Units 23-24, Tafaraubach Industrial Estate, Tafarnaubach, Tredegar, Gwent, NP22-3AA, United Kingdom									
1483	Penn Pharmaceutical Services Limited	Units 23-24, Tafarnaubach Industrial Estate, Tafarnaubach, Tredegar, NP22 3AA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: Xuất xưởng lọ * Đóng gói: + Đóng gói cấp 1: Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, dung dịch thuốc dùng ngoài, dung dịch thuốc uống, thuốc bán rắn, thuốc đặt, viên nén, viên nén bao phim + Đóng gói cấp 2;	EU-GMP	UK MIA 4351 Insp GMP/IMP 4351/15302 -0030	24-10-2019	24-10-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
GB-032 » Pharmaserve (North West) Limited » 9 Arkwright Road, Astmoor Industrial Estate, Runcorn, WA7 1NU, United Kingdom									
1619	Pharmaserve (North West) Limited	9 Arkwright Road, Astmoor Industrial Estate, Runcorn, WA7 1NU, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Dạng bào chế có áp lực. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Dạng bào chế có áp lực. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK MIA 32169 Insp GMP/IMP 32169/1562 -0022	08-03-2019	10-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	18
GB-034 » Dendron Brands Limited » 94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2147	Dendron Brands Limited	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom.	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, nhũ dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch); dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel) (bao gồm cả thuốc chứa hormon). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng, bao gồm cả viên nang mềm. + Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thức vô trùng), Hóa học (tất cả)	EU-GMP	UK MIA 52731 Insp GMP/GDP 133/3787-0025	25-06-2020	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	25
GR-001 » Vianex S.A. – Plant C » 16th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece									
21	Vianex S.A. – Plant C	16th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào và chất kim tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	79257/13-10-2017		31-12-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	2
1857	Vianex S.A. – Plant C	16th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng : + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/vật lý/vi sinh (thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng)/sinh học (LA test)	EU-GMP	28005/26-4-2021	08-06-2021	19-03-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	21
GR-002 » HELP S.A » Pedini Ioanninon, Ioannina, 45500, Greece									
35	HELP S.A	Pedini Ioanninon, Ioannina, 45500, Greece	* Thuốc không vô trùng: viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa Progesterone).	EU-GMP	I65690/8-6-2018	09-07-2018	27-04-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	3
765	Help Abee/ Help S.A.	Pedini Ioanninon, Ioannina, 45500, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng (Siro, hỗn dịch, thuốc nhỏ giọt); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Thuốc đặt; Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	65690/8-6-2018	09-07-2018	31-12-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	11
1858	Help Abee/ Help S.A.	Pedini Ioanninon, Ioannina, 45500, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng (Siro, hỗn dịch, thuốc nhỏ giọt, dung dịch uống); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Thuốc đặt; Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng * Đóng gói cấp 1: các dạng thuốc trên và thuốc dược liệu * Đóng gói cấp 2	EU-GMP	66794/12-7-2021	22-07-2021	04-06-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	21
GR-003 » Vioser S.A Parenteral Solutions Industry » 9th km National Road Trikala-Larisa, Taxiarches Trikala, 42100, Greece									
56	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	9th km National Road Trikala-Larisa, Taxiarches Trikala, 42100, Greece	Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ (không bao gồm dạng ampoule)	EU-GMP	60404/4-7-2017	13-07-2017	31-12-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	4
1802	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	9th km National Road Trikala-Larisa, Taxiarches Trikala, 42100, Greece	+ Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ (không bao gồm dạng ampoule) + Xuất xưởng thuốc vô trùng + Đóng gói thứ cấp + Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng), hóa lý, vật lý	EU-GMP	50792/31-5-2021	08-07-2021	21-04-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	20
GR-004 » One Pharma Industrial Pharmaceutical Company Societe Anonyme » 60th, km N.N.R. Athinon-Lamias, Sximatari Voiotias, 32009, Greece									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
75	One Pharma Industrial Pharmaceutical Company Societe Anonyme	60th, km N.N.R. Athinon-Lamias, Sximatari Voiotias, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	39675/27-4-2017	16-05-2017	16-03-2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	5
949	One Pharma Industrial Pharmaceutical Company Societe Anonyme (* Cách viết khác: One Pharma Industrial Pharmaceutical Company S.A)	60th, km N.N.R. Athinon-Lamias, Sximatari Voiotias, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng), hóa lý/vật lý	EU-GMP	90170/3-9-2020	21-09-2020	06-07-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	12
GR-005 » Remedina S.A. » 23 Gounari & Areos Str., Kamatero Attiki, 13451, Greece									
158	Remedina S.A.	23 Gounari & Areos Str., Kamatero Attiki, 13451 Greece (Cách ghi khác: 23 Gounari & Areos Str., 13451, Kamateroi, Greece)	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm cephalosporins, carbapenems: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm cephalosporins, carbapenems: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch, viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	70779/2-7-2018	13-09-2018	02-05-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	6
1620	Remedina S.A.	23 Gounari & Areos Str., Kamatero Attiki, 13451 Greece (* Cách ghi khác: 23 Gounari & Areos Str., 13451, Kamateroi, Greece)	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm cephalosporins, carbapenems: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm cephalosporins, carbapenems: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch, viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	17461/23-3-2021	25-06-2021	05-02-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	18
GR-006 » PHARMATHEN INTERNATIONAL SA » Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece									
159	PHARMATHEN INTERNATIONAL SA	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece Cách viết khác: Sapes industrial park, Block 5, Rodopi, GR-69300-Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng;viên nang giải phóng kéo dài; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm. * Dược chất không vô trùng: Cholecalciferol Concentrate	EU-GMP	82818/ 1-8-2018	26-09-2018	31-12-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	6
1932	PHARMATHEN INTERNATIONAL SA	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece Cách viết khác: Sapes industrial park, Block 5, Rodopi, GR-69300-Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm. + Xuất xưởng * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng;viên nang giải phóng kéo dài; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Dược chất không vô trùng: Cholecalciferol Concentrate	EU-GMP	2139/11-1-2022	18-01-2022	09-12-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	22
GR-007 » Rafarm SA » Thesi Pousi-Xatzgi Agiou Louka, Paiania Attiki, TK 19002, TO 37, Greece									
387	Rafarm SA	Thesi Pousi-Xatzgi Agiou Louka, Paiania Attiki, TK 19002, TO 37, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc lỏng dùng ngoài; thuốc lỏng uống; thuốc bán rắn (thuốc kem, mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, cốm).	EU-GMP	82820/2-7-2018	17-08-2018	31-12-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1803	Rafarm SA	Thesi Pousi-Xatzi Agiou Louka, Paiania Attiki, TK 19002, TO 37, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc lỏng dùng ngoài; thuốc lỏng uống; thuốc bán rắn (thuốc kem, mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, cốm).	EU-GMP	72553/23-7-2021	24-08-2021	04-06-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	20
GR-008 » Cooper S.A. » 64 Aristovoulou str., Athens, 11853, Greece									
160	Cooper S.A.	64 Aristovoulou str., Athens, 11853, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; dung dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ mũi, thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm penicillins; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, dung dịch thực trực tràng.	EU-GMP	39834/13-4-2018	30-04-2018	16-02-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	6
1076	Cooper S.A. (Cách ghi khác: Cooper S.A Pharmaceuticals)	64 Aristovoulou str., Athens, 11853, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; dung dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ mũi, thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm penicillins; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, dung dịch thực trực tràng.	EU-GMP	45232/22-4-2020	17-07-2020	25-02-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	13
GR-009 » Rontis Hellas Medical and Pharmaceutical Products S.A. » P.O. BOX 3012 Larisa Industrial Area, Larisa, 41004, Greece									
421	Rontis Hellas Medical and Pharmaceutical Products S.A.	P.O. BOX 3012 Larisa Industrial Area, Larisa, 41004, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	18128, 21799/1-3-2019	08-03-2019	05-07-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	8
1859	Rontis Hellas Medical and Pharmaceutical Products S.A.	P.O. BOX 3012 Larisa Industrial Area, Larisa, 41004, Greece	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim. + Chứng nhận lô * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp: * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	107887/30-11-2021	10-12-2021	04-11-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	21
GR-010 » Elpen Pharmaceutic Co.,Inc » Marathonos Ave. 95, Pikermi Attiki, 19009, Greece									
287	Elpen Pharmaceutical Co.,Inc	Marathonos Ave. 95, Pikermi Attiki, 19009, Greece. (Cách viết khác: 95 Marathonos Ave., 190 09 Pikermi, Attica, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin); thuốc bột, thuốc cốm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin); thuốc bột, thuốc cốm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	100686/10-8-2019	27-08-2019	31-12-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	7
GR-011 » Famar A.V.E Alimos Plant » Agiou Dimitriou 63, Alimos Attiki, 17456, Greece									
288	Famar A.V.E Alimos Plant 63, AG. Dimitriou Str	Agiou Dimitriou 63, Alimos Attiki, 17456, Greece	* Thuốc sản xuất vô trùng và thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Dung dịch uống; * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; hóa học/ vật lý.	EU-GMP	70002/4-8-2017	09-12-2017	31-12-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	7
404	Demo SA Pharmaceutical Industry	21st Km National Road Athens - Lamia, Krioneri Attiki, 14568, Greece (Cách ghi khác: 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Greece / 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Athens, Greece / 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; thuốc rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam (Cephalosporins, Carbacephems, Carbapenems). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	39803/1-4-2020	23-04-2020	26-02-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1804	Famar A.V.E Alimos Plant	Agiou Dimitriou 63 str., Alimos Attiki, 17456, Greece (cách viết khác: Famar A.V.E Alimos Plant 63, AG Dimitriou Str, Greece).	* Thuốc sản xuất vô trùng và thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Dung dịch uống; * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; hóa học/ vật lý.	EU-GMP	38515/26-4-2021	28-07-2021	26-02-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	20
GR-012 » Pharmathen SA » Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351 Greece									
289	Pharmathen SA	Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351 Greece (hoặc 6 Dervenakion street, Pallini, Athens, GR-15351, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Viên nén nhai. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học (sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật); * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm; * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	100681/8-8-2019	18-09-2019	03-07-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	7
1933	Pharmathen SA	Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351 Greece (hoặc 6 Dervenakion street, Pallini, Athens, GR-15351, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Viên nén nhai. * Xuất xưởng: thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học (sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật); * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm; * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	141425/21-12-2021	13-01-2022	15-11-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	22
GR-013 » Boehringer Ingelheim Ellas A.E » 5th km Paiania-Markopoulo, Koropi Attiki, 19400, Greece									
443	Boehringer Ingelheim Ellas A.E	5th km Paiania-Markopoulo, Koropi Attiki, 19400, Greece (Cách ghi khác: 5th km Paiania-Markopoulo, 19400 Koropi, Greece)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	24076/11-4-2018	30-04-2018	31-12-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	9
2066	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A. (Tên cũ: Boehringer Ingelheim Ellas A.E)	5th km Paiania-Markopoulo, Koropi Attiki, 19441, Greece (Cách ghi địa chỉ cũ: 5th km Paiania-Markopoulo, Koropi Attiki, 19400, Greece; Hoặc: 5th km Paiania-Markopoulo, 19400 Koropi, Greece)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	80923/23-9-2021 & 87069/24-9-2021	24-09-2021	21-05-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	24
GR-014 » Medicaïr Bioscience Laboratories S.A » 61st km National road Athinon - Lamias, Sximatari Viotias, 32009, Greece									
464	Medicaïr Bioscience Laboratories S.A	61st km National road Athinon - Lamias, Sximatari Viotias, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc xịt (pressurised preparations), thuốc bán rắn, viên nén	EU-GMP	51579/3-5-2019 & 69818/6-6-2019	07-12-2019	16-04-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	9
1860	Medicaïr Bioscience Laboratories S.A	61st km National road Athinon - Lamias, Sximatari Viotias, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc xịt (pressurised preparations), thuốc bán rắn, viên nén	EU-GMP	64740/30-07-2021	30-07-2021	24-07-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	21
GR-016 » Kleva Pharmaceuticals S.A. » Parnithos Ave. 189, Acharnai Attiki, 13675, Greece									
446	Kleva Pharmaceuticals S.A.	Parnithos Ave. 189, Acharnai Attiki, 13675, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (gel chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục); viên nén.	EU-GMP	112137, 119180/4-12-2018	15-01-2019	26-03-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1262	Kleva Pharmaceuticals S.A.	Parnithos Ave. 189, Acharnai Attiki, 13675, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (gel chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục); viên nén.	EU-GMP	70180/5-8-2020	10-12-2020	26-06-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	15
GR-017 » Demo SA Pharmaceutical Industry » 21st Km National Road Athens - Lamia, Krioneri Attiki, 14568, Greece									
624	Anfarm Hellas S.A.	61st km NAT.RD. Athens - Lamia, Schimatari Viotias, 32009, Greece (cách ghi khác: Sximatari Viotias, 32009- Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và carbapenem). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn; viên nén, viên bao phim (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và carbapenem)	EU-GMP	62713/23-4-2019	11-07-2019	31-12-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	10
GR-019 » Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories SA » 14th km National Road 1, Building A and Building B, Kato Kifisia Attiki, 14564, Greece									
1077	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories SA	14th km National Road 1, Building A and Building B, Kato Kifisia Attiki, 14564, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm thuốc nhỏ mắt, thuốc xịt mũi, thuốc dạng syringe đóng sẵn); * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm lotion); thuốc uống dạng lỏng (si rô, hỗn dịch, thuốc nhỏ giọt); thuốc bột uống (bao gồm thuốc bột sủi bọt, si rô khô); dạng bào chế bán rắn (kem, gel, mỡ); thuốc đạn; viên nén (bao gồm viên nén sủi bọt, viên nén bao phim, viên nhai, viên ngậm)	EU-GMP	104817/ 17-11-2020	12-11-2020	10-05-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	13
1377	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories SA	14th km National Road 1, Building A and Building B, Kato Kifisia Attiki, 14564, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm thuốc nhỏ mắt, thuốc xịt mũi, thuốc dạng syringe đóng sẵn); * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm lotion); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, si rô, hỗn dịch, thuốc nhỏ giọt); thuốc bột uống (bao gồm thuốc bột sủi bọt, si rô khô); dạng bào chế bán rắn (kem, gel, mỡ); thuốc đạn; viên nén (bao gồm viên nén sủi bọt, viên nén bao phim, viên nhai, viên ngậm)	EU-GMP	125320/ 7-12-2020	29-12-2020	05-10-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	16
GR-020 » Genepharma AE / Genepharma SA » 18th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece									
625	Genepharma AE / Genepharma SA	18th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén phân tán.	EU-GMP	30207/6-3-2020	10-04-2020	31-12-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	10
GR-021 » Vianex S.A. - Plant D » Industrial Area Patron, Agios Stefanos, Patra, Axaia, 25018, Greece									
766	Vianex S.A. - Plant D	Industrial Area Patron, Agios Stefanos, Patra, Axaia, 25018, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và thuốc cấy ghép chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	86639/5-8-2019	06-09-2019	31-12-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	11
GR-022 » Vianex S.A. - Plant A » 12km National Road Athinon-Lamias, Metamorfosi Attiki, 14451, Greece									
767	Vianex S.A - Plant A	12km National Road Athinon-Lamias, Metamorfosi Attiki, 14451, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Đóng gói sơ cấp: dạng bào chế rắn khác.	EU-GMP	73120/25-8-2017	12-09-2017	04-07-2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	11
1378	Vianex S.A - Plant A	12km National Road Athinon-Lamias, Metamorfosi Attiki, 14451, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; dạng bào chế rắn khác	EU-GMP	24095/5-3-2021	05-04-2021	26-01-2024	National Organization for Medicines (EOF), Greece	16
GR-023 » Vianex S.A. - Plant B » 15th km Marathonos Avenue, Pallini Attiki, 15351, Greece									
950	Vianex S.A. - Plant B	15th km Marathonos Avenue, Pallini Attiki, 15351, Greece.	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: phép thử vi sinh không vô trùng, hóa học/ vật lý.	EU-GMP	119711/8-10-2019	11-05-2019	31-12-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	12
GR-024 » BROS EPE / BROS LTD » Γαλήνης 15 & Αυγής / Galinis 15 & Avgis, Νέα Κηφισιά Αττικής / Nea Kifisia Attiki, 14564, Greece									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1078	BROS LTD	Galinis 15 & Avgis, Nea Kifisia Attiki, 14564, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc bột pha hỗn dịch uống; Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	106493/20-10-2020 Đúc/bis	12-11-2020	20-11-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	13
GR-025 » GALENICA PHARMACEUTICAL INDUSTRY S.A. » 3rd km Old National Road Chalkida - Athens, Glifa Chalkida Eubia, 34100, Greece									
1189	GALENICA PHARMACEUTICAL INDUSTRY S.A.	3rd km Old National Road Chalkida - Athens, Glifa Chalkida Eubia, 34100, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn (kem, mỡ); Thuốc đạn; Viên nén.	EU-GMP	53222/24-4-2019	24-05-2019	22-03-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	14
GR-028 » Lavipharm AE/ Lavipharm SA » Agias Marinas str., Paiania Attiki, TO 59, 19002, Greece									
1934	Lavipharm AE/ Lavipharm SA	Agias Marinas str., Paiania Attiki, TO 59, 19002, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dạng bán rắn (kem, mỡ, gel), thuốc đặt, viên nén, miếng dán ngoài da. + Chứng nhận lô * Đóng gói sơ cấp, đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh, Hóa/lý.	EU-GMP	106946/11-11-2021	24-12-2021	19-10-2023	National Organization for Medicines (EOF), Greece	22
HR-001 » JADRAN - GALENSKI LABORATORIJ d. d. (JGL d.d.) » Svilno 20, Rijeka, 51000, Croatia									
445	JADRAN - GALENSKI LABORATORIJ d. d. (JGL d.d.)	Svilno 20, 51000 Rijeka, Croatia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mũi và thuốc xịt mũi).	EU-GMP	UP/I-530-10/18-03/05; 381-10-05/241-18-10	05-11-2018	25-05-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	9
HR-002 » Belupo d.d (Belupo Inc.) » Ulica Danica 5, 48000 Koprivnica, Republika Hrvatska (Ulica Danica 5, 48000 Koprivnica, Republic of Croatia)									
1621	Belupo d.d (Belupo Inc.)	Ulica Danica 5, 48000 Koprivnica, Republika Hrvatska (Ulica Danica 5, 48000 Koprivnica, Republic of Croatia).	* Thuốc vô trùng: chứng nhận lô * Sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật: chứng nhận lô. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống (internal use) dạng lỏng, thuốc xịt, thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel), thuốc đặt, viên nén; thuốc bột, thuốc cốt pha hỗn dịch uống * Thuốc được liệu * Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế công bố và bao gồm cả viên nang mềm * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/20	28-11-2017	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	18
1935	Belupo d.d (cách ghi khác: Belupo Inc. hoặc Belupo Pharmaceuticals and Cosmetics, Incorporated)	Ulica Danica 5, 48000 Koprivnica, Republika Hrvatska (Ulica Danica 5, 48000 Koprivnica, Republic of Croatia).	* Thuốc vô trùng: chứng nhận lô * Sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật: chứng nhận lô. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống (internal use) dạng lỏng, thuốc xịt, thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel), thuốc đặt, viên nén; thuốc bột, thuốc cốt pha hỗn dịch uống. * Thuốc được liệu. * Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế công bố và bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	UP/I-530-10/19-03/28; 381-10-05/322-20-09	20-02-2020	31-12-2023	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	22
HR-004 » Pliva Croatia Ltd (Pliva Hrvatska d.o.o.) » Prilaz baruna Filipovića 25, 10000 Zagreb, Republic of Croatia (hoặc Prilaz baruna Filipovića 25, 10000 Zagreb, Republika Hrvatska)									
1709	Pliva Croatia Ltd (Pliva Hrvatska d.o.o.)	Prilaz baruna Filipovića 25, 10000 Zagreb, Republic of Croatia (hoặc Prilaz baruna Filipovića 25, 10000 Zagreb, Republika Hrvatska)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon, chất độc tế bào, hoạt tính cao); thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc cốt pha hỗn dịch uống; thuốc bột uống. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon, chất độc tế bào, hoạt tính cao); thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc cốt pha hỗn dịch uống; thuốc bột uống. * Đóng gói thứ cấp (bao gồm cả thuốc chứa hormon, chất độc tế bào, hoạt tính cao). * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Ít lý.	EU-GMP	UP/1-530-10/19-03/12; 381-10-05/241-19-07	09-10-2019	31-12-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	19
HU-001 » Chemical Works of Gedeon Richter Plc. (Gedeon Richter Plc.) » Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
161	Chemical Works of Gedeon Richter Plc. (Gedeon Richter Plc.)	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch và hỗn dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc có chứa chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén, viên bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon), dạng bào chế bán rắn. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lọ; Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người hoặc động vật * Dược chất sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén, viên bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon), dạng bào chế bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	OGYÉI/9446-6/2019	18-04-2019	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	6
2148	Gedeon Richter Plc.	Gyömrői út 19-21., Budapest X, 1103, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc có chứa chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén, viên bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon), dạng bào chế bán rắn. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lọ: Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người hoặc động vật * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén, viên bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon), dạng bào chế bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	OGYÉI/2078-6-7/2022	25-07-2022	29-04-2025	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	25
HU-003 » CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 2 » Lévai utca 5, Veresegyház, 2112, Hungary									
331	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 2 (Veresegyház site) [Cách ghi khác: CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.)]	Lévai utca 5, Veresegyház, 2112, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	OGYÉI/1775-7-2/2018	18-04-2018	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2009	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), 2.telephely /Site 2 (Veresegyház site)	Lévai utca 5, Veresegyház, 2112, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	OGYÉI/4953 7-2/2021	30-04-2021	30-04-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	23
HU-004 » CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd., Site 3 » Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary									
290	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 3 (Csanyikvölgy site)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật.	EU-GMP	OGYÉI/3882 9-2/2019	25-06-2019	18-07-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	7
1710	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 3 (Csanyikvölgy site) (* Các cách ghi khác: - CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.). - CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd.)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary. (* Cách ghi khác: 3510 Miskolc, Csanyikvölgy, Hungary)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/2943 7-2/2021	06-03-2021	25-06-2023	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	19
HU-005 » Institute of Isotopes Co. Ltd. » Konkoly Thege M. u. 29-33., Budapest, 1121, Hungary									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
376	Izotóp Intézet Kutató, Fejlesztő, Termelő és Szolgáltatató Korlátolt Felelősségű Társaság (Izotóp Intézet Kft.)/Institute of Isotopes Co. Ltd.	Konkoly Thege M. u. 29-33., Budapest, 1121, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa thuốc phóng xạ); Kit đánh dấu phóng xạ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa thuốc phóng xạ); Kit đánh dấu phóng xạ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa thuốc phóng xạ); Bình phát hạt nhân phóng xạ (radionuclide generators).	EU-GMP	OGYÉI/1536 -6/2019	11-03-2019	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	8
HU-006 » Béres Pharmaceuticals Private Limited Company » Nagysándor József u. 39., Szolnok, 5005, Hungary									
344	Béres Pharmaceuticals Private Limited Company (Béres Pharmaceuticals Ltd.)	Nagysándor József út. 39., Szolnok, 5005, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim, * Thuốc được liệu.	EU-GMP	OGYÉI/4923 9-6/2019	24-02-2020	30-08-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	8
HU-007 » Egis Pharmaceuticals Plc. » Bökényföldi út 118-120., Budapest, 1165, Hungary									
348	Egis Pharmaceuticals Plc. (* Cách viết khác: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company)	Bökényföldi út 118-120., Budapest, 1165, Hungary (* Cách viết khác: - 1165 Budapest, Bökényföldi út. 118-120., Hungary - Production site of Bökényföld; H-1165 Budapest, Bökényföldi út	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc công nghệ sinh học * Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng: bao gồm các dạng thuốc trên và thuốc độc tế bào, thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: không bao gồm thử nghiệm vô trùng.	EU-GMP	OGYÉI/3973 -6/2019	09-04-2019	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	8
HU-008 » Egis Pharmaceuticals Plc Site 3. » Mátyás király út 65., Körmend, 9900, Hungary									
350	Egis Pharmaceuticals Plc Site 3. (Cách viết khác: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company)	Mátyás király út 65., Körmend, 9900, Hungary. (Cách viết khác: - 9900, Körmend, Mátyás király u. 65., Hungary; - Production site of Körmend, H-9900 Körmend, Mátyás király u 65, Hungary)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc phun mù bao gồm cả kháng sinh và thuốc bột hít; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào). * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên không bao gồm thuốc phun mù; bao gồm cả viên nang cứng chứa chất độc tế bào.	EU-GMP	OGYÉI/2087 7-7/2018	02-07-2018	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	8
1622	Egis Pharmaceuticals Plc Site 3. (* Cách viết khác: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company hoặc Egis Pharmaceuticals PLC)	Mátyás király út 65., Körmend, 9900, Hungary. (* Cách viết khác: - 9900, Körmend, Mátyás király u. 65., Hungary; - Production site of Körmend, H-9900 Körmend, Mátyás király u 65, Hungary)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả siro); thuốc bột, thuốc cốm; thuốc phun mù bao gồm cả kháng sinh và thuốc bột hít; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào). * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên không bao gồm thuốc phun mù; bao gồm cả viên nang cứng chứa chất độc tế bào. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng, hóa học, vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/1015 7-7/2021	05-03-2021	26-02-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	18
HU-009 » ExtractumPharma Co. Ltd. » IV. Körzet 6., Kunfehértó, 6413, Hungary									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
951	ExtractumPharma Co. Ltd.	IV. Körzet 6., Kunfehértó, 6413, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	OGYÉI/4512 1-2/2020	08-07-2020	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	12
2067	ExtractumPharma Co. Ltd.	IV. Körzet 6., Kunfehértó, 6413, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. + Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/5312 4-7/2021	27-10-2021	03-09-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	24
HU-010 » TEVA Gyógyszergyár Zrt. » Site1; Pallagi út 13., Debrecen, 4042, Hungary									
952	TEVA Gyógyszergyár Zrt. (TEVA Pharmaceutical Works Private Limited Company)	Site 1; Pallagi út 13., Debrecen, 4042, Hungary (Cách ghi khác: H-4042 Debrecen, Pallagi Ut 13, Hungary)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc vi nang và thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon).	EU-GMP	OGYÉI/5987 4-2/2020	20-10-2020	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI) Hungary	12
1711	TEVA Gyógyszergyár Zrt. (TEVA Pharmaceutical Works Private Limited Company)	Site1; Pallagi út 13., Debrecen, 4042, Hungary (Cách ghi khác: H-4042 Debrecen, Pallagi Ut 13, Hungary)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc vi nang và thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc vi nang và thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/vật lý; Sinh học.	EU-GMP	OGYÉI/1895 3-8/2021	14-07-2021	01-04-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI) Hungary	19
HU-011 » Medi-Radiopharma Egészségügyi Szervező, Tanácsadó, Szolgáltató és Kereskedelmi Kft./Medi-Radiopharma Ltd. » Site 1., Szamos u. 10-12., Érd, 2030, Hungary									
768	Medi-Radiopharma Egészségügyi Szervező, Tanácsadó, Szolgáltató és Kereskedelmi Kft./Medi-Radiopharma Ltd.	Site 1., Szamos u. 10-12., Érd, 2030, Hungary	* Sản xuất, xuất xưởng, đóng gói thứ cấp thuốc phóng xạ vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đồng khô; dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/2913 4-6/2018	01-08-2018	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	11
1712	Medi-Radiopharma Egészségügyi Szervező, Tanácsadó, Szolgáltató és Kereskedelmi Kft./Medi-Radiopharma Ltd.	Site 1., Szamos u. 10-12., Érd, 2030, Hungary	* Sản xuất, xuất xưởng, đóng gói thứ cấp thuốc phóng xạ vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đồng khô; dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/4566 4-7/2021	16-09-2021	23-07-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	19
HU-013 » Meditop Pharmaceutical Ltd » Ady Endre u. 1., Pilisborosjeno, 2097, Hungary									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1190	Meditop Pharmaceutical Ltd	Ady Endre u. 1., Pilisborosjeno, 2097, Hungary	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chỉ xuất xưởng); thuốc uống dạng lỏng (chỉ xuất xưởng); thuốc bột, thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. * Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	OGYEI/3053 9-5/2020	02-07-2020	10-06-2023	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	14
ID-001 » PT. Tunggal Idaman Abdi » Hormon Plant 2 (Lantai 1); Jl.Jend.Ahmad Yani No 7, Rawamangun , Jakarta Timur, Indonesia									
7	PT. Tunggal Idaman Abdi	Hormon Plant 2 (Lantai 1); Jl.Jend.Ahmad Yani No 7, Rawamangun , Jakarta Timur , Indonesia	* Thuốc tiêm chứa hormone giới tính và tránh thai thể tích nhỏ	PIC/S-GMP	4146/CPOB/A/IV/14	14-04-2014	14-04-2019	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	1
ID-002 » PT. Sunthi Sepuri » JL. Raya Serang Km. 17, Cikupa Tangerang 15710, Indonesia									
13	PT. Sunthi Sepuri	JL. Raya Serang Km. 17, Cikupa Tangerang 15710, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam	PIC/S-GMP	4501/CPOB/A/IX/15		08-09-2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	2
ID-003 » PT. Sydna Farma » Jl. RC. Veteran No. 89, Bintaro - Jakarta Selatan, Indonesia									
291	PT. Sydna Farma	Jl. RC. Veteran No. 89, Bintaro - Jakarta Selatan, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén tránh thai và hormon sinh dục; Viên nén bao tránh thai và hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	4991/CPOB/A/VIII/17	18-08-2017	31-08-2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	7
ID-004 » PT. ETHICA INDUSTRI FARMASI » Kawasan Industri Jababeka Tahap V, Blok B1B1, Desa Jayamukti, Kecamatan Cikarang Pusat, Kabupaten Bekasi, Jawa Barat, Indonesia									
1623	PT. ETHICA INDUSTRI FARMASI	Kawasan Industri Jababeka Tahap V, Blok B1B1, Desa Jayamukti, Kecamatan Cikarang Pusat, Kabupaten Bekasi, Jawa Barat, Indonesia	*Thuốc vô trùng (tiệt trùng cuối và sản xuất vô trùng): dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam	PIC/S-GMP	HK.02.06.IF/V/0077/2016	11-03-2016	21-06-2021	National Agency for Drug and Food Control Republic of Indonesia	18
1713	PT. ETHICA INDUSTRI FARMASI (hoặc PT. ETHICA INDUSTRI FARMASI (PT.ETHICA))	Kawasan Industri Jababeka Tahap V, Blok B1B1, Desa Jayamukti, Kecamatan Cikarang Pusat, Kabupaten Bekasi, Jawa Barat, Indonesia (hoặc Kawasan Industri Jababeka Tahap V, Blok B1B1, Kelurahan Jayamukti, Kecamatan Cikarang Pusat, Kabupaten Bekasi, Provinsi Jawa Barat, Indonesia)	*Thuốc vô trùng (tiệt trùng cuối và sản xuất vô trùng; không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục và thuốc độc tế bào): dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam);	PIC/S-GMP	PW-S.01.04.1.3. 331.05.21-0023	21-06-2021	21-06-2026	National Agency for Drug and Food Control Republic of Indonesia	19
ID-005 » PT. Novell Pharmaceutical laboratories » Jl. Wanaherang No.35, Tajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia									
413	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiệt trùng cuối và sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam, không bao gồm thuốc chứa hormone sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc kim tế bào): dung dịch thể tích nhỏ;	PIC/S-GMP	5100/CPOB/A/1/18	10-01-2018	10-01-2023	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	8
626	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tajung Udik, 16962 Gunung Putri, Bogor, Indonesia	* Thuốc vô trùng tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (ampoule);	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2020_0017	04-06-2020	12-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1263	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam) : thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	5517/CPOB/A/IX/19	27-09-2019	30-10-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1264	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam, không bao gồm thuốc chứa hormone sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc kim tế bào)	PIC/S-GMP	5944/CPOB/A/XII/20	30-12-2020	31-12-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1265	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối và sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam, không bao gồm thuốc chứa hormone sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc kim tế bào) : dung dịch thể tích nhỏ đến 100mL; + Nhũ dịch tiêm thể tích nhỏ đến 100mL tiết trùng cuối (không bao gồm thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam, hormone sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc kim tế bào).	PIC/S-GMP	5515/CPOB/A/IX/19	27-09-2019	30-10-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1266	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	Thuốc không vô trùng: viên nang mềm.	PIC/S-GMP	5610/CPOB/A/I/20	07-01-2020	25-01-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1267	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam, không bao gồm thuốc chứa hormone sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc kim tế bào) : thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	5518/CPOB/A/IX/19	27-09-2019	30-10-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1268	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam, không bao gồm thuốc chứa hormone sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc kim tế bào)	PIC/S-GMP	5943/CPOB/A/XII/20	30-12-2020	31-12-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1269	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng	PIC/S-GMP	5946/CPOB/A/XII/20	30-12-2020	31-12-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1270	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn từ 100mL (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-beta lactam); nhũ dịch tiêm thể tích lớn từ 100mL;	PIC/S-GMP	5516/CPOB/A/IX/19	27-09-2019	30-10-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
1271	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung, Gunung Putri, Bogor 16962, Indonesia	Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	NL/H 19/2009630	20-08-2019	10-01-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	15
ID-006 » PT. Dexa Medica » Jl. Jend. Bambang Utoyo No. 138 Palembang, Indonesia									
769	PT. Dexa Medica	Jl. Jend. Bambang Utoyo No. 138 Palembang, Indonesia	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nén bao phim;	PIC/S-GMP	B-ST.03.04.33 1.03.19.204 0	26-03-2019	02-02-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	11
770	PT. Dexa Medica	Jl. Jend. Bambang Utoyo No. 138 Palembang, Indonesia	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng.	PIC/S-GMP	B-ST.03.04.33 1.03.19.204 1	26-03-2019	02-02-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	11
ID-008 » PT. Otto Pharmaceutical Industries » Jl. Dr. Setiabudi Km 12, 1 Kab. Bandung Barat., Indonesia									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1272	PT.Otto Pharmaceutical Industries	Jl. Dr. Setiabudi Km 12, 1 Kab. Bandung Barat., Indonesia	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm: thuốc tránh thai, hormone sinh dục, thuốc độc tế bào, kháng sinh beta lactam): Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh không betalactam).	PIC/S-GMP	5356/CPOB/A/III/19	29-05-2019	02-04-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15
ID-009 » PT. Merck Tbk » Jl. TB. Simatupang No.8 Pasar Rebo, Jakarta Timur 13760, Indonesia									
953	PT. Merck Tbk	Jl. TB. Simatupang No.8 Pasar Rebo, Jakarta Timur 13760, Indonesia	* Thuốc không vô trùng non-betalactam (không chứa kháng sinh, không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục, độc tế bào): Viên nén, viên nén bao phim, viên bao đường, viên nén bao tan trong ruột	PIC/S-GMP	4832/CPOB/A/XII/16	16-12-2016	23-12-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	12
954	PT. Merck Tbk	Jl. TB. Simatupang No.8 Pasar Rebo, Jakarta Timur 13760, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng non-betalactam (không chứa kháng sinh, không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục, độc tế bào).	PIC/S-GMP	4833/CPOB/A/XII/16	16-12-2016	23-12-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	12
1861	PT. Merck Tbk	(Divisi Plant) Jl. T.B. Simatupang No.8, Kelurahan Gedong, Kecamatan Pasar Rebo, Kota Jakarta Timur, Provinsi DKI Jakarta, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén, viên nén bao phim, viên bao đường, viên nén bao tan trong ruột (non-betalactam (không chứa kháng sinh, không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục, độc tế bào)).	PIC/S-GMP	PW-S.01.04.1.3.331.09.21-0084	04-09-2021	23-12-2026	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	21
1862	PT. Merck Tbk	(Divisi Plant) Jl. T.B. Simatupang No.8, Kelurahan Gedong, Kecamatan Pasar Rebo, Kota Jakarta Timur, Provinsi DKI Jakarta, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng non-betalactam (không chứa kháng sinh, không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục, độc tế bào).	PIC/S-GMP	PW-S.01.04.1.3.331.09.21-0097	04-09-2021	23-12-2026	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	21
ID-010 » PT. Boehringer Ingelheim Indonesia » Jalan Lawang Gintung 89 Bogor - Indonesia									
955	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia	Jalan (hoặc Jl.) Lawang Gintung 89 (hoặc No. 89) Bogor – Indonesia	* Thuốc uống dạng lỏng: siro, hỗn dịch uống.	PIC/S-GMP	4802/CPOB/A/X/16	28-10-2016	23-12-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	12
956	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia	Jalan (hoặc Jl.) Lawang Gintung 89(hoặc No. 89) Bogor, Indonesia	* Thuốc không vô trùng, không chứa kháng sinh β -Lactam, thuốc tránh thai, hormone sinh dục và chất kim tế bào: viên nén; viên nén bao	PIC/S-GMP	4801/CPOB/A/X/16	28-10-2016	23-12-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	12
ID-011 » PT. Global Onkolab Farma » Jl. Rawa Gatel III S Kav.36, Kawasan, Industri Pulogadung, Desa/Kelurahan Jatinegara, Kecamatan Cakung, Kota Adm. Jakarta Timur, Provinsi DKI Jakarta, Indonesia									
1079	PT. Global Onkolab Farma	Jl. Rawa Gatel III S Kav.36, Kawasan, Industri Pulogadung, Desa/Kelurahan Jatinegara, Kecamatan Cakung, Kota Adm. Jakarta Timur, Provinsi DKI Jakarta, Indonesia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc ung thư sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc ung thư tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S-GMP	5247/CPOB/A/XII/18	13-12-2018	19-12-2023	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	13
ID-012 » PT. Tanabe Indonesia » Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia									
1191	PT. Tanabe Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia	* Sản xuất (bao gồm cả đóng gói sơ cấp và đóng gói thứ cấp): Viên nang cứng; viên nang cứng giải phóng chậm (Sustained release capsule) (trừ kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, thuốc chứa hormone sinh dục và chất kim tế bào).	PIC/S-GMP	4337/CPOB/A/I/15	15-01-2015	15-01-2020	Head of National Agency for Drug and Food Control, Indonesia	14

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1379	PT. Mitsubishi Tanabe Pharma Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104, RT 001 RW 005, Kel. Pakemitan, Kec. Cinambo, Kota Bandung, Jawa Barat, Indonesia	* Sản xuất (bao gồm cả đóng gói sơ cấp và đóng gói thứ cấp; trừ thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục và chất kim tế bào): + Viên nang cứng (bao gồm cả kháng sinh non-betalactam) + Viên nang cứng giải phóng chậm (Sustained release capsule) (không bao gồm kháng sinh).	PIC/S-GMP	5513/CPOB/A/IX/19	20-09-2019	15-01-2025	National Agency for Drug and Food Control, Republic of Indonesia	16
1380	PT. Mitsubishi Tanabe Pharma Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104, RT 001 RW 005, Kel. Pakemitan, Kec. Cinambo, Kota Bandung, Jawa Barat, Indonesia	* Sản xuất (bao gồm cả đóng gói sơ cấp và đóng gói thứ cấp; trừ kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục và chất kim tế bào): + Viên nén (bao gồm cả kháng sinh non-betalactam) + Viên nén bao (bao gồm cả kháng sinh non-betalactam)	PIC/S-GMP	5512/CPOB/A/IX/19	20-09-2019	15-01-2025	Head of National Agency for Drug and Food Control, Indonesia	16
ID-013 » PT. Rohto Laboratories Indonesia » Jl. Raya Cimoreme No.203 Padalarang, Kab. Bandung Barat - Jawa Barat, Indonesia									
1192	PT. Rohto Laboratories Indonesia	Jl. Raya Cimoreme No.203 Padalarang, Kab. Bandung Barat - Jawa Barat, Indonesia	* Thuốc không vô trùng (non betalactam): Thuốc dùng ngoài da dạng lỏng (topical liquid).	PIC/S-GMP	5508/CPOB/A/IX/19	18-09-2019	12-10-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	14
ID-014 » PT. Fresenius Kabi Combophar » Jl.Raya Simpang No.383 Padalarang, Cimahi, Jawa Barat, Indonesia									
1381	PT. Fresenius Kabi Combiphar	Jl.Raya Simpang No.383 Padalarang, Cimahi, Jawa Barat, Indonesia	Thuốc không vô trùng Non Betalactam: Viên nén, viên nén bao.	PIC/S-GMP	4974/CPOB/A/VI/17	02-06-2017	02-07-2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
ID-015 » PT. Ferron Par Pharmaceuticals » Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J No.3, kel. Harjamekar, Kec. Cikarang, Utara, Kab. Bekasi, Jawa Barat, Indonesia									
1382	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3 Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	Thuốc vô trùng Non Betalactam: Thuốc tiêm thể tích nhỏ (sản xuất vô trùng; tiệt trùng cuối)	PIC/S-GMP	5137/CPOB/A/VIII/20	21-02-2018	13-03-2023	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
1383	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh betalactam: viên nang cứng	PIC/S-GMP	5055/CPOB/A/XI/17	27-11-2017	14-12-2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
1384	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh betalactam: Viên nén, viên nén bao phim	PIC/S-GMP	4782/CPOB/A/IX/16	23-09-2016	22-09-2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
1385	PT Ferron Par Pharmaceuticals	Jababeka Industrial Estate I, Cikarang, Jl. Jababeka VI Blok J3, Bekasi, 17520, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	UK GMP 32874 Insp GMP 32874/4446 44-0006	25-10-2019	25-10-2022	Medicine and Healthcare products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	16
1484	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J No.3, kel. Harjamekar, Kec. Cikarang, Utara, Kab. Bekasi, Jawa Barat, Indonesia	Thuốc vô trùng Non Betalactam: Thuốc tiêm thể tích lớn	PIC/S-GMP	5845/CPOB/A/VIII/20	31-08-2020	18-12-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	17
ID-016 » PT. Mersifarma Tirmaku Mercusana » Jl.Raya Pelabuhan Km.18 Desa Cikembar, Kecamatan, Cikembar, Kabupaten, Jawa Barat, Indonesia									
1273	PT. Mersifarma Tirmaku Mercusana	Jl.Raya Pelabuhan Km.18 Desa Cikembar, Kecamatan, Cikembar, Kabupaten, Jawa Barat, Indonesia	Unit 4: Thuốc không vô trùng Non-Betalactam: viên nén; viên nén bao	PIC/S-GMP	5488/CPOB/A/VIII/19	15-08-2019	14-10-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
ID-019 » PT. Abbott Indonesia » JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia									
1386	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	4422/CPOB/AV/15	21-05-2015	31-05-2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
1387	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Hỗn dịch thuốc uống; siro; Dung dịch thuốc uống	PIC/S-GMP	4423/CPOB/AV/15	21-05-2015	31-05-2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
1388	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Thuốc bột uống	PIC/S-GMP	4424/CPOB/AV/15	21-05-2015	31-05-2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	16
1485	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	5636/CPOB/A/I/20	20-01-2020	31-05-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	17
1486	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Hỗn dịch thuốc uống; siro; Dung dịch thuốc uống	PIC/S-GMP	5637/CPOB/A/I/20	20-01-2020	31-05-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	17
1487	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Thuốc bột uống	PIC/S-GMP	5638/CPOB/A/I/20	20-01-2020	31-05-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	17
2149	PT. Abbott Indonesia	JL. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia	Thuốc bột uống; thuốc cầm.	PIC/S-GMP	5638/CPOB/A/I/20	20-01-2020	31-05-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	25
ID-020 » PT Konimex » Jl. Sanggarahan, Kec. Grogol, Kec. Grogol, Kab. Sukoharjo, Jawa Tengah, Indonesia									
1488	PT Konimex	Jl. Sanggarahan, Kec. Grogol, Kec. Grogol, Kab. Sukoharjo, Jawa Tengah, Indonesia	Thuốc uống dạng dung dịch Non-Betalactam.	PIC/S-GMP	5793/CPOB/A/VII/20	23-07-2020	08-09-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	17
ID-021 » PT. Bayer Indonesia » Jalan Raya Jakarta Bogor KM 32, Cisalak, Kec. Sukmajaya, Kota Depok, Jawa Barat, Indonesia									
1863	PT. Bayer Indonesia	Jalan Raya Jakarta Bogor KM 32, Cisalak, Kec. Sukmajaya, Kota Depok, Jawa Barat, Indonesia (hoặc Jl. Raya Bogor Km 32 Depok, 16416, Indonesia)	* Thuốc không vô trùng Non-Betalactam: Viên nén, viên nén bao.	PIC/S-GMP	5727/CPOB/A/IV/20	28-04-2020 (có hiệu lực từ 01/6/2020)	31-05-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	21

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1864	PT. Bayer Indonesia	Jalan Raya Jakarta Bogor KM 32, Cisalak, Kec. Sukmajaya, Kota Depok, Jawa Barat, Indonesia (hoặc Jl. Raya Bogor Km 32 Depok, 16416, Indonesia)	* Thuốc không vô trùng Non-Betalactam: Viên nén sulf.	PIC/S-GMP	5728/CPOB/A/IV/20	28-04-2020 (có hiệu lực từ 01/6/2020)	31-05-2025	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	21
ID-025 » PT. Otsuka Indonesia » Jl. Sumber Waras No. 25 Lawang, Malang, Indonesia									
1865	PT. Otsuka Indonesia	Jl. Sumber Waras No. 25 Lawang, Malang, Indonesia	Thuốc tiêm thể tích lớn (>100mL) không chứa kháng sinh, đóng túi mềm, tiệt trùng cuối.	PIC/S-GMP	5355/CPOB/A/III/19	25-03-2019	11-05-2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia	21
IE-001 » Genzyme Ireland Limited » IDA Industrial park, Old Kilmeaden Road, Waterford, Ireland									
12	Genzyme Ireland Limited	IDA Industrial park, Old Kilmeaden Road, Waterford, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột pha hỗn dịch uống, viên nén; * Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô, dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc công nghệ sinh học: thuốc vô trùng chứa hoạt chất sinh học	EU-GMP	16649/M1013		02-06-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	2
373	Genzyme Ireland Limited	IDA Industrial Park, Old Kilmeaden Road, Waterford, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (Các sản phẩm vô trùng chứa chất có hoạt tính sinh học).	EU-GMP	21688/M1013	28-06-2019	06-09-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	8
1624	Genzyme Ireland Limited	IDA Industrial Park, Old Kilmeaden Road, Waterford, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch; viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học (Các sản phẩm vô trùng chứa chất có hoạt tính sinh học). + Xuất xưởng lô: sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	29528/M01013	18-02-2021	23-10-2023	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	18
IE-002 » Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd » Damastown, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland									
60	Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd	Damastown, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	15413/M294	08-03-2017	20-01-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	5
771	Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd	Damastown, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland.	Sản xuất: * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa viên nén/ viên nang mềm); viên nén; viên nén bao; thuốc bột; thuốc cốm. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm, viên nén; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc bán rắn. * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: phép thử vi sinh không vô trùng; hóa học/vật lý. * Xuất xưởng thuốc phân khẩu.	EU-GMP	25798/M294	24-01-2020	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	11
IE-003 » Gilead Sciences Ireland UC » IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
77	Gilead Sciences Ireland UC	IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	Thuốc không vô trùng: Viên nén, Viên nén bao phim, Thuốc bột.	EU-GMP	20496/M589	05-07-2018	13-04-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	5
1714	Gilead Sciences Ireland UC	IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, Viên nén bao phim, Thuốc bột. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao, Thuốc bột + Đóng gói thứ cấp * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: hóa lý/vật lý/vi sinh (thuốc không vô trùng)	EU-GMP	30705/M589	30-04-2021	30-04-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	19
IE-004 » Pfizer Ireland Pharmaceuticals » Little Connell, Newbridge, Co Kildare, Ireland									
292	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Little Connell, Newbridge, Co Kildare, Ireland	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc có hoạt tính hormone): Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	15440/M1063	30-06-2017	17-02-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	7
957	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Little Connell, Newbridge, Co. Kildare, Ireland	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc có hoạt tính hormon): Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng kéo dài * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng, hóa học/ vật lý	EU-GMP	26079/M1063	19-12-2019	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority Ireland	12
IE-005 » Leo Laboratories Ltd » 285 Cashel road, Crumlin, Dublin 12, D12 E923, Ireland									
388	Leo Laboratories Ltd	285 Cashel road, Crumlin, Dublin 12, D12 E923, Ireland	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng: khung thấm; thuốc lỏng dùng ngoài; dạng bào chế có áp lực; thuốc dạng bán rắn.	EU-GMP	19383/M46	13-04-2018	07-02-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	8
1715	Leo Laboratories Ltd	285 Cashel road, Crumlin, Dublin 12, D12 E923, Ireland	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng: khung thấm; thuốc lỏng dùng ngoài; dạng bào chế có áp lực; thuốc dạng bán rắn.	EU-GMP	29515/M46	05-01-2021	16-10-2023	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	19
IE-006 » Pfizer Ireland Pharmaceuticals » Grange Castle Business Park, Clondalkin, Dublin 22, Ireland									
427	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Grange Castle Business Park, Clondalkin, Dublin 22, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Thuốc miễn dịch (dạng bơm tiêm đóng sẵn thuốc) (1) + Thuốc công nghệ sinh học (2). + Xuất xưởng. * Kiểm tra chất lượng. Nói dung làm rõ: - (1): liên quan đến sản xuất vắc xin cộng hợp có tạp nhiễm thấp, bán thành phẩm và thành phẩm (bơm tiêm đóng sẵn thuốc). - (2): liên quan tới việc bảo quản ngăn hàng tế bào và liên quan tới sản xuất các hoạt chất sinh học sử dụng công nghệ tế bào của động vật có vú, sự tách chiết/tinh chế và bào chế dưới dạng bán thành phẩm tạp nhiễm thấp. Việc biến đổi các hoạt chất sinh học cũng thuộc phạm vi này.	EU-GMP	21704/M11173	25-04-2019	09-11-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1866	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Grange Castle Business Park, Clondalkin, Dublin 22, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (bơm tiêm đóng sẵn). + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Thuốc miễn dịch (dạng bơm tiêm đóng sẵn thuốc) (1) + Thuốc công nghệ sinh học (2). + Xuất xưởng. * Kiểm tra chất lượng. Nôi dung làm rõ: - (1): liên quan đến sản xuất vắc xin cộng hợp có tạp nhiễm thấp, bán thành phẩm và thành phẩm (bơm tiêm đóng sẵn thuốc). - (2): liên quan tới việc bảo quản ngân hàng tế bào và liên quan tới sản xuất các hoạt chất sinh học sử dụng công nghệ tế bào của động vật có vú, sự tách chiết/tinh chế và bào chế dưới dạng bán thành phẩm tạp nhiễm thấp. Việc biến đổi các hoạt chất sinh học cũng thuộc phạm vi này.	EU-GMP	30771/M11173/00001	08-12-2021	18-06-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	21
IE-007 » Fournier Laboratories Ireland Limited » Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland									
162	Fournier Laboratories Ireland Limited	Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nén bao phim.	EU-GMP	21678/M01020/00001	20-02-2019	23-11-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	6
1716	Fournier Laboratories Ireland Limited	Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm viên nén bao phim); viên nang cứng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	30380/M1020/00001	06-05-2021	05-02-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	19
IE-009 » Chanelle Medical » Dublin Road, Loughrea, Co. Galway, Ireland									
369	Chanelle Medical	Dublin Road, Loughrea, Co. Galway, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	23854/M688	17-07-2019	01-03-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	8
2010	Chanelle Medical	Dublin Road, Loughrea, Co. Galway, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	30422/M688	27-05-2021	26-02-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	23
IE-010 » GE Healthcare Ireland Limited » IDA Business Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland									
163	GE Healthcare Ireland Limited	IDA Business Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ	EU-GMP	21690/M235	23-08-2019	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	6
1936	GE Healthcare Ireland Limited	IDA Business Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học / Vật lý.	EU-GMP	31503/M00235	31-12-2021	05-11-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	22
IE-011 » Servier (Ireland) Industries Ltd » Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Y14 E284, Ireland									
164	Servier (Ireland) Industries Ltd	Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Y14 E284, Ireland (Cách viết khác: * Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland * Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	22779/M68	02-07-2019	31-12-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1805	Servier (Ireland) Industries Ltd	Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Y14 E284, Ireland (Cách viết khác: * Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland * Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng); Hóa lý/Vật lý.	EU-GMP	31295/M68	15-12-2021	01-10-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	20
IE-012 » Rottapharm Ltd. » Damastown Industrial Park, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland									
293	Rottapharm Ltd.	Damastown Industrial Park, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	23729/M868	14-06-2019	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	7
2150	Rottapharm Ltd.	Damastown Industrial Park, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng bao gồm cả miếng dán thẩm thấu qua da.	EU-GMP	32159/M868	12-04-2022	14-01-2025	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	25
IE-014 » Allergan Pharmaceuticals Ireland » Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland									
395	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dạng bào chế bán rắn (hỗn dịch nhỏ mắt); dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch nhỏ mắt); Thuốc cấy ghép và dạng rắn. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học. * Sản phẩm: + Implant tiêm trong dịch kính Ozurdex (Dexamethason 700 µg/implant); + Bột pha dung dịch tiêm Botox® (Tên tại Ireland: BOTOX), 100 Allergan Units Powder for soluiton for injection (Botulinum toxin type A Ph. Eur (từ vi khuẩn Clostridium botulinum)).	EU-GMP	20423/M00148-00001	17-06-2019	04-05-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	8
1080	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, F28 AW28, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dạng bào chế bán rắn (hỗn dịch nhỏ mắt); dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch nhỏ mắt); Thuốc cấy ghép và dạng rắn. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học. * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: vô trùng, không vô trùng. + Hóa học/Vật lý. + Sinh học. * Sản phẩm: + Implant tiêm trong dịch kính Ozurdex (Dexamethason 700 µg/implant); + Bột pha dung dịch tiêm Botox® (Tên tại Ireland: BOTOX 50/100/200 Allergan Units Powder for soluiton for injection (Botulinum toxin type A Ph. Eur (từ vi khuẩn Clostridium botulinum))).	EU-GMP	28629/M00148/00001	04-11-2020	04-09-2023	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	13
IE-015 » GlaxoSmithKline Dungarvan Limited » Knockbrack, Dungarvan, Co. Waterford, Ireland									
507	GlaxoSmithKline Dungarvan Limited	Knockbrack, Dungarvan, Co. Waterford, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nén sủi bọt; miếng dán. * Bán thành phẩm: cốm.	EU-GMP	19379/M477	24-04-2018	09-02-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	9
1193	GlaxoSmithKline Dungarvan Limited	Knockbrack, Dungarvan, Co. Waterford, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nén sủi bọt; miếng dán. * Bán thành phẩm: cốm. * Xuất xưởng. * Đóng gói: đóng gói sơ cấp (không bao gồm cốm sủi bọt), đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	26479/M477	05-07-2020	07-02-2023	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	14
IE-017 » Niche Generics Limited » Unit 5, 151 Baldoyle Industrial Estate, Dublin 13, Ireland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
553	Niche Generics Limited	Unit 5, 151 Baldoyle Industrial Estate, Dublin 13, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	EU-GMP	26512/M1012	30-01-2020	24-01-2023	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	9
IE-019 » Alkermes Pharma Ireland Ltd » Monksland, Athlone, Co. Westmeath, N37 EA09, Ireland									
627	Alkermes Pharma Ireland Ltd	Monksland, Athlone, Co. Westmeath, N37 EA09, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	22307/M1067	21-08-2018	16-06-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	10
IE-020 » MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow) » Dublin Road, Carlow, County Carlow, Ireland									
628	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow) (Cách ghi khác: MSD Ireland)	Dublin Road, Carlow, Co. (hoặc County) Carlow, Ireland	* Thuốc vô trùng: (không bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	18380/M11312/00001	13-03-2018	24-11-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	10
1489	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow) (Cách ghi khác: MSD Ireland)	Dublin Road, Carlow, Co. (hoặc County) Carlow, Ireland	* Thuốc vô trùng: (không bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	29819/M11312/00001	05-01-2021	06-11-2023	Health Products Regulatory Authority, Ireland	17
IE-021 » Pinewood Laboratories Limited » Ballymacabry, Clonmel, Co. Tipperary, Ireland									
629	Pinewood Laboratories Ltd	Ballymacabry, Clonmel, Co. Tipperary, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ). * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế trên. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	24905/M281	18-10-2019	17-05-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	10
2068	Pinewood Laboratories Ltd	Ballymacabry, Clonmel, Co. Tipperary, E91 D434, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ). * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	30882/M00281/00001	17-09-2021	02-07-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	24
IE-022 » Athlone Laboratories Limited » Ballymurray, Roscomon, Co. Roscomon, Ireland									
630	Athlone laboratories Limited	Ballymurray, Co. Roscommon, Ireland (Cách viết khác: Ballymurray, Roscommon Co. Roscommon, Ireland)	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén; thuốc bột (Reconstitution).	EU-GMP	24347/M298	12-06-2019	15-03-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	10
IE-024 » Astellas Ireland Co. Ltd » Killorglin, Co. Kerry, V93 FC86, Ireland									
772	Astellas Ireland Co. Ltd	Killorglin, Co. Kerry, V93 FC86, Ireland (* Cách ghi khác: Killorglin, Co. Kerry, Ireland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nang cứng phóng thích kéo dài. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	26162/M01035/00001	31-01-2020	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	11
IE-025 » Amgen Technology (Ireland) Unlimited Company » Pottery Road, Dun Laoghaire, Dublin, Ireland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1490	Amgen Technology (Ireland) Unlimited Company	Pottery Road, Dun Laoghaire, Co. Dublin, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học (chỉ sản xuất thành phẩm, không bao gồm công đoạn sản xuất hoạt chất). * Xuất xưởng thuốc sinh học; Thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Ất ký Sinh học	EU-GMP	21694/M01066	05-07-2019	26-10-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	17
1491	Amgen Technology (Ireland) Unlimited Company	Pottery Road, Dun Laoghaire, Dublin, Ireland	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng): + Sản phẩm Kanjinti™ (Trastuzumab-Anns) Vial for injection, Single dose vial (Trastuzumab-Anns 150 mg). + Sản phẩm Kanjinti™ (Trastuzumab-Anns) Vial for injection, Single dose vial (Trastuzumab-Anns 420 mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	5BFY-N5DF; QFHE-SD2B	03-08-2020	02-08-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
IE-026 » AbbVie Ireland NL B.V » Manorhamilton Road, Sligo, Ireland									
1274	AbbVie Ireland NL B.V	Manorhamilton Road, Sligo, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon - Levothyroxine) * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	26095/M11249-00001	21-11-2019	18-10-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	15
IE-027 » Takeda Ireland Ltd. (Grange Castle) » Grange Castle Business Park, Dublin 22, D22 XR57, Ireland									
1625	Takeda Ireland Ltd. (Grange Castle)	Grange Castle Business Park, Dublin 22, D22 XR57, Ireland	* Bán thành phẩm thuốc bột. * Xuất xưởng lô; * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp.	EU-GMP	25622/M807-2	06-09-2021	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	18
IE-029 » Rowa Pharmaceuticals Ltd » Newtown, Bantry, Co. Cork, P75 V009, Ireland									
1717	Rowa Pharmaceuticals Ltd	Newtown, Bantry, Co. Cork, P75 V009, Ireland	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng (dung dịch); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch nhỏ tai); Thuốc bán rắn (kem, gel); Thuốc bột. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. Thuốc bán rắn; Thuốc bột. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Ất ký	EU-GMP	31072/M00074	27-08-2021	18-06-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	19
IE-030 » Renew Pharmaceuticals Ltd. » Athlone Business and Technology Park, Garrycastle, Athlone, Co. Westmeath, N37 F786, Ireland									
2011	Renew Pharmaceuticals Ltd.	Athlone Business and Technology Park, Garrycastle, Athlone, Co. Westmeath, N37 F786, Ireland	* Xuất xưởng thuốc vô trùng	EU-GMP	30526/M12791/0001	01-04-2021	26-01-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	23
IN-001 » Reliance Life Science Private Limited » R-282, T.T.C Area of M.I.D.C, Thane-Belapur Road, Rabale Navi Mumbai 400701, India									
10	Reliance Life Science private Limited	R-282, T.T.C Area of M.I.D.C, Thane-Belapur Road, Rabale Navi Mumbai 400701, India	Vắc xin tái tổ hợp/ thuốc: Dây chuyền tổng hợp, chiết xuất: bán thành phẩm; thuốc tiêm; dung dịch thể tích nhỏ pha tiêm; thuốc đông khô/ bột pha tiêm; Dây chuyền sản xuất, đóng gói: thuốc đông khô/ bột pha tiêm;	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/70542/2018/11/24621	21-08-2018	20-08-2021	FDA Maharashtra, India	1

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
631	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd (Plant 6)	Dhirubhai Ambani Life Science Centre (DALC), Thane, Belapur Road, Rabale, Navi Mumbai, Maharashtra, IN-400701, India (Cách ghi địa chỉ khác: Dhirubhai Ambani Life Sciences Centre (DALC), Plant 3, 5, 6 Plot No. R-282, Thane Belapur Road, Rabale, Thane 400701 Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng (Thuốc ung thư): viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 41432 Insp GMP 41432/6618 812-0005	08-02-2019	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	10
632	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd.	Dhirubhai Ambani Life Sciences Centre (DALC), Plant 3, 5, 6 Plot No. R-282, Thane Belapur Road, Rabale, Thane 400701 Maharashtra State, India	Plant 6: * Thuốc không vô trùng (chứa chất gây độc tế bào): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ KD/91940/2 020/11/325 02	14-07-2020	13-07-2023	FDA Maharashtra, India	10
IN-002 » Theon Pharmaceuticals Ltd. » Vill. Sainimajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P), India									
14	M/s Theon Pharmaceuticals Ltd.	Vill. Sainimajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P), India	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm beta lactam: Viên nén, viên nén bao phim	WHO-GMP	HFW- H[Drug]233/ 06		26-07-2021	CQQL Được bang Himachal Pradesh - Ấn Độ	2
IN-003 » Glenmark Pharmaceuticals Limited » Plot No.2, Phase-II, Pharma Zone Indore Special Economic Zone Pithampur, Dist, Dhar (M.P.), Pincode 454 775, India									
16	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No.2, Phase-II, Pharma Zone Indore Special Economic Zone Pithampur, Dist, Dhar (M.P.), Pincode 454 775, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng,	India-GMP/WHO-GMP	UK-GMP 33881 Insp GMP 17350/5879 877-0006		19-04-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	2
892	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. 2, Phase II, Pharma Zone SEZ, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, IN 454775, India	* Thuốc không vô trùng: + Sản xuất: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng), hóa lý, vật lý.	EU-GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 17350/5879 877-0006	05-07-2018	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
893	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. 2, Phase II, Pharma Zone, Indore Special Economic Zone, Pithampur, Dis, Dhar, (M.P), Pin code: 454775, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc mỡ và thuốc kem.	WHO-GMP	No.06/2012	11-04-2019	10-04-2022	Office of the Controller Food and Drugs Administration, Madhya Pradesh, India	11
2012	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. 2, Phase II, Pharma Zone, Indore Special Economic Zone, Pithampur, Dis, Dhar, (M.P), Pin code: 454775, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc mỡ và thuốc kem.	WHO-GMP	No.06/2012	06-04-2022	05-04-2025	Office of the Controller Food and Drug Administration, Idgah Hills, Bhopal (Madhya Pradesh), India	23
IN-004 » DR. REDDY'S LABRATORIES LTD » Formulation Unit-6, Vill. Khol, Nalagarh Road, Baddi, Distt.Solan (HP) 173205, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
36	DR. REDDY'S LABORATORIES LTD	Formulation Unit-6, Vill. Khol, Nalagarh Road, Baddi, Distt.Solan (HP) 173205, India	Viên nén, viên nang cứng, Pellets,	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 471/05 Vol-III		15-03-2021	Health & Family Department Himachal Pradesh Baddi - State Drugs Controller India	3
IN-005 » IMMACULE LIFESCIENCES PRIVATE LIMITED » Village Thanthawal, Ropar Road, Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN 174101, India									
47	IMMACULE LIFESCIENCES PRIVATE LIMITED	Village Thanthawal, Ropar Road, Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN 174101, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (chỉ thuốc đóng lọ, không bao gồm ampoule).	EU-GMP	UK GMP 47115 Insp GMP 47115/1573 0061-0003	23-07-2018	12-03-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	4
IN-006 » Cian Healthcare Pvt. Ltd. » Khasra No. 248, Vill. Sisona, Bhagwanpur, Roorkee, Dist. Haridwar, Uttarakhand, India									
48	Cian Healthcare Pvt. Ltd.	Khasra No. 248, Vill. Sisona, Bhagwanpur, Roorkee, Dist. Haridwar, Uttarakhand, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao; Viên nang cứng; Thuốc bột, thuốc cốm; Thuốc kem mỡ dùng ngoài; Thuốc nước uống.	WHO-GMP	17/P/1/153/2012/1085	17-01-2018	16-01-2020	Office of the Drugs Controlling & Licensing Authority Uttarakhand	4
IN-007 » Pell Tech health care PVT.LTD. » Plot No 20B, Tansa farm Estate Village Met, Gonsai, Bhiwandi-wada, Thane 421312, Maharashtra State, India									
50	Pell Tech health care PVT.LTD.	Plot No 20B, Tansa farm Estate Village Met, Gonsai, Bhiwandi-wada, Thane 421312, Maharashtra State, India City: Surat, Dist: Surat Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng, Pellets , viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/75607/2 019/11/270 31	27-01-2019	22-02-2022	Food & Drug Administration, M,S Bandra (E) Mumbai Maharashtra State, India	4
IN-008 » BLUE CROSS LABORATORIES PVT » L-17, Verna Industrial Estate, Verna, Goa 403722. Goa State, India									
52	BLUE CROSS LABORATORIES PVT	L-17, Verna Industrial Estate, Verna, Goa 403722. Goa State, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc kem, thuốc gel	WHO-GMP	450/MFG/W HO-GMP/DFDA/2018/2049		23-08-2021	Food & Drug Control Administration goverment GOA, India	4
IN-009 » CADILA HEALTHCARE Ltd » Sarkhej-Bavla N.H.N° : 8-A, Moraiya, Tal: Sanand, AHMEDABAD, 382-210, India									
61	CADILA HEALTHCARE Ltd	Sarkhej-Bavla N.H.N° : 8-A, Moraiya, Tal: Sanand, AHMEDABAD, 382-210, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén; viên nén bao.	WHO-GMP	2019/HPF/P T/004	20-06-2019	25-01-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	5
165	CADILA HEALTHCARE Ltd	Plot No. 417, 419, 420, Sarkhej-Bavla National Highway No 8A, Village - Moraiya, Tal - Sanand, Dist: AHMEDABAD, 382 210, Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén; viên nén bao, thuốc hít phân liều, thuốc dán qua da, thuốc xịt mũi.	WHO-GMP	1807937	16-07-2018	15-07-2021	Food & Drug Control Administration, Gandhinagar, Gujarat State, India	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
166	CADILA HEALTHCARE Ltd	Survey No. 417, 419 & 420, Sarkhej - Bavla National Highway No. 8 A, Village - Moraiya, Taluka - Sanand, Dist. -AHMEDABAD - 382 210, Gujarat State, India Cách ghi khác: Plot No. 417, 419 & 420, Sarkhej Bavla National Highway No. 8 A, Village - Moraiya, Tal - Sanand Dist: Ahmedabad 382 210, Gujarat State, India; Survey No. 417, 419 & 420, Sarkhej Bavla National Highway No 8 A, Village - Moraiya, Tal - Sanand, Dist. -Ahmedabad - 382 210, India; Sarkhej-Bavla N.H. No 8A, Moraiya, Tal. Sanand, Dist: Ahmedabad Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén; viên nén bao.	EU-GMP	2019/HPF/PT/004	20-06-2019	31-12-2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	6
1867	CADILA HEALTHCARE LIMITED	Survey No. 417, 419 & 420, Sarkhej - Bavla National Highway No. 8 A, Village - Moraiya, Taluka - Sanand, Dist. -AHMEDABAD - 382 210, Gujarat State, India Cách ghi khác: Plot No. 417, 419 & 420, Sarkhej Bavla National Highway No. 8 A, Village - Moraiya, Tal - Sanand Dist: Ahmedabad 382 210, Gujarat State, India; Survey No. 417, 419 & 420, Sarkhej Bavla National Highway No 8 A, Village - Moraiya, Tal - Sanand, Dist. -Ahmedabad - 382 210, India; Sarkhej-Bavla N.H. No 8A, Moraiya, Tal. Sanand, Dist: Ahmedabad Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc hít phân liều, thuốc xịt mũi.	WHO-GMP	21113021	18-11-2021	17-11-2024	Food & Drug Control Administration, Gandhinagar, Gujararat State, India	21
IN-010 » AKRITI PHARMACEUTICALS PVT.LTD » Plot No. D-10 & D-11 MIDC Jejuri -Nira Road, Jejuri,Taluka Purandar, Dist-Pune 412303 Maharashtra State, India									
63	AKRITI PHARMACEUTICALS PVT.LTD	Plot No. D-10 & D-11 MIDC Jejuri -Nira Road, Jejuri,Taluka Purandar, Dist-Pune 412303 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng non-Betalactam: Viên nang cứng, mỡ, kem, gel, lotion, thuốc đặt, viên nén.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/72622/2018/11/25612	14-11-2018	07-11-2021	FDA Maharashtra, India	5
IN-011 » Macleods Pharmaceuticals LTD » Khasra No.21, 22, 66, 67&68 Aho-Yangtam, Namchepung, P.O. Ranipool, East -Sikkim -737135, India									
64	Macleods Pharmaceuticals LTD	Khasra No.21, 22, 66, 67&68 Aho-Yangtam, Namchepung, P.O. Ranipool, East -Sikkim - 737135, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim, si rô khô.	WHO-GMP	27/WHO-GMP/DC/SKM	23-09-2019	23-09-2022	Government of Sikkim Department of Health Care, Human Service& Family Welfare (Drug and Cosmetics Cell Tadong-Gangtok	5
IN-012 » DR. REDDY'S LABRATORIES LTD FTO-IX » Plot No. Q1 to Q5, Phase – III, Duvvada, VSEZ, Visakhapatnam, Andha Pradesh – 530046, India									
69	DR. REDDY'S LABRATORIES LTD FTO-IX	Plot No. Q1 to Q5, Phase – III, Duvvada, VSEZ, Visakhapatnam, Andha Pradesh – 530046, India	Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; thuốc bột đông khô pha tiêm.	WHO-GMP	L.Dis.No: 147/DCA/AP/2018	07-07-2018	07-07-2021	Government of Andhra Pradesh – Drugs Control Administration	5

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
773	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. - FTO 9	Plot No. Q1 to Q5, Phase III, Duvvada VSEZ Visakhapatnam District, Andra Pradesh, 530046, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột đông khô; bơm tiêm đóng sẵn + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; bơm tiêm đóng sẵn. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng. (Phạm vi không bao gồm thuốc nhỏ mắt, thuốc hít, thuốc xịt mũi)	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0128	23-10-2019	05-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
IN-013 » G.D. Laboratories (India) Pvt. Ltd » P.W.D. Red House rooad, Nohar, Distt. Hanumangarh (Rajasthan), India									
70	G.D. Laboratories (India) Pvt. Ltd	P.W.D. Red House rooad, Nohar, Distt. Hanumangarh (Rajasthan), India	Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; thuốc kem, mỡ dùng ngoài.	WHO-GMP	DC/D-3/WHO/2016/495	15-12-2016	15-12-2018	Government of Rajasthan - India	5
167	G.D. Laboratories (India) Pvt. Ltd	P.W.D. Rest House road, Nohar, Distt. Hanumangarh (Rajasthan), India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; thuốc kem, thuốc mỡ dùng ngoài.	WHO-GMP	DC-2/D-3/WHO-GMP/2019/44	06-02-2019	06-02-2022	Government of Rajasthan - India	6
IN-014 » Acme Generic LLP » Plot No. 115, HPSIDC Industrial Area Davni, P.O. Gurumajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P), India									
71	Acme Generic LLP	Plot No. 115, HPSIDC Industrial Area Davni, P.O. Gurumajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P), India	Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon); viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nang cứng.	WHO-GMP	HFW-H [Drug] 1/15	03-12-2018	30-08-2021	Health & Family Welfare Department Himachi Pradest, Distt. Solan - India (State Drugs Controller)	5
IN-015 » Natco Pharma (Pharma-Division) Limited » Kothur, Rangareddy District, 509228 Telangana, India									
168	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division) Limited	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division), Kothur, Rangareddy District, 509228 Telangana, India (cách ghi khác: Kothur, Mahaboobnagar (District) Telangana- india).	* Thuốc sản xuất vô trùng độc tế bào: dung dịch tiêm, thuốc đông khô; * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc độc tế bào), viên nang cứng (bao gồm cả thuốc độc tế bào), thuốc bột, thuốc hít, pellet.	WHO-GMP	3405/E/(K)/TS/2018	06-06-2018	06-06-2021	Cơ quan quản lý dược Bang Telangana, Ấn Độ	6
169	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division) Limited	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division), Kothur, Rangareddy District, 509228 Telangana, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô Bendamustin 25mg, 100mg đóng lọ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng Lenalidomide 2,5mg, 5mg, 7,5mg, 10mg, 15mg, 20mg, 25mg; viên nén bao phim Imatinib 100mg, 400mg.	EU-GMP	DE_HH_01_GMP-2017_1003	15-05-2017	16-02-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	6
170	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division) Limited	Pharma-Division, Unit IV, Kothur, Rangareddy District, Telangana, 509228, India (cách ghi khác: Kothur, Mahaboobnagar (District) Telangana- india).	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	71433/12-7-2018	28-08-2018	31-12-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	6
IN-018 » Sun Pharmaceutical Medicare Limited » Survey No. 22 & 24, Village - Ujeti, Post - Baska, Tal - Halol, Dist: Panchmahal - 389350, Gujarat state, India									
171	Sun Pharmaceutical Medicare Limited	Survey No. 22 & 24, Village - Ujeti, Post - Baska, Tal - Halol - 389350, Dist. Panchmahal, Gujarat state, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc hít (dạng dung dịch). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc nhỏ mắt (dạng dung dịch và hỗn dịch).	WHO-GMP	19091586	12-09-2019	11-09-2022	Food & Drugs Control Administration, Gujarat state, India	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
172	Sun Pharmaceutical Medicare Limited	Survey No: 22 & 24, Ujeti (District Panchmahal), Gujarat, 389350, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	NL/H 19/2009637	29-04-2019	31-12-2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	6
IN-019 » Swiss Garnier Life Science » 21-23, Industrial Area, Mehatpur, Distt. Una (H.P.) - 174315, India									
1492	Swiss Garnier Life Science	21-23, Industrial Area, Mehatpur, Distt. Una (H.P.) - 174315, India	+ Viên nén, viên nén bao + Viên nang cứng + Thuốc uống dạng lỏng + Thuốc bột uống + Thuốc dùng ngoài: Thuốc kem, thuốc mỡ, lotion.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 12/06	21-01-2019	26-04-2021	State Drugs Controller, Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	17
IN-020 » Aspiro Pharma Limited » Sy. No. 321, Biotech Park, Phase-III, Karkapatla Village, Markook Mandal, Siddipet District - 502281, Telangana State, India									
958	M/s. Aspiro Pharma Limited	Sy. No. 321, Biotech Park, Phase-III, Karkapatla Village Markook Mandal, Siddipet District, Telangana State, India	* Sản phẩm: + Pantoprazole for injection 40mg; + Rabeprazole sodium for injection 20mg/vial; + Levetiracetam injection 500mg/5mL; + Zoledronic acid for injection 4mg/vial; + Omeprazole sodium for injection 40mg/vial; + Voriconazole for injection 200mg/vial; + Ondansetron injection BP 2mg/mL, 4mg/2mL; + Lidocaine hydrochloride injection USP 20mg/2mL, 50mg/5mL, 300mg/30mL, 400mg/20mL; + Esomeprazole sodium for injection 20mg/vial, 40mg/vial, 40mg; + Ketorolac Tromethamine injection USP 60mg/2mL, 30mg/mL, 15mg/mL; + Glycopyrrolate injection USP 1mg/5mL, 4mg/20mL; + Neostigmine Methylsulfate injection USP 10mg/10mL, 5mg/10mL; + Furosemide injection USP 20mg/2mL; + Pantoprazole sodium for injection 40mg/vial; + Palonosetron hydrochloride injection 0.25mg/5mL; + Propofol injectable emulsion USP 200mg/20mL; + Rocuronium bromide injection 50mg/5mL, 100mg/10mL.	WHO-GMP	L.Dis.No.177 8/E1/2019	27-05-2020	27-05-2023	Drug Control Administration, Government of Telangana, India	12
1718	M/s. Aspiro Pharma Limited	Sy. No. 321, Biotech Park, Phase-III, Karkapatla Village Markook Mandal, Siddipet District, Telangana State, India	* Sản phẩm: + Remdesivir Injection 100mg / 20mL (dung dịch tiêm truyền); + Remdesivir for Injection 100mg / vial (Bột đông khô pha tiêm truyền); + Remdesivir Injection 100mg / 20mL COVIFOR (dung dịch tiêm truyền); + Remdesivir for Injection 100mg / vial COVIFOR (Bột đông khô pha tiêm truyền);	WHO-GMP	L.Dis.No. 443/E1/202 1	19-03-2021	19-03-2024	Drug Control Administration, Government of Telangana, India	19
1868	Aspiro Pharma Limited	Survey number 321, Biotech Park, Phase III, Karkapatla, Markook Mandal, Telangana, Siddipet district-502281, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học (Endotoxin).	EU-GMP	NL/H 20/2017458	03-04-2020	14-02-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	21
IN-021 » Evertogen Life Science Limited » Plot No. S-8, S-9, S-13/P and S-14/P, Green Industrial Park, Polepally village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana-509301, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
440	Evertogen Life Sciences Limited	Plot No. S-8, S-9, S-13/P and S-14/P, TSIIIC, Pharma SEZ, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar, Telangana, IN-509301, India (* Cách ghi khác: Plot No. S-8, S-9, S-13/P and S-14/P, Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar district, 509 301, Telangana State, India)	* Sản phẩm: Carbidopa/Levodopa Tablets 25/250mg (Carbidopa USP 25mg, Levodopa USP 250mg); Carbidopa/Levodopa Tablets 10/100mg (Carbidopa USP 10mg, Levodopa USP 100mg); Carbidopa/Levodopa Tablets 25/100mg (Carbidopa USP 25mg, Levodopa USP 100mg); Carbidopa and Levodopa Tablets 25/250mg (Carbidopa Ph.Eur 25mg, Levodopa Ph.Eur 250mg); Carbidopa and Levodopa Tablets 25/100mg (Carbidopa Ph.Eur 25mg, Levodopa Ph.Eur 100mg); Carbidopa and Levodopa Tablets 10/100mg (Carbidopa Ph.Eur 10mg, Levodopa Ph.Eur 100mg); Telmisartan 40mg and Amlodipine 5mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 40mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 5mg); Telmisartan 80 mg and Amlodipine 10mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 10mg); Telmisartan 80 mg and Amlodipine 5mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 5mg); Telmisartan 40 mg and Amlodipine 10mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 40mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 10mg); Telmisartan 80 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg Tablet (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Hydrochlorothiazide Ph.Eur 12.5mg); Telmisartan 40 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg Tablet (Telmisartan Ph.Eur 40mg, Hydrochlorothiazide Ph.Eur 12.5mg); Telmisartan Hydrochlorothiazide Tablet 80/25mg (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Hydrochlorothiazide Ph.Eur 25mg); Esomeprazole Megnesium 20mg Tablets (Ezolong-20) (Esomeprazole Magnesium (As trihydrate) tương đương Esomeprazole USP 20mg); Esomeprazole Megnesium 40mg Tablets (Ezolong-40) (Esomeprazole Magnesium (As trihydrate) tương đương Esomeprazole USP 40mg); Esomeprazole Megnesium 20mg Tablets (Ezolong-20); Telmisartan Tablets 20mg (Telmisartan Ph.Eur 20mg); Telmisartan Tablets 40mg (Telmisartan Ph.Eur 40mg); Telmisartan Tablets 80mg (Telmisartan Ph.Eur 80mg); Amlodipine 5mg Tablets (Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 5mg); Amlodipine 10mg Tablets (Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 10mg); Cetirizine Dihydrochloride 10mg Tablets (Cetirizine Dihydrochloride Ph.Eur 10mg); Cetirizine Hydrochloride 20mg Tablets (Cetirizine Hydrochloride Ph.Eur 20mg); Combigrp Hot Sip (Lemon) (Paracetamol B.P 500mg, Citirizine Hydrochloride Ph.Eur/B.P 10mg, Phenylephrine Hydrochloride Ph.Eur/B.P 10mg); Film-coated Tablet Novox 500mg (Levofloxacin Hemidrydate tương đương Levofloxacin (anhydrous) USP 500mg; Film-coated Tablet Ofor (Orinidazole IH 500mg, Ofloxacin USP 200mg); Mebeverine Hydrochloride 200mg Capsule (Mebesyn Retard) (Mebeverine Hydrochloride BP/IH 200mg); Metformin Hydrochloride Tablets 500mg (Metformin Hydrochloride Ph.Eur 500mg); Metformin Hydrochloride Tablets 750mg (Metformin Hydrochloride Ph.Eur 750mg); Metformin Hydrochloride Tablets 1000mg (Metformin Hydrochloride Ph.Eur 1000mg); Trientine Hydrochloride Capsule 250mg (Trientine Hydrochloride USP 250mg); Azithromycin 250mg Tablets (Azithromycin Dihydrate Ph.Eur tương đương Azithromycin 250mg); Azithromycin 500mg Tablets (Azithromycin Dihydrate Ph.Eur tương đương Azithromycin 500mg).	WHO-GMP	L. Dis. No. 0166/E1/2019	01-07-2019	01-07-2022	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	8
1081	Evertogen Life Sciences Limited	Plot No: S-8 S-9 S-13 (Partly) & S-14 (Partly) Pharma SEZ TSIIIC, Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahboobnagar, Telangana State, India (* Các cách ghi khác: - Plot No. S-8, S-9, S-13/P and S-14/P, TSIIIC, Pharma SEZ, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar, Telangana, IN-509301, India. - Plot No. S-8, S-9, S-13/P and S-14/P, Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar district, 509 301, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch.	Tương đương EU-GMP	MI-2019-CE-08425-1	05-11-2020	27-08-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	13
2151	Evertogen Life Sciences Limited	Plot No. S-8, S-9, S-13/P & S-14/P, TSIIIC, Pharma SEZ, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar, Telangana, IN-509301, India	* Viên nén: + Amlodipine 5mg, 10mg Tablets (Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 5mg, 10mg); + Carbidopa and Levodopa Tablets 25/250mg (Carbidopa Ph.Eur 25mg, Levodopa Ph.Eur 250mg); + Carbidopa and Levodopa Tablets 25/100mg (Carbidopa Ph.Eur 25mg, Levodopa Ph.Eur 100mg); + Carbidopa and Levodopa Tablets 10/100mg (Carbidopa Ph.Eur 10mg, Levodopa Ph.Eur 100mg); + Carbidopa/Levodopa Tablets 25/250mg (Carbidopa USP 25mg, Levodopa USP 250mg); + Carbidopa/Levodopa Tablets 10/100mg (Carbidopa USP 10mg, Levodopa USP 100mg); + Carbidopa/Levodopa Tablets 25/100mg (Carbidopa USP 25mg, Levodopa USP 100mg); + Metformin Hydrochloride Tablets 500mg, 750mg, 1000mg (Metformin Hydrochloride Ph.Eur 500mg, 750mg, 1000mg); + Telmisartan 40 mg and Amlodipine 10mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 40mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 10mg); + Telmisartan 40mg and Amlodipine 5mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 40mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 5mg); + Telmisartan 80 mg and Amlodipine 10mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 10mg); + Telmisartan 80 mg and Amlodipine 5mg Tablets (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Amlodipine Besilate Ph.Eur tương đương Amlodipine 5mg); + Telmisartan 80 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg Tablet (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Hydrochlorothiazide Ph.Eur 12.5mg); + Telmisartan 40 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg Tablet (Telmisartan Ph.Eur 40mg, Hydrochlorothiazide Ph.Eur 12.5mg); + Telmisartan Hydrochlorothiazide Tablet 80/25mg (Telmisartan Ph.Eur 80mg, Hydrochlorothiazide Ph.Eur 25mg); + Telmisartan Tablets 20mg, 40mg, 80mg (Telmisartan Ph.Eur 20mg, 40mg, 80mg). * Viên nén bao phim: + Azithromycin 250mg, 500mg Tablets (Azithromycin Dihydrate Ph.Eur tương đương Azithromycin 250mg, 500mg); + Cetirizine Dihydrochloride 10mg, 20mg Tablets (Cetirizine Dihydrochloride Ph.Eur 10mg, 20mg); + Esomeprazole Megnesium 20mg, 40mg Tablets (Esomeprazole Magnesium (As trihydrate) tương đương Esomeprazole USP 20mg, 40mg); + Levofloxacin Hemidrydate equivalent to Levofloxacin (anhydrous) USP 500mg Tablets; + Orinidazole IH 500mg Ofloxacin USP 200mg Tablets. * Viên nang: + Mebeverine Hydrochloride 200mg Capsule (Mebeverine Hydrochloride BP/IH 200mg); + Trientine Hydrochloride 250mg Capsule (Trientine Hydrochloride USP 250mg). * Thuốc bột/cốm: + Paracetamol B.P 500mg, Citirizine Hydrochloride Ph.Eur/B.P 10mg, Phenylephrine Hydrochloride Ph.Eur/B.P 10mg.	WHO-GMP	L. Dis. No. 90986/TS/2022	18-07-2022	16-07-2025	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	25

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2152	Evertogen Life Sciences Limited	Plot No. S8 S9 S13/P S14/P Tsiic, Pharma SEZ Green Industrial Park, Polepally, Jadcherla, Mahbubnagar, 509301, India	Sản xuất tại Block III: * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén; thuốc bột, cốm (đóng túi). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/1269 0-6/2022	03-08-2022	06-04-2025	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	25
IN-022 » Mylan Laboratories Limited [OTL] » Plot No. 284-B, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, 560105, India									
1082	MYLAN LABORATORIES LIMITED [OTL]	Plot No. 284-B, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, 560105, India	* Thuốc vô trùng độc tế bào: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ.	WHO-GMP	DCD/SPL-CL-1/Cr-1045/2018-19	18-09-2018	28-11-2021	Drug Control Department, Government of Karnataka, India	13
2013	Mylan Laboratories Limited OTL	Plot No. 284-B, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore - 560 105, India	* Thuốc vô trùng độc tế bào: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ.	WHO-GMP	DCD/SPL.CEL /CR-951/2021-22	05-10-2021	15-12-2023	Drug Control Department, Government of Karnataka, India	23
IN-023 » Swiss Parenterals Ltd. » Unit II, Plot No. 402, 412-414 Kerala Industrial Estate, GIDC, Near Bavla, Ahmedabad, Gujarat, 382220, India									
173	Swiss Parenterals Ltd.	Unit II, Plot No. 402, 412-414 Kerala Industrial Estate, GIDC, Near Bavla, Ahmedabad, Gujarat, 382220, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	OGYI/36509 -13/2015	01-09-2017	05-05-2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	6
174	Swiss Parenterals Ltd.	(Unit II), Plot No. 402, 412-414 Kerala Industrial Estate, GIDC, Near Bavla, Dist: Ahmedabad-382 220, Gujarat state, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	WHO-GMP	1809990	05-09-2018	04-09-2021	Food & Drugs Administration, Gujarat state, India	6
1275	Swiss Parenterals Ltd.	Unit-II, Plot No.: 402, 412-414, Kerala Industrial Estate, GIDC, Near Bavla, Ahmedabad - 382220, Gujarat, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UP/I-530-10/20-03/18; 381-13-08/322-20-03	31-07-2020	25-02-2023	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	15
IN-024 » Biocon Limited » Special Economic Zone, Plot no.s 2, 3, 4 &5, Phase IV, Bommasandra – Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bangalore, 560 099, India									
175	Biocon Limited	Special Economic Zone, Plot no.s 2, 3, 4 & 5, Phase IV, Bommasandra – Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bangalore (hoặc Bengaluru), 560 099, India (* Cách ghi khác: Plot No. 2-4, Phase IV, Bommasandra Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bangalore - 560 099, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hoạt chất Trastuzumab); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hoạt chất Insulin). (Hoạt động sản xuất nguyên liệu và thành phẩm đều tiến hành tại Building B1 và B2).	EU-GMP	23939	12-06-2019	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	6
176	M/s. Biocon Limited	Special Economic Zone, Plot no.s 2, 3, 4 & 5, Phase-IV, Bommasandra – Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bengaluru (hoặc tên cũ Bangalore) - 560 099, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hoạt chất Trastuzumab); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hoạt chất Insulin).	WHO-GMP	DCD/CR-1719/SPL.CL -I/2018-2019	12-02-2019	01-11-2021	Government of Karnataka – Drugs Control Department, India	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1806	Biocon Biologics India Limited	Block No. B1, B2, Q13 of Q1 and W20 & Unit S18, 1st Floor, Block B4, Special Economic Zone, Plot no.s 2, 3, 4 & 5, Phase-IV, Bommasandra – Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bengaluru (hoặc tên cũ Bangalore) - 560 099, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (đóng lọ/bơm tiêm thành phẩm): Insulin injection (rDNA Origin); Insulin Glargine injection (rDNA Origin); Nimotuzumab injection; Trastuzumab injection; Bevacizumab injection; Recombinant Human Erythropoietin injection; Recombinant Streptokinase injection; Pegfilgrastim (rDNA Origin) solution for injection; Recombinant Human Granulocyte Colony Stimulating Factor injection (rh-GCSF/Filgrastim); Itolizumab injection. * Kiểm tra chất lượng. * Đóng gói & Dán nhãn.	WHO-GMP	DCD/CR-73/SPL.CL-I/2020-2021	22-05-2020	25-12-2022	Government of Karnataka – Drugs Control Department, India	20
IN-027 » Inventia Healthcare Ltd. » F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421506 Maharashtra State, India									
513	Inventia Healthcare limited (cách ghi khác: Inventia Healthcare Ltd.)	F1-F1/1 Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), District Thane, Maharashtra, 421 506 India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang; thuốc cốm (granules, pellets); Viên nén (bao gồm viên nén phóng thích chậm, viên nén phóng thích kéo dài) (sustained release, extended release)	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/72681/2018/11/26154	18-12-2018	16-12-2021	Food & Drug Administration, M.S. Bandra (E), Mumbai, Maharashtra state, India	9
514	Inventia Healthcare limited (cách ghi khác: Inventia Healthcare Ltd.)	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), District Thane, Maharashtra, 421 506 India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng.	EU-GMP	FT077/MH/001/2020	17-02-2020	26-07-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	9
774	Inventia Healthcare limited (cách ghi khác: Inventia Healthcare Ltd.)	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), District Thane, Maharashtra, 421 506 India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim)	EU-GMP	FT077/MH/002/2020	29-07-2020	26-07-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	11
IN-028 » MERIDIAN ENTERPRISE PVT LTD » Plot No: 418, G.I.D.C., Kabilpore, Navsari; Pin-396424, Gujarat State, India									
177	MERIDIAN ENTERPRISE PVT LTD	Plot No: 418, G.I.D.C., Kabilpore, Navsari; Pin-396424, Gujarat State, India	* Viên đặt và dung dịch dùng ngoài (suppositories and external preparation)	WHO-GMP	1802641	19-02-2018	18-02-2020	FDA Gujarat, India	6
IN-029 » ICPA HEALTH PRODUCTS LTD. » 286/287, GIDC, ANKLESHWAR, BHARUCH, GUJARAT STATE, INDIA									
1276	ICPA HEALTH PRODUCTS LTD.	286/287/288, GIDC, ANKLESHWAR -393002, Dist. BHARUCH, GUJARAT STATE, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Thuốc mỡ dùng ngoài, thuốc lỏng dùng ngoài	WHO-GMP	20021830	10-02-2020	09-02-2023	FDA Gujarat, India	15
IN-031 » Torrent Pharmaceuticals Ltd. » Baddi Plant Village: Bhud & Makhnu Majra, Tehsil: Baddi-173205, Dist. Solan (Himachal Pradesh), India									
381	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Baddi Plant Village: Bhud & Makhnu Majra, Tehsil: Baddi-173205, Dist. Solan (Himachal Pradesh), India (các cách ghi khác: Village: Bhud & Makhnu Majra, Tehsil: Baddi,- 173205, Distt: Solan (H.P), India / Vill. Bhud & Makhnu Majra, Baddi- 173205, Teh Nalagarh Distt: Solan (H.P), India / Vill. Bhud & Makhnu Majra, Baddi-173205, India / Bhud makhnu majra, Tehsil Nalgardh Baddi. Solan, Solan Himachal Pradesh, Solan, Himachal Pradesh 173205, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2018_0017	06-03-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
IN-032 » Sandoz Private Limited » MIDC, Plot No. 8-A/2, 8-B, T.T.C. Ind. Area, Kalwe Block 400708 Navi Mumbai, India									
1626	Sandoz Private Limited	MIDC, Plot No. 8-A/2, 8-B, T.T.C. Ind. Area, Kalwe Block, 400708 Navi Mumbai, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	INS-481703-13567739-16364931	22-10-2020	25-02-2023	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	18
1627	Sandoz Private Limited	Plot No. 8-A/2 & 8-B, TTC Industrial Area, Kalwe Block, Village Dighe, Navi Mumbai, Thane 400708 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/90076/2020/11/33403	23-09-2020	22-09-2023	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	18
IN-033 » Sun Pharmaceutical Industries Ltd. India, Halol » Baroda Highway, Halol, Gujarat, 389350, India									
1083	Sun Pharmaceutical Industries Ltd. India, Halol	Halol-Baroda Highway, Halol, Dist: Panchmahal, Gujarat, 389350, India (Halol-Baroda Highway, Halol-389350, Dist: Panchmahal, Gujarat state, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô, thuốc lỏng thể tích nhỏ, thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, thuốc dùng ngoài (thuốc xịt mũi, thuốc hít định liều). * Thuốc chứa độc tế bào: viên nén, viên nang, thuốc vô trùng (Thuốc đông khô, thuốc lỏng thể tích nhỏ, thuốc lỏng thể tích lớn) * Thuốc chứa hocmon sinh dục: viên nén, viên nang mềm, thuốc dùng ngoài dạng gel, thuốc vô trùng (thuốc lỏng thể tích nhỏ)	Indian-GMP	1805816	10-05-2018	09-05-2021	Food & Drug Control Administration Gandhinagar, Gujarat state, India	13
1084	Sun Pharmaceutical Industries Ltd. India, Halol (cách ghi khác: Sun Pharmaceutical Industries Ltd.)	Halol-Baroda Highway, Halol, Dist: Panchmahal, Gujarat, 389350, India (cách ghi khác: Halol-Baroda Highway, Halol-389350, Dist: Panchmahal, Gujarat state, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Thuốc đông khô, thuốc lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Thuốc lỏng thể tích lớn, thuốc lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc độc tế bào), viên nén (chứa hocmon sinh dục), bột hít (inhalation powder), pre-dispensed. * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	NL/H 20/2017457	18-06-2020	07-02-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	13
IN-034 » Hetero Labs Limited » TSIIC, Formulation SEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, 509301, India									
633	Hetero Labs Limited	Unit V, Block V and V-A, TSIIC- Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, 509301, India (Cách ghi khác: Unit V, Sy. No. 439, 440, 441 & 458, TSIIC Formulation SEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana, India)	Block V và V-A: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	EU-GMP	FI006/001/2019	01-04-2019	25-01-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
634	Hetero Labs Limited	Unit V, Block VB, TSII- Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, Pin-509301, India (Cách ghi khác: Unit V, Sy. No. 439, 440, 441 & 458, TSII- Formulation SEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana, India)	Block VB: * Thuốc không vô trùng: + Thuốc ung thư: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng.	EU-GMP	18/09386-7	19-11-2018	31-12-2022	Norwegian Medicines Agency	10
635	Hetero Labs Limited Unit-V (Cách ghi khác: Hetero Labs Limited)	Unit-V, Sy. No.439, 440, 441 & 458, TSII- Formulation SEZ Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana State, India	Abacavir sulfate and Lamivudine tablets 600mg/300mg; Abacavir and Lamivudine tablets 600mg/300mg; ABACAVIR TABLETS 300mg; Abiraterone acetate tablets 250mg; Afatinib tablets 40mg, 30mg, 20 mg; Amlodipine tablets 5mg, 10mg; Aripiprazole Tablets 5mg, 10 mg, 15 mg; Atorvastatin calcium tablets 10mg, 20mg, 40mg, 80mg; Atorvastatin tablets 10mg, 20mg, 40mg, 80mg; ATOVAQUONE 62.5mg+ PROGUANIL HYDROCHLORIDE 25mg TABLETS; ATOVAQUONE 250mg+ PROGUANIL HYDROCHLORIDE 100mg TABLETS; Celecoxib capsules 100mg, 200mg; CINACALCET TABLETS 30mg; Clopidogrel tablets 75mg, 300mg; DACLATASVIR TABLETS 30mg; DACLAHEP; DERIPEX 10, 15; EFAVIRENZ, LAMIVUDINE AND TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARATE TABLETS 600/200/300mg; Efavirenz, Emtricitabine and tenofovir disoproxil fumarate tablets 600mg/200mg/300mg; Efavirenz 600mg, Emtricitabine 200mg and Tenofovir Disoproxil Furamate 300mg Tablets; Efavirenz Tablets 600mg; Entecavir tablets 0.5mg, 1mg; Ezopiclone tablets 1mg, 2mg, 3mg; Fexofenadine hydrochloride tablets 120mg; FEXOFENADINE HYDROCHLORIDE TABLETS 180mg; FEXOGEN 180; GEFITINIB TABLETS 250mg; IBRUTINIB CAPSULES 140mg; Irbesartan and hydrochlorothiazide tablets 300mg/12.5mg, 300mg/25mg; Irbesartan tablets 75mg, 150mg, 300mg; IRBESARTAN AND HYDROCHLOROTHIAZIDE TABLETS 150mg/12.5mg; IRBIGIN-H 150mg/12.5mg; Lacosamide tablets 50mg, 100mg, 150mg, 200mg; Lamivudine and Zidovudine tablets USP 150mg/300mg; Lamivudine tablets 100mg; Ledipasvir and sofosbuvir tablets 90mg/400mg; LENALIDOMIDE CAPSULES 5mg, 10mg, 25mg; Levofloxacin tablets 250mg, 500mg; Levofloxacin tablets USP 250 mg, 500 mg; Memantine hydrochloride tablets 5mg, 10mg, 15mg, 20mg; Montelukast sodium chewable tablets 4mg, 5mg, 10mg; Montelukast Sodium Tablets 10 mg; Mycophenolate Mofetil capsules 250mg, 500mg; Mycophenolate Mofetil Capsules USP 250 mg; Mycophenolate Mofetil Tablets 500mg; Olmesartan medoxomil tablets 5mg, 10mg, 20mg, 40mg; OLMESARTAN MEDOXOMIL TABLETS 20mg, 40mg; OLMICARD 20, 40; Olmesartan Medoxomil and Hydrochlorothiazide Tablets 20mg/12.5mg, 40mg/12.5mg, 40mg/25mg; Olanzapine tablets 5 mg, 10 mg; Pantoprazole gastro resistant tablets 20mg, 40mg; Perindopril tablets 8mg; Perindopril erbumine tablets 8mg; POMALIDOMIDE CAPSULES 1mg, 2mg, 3mg, 4mg; PRASUGREL TABLET 5mg, 10mg; Quetiapine fumarate tablets 25mg, 100mg, 200mg, 300mg; Quetiapine fumarate tablets USP 25 mg; ROSUVASTATIN TABLETS 10mg, 20mg; ROST 10, 20; ROSUVASTATIN CALCIUM TABLETS 5mg, 10mg, 20mg, 40mg; Saquinavir mesilate tablets 500mg; Sildenafil citrate tablets 20mg, 25mg, 50mg, 100mg; SITAGLIPTIN FILM COATED TABLETS 25mg, 50mg, 100mg; SITAGLIPTIN AND METFORMIN HYDROCHLORIDE 50mg/850mg, 50mg/1000mg FILM COATED TABLETS; Telmisartan and hydrochlorothiazide tablets USP 40mg/12.5mg, 80mg/12.5mg; Telmisartan and Hydrochlorothiazide 80mg/12.5mg; TELMISARTAN TABLETS 40mg, 80mg; TELCARD 40, 80; Tenofovir disoproxil Fumarate and Lamivudine tablets 300mg/300mg; TENOFOVIR ALAFENAMIDE TABLETS 25mg; Tolterodine Tartrate tablets 1 mg, 2 mg; Valacyclovir hydrochloride tablets 1000mg, 500mg; Valganciclovir tablets 450mg; VALGANICLOVIR TABLETS 450mg; GANCIL 450; Ziprasidone capsules 20mg, 40mg, 60mg, 80mg.	WHO-GMP	L.DIS.NO. 735/E1/2019	31-07-2019	31-07-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	10
636	Hetero Labs Limited Unit-V (Cách ghi khác: Hetero Labs Limited)	Unit-V, Sy. No.439, 440, 441 & 458, TSII- Formulation SEZ Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana State, India	Moxifloxacin hydrochloride Tablets 400 mg; Moxifloxacin Tablets 400 mg; Telmisartan tablets 20 mg; Aripiprazole tablets 30 mg; Aripiprazole tablets 100 mg; Progulanil tablets 100 mg; Valsartan tablets 80 mg.	WHO-GMP	L. Dis. No. 4528/E1/2019	17-01-2020	31-08-2021	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	10
1937	Hetero Labs Limited (Unit VI)	Sy. No. 410 & 411, TSII- Formulation SEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar - District, Telangana State, India	Báo cáo thanh tra: Thuốc viên nén và thuốc tiêm điều trị ung thư; Giấy chứng nhận GMP: * Thuốc vô trùng: Mozifor (Paclitaxel injection 24 mg/ 1.2 ml), Plerifor (Paclitaxel injection 24 mg/ 1.2 ml); Pemcet 100 (Pemetrexed for injection 100mg); Pemcet 500 (Pemetrexed for injection 500mg); Pemtero 100 (Pemetrexed for injection 100mg); Pemtero 500 (Pemetrexed for injection 500mg);Trexed 100 (Pemetrexed for injection 100mg); Trexed 500 (Pemetrexed for injection 500mg);Docetero 20 (Docetaxel injection 20mg/mL); Docetero 80 (Docetaxel injection 80mg/4mL); Docetero 160 (Docetaxel injection 160mg/8mL); Notrix 100mg/5mL (Irinotecan hydrochloride concentrate for solution for infusion 40 mg/2ml (20mg/mL); Mephral (Melfphanlan 50mg powder for solution for injection/infusion; Luperol (Leuprolide acetate injection 14mg/2.8mL (1mg/0.2mL); Luperol (Leuprolide acetate injection 14mg/2.8mL (1mg/0.2mL); Cabxel (Cabazitaxel injection 60mg/1.5mL); Decitabine for injection 50mg/vial (20mL); Decitabine 50mg powder for concentrate for solution for infusion; Hetgem 1g (Gemcitabin for injection 1g); Hetgem 200mg (Gemcitabin for injection 200mg); Cilatin 100 (Cisplatin injection 100mg/100mL (1mg/1mL)) * Thuốc không vô trùng (viên nén bao phim): Imaterso (Imatinib Tablets 400mg); Imaten 100 (Imatinib mesylate Tablets 100mg); Imatero 100 (Imatinib mesylate Tablets 400mg); Bicahet 50mg (Bicalutamide Tablets 50mg) ; Bicahet 150 (Bicalutamide Tablets 150mg);	WHO-GMP	L.Dis. No.4167/E1/2020	13-12-2021	13-12-2024	Drugs control Administration, Government of Telangana, India	22

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2014	Hetero Labs Limited	Unit V, Block V and V-A, TSIC- Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana State, 509301, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý. * Phạm vi kiểm tra bao gồm cả viên nén bao phim Entecavir 0,5mg và Entecavir 1mg * Thuốc bột chỉ được sản xuất tại Unit V-A.	EU-GMP	FI006/001/2020	11-05-2020	24-01-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	23
IN-036 » Intas Pharmaceuticals Limited » Plot numbers 457, 458 & 191/218P, Sarkhej-Bavla Highway, Matoda, Sanand, Ahmedabad, Gujarat, IN-382210, India									
1085	Intas Pharmaceuticals Limited	Plot No 457 & 458, Village Matoda, Bavla Road and Plot No 191/218 P, Village Chacharwadi, Tal:-Sanand, Vill: Matoda & Chacharwadi - 382 210, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India (Cách ghi khác: Plot No.-457 - 458, Village-Matoda, Bavla Road, And Plot No: 191/218 P, Village: Chacharwadi, Ta:-Sanand, Dist. - Ahmedabad, India / Plot No. 457, 458, Village-Matoda Bavla Road, Dist-Ahmedabad, India)	* Viên nén, viên nén bao; Viên nang cứng; Thuốc tiêm (dung dịch thể tích nhỏ); Chế phẩm dùng ngoài (thuốc mỡ). * Thuốc độc tế bào: Viên nén, viên nén bao; Viên nang cứng; Thuốc tiêm truyền (thuốc đông khô); Chế phẩm dùng ngoài (thuốc mỡ).	WHO-GMP	19071474	06-07-2019	05-07-2022	Food and Drugs Control Administration, Gandhinagar, Gujarat state, India	13
1086	Intas Pharmaceuticals Limited	Plot numbers 457, 458 & 191/218P, Sarkhej-Bavla Highway, Matoda, Sanand, Ahmedabad, Gujarat, IN-382210, India (Cách ghi khác: Plot No.-457 - 458, Village-Matoda, Bavla Road, And Plot No: 191/218 P, Village: Chacharwadi, Ta:-Sanand, Dist. -Ahmedabad, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc mỡ; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc mỡ; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng; + Vi sinh: Không vô trùng; + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK GMP 17543 Insp GMP 17543/9621-0024 [H]	08-05-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	13
IN-037 » Mylan Laboratories Limited » Plot No. 11, 12 & 13, Indore Sez, Pharma Zone, Phase II, Sector III, District Dhar, Pithampur, Madhya Pradesh, 454775, India									
178	Mylan (hoặc M/s. Mylan) Laboratories Limited	Plot No. 11, 12 & 13, Indore Sez (hoặc Indore SEZ hoặc Indore Special Economic Zone), Pharma Zone, Phase II, Sector III, District Dhar, Pithampur, Madhya Pradesh, 454775, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	OGYESI/49552-5/2017	08-10-2018	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	6
179	Mylan (hoặc M/s. Mylan) Laboratories Limited	Plot No. 11, 12 & 13, Indore Sez (hoặc Indore SEZ hoặc Indore Special Economic Zone), Pharma Zone, Phase II, Sector III, District Dhar, Pithampur, Madhya Pradesh, 454775, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim	WHO-GMP	07/2014	13-02-2020	21-11-2021	Food and Drug Administration Madhya Pradesh, India	6
IN-038 » Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd » Plot Nos. 25,36,63,64,65,67&87 Jawahar Co-Op Industrial Estate Ltd, Kamothe, Raigad 410209 Maharashtra State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
637	Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd	Plot Nos. 35,36,63,64,65,67&87 Jawahar Co-Op Industrial Estate Ltd, Kamothe, Raigad 410209 Maharashtra State, India	Viên nang (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin); bột pha syro/hỗn dịch (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin); Thuốc dùng ngoài (kem, mỡ, gel), thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin);	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP-CERT/KD/84 030/2020/1 1/30714	01-07-2020	01-06-2023	FDA Maharashtra, India	10
2153	Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd	Plot Nos. 35,36,63,64,65,67&87 Jawahar Co-Op Industrial Estate Ltd, Kamothe, Raigad 410209 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; bột để pha hoàn nguyên * Đóng gói sơ cấp: thuốc không vô trùng * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); hóa học/ vật lý.	EU-GMP	IS/03/20	13-02-2020	31-12-2023	Icelandic Meicines Agency	25
IN-039 » Fresenius Kabi Oncology Limited » Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, IN-174101, India									
638	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, P.O. Guru Majra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P.), India	* Thuốc tiêm thể tích nhỏ điều trị ung thư: Thuốc đông khô; thuốc dạng lỏng.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 488/06 Vol-V	05-08-2019	28-08-2021	Health and Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	10
639	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, P.O. Guru Majra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P.), India	* Thuốc điều trị ung thư: viên nén, viên nang cứng	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 150/06 Vol-IV	05-08-2019	28-08-2021	Health and Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	10
640	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, IN-174101, India (Cách ghi khác: Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan (hoặc District Solan, Himachal Pradesh), IN-174101, India / Village Kishanpura, P.O. Guru Majra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P.) 174101, India)	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng : Viên nang cứng, Viên nén. * Thuốc điều trị ung thư: Thuốc độc tế bào.	EU-GMP	UK GMP 29338 Insp GMP 29338/4438 41-0008	07-12-2018	30-04-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	10
1807	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, IN-174101, India (Cách ghi khác: Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan (hoặc District Solan, Himachal Pradesh), IN-174101, India / Village Kishanpura, P.O. Guru Majra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P.) 174101, India)	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc khác: Thuốc độc tế bào. + Đóng gói thứ cấp + Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc vô trùng); hóa lý, Vật lý - Phạm vi thanh tra: + Bột pha dung dịch tiêm truyền Bendamustin Kabi 2,5mg/ml. + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Busulfan Fresenius Kabi 6mg/ml + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Carboplatin Kabi 6mg/ml + Dung dịch pha tiêm hoặc tiêm truyền Cytarabin 100mg/ml + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Doxetaxel Kabi 20mg/ml, 80mg/4ml, 160mg/8ml; + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Etoposid Fresenius Kabi 20mg/ml +Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Gemcitabine 38mg/ml + Bột pha dung dịch tiêm truyền Gemcitabine 38mg/ml + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Irinotecan Kabi 20mg/ml + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Oxaliplatin Kabi 5mg/ml + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Paclitaxel Kabi 6mg/ml	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0045	25-06-2021	16-03-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	20
IN-040 » Zota Healthcare Ltd » Plot No 169, Surat Special Economic Zone, Near Sachin Railway Station, Sachin, city: Surat, Dist: Surat, Gujarat State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
641	Zota Healthcare Ltd	Plot No 169, Surat Special Economic Zone, Near Sachin Railway Station, Sachin, city: Surat, Dist: Surat, Gujarat State, India	Viên nén, viên nén bao phim; viên nén giải phóng duy trì; viên nén bao tan trong ruột; viên nén giải phóng chậm; viên nang	WHO-GMP	20021858	17-02-2020	16-02-2023	Food & Drugs Control Administration Gujarat State, India	10
IN-041 » Giyaan Pharma Pvt Ltd » Plot No.6, IDA, Renigunta, Tirupati, Andhra Pradesh, India									
180	M/s Giyaan Pharma Pvt Ltd	Plot No.6, IDA, Renigunta, 517520, Tirupati, Chittoor Dist, Andhra Pradesh, India	Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, bột pha hỗn dịch uống	WHO-GMP	L.Dis.No 4548/Accou nts/2019	10-12-2019	10-12-2022	Government of Andhra Pradesh – Drugs Control Administration, India	6
IN-042 » IND-SWIFT Limited » Off NH-21 Village Jawaharpur Tehsil Dera Bassi District S.A.S Nagar (Mohali) Punjab, In 140507, India									
959	M/s IND-SWIFT Limited	Off NH-21 Village Jawaharpur Tehsil Dera Bassi District S.A.S Nagar (Mohali) Punjab, In 140507, India	Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột khô.	Indian-GMP	2019/4510	18-09-2019	08-04-2021	Food & Drugs Administration, Punjab (India)	12
960	IND-SWIFT Limited	Off NH-21 Village Jawaharpur Tehsil Dera Bassi District S.A.S Nagar (Mohali) Punjab, In 140507, India Hoặc: Off NH-21 Village Jawaharpur Tehsil Derabassi District SAS Nagar (Mohali) Punjab-140507, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 31450 Insp GMP 31450/3603 11-0012	01-10-2019	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	12
1628	M/s IND-SWIFT Limited	Off NH-21, Village Jawaharpur, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali), Punjab, India, Pin -140507(hoặc 140507 hoặc IN-140507)	Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột khô.	India-GMP	Drugs (3) Pb 2021/2658	31-05-2021	08-04-2024	Food & Drugs Administration, Punjab (India)	18
IN-043 » AKRITI PHARMACEUTICALS PVT.LTD » Formulation Unit-6, Vill. Khol, Nalagarh Road, Baddi, Distt.Solan (HP) 173205, India									
181	AKRITI PHARMACEUTICAL S PVT.LTD	Formulation Unit-6, Vill. Khol, Nalagarh Road, Baddi, Distt.Solan (HP) 173205, India	* Thuốc bột pha tiêm chứa Cephalosporin	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ PD/72622/2 018/11/256 12	14-11-2018	07-11-2021	FDA Maharashtra, India	6
IN-044 » Themis Medicare Ltd. » Sector 6A, Plot No.16, 17 & 18, IIE, Sidcul, Ranipur, Haridwar, Uttarakhand, India									
182	M/s Themis Medicare Ltd.	Sector 6A, Plot No.16, 17 & 18, IIE, Sidcul, Ranipur, Haridwar, Uttarakhand, India (Cách viết khác: 6A, Plot No.16, 17 & 18, IIE, Sidcul, Haridwar, Uttarakhand, - 249403, India)	* Thuốc tiêm non beta lactam * Thuốc viên nén non beta lactam * Thuốc rifampicin * Thuốc mỡ, gel	WHO-GMP	17P/1/15/20 06	03-10-2018	31-10-2021	Drugs Licensing & Controlling Authority (Uttarakhand), India	6
2154	M/s Themis Medicare Ltd.	Sector 6A, Plot No.16, 17 & 18, IIE, Sidcul, Distt. Haridwar, Uttarakhand-249403, India	* Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ không chứa kháng sinh nhóm beta lactam * Thuốc viên nén không chứa kháng sinh nhóm beta lactam * Thuốc rifampicin: viên nén * Thuốc mỡ, gel	WHO-GMP	26/1/Ausha dhi/46/2019 /19895	19-11-2021	17-11-2024	Drugs Licensing & Controlling Authority (Uttarakhand), India	25
IN-045 » Synthokem Labs Private Limited » Unit II Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase II, IDA, Pashamylaram, Patancheru Mandal, Sanagreddy (District) - 502319 Telangana State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
183	Synthokem Labs Private Limited	Unit II Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase II, IDA, Pashamylaram, Patancheru Mandal, Sanagreddy (District) - 502319 Telangana State, India	Nguyên liệu làm thuốc Guaifenesin, Chlorphenesin, Mephenesin, Mebeverine Hydrochloride	WHO-GMP	L. Dis. No.12941/E(R)/TS/2017	03-05-2018	03-05-2020	Drugs Control Administration Government of Telangana, India	6
IN-046 » Bharat Serums and Vaccines Limited » Plot No K-27, Anand Nagar, Additional MIDC, Ambernath East, Thane 421501, Maharashtra, India									
573	Bharat Serums and Vaccines Limited	Plot No K-27, Jambivili Village, Anand Nagar, Additional MIDC, Ambernath (East), Thane 421501, Maharashtra State, India (Cách ghi khác: K-27, Jambivili Anand Nagar, Additional MIDC Ambernath, Maharashtra, India)	* Thuốc tiêm (Bao gồm cả thuốc chứa chất Anti-Toxin, chế phẩm máu, hormon); thuốc đông khô/ thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa hormon, anti-toxin, chế phẩm máu); thuốc bột pha tiêm (chế phẩm máu, hormon.) * Dược chất: hormon, anti-toxin, chế phẩm máu.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/74397/2019/11/26554	17-01-2019	15-01-2022	Food & Drugs Administration, Maharashtra State, India	9
574	Bharat Serums and Vaccines Limited	Plot No K-27, Anand Nagar, Additional MIDC, Ambernath East, Thane 421501, Maharashtra, India (Cách ghi khác: K-27, Jambivili Anand Nagar, Additional MIDC Ambernath, Maharashtra, India)	Thuốc vô trùng: Thuốc đông khô (chỉ áp dụng đối với thuốc sản xuất tại unit 1; line A (Vial Line) sản xuất Liposomal Amphotericin B bột pha tiêm truyền)	EU-GMP	UP/I-530-10/19-03/27; 381-10-05/243-19-03	14-10-2019	12-04-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	9
IN-047 » Aurobindo Pharma Limited Unit XII » Survey Number 314, Bachubally (Village), Quthubullapur (Mandal), R.R. District, Hyderabad, Talangana State, 500 090, India									
642	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachubally (Village), Quthubullapur (Mandal), R.R. District, Hyderabad, Telangana State, 500 090, India (* Cách viết khác: Survey No. 314, Bachupally Village, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajigiri district, Telangana State, India hoặc Survey Number 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Andhra Pradesh, India)	Thuốc chứa penicillin: Dạng bào chế rắn (viên nén; viên nang; hỗn dịch uống); thuốc tiêm vô trùng (thuốc bột pha tiêm)	WHO-GMP	13178/A3/2017	29-06-2018	29-06-2021	Drugs Control Administration Government of Telangana, India	10
643	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachubally (Village), Quthubullapur (Mandal), R.R. District, Hyderabad, Telangana State, 500 090, India (* Cách viết khác: Survey No. 314, Bachupally Village, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajigiri district, Telangana State, India hoặc Survey Number 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Andhra Pradesh, India)	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm penicillin: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha dung dịch tiêm/ tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm penicillin: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; Viên nén. * Sản phẩm cụ thể: + Thuốc bột pha dung dịch tiêm/ tiêm truyền (Amoxicillin; Ampicillin; Ampicillin + Sulbactam; Flucloxacillin; Piperacillin+Tazabactam); + Viên nén bao phim (Co-Amoxiclav); viên nén (Flucloxacillin; Phenoxymethyl penicillin; Pivmecillinam, Amoxicillin; Pantoprazole 40mg; Clarithromycin 500mg); + Viên nang (Amoxicillin; Cloxacillin; Flucloxacillin); + Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Amoxicillin; Co-Amoxiclav; Flucloxacillin, Amoxicillin+Clavulanic)	EU-GMP	000308/06.08.02.00/2017	14-08-2018	20-04-2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2015	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey No. 314, Bachupally Village, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajigiri district, Pincode 500090, Telangana State, India (* Cách ghi khác: Survey Number 314, Bachubally (Village), Quthubullapur (Mandal), R.R. District, Hyderabad, Telangana State, 500 090, India hoặc Survey Number 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Andhra Pradesh, India)	* Thuốc vô trùng: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang; Bột pha hỗn dịch uống; Viên nén bao phim. * Các thuốc cụ thể đã được đánh giá: + Amoxicillin and Clavulanate Potassium for Oral Suspension USP 400-57mg/5mL, 600-42.9mg/5mL, 156.25mg/5mL, 228.5mg/5mL. + Amoxicillin and Clavulanate Potassium for Injection 1.2g, 1200mg; BP 1.2g. + Viên nén bao phim Amoxicillin and Clavulanate Potassium Tablets USP 250-125mg, 500-125mg, 875-125mg. + Amoxicillin Capsules BP 250mg, 500mg; USP 250mg, 500mg. + Amoxicillin for Oral Suspension USP 125mg/5mL, 250mg/5mL, 500mg/5mL; BP 125mg/5mL. + Amoxicillin Sodium for Injection BP 1000mg, 250mg, 500mg. + Ampicillin and Cloxacillin Capsules 500mg. + Ampicillin and Sulbactam for Injection USP 1.5g, 15g, 3.0g. + Ampicillin for Injection USP 1000mg, 500mg. + Ampicillin Oral Suspension BP 125mg/5mL. + Ampicillin Sodium for Injection BP 1g, 2g, 250mg, 500mg. + Cloxacillin Sodium for Injection BP 500mg. + Co-Amoxiclav for Injection BP 1.2g, 600mg + Viên nén bao phim Co-Amoxiclav Tablets BP 250-125mg, 500-125mg, 875-125mg. + Co-Amoxiclav for Oral Suspension 125-31.25mg/5mL, 250-62.5mg/5mL. + Flucloxacillin Capsules BP 250mg, 500mg. + Flucloxacillin Oral Suspension 125mg/5mL. + Oxacillin for Injection USP 500mg. + Viên nén bao phim Phenoxymethylpenicillin Tablets 1000mg; BP 250mg. + Viên nén bao phim Pivmecillinam Hydrochloride Tablets 200mg.	WHO-GMP	80404/TS/2022	29-01-2022	27-01-2025	Drugs Control Administration Government of Telangana, India	23
2069	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachupally, Bachupally Mandal, Medchal Malkajigiri district, Telangana State, 500 090, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm/tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; Viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng; Không vô trùng); Hóa học/Vật lý. * Giấy chứng nhận chỉ giới hạn cho các sản phẩm sau: Amoxicillin capsules 250mg & 500mg; Dicloxacillin capsules 250mg & 500mg; Cloxacillin capsules 500mg; Flucloxacillin capsules 250mg & 500mg; Co-Amoxiclav tablets 250-125mg, 500-125mg & 875-125mg; Flucloxacillin tablets 500mg, 750mg & 1000mg; Phenoxymethyl penicillin tablets 800mg & 1000mg; Pivmecillinam tablets 200mg & 400mg; Amoxicillin dispersible tablets 375mg, 500mg, 750mg & 1000mg; Co-Amoxiclav PFOS 400+57mg/5ml; Flucloxacillin oral suspension 125mg/5ml; Piperacillin & Tazobactam injection 4.5g & 2.25g; Amoxicillin injection 250mg, 500mg, 1g & 2g; Ampicillin + Sulbactam for injection 1.5g & 3.0g.	EU-GMP	FIMEA/2020/006963-6	22-02-2021	22-01-2024	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	24
IN-048 » Recipharm Pharmservices Pvt. Ltd » Km 34, Tumkur Road, Village-Teppada Begur, Nelamangala, Bangalore Rural, 562123, India									
1719	Recipharm Pharmservices Pvt. Ltd	Khata No.845/713 and 1108/970/1, 34th Km, Tumkur Road, T.Begur, Nelamangala, India	* Viên nén Bedaquiline 100mg (Sirturo 100mg tablets).	WHO-GMP	Cr-698/2021-22 GSC No: DD008S21000050	19-08-2021	18-08-2023	Government of Karnataka Drugs Control Department, India	19
1720	Recipharm Pharmservices Pvt. Ltd	34th Km, Tumkur Road, Village-Teppada Begur, Nelamangala, Bangalore Rural - 562123, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén Sirturo 100mg. * Đóng gói sơ cấp: Viên nén Sirturo 100mg. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	BE/GMP/2018/001	15-10-2018	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	19
IN-049 » Hetero Labs Limited - Unit III » Unit III Formulation Plot No 22 - 110 IDA, Jeedimetla, Hyderabad, 500 055 Telangana, India									
644	Hetero Labs Limited	Unit III Formulation Plot No 22 - 110 IDA, Jeedimetla, Hyderabad, 500 055 Telangana, India (Cách ghi khác: Unit III, 22 - 110 I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	ES/065HV/17*	07-02-2020	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	10
645	Hetero Labs Limited	Unit III, 22 - 110 I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana State, India	Levetiracetam Tablets 500 mg; Levetiracetam Tablets 750 mg; Levetiracetam Tablets 1000 mg; Lansoprazole Delayed Release Capsules 15 mg; Lansoprazole Delayed Release Capsules 30; Lithium Carbonate Capsules 300 mg; Oseltamivir Phosphate Capsule IP 75 mg; Ritonavir Tablets IP 100 mg; Ritonavir & Lopinavir Tablets; Dabigatran Exetilate capsules 150 mg.	WHO-GMP	L. Dis.No. 2797/E1/2019	27-08-2019	27-08-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1389	Hetero Labs Limited	Unit III, 22 - 110 I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana State, India	* Theo báo cáo thanh tra: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang; Thuốc uống dạng lỏng. * Theo danh mục sản phẩm đính kèm giấy chứng nhận GMP: Ritonavir & Lopinavir Tablets; Sertraline hydrochloride Tablets 25mg; Torsemide Tablets 5mg; Torsemide Tablets 10mg; Torsemide Tablets 20mg; Torsemide Tablets 100mg; Levetiracetam Oral Solution 100 mg/mL; Zidovudine Oral Solution 50mg/5mL; Zidovudine Oral Solution USP 50mg/5mL; Indomethacin Capsules USP 25mg; Valacyclovir HCL Tablets 500mg; Ritonavir Tablets 100mg; Valacyclovir Tablets 500mg; Levocetirizine Dihydrochloride Tablets 5mg; Indinavir Sulphate Capsules 400mg; Zidovudine Tablets USP 300mg; Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets; Duloxetine Hydrochloride Capsules 20mg; Duloxetine Hydrochloride Capsules 30mg; Duloxetine Hydrochloride Capsules 60mg; Lamivudine Oral Solution 10mg/mL; Darunavir Tablets 400mg; Darunavir Tablets 600mg; Lamivudine Tablets 300mg; Pregabalin Capsules 25mg ; Pregabalin Capsules 50mg; Pregabalin Capsules 75mg; Pregabalin Capsules 100mg; Pregabalin Capsules 150mg; Pregabalin Capsules 200mg; Pregabalin Capsules 300mg; Sortroline hydrochloride Tablete 25mg Sertraline hydrochloride Tablets; Sertraline hydrochloride Tablets 25mg; Sertraline hydrochloride Tablets 50mg; Sertraline hydrochloride Tablets 100mg; Emtricitabine & Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets; Efavirenz, Lamivudine & Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets; Metoprolol Succinate Extended Release Tablets USP 25mg; Metoprolol Succinate Extended Release Tablets USP 50mg; Citalopram Tablets USP 20mg; Citalopram Tablets USP 40mg; Esomeprazole Tablets 20mg; Esomeprazole Tablets 40mg; Cetirizine Dihydrochloride and Ambroxol Hydrochloride Syrup (5mg+30mg/5mL); Atazanavir Sulphate and Ritonavir Tablets 300/100mg; Glimepiride Tablets 1 mg; Glimepiride Tablets 2 mg; Glimepiride Tablets 4mg; Nebivolol Hydrochloride Tablets 2.5mg; Nebivolol Hydrochloride Tablets 5mg; Efavirenz, Lamivudine & Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 600mg/300mg/300mg; Ritonavir Tablets USP 100mg; Levetiracetam Tablets 500mg; Levetiracetam Tablets 1000mg; Sofosbuvir Tablets 400mg; Tadalafil Tablets USP 20mg; Efavirenz Tablets USP 600mg; Lopinavir and Ritonavir Tablets USP 100mg/25mg; Lopinavir and Ritonavir Tablets USP 200mg/50mg; Ritonavir Tablets USP 100mg; Darunavir Tablets 400mg; Darunavir Tablets 600mg; Osetamivir Capsules USP 75mg; Levetiracetam Tablets USP 250mg; Levetiracetam Tablets USP 500mg; Levetiracetam Tablets USP 750mg; Levetiracetam Tablets USP 1000mg; Dabigatran Etxillate Capsules 150mg; Roflumilast Tablets 500mcg; Nebivolol Tablets 5mg; Duloxetine Hydrochloride Delayed Release Capsules 30mg; Duloxetine Hydrochloride Delayed Release Capsules 60mg; Finasteride Tablets 1mg; Finasteride Tablets 5mg; Levetiracetam Tablets 250mg; Levetiracetam Tablets 750mg; Tenofovir Disoproxil Fumarate and Lamivudine Tablet; Abacavir Tablets USP 300mg; Methocarbamol Tablets USP 500mg; Zidovudine Oral solution 50mg/5mL; Zidovudine Oral solution USP 50mg/5mL; Atazanavir Sulfate and Ritonavir Tablets 300mg/100mg; Fenofibrate Tablets USP 145mg; Hydralazine Hydrochloride Tablets USP 50mg; Dolutegravir Tablets 50mg; Lithium carbonate capsules USP 300mg; Darunavir and Ritonavir Tablets 400mg/ 50mg; Methocarbamol Tablets USP 750mg; Osetamivir Capsules 30mg; Osetamivir capsules 45 mg; Levocetirizine Dihydrochloride oral solution 2.5mg/5mL; Nebivolol tablets 2.5mg; Dabigatran Etxillate capsules 110 mg; Efavirenz, Lamivudine & Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/300mg/300mg; Atazanavir Capsules 150mg; Pregabalin capsules 225mg; Dapagliflozin Tablets 5mg; Atazanavir Sulphate Capsules 150mg; Atazanavir Sulphate Capsules 200mg; Atazanavir Sulphate Capsules 300mg; Itraconazole pellets 22.0% w/w; Tolterodine Tartrate extended release pellets (as 2.47% w/w of Tolterolterodine Tartrate); Duloxetine Hydrochloride Delayed release pellets 16.8 %; Esomeprazole magnesium delayed release pellets 27.1% ; Lansoprazole delayed release pellets 9.2%; Omeprazole delayed release pellets 8.5%.	WHO-GMP	L. Dis.No. 8242/E1/2018			Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	16
1629	Hetero Labs Limited	Unit III, 22 - 110 I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana State, India	* Theo báo cáo thanh tra: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang; Thuốc uống dạng lỏng. * Theo danh mục sản phẩm đính kèm giấy chứng nhận GMP: Lamivudine and Zidovudine Tablets 150/300mg; Lamivudine, Zidovudine and Nevirapine tablets 150/300/200mg; Nevirapine Oral Suspension USP 50mg; Nevirapine Tablets USP 200mg; Lamivudine Tablets 150mg; Tenofovir disoproxil fumarate and lamivudine Tablets 300mg/300mg Co-Packaged with Nevirapine Tablets USP 200mg; Amlodipine Besylate tablets 5mg; Amlodipine Besylate tablets 10mg; Citalopram Tablets USP 20mg; Glimepiride Tablets USP 1mg; Glimepiride Tablets USP 2mg; Omeprazole Delayed Release Capsules 20mg; Omeprazole gastro resistant capsules 40mg; Lamivudine and Zidovudine Tablets 150/30mg; Stavudine Capsules USP 20mg; Levofloxacin hemihydrate tablets 500mg; Ezetimibe and simvastatin Tablets 10mg/10mg; Ezetimibe and Simvastatin Tablets 10mg/20mg; Ezetimibe and Simvastatin Tablets 10mg/40mg; Ezetimibe and Simvastatin Tablets 10mg/80mg; Clobazam Tablets 20mg; Ezetimibe Tablets 10mg; Raltegravir tablets 400mg; Raltegravir potassium tablets 400mg; Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 50/300/300mg; Dimethyl fumarate delayed release capsules 120mg; Dimethyl fumarate delayed release capsules 240 mg; Loratidine oral solution USP 5mg/5mL; Dolutegravir, Emtricitabine and Tenofovir Alafenamide Tablets 50/200/25mg; Lacosamide Oral solution 10mg/mL; Valaciclovir Tablets 500mg.	WHO-GMP	L. Dis.No. 3120/E1/2019			Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	18
2016	Hetero Labs Limited	Unit III Formulation Plot No 22 - 110 IDA, Jeedimetla, Hyderabad, 500 055 Telangana, India (Cách ghi khác: Unit III, 22 - 110 I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén, Thuốc uống dạng lỏng. *Đóng gói: + Đóng gói cấp 1: viên nang cứng; viên nén; thuốc uống dạng lỏng. + Đóng gói cấp 2 *Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	ES/026HV/22			Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	23
IN-050 » Innova Captab » 81-B, EPIP, Phase-I, Jharmajri, Baddi, Distt. Solan [H.P], India									
775	Innova Captab	81-B, EPIP, Phase-I, Jharmajri, Baddi, Distt. Solan [H.P], India	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc mỡ.	WHO-GMP	HFW-H [Drug] 162/09			State Drugs Controller, Controlling cum Licensing Authority, Baddi, Distt. Solan [H.P] 173 205, India	11
IN-052 » Naprod Life Sciences Pvt. Ltd » Plot No. G-17/1, MIDC, Tarapur, Boisar, Thane 401506, Maharashtra State, India									
184	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	Plot No. G-17/1, MIDC, Tarapur, Boisar, Thane 401506, Maharashtra State, India.	+ Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng chứa chất độc tế bào. + Thuốc tiêm dạng lỏng (dung dịch, nhũ dịch), thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc độc tế bào).	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/80691/2019/11/27530			FDA Maharashtra, India	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
396	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	G17/1 Tarapur industrial Area (M.I.D.C), Boisar, Maharashtra,401506, India (Cách ghi khác: Plot No.G-17/1, MIDC, Tarapur, Boisar, Dist: Palghar - 401506, Maharashtra State, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào/kim tế bào): Thuốc đông khô, thuốc tiêm dạng lỏng (dung dịch, nhũ dịch) thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc ung thư): thuốc tiêm dạng lỏng (dung dịch, nhũ dịch) thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng (chứa chất độc tế bào): Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng.	EU-GMP	OGYÉI/4129 7-4/2018	29-01-2019	31-12-2023	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	8
2155	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	G17/1 Tarapur industrial Area (M.I.D.C), Boisar, Maharashtra,401506, India (Cách ghi khác: Plot No.G-17/1, MIDC, Tarapur, Boisar, Dist: Palghar - 401506, India)	* Thuốc tiêm dạng lỏng chứa độc tế bào; thuốc tiêm dạng lỏng (không bao gồm kháng sinh nhóm Cephalosporin, Penicillin, thuốc độc tế bào; Hormon). * Thuốc đông khô/thuốc bột pha tiêm chứa độc tế bào; Thuốc đông khô/thuốc bột pha tiêm (không bao gồm kháng sinh nhóm Cephalosporin, Penicillin, thuốc độc tế bào; Hormon). * Viên nang cứng chứa độc tế bào; viên nén, viên nén bao phim chứa độc tế bào	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/111021/2022/11/40 081	28-04-2022	27-04-2025	FDA Maharashtra, India	25
IN-053 » Cipla Limited » Verna Industrial Estate, Verna - Goa, India									
294	M/s Cipla Ltd.	Plot No.S-103 to S-105, S-107 to S-112, L-138, L-147, L-147/1 to L-147/3&L-147/A, Verna Industrial Estate, Verna- Goa, India	* Unit VII: Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao; viên nang cứng; * Unit VIII: Thuốc không vô trùng chứa hormone: viên nén, viên nén bao; viên nang cứng; thuốc bán rắn dùng ngoài; * Unit X: Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào: Viên nén, viên nén bao, viên nang cứng.	WHO-GMP	789/MFG/W HO-GMP/DFDA/2019/737	28-05-2019	19-05-2022	Cơ quan quản lý Dược Bang Goa, Ấn Độ	7
776	Cipla Ltd. (Unit I)	Unit I, Plot No. L-139 to L-146, Verna Industrial Estate, Verna - Goa, India	Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: Thuốc xịt mũi; Thuốc nhỏ mắt.	WHO-GMP	721/MFG/W HO-GMP/DFDA/2019/3298	04-12-2019	06-11-2022	Directorate of Food & Drugs Administration, Govt. of Goa, India	11
777	Cipla Ltd. (Unit I) Plot No. L-139	Cipla Ltd. (Unit I), Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, IN-403 722 Verna, Goa, India (Cách ghi khác: Unit I, Plot No. L-139 to L-146, Verna Industrial Estate, Verna - Goa, India)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng trong dạng lỏng: Dung dịch khí dung. * Đóng gói sơ cấp: + Thuốc dùng trong dạng lỏng: Dung dịch khí dung. * Đóng gói thứ cấp: * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_ST_01_G MP_2018_0 022	01-11-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
778	M/s Cipla Ltd	Plot No. L-139 to L-146, Verna Industrial Estate, Verna-Goa, India	+ Unit I: Thuốc nhỏ mắt, respules, thuốc xịt mũi; + Unit II: thuốc hít + Unit III: Viên nén, thuốc dùng ngoài tại chỗ + Unit IV: Viên nén	WHO-GMP	721/MFG/W HO-GMP/DFDA/2019/3298	04-12-2019	06-11-2022	Food & Drug Admn, Bambolim Goa, India	11
779	Cipla Ltd. (Unit III & IV)	Verna Industrial Estate, 403 722 Goa, Verna Salcette, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén nhiều lớp.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2020_0024	11-05-2020	17-01-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
962	Cipla Ltd. (Unit II) Plot No. L-139	Cipla Ltd. (Unit I), Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, IN-403 722 Verna, Goa, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dạng có áp lực (pressurised preparations). * Đóng gói sơ cấp, đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	DE_ST_01_G MP_2018_0 021	01-11-2018	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1087	Cipla Limited (Unit X)	Unit X, Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna,Goa, IN-403 722, India (cách viết khác: - Unit X, Plot No. S-103 to S-105, S-107 to S-112 & L-147, L-147/1 to L-147/3, L-147/A & L-138, Verna Industrial Estate, Verna, Salcette, Goa, IN 403772, India - Plot No. S-103 to S-105, S-107 to S-112, L-138, L-147, L-147/1 to L-147/3 & L-147/A, Verna Industrial Estate, Verna - Goa, India).	* Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/ vật lý.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1022 7632-0003	31-01-2021	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	13
IN-054 » XL Laboratories Private Limited » E-1223, Phase I Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Rajasthan, 301019, India									
295	XL Laboratories Private Limited	E-1223, Phase I Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Rajasthan, 301019, India	* Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch); bột pha hỗn dịch/dung dịch uống. * Thuốc chứa Cephalosporin: viên nén; viên nang cứng; bột pha hỗn dịch uống.	WHO-GMP	DC-1/A-1/WHO GMP/2020/ 142	13-01-2020	27-09-2020	Drugs Control Organisation Swasthya Bhawan Tilak Marg,. Jaipur (India)	7
296	XL Laboratories Private Limited	E-1223, Phase I Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch); thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén.	EU-GMP	OGYÉI/3394 1-6/2018	03-01-2019	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	7
IN-057 » Serum Institute of India Pvt. Ltd » 212/2, Hadapsar, Pune - 411028, Dist-Pune-Zone3, India									
538	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bất hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sởi, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed).	WHO-GMP	6091001	08-11-2019	07-11-2020	FDA Maharashtra, India	9
1390	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bất hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sởi, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed) không bao gồm dạng bơm tiêm đóng sẵn.	WHO-GMP	6094542	10-07-2020	09-07-2021	FDA Maharashtra, India	16
1493	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bất hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sởi, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed) không bao gồm dạng bơm tiêm đóng sẵn	WHO-GMP	6097571	15-01-2021	14-01-2022	FDA Maharashtra, India	17
1721	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bất hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sởi, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed) không bao gồm dạng bơm tiêm đóng sẵn	WHO-GMP	6100477	06-07-2021	05-07-2022	FDA Maharashtra, India	19
2017	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bất hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sởi, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed) không bao gồm dạng bơm tiêm đóng sẵn	WHO-GMP	6104127	20-01-2022	19-01-2023	FDA Maharashtra, India	23
2156	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bất hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sởi, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed) không bao gồm dạng bơm tiêm đóng sẵn	WHO-GMP	6108393	14-08-2022	13-08-2023	Food & Drug Administration Maharashtra, India	25
IN-058 » Sun Pharmaceutical Industries Limited » Sez Unit 1, A-41, Industrial Area, Phase VIIIA, S.A.S Nagar, Mohali-160071, Punjab, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1494	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Sez Unit 1, A-41, Industrial Area, Phase VIIIA, S.A.S Nagar, Mohali-160071, Punjab, India	Viên nén; viên nang cứng.	WHO-GMP	4265/2018	29-05-2018	15-05-2021	Food & Drugs Control Administration Punjab, India	17
1869	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Sez Unit 1, A-41, Industrial Area, Phase VIIIA, S.A.S Nagar, Mohali-160071, Punjab, India (Cách ghi khác: Sez Unit I, Plot No. A-41, Industrial Area, Phase VIII A, S.A.S Nagar, Mohali-160071 Punjab, India)	Viên nén; viên bao; viên nang cứng; Siro khô và hỗn dịch uống giải phóng kéo dài	WHO-GMP	Pb 2021/2711	31-05-2021	17-05-2024	Food & Drugs Control Administration Punjab, India	21
2018	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Sez Unit I, Plot No. A-41, Industrial Area, Phase VIII A, S.A.S Nagar, Mohali-160071, Punjab, India	*Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim. *Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim *Đóng gói thứ cấp *Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	NL/H 18/2008858	10-08-2019	31-12-2023	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	23
IN-059 » Wockhardt Limited » Biotech Park, H-14/2, MIDC Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra state, India									
297	Wockhardt Limited	Biotech Park, H-14/2, MIDC Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra state, India	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tái tổ hợp dạng tiêm, bao gồm: + Biphasic Isophane Insulin Injection. + Erythropoietin Injection. + Human Insulin Isophane Suspension and Human Insulin Injection. + Insulin Glargine Injection. + Insulin Human Injection. + Insulin Injection. + Isophane Insulin Human Suspension. + Human Insulin Isophane Suspension. + Isophane Insulin Injection. + Recombinant Human Erythropoietin Injection.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/80990/2019/11/28343	12-06-2019	07-06-2022	Food & Drugs Administration (FDA) Maharashtra, India	7
2157	Wockhardt Limited	Biotech Park, H-14/2, MIDC Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra state, India	Vắc xin/thuốc tái tổ hợp dạng tiêm, bao gồm: + Biphasic Isophane Insulin Injection. + Erythropoietin Injection. + Human Insulin Isophane Suspension and Human Insulin Injection. + Insulin Glargine Injection. + Insulin Human Injection. + Insulin Injection. + Isophane Insulin Human Suspension. + Human Insulin Isophane Suspension. + Isophane Insulin Injection. + Recombinant Human Erythropoietin Injection. + Recombinant Insulin Glargine Injection.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/113905/2022/11/41623	02-08-2022	01-08-2025	Food & Drugs Administration (FDA) Maharashtra, India	25
IN-060 » Medopharm » No. 34-B, Industrial Area, Malur-563 160, Kolar District, Karnataka, India									
1088	M/s. Medopharm	No. 34-B, Industrial Area, Malur-563 160, Kolar District, Karnataka, India	Viên nén; viên nang.	WHO-GMP	DCD/Spl.CI-I/CR-1079/2019-20	02-11-2019	25-08-2022	Drugs Control Administration Government of Karnataka, India	13
IN-062 » Titan Laboratories Pvt., Ltd » Plot No. E-27/1, E27/2, M.I.D.C, Mahad, Village - Jite, Raigad 402309, Maharashtra State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1391	Titan Laboratories Pvt. Ltd.	Plot No. E-27/1, E-27/2, M.I.D.C, Mahad, Village - Jite, Raigad 402309, Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc cốm; Pellets; Viên nén.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/76699/2018/11/26388	31-12-2018	30-12-2021	FDA Maharashtra, India	16
1392	Titan Laboratories Pvt. Ltd.	Plot No. E-27/1, E-27/2, M.I.D.C, Mahad, Village - Jite, Raigad 402309, Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (Viên nang Ezetimibe 10mg/Rosuvastatin 10mg; viên nang Ezetimibe 10mg/Rosuvastatin 10mg; viên nang Mycophenolic Mofetil 250mg/500mg; viên nang giải phóng chậm Mycophenolic Acid 180mg/360mg; Viên nang Pantoprazole 40mg/Itopride hydrochloride 150mg; Viên nang giải phóng kéo dài Tamsulosin HCl 0,4mg; Viên nang Tamsulosin HCl 0,4mg/Dutasteride 0,5 mg; Viên nang Dextansoprazole 30mg/60mg)	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/91162/2020/11/32626	23-07-2020	22-07-2023	FDA Maharashtra, India	16
2070	Titan Laboratories Pvt. Ltd.	Plot No. E-27/1, E-27/2, M.I.D.C, Mahad, Village - Jite, Raigad 402309, Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc cốm; Pellets; Viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/109577/2022/11/40011	19-04-2022	15-04-2025	FDA Maharashtra, India	24
IN-063 » Mepro Pharmaceuticals Private Limited » Unit II, Q Road, Phase IV GIDC, Wadhwan, Surendranagar, Gujarat, 363 035, India									
1393	Mepro Pharmaceuticals Private Limited	Unit II, Q Road, Phase IV GIDC, Wadhwan, Surendranagar, Gujarat, 363 035, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột; Thuốc dùng ngoài (kem, gel, mỡ).	WHO-GMP	20031915	13-03-2020	12-02-2023	Food & Drugs Control Administration, Gujarat State, India	16
1495	Mepro Pharmaceuticals Private Limited	Unit II, Q Road, Phase IV GIDC, Wadhwan, Surendranagar, Gujarat, 363 035, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn (kem, gel, mỡ); viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/248-7/2019	03-06-2019	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	17
IN-064 » Atra Pharmaceuticals Limited » Bulding II, Plot No.H-19 MIDC Waluj Aurangabad (MS) 431133 India									
298	Atra Pharmaceuticals Limited	Plot No. H-19 MIDC Waluj, Aurangabad, 431133 Maharashtra state, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/72284/2018/11/25055	25-08-2018	23-09-2021	Food & Drugs Control Administration, M.S. Brandra E, Mumbai, Maharashtra state, India	7
2019	RV Lifesciences Limited (tên cũ: Atra Pharmaceuticals Limited)	Plot No. H-19, M.I.D.C., Waluj, Aurangabad 431133 Maharashtra state, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/105016/2021/11/38287	30-11-2021	29-11-2024	Food & Drug Administration, M.S. Bandra-kurla Complex, Bandra (E), Mumbai - 400 051. Maharashtra, India	23
IN-065 » Cipla Limited » Plot No 9 & 10 Pharma zone, Phase II Sector III Indore Special Economic Zone, Pithampur District Dhar, Madhya Pradesh, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
646	Cipla Limited	Plot No 9 & 10, Phase II, Indore Special Economic Zone, Pithampur, Dist, Dhar, Madhya Pradesh, India. (cách ghi khác: Plot No 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District Dhar Madhya Pradesh, IN-454775 Indore/India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc tiêm (syringe đóng sẵn); + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt đa liều, thuốc hít (dung dịch, hỗn dịch); * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột, thuốc cốt, viên nang cứng, pellet; viên nén, viên nén bao, viên nén sủi bọt, thuốc bột sủi bọt; thuốc hít (dạng bột); thuốc hít (dạng bình xịt phân liều).	WHO-GMP	03/2010	22-09-2016	18-06-2022	Cơ quan quản lý Dược bang Madhya Pradesh, Ấn Độ.	10
961	Unit II, Cipla Limited, Indore Sez	Unit II, Plot No 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, IN-454 775, India.	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế có áp lực; thuốc hít dạng phân liều.	EU-GMP	UK GMP 14694/1638 7087-0003	03-12-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	12
1194	Cipla Limited	Plot No 9 & 10, Pharma Zone Phase II Section III, Indore Special Economic Zone, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, 454775 India (Cách viết khác: + Plot No 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, IN- 454775 India; + Plot No 9 & 10, Pharma Zone, Phase II, Indore SEZ, Pithampur,(MP) - 454775 India)	Unit I: Thuốc nhỏ mắt, dung dịch khí dung, thuốc uống dạng lỏng;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3008581988	13-04-2018	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	14
1630	Unit 3, Cipla Limited, Indore Sez	Unit III, Plot No 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, IN-454 775, India.	* Thuốc không vô trùng: thuốc xịt mũi * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK GMP 14694/1638 7104-0003	03-12-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	18
1870	Cipla Limited	Plot No 9 & 10, Pharma Zone Phase II Section III, Indore Special Economic Zone, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, 454775 India (cách viết khác: + Plot No 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, IN- 454775 India; + Plot No 9 & 10, Pharma Zone, Phase II, Indore SEZ, Pithampur,(MP) - 454775 India)	Unit I: Dung dịch khí dung; thuốc uống dạng lỏng	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3008581988	13-04-2018	18-06-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	21
IN-066 » Ipca Laboratories Limited » Plot No. 255/1. Athal, Silvassa - 396230, U. T of Dadra & Nagar Haveli, India									
299	M/s Ipca Laboratories Limited	Plot No. 255/1. Athal, Silvassa - 396230, U. T of Dadra & Nagar Haveli, India	* Thuốc viên nén; viên bao đường; viên bao phim; viên nang cứng.	WHO-GMP	DMHS/ADC/WHO-GMP/Ipca/2 015/I/752	30-01-2019	27-01-2022	Administration of Dadra and Nagar Haveli, UT, India	7

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
300	Ipca Laboratories Limited	Plot No. 255/1, Village Athal, Union Territory of Dadra & Nagar Haveli, 396230 Silvassa, India (Cách ghi khác: Plot No. 255/1, Athal, U.T of Dadra & Nagar Haveli, Silvassa, India Hoặc: Plot No. 255/1, Athal, Silvassa, UT of DNH, India Hoặc: Plot No. 255/1, Athal, Silvassa, Pin 396 230, (D&NH), India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng chậm, viên nén kháng dịch vị, caplet.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2020_0010	27-01-2020	06-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	7
IN-067 » Micro Labs Limited » No. 92, Sipcot Industrial Complex, Hosur - 635 126, India									
407	Micro Labs Limited	No. 92, Sipcot Industrial Complex, Hosur - 635 126, India. (Cách ghi khác: 92 Sipcot, Hosur-635 126, Tamil Nadu, India	* Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh Beta-lactam, hormon sinh dục và độc tế bào): viên nén, viên nén bao phim, si rô khô, viên nang cứng gelatin và thuốc dùng ngoài.	WHO-GMP	K DIS. No: 21087/D1/4 /2017	08-11-2018	31-12-2020	Department of Food Safety and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India	8
1496	Micro Labs Limited	No. 92, Sipcot Industrial Complex, Hosur, Tamil Nadu, IN-635 126, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý. (Phạm vi chứng nhận chỉ bao gồm hoạt động tại khu vực ML03, không bao gồm khu vực ML01 và ML02)	EU-GMP	UK GMP 22481 Insp GMP 22481/1173 71-0005	03-07-2019	08-04-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
1808	Micro Labs Limited	No. 92, Sipcot Industrial Complex, Hosur - 635 126, India. (* Các cách ghi khác: - 92 Sipcot, Hosur-635 126, Tamil Nadu, India - 92, Sipcot Industrial Complex, Hosur - 635 126, Tamil Nadu, India - No. 92, Sipcot Indl Area, Hosur Dharmapuri, Tamil	* Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh Beta-lactam, hormon sinh dục và độc tế bào): viên nén, viên nén bao phim, si rô khô, viên nang cứng gelatin và thuốc dùng ngoài.	WHO-GMP	K DIS. No: 030/D1/4/2 020	04-08-2021	31-12-2023	Department of Food Safety and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India	20
IN-068 » S Kant Healthcare Ltd » Plot No. 1802 - 1805, G.I.D.C. Phase III, Vapi, City Vapi - 396 195, Dist.Valsad, Gujarat State, India									
1089	S Kant Heathcare Limited	Plot No. 1802-1805, G.I.D.C. Phase III,.VAPI-396195, Dist: Valsad, Gujarat state India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang, thuốc bột thuốc cốm pha hỗn dịch, thuốc dùng ngoài (Mỡ, kem, gel), thuốc nước uống.	WHO-GMP	18111101	15-11-2018	14-11-2021	FDA Guajarat India	13
1090	S Kant Heathcare Limited	Plot No. 1802-1805, G.I.D.C. Phase III,.VAPI-396195, Dist: Valsad, Gujarat state India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm pha hỗn dịch; thuốc bán rắn (thuốc mỡ, gel, kem), viên nén, viên né bao phim	EU-GMP	MT/015HM/ 2020	18-05-2020	01-03-2023	Medicines Authority of Malta (MAM)	13
IN-069 » Bharat Biotech International Limited » Genome Valley, Shameerpet Mandal, Medchal District, Telangana State, India									
375	Bharat Biotech International Limited	Genome Valley, Shameerpet Mandal, Medchal District - 500 078, Telangana, India	* Vắc xin Đại đồng khô; * Vắc xin Rotavirus sống (uống).	WHO-GMP	03/HD/AP/9 8/V/R	13-09-2017	31-12-2021	Drug Control Administration, Government of Telangana, India	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2158	Bharat Biotech International Limited	Sy. No. 230, 231 & 235, Genome Valley, Turkapally, Shamirpet Mandal, Medchal-Malkajgiri District - 500 078, Telangana State, India	* Vắc xin Đại đồng khô; * Vắc xin Rotavirus sống (uống).	WHO-GMP	1646/STORE S/2020	28-11-2020	28-11-2023	Drug Control Administration, Government of Telangana, India	25
IN-070 » Sai Mirra Innopharm Pvt. Ltd., » No. 288 & 299, SIDCO Estate, Chennai - 98, India									
963	M/s. Sai Mirra Innopharm Pvt. Ltd.,	No. 288 & 299, SIDCO Estate, Ambattur, Chennai - 98, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, Viên nang cứng, Thuốc uống dạng lỏng, Thuốc bột uống (không bao gồm thuốc chứa betalactam, hóc môn sinh dục, độc tế bào)	WHO-GMP	19787/D1/4 /2018	09-07-2019	31-12-2021	Cơ quan quản lý được Ấn Độ (FDA Tamil Nadu, India)	12
IN-071 » Vovantis Laboratories pvt Ltd » Survey No. 546/1/1, OPP Ranoli Railway Station, Near Gacl Plant, Ranoli - 391 350, Vadodara, Gujarat State, India									
1631	Vovantis Laboratories pvt Ltd	Survey No. 546/1/1, OPP Ranoli Railway Station, Near Gacl Plant, Ranoli - 391 350, Vadodara, Gujarat State, India	Viên nén; thuốc bột uống.	India-GMP	20021824	03-02-2020	02-02-2023	Food&Drug Control Administration, Gujarat State, India	18
IN-072 » Human Biologicals Institute (A Division of M/s. Indian Immunologicals Limited) » Kozhipannai, Pudumund (Post) Dr. Basavaiah Nagar Udhagamandalam- 643 007, India									
544	Human Biologicals Institute (A Division of M/s. Indian Immunologicals Limited)	Kozhipannai, Pudumund (Post), Dr. Basavaiah Nagar, Udhagamandalam - 643 007, Tamilnadu, India	Vắc xin ABHAYRAB (vắc xin đại tinh chế trên tế bào Vero).	WHO-GMP	K DIS. No: 16284/D1/4 /2018	25-01-2019	31-12-2021	Department of Food Safety and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India	9
IN-073 » Athena Drug Delivery Solutions Pvt. Ltd » Plot No. A-1 to A-5, M.I.D.C, Chemical Zone, Ambernath (W), Thane 421501, Maharashtra State, India									
576	Athena Drug Delivery Solutions Pvt. Ltd	Plot No. A-1 to A-5, M.I.D.C, Chemical Zone, Ambernath (W), Thane 421501, Maharashtra State, India	Viên nang cứng; thuốc cốm; pellet, viên nén, viên bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ KD/66994/2 018/11/228 87	13-03-2018	12-03-2020	FDA Maharashtra, India	9
964	ATHENA DRUG DELIVERY SOLUTIONS PVT. LTD.	PLOT A1-A5, MIDC, CHEMICAL ZONE, AMBERNATH (WEST), MAHARASHTRA, 421 501, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc túi, thuốc cốm; pellet; viên nén; viên bao; viên nén phóng thích kéo dài.	EU-GMP	FT078/MH/0 01/2020	10-02-2020	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	12
1277	Athena Drug Delivery Solutions Pvt. Ltd	Plot No. A-1 to A-5, M.I.D.C, Chemical Zone, Ambernath (W), Thane 421501, Maharashtra State, India	Viên nang cứng; thuốc cốm; pellet, viên nén, viên nén bao phim; viên nén phóng thích kéo dài.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ KD/98377/2 021/11/349 33	03-02-2021	02-02-2024	FDA Maharashtra, India	15
IN-076 » Sovereign Pharma Private Limited » Survey No. 46/1-4, Village Kadaiya, Daman - 396 210, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1091	Sovereign Pharma Private Limited	Survey No. 46/1-4, Village Kadaiya, Daman - 396 210, India	Sản xuất ống dung môi; dung môi hoàn nguyên (nước pha tiêm vừa đủ 0,5 ml) cho vắc xin ABHAYRAB (vắc xin đại bắt hoạt tính chế trên tế bào Vero dạng bột đông khô).	WHO-GMP	No.DCD/D&D/LA/2018-2019/669	30-07-2018	29-07-2021	ADMINISTRATION OF DAMAN & DIU (UT), DRUGS LICENSING AUTHORITY, DRUGS CONTROL DEPARTMENT, PRIMARY HEALTH CENTER, DAMAN 396 220, INDIA	13
IN-077 » Venus Remedies, Limited » Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India									
418	Venus Remedies Limited	Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả chất kim tế bào); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Carbapenems); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất kim tế bào).	EU-GMP	FI042/MH/01/2017	28-07-2017	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	8
419	Venus Remedies Limited	Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn.), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc bột pha tiêm: Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Carbapenems, thuốc Non-Betalactam. * Thuốc điều trị ung thư: Thuốc tiêm dạng lỏng, thuốc đông khô pha tiêm. * Thuốc tiêm dạng lỏng (PFS, Ampoules & Vial) và thuốc đông khô pha tiêm.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 231/05 (Vol.XI)	10-05-2018	13-04-2021	State Drugs Controller, Controlling-cum-Licensing Authority, Himachal Pradesh, India	8
1938	Venus Remedies Limited	Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn.), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc bột pha tiêm: Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Carbapenems. * Thuốc điều trị ung thư: Thuốc tiêm dạng lỏng, thuốc đông khô pha tiêm. * Thuốc tiêm dạng lỏng (PFS, Ampoules & Vial) và thuốc đông khô pha tiêm. * Thuốc uống dạng gói chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 231/05 (Vol.XII)	23-04-2021	13-04-2024	State Drugs Controller, Controlling-cum-Licensing Authority, Himachal Pradesh, India	22
1939	Venus Remedies Limited	Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn.), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc bột pha tiêm	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 231/05 (Vol.XII)	03-09-2021	02-09-2024	State Drugs Controller, Controlling-cum-Licensing Authority, Himachal Pradesh, India	22
IN-079 » BDA Healthcare Pvt Ltd » Plot No B-123 near ITI MIDC Parseoni Nagpur 441105 Maharashtra State, India									
389	BDA Healthcare Pvt Ltd	Plot No B-123 near ITI MIDC Parseoni Nagpur 441105 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang, thuốc bột uống, viên nén	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ND/69229/2018/11/23368	20-04-2018	19-04-2020	FDA Maharashtra State, India	8
IN-081 » Dr. Reddy's Laboratories Ltd. » Survey No. 47, Bachupally Village, Bachupally Mandal, Medchal Malkajgiri District, Telangana, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
487	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Biologics, Survey. No. 47, Bachupally (V), Bachupally (M), Medchal Malkajigiri (DIST.), Telangana (State), India (Cách viết khác: Survey. No. 47, Bachupally Village, Bachupally Mandal, Medchal Malkajigiri District, Telangana, India-500090)	* Sản phẩm: Darbepoetin alfa (r-DNA) – Bulk; Cresp 25 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 25 mcg); Cresp 40 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 40 mcg); Cresp 25 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 25 mcg); Cresp 40 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 40 mcg); Cresp 100 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 100 mcg); Cresp 200 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 200 mcg); Cresp 500 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 500 mcg); Cresp 60 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 60 mcg); Haemavit 100 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 100 mcg); Haemavit 200 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 200 mcg); Redinesp 60 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 60 mcg); Redinesp 100 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 100 mcg); Redinesp 200 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 200 mcg); Redinesp 60 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 60 mcg); Londarbe 100 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 100 mcg); Londarbe 60 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 60 mcg); Londarbe 200 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 200 mcg); Arbheal 100 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 100 mcg); Arbheal 200 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 200 mcg); Arbheal 60 (Darbepoetin alfa (r-DNA Origin) 60 mcg); Grafeel (Filgrastim injection) (Each 1 ml Vial contains: G-CSF 300 mcg); Grafeel (Filgrastim injection) (Each 1 ml Pre-filled syringe contains: G-CSF 300 mcg); Grastim (Filgrastim injection) (G-CSF 300 mcg); Lioplim (Filgrastim injection) (G-CSF 300 mcg); Lioplim (Filgrastim injection) (G-CSF 300 mcg); Immugrast (Filgrastim injection) (G-CSF 300 mcg); Immugrast (Filgrastim injection) (G-CSF 300 mcg); Pegfilgrastim (r-DNA origin) - Bulk; Peg-grafeel (Pegfilgrastim 6mg); Rituximab (r-DNA origin) Bulk (Liquid and Frozen); Reditux (Rituximab (r-DNA origin) 100 mg); Reditux (Rituximab (r-DNA origin) 500 mg); Redditux (Rituximab (r-DNA origin) 100 mg); Redditux (Rituximab (r-DNA origin) 500 mg); Reditux-RA (Rituximab (r-DNA origin) 500 mg); Tidecron (Rituximab (r-DNA origin) 100 mg); Tidecron (Rituximab (r-DNA origin) 500 mg); Retap (Rituximab (r-DNA origin) 100 mg; Retap (Rituximab (r-DNA origin) 500 mg; Bicount (Rituximab (r-DNA origin) 100 mg; Retap (Rituximab (r-DNA origin) 500 mg	WHO-GMP	L.Dis.No.149 6/A3/2020	17-06-2020	17-06-2023	Drugs Control Administration Government of Telangana - India	9
IN-082 » Gufic Lifesciences Private Limited » Survey No. 171, N.H.No.8 Near Grid, Kabilpore, city: Navsari- 396 424, Dist: Navsari, Gujarat State, India									
499	Gufic Lifesciences Private Limited	Survey No. 171, N.H.No.8, Near Grid, Kabilpore, city: Navsari- 396 424, Dist: Navsari, Gujarat State, India. (Cách ghi khác: Survey No. 171, N.H.No.8 Near Grid, Kabilpore, 396 424, Navsari, Gujarat State, India.	* Thuốc tiêm truyền thể tích nhỏ (thuốc vô trùng): thuốc đông khô (thuốc sản xuất vô trùng).	WHO-GMP	1807949	31-07-2018	30-07-2021	Food and Drugs Control Administration, Gujarat State, India	9
500	Gufic Lifesciences Private Limited	Block Survey No. 171, National Grid, AT & PO Kabilpore, Navsari, Gujarat, 396 424, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô.	EU-GMP	OGYÉI/2651 0-6/2019	16-09-2019	29-06-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	9
IN-085 » Panacea Biotec Pharma Ltd. » Village Malpur, Baddi, Distt.: Solan, [H.P] - 173205, India									
341	Panacea Biotec Pharma Ltd.	Village Malpur, Baddi, Distt.: Solan, [H.P] - 173205, India	Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc mỡ.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 302/05 (Vol-III)	29-02-2020	10-10-2020	Health & Family Department Himachal Pradesh Baddi - State Drugs Controller India	8
1092	Panacea Biotec Pharma Ltd. Hoặc M/S Panacea Biotec Pharma Ltd.	Village Malpur, Baddi, Distt.: Solan, [H.P] - 173205, India (Cách ghi khác: Malpur, Baddi, Distt. Solan, H.P. - 173205, India / Malpur, Baddi, Tehsil-Nalagarh, Dist. Solan (H.P) - 173205, India)	Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc mỡ.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 302/05	08-10-2020	28-02-2023	Health & Family Department Himachal Pradesh Baddi - State Drugs Controller, India	13
IN-086 » Troikaa Pharmaceuticals Limited » Sanand - Kadi Road., Thol, City: Thol -382 728, Dist Mehsana Gujarat State, India									
405	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Sanand - Kadi Road., Thol, City: Thol -382 728, Dist. Mehsana Gujarat State, India (Cách viết khác: Thol-382728, Gujarat. - India)	Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nén bao phim; Thuốc hít phân liều; Thuốc hít dạng lỏng.	WHO-GMP	19071486	12-07-2019	11-07-2022	Food and Drugs Control Administration, Gujarat State, India	8
IN-087 » Troikaa Pharmaceuticals Limited » C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
422	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India	* Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh nhóm Beta Lactam): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang (chứa bột & dạng lỏng). * Thuốc tiêm truyền dạng lỏng thể tích nhỏ không chứa kháng sinh nhóm Beta Lactam (Ampoule & Vial).	WHO-GMP	17P/1/58/2006	05-06-2018	04-06-2021	Drugs Licensing & Controlling Authority, Directorate General of Medical Health & Family Welfare, Uttarakhand, India	8
1632	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India	* Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh nhóm Beta Lactam): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang (chứa bột & dạng lỏng). * Thuốc tiêm truyền dạng lỏng thể tích nhỏ không chứa kháng sinh nhóm Beta Lactam (Ampoule & Vial).	WHO-GMP	17P/1/58/2006	01-06-2021	27-05-2024	Drugs Licensing & Controlling Authority, Directorate General of Medical Health & Family Welfare, Uttarakhand, India	18
IN-088 » Gracure Pharmaceutical Ltd. » E-1105, RIICO, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar District, Rajasthan, 301019, India									
565	Gracure Pharmaceutical Ltd.	E-1105, RIICO, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar District, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; si rô uống; hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	OGYÉI/18271-6/2017	27-07-2017	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	9
566	Gracure Pharmaceutical Ltd.	E-1105, RIICO, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar. (Rajasthan), India	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nang cứng; si rô khô (bột pha dung dịch uống); thuốc uống dạng lỏng (si rô, hỗn dịch); thuốc dùng ngoài (kem, gel, mỡ, lotion); viên nén (viên nén trần, viên nén bao). * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm betalactam (Cephalosporin và Penicillin): Viên nang cứng; si rô khô (bột pha dung dịch uống); viên nén (viên nén trần, viên nén bao).	WHO-GMP	DC/A-I/2019/1730	01-11-2019	01-11-2022	Licensing Authority & Drugs Controller, Rajasthan, Jaipur, India	9
1809	Gracure Pharmaceutical Ltd.	E-1105, RIICO, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar District, Rajasthan, 301019, India Các cách ghi khác: E-1105, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Rajasthan 301019, India hoặc: E-1105, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, (Raj.), India hoặc: E-1105 RIICO Industrial Area, Phase III, Bhiwadi, Alwar, (Rajasthan), India hoặc: E-1105, Industrial Area, Phase III, Bhiwadi, Alwar District, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; si rô uống; hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	OGYÉI/22135-6/2021	09-07-2021	14-05-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	20
IN-091 » Biological E. Limited » Plot No. 1, S.P. Biotechnology Park, Phase-II, Kolthur Village, Shameerpet Mandal, Hyderabad - 500 078, Medchal-Malkajgiri District, Telangana, India									
378	Biological E. Limited	Plot No. 1, Biotech Park, Phase-II, Kolthur Village, Shameerpet Mandal - 500 078, Medchal-Malkajgiri District, Telangana, India	* Vắc xin Bạch hầu, Uốn ván, Ho gà (toàn tế bào), Viêm gan B (DNA tái tổ hợp) và Hib cộng hợp (hấp phụ): Đóng gói đơn liều 0.5mL, hai liều 1mL, năm liều 2.5mL, mười liều 5mL. * Vắc xin Viêm não Nhật Bản bất hoạt (cho người) 0.5 mL trong lọ 3mL (Vắc xin tinh khiết bất hoạt hấp phụ): Đóng gói đơn liều 0.5mL, hai liều 1mL. * Vắc xin Viêm gan B (DNA tái tổ hợp) (cho trẻ em): Đóng gói đơn liều 0.5mL, hai liều 1mL, năm liều 2.5mL, mười liều 5mL. * Vắc xin Viêm gan B (DNA tái tổ hợp) (cho người lớn): Đóng gói đơn liều 1mL, mười liều 10mL. * Vắc xin Bạch hầu và Uốn ván (hấp phụ, giảm liều kháng nguyên): Đóng gói đơn liều 0.5mL, mười liều 5mL. * Vắc xin Bạch hầu, Uốn ván, Ho gà (toàn tế bào) và Viêm gan B (DNA tái tổ hợp) (hấp phụ): Đóng gói đơn liều 0.5mL, mười liều 5mL. * Vắc xin Bạch hầu, Uốn ván, Ho gà (toàn tế bào) (hấp phụ): Đóng gói mười liều 5mL. * Vắc xin Sởi và Rubella (sống, giảm độc, đông khô): Đóng gói đơn liều 0.5mL, năm liều 2.5mL, mười liều 5mL.	WHO-GMP	L. Dis. No. 2645/Stores /2019	26-11-2019	26-11-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	8
IN-094 » Glenmark Pharmaceuticals Ltd (Unit II) » Village Bhattanwala, P.O. Rajpura, Nalagarh, Distt, Solan (H.P.), India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
647	Glenmark Pharmaceuticals Ltd (Unit II)	Village Bhattanwala, P.O. Rajpura, Nalagarh, Distt, Solan (H.P.) India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (Hỗn dịch, si rô); thuốc dùng ngoài (kem, gel, lotion).	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 05/09	01-05-2020	30-04-2023	State Drugs Controller, Controlling-cum-Licensing Authority, Himachal Pradesh, India	10
IN-097 » USV Private Limited » H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, OIDC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India									
648	USV Private Limited	H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, OIDC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4167 2-0006	03-01-2019	31-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	10
649	USV Private Limited hoặc M/S. USV Private Limited	H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, OIDC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India Cách ghi khác: H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-	* Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc cổm; Thuốc tiêm vô trùng; Bơm kim tiêm đóng sẵn.	WHO-GMP	DCD/ D&D/ LA/ 2019 - 2020/826	27-01-2020	27-01-2023	Medical & Health service, Drugs Licensing Authority, UT of Daman &Diu, Daman, INDIA	10
1871	USV Private Limited hoặc M/S. USV Private Limited	H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, OIDC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India Cách ghi khác: H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4167 2-0007	27-01-2020	09-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	21
IN-098 » Zim Laboratories Limited » B-21/22, MIDC area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra state, India									
650	Zim Laboratories Limited	B-21/22, MIDC area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra state, India	* Dải phim phân tán trong miệng.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ ND/74728/2 018/11/243 41	03-08-2018	02-08-2021	Food & Drug Administration, M.S. Bandra (E), Mumbai, Maharashtra state, India	10
1278	Zim Laboratories Limited	B-21/22, MIDC area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra state (hoặc Nagpur, Maharashtra state, 441501), India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả viên nang cứng chứa pellets); thuốc cổm; thuốc bột; pellet; viên nén; viên nén bao. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang; thuốc bột; viên nén, viên nén bao.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ ND/82761/2 019/11/280 44	16-05-2019	15-05-2022	Food & Drug Administration, M.S. Bandra (E), Mumbai, Maharashtra state, India	15
1279	Zim Laboratories Limited	B-21/22, MIDC area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra state (hoặc Nagpur, Maharashtra state, 441501), India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Dải phim phân tán trong miệng; thuốc bột pha hỗn dịch uống (bán thành phẩm, thành phẩm); viên nén, viên nén bao phim; pellet (sản phẩm trung gian). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Dải phim phân tán trong miệng; thuốc bột pha hỗn dịch uống (thành phẩm); viên nén (bao gồm viên nén bao phim). + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	FT065/MH/0 02/2018	03-07-2018	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	15
IN-099 » Steril-Gene Life Sciences (P) Ltd. (hoặc Limited) » No. 45, Mangalam Main road, Mangalam village, Villianur commune, Puducherry, 605 110, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
517	Steril-Gene Life Sciences (P) Ltd.	No. 45, Mangalam Main road, Mangalam village, Villianur commune, Puducherry, 605 110, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon); viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa hormon); viên nang mềm (chứa hormon).	WHO-GMP	DDC/U-II/WHO-GMP/2019-20/07	31-10-2019	30-10-2022	Department of Drugs Control, Puducherry, India	9
780	Steril-Gene Life Sciences (P) Ltd. (hoặc Limited)	No. 45, Mangalam Main road, Mangalam village, Villianur commune, Puducherry, 605 110, India (* cách viết khác: No. 45, Mangalam Main road, Villianur commune, Puducherry, 605 110, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	OGYÉI/6343 -6/2018	19-09-2018	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	11
781	Steril-Gene Life Sciences (P) Ltd. (hoặc Limited)	No. 45, Mangalam Main road, Mangalam village, Villianur commune, Puducherry, 605 110, India (* cách viết khác: No. 45, Mangalam Main road, Villianur commune, Puducherry, 605 110, India)	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon); viên nang mềm (chứa hormon).	EU-GMP	OGYÉI/5201 0-11/2018	03-01-2020	16-08-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	11
IN-100 » Emcure Pharmaceuticals Limited » Lane No.03, Phase II, SIDCO Industrial Complex, Bari Brahmana, Jammu (J&K) -181133, India									
782	Emcure Pharmaceuticals Limited,,	Lane No.03, Phase II, SIDCO Industrial Complex, Bari Brahmana, Jammu (J&K) - 181133, India	Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch).	WHO-GMP	DFO/Drugs/698/8250	06-03-2019	06-03-2022	Office of the Controller, Drugs & Food Control Organization, Patoli, Mangotarian, Janipur, Jammu, India	11
IN-102 » Kopran Limited » Village Savroli, Khalapur, Raigad, Maharashtra, IN-410202, India									
965	Kopran Limited	Village Savroli, Tal. Khalapur, Raigad, 410202, Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Bột pha hỗn dịch/siro. * Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/87607/2 019/11/299 31	01-11-2019	31-10-2022	Office of the Commissioner, Food & Drugs Organization, Patoli, Mangotarian, Janipur, Jammu, India	12
IN-103 » Sparsh Bio-Tech Pvt. Ltd., » Plot No. 1, survey No. 242/243/244, Lakhabavad, 361 006, Dist: Jamnagar, Gujarat State, India									
1280	Sparsh Bio-Tech Pvt. Ltd.	Plot No. 1, Survey No. 242/243/244, Lakhabavad, City: Lakhabavad - 361 006, Dist: Jamnagar, Gujarat State, India	Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén, viên nang, Siro khô.	WHO-GMP	1806863	05-06-2018	04-06-2021	Food & Drug Control Administration, Gandhinagar, Gujarat State, India	15
IN-104 » Sun Pharmaceutical Industries Ltd » Survey No. 214, Plot No. 20, Govt.Ind.Area, Phase II, Piparia, Silvassa-396230, U.T. of Dadra & Nagar Haveli, India									
546	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Survey No. 214, Plot No. 20, Govt.Ind.Area, Phase II, Piparia, Silvassa-396230, U.T. of Dadra & Nagar Haveli, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén bao, viên nén không bao); Viên nang.	WHO-GMP	DMHS/ADC/DNH/WHO-GMP/2015/ 211/8899	06-09-2019	23-07-2022	Drugs Controller & Licensing Authority Dadra & Nagar Haveli, Silvassa, India	9
IN-105 » Macleods Pharmaceuticals Limited » Phase-II, Plot No. 25-27, Survey No. 366, Premier Industrial Estate, Kachigam, Daman-396210, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
783	M/s Macleods Pharmaceuticals Limited	Phase-II, Plot No. 25-27, Survey No. 366, Premier Industrial Estate, Kachigam, Daman-396210, India	Viên nén; viên nang ; thuốc cốm; pellet, viên nén bao phim.	WHO-GMP	DCD/D&D/L A/2019-2020/11325	13-11-2019	13-11-2022	Administration of Daman & DIU (UT), India	11
784	M/s Macleods Pharmaceuticals Limited	UnitII, Plot No. 12, 15, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28 and 30, Survey No. 366, Premier Industrial Estate, Kachigam, Daman-396210, India	Thuốc không vô trùng; viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 31303 Insp GMP 31303/3537 18-0005	09-03-2020	12-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
IN-106 » Mylan Laboratories Limited » Plot No H12 & H13, MIDC, Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra State, India									
651	Mylan Laboratories Limited	Plot No H12 & H13, MIDC, Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra State, India (* Cách ghi khác: Plot No H-12 & H-13 MIDC, Waluj Industrial Estate, Aurangabad, IN-431136, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/72573/2 018/11/262 57	18-12-2018	17-12-2021	Food & Drug Administration, M,S Bandra (E) Mumbai Maharashtra State, India	10
966	Mylan Laboratories Limited	Plot No H12 & H13 MIDC, Waluj industrial estate, Aurangabad, IN-431 136, India (* Cách ghi khác: Plot No H12 & H13, MIDC, Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	18368	22-12-2017	17-11-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	12
1093	Mylan Laboratories Limited	Plot No H12 & H13 MIDC, Waluj industrial estate, Aurangabad, IN-431 136, India (* Cách ghi khác: Plot No H12 & H13, MIDC, Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	26168	27-02-2020	29-11-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	13
2020	Mylan Laboratories Limited	Plot No H12 & H13, MIDC, Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra State, India (* Cách ghi khác: Plot No H-12 & H-13 MIDC, Waluj Industrial Estate, Aurangabad, IN-431136, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/106169/2022/11/38 759	12-01-2022	11-01-2025	Food & Drug Administration, M,S Bandra (E) Mumbai Maharashtra State, India	23
IN-107 » Mylan Laboratories Limited » F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, IN-422113, India									
652	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, IN-422113, India (* Cách ghi khác: F-4 & F-12, MIDC, Malegaon, Tal. Sinnar, Nashik 422113, Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/NKD/67644/2018/11/23 789	13-06-2018	12-06-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	10
653	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, IN-422113, India (* Cách ghi khác: F-4 & F-12, MIDC, Malegaon, Tal. Sinnar, Nashik 422113, Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	HPRA25287/INS-GMP-2017-097	10-04-2019	31-12-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2021	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, IN-422113, India (* Cách ghi khác: F-4 & F-12, MIDC, Malegaon, Tal. Sinnar, Nashik 422113, Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ NKD/103230 /2021/11/36 529	03-07-2021	02-07-2024	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	23
IN-108 » Oxalis Labs » Village- Theda, P.O. Lodhimajra, Teshil Baddi District Solan, Himachal Pradesh, India									
785	Oxalis Labs	Village- Theda, P.O. Lodhimajra, Teshil Baddi Distt. Solan (HP) INDIA - 174101	Thuốc không vô trùng: thuốc dạng hít phân liều, thuốc dùng ngoài (dung dịch, kem, gel); viên nén; viên nang mềm; thuốc cốm dạng gói (sachet), thuốc bột dạng gói (sachet)	WHO-GMP	HFW-H[DRUGS] 665/12	07-02-2019	06-02-2022	Licensing Authority cum Drug Controller of Himachal Pradesh, India	11
IN-109 » Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd » Vill. Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P), India									
654	M/s Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd	Vill. Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P), India	* Viên nén, viên nang, bột pha siro (dry syrup) chứa penicillin. * Thuốc uống dạng lỏng * Thuốc dùng ngoài (kem, mỡ) * Viên nén, bột pha siro (dry syrup) chứa cephalosporine	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 104/05	29-05-2020	10-06-2021	Health & Family Welfare Department Himachi Pradest, Distt. Solan - India (State Drugs Controller)	10
2159	M/s Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd	Vill. Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P), India	* Thuốc chứa penicillin: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; bột pha siro, bột pha hỗn dịch (dry syrup). * Thuốc uống dạng lỏng * Thuốc dùng ngoài (kem, mỡ) * Thuốc chứa cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim; bột pha siro (dry syrup).	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 104/05	26-07-2021	25-07-2024	Health & Family Welfare Department Himachi Pradest, Distt. Solan - India (State Drugs Controller)	25
IN-110 » Centurion Remedies Pvt. Ltd. » Plot No: G/5 & G/6, B.I.D.C Gorwa., Vadodara - 390016, Gujarat State, India									
1497	Centurion Remedies Pvt. Ltd.	Plot No: G/5 & G/6, B.I.D.C Gorwa., Vadodara -390016, Gujarat State, India.	Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao và không bao); viên nang cứng, thuốc bột uống.	WHO-GMP	19011155	07-01-2019	06-01-2022	Food& Drug Control Administration, Gujarat State, India	17
IN-111 » Cipla Ltd. » PLOT NO. A-42, M.I.D.C., PATALGANGA, RAIGAD 410220 MAHARASHTRA STATE, INDIA									
655	Cipla Ltd.	Unit II, PLOT NO. A-42, M.I.D.C., PATALGANGA, RAIGAD 410220 MAHARASHTRA STATE, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ KD/83192/2 019/11/296 28	03-10-2019	26-09-2022	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	10
656	Cipla Limited Unit I & Unit II	UNIT II, PLOT NO A-42, MIDC, PATALGANGA, DISTRICT RAIGAD, MAHARASHTRA, IN-410 220, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4416 87-0005	22-05-2018	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	10
IN-112 » Biodeal Pharmaceuticals PVT LTD » Vill. Sainimajra, Nalagarh - Ropar Road, Nalagarh, Distt. Solan (H.p.), 174101 India									
786	Biodeal Pharmaceuticals PVT LTD	Vill. Sainimajra, Nalagarh - Ropar Road, Nalagarh, Distt. Solan (H.p.), 174101 India	* Viên nén, viên nang cứng, thuốc dùng ngoài (kem, gel, mỡ, thuốc bột, thuốc nhỏ tai, thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi)	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 327/06 Vol-III	15-06-2018	14-06-2021	Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2071	Biodeal Pharmaceuticals PVT LTD	Vill. Sainimajra, Nalagarh - Ropar Road, Nalagarh, Distt. Solan (H.p.), 174101 India	* Viên nén, viên nang cứng, thuốc dùng ngoài (kem, gel, mỡ, thuốc bột, thuốc nhỏ tai, thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi)	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 327/06	04-08-2021	03-08-2024	Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	24
IN-113 » MSN Laboratories Private Limited » Formulations Division, Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Sangareddy District - 502 325, Telangana, India									
787	MSN Laboratories Private Limited	Formulations Division, Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Sangareddy District - 502 325, Telangana, India (* Cách ghi cũ: Formulations Division, Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Medak District - 502 325, Telangana, India)	* Sản phẩm: ACECLOFENAC 100 mg and PARACETAMOL 500 mg TABLETS; GLIMEPIRIDE 2 mg and METFORMIN HYDROCHLORIDE 500 mg EXTENDED RELEASE TABLETS; GLIMEPIRIDE 1 mg and METFORMIN HYDROCHLORIDE 500 mg EXTENDED RELEASE TABLETS; Levofloxacin Tablets 250mg, 500mg, 750 mg; METFORMIN HYDROCHLORIDE EXTENDED RELEASE TABLETS USP 500 mg, 1000 mg; MONTELUKAST CHEWABLE TABLETS 4 mg, 5 mg ; MONTELUKAST TABLETS 5 mg , 10 mg; MONTELUKAST SODIUM 10 mg AND LEVOCETIRIZINE DIHYDROCHLORIDE 5 mg TABLETS; MOXIFLOXACIN TABLETS 400 mg; NEBIVOLOL TABLETS 2.5 mg, 5 mg, 10 mg, 20 mg; OLMESARTAN MEDOXOMIL TABLETS 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg; ROSUVASTATIN TABLETS 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg; ROSUVASTATIN 10 mg AND FENOFIBRATE 160 mg TABLETS; TELMISARTAN TABLETS USP 20 mg, 40 mg, 80 mg; TELMISARTAN 40 mg AND HYDROCHLORDETHIAZIDE 12.5 mg TABLETS USP; TOLVAPTAN TABLETS 15 mg, 30 mg; APREPITANT CAPSULES 80 mg, 125 mg; BOSENTAN TABLETS 125 mg; CLOPIDOGREL TABLETS USP 75 mg, EPLERENONE TABLETS 25mg, 50 mg; MONTELUKAST SODIUM CHEWABLE TABLETS USP 4 mg, 5 mg; MONTELUKAST TABLETS USP 4 mg, 5 mg , 10 mg; OLMESARTAN MEDOXOMIL TABLETS USP 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg; RANOLAZONE EXTENDED RELEASE TABLETS 375 mg, 500 mg, 750 mg , 1000 mg; ROSUVASTATIN TABLETS USP 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg; TELMISARTAN 80 mg AND HYDROCHLORDETHIAZIDE 25 mg TABLET; DEXLANSOPRAZOLE MR CAPSULES 30 mg, 60 mg; RABEPRAZOLE SODIUM EC 20 mg AND DOMPERIDONE SR 30mg CAPSULES; TADALAFIL TABLETS USP 10 mg; LACOSAMIDE TABLETS 50 mg, 100 mg, 150 mg , 200 mg; Montelukast Sodium Tablets 5mg, 10 mg; Voriconazole Tablets 50 mg, Voriconazole Tablets 200 mg; PREGABALIN CAPSULES 25 mg, 50 mg; Voriconazole for Injection 200 mg/vial; Palonosetron Hydrochloride Injection 0.25 mg/5ml.	WHO-GMP	L.Dis.No.312 1/Stores/20 19	18-03-2020	18-03-2023	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	11
967	MSN Laboratories Private Limited	Formulations Division, Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Sangareddy District - 502 325, Telangana, India (* Cách ghi cũ: Formulations Division, Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Medak District - 502 325, Telangana, India)	Atorvastatin tablets 10 mg, 20 mg, 40 mg; Atorvastatin Tablets 10 mg and Fenofibrate 160 mg Tablets; Almotriptan Tablets 6.25 mg, 12.5 mg; Ambrisentan Tablets 5 mg, 10 mg; Aceclofenac Tablets 100 mg; Aceclofenac Tablets 100 mg and Paracetamol 500 mg Tablets; Azithromycin Tablets USP 250 mg, 500 mg; Clopidogrel USP 75 mg; Clopidogrel Tablets 75 mg; Clopidogrel Tablets USP 75 mg, 500 mg; Dapoxetine Tablets 30 mg, 60 mg; Eplerenone Tablets 25 mg, 50 mg; Febuxostat Tablets 40 mg, 80 mg; Glimepiride Tablets USP 1 mg, 2 mg; Glimepiride 1 mg and Metformin Hydrochloride 500 mg Extended Release Tablets; Glimepiride 2 mg and Metformin Hydrochloride 500 mg Extended Release Tablets; Levofloxacin Tablets 250 mg, 500 mg, 750 mg; Levofloxacin Tablets USP 750 mg; Lacosamide Tablets 50 mg, 100 mg, 150 mg, 200 mg; Montelukast Tablets 10 mg; Montelukast 10 mg and Levocetirizine Dihydrochloride 5 mg Tablets; Montelukast Chewable Tablets 4 mg, 5mg; Montelukast Sodium Chewable Tablets 4 mg, 5 mg; Montelukast Sodium Tablets 10 mg; Moxifloxacin Tablets 400 mg; Moxifloxacin Hydrochloride Tablets 400 mg; Nebivolol Tablets 2.5 mg, 5 mg, 10 mg, 20 mg; Olmesartan Medoxomil Tablets 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg; Pregabalin Capsules 25 mg, 50 mg, 75mg, 150 mg, 300 mg; Pregabalin 75 mg, 150 mg; Prasugrel Tablets 5 mg, 10 mg; Rosuvastatin Calcium Tablets 5 mg, 40 mg; Rosuvastatin Calcium 10 mg, 20 mg; Rosuvastatin Tablets 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg; Ranolazine Extended Release Tablets 375 mg, 500 mg, 750 mg, 1000 mg; Silodosin Capsules 4 mg, 8 mg; S-Amlodipine Besylate Tablets 2.5 mg, 5 mg; Telmisartan and Hydrochlorothiazide Tablets; Telmisartan USP 20 mg, 40 mg, 80mg; Telmisartan Tablets USP 20 mg, 40 mg, 80 mg; Telmisartan 40 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg USP; Telmisartan 80 mg and Hydrochlorothiazide 25 mg Tablets; Telmisartan and Hydrochlorothiazide tablets; Telmisartan and Hydrochlorothiazide tablets USP 80mg/12.5mg; Telmisartan 80 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg Tablets USP; Telmisartan Tablets 20 mg, 40mg, 80 mg; Telmisartan 40 mg and Hydrochlorothiazide 12.5 mg Tablets USP; Telmisartan 80 mg and Hydrochlorothiazide 25 mg Tablets USP; Sildenafil Tablets 20 mg; Tadalafil Tablets USP 20 mg.	WHO-GMP	L. Dis. No. 1111/Stores /2019	30-07-2019	30-07-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	12
IN-114 » Denis Chem Lab Limited » Block 457, Village - Chhatral, Tal-kalol, Dist, Gandhinagar - 382 729 Gujarat State, India									
1195	Denis Chem Lab Limited	Block 457, Village - Chhatral, Tal-kalol, Dist, Gandhinagar - 382 729 Gujarat State, India	* Thuốc vô trùng tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch vô trùng rửa vết thương;	WHO-GMP	19101663	22-10-2019	21-10-2022	Food and Drug control Administration, Gujarat state, India	14
IN-116 » Cadila Pharmaceuticals Limited » Plot No. 1389 Trasad road, Dholka, Ahmedabad, IN 382225, India									
788	Cadila Pharmaceuticals Limited	Plot No. 1389 Trasad road, Dholka, City: Dholka - 382225, dist. Ahmedabad, Gujarat state, India (cách ghi địa chỉ khác: Plot No. 1389 Trasad road, Dholka, Ahmedabad, IN 382225, India)	* Viên nén, viên nang, thuốc uống dạng lỏng * Thuốc tiêm thể tích nhỏ: Thuốc tiêm dạng lỏng, thuốc nhỏ mắt - lọ, ống (vials & ampoule) * Thuốc tiêm đông khô: lọ (vials) * Thuốc chứa betalactam: Viên nén, viên nang, thuốc bột pha siro (dry syrup); thuốc bột pha tiêm thể tích nhỏ * Thuốc chứa cephalosporin: Viên nén, viên nang, thuốc bột pha siro; thuốc bột pha tiêm thể tích nhỏ.	Indian-GMP	19111701	18-11-2019	17-11-2022	Cơ quan quản lý dược Ấn Độ (FDA Gandhinagar, Gujarat state, India)	11
789	Cadila Pharmaceuticals Limited	Plot No. 1389 Trasad road, Dholka, Ahmedabad, IN 382225, India (cách ghi khác: Plot No. 1389 Trasad road, Dholka, City: Dholka - 382225, dist. Ahmedabad, Gujarat state, India)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim (không bao gồm beta-lactam, cephalosporins, rifampicin, insulin)	EU-GMP	UK GMP 20872 Insp GMP 20872/1401 3-0007	11-05-2018	17-11-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
IN-117 » Glenmark Pharmaceuticals Limited » Plot No. E-37, 39, D-road, MIDC, Satpur, Nashik 422007, Maharashtra state, India									
657	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. E-37, 39, D-road, MIDC, Satpur, Nashik 422007, Maharashtra state, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài (thuốc bột; thuốc mỡ kem; lotion; gel; thuốc nhỏ tai; thuốc nhỏ mũi; thuốc dạng xịt); thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/NKD/90224/2020/11/31 612	13-04-2020	12-04-2023	Food & Drug Administration, M.S. Bandra (E), Mumbai, Maharashtra state, India	10
IN-118 » Cadila Healthcare Limited » Kundaim Industrial Estate, Plot No. 203-213. Kundaim, Goa - 403115, India									
968	Cadila Healthcare Limited	Kundaim Industrial Estate, Plot No. 203-213. Kundaim, Goa - 403115, India	- Viên nén, viên nén bao, viên nang. - Viên nén, viên nén bao (độc tế bào).	WHO-GMP	No.357/MF G/DFDA/WH O-GMP/2019/57	04-04-2019	30-10-2021	Food & Drug Admn., Bambolim-Goa, India	12
1094	Cadila Healthcare Limited	Kundaim Industrial Estate, Plot No. 203 to 213. Kundaim village, Goa, 403 115, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	OGYÉI/5266 4-6/2018	11-03-2019	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	13
1872	Cadila Healthcare Limited	Kundaim Industrial Estate, Plot No. 203-213. Kundaim, Goa - 403115, India	Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột), viên nang cứng, thuốc cổm.	WHO-GMP	No.357/MF G/CERT/DFD A/2021/218 4	27-12-2021	20-12-2024	Food & Drug Admn., Bambolim-Goa, India	21
IN-119 » Getwell Pharmaceuticals » 474, Udyog Vihar, Phase - V, Gurugram, Haryana, India									
969	Getwell Pharmaceuticals	474, Udyog Vihar, Phase - V, Gurugram, Haryana, India	Thuốc gây độc tế bào điều trị ung thư: Thuốc bột đông khô.	WHO-GMP	No.4/82-1drug-l-2020/200	08-01-2020	30-11-2022	State Drugs Controller-cum-Controlling & Licensing Authority, Food and Drugs Administration, Haryana, India	12
IN-120 » Dr. Reddy's Laboratories Limited, FTO-VII » Plot No. P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District 530046, Andhra Pradesh, India									
790	Dr. Reddy's Laboratories Limited,	Formulation Unit-VII, Plot Nos P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District - 530046, Andhra Pradesh, India (* Cách ghi khác: Formulation Unit VII, Plot No. P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, India - 530046)	* Sản phẩm: Abiratred (Abiraterone acetate 250mg); Abiraterone acetate tablets 250mg (Abiraterone acetate 250mg); Redabi (Abiraterone acetate 250mg); Teronred (Abiraterone acetate 250mg); Abiratred (Abiraterone acetate USP 250mg); Arbitus (Abiraterone acetate IP 250mg); Abiraterone acetate tablets USP 250mg (Abiraterone acetate USP 250mg); Redabi (Abiraterone acetate USP 250mg); Teronred (Abiraterone acetate USP 250mg); Azacitin (Azacitidine 100mg); Azacitin (Azacitidine IP 100mg); Azacitidine for injection IP 100mg/vial (Azacitidine IP 100mg); Winduza (Azacitidine IP 100mg); Zitare (Azacitidine IP 100mg); Avoxred (Azacitidine 100mg); Bendamustine Hydrochloride Injection 180mg/4ml (Bendamustine hydrochloride 180mg); Bortezomib Dr.Reddy's 3.5mg Powder for injectable solution (Bortezomib 3.5mg); Bozib 3.5 (Bortezomib 3.5mg); Bozored 3.5 (Bortezomib 3.5mg); Brecre (Bortezomib 3.5mg); Bortezomib for injection 3.5 mg/vial (Bortezomib 3.5mg); Myborte (Bortezomib 3.5mg); Myezom 3.5mg (Bortezomib 3.5mg); Myezon 3.5mg (Bortezomib 3.5mg); Myezon 3.5 (Bortezomib IP 3.5mg); Bortezomib Dr.Reddy's 3.5mg Powder for solution for injection (Bortezomib 3.5mg); Myborte 3.5mg (Bortezomib 3.5mg); Cabazred 60mg (Cabazitaxel 60mg); Bacazired (Cabazitaxel 60mg); Cabazred (Cabazitaxel 60mg); Cabazitaxel Injection 60mg/1.5ml (Cabazitaxel 60mg); Cazat (Cabazitaxel 60mg); Capecitabine tablets 150mg (Capecitabine 150mg); Capecitabine tablets USP 150mg (Capecitabine USP 150mg); Capecitabine-DRLA 150mg (Capecitabine Ph.Eur 150mg); Apcibin 150 (Capecitabine USP 150mg); Apcibine 150mg (Capecitabine USP 150mg); Apcibin 150 (Capecitabine Ph.Eur 150mg); Capiibine 150 (Capecitabine Ph.Eur 150mg); Capiibine 150 (Capecitabine USP 150mg); Capecitabine tablets 500mg (Capecitabine 500mg); Capecitabine tablets USP 500mg (Capecitabine USP 500mg); Kapfuro (Capecitabine USP 500mg); Capecitabine-DRLA 500mg (Capecitabine Ph.Eur 500mg); Kapfuro (Capecitabine USP 150mg); Apcibin 500 (Capecitabine USP 500mg); Apcibine 500mg (Capecitabine USP 500mg); Apcibine 500 (Capecitabine Ph.Eur 500mg); Capiibine 500 (Capecitabine USP 500mg); Capiibine 500 (Capecitabine Ph.Eur 500mg); Decitabine Dr.Reddy's 50 (Decitabine 50mg); Detabin 50 (Decitabine 50mg); Decitabine for injection (Decitabine 50mg) 50mg/vial; Redtbin 50 (Decitabine 50mg); Xalibo (Decitabine 50mg); Redtbin (Decitabine 50mg); Docetaxel injection 20mg/ml (Docetaxel anhydrous 20mg); Docetaxel 20mg/1ml concentrate for solution for infusion (Docetaxel anhydrous Ph.Eur 20mg); Docetere RFA (Docetaxel anhydrous IP 20mg); Docetere 20 (Docetaxel USP 20mg); Dextored 20 (Docetaxel anhydrous Ph.Eur 20mg); Dextored 20 (Docetaxel USP 20mg); Docetaxel injection 80mg/4ml (Docetaxel anhydrous 80mg); Docetaxel 80mg/4ml concentrate for solution for infusion (Docetaxel anhydrous Ph.Eur 80mg); Docetere RFA (Docetaxel anhydrous IP 80mg); Dextored 80 (Docetaxel anhydrous Ph.Eur 80mg); Docetere 80 (Docetaxel USP 20mg/ml); Docetaxel Injection USP 80mg/4ml (Docetaxel USP 20mg/ml); Dextored 80 (Docetaxel USP 20mg/ml); Docetere RFA (Docetaxel anhydrous IP 120mg); Volantis (Everolimus 5mg); Volantis (Everolimus 10mg); Fingolimod capsules 0.5mg (Fingolimod hydrochloride 0.56mg equivalent to Fingolimod 0.5mg) <còn tiếp>	WHO-GMP	L.Dis.No. 4341/P&B/2 019	24-09-2019	24-09-2022	Drugs Control Department, Government of Andhra Pradesh, India	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
791	Dr. Reddy's Laboratories Limited,	Formulation Unit-VII, Plot Nos P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District - 530046, Andhra Pradesh, India (* Cách ghi khác: Formulation Unit VII, Plot No. P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, India -530046)	* Sản phẩm (tiếp theo): Gemcitabine for injection 1000mg (Gemcitabine hydrochloride Ph.Eur equivalent to Gemcitabine 1000mg); Redistra (Imatinib Mesilate Ph.Eur equivalent to Imatinib 100mg); Redistra (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 100mg); Redivec (Imatinib Mesilate Ph.Eur equivalent to Imatinib 100mg); Redivec (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 100mg); Imatinib Mesylate capsules 100mg (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 100mg); Redivec (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 400mg); Redivec (Imatinib Mesilate Ph.Eur equivalent to Imatinib 100mg); Imatinib Mesylate capsules 400mg (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 400mg); Imatinib Mesylate tablets 100mg (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 100mg); Imatinib Mesylate tablets 400mg (Imatinib Mesilate equivalent to Imatinib 400mg); Irinotecan hydrochloride trihydrate Injection 20mg/ml (Irinotecan hydrochloride trihydrate 20mg); Irinotecan 40 (Irinotecan hydrochloride trihydrate 20mg); Irinotecan 40 (Irinotecan hydrochloride trihydrate 20mg/ml); Irinotecan 100 (Irinotecan hydrochloride trihydrate 20mg/ml); Irinotecan 100 (Irinotecan hydrochloride trihydrate 20mg/ml); Lenalidomide capsules 5mg (Lenalidomide 5mg); Lenangio 5 (Lenalidomide 5mg); Lizgram 5 (Lenalidomide 5mg); Lenalidomide capsules 10mg (Lenalidomide 10mg); Lenangio 10 (Lenalidomide 10mg); Lizgram 10 (Lenalidomide 10mg); Lenalidomide capsules 15mg (Lenalidomide 15mg); Lenangio 15 (Lenalidomide 15mg); Lizgram 15 (Lenalidomide 15mg); Lenalidomide capsules 025mg (Lenalidomide 25mg); Lenangio 25 (Lenalidomide 25mg); Lizgram 25 (Lenalidomide 25mg); Melphalan hydrochloride for injection 50mg (Melphalan hydrochloride equivalent to Melphalan USP 50mg); Melphared 50 (Melphalan hydrochloride equivalent to Melphalan USP 50mg); Mitotax 30 (Paclitaxel USP 6mg/ml); Mitotax (Paclitaxel IP 6mg/ml); Mitotax 100 (Paclitaxel USP 6mg/ml); Mitotax 100 (Paclitaxel IP 6mg/ml); Mitotax 250 (Paclitaxel IP 6mg/ml); Mitotax 250 (Paclitaxel USP 6mg/ml); Mitotax 300 (Paclitaxel IP 6mg/ml); Mitotax 300 (Paclitaxel USP 6mg/ml); Podoxred 100mg (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 100mg); Pemetrexed for injection 100mg (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 100mg); Pemgem 100 (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 100mg); Podoxred (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 100mg); Podoxred 500 (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 500mg); Pemetrexed for injection 500mg (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 500mg); Pemgem 500 (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 500mg); Podoxred (Pemetrexed Disodium equivalent to Pemetrexed 500mg); Sirolimus tablets 1mg (Sirolimus 1mg); Sirolimus tablets 2mg (Sirolimus 2mg); Apecibine 150mg (Capecitabine Ph.Eur 150mg); Apecibine 500mg (Capecitabine Ph.Eur 500mg); Cabazred 60mg/1.5ml concentrate and solvent for solution for infusion (Cabazitaxel 60mg); Capiibine 500mg (Capecitabine Ph.Eur 500mg); Doxcored 20mg/1ml (Docetaxel anhydrous USP 20mg); Doxcored 80mg/4ml (Docetaxel anhydrous USP 80mg); Redistra (Imatinib mesylate Ph.Eur equivalent to Imatinib 100mg); Redistra (Imatinib mesylate Ph.Eur equivalent to Imatinib 400mg); Sirvored 1 (Sirolimus 1mg); Sirvored 2 (Sirolimus 2mg); Sorfired (Sirolimus 1mg); Sorfired (Sirolimus 2mg).	WHO-GMP	L.Dis.No. 4341/P&B/2 019	24-09-2019	24-09-2022	Drugs Control Department, Government of Andhra Pradesh, India	11
792	Dr. Reddy's Laboratories Limited,	Formulation Unit-VII, Plot Nos P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District - 530046, Andhra Pradesh, India (* Cách ghi khác: Formulation Unit VII, Plot No. P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, India -530046)	* Sản phẩm: + Bortezomib for injection 1mg / vial (Bortezomib 1mg); Myborte (Bortezomib 1mg); + Pomalidomide Capsules 1mg (Pomalidomide 1mg); Pomarza (Pomalidomide 1mg); Xenpoma (Pomalidomide 1mg); Pomarza 1 (Pomalidomide 1mg); Xenpoma 1mg (Pomalidomide 1mg); Pomalidomide Capsules 2mg (Pomalidomide 2mg); Pomarza (Pomalidomide 2mg); Xenpoma (Pomalidomide 2mg); Pomarza 2 (pomalidomide 2mg); Xenpoma 2mg (Pomalidomide 2mg); Pomalidomide Capsules 3mg (Pomalidomide 3mg); Pomarza (Pomalidomide 3mg); Xenpoma (Pomalidomide 3mg); Pomarza 3 (pomalidomide 3mg); Xenpoma 3mg (Pomalidomide 3mg); Pomalidomide Capsules 4mg (Pomalidomide 4mg); Pomarza (Pomalidomide 4mg); Xenpoma (Pomalidomide 4mg); Pomarza 4 (Pomalidomide 4mg); Xenpoma 4mg (Pomalidomide 4mg); + Palbociclib capsules 75mg (Palbociclib 75mg); Palvored (Palbociclib 75mg); Palvored 75 (Palbociclib 75mg); Palbociclib capsules 100mg (Palbociclib 75mg); Palvored (Palbociclib 100mg); Palvored 100 (Palbociclib 100mg); Palbociclib capsules 125mg (Palbociclib 125mg); Palvored (Palbociclib 125mg); Palvored 125 (Palbociclib 125mg); + Lenalidomide SPC (Lenalidomide 2.5mg); Lenalidomide SPC (Lenalidomide 20mg).	WHO-GMP	L.Dis.No. 1291/P&B/2 020	28-05-2020	28-05-2023	Drugs Control Department, Government of Andhra Pradesh, India	11
793	Dr. Reddy's Laboratories Limited,	Formulation Unit-VII, Plot Nos P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District - 530046, Andhra Pradesh, India (* Cách ghi khác: Formulation Unit VII, Plot No. P1 to P9, Phase-III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, India -530046)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/ kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/ kim tế bào). * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng: bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/ kim tế bào. + Viên nén	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0038	25-03-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
IN-121 » Gland Pharma Limited » Sy. No. 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D.P.Pally, Dundigal Post, Dundigal-Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajgiri District, Hyderabad-500043, Telangana, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
970	Gland Pharma Limited	Sy. No. 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D.P.Pally, Dundigal Post, Dundigal- Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajigiri District, Hyderabad-500043, Telangana, India	* Sản phẩm: Adenosine Injection USP Prefilled Syringe 3 mg/mL, 2 mL PFS; Adenosine Injection USP Prefilled Syringe 3 mg/mL, 4 mL in a PFS; Amiodarone Hydrochloride Injection 50mg/ml, 3ml fill in 5 ml prefilled syringe; Low Molecular Weight Heparine Dalteparin Sodium Injection IP 0.2 mL in a PFS; Low Molecular Weight Heparin Dalteparin Sodium Injection BP 2500 IU of anti factor-Xa/ 0.2 mL, 0.5 mL PFS; Low Molecular Weight Heparin Dalteparin Sodium Injection IP 5000 IU/ 0.2 mL, 0.2 mL PFS; Low Molecular Weight Heparin Dalteparin Sodium Injection BP 5000 IU of anti factor-Xa/ 0.2 mL, 0.5 mL PFS; Low Molecular Weight Heparin Dalteparin Sodium Injection (7500 IU anti-Xa per 0.3 mL in a PFS) Prefilled syringe; Enoxaparin Sodium Injection IP (Low Molecular Weight Heparin) 20 mg in 0.2 mL in a pre filled syringe; Enoxaparin Sodium Injection IP (Low Molecular Weight Heparin) 40 mg in 0.4 mL, A pre filled syringe unit; Enoxaparin Sodium Injection IP (Low Molecular Weight Heparin) 60 mg in 0.6 mL in a pre filled syringe; Enoxaparin Sodium Injection IP (Low Molecular Weight Heparin) 80 mg in 0.8 mL a pre filled syringe unit; Amiodarone Hydrochloride Injection 50mg/mL, 3 mL fill in 5 mL vial; Cis-Atracurium Besylate Injection 2 mg/mL, 5 mL Vial; Cisatracurium Besylate Injection 10mg/5ml (2mg/ml), 5 ml single dose vial; Cisatracurium Besylate Injection USP 10mg/5ml (2mg/ml), 5 ml single dose vial; Ketorolac Tromethamine Injection USP 30 mg/mL, 1 mL fill in 2 mL Vial; Ketorolac Tromethamine Injection USP 30 mg/ mL, 1 mL fill in 2 mL Vial; Labetalol Hydrochloride Injection USP 5 mg/mL, 20 mL Vial; Labetalol Hydrochloride Injection USP 5mg/mL, 40 mL fill in 50 mL Multi dose Vial; Levetiracetam Injection 100mg/ml, 5 mL single use vial; Levetiracetam Injection USP 100mg/ml, 5 mL vial; Midazolam Injection BP 5 mg/mL, 3 mL vial; Milrinone Lactate Injection 1 mg/mL, 10 mL vial; Ondansetron Injection USP 2mg/mL, 2 mL vial; Ondansetron Injection USP 4mg/ 2mL (2mg/mL), 2 mL Single-Dose Vial; Ondansetron Injection USP 40 mg/ 20 mL (2mg/mL), 20 mL Multi-Dose Vial; Palonosetron Hydrochloride Injection 0.05 mg/mL, 5 mL vial; Palonosetron Hydrochloride Injection 0.05 mg/mL, 5 mL vial; Rocuronium Bromide Injection 10 mg/ml, 5 ml Vial; Rocuronium Bromide Injection 10 mg/ml, 5 ml vial; Rocuronium Bromide Injection 100 mg/ 10mL, 10 mL Vial; Tirofiban Hydrochloride Injection 0.25 mg/mL, 50 mL Vial; Tirofiban Hydrochloride Injection 0.25 mg/mL, 50 mL Vial; Zoledronic Acid Injection 4 mg/5mL, 5 mL Vial; Zoledronic Acid Injection 4 mg/5mL, 5 mL Vial; Azithromycin for Injection USP 500 mg/vial, 10 mL vial (Lyophilized); Caspofungin Acetate For Injection Lyophilized 50mg/vial, 10 mL vial; Caspofungin 50mg Powder for concentrate for solution for infusion Lyophilized, 50mg/vial, 10 mL Lyo Vial; Caspofungin Acetate For Injection (Lyophilized) 70mg/vial, 10mL vial; Caspofungin 70mg Powder for concentrate for solution for infusion, Lyophilized 70mg/Vial, 10 mL Lyo Vial; Dextrazoxane Powder For Injection (Lyophilized) 250 mg/vial; Dextrazoxane Powder for Injection (Lyophilized) 500mg/vial; Dextrazoxane For Injection 500 mg/vial (Lyophilized); Esomeprazole Sodium For Injection 20 mg/vial, 5 mL Lyo Vial (Lyophilized); Esomeprazole Sodium For Injection 40 mg/vial, 5 mL vial (Lyophilized); Micafungin Sodium For Injection 50 mg/Vial, 10 mL Vial; Micafungin Sodium for Injection 100 mg/vial, 10 mL vial; Omeprazole For Injection 40 mg/Vial, 10 mL Vial (Lyophilized); < còn tiếp>	WHO-GMP	L.Dis.No: 2586/A3/2019	27-09-2019	27-09-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	12
971	Gland Pharma Limited	Sy. No. 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D.P.Pally, Dundigal Post, Dundigal- Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajigiri District, Hyderabad-500043, Telangana, India	<tiếp theo> Omeprazole for injection Lyophilized 40mg/vial (Omeprazole sodium BP equivalent to Omeprazole 40mg); Pantoprazole Sodium for Injection 40mg/Vial (Pantoprazole Sodium Sesquihydrate Ph.Eur. Equivalent to Pantoprazole 40mg); Pantoprazole Sodium for injection (lyophilized) 40mg/vial (Pantoprazole sodium USP equivalent Pantoprazole 40mg); Tygecycline for injection USP 50mg/vial (Tygecycline 50mg); Tygecycline for injection USP 50mg/vial (Lyophilized) (Tygecycline USP 50mg); Tygecycline 50mg Powder For Solution for infusion (lyophilized) 50mg/vial (Tygecycline 50mg); Vecuronium bromide for injection 4mg/vial (Vecuronium bromide USP 4mg); Vecuronium bromide for injection lyophilized 10mg/vial (Vecuronium bromide USP 10mg); Voriconazole for injection 200mg/vial (lyophilized) (Voriconazole USP 200mg); Voriconazole for injection 200mg/vial (lyophilized) (Voriconazole Ph.Eur 200mg); Zoledronic Acid for Injection (lyophilized) 4mg/vial (Zoledronic acid monohydrate equivalent to Zoledronic acid 4mg); Zoledronic Acid for Injection lyophilized 4mg/vial (Zoledronic acid monohydrate equivalent to Zoledronic acid 4mg); Atracurium Besylate injection IP 10mg/ml (Atracurium Besylate IP 10mg); Atracurium Besylate injection USP 10mg/ml (Atracurium Besylate USP 10mg); Atracurium Besylate injection IP 10mg/ml (Atracurium Besylate IP 10mg); Atracurium Besylate injection USP 10mg/ml (Atracurium Besylate USP 10mg); Diazepam injection BP 5mg/ml (Diazepam BP 5mg); Iron sucrose injection USP 20mg of elemental iron/ml (Iron sucrose equivalent to Elemental Iron as Fe+3 20mg); Paromomycin injection 750mg of Paromomycin/2ml (Paromomycin sulfate USP equivalent to Paromomycin 375mg); Tranexamic acid injection 100mg/ml (tranexamic acid USP 100mg); Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.1%w/v (Olopatadine hydrochloride USP 1,11mg equivalent to Olopatadine 1mg); Tranexamic acid injection 100mg/ml (tranexamic acid Ph.Eur 100mg); Bimatoprost Ophthalmic Solution 0.01% w/v (Bimatoprost 0.1mg); Bimatoprost Ophthalmic Solution 0.01% w/v (Bimatoprost 0.1mg); Bimatoprost Ophthalmic Solution 0.01% w/v (Bimatoprost 0.1mg); Bimatoprost Ophthalmic Solution 0.03% w/v (Bimatoprost 0.3mg); < còn tiếp>	WHO-GMP	L.Dis.No: 2586/A3/2019	27-09-2019	27-09-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	12
972	Gland Pharma Limited	Sy. No. 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D.P.Pally, Dundigal Post, Dundigal- Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajigiri District, Hyderabad-500043, Telangana, India	<tiếp theo> Bimatoprost Ophthalmic Solution 0.03% w/v (Bimatoprost 0.3mg); Moxifloxacin Ophthalmic solution USP 0.5% w/v (Moxifloxacin hydrochloride anhydrous USP 5.45mg equivalent to Moxifloxacin 5mg); Moxifloxacin Ophthalmic solution USP 0.5% w/v (Moxifloxacin hydrochloride anhydrous USP 5.45mg equivalent to Moxifloxacin 5mg); Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.1%w/v (Olopatadine hydrochloride USP 1,11mg equivalent to Olopatadine 1mg); Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.1%w/v (Olopatadine hydrochloride USP 1,11mg equivalent to Olopatadine 1mg); Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.1% w/v 1mg/mL, 5 mL fill in 5 mL LDPE containers; Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.1%w/v, 1 mg/mL, 5 mL fill in 5 mL LDPE containers; Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.2%w/v 2 mg/mL, 2.5 mL fill in 5 mL LDPE containers; Olopatadine Hydrochloride Ophthalmic Solution USP 0.2%w/v 2 mg/mL, 2.5 mL fill in 5 mL LDPE containers; Travoprost Ophthalmic Solution USP (0.004%w/v) 0.04 mg/mL 2.5 mL fill in 5 mL PP container; Travoprost Ophthalmic Solution USP (0.004%w/v), 0.04 mg/mL, 2.5 mL fill in 5 mL PP container; Travoprost Ophthalmic Solution USP (0.004%w/v), 0.04 mg/mL 5 mL fill in 5 mL PP container; Linezolid Solution for Infusion 2 mg/mL, 100 mL Infusion bag; Linezolid Solution for Infusion 2 mg/mL, 300 mL infusion bag; Tirofiban Hydrochloride Solution for Infusion, 50 mcg/mL, 250 mL infusion bag; Tirofiban Hydrochloride Injection 5mg in 100 mL, 100 mL vial; Tirofiban Hydrochloride Injection 0.05mg/ml, 100ml glasss bottle; Tirofiban Hydrochloride Injection 5mg per 100ml; Zoledronic Acid Injection 4mg/100 mL(0.04mg/mL), 100mL vial; Zoledronic acid Injection 5mg/100 mL, 100 mL vial; Metronidazole Injection USP 500mg/container (5mg/mL), 100 mL IV bag; Eptifibatide Injection IP 0.75mg/mL, 100 mL vial; Esomolol Hydrochloride Injection 10 mg/mL, 10 mL Vial; Olanzapine For Injection Lyophilized 10 mg/vial, 5 mL Vial; Phospholipid Injection 250 mg/5mL, 5 mL Ampoule; Dextrose Injection USP 50% w/v (500mg/mL), 50 mL Vial; Dobutamine Injection USP 12.5 mg/mL, 20 mL Vial.	WHO-GMP	L.Dis.No: 2586/A3/2019	27-09-2019	27-09-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	12
973	Gland Pharma Limited	Survey No 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D P Pally, Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajigiri District, Hyderabad, Telangana, IN-500043, India. (Cách ghi khác: Sy. No. 143 to 148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D. P. Pally, Dundigal Post, Dundigal-Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajigiri District, Hyderabad - 500 043, Telangana, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn	EU-GMP	UK GMP 39716 Insp GMP 39716/3187 772-0006	23-12-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1810	Meyer Organics Pvt. Ltd	No. 10D, 2nd Phase, Peenya Industrial Area, Bangalore - 560 058, India	Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: * Thuốc không vô trùng: + Viên nén (Kháng khuẩn, Antimoebic, Vasodilator in Erectile Dysfunction, Chống nấm, Bổ sung canxi cùng chất tương tự vitamin D, Bổ sung canxi, Vitamin & khoáng chất). + Viên nang (Chống nấm, Vitamin & khoáng chất) + Thuốc cốm (Thuốc nhuận tràng). + Thuốc uống dạng lỏng (Kháng axit, Antifoaming, Bổ sung canxi, Chống còi xương, Kháng histamine, Vitamin & khoáng chất).	WHO-GMP	No. DCD/SPL-CL-I/CR-105/2020-21 GSC. No. DD099-00000-18906	05-06-2020	22-01-2023	Drugs Control Department, Government of Karnataka, India	20
IN-124 » Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited » Plot No. 14, II Phase, Peenya Industrial Area, Bengaluru 560 058, India									
974	Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited	Plot No. 14, II Phase, Peenya Industrial Area, Bengaluru 560 058, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm (thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin, Cephalosporin); dung dịch thể tích nhỏ (thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam).	WHO-GMP	No.DCD/SPL. CI-1/CR-644/2020-2021	24-09-2020	29-01-2021	Office of the Drugs Controller, State of Karnataka, India	12
IN-125 » Dr. Reddy's Laboratories Ltd.-FTO Unit 2 » FTO 2 Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India									
1722	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	Formulations Technical Operations-Unit II, Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India - 500090 (Cách ghi khác: FTO 2 Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, pellets	WHO-GMP (India cấp)	2127/A3/2021	13-09-2021	21-02-2024	Cơ quan thẩm quyền Ấn Độ (Drugs Control Administration Government of Telangana), India	19
1723	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Formulations Technical Operations-Unit II, Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India - 500090 (Cách ghi khác: FTO 2 Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén * Kiểm tra chất lượng: Giới hạn nhiễm khuẩn (thuốc không vô trùng), hóa/lý	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2020_0145	22-09-2020	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern), Germany	19
IN-126 » Bliss GVS Pharma Limited » Plot No.11, Dewan Udyog Nagar, Aliyali, Palghar 401404 Maharashtra State, India									
1095	Bliss GVS Pharma Limited	Plot No.11, Dewan Udyog Nagar, Aliyali, Palghar 401404 Maharashtra State, India	* Thuốc đạn (suppositories/ pessaries)	Indian-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/75355/2018/11/25401	20-10-2018	19-10-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1096	Bliss GVS Pharma Limited	Unit II, 11, Dewan Udyog Nagar, Aliyali, Palghar, Maharashtra, 401404, India	* Thuốc đạn (suppositories/ pessaries)	EU-GMP	058/2017/RO	20-12-2017	31-12-2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	13
IN-128 » Jubilant Generics Limited » Village sikanderpur bhainswal roorkee dehradun highway bhagwanpur, roorkee, distt.- haridwar, uttarakhand - 247661, India									
1097	M/s Jubilant Generics Limited (cách ghi khác: Jubilant Generics Limited)	Village sikanderpur bhainswal roorkee dehradun highway bhagwanpur, roorkee, distt.- haridwar, uttarakhand, India (cách ghi khác: Village sikanderpur bhainswal roorkee dehradun highway bhagwanpur, roorkee, distt.- haridwar, uttarakhand - 247661, India)	* Thuốc không vô trùng (chỉ hoạt động sản xuất): Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim), viên nang	WHO-GMP	17P/1/71/2006/27142	10-12-2019	09-12-2022	Office of the Drugs Controlling & Licensing Authority Uttarakhand, India	13
1498	Jubilant Generics Limited	Village sikanderpur bhainswal roorkee dehradun highway bhagwanpur, roorkee, distt.- haridwar, uttarakhand, India (Cách ghi khác: Village sikanderpur bhainswal roorkee dehradun highway bhagwanpur, roorkee, distt.- haridwar, uttarakhand - 247661, India)	* Thuốc không vô trùng (chỉ hoạt động sản xuất): Viên nén, viên nang	EU-GMP	BE/GMP/2018/015	10-04-2018	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	17
IN-129 » Bliss GVS Pharma Ltd » Plot No.10, 11-A, 12, Survey No. 38/1, Dewan Udyog Nagar, Aliyali village, Taluka Palghar, Thane 401404, Maharashtra State, India									
1098	M/s. Bliss GVS Pharma Ltd (cách ghi khác: Bliss GVS Pharma Ltd)	Plot No.10, 11-A, 12, Survey No. 38/1, Dewan Udyog Nagar, Aliyali village, Taluka Palghar, Thane 401404, Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột uống, thuốc đặt (suppositories/pessaries), viên nén.	Indian-GMP (WHO-GMP)	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/88188/2019/11/29899	23-10-2019	21-10-2022	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	13
IN-130 » Alkem Laboratories Limited » 167 Mahatma Gandhi, Udyog Nagar, Dabhel 396210 Daman, India									
1940	Alkem Laboratories Limited	Plot No. 167/2, 164, 165/1, 165/2 & 165/3, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Village Dabhel, Daman - 396 210, India	Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, dung dịch uống, hỗn dịch uống. Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, Siro khô chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	WHO-GMP	DCD/D&D/LA/2021-2022/12178	23-11-2021	23-11-2024	Drug Licensing Authority, UT Administration of DNH, Daman & DIU, India	22
1941	Alkem Laboratories Limited	167 Mahatma Gandhi Udyog Nagar road, Daman, Daman and Diu, 396 210, India	Viên nang Itraconazole capsules (Itraconazole 100mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 3006370524 CPP: 2EAP-A52Z	20-07-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
IN-131 » Maxim Pharmaceutical Pvt. Ltd » Plot No. 11&12, GAT No. 1251-1261, Alandi-Markal Road, Markal Khed, Pune 412105 Maharashtra State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
794	Maxim Pharmaceutical Pvt. Ltd	Plot No. 11&12, GAT No. 1251-1261, Alandi-Markal Road, Markal Khed, Pune 412105 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột uống.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/81760/2019/11/28638	01-07-2019	27-06-2022	Food and Drug Administration M.S bandrra €, Mumbai Maharáhtra State, India	11
IN-132 » Acme Formulation Pvt, Ltd. » Ropac Road, Nalagarh, Distt, Solan (H.P)									
795	Acme Formulation Pvt, Ltd.	Ropar Road, Nalagarh, Distt. Solan (H.P), India	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc hormon sinh dục) + Viên nang cứng.	WHO-GMP	HFW-11(Drugs)10/2005 (Vol-VII)	11-03-2020	13-02-2023	Health & Family Welfare Department Himachal Pradest, Baddi, Distt. Solan. India	11
IN-133 » Softgel Healthcare Pvt. Ltd » Line 3 and 4 Survey No. 20/1, Vandalur, Kelambakkam Road, Pudupakkam Village, Kancheepuram District, Tamil Nadu, 603 103, India									
796	Softgel Healthcare Pvt. Ltd	Line 3 and 4 Survey No. 20/1, Vandalur, Kelambakkam Road, Pudupakkam Village, Kancheepuram District, Tamil Nadu, 603 103, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	EU-GMP	OGYÉI/5374-6/2018	05-07-2018	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	11
797	Softgel Healthcare Private. Ltd	Survey No. 20/1, Vandalur, Kelambakkam Road, Pudupakkam Village, Kancheepuram District, Tamil Nadu, 603 103, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	WHO-GMP	K Dis No: 19893/D1/4/2017	02-08-2018	31-12-2020	Department of Food Safety and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India	11
2022	Softgel Healthcare Private. Ltd	Survey No. 20/1, Vandalur, Kelambakkam Road, Pudupakkam Village, Kancheepuram District, 603 103, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	WHO-GMP	K Dis No: 15155/D1/4/2020	23-03-2021	31-12-2023	Department of Food Safety and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India	23
IN-134 » United Biotech (P) Ltd. » Village Bagbania, Baddi, Nalagarh Road, District-Solan (H.P.) 174 101 India									
798	United Biotech (P) Ltd.	Village Bagbania, Baddi, Nalagarh Road, District-Solan (H.P.) 174 101 India (* Cách ghi khác: Bagbania, Baddi-Nalagarh Road, District-Solan (HP) 174101 (India).	Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: * Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc ung thư). * Thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai, nhỏ mũi. * Thuốc mỡ; thuốc uống dạng lỏng. * Viên nén, viên nén bao; viên nang cứng (bao gồm cả thuốc ung thư). * Viên nang mềm.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 427/05	16-10-2019	21-02-2021	Health & Family Department Himachal Pradesh Baddi - State Drugs Controller India	11
2023	United Biotech (P) Ltd.	Bagbania, Baddi-Nalagarh, Road, Distt. Solan (H.P.) 174 101 India	Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: * Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc ung thư). * Thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai, nhỏ mũi. * Thuốc mỡ; thuốc uống dạng lỏng. * Viên nén, viên nén bao; viên nang cứng (bao gồm cả thuốc ung thư). * Viên nang mềm.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 427/05	23-02-2021	22-02-2024	Health & Family Department Himachal Pradesh Baddi - State Drugs Controller India	23
IN-135 » Jodas Expoim Pvt. Ltd » Plot. No. 55, Phase-III, Biotech Park, Karkapatla (V), Markook (M), Siddipet (D), Telangana, India									
1499	Jodas Expoim Pvt. Ltd	Plot No 55, Phase-III, Biotech Park, Karkapatla (V), Markook (M), Siddipet District, Telangana, Pin code: 502 279, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô (thuốc ung thư); dung dịch thể tích nhỏ (thuốc ung thư); thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối (chất cản quang): dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (thuốc ung thư): viên nang cứng; viên nén; viên nén bao.	India-GMP	L.Dis.No.1967/E1/2020	30-06-2020	30-06-2021	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1500	Jodas Expoim Pvt. Ltd	Plot no. 55, Phase 3, Biotech Park, Karkapatla Village, Markook (M), Siddipet (District), Telangana, 502279, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô (thuốc ung thư); dung dịch thể tích nhỏ (thuốc ung thư); thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối (chất cản quang): dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (thuốc ung thư): viên nang cứng; viên nén; viên nén bao. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng (thuốc ung thư): viên nang cứng; viên nén; viên nén bao. + Đóng gói thứ cấp: thuốc kháng sinh nhóm cephalosporin; thuốc ung thư và chất cản quang.	EU-GMP	FT068/MH/01/2020	20-04-2020	14-11-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	17
IN-136 » Macleods Pharmaceuticals LTD » Plot No 1,2 &3 Mahim Road, Near Kuldeep Nagar, Palghar (West) Thane 401404 Maharashtra State, India									
975	Macleods Pharmaceuticals LTD	Plot No 1,2 &3 Mahim Road, Near Kuldeep Nagar, Palghar (West) Thane 401404 Maharashtra State, India	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa chất gây độc tế bào, không chứa hormon: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm, pellet; viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/91495/2020/11/31187	28-02-2020	27-02-2023	Food & Drug Administration, M.S Bandra (E), Mumbai Maharashtra State, India	12
IN-137 » Saga Lifesciences Limited » Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta-Sannand, City: Chachrawadi Vasna, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India									
799	Saga Lifesciences Limited	Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta-Sanand, City: Chachrawadi Vasna, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India (* Các cách ghi khác: - Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta-Sanand, City: Chachrawadi Vasna, District: Ahmedabad, India; - Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta Sanand District, Ahmedabad - 382210, Gujarat, India; - Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Tal-Sanand, Dist-Ahmedabad-382210, India)	* Viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốm; viên nang cứng; thuốc bột pha sirô, thuốc bột uống. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột pha sirô.	Indian-GMP	19121734	27-11-2019	26-11-2022	Food & Drug Control Administration, Gujarat State, India	11
1196	Saga Lifesciences Limited	Survey No.198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta Sannand District, Ahmedabad - 382210, Gujarat, India (* Các cách ghi khác: - Survey No.198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta-Sannand, City: Chachrawadi Vasna, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India - Survey No.198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta-Sannand, City: Chachrawadi Vasna, District: Ahmedabad - India - Survey No.198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Tal-Sanand, Dist-Ahmedabad-382210, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột/cốm pha hỗn dịch uống; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc bột/cốm pha hỗn dịch uống; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	MT/041HM/2019	19-11-2019	31-12-2022	Medicines Authority of Malta (MAM)	14
IN-138 » Aurochem Pharmaceuticals Pvt. Ltd » Plot No. 58, Palghar Taluka Ind. Co-op. Estatate Ltd Boisar Road, tal. Palghar, Thane 401404 Maharashtra State, India									
800	Aurochem Pharmaceuticals (India) Pvt. Ltd	Plot No. 58, Palghar Taluka Ind. Co-op. Estatate Ltd Boisar Road, tal. Palghar, Thane 401404 Maharashtra State, India	Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/92377/2020/11/32167	16-06-2020	15-06-2023	Food & Drug Addministration, M.S Bandra (E), Mumbai Maharashtra State, India	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
IN-139 » Windlas Biotech Private Limited (Plant-1) » 40/1, Mohabewala Industrial Area Dehradun, -248110, Uttarakhand (India)									
801	M/s Windlas Biotech Private Limited (Plant-1)	40/1, Mohabewala Industrial Area, Dehradun, -248110, Uttarakhand (India)	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng	WHO-GMP	17P/1/184/2016/3347	15-02-2019	14-02-2022	Office of the Drugs Controlling & Licensing Authority Uttarakhand, India	11
IN-140 » Torrent Pharmaceuticals Ltd » Indrad - 382721, Tal: Kadi, City: Indrad, Dist. Mehsana, India, Gujarat State, India									
802	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Torrent Pharmaceuticals Ltd., Indrad - 382721, Tal: Kadi, City: Indrad, Dist. Mehsana, India, Gujarat State, India (Cách viết khác: Indrad - 382721, Dist. Mehsana, Gujarat, India / Indrad - 382721, TAL - Kadi, Dist - Mehsana, India / Indrad - 382721, Tal: Kadi, city: Indrad, Dist: Mehsana - India)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	18101049	08-10-2018	07-10-2021	Food & Drugs Control Administration, Gandhinagar, Gujarat State, India	11
803	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Torrent Pharmaceuticals Ltd. - Indrad Plant Near Indrad Village, Taluka Kadi, District Mehsana Gujarat 382721, India (Cách viết khác: Indrad - 382721, Dist. Mehsana, Gujarat, India / Indrad - 382721, TAL - Kadi, Dist - Mehsana, India / Indrad - 382721, Tal: Kadi, city: Indrad, Dist: Mehsana - India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2019_0034	20-05-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
IN-141 » Flamingo Pharmaceuticals Ltd » R-662, T.T.C Industrial Area, MIDC, Rabale, Navi Mumbai Thane 400701, Maharashtra State, India									
1942	Flamingo Pharmaceuticals Ltd	R-662, T.T.C Industrial Area, MIDC, Rabale, Navi Mumbai Thane 400701, Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột pha hỗn dịch/ si rô (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins, beta-lactams); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins, beta-lactams); thuốc bột uống (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm beta-lactams). * Thuốc vô trùng: thuốc tiêm bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/88380/2020/11/33507	30-09-2020	29-09-2023	Food and Drug Administration M.S. Bandra (E), Mumbai, India	22
IN-142 » Aurobindo Pharma Limited - Unit III » Survey no.: 313, 314 -Block I, II, III, IV, Bachupally, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajgiri District, Telangana State, 500090, India									
976	Aurobindo Pharma Limited - Unit III	Survey no.: 313, 314 -Block I, II, III, IV, Bachupally, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajgiri District, Telangana State, 500090, India (Cách ghi khác: Unit III, Survey No. 313 & 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Telangana State, India / Unit III, Survey No. 313 & 314, Bachupally village, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajgiri district, Telangana state, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Dung dịch uống.	EU-GMP	FT035/MH/01/2019	30-12-2019	05-07-2022	National Authority of Medicines and Health Products, I.P. (INFARMED), Portugal	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
977	Aurobindo Pharma Limited	Unit III, Sy.No. 313 & 314, Bachupally, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajigiri District, Telangana, India (Cách ghi khác: Unit III, Survey No. 313 & 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Telangana State, India / Unit III, Survey No. 313 & 314, Block I, II, III, IV, Bachupally village, Quthubullapur Mandal, Medchal District, Telangana State, 500090, India)	Alendronic acid tablets 70 mg; Alfuzosin hydrochloride tablets 2.5 mg; Alfuzosin hydrochloride sustained release tablets 10 mg; Abacavir tablets USP 300 mg; Abacavir oral solution USP 20 mg/ml; Amisulpride tablets 50 mg, 100 mg, 200 mg, 400 mg; Bisoprolol fumarate tablets 2.5 mg, 5 mg, 10 mg; Betahistidine dihydrochloride tablets BP 8 mg, 16 mg, 24 mg; Ciprofloxacin tablets BP 250 mg, 500 mg, 750 mg; Carvedilol tablets 3.125 mg, 6.25 mg, 12.5 mg, 25 mg; Clarithromycin tablets BP 250 mg, 500 mg; Clopidogrel tablets 75 mg; Citalopram hydrobromide tablets 10 mg, 20 mg; Didanosine delayed release capsules USP 125 mg, 200 mg, 250 mg, 400 mg; Duloxetine hydrochloride hard gastro-resistant capsule 20 mg, 30 mg, 40 mg, 60 mg; Emtricitabine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 200 mg/300mg; Escitalopram oxalate tablets 5 mg, 10 mg, 20 mg; Erythromycin tablets BP 250 mg; Emtricitabine capsules 200 mg; Efavirenz capsules USP 50 mg, 200 mg, 600 mg; Famciclovir tablets 125 mg, 250 mg, 500 mg; Finasteride tablets BP 5mg; Fosinopril sodium tablets 10mg, 20mg; Fluconazole capsules 50mg, 150mg; Glyburide and metformin hydrochloride tablets USP 1.25/250 mg, 2.5/500 mg, 5mg/500 mg; Hydrochlorothiazide tablets USP 25 mg; Irbesartan tablets 150 mg, 300 mg; Irbesartan and hydrochlorothiazide tablets 150/12.5 mg; Lisinopril tablets BP 5 mg, 10 mg, 20 mg; Lamotrigine tablets 25 mg, 50 mg, 100 mg, 200 mg; Lamotrigine dispersible tablets 5 mg; Losartan potassium tablets 25 mg, 50 mg, 100 mg; Losartan potassium and Hydrochlorothiazide tablets 50/12.5 mg, 100/12.5 mg, 100/25 mg; Lisinopril and Hydrochlorothiazide tablets 10-12.5mg, 20-12.5mg; Lamivudine and zidovudine tablets USP 150-300 mg; Levetiracetam tablets 250 mg, 500 mg, 750 mg, 1000 mg; Lamivudine tablets USP 150 mg; Lamivudine oral solution USP 10 mg/ml; Lopinavir and ritonavir tablets 200/50 mg; Meloxicam tablets BP 7.5 mg, 15 mg; Metformin Hydrochloride Extended-release Tablets USP 500 mg, 750 mg; Metoprolol Tartrate Tablets USP 25 mg, 50 mg, 100 mg; Metformin Tablets BP 500 mg, 850 mg, 1000 mg; Nevirapine Oral Suspension USP 50 mg/5ml; Gastro – Resistant Omeprazole Capsules BP 10 mg, 20 mg, 40 mg; Ondansetron Orodispersible Tablets 4 mg, 8 mg; Pioglitazone Hydrochloride Tablets 15 mg, 30 mg, 45 mg; Perindopril Tert – Butylamine Tablets 2 mg, 4 mg, 8 mg; Quetiapine Fumarate Tablets 25 mg, 100 mg, 200 mg, 300 mg; Ramipril Capsules BP 1.25 mg, 2.5 mg, 5 mg, 10 mg; Ramipril Tablets BP 2.5 mg, 5 mg, 10 mg; Risedronate Sodium Tablets 5 mg, 35 mg; Risperidone Oral Solution 1 mg/ml; Sulfamethoxazole And Trimethoprim Oral Suspension USP 200/40mg per 5 ml; Sertraline Tablet 50 mg, 100 mg; Torasemide Tablets 5 mg, 10mg; Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 300 mg; Terbinafine Tablets 250 mg; Valaciclovir Hydrochloride Tablets 500 mg, 1 g; Venlafaxine Hydrochloride Extended Release Capsules BP 37.5 mg, 75 mg, 150 mg; Zolpidem Tartrate Tablets 5 mg, 10 mg; Zidovudine Tablets USP 300 mg; Zidovudine Oral Solution USP 50 mg/5ml.	WHO-GMP	L.Dis.No: 2067/A3/2018	11-02-2019	11-02-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	12
IN-143 » Ahlcon Parenterals (India) Limited » SP-917-918, Phase-III, RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), 301019, India									
2024	Ahlcon Parenterals (India) Ltd.	SP-917-918, Phase-III, Ind. Area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), India	Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: + Thuốc tiêm truyền thể tích lớn (tiệt trùng cuối). + Thuốc nhỏ mắt (sản xuất vô trùng).	WHO-GMP	DC-1/A-1/WHO-GMP/2019/268	31-07-2019	31-07-2022	Drugs Control Organisation, Government of Rajasthan, India	23
2025	Ahlcon Parenterals (India) Limited	SP-917-918, Phase - III, RIICO Industrial area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), 301019, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc nhỏ mắt. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng; Không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	FT09/MH/001/2018	10-08-2018	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	23
IN-144 » Sun Pharmaceutical Industries Limited » Village Ganguwala, Paonta Sahib - 173025, Distt. Sirmour, Himachal Pradesh, India									
978	M/s Sun Pharmaceutical Industries Limited	Village Ganguwala, Paonta Sahib - 173025, Distt. Sirmour, Himachal Pradesh (India) (Cách ghi khác: Village Ganguwala, Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh - 173025, India)	Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; viên nang mềm.	Indian-GMP	HFW-H (Drugs) 67/95	19-11-2018	20-08-2021	Health& Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	12
979	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Village Ganguwala, Paonta Sahib, District. Sirmour, Himachal Pradesh, 173025, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	NL/H 17/2001788 A	10-08-2019	31-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	12
1873	M/s Sun Pharmaceutical Industries Limited	Village Ganguwala, Paonta Sahib - 173025, District. Sirmour, Himachal Pradesh (India) (Cách ghi khác: Village Ganguwala, Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh - 173025, India)	Thuốc non betalactam: Viên nén (viên nén, viên nén bao phim); viên nang cứng; viên nang mềm. Thuốc ung thư: viên nén (viên nén, viên nén bao phim).	WHO-GMP	HFW-H(Drugs) 67/95	18-11-2021	31-12-2022	Health& Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	21
IN-145 » Celogen Generics Private Ltd » Plot No. 646/1&2, Agrawal Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman (UT) 396 210, India									
1394	Celogen Generics Private Limited	Plot No. 646/1&2, Agrawal Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman - 396 210, India	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén; viên nén bao phim; Pellet.	WHO-GMP	DCD/D&D/L A/2020-2021/3152	15-03-2021	15-03-2024	Medical & Health service, Drugs Licensing Authority, UT of Daman & Diu, Daman, INDIA	16

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1395	Celogen Generics Private Ltd	Plot No. 646/1&2, Agrawal Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman (UT) 396 210, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	MT/029HM/2020	26-08-2020	01-03-2023	Medicines Authority of Malta (MAM)	16
IN-146 » Glenmark Pharmaceuticals Limited » Plot No. S-7 Colvale Industrial Estate, Colvale, Bardez-Goa, 403513 India									
1099	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. S-7 Colvale Industrial Estate, Colvale, Bardez-Goa, 403513 India Hoặc: Plot No. S-7 Colvale Industrial Estate Bardez Goa IN 403513 India	Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc dùng ngoài (Kem, mỡ, gel)	WHO-GMP	1116/MFG/WHO-GMP/DFDA/2019/9286	19-09-2019	29-08-2022	Government of Goa, Food & Drug Administration, India.	13
1100	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. S-7 Colvale Industrial Estate, Colvale, Bardez-Goa, 403513 India Hoặc: Plot No. S-7 Colvale Industrial Estate Bardez Goa IN 403513 India	Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc dùng ngoài (Kem, mỡ, gel)	EU-GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 120518-0005	21-01-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	13
IN-148 » Swiss Parenterals Ltd. » 808, 809 & 810, Kerala Industrial Estate, GIDC, Nr. Bavla, Ahmedabad, 382220, India									
980	Swiss Parenterals Ltd. (Cách ghi khác: Swiss Parenterals Pvt., Ltd.)	808, 809 & 810, Kerala Industrial Estate, GIDC, Nr. Bavla, Ahmedabad, 382220, Gujarat, India (Cách ghi khác: 808, 809 & 810, KERALA INDUSTRIAL ESTATE, GIDC, NR. BAVLA City: AHMEDABAD - 382 220, Dist: AHMEDABAD, GUJARAT STATE INDIA)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (Vial) [Block B - Dây chuyền số 3 (Dây chuyền Vial)]; Thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền (đóng lọ) [Block B - Dây chuyền số 1 (Dây chuyền bột)]. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (Ampoule, Vial) [Block B - Dây chuyền số 2 (Dây chuyền Ampoule); Block B - Dây chuyền số 3 (Dây chuyền Vial)]. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	Klasa: UP/I-530-10/20-03/17; Ur. Broj: 381-13-08/322-20-03	31-07-2020	28-02-2023	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	12
981	Swiss Parenterals Ltd. (Cách ghi khác: Swiss Parenterals Pvt., Ltd.)	808, 809 & 810, Kerala Industrial Estate, GIDC, Nr. Bavla, City: Ahmedabad - 382 220, Dist: Ahmedabad, Gujarat State, India (Cách ghi khác: 808, 809 & 810, Kerala Industrial Estate, GIDC, Nr. Bavla, Ahmedabad 382220, Gujarat, India)	* Thuốc tiêm truyền dạng lỏng thể tích nhỏ (Vial, Ampoule); Thuốc bột pha tiêm.	WHO-GMP	1806876	12-06-2018	11-06-2021	Food & Drugs Control Administration, Gujarat State, India	12
IN-149 » Alkem Laboratories Limited » Village Thana, Baddi, Tehsil - Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, 173205, India									
982	Alkem Laboratories Limited	Village Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P), India	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc miễn dịch): Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc bột pha hỗn dịch uống.	WHO-GMP	HFW-H(Drugs) 69/05 (Vol-X)	24-04-2020	11-11-2021	Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh, Baddi Distt. Solan - India (State Drugs Controller) India	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
983	Alkem Laboratories Limited	Alkem Laboratories Limited, Site Baddi I, Village Thana, Baddi, Tehsil - Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, 173205, India Cách ghi khác: + Site Baddi I, Village Thana, Baddi, Tehsil - Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng. (phạm vi thanh tra: Mycophenolate Mofetil Capsules 250mg; Mycophenolate Mofetil Tablets 500mg; Ezetimibe 10mg tablets ; Azathioprine tablets 50mg; Cinacalcet Alkem 90mg film coated tablets)	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2020_0022	07-02-2020	26-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	12
IN-150 » RPG LIFE SCIENCES LIMITED » 3102/A G.I.D.C ESTATE, ANKLESHWAR, GUJARAT, 393002, INDIA									
1101	RPG LIFE SCIENCES LIMITED	3102/A G.I.D.C ESTATE, ANKLESHWAR, 393002, Dist.Bharuch, Gujarat State, INDIA	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim; thuốc uống dạng lỏng	WHO-GMP	19031244	15-03-2019	14-03-2022	FDA Gujarat State, India	13
IN-151 » Medreich Limited (Medreich Limited - Unit 1) » 12th Mile, Old Madras Road, Virgonagar, Bangalore, 560049, India									
1102	Medreich Limited (Medreich Limited - Unit 1)	12th Mile, Old Madras Road, Virgonagar, Bangalore, 560049 (hoặc IN 560-049), India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm beta lactam: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	WHO-GMP	DCD/CR-1403/SPL-I/CELL/2018-18	30-11-2018	07-09-2021	Office of the Drugs Controller, State of Karnataka, India	13
1281	Medreich Limited (Medreich Limited - Unit 1)	12th Mile, Old Madras Road, Virgonagar, Bangalore, 560049 (hoặc IN 560-049), India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm beta lactam: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói: đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UK GMP 17742 Insp GMP 17742/9885 -0010	27-11-2017	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	15
1874	Medreich Limited (Medreich Limited - Unit 1)	12th Mile, Old Madras Road, Virgonagar, Bangalore, 560049 (hoặc IN 560-049), India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm beta lactam: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	WHO-GMP	SPL.CEL/CR-906/21-22	28-09-2021	05-08-2024	Office of the Drugs Controller, State of Karnataka, India	21
IN-152 » Windlas BiotechPrivate Limited (Plant 2) » Kharsra No-141 to 143 & 145, Mohabewala Industrial Area, Dehradun-248110, Uttarakhand, India									
1103	Windlas BiotechPrivate Limited (Plant 2)	Kharsra No-141 to 143 & 145, Mohabewala Industrial Area, Dehradun-248110, Uttarakhand, India	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Beta Lactam: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột; Viên nang; Thuốc bột; Thuốc dung dịch uống.	WHO-GMP	17P/1/185/2016/3383	15-02-2019	14-02-2022	Office of the Drugs Controlling & Licensing Authority, Directorate General of Medical Health & Family Welfare, India	13
IN-153 » Kusum Healthcare Pvt. Ltd » Sp-289 (A), RIICO Industrial Area, Chopanki, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), India									
2026	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.	SP-289 (A) RIICO Industrial Area, Chopanki, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), India	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nén; Viên nang cứng; Thuốc cốm uống; Thuốc dùng ngoài (thuốc mỡ, kem, gel, lotion và shampoo); Thuốc đặt; Dung dịch thực trực tràng.	WHO-GMP	DC/A-I/2019/1716	31-10-2019	03-08-2022	Drugs Control Organization, Rajasthan, Jaipur, India	23
IN-154 » Micro Labs Limited » 16 Veerasandra Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, Karnataka, IN-560 100, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1282	Micro Labs Limited	Plot No. 16 & 24, Veerasandra Industrial Area, Anekal Taluk, Bangaluru - 560 100, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nén, viên nén bao phim; + Viên nang cứng; + Thuốc bột.	WHO-GMP	No. DCD/SPL-CL-I/CR-74/2020-21 GSC. NO.: DD0990000 018869	06-06-2020	27-06-2021	Office of the Drugs Controller for the State of Karnataka, India	15
1283	Micro Labs Limited	No. 16, Veerasandra Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, 560 100, Karnataka, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin (Plot 16 - Site Number ML11): + Viên nén, viên nén bao phim; + Thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0098	17-08-2018	25-04-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
1501	Micro Labs Limited	Plots No. 16 and 24, Veerasandra Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, Karnataka, 560 100, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nén, viên nén bao phim; + Thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	409-13/2019-7	09-07-2020	24-01-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	17
IN-155 » Aurobindo Pharma Ltd - Unit VII » Special Economic Zone (hoặc SEZ), TSIC, Plot No. S1, Sy. Nos (hoặc Sy.Nos)., 411, 425, 434, 435 and 458 Green Industrial Park, Polepally Village, Jedcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana State,									
1104	Aurobindo Pharma Ltd - Unit VII	Special Economic Zone (hoặc SEZ), TSIC, Plot No. S1, Survey No's (hoặc Sy.Nos)., 411/P, 425/P, 434/P, 435/P and 458/P, Green Industrial Park, Polepally Village, Jedcherla (hoặc Jadcherla) Mandal, Mahaboobnagar (hoặc Mahabubnagar) District, Telangana State, (509302), India	Phạm vi theo Báo cáo thanh tra: Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; pellet; viên nén, viên nén bao phim. Phạm vi theo Giấy chứng nhận: ABACAVIR TABLETS USP 300MG (Abacavir Sulfate tương đương với Abacavir 300 mg); AMLODIPINE AND VALSARTAN TABLETS 5MG/ 80MG, 5MG/ 160MG, 10MG/ 160MG (Amlodipine Besilate tương đương với Amlodipine 5 mg, 10mg và Valsartan 80 mg, 160 mg); AMLODIPINE AND VALSARTAN TABLETS 5MG/ 80MG VALSAR - AM 80/5, 5MG/ 160MG VALSAR - AM 160/5, 10MG/ 160MG VALSAR - AM 160/10 (Amlodipine Besilate tương đương với Amlodipine 5 mg, 10 mg và Valsartan 80 mg, 160mg); ARIPIRAZOLE TABLETS 5MG FIANITIS 5, 10MG FIANITIS 10, 15MG FIANITIS 15, 20MG FIANITIS 20, 30MG FIANITIS 30 (Aripiprazole 5 mg, 10 mg, 15 mg, 20 mg, 30 mg); ARIPIRAZOLE TABLETS 5MG ARPIFY 5, 10MG ARPIFY 10, 15MG ARPIFY 15, 20MG ARPIFY 20, 30MG ARPIFY 30 (Aripiprazole 5 mg, 10 mg, 15 mg, 20 mg, 30 mg); ATORVASTATIN TABLETS 10MG ATORKEY 10, 20MG ATORKEY 20, 40MG ATORKEY 40, 80MG ATORKEY 80 (Atorvastatin calcium trihydrate tương đương với Atorvastatin 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg); ATORVASTATIN CALCIUM TABLETS 10MG, 20MG, 40MG, 80MG (Atorvastatin Calcium Trihydrate tương đương với Atorvastatin 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg); EFAVIRENZ CAPSULES USP 50MG, 200MG (Efavirenz 50 mg, 200 mg); EMTRICITABINE 200MG AND TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARATE 300MG TABLETS (Emtricitabine 200 mg, Tenofovir disoproxil fumarate 300 mg tương đương với Tenofovir disoproxil 245 mg); LAMIVUDINE TABLETS 150MG (Lamivudine 150 mg); LEVOFLOXACIN TABLETS 250MG, 500MG, 750MG (Levofloxacin 250 mg, 500 mg, 750 mg); Levofloxacin Tablets 250 mg LEVOKILZ 250, 500 mg LEVOKILZ 500, 750 mg LEVOKILZ 750 (Levofloxacin 250 mg, 500 mg, 750 mg); OLANZAPINE ORODISPERSIBLE TABLETS 5MG, 10MG, 15MG, 20MG (Olanzapine 5 mg, 10 mg, 15 mg, 20 mg); OLANZAPINE ORODISPERSIBLE TABLETS 5MG OLANGEM OD 5, 10MG OLANGEM OD 10, 15MG OLANGEM OD 15, 20MG OLANGEM OD 20 (Olanzapine 5 mg, 10 mg, 15 mg, 20 mg); OLANZAPINE ORODISPERSIBLE TABLETS 5MG OLANDIS OD 5, 10MG OLANDIS OD 10, 15MG OLANDIS OD 15, 20MG OLANDIS OD 20 (Olanzapine 5 mg, 10 mg, 15 mg, 20 mg); OLANZAPINE ORODISPERSIBLE TABLETS 10MG BENEREST 10, 15MG BENEREST 15, 20MG BENEREST 20 (Olanzapine 10 mg, 15 mg, 20 mg); PANTOPRAZOLE GASTRO RESISTANT TABLETS 20MG ETUSER 20, 40MG ETUSER 40 (Pantoprazole Sodium sesquihydrate tương đương với Pantoprazole 20 mg, 40 mg); PANTOPRAZOLE GASTRO RESISTANT TABLETS 20MG AUROPRAZ 20, 40MG AUROPRAZ 40 (Pantoprazole Sodium sesquihydrate tương đương với Pantoprazole 20 mg, 40 mg); PANTOPRAZOLE GASTRO RESISTANT TABLETS 20MG TOPRAZ 20, 40MG TOPRAZ 40 (Pantoprazole Sodium sesquihydrate tương đương với Pantoprazole 20 mg, 40 mg); RIVASTIGMINE CAPSULES 1.5mg ALRIVA 1.5, 3mg ALRIVA 3, 4.5mg ALRIVA 4.5, 6mg ALRIVA 6 (Rivastigmine hydrogen tartrate tương đương với Rivastigmine 1.5 mg, 3 mg, 4.5 mg, 6 mg); TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARATE TABLETS 300MG (Tenofovir Disoproxil Fumarate 300 mg tương đương với Tenofovir Disoproxil 245 mg); VALSARTAN TABLETS 40MG PANATHRA 40, 80MG PANATHRA 80, 160MG PANATHRA 160 (Valsartan 40 mg, 80 mg, 160 mg); VALSARTAN TABLETS 40MG AUROVALSA 40, 80MG AUROVALSA 80, 160MG AUROVALSA 160 (Valsartan 40 mg, 80 mg, 160 mg); VALSARTAN TABLETS 40MG VALSAR 40, 80MG VALSAR 80, 160MG VALSAR 160 (Valsartan 40 mg, 80 mg, 160 mg); VALSARTAN CAPSULES 40MG, 80MG, 160MG (Valsartan 40 mg, 80 mg, 160 mg); ZIDOVUDINE TABLETS USP 300 MG (Zidovudine 300 mg); ZIDOVUDINE CAPSULES USP 100 mg (Zidovudine 100 mg); BENAZEPRIL HYDROCHLORIDE TABLETS 10MG, 20MG (Benazepril Hydrochloride 10 mg, 20 mg); LAMIVUDINE 150MG/ ZIDOVUDINE 300MG FIXED DOSE TABLETS CO-PACKAGED WITH EFAVIRENZ 600MG TABLETS (Lamivudine 150mg và Zidovudine 300mg; Efavirenz 600mg);TRAMADOL HYDROCHLORIDE CAPSULES BP 50MG MYOTRAM (Tramadol Hydrochloride 50mg); TRAMADOL HYDROCHLORIDE 37.5MG AND PARACETAMOL 325MG TABLETS (Tramadol Hydrochloride 37.5mg, Paracetamol 325mg); TRAMADOL HYDROCHLORIDE 37.5MG AND PARACETAMOL 325MG TABLETS MYOTRAM – P (Tramadol Hydrochloride 37.5mg, Paracetamol 325mg); TRAMADOL HYDROCHLORIDE 37.5MG AND PARACETAMOL TABLETS 325MG DOLOTAM (Tramadol Hydrochloride 37.5mg, Paracetamol 325mg); TRAMADOL HYDROCHLORIDE 37.5MG AND PARACETAMOL TABLETS 325MG CONTREDOL (Tramadol Hydrochloride 37.5mg, Paracetamol 325mg); LAMIVUDINE AND ZIDOVUDINE TABLETS USP 150MG/ 300MG (Lamivudine 150mg, Zidovudine 300mg); PRAVASTATIN TABLETS BP 40MG (Pravastatin Sodium 40mg); SILDENAFIL CITRATE ORALLY DISINTEGRATING TABLETS 50MG (Sildenafil citrate tương đương với Sildenafil 50mg); AMLODIPINE BESYLATE AND BENAZEPRIL HYDROCHLORIDE CAPSULES 10MG/ 20MG (Amlodipine Besylate tương đương với Amlodipine 10mg và Benazepril Hydrochloride 20mg); Memantine Hydrochloride Tablets 15 mg MEMDRIVE 15, 20 mg MEMDRIVE 20 (Memantine Hydrochloride 15 mg, 20 mg); RIZATRIPTAN BENZOATE TABLETS 5MG, 10MG (Rizatriptan Benzoate 7.265mg, 14.530mg tương đương với Rizatriptan 5mg, 10mg); RIZATRIPTAN BENZOATE ORODISPERSIBLE TABLETS 5MG, 10MG (Rizatriptan Benzoate 7.265mg, 14.530mg tương đương với Rizatriptan 5mg, 10mg); Tadalafil Tablets 10mg CIATUFF 10, 20mg CIATUFF 20 (Tadalafil 10mg, 20mg); LAMIVUDINE AND TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARATE TABLETS 300 MG/ 300MG (Lamivudine 300 mg, Tenofovir Disoproxil Fumarate 300 mg tương đương với Tenofovir Disoproxil 245 mg); ENTECAVIR TABLETS 0.5MG, 1MG (Entecavir Monohydrate 0.5mg, 1mg); SOLIFENACIN SUCCINATE TABLETS 10MG (Solifenacin Succinate 10mg); TELMISARTAN TABLETS USP 20MG, 40MG, 80MG (Telmisartan 20mg, 40mg, 80mg); AMLODIPINE AND BENAZEPRIL HYDROCHLORIDE CAPSULES USP 2.5 MG/10 MG, 5 MG/20 MG, 10 MG/20 MG (Amlodipine Besylate tương đương với Amlodipine 2.5 mg, 5 mg, 10 mg và Benazepril Hydrochloride 10 mg, 20 mg); AMLODIPINE AND OLMESARTAN MEDOXOMIL TABLETS 5MG/20MG (Amlodipine Besylate tương đương với Amlodipine 5mg và Olmesartan Medoxomil 20mg); LEVOFLOXACIN TABLETS 250	WHO-GMP	4160/E1/2019	11-03-2020	11-03-2023	Drug Control Administration, Government of Telangana, India	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1105	Aurobindo Pharma Ltd - Unit VII	Special Economic Zone (hoặc SEZ), TSIC (hoặc APIIC), Plot No. S1, Survey No's (hoặc Sy.Nos)., 411/P, 425/P, 434/P, 435/P and 458/P (hoặc 411, 425, 434, 435 và 458), Green Industrial Park, Polepally Village, Jedcherla (hoặc Jadcherla) Mandal, Mahaboobnagar (hoặc Mahabubnagar) District, Telangana State (hoặc Andhra Pradesh), (509302), India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; pellet; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	FT002/MH/01/2018	04-09-2018	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	13
IN-156 » CENTAUR PHARMACEUTICALS PRIVATE LTD » Plant 1, Plot No. 3, 5B, 2C, Tivim Industrial Estate, Karaswada, Mapusa, Goa - 403 526, India									
1106	CENTAUR PHARMACEUTICALS PRIVATE LTD	Plant 1, Plot No. 3, 5B, 2C, Tivim Industrial Estate, Karaswada, Mapusa, Goa - 403 526, India	Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Dung dịch xịt mũi; Gel; Chế phẩm nhỏ mắt.	WHO-GMP	No. 158/MFG/WHO-GMP/DFDA/2445	30-09-2019	24-07-2022	Directorate of Food & Drugs Administration, Dhanwantari, India	13
IN-157 » Rhydburg Pharmacueticals Ltd » C2 & 3, S.I.E.L Selaqui, Dehradun, Uttarakhand, India									
1396	Rhydburg Pharmaceuticals Ltd	C2 & 3, S.I.E.L Selaqui, Dehradun, Uttarakhand, India	Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: + Viên nén, viên nén bao phim; + Viên nang cứng; + Thuốc dạng lỏng (Si rô, dung dịch, hỗn dịch, thuốc nhỏ giọt); + Thuốc dùng ngoài (Kem, gel, mỡ, lotion, pastes). + Thuốc gót;	WHO-GMP	26/1/Drug/124/2019/21579	24-09-2019	23-09-2022	Directorate General of Medical Health & Family Welfare, Dehradun, Uttarakhand, India	16
IN-158 » Glenmark Pharmceuticals Limited (Unit III) » Village Kishanbura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Badul, Distt, Solan (H.P), 173205, India									
1107	Glenmark Pharmceuticals Limited	(Unit III) Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P), 173 205, India (Cách ghi khác: Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Solan District, Himachal Pradesh, IN 173205, India)	Unit III: Thuốc hít phân liều; thuốc bột hít khô; thuốc xịt mũi.	Indian-GMP	HFW-H (Drugs) 317/09	26-11-2018	25-11-2021	Health& Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	13
1108	Glenmark Pharmceuticals Limited	(Unit III) Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P), 173 205, India (Cách ghi khác: Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Solan District, Himachal Pradesh, IN 173205, India)	Unit III: Thuốc không vô trùng: thuốc xịt mũi (hỗn dịch)	EU-GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 33881/3829 61-0010	08-01-2018	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1109	Glenmark Pharmaceuticals Limited	(Unit III) Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P), 173 205, India (Cách ghi khác: Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Solan District, Himachal Pradesh, IN 173205, India)	Unit III: Thuốc không vô trùng: thuốc xịt mũi (hỗn dịch)	EU-GMP	sukls209782 /2019	09-12-2019	31-12-2023	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	13
1197	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P.) 173 205, India	Unit 1: *Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng.	WHO-GMP	HFW-H (Drugs) 249/05	29-11-2019	28-11-2022	Health & Family Welfare Department Himachi Pradest, Distt. Solan - India (State Drugs Controller)	14
2160	Glenmark Pharmaceuticals Limited	(Unit III) Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P), 173 205, India (Cách ghi khác: Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Solan District, Himachal Pradesh, IN 173205, India)	Unit III: Thuốc hít phân liều; thuốc bột hít khô; thuốc xịt mũi (hỗn dịch)	Indian-GMP	HFW-H (Drugs) 317/09	17-12-2021	16-12-2024	Health& Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	25
IN-159 » Macleods Pharmaceuticals Ltd. » Block N-2,Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India									
1110	M/s Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Block N-2,Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India (cách ghi khác: Block N-2, Vill. Theda, P.O. Lodhimajra, Baddi, Distt. Solan, (HP), India / Village Theda, PO Lodhimajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan, (HP), India / Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, Viên nang cứng, Thuốc uống dạng lỏng, sachet (pellets và cốm)	Indian-GMP	HFW-H [Drugs] 152/07	15-06-2018	14-06-2021	Health & Family Welfare Department Himachi Pradest, Distt. Solan - India (State Drugs Controller)	13
1111	M/s Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Block N-2,Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India (cách ghi khác: Block N-2, Vill. Theda, P.O. Lodhimajra, Baddi, Distt. Solan, (HP), India / Village Theda, PO Lodhimajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan, (HP), India / Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India (Block N2))	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim), Viên nang cứng, Thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	IWPS.405.34 .2019.KKW.1 WTC/0589_01_01/60	16-04-2019	31-12-2022	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1943	M/s Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Block N-2,Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India (cách ghi khác: Block N-2, Vill. Theda, P.O. Lodhimajra, Baddi, Distt. Solan, (HP), India / Village Theda, PO Lodhimajra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan, (HP), India / Village Theda, Post Office Lodhimajra, Tehsil Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh-174101, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim), Viên nang cứng, Thuốc uống dạng lỏng, sachet (pellets và cốm)	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 152/07	07-01-2022	16-06-2024	Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh Baddi, Distt. Solan (State Drugs Controller), India	22
IN-160 » Aurobindo Pharma Ltd Unit VI » Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District Telangana State, 502307, India									
1198	Aurobindo Pharma Ltd	Unit - VI, Sy. No's: 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, India (* Các cách ghi khác: - Unit VI, Survey No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District, Andhra - India. - Unit VI, Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, India) - Unit VI, Sy. No's: 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, India)	Block D: A. Phạm vi trên báo cáo thanh tra: * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: thuốc tiêm bột, viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén, viên nén bao phim. B. Phạm vi trên giấy GMP: CEFADROXIL FOR ORAL SUSPENSION USP 250mg/5ml, 500mg/5ml (DROX-250, ULTIDOXIL, DROX-500); CEFADROXIL ORAL SUSPENSION BP 250mg/5ml (INFEDRO-X 250); CEFADROXIL CAPSULES BP 500mg; CEFADROXIL CAPSULES BP 500mg (INFEDRO-X 500); CEFADROXIL CAPSULES USP 500mg; CEPHALEXIN ORAL SUSPENSION BP 125mg/5ml, 250mg/5ml; CEPHALEXIN ORAL SUSPENSION BP 125mg/5ml, 250mg/5ml (AUROCEF-125, AUROCEF-250); CEFALOXIN TABLETS (AURO CEFALOXIN TABLETS 500mg); CEFALOXIN TABLETS BP 500mg; CEFALOXIN TABLETS BP 500mg (AUROCEF 500); CEPHALEXIN CAPSULES USP 250mg, 500mg; CEFOTAXIME FOR INJECTION USP 250mg, 500mg, 1000mg, 2000mg; CEFOTAXIME FOR INJECTION USP 250mg, 500mg, 1000mg, 2000mg (CETAX-250, CETAX-500, CETAX-1000, CETAX-2000); CEPHALOTHIN FOR INJECTION USP 1000mg (CEFTHIN-1000); CEPHALOTHIN FOR INJECTION USP 1000mg; CEFUROXIME AXETIL TABLETS USP 250mg, 125mg (XIBID-250, XIBID-125); CEFUROXIME AXETIL TABLETS USP 125mg, 250mg, 500mg; CEFUROXIME AXETIL TABLETS USP 125mg, 250mg (CEFUXIME-125, CEFUXIME-250); CEFUROXIME AXETIL TABLETS BP 125mg, 250mg, 500mg (AUROXIME TABLETS 125mg, AUROXIME TABLETS 250mg, AUROXIME TABLETS 500mg); CEFUROXIME AXETIL TABLETS BP 125mg, 250mg, 500mg; CEFUROXIME AXETIL TABLETS BP 125mg (CEFUXIME 125, AUROXETIL 125, CESAVESS 125); CEFUROXIME FOR INJECTION USP 750mg (FEDFUROXIME 750mg, AUROXETIL 750); CEFUROXIME FOR INJECTION USP 250mg, 750mg (CEFUXIME-250, CEFUXIME-750); CEFUROXIME SODIUM FOR INJECTION BP 250mg (CEFUROXIME 250); CEFODOXIME PROXETIL TABLETS 100mg, 200mg (PODECIF 100, PODECIF 200); CEFODOXIME PROXETIL TABLETS USP 100mg, 200mg (PROXTL-100, PROXTL-200); CEFODOXIME PROXETIL TABLETS 100mg, 200mg (AUROPODOX 100, AUROPODOX 200); CEFODOXIME PROXETIL TABLETS 100mg, 200mg; CEFODOXIME PROXETIL FOR ORAL SUSPENSION USP 50mg/5ml, 100mg/5ml (PROXTL-50, CEDOXIME 100mg/5ml); CEFODOXIME PROXETIL FOR ORAL SUSPENSION USP 50mg/5ml, 100ml/5ml; CEFODOXIME PROXETIL FOR ORAL SUSPENSION 40mg/5ml (AUROPODOX 40, CEDOXIME 40mg/5ml); CEFODOXIME PROXETIL FOR ORAL SUSPENSION 40mg/5ml; CEFODOXIME PROXETIL TABLETS 100 mg, 200mg (CEDOXIME 100, CEDOXIME 200); CEFODOXIME PROXETIL TABLETS 100mg, 200mg (EMPICEF); CEFODOXIME PROXETIL FOR ORAL SUSPENSION USP 100mg/5ml (EMPICEF, AUROPODOX 100); CEFTRIAZONE FOR INJECTION USP 500mg, 1000mg, 1gm (RITECEF-500, RITECEF-1000, CEFZONE); CEFTRIAZONE FOR INJECTION USP 250mg, 500mg, 1000mg, 2000mg; CEFTRIAZONE FOR INJECTION USP 250mg, 500mg, 1000mg, 2000mg (TRIAZONE-250, TRIAXONE-500, TRIAXONE-1000, TRIAXONE-2000); CEFEPIME HYDROCHLORIDE FOR INJECTION USP 1.0g, 2.0g (MEGAPIME-1.0, MEGAPIME-2.0); CEFEPIME HYDROCHLORIDE FOR INJECTION USP 1.0g; CEFEPIME HYDROCHLORIDE FOR INJECTION USP 500mg, 1g, 2g (CEFEPRIME-500, CEFEPRIME-1000, CEFEPRIME-2000); CEFEPIME FOR INJECTION USP 500mg; CEFAZOLIN FOR INJECTION USP 1000mg (FAZOL-1000); CEFAZOLIN FOR INJECTION USP 1000mg (ZOLIN-1000); CEFAZOLIN FOR INJECTION USP 1000 mg; CEFPROZIL FOR ORAL SUSPENSION USP 125mg/5ml, 250mg/5ml; CEFPROZIL FOR ORAL SUSPENSION USP 125mg/5ml (3 CEF- 125); CEFPROZIL TABLETS USP 250mg, 500mg; CEFPROXIL TABLETS USP 250mg, 500mg (AUROPROZIL 250mg, AUROPROZIL 500mg); CEFTAZIDIME FOR INJECTION USP 1000mg; CEFTAZIDIME FOR INJECTION USP 1000mg (AUROMITAZ 10000); CEFDINIR CAPSULES USP 300mg (TUFDIR 300); CEFDINIR CAPSULES USP 300mg; CEFDINIR POWDER FOR ORAL SUSPENSION USP 125mg/5 ml; CEFDINIR FOR ORAL SUSPENSION USP 250mg/5ml; CEFDINIR FOR ORAL SUSPENSION USP 125mg/5ml (TUFDIR 125); CEFIXIME TABLETS 200mg, 400mg; CEFIXIME TABLETS 200mg, 400mg (XINFAL 200, XINFAL 400); CEFPROZIL FOR ORAL SUSPENSION 125mg/5ml, 250mg/5ml; CEFPROZIL FOR ORAL SUSPENSION 125mg/5ml, 250mg/5ml (AUROZIL 125, AUROZIL 250); CEFPROZIL TABLETS 250mg, 500mg; CEFPROZIL TABLETS 250mg, 500mg (AUROZIL 250, AUROZIL 500).	WHO-GMP	3962/E1/2019	02-05-2020	02-05-2023	Drug Control Administration, Government of Telangana, India	14
1502	Aurobindo Pharma Ltd	Aurobindo Pharma Ltd, Unit - VI, Block D Sy. No's: 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, India (* Các cách ghi khác: - Survey No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District, Andhra Pradesh - India. - Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District, Telangana State, 502307, India - Unit VI, Sy. No's: 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: Cefuroxime tablets, Cephalixin capsule, Cefpodoxime proxetil oral suspension, Cefalexin powder for oral suspension, Cefprozil powder for oral suspension, Cefalexin tablets, Cefixime tablets, Cefpodoxime proxetil tablets, Cefprozil tablets.	EU-GMP	000085/06.08.02.00/2016	23-08-2018	31-12-2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2161	Aurobindo Pharma Ltd	Aurobindo Pharma Ltd, Unit - VI, Block D Sy. No's: 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, 502307 India (* Các cách ghi khác: - Survey No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District, Andhra Pradesh - India. - Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District, Telangana State, 502307, India - Unit VI, Sy. No's: 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Sanga Reddy District, Telangana State, India)	* Thuốc không vô trùng: Cefuroxime tablets, Cephalexin capsule, Cefpodoxime proxetil oral suspension, Cefalexin powder for oral suspension, Cefixime tablets, Cefpodoxime proxetil tablets, Cefixime powder for oral suspension.	EU-GMP	FIMEA/2019 /000085	16-12-2021	18-11-2024	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	25
IN-161 » Cadila Healthcare Limited » Lot No: 1A/1&2, Pharmez-Special Economic Zone, Sarkhej -Bavla, Hightway N.H.No: 8 A, Matoda, Taluka Sanand, Ahmedabad, 382213, India									
1284	Cadila Healthcare Limited	Plot No: 1-A/1&2, Pharmez, (Special Economic Zone), Matoda, Sarkhej-Bavla N.H.No.8A, Tal. Sanand, Ahmedabad, Gujarat State, India. hoặc: Plot No: 1-A/1&2, Pharmez, (Special Economic Zone), Matoda, Sarkhej Bavla, N.H.No.8A, Tal. Sanand, Dist - Ahmedabad, 382213, India hoặc: Plot No: 1-A/1&2, Pharmez - Special Economic Zone, Sarkhej- Bavla, Highway N.H.No.8A, Matoda, Taluka Sanand, Ahmedabad, 382213, India hoặc: Plot No: 1-A/1&2, Pharmez - Special Economic Zone, Sarkhej- Bavla, (Near Highway No.8A), Village Matoda, Tal-Sanand, Ahmedabad Dist., 382213, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim chứa hoạt chất độc tế bào.	WHO-GMP	18121143	24-12-2018	23-12-2021	Food &Drugs Control Administration, India	15
1285	Cadila Healthcare Limited	Plot No: 1A/1&2, Pharmez-Special Economic Zone, Sarkhej -Bavla, Hightway N.H. No: 8A, Matoda, Taluka Sanand, Ahmedabad, 382213, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim (yêu cầu đặc biệt: thuốc chứa hoạt chất độc tế bào) * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim (yêu cầu đặc biệt: thuốc chứa hoạt chất độc tế bào) + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: thuốc không vô trùng + Hóa lý/Vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/3565 2-6/2018	11-12-2018	31-12-2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	15
IN-162 » Shilpa Medicare Limited » Plot No. S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIC Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana-509301, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1112	M/s. Shilpa Medicare Limited	Plot No. S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIIIC Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana-509301, India (* Cách ghi khác: Unit-4, Pharmaceutical Formulation SEZ, Plot No's S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIIIC, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar (Dt), 509301 Telangana, India)	* Sản phẩm: Bendamustine Hydrochloride For Injection 100 mg/ vial (Bendamustine Hydrochloride 100 mg); BENDASHIL 100 mg/vial (Bendamustine Hydrochloride 100 mg); DAMUXIN 100 mg (Bendamustine Hydrochloride 100 mg); DAMUXIN 25 mg (Bendamustine Hydrochloride 25 mg); Busulfan Injection 60 mg/10 ml (6 mg/ml) (Busulfan 6 mg/ml); Clofarabine Injection 1 mg/ml (Clofarabine 1 mg/ml); Doxorubicin Hydrochloride Injection USP 2 mg/ml (5 ml, 10 ml & 25 ml) (Doxorubicin Hydrochloride USP 2 mg/ml); Dimethyl fumarate Delayed Release Capsules 120 mg (Dimethyl Fumarate 120 mg); Dimethyl fumarate Delayed Release Capsules 240 mg (Dimethyl Fumarate 240 mg); ERLOSHIL 25mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 25 mg); ERLOSHIL 100 mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 100 mg); PRELOTIV 100 mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 100 mg); ERLOSHIL 150 mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 150 mg); PRELOTIV 150 mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 150 mg); Gemcitabine for injection USP 1 g/vial (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 1 g); GENCIVENZ 1000 mg (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 1 g); GEMCITREX 1g/ vial (Gemcitabine Hydrochloride tương đương Gemcitabine USP 1 g); SHILGEM 1 g (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 1 g); Gemcitabine for injection USP 200 mg/vial (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 200 mg); GEMCITREX 200 mg/ vial (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 200 mg); GENCIVENZ 200 mg (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 200 mg); SHILGEM 200 mg (Gemcitabine Hydrochloride USP tương đương Gemcitabine 200 mg); Imatinib Mesylate Tablets 100 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 100 mg); IMASHIL 100 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 100 mg); MESNIB 100 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 100 mg); ITARIXIB 100 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 100 mg); Imatinib Mesylate Tablets 400 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 400 mg); IMASHIL 400 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 400 mg); MESNIB 400 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 400 mg); ITARIXIB 400 mg (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 400 mg); ALIMAT (Imatinib Mesylate tương đương Imatinib 400 mg); Irinotecan Hydrochloride Injection 100 mg/5 ml (Irinotecan hydrochloride (dạng trihydrate) USP 20 mg/ml); BIENYA (Fingolimod Hydrochloride tương đương Fingolimod 0.5 mg); Melphalan for Injection 50 mg/vial (With Diluent) (Melphalan Hydrochloride tương đương Melphalan 50 mg + Sterile diluent for Melphalan for Injection); ALPHALAN (Melphalan Hydrochloride tương đương Melphalan 50 mg + Sterile diluent for Melphalan for Injection); Melphalan 50 mg Powder and Solvent for Solution for Injection/Infusion (Melphalan Hydrochloride tương đương Melphalan 50 mg + Sterile diluent for Melphalan for Injection); Pemetrexed for Injection 100 mg/vial (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 100 mg); PEMSHIL 100 mg (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 100 mg); RIXANEP 100 mg/vial (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 100 mg); PRIXANEP 100 mg (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 100 mg); Pemetrexed for Injection 500 mg/vial (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 500 mg); PLEUREX (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 500 mg); PRIXANEP 500 mg (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 500 mg); PEMSHIL 500 mg (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 500 mg); RIXANEP 500 mg/vial (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 500 mg)	WHO-GMP	L. Dis. No.: 3880/E1/2019	04-01-2020	04-01-2023	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	13
1113	M/s. Shilpa Medicare Limited	Plot No. S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIIIC Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana-509301, India (* Cách ghi khác: Unit-4, Pharmaceutical Formulation SEZ, Plot No's S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIIIC, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar (Dt), 509301 Telangana, India)	* Sản phẩm: Anastrozole Tablets 1 mg (Anastrozole USP 1 mg); SHILMEDOL (Anastrozole USP 1 mg); TRANALIX (Anastrozole USP 1 mg); ANASHIL (Anastrozole USP 1 mg); Capecitabine Tablets, USP 150 mg (Capecitabine USP 150 mg); CITABENZ 150 mg (Capecitabine USP 150 mg); SHILCAP 150 mg (Capecitabine USP 150 mg); Capecitabine 150 mg film coated tablets (Capecitabine Ph.Eur 150 mg); Capecitabine Tablets USP 500 mg (Capecitabine USP 500 mg); CITABENZ 500 mg (Capecitabine USP 500 mg); Capecitabine 500 mg film coated tablets (Capecitabine Ph.Eur 500 mg); SHILCAP 500 mg (Capecitabine USP 500 mg); BINTEZOP 500 mg (Capecitabine 500 mg); ALCAP (Capecitabine 500 mg); Letrozole Tablets USP 2.5 mg (Letrozole USP 2.5 mg); Letrozole 2.5 mg film coated tablets (Letrozole Ph.Eur 2.5 mg); Tacrolimus Capsules USP 0.5 mg (chứa tương đương Anhydrous Tacrolimus USP 0.5 mg); Tacrolimus Capsules USP 1 mg (chứa tương đương Anhydrous Tacrolimus USP 1 mg); Tacrolimus Capsules USP 5 mg (chứa tương đương Anhydrous Tacrolimus USP 5 mg); Azacitidine for Injection 100 mg/vial (Azacitidine 100 mg); AZAC (Azacitidine 100 mg); AZISHIL (Azacitidine 100 mg); ALITIDINA (Azacitidine 100 mg); Bortezomib for Injection 3.5 mg/vial (Bortezomib 3.5 mg); BORTESHIL 3.5mg (Bortezomib 3.5 mg); Bortezomib 3.5 mg powder for solution for injection (Bortezomib 3.5 mg); Decitabine for Injection 50 mg/vial (Decitabine 50 mg); Docetaxel Injection USP 80 mg/4 ml (20mg/ml) (Docetaxel USP 20 mg/ml); DOCSHIL 80 mg/vial (Docetaxel USP 20 mg/ml); Docetaxel Injection USP 160 mg/8 ml (20mg/ml) (Docetaxel USP 20 mg/ml); Gemcitabine 200 mg powder for solution for infusion (Gemcitabine Hydrochloride Ph.Eur tương đương Gemcitabine 200 mg); Gemcitabine 1.0 g powder for solution for infusion (Gemcitabine Hydrochloride Ph.Eur tương đương Gemcitabine 1.0 mg); Irinotecan hydrochloride 20 mg/ml concentrate for solution for infusion (2ml,5ml, 15ml & 25ml) (Irinotecan Hydrochloride trihydrate tương đương Irinotecan Hydrochloride 20 mg/ml); ROTEQAN-2 mL (Irinotecan Hydrochloride trihydrate tương đương Irinotecan Hydrochloride 20 mg/ml); ROTEQAN-5 mL (Irinotecan Hydrochloride trihydrate tương đương Irinotecan Hydrochloride 20 mg/ml); ROTEQAN-15 mL (Irinotecan Hydrochloride trihydrate tương đương Irinotecan Hydrochloride 20 mg/ml); IMATIPLEX (Irinotecan hydrochloride 20 mg/ml concentrate for solution for infusion (2ml,5ml, 15ml & 25ml)) (Irinotecan Hydrochloride trihydrate USP 20 mg/ml); Irinotecan hydrochloride Injection USP 300 mg/15 mL (20 mg/ml) (Irinotecan Hydrochloride (dạng trihydrate) USP 20 mg/ml); Irinotecan hydrochloride Injection USP 500 mg/25 mL (20 mg/ml) (Irinotecan Hydrochloride USP (dạng trihydrate) 20 mg/ml); Zoledronic acid Injection 4 mg/5 mL (Zoledronic acid monohydrate tương đương Zoledronic acid 0.8 mg/ml); LENDROZO (Zoledronic acid monohydrate tương đương Zoledronic acid 0.8 mg/ml); SORLIV (Zoledronic acid monohydrate tương đương Zoledronic acid 0.8 mg/ml); ZOLSHIL (Zoledronic acid monohydrate tương đương Zoledronic acid 0.8 mg/ml); Pemetrexed for Injection USP 100 mg/vial (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 100 mg); Pemetrexed for Injection USP 500 mg/vial (Pemetrexed Disodium tương đương Pemetrexed 500 mg); Lenvatinib Capsules 4 mg (Lenvatinib Mesylate tương đương Lenvatinib 4 mg); Lenvatinib Capsules 10 mg (Lenvatinib Mesylate tương đương Lenvatinib 10 mg); Teriflunomide Tablets 7 mg (Teriflunomide 7 mg); Teriflunomide Tablets 14 mg (Teriflunomide 14 mg)	WHO-GMP	L. Dis. No. 2704/E1/2019	04-11-2019	04-11-2022	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	13
1114	M/s. Shilpa Medicare Limited	Plot No. S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIIIC Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana-509301, India (* Cách ghi khác: Unit-4, Pharmaceutical Formulation SEZ, Plot No's S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIIIC, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar (Dt), 509301 Telangana, India)	* Sản phẩm: Bicalutamide Tablet USP 50mg (Bicalutamide USP 50mg); Busulfan Injection 6mg/ml(10mL) (Busulfan 6mg/mL); Docetaxel Injection USP 20mg/mL (Docetaxel USP 20 mg/ml); Docetaxel Injection USP 80mg/4mL (Docetaxel USP 20 mg/ml); Erlotinib Tablet 100mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 100mg); Erlotinib Tablet 150mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 150mg); Gemcitabine 38 mg/ mL concentrate for solution for Infusion [5.26 mL, 26.3 mL & 52.6 mL fill's] (Gemcitabine Hydrochloride Ph.Eur tương đương Gemcitabine 38 mg/ml); Bendamustine Hydrochloride for Injection 25mg/vial (Bendamustine Hydrochloride 25mg); Docetaxel Injection USP 20mg/mL (Docetaxel Trihydrate tương đương Docetaxel 20 mg/ml); Docetaxel Injection USP 80mg/4mL (Docetaxel Trihydrate tương đương Docetaxel 20 mg/ml); Dimethyl fumarate Delayed Release Capsules 120mg (TYEKFEDRA 120mg) (Dimethyl Fumarate 120 mg); Dimethyl fumarate Delayed Release Capsules 240mg (TYEKFEDRA 240mg) (Dimethyl Fumarate 240 mg); Erlotinib Tablet 25 mg (Erlotinib Hydrochloride tương đương Erlotinib 25mg)	WHO-GMP	L. Dis. No. 3227/E(K)/T S/2018	30-06-2018	30-06-2021	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1115	Shilpa Medicare Limited	Unit-4, Pharmaceutical Formulation SEZ, Plot No's S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIC, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar (Dt), 509301 Telangana, India (* Cách ghi khác: Plot No. S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIC Green Industrial Park, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana-509301, India)	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/kim tế bào: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	INS-482698-12976127-15942132	10-06-2020	13-01-2023	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	13
IN-163 » Macleods Pharmaceuticals Limited » Survey No. 363/1, Plot No.7, Ganesh Industrial Estate, Kachigam, Daman-396210, India									
1116	Macleods Pharmaceuticals Limited	Survey No. 363/1, Plot No.7, Ganesh Industrial Estate, Kachigam, Daman-396210, India	Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Betalactam: + Viên nén, viên nén bao phim; + Viên nang cứng; + Si rô khô.	WHO-GMP	DCD/ D&D/ LA/ 2019 - 2020/12026	03-12-2019	03-12-2022	ADMINISTRATION OF DAMAN & DIU (UT), DRUGS LICENSING AUTHORITY, DRUGS CONTROL DEPARTMENT, INDIA	13
IN-164 » Ajanta Pharma Limited » Plot No. B-4/5/6, MIDC, Paithan, Aurangabad 431148 Maharashtra State, India									
1117	Ajanta Pharma Limited	Plot No. B-4/5/6, MIDC, Paithan, Aurangabad 431148 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang, thuốc bột uống, viên nén, viên nén bao phim.	Indian-GMP (WHO-GMP)	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/74296/2018/11/24989	15-09-2018	13-09-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	13
IN-165 » Agio Pharmaceuticals Ltd » T-82, M.I.D.C., Bhosari, Pune 411026, Maharashtra State, India									
1118	Agio Pharmaceuticals Ltd	T-81, 82. M.I.D.C., Bhosari, Pune 411026, Maharashtra State, India	Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài (Kem, Mỡ, Gel, Lotion), Thuốc bột uống, Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng (sirô, dung dịch hỗn dịch)	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/85715/2019/11/30047	11-11-2019	07-11-2022	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	13
IN-167 » Precise Chemipharma PVT LTD » GUT No.215/1 & 215/2, Khatawad Phata, AT Post Talegaon, Taluka Dinori, Nashik 422202 Maharashtra State, India									
1199	Precise Chemipharma PVT LTD	GUT No.215/1 & 215/2, Khatwad Phata, AT Post Talegaon, Taluka Dindori, Nashik 422202 Maharashtra State, India	Viên nang cứng; Thuốc cốm; Pellet; Viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/NKD/80104/2019/11/27118	28-02-2019	27-02-2022	FDA Maharashtra, India	14
IN-168 » Gennova Biopharmaceuticals Limited » Block 1, Plot No. P-1 and P-2, ITBT Park, Phase II, MIDC, HINJWADI, PUNE 411057, MAHARASHTRA STATE, INDIA									
1200	Gennova Biopharmaceuticals Limited	Block 1, Plot No. P-1 and P-2, ITBT Park, Phase II, MIDC, Hinjawadi, Pune 411057, Maharashtra State, India	* Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/84066/2019/11/28782	30-05-2021	14-07-2022	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	14
IN-170 » Aurochem Laboratories (India) PVT. LTD. » Plot No.8, Palghar Taluka Ind. Co-op. Estate Ltd. Boisar Road, Tal. Palghar, Thane 401404 Maharashtra State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1397	Aurochem Laboratories (India) PVT. LTD.	Plot No.8, Palghar Taluka Ind. Co-op. Estate Ltd. Boisar Road, Tal. Palghar, Thane 401404 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài: Kem, gel, mỡ, lotion. + Thuốc uống dạng lỏng.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/92362/2020/11/32164	15-06-2020	14-06-2023	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	16
IN-171 » Aurobindo Pharma Limited - Unit IV » Plot no. 4, 34 to 48, EPIP, TSIIC, IDA, Pashamylaram, Patancheru Mandal, Sangareddy District, 502307, India									
1286	Aurobindo Pharma Limited - Unit IV (Cách ghi khác: Aurobindo Pharma Limited)	Plot no. 4, 34 to 48, EPIP, TSIIC, IDA, Pashamylaram, Patancheru Mandal, Sangareddy District, 502307, India (Cách ghi khác: Unit IV, Plot No's: 4, 34 to 48, EPIP, TSIIC, IDA, Pashamylaram, Patancheru Mandal, Sangareddy District, Telangana, India)	Bupivacaine injection BP 0.25% (2.5 mg/ml) (Fill volume: 10 ml & 20 ml, Pack size: 10 ml & 20 ml Ampoule); Bupivacaine injection BP 0.5% (5.0 mg/ml) (Fill volume: 10 ml & 20 ml, Pack size: 10 ml & 20 ml Ampoule); Tramadol hydrochloride injection 50 mg/ml (Fill volume: 1 ml, Pack size: 2 ml Ampoule); Tramadol hydrochloride injection 100 mg/2 ml (50 mg/ml) (Fill volume: 2 ml, Pack size: 2 ml Ampoule); Tranexamic acid injection BP 100 mg/ml (Fill volume: 5 ml & 10 ml, Pack size: 5 ml & 10 ml Ampoule); Lidocaine injection BP 1% (10 mg/ml) (Single dose ampoule) (Fill volume: 2 ml, 5 ml, 10 ml & 20 ml, Pack size: 2 ml, 5 ml, 10 ml & 20ml Ampoule); Lidocaine injection BP 2% (20 mg/ml) (Single dose ampoule) (Fill volume: 2 ml, 5 ml, 10 ml & 20 ml, Pack size: 2 ml, 5 ml, 10 ml & 20 ml Ampoule); Lidocaine injection BP 1% (10 mg/ml) Multi dose vial (Fill volume: 20 ml & 50 ml, Pack size: 20 ml & 50 ml vial); Lidocaine injection BP 2% (20 mg/ml) Multi dose vial (Fill volume: 20 ml & 50 ml, Pack size: 20 ml & 50 ml vial); Levetiracetam concentrate for solution for infusion 100 mg/ml (Fill volume: 5 ml, Pack size: 5 ml vial); Enoxaparin Sodium injection BP 20 mg/0.2 ml (Preservative free) (Fill volume: 0.2 ml, Pack size: 0.5 ml PFS); Enoxaparin Sodium injection BP 40 mg/0.4 ml (Fill volume: 0.4 ml, Pack size: 1 ml PFS); Enoxaparin Sodium injection BP 60 mg/0.6 ml (Preservative free) (Fill volume: 0.6 ml, Pack size: 1 ml PFS); Enoxaparin Sodium injection BP 80 mg/0.8 ml (Preservative free) (Fill volume: 0.8 ml, Pack size: 1 ml PFS); Vancomycin Hydrochloride for injection USP 1g (Pack size: 20 ml vial); Rocuronium Bromide injection 10 mg/ml (Fill volume: 5 ml, Pack size: 5 ml vial); Rocuronium Bromide injection 10 mg/ml) (Fill volume: 10 ml, Pack size: 10 ml vial)	WHO-GMP	L. Dis. No.: 1050/E(R)/T S/2018	17-07-2018	17-07-2021	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India	15
1287	Aurobindo Pharma Limited - Unit IV	Plot nos. 4, 34 to 48, EPIP, TSIIC, IDA, Pashamylaram, Patancheru Mandal, Sangareddy District, Telangana State, 502307, India	Dãy chuyền số 1, 2, 3, 4, 5, 6 của nhà xưởng: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	FT007/MH/001/2018	18-10-2018	31-12-2021	National Authority of Medicines and Health Products, I.P. (INFARMED), Portugal	15
IN-172 » Rivpra Formulation Pvt. Ltd » Plot No-8, Sector - 6A IIE SIDCUL, Distt. Haridwar, Uttarakhand, India									
2162	M/s Rivpra Formulation Pvt. Ltd	Plot No-8, Sector - 6A IIE, SIDCUL, Haridwar, India Plot No:8, Sector - 6A I.I.E, SIDCUL, Haridwar-249403, Uttarakhand, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, siro khô, thuốc bột,	WHO-GMP	26/1/Ausha dhi/146/2019/9801	25-06-2021	24-06-2024	Office of the Drugs Controlling & Licensing Authority Uttarakhand, India	25
IN-173 » Bharat Parenterals Limited » Survey No.144&146, Jarod Samlaya Road, Tal-Savil, City: Haripura, Dist. Vadodara, Gujarat State, India									
1724	Bharat Parenterals Limited, India	Survey No.144&146, Jarod Samlaya Road, Tal-Savli, City: Haripura, Dist. Vadodara, Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam: Viên nén (viên nén bao và viên nén không bao), viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột uống, thuốc dùng ngoài (thuốc mỡ, gel, kem, lotion, thuốc bột) + Thuốc viên nén, viên nang, siro khô chứa kháng sinh nhóm beta-lactam * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, thuốc nhỏ mắt không chứa kháng sinh nhóm betalactam; thuốc bột tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin	Indian-GMP	19101673	25-10-2019	24-10-2022	Food & Drug Control Administration Gujarat state, India	19
IN-174 » Brawn Laboratories Limited » 13, NIT, Industrial Area, Faridabad-121001, Haryana, India									
1503	Brawn Laboratories Limited	13, NIT, Industrial Area, Faridabad-121001, Haryana, India	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nén; Viên nang cứng; Si rô khô (lọ & gói); Chế phẩm dùng ngoài (kem, gel, mỡ, lotion); Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc nhỏ mắt; Dung dịch tiêm (Ampoules). * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillins: Viên nang cứng; Si rô khô. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins: Viên nén; Viên nang cứng; Si rô khô (lọ & gói); Thuốc bột khô pha tiêm.	WHO-GMP	No. 3/54-1-Drug-2018/8478	30-10-2018	30-10-2021	State Drugs Controller (Controlling & Licensing Authority), Food & Drugs Administration, Haryana, India	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2072	Brawn Laboratories Limited	13, NIT, Industrial Area, Faridabad-121001, Haryana, India	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nén; Viên nang cứng; Si rô khô (dạng lọ & gói); Chế phẩm dùng ngoài (kem, gel, mỡ, lotion); Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc nhỏ mắt/nhỏ tai; Dung dịch tiêm truyền thể tích nhỏ; Dung dịch tiêm (Vials & Ampoules); Thuốc bột khô pha tiêm; Bơm tiêm đóng sẵn và thuốc đông khô. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillins: Viên nang cứng; Si rô khô. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins: Viên nén; Viên nang cứng; Si rô khô (dạng lọ & gói); Thuốc bột khô pha tiêm.	WHO-GMP	No. 3/54-1-Drug-2021/10815	29-09-2021	29-09-2024	State Drugs Controller (Controlling & Licensing Authority), Food & Drugs Administration, Haryana, India	24
IN-175 » Stallion Laboratories Pvt. Ltd » Plot No. C1B-305, 2, 3, 4 & 5, G.I.D.C., Kerala (Bavla), Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India									
1398	Stallion Laboratories Pvt. Ltd	Plot No. C1B-305, 2, 3, 4 & 5, G.I.D.C., Kerala (Bavla), Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India (cách ghi khác: C1/B, 305, 2, 3, 4 & 5, G.I.D.C., Kerala (Bavla), Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India hoặc C1B, 305, 2, 3, 4 & 5, GIDC, Kerala (Bavla), Dist: Ahmedabad (Gujarat), India	Viên nén (viên nén bao và viên nén không bao); Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng (dung dịch; hỗn dịch; siro); Thuốc bột uống.	WHO-GMP	20021877	27-02-2020	26-02-2023	Food & Drugs Control Administration, Gujarat state, India	16
IN-176 » Swiss Pharma Pvt. Ltd. » 3709. GIDC, Phase-IV, Vatva, City: Ahmedabad - 382 445, DIST. Ahmedabad, Gujarat State, India									
1288	Swiss Pharma Pvt. Ltd.	3709. GIDC, Phase-IV, Vatva, City: Ahmedabad - 382 445, DIST. Ahmedabad, Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nén, viên nén bao; Viên nang cứng; Si rô khô. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao; Viên nang; Si rô khô.	WHO-GMP	2072097	13-07-2020	12-07-2023	Food and Drugs Control Administration, Gandhinagar, Gujarat state, India	15
IN-177 » Globela Pharma Pvt.Ltd. » 357, G.I.D.C., Sachin, SURAT, 394230, Dist., Gujarat State, India									
1289	Globela Pharma Pvt.Ltd.	357, G.I.D.C., Sachin, SURAT, 394230, Dist., Gujarat State, India.	*Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả nang cứng giải phóng chậm); viên nén (bao gồm cả thuốc độc tế bào); thuốc bột uống; viên nén bao phim.	WHO-GMP	18091021	24-09-2018	23-09-2021	FDA Gujarat State, India	15
IN-178 » Yash Medicare Pvt Ltd » Near Sabar Dairy, Talod Road, P.O. Hajipur, Tal-Himatnagar, Hajipur - 383 006, Sabarkantha, Gujarat State, India									
1504	Yash Medicare Pvt Ltd	Near Sabar Dairy, Talod Road, P.O. Hajipur, Tal-Himatnagar, Hajipur - 383 006, Sabarkantha, Gujarat State, India	Thuốc dùng ngoài: thuốc mỡ; gel, kem, lotion, dung dịch.	India-GMP	1808983	28-08-2018	27-08-2021	FDA Gujarat State, India	17
IN-179 » Auronext pharma private limited » A -1128, RIICO Industrial Area, Phase III, Bhiwadi – 301019, Alwar (Rajasthan), India									
1399	Eugia Pharma Specialities Limited (tên cũ là Auronext pharma private limited)	Unit II, A -1128, RIICO Industrial Area, Phase III, Bhiwadi – 301019, Dist. Alwar. (Rajasthan), India	Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm bột (vial) chứa kháng sinh nhóm carbapenem (sản phẩm được kiểm tra: Thuốc bột pha tiêm: Imipenem và Cilastatin for injection 250mg; Imipenem và Cilastatin for injection 500mg; Meropenem for injection 500mg; Meropenem for injection 1000mg; Doripenem for injection 250mg; Doripenem for injection 500mg)	WHO-GMP	DC/A-I/2021/532	19-03-2021	29-12-2023	Cơ quan quản lý dược bang Rajasthan, Ấn Độ	16
1400	Eugia Pharma Specialities Limited (tên cũ là Auronext pharma private limited)	Unit II, A -1128, RIICO Industrial Area, Phase III, Bhiwadi – 301019, Dist. Alwar. (Rajasthan), India	Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm carbapenem;	EU-GMP	FT020/MH/01/2021	12-07-2019	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	16
IN-180 » Bafna Pharmaceuticals Ltd. » No 1/15B, New No. 147, Survey No. 30/3, 30/4, 30/5, 30/6, 30/7 & 30/12, Madhavaram Redhills High Road, Grantlyon Village, Vadakarai Post, Chennai - 600052, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1725	Bafna Pharmaceuticals Ltd.	No 1/15B, New No. 147, Survey No. 30/3, 30/4, 30/5, 30/6, 30/7 & 30/12, Madhavaram Redhills High Road, Grantlyon Village, Vadakarai Post, Chennai - 600052, India	Thuốc viên nén và viên nang (Theo danh sách đính kèm): + Viên nén bao phim: Allerginol Plus Tablets (Montelukast 10mg; Levocetirizine dihydrochloride 5mg); Athero 10mg Film coated Tablets (Rosuvastatin 10mg); Athero 20mg Film coated Tablets (Rosuvastatin 20mg); Atofast 10 Tablets (Atorvastatin Calcium 10mg); Atofast 20 Tablets (Atorvastatin Calcium 20mg); Balevo 500 Tablets (Levofloxacin 500mg); Bicalutamide Tablets BP 50 mg (Bicalutamide 50mg); Diavin 500 Tablets (Metformin Hydrochloride 500mg); Escolin 500 Tablets (Citicoline 500mg); Ivab-5 Tablets (Ivabradine 5mg); Ivab-7.5 Tablets (Ivabradine 7.5mg); Lavov 20 Tablets (Tadalafil 20mg); Levamisole Tablets USP 40 mg (Levamisole 40mg); Chlorpromazine Tablets BP 100 mg (Chlorpromazine Hydrochloride 100mg); Metformin Tablets BP 500 mg (Metformin Hydrochloride 500mg); Molev Tablets (Montelukast 10mg; Levocetirizine dihydrochloride 5mg); Rista-50 Tablets (Losartan Potassium 50mg); Rosufast-10 Tablets (Rosuvastatin 10mg); Rosufast-5 Tablets (Rosuvastatin 5mg); Sibra 100 Tablets (Sildenafil 100mg); Sitag M Tablets (50+500) (Sitagliptin 50mg; Metformin Hydrochloride 500mg); Zotrap 40 Tablets (Telmisartan 40mg); + Viên nén Bol-ran Tablets (Paracetamol 500mg; Dichlofenac Sodium 50mg); Calbo Tablets (Calcium 500mg); Lonid-25 mcg Tablets (Clonidine Hydrochloride 25mcg); Tamcor 20 Tablets (Tamoxifen 20mg); + Viên nang cứng Fluconazole Capsules 150 mg (Fluconazole 150mg); Ramide Capsules (Loperamide Hydrochloride 2mg); Silocin-4 Capsules (Silodosin 4mg); Silocin-8 Capsules (Silodosin 8mg); Weished-120 Capsules (Orlistat 120mg); Zytrim-60 Capsules (Orlistat 60mg); + Viên nén bao phim giải phóng kéo dài Nifedipine Extended-Release Tablets USP 20 mg (Nifedipine 20mg).	WHO-GMP	K. Dis. No: 19385/D1/4 /2018	16-08-2019	31-12-2021	Department of Food and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India	19
1726	Bafna Pharmaceuticals Limited	147 Madhavaram, Red Hills Road, Grantlyon Village, Vadakarai, Chennai, Tamil Nadu, IN 600052, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén. * Đóng gói thứ cấp: Dạng ép vỉ và đóng lọ. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK GMP 31798 Insp GMP 31798/3785 62-0010	13-08-2019	15-05-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	19
IN-181 » Medley Pharmaceuticals Limited (Unit - II) » Plot No. 18 & 19, Survey No. 378/7 & 8, 379/2&3 Zari Causeway Road, Kachigam, Daman - 396210, India									
1401	M/S Medley Pharmaceuticals Limited (Unit - II)	Plot No. 18 & 19, Survey No. 378/7 & 8, 379/2&3 Zari Causeway Road, Kachigam, Daman - 396210, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc dạng lỏng	WHO-GMP	DCD/D&D/L A/2019-2020/11376	14-11-2019	15-11-2021	Drugs control Department Administration of Daman & Diu Daman, India	16
1402	M/S Medley Pharmaceuticals Limited	Plot No. 18 & 19, Survey No. 378/7 & 8, 379/2&3 Zari Causeway Road, Kachigam, Daman - 396210, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, thuốc dạng lỏng	EU-GMP	UK GMP 35673 Insp GMP 35673/2039 030-0006	26-02-2019	10-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	16
IN-182 » Sun Pharmaceutical Industries Ltd. » Survey No.259/15 Dadra Union Territory of Dadra & Nagar Haveli, IN- 396 191, India									
1290	M/s. Sun Pharmaceutical Industries Ltd.,	Survey No.259/15, Dadra - 396 191 U.T. of Dadra & Nagar Haveli India (hoặc Survey No.259/15 Dadra Union Territory of Dadra & Nagar Haveli IN- 396 191 India)	* Theo Báo cáo thanh tra: Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng * Theo danh mục sản phẩm đính kèm Giấy chứng nhận GMP: Viên nén Bicalutamide Tablets USP 50 mg; Viên nén bao phim Ambrisentan Tablets 10 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Bicalutamide Tablets 50 mg (Androblok, Bicalutamide SUN 50 mg); Viên nén bao phim Bicalutamide Tablets 150 mg (Bicalutamide SUN 150 mg); Viên nén bao phim Bicalutamide Tablets USP 50 mg (Androblok); Viên nén bao phim Bosentan Tablets 125 mg, 62.5 mg; Viên nén bao phim Bosutinib Tablets 100 mg, 500 mg; Viên nén bao phim Bupropion HCl Tablets USP 100 mg, 75 mg; Viên nén bao phim Citicoline Tablets 500 mg (Strocit 500, Zunun); Viên nén bao phim Donepezil Hydrochloride Tablets 23 mg; Viên nén bao phim Donepezil Hydrochloride Tablets USP 10 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Entacapone Tablets 200 mg; Viên nén bao phim Ezopiclone Tablets 1 mg, 2 mg, 3 mg; Viên nén bao phim Fexofenadine Hydrochloride Tablets USP 180 mg, 30 mg, 60 mg; Viên nén bao phim Glipizide and Metformin HCL tablets USP 2.5 mg/250 mg, 2.5 mg/500 mg; Viên nén bao phim Levocetirizine dihydrochloride Tablets 5 mg; Viên nén bao phim Lurasidone Hydrochloride Tablets 120 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg; Viên nén bao phim Mementine Hydrochloride Tablets 10 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Metoprolol Tartrate Tablets USP 100 mg, 25 mg, 50 mg; Viên nén bao phim Naltrexone Hydrochloride Tablets USP 50 mg; Viên nén bao phim Naltrexone Hydrochloride Tablets USP 50 mg (Nodict); Viên nén bao phim Naratriptan Tablets USP 2.5 mg; Viên nén bao phim Quetiapine Tablets USP 50mg, 100 mg, 200mg, 25 mg, 300 mg, 400 mg; Viên nén bao phim Quetiapine Fumarate Tablets 50 mg, 100 mg, 200 mg, 25 mg, 300 mg, 400 mg; Viên nén bao phim Risedronate sodium Tablets 35 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Risedronate Sodium Tablets USP 30 mg, 35 mg, 5 mg, 150 mg; Viên nén bao phim Rosuvastatin Calcium Tablets 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Sitagliptin Phosphate Tablets (Equivalent to 100 mg Sitagliptin, 25 mg Sitagliptin, 50 mg Sitagliptin); Viên nén bao phim Sumatriptan and Naproxen Sodium Tablets 85/500mg; Viên nén bao phim Tadalafil Tablets 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Tadalafil Tablets USP 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg; Viên nén bao phim Topiramate Tablets USP 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg; Viên nén bao phim Tramadol Hydrochloride Tablets USP 50 mg; Viên nén bao phim Ursodeoxycholic Acid Tablets BP (Ursodex 150, Ursodex 300); Viên nén bao phim Ursodeoxycholic Acid Tablets BP 150 mg, 300 mg (Livodexa 150, Livodexa 300); Viên nén bao phim Zolmitriptan Tablets (2.5 mg, 5 mg); Viên nén Glipizide Tablets USP 10mg, 5mg; Viên nén Lamotrigine Tablets (Lamosyn 100, Lamosyn 50, Sunlamosyn 100, Sunlamosyn 50); Viên nén Lamotrigine Tablets USP 100 mg, 50 mg (Lamosyn 100, Lamosyn 50); Viên nén Lithiorynine sodium tablets USP 25 mcg, 5 mcg, 50 mcg; Viên nén Lithium Carbonate Tablets USP 300 mg; Viên nén Metadoxine Tablets 500 mg (Alcoliv); Viên nén Metoprolol Tartrate and Hydrochlorothiazide Tablets USP 100/25 mg, 100/50 mg, 50/25 mg; Viên nén Tetrabenazine Tablets 12.5 mg, 25 mg; Viên nén Tetrabenazine Tablets 12.5 mg, 25mg (Tetrabenazine SUN 12.5 mg, Tetrabenazine SUN 25 mg); < còn tiếp >	WHO-GMP	DMHS/ADC/WHO-GMP/Sun/2 016/31/225/1550	01-03-2019	01-03-2022	Drugs Controller & Licensing Authority Dadra & Nagar Haveli, India	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1291	M/s. Sun Pharmaceutical Industries Ltd.,	Survey No.259/15, Dadra - 396 191 U.T. of Dadra & Nagar Haveli India (hoặc Survey No.259/15 Dadra Union Territory of Dadra & Nagar Haveli IN- 396 191 India)	< tiếp theo > Viên ngậm dưới lưỡi Buprenorphine Hydrochloride and Naloxone Hydrochloride Dihydrate Sublingual Tablets 2+0.5 mg, 8+2 mg; Viên ngậm dưới lưỡi Buprenorphine Hydrochloride Sublingual Tablets 2 mg, 8 mg; Viên ngậm dưới lưỡi Buprenorphine Hydrochloride Sublingual Tablets 2 mg, 8mg (Buprenorphine SUN 2mg Sublingual Tablet, Buprenorphine SUN 8mg Sublingual Tablet); Viên ngậm dưới lưỡi Buprenorphine Sublingual Tablets 2 mg, 8 mg; Viên nén phóng thích kéo dài Bupropion Hydrochloride Extended Release Tablets 150 mg (24hrs), 300 mg (24hrs); Viên nén phóng thích kéo dài Bupropion Hydrochloride Extended Release Tablets USP (XL) 150 mg; Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Certirizine Hydrochloride and Pseudoephedrine Hydrochloride Extended Release Tablets USP 5 mg/120 mg; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Dalfampridine Extended Release tablets 10 mg; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Fesoterodine Fumarate Extended-Release Tablets 4 mg, 8 mg; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Fexofenadine Hydrochloride 60 mg and Pseudoephedrine Hydrochloride 120 mg extended release tablets; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Fexofenadine Hydrochloride 60 mg and Pseudoephedrine Hydrochloride 120 mg Extended Release Tablets USP; Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Levetiracetam Extended Release Tablets (Levipil XR 1 g); Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Levetiracetam Extended Release Tablets (Levipil XR 500 mg); Viên nén phóng thích kéo dài Metformin Hydrochloride Extended Release Tablets USP 1000 mg, 500 mg; Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Methylphenidate Hydrochloride Prolonged Release Tablets 18 mg, 27 mg, 36 mg, 54 mg; Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Methylphenidate Hydrochloride Extended Release Tablets IP (Addwize OD 18); Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Metoprolol Succinate Extended Release Tablets USP (Prolomet XL 100, Prolomet XL 12.5, Prolomet XL 25, Prolomet XL 50); Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Metoprolol Succinate Extended Release Tablets USP 50 mg; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Niacin Extended Release Tablets (1000 mg, 750 mg, 500 mg); Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Niacin Extended Release Tablets USP 1000 mg, 500 mg, 750 mg; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Paliperidone Extended Release Tablets 1.5 mg, 3 mg, 6 mg, 9 mg; Viên nén bao phim phóng thích kéo dài Fexofenadine Hydrochloride 60 mg and Pseudoephedrine Hydrochloride 120 mg Extended Release Tablets USP 50 mg + 500 mg; Viên nén hai lớp bao phim phóng thích kéo dài Zolpidem Tartrate Extended Release Tablets USP 12.5 mg, 6.25 mg; Viên nén phóng thích chậm Mesalamine Delayed Release Tablets USP 1.2 g; Viên nén pha hỗn dịch uống Deferasirox Dispersible tablets for oral suspension 125 mg, 250mg, 500mg (Taro-Deferasirox); Viên nén pha hỗn dịch uống Deferasirox Tablets for Oral Suspension 125 mg, 250 mg, 500 mg; Viên nang Dofetilide Capsules 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg; Viên nang Pregabalin Capsules 150 mg, 300 mg, 50 mg, 75 mg (Maxgalin 150, Maxgalin 300, Maxgalin 50, Maxgalin 75); Viên nang Pregabalin Capsules 100 mg, 150 mg, 200 mg, 225 mg, 25 mg, 300 mg, 50 mg, 75 mg; Viên nang Rivastigmine Capsules USP (Rivamer 1.5, Rivamer 4.5, Rivamer 3); Viên nang phóng thích kéo dài Galantamine Hydrobromide Extended Release Capsules 16 mg, 24 mg, 8 mg; Viên nang phóng thích kéo dài Galantamine Hydrobromide Extended Release Capsules 16 mg, 8mg (Langinyl OD 16 mg, Langinyl OD 8 mg); Viên nang phóng thích kéo dài Memantine hydrochloride Extended Release Capsules 14 mg, 21 mg, 28 mg, 7 mg; Viên nang phóng thích biến đổi Mebeverine Hydrochloride Modified Release Capsules (Mebiz SR, Niaspam).	WHO-GMP	DMHS/ADC/WHO-GMP/Sun/2016/31/225/1550	01-03-2019	01-03-2022	Drugs Controller & Licensing Authority Dadra & Nagar Haveli, India	15
1505	M/s. Sun Pharmaceutical Industries Ltd.,	Survey No.259/15, Dadra - 396 191 U.T. (hoặc Union Territory) of Dadra -&Nagar Haveli India	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Bicalutamide 50mg Film-coated tablets; Bicalutamide 150mg Film-coated tablets; Tetrabenazine 12,5mg tablets; Tetrabenazine 25mg tablets; Tadalafil sun 2,5mg Film-coated tablets; Tadalafil sun 5mg Film-coated tablets; Tadalafil sun 10mg Film-coated tablets; Tadalafil sun 20mg Film-coated tablets; Buprenorphine sublingual tabs 2mg.	EU-GMP	UK GMP 20100 Insp GMP 20100/5940 92-0006	12-03-2019	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
IN-184 » Unijules Life Sciences Limited » Plot No. B35 &36, MIDC Industrial area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra State, India									
1811	Unijules Life Sciences Limited	Plot No. B35 &36, MIDC Industrial area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, penicillin, thuốc độc tế bào, hóc môn): Thuốc bột pha hỗn dịch/sirô, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc dùng ngoài (thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel, lotion), thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột uống	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ND/103827/2021/11/37658	18-10-2021	17-10-2024	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	20
IN-185 » Covalent Laboratories Pvt Ltd » Sy No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District, 502296 Telangana state, India									
1403	Covalent Laboratories Pvt Ltd;	Sy No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District, 502296 Telangana state, India	Nguyên liệu không vô trùng: Cefixime (USP)	WHO-GMP	0741/E1/2019	24-05-2019	24-05-2022	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	16
IN-186 » Lupin Limited (Biotech Division) » GAT No.1156 (Part), Village Ghotawade, Taluka-Mulshi Pune 412115, Maharashtra State, India									
1404	Lupin Limited (Biotech Division)	GAT No.1156 (Part), Village Ghotawade, Taluka-Mulshi Pune 412115, Maharashtra State, India	* Sản phẩm: + Filgrastim concentrated Solution (rH GCSF) (protein concentration: 1.1+/- 0.2 mg/ml) + Pegfilgrastim concentrated solution ((protein concentration: 12.0 mg/ml) + Lupifil (recombinant granulocyte colony stimulating factor (filgrastim, r-DNA origin), pack: 300mcg/0.5mL) + Lupifil-P (recombinant pegylated granulocyte colony stimulating factor (pegfilgrastim, r-DNA origin), pack: 6mg/0.6mL)	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/88728/2019/11/30186	20-11-2019	19-11-2022	FDA Maharashtra State, India	16
IN-187 » Axa Parenterals Ltd » Plot No. 936,937&939, Vill-Kishanpur, Jamalpur, Roorkee – 247667 Distt. Haridwar, Uttarakhand, India									
1405	Axa Parenterals Ltd	Plot No. 936,937&939, Vill-Kishanpur, Jamalpur, Roorkee – 247667 Distt. Haridwar, Uttarakhand, India	Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ	WHO-GMP	17P/1/98/2006/10462	29-05-2019	28-05-2022	Cơ quan quản lý Uttrakhand, Ấn Độ	16
IN-188 » Cachet Pharmaceuticals Pvt. Ltd » Vill. Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P.) 173205, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1633	Cachet Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Vill. Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P.) 173205, India	Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc uống dạng lỏng, viên nang cứng, thuốc bột uống.	India-GMP	HFW-H[DRUGS] 463/05 Vol-II	25-09-2018	16-03-2021	Health & family welfare Department, Himachal Pradesh, Baddi, Distt. Solan., India	18
IN-189 » Lincoln Pharmaceuticals Ltd. » Trimul Estate, Khatraj, Tal-Kalol, Gandhinagar, Gujarat State, India									
1875	Lincoln Pharmaceuticals Ltd.	Trimul Estate, Khatraj, Tal-Kalol, Gandhinagar, Gujarat State, India	Viên nén, Viên nén bao phim, viên nang cứng, si rô khô, thuốc dùng ngoài (mỡ, kem, gel, lotion), mỡ tra mắt	Indian-GMP	2062009	06-06-2020	05-06-2023	Food & Drugs Control Administration, Gujarat, India	21
1876	Lincoln Pharmaceuticals Ltd.	Trimul Estate, Khatraj, Tal-Kalol (382721), Gandhinagar, (Gujarat State), India	Viên nén, Viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc dùng ngoài (mỡ, kem, gel, lotion), Sản phẩm lựa chọn thanh tra: Paracetamol Tablets 500mg, Gabapentin Capsule 100mg, Mupirocin Ointment 2% w/w	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2020_0014	27-05-2020	09-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	21
IN-190 » RA Chem Pharma Ltd » Plot. No. A-19/C, A-23A & A-23B, Road No. 18, IDA., Nacharam, Nacharam village, Uppal Mandal, Medchal-Malkajgiri district, 500076, Telangana, India									
1727	M/s RA Chem Pharma Ltd	Plot. No. A-19/C, A-23A & A-23B, Road No. 18, IDA., Nacharam, Nacharam village, Uppal Mandal, Medchal-Malkajgiri district, 500076, Telangana, India	* Sản phẩm: - Entecavir Film Coated Tablets 0.5mg; Entecavir Film Coated Tablets 1.0mg; - Methocarbamol Tablets 500mg (Film Coated Tablets); Methocarbamol Tablets 750mg (Film Coated Tablets); - Oxybutynin Hydrochloride 2.5mg Tablets; Oxybutynin Hydrochloride 5mg Tablets; - Tadalafil Film Coated Tablets 2.5mg; Tadalafil Film Coated Tablets 5.0mg; Tadalafil Film Coated Tablets 10.0mg; Tadalafil Film Coated Tablets 20.0mg; - Tolcapone Tablets USP 100mg; - Mebeverine HCl SR Capsules 200mg; Mebeverine HCl Tablets 135mg; - Tetracycline Hydrochloride Capsules USP 250mg; Tetracycline Hydrochloride Capsules USP 500mg; - Doxazosin Mesylate Tablets 1mg; Doxazosin Mesylate Tablets 2mg; Doxazosin Mesylate Tablets 4mg; Doxazosin Mesylate Tablets 8mg; - Tolcapone Film Coated Tablets 100mg; - Solifenacin Succinate Tablets 5mg (Film Coated Tablets); Solifenacin Succinate Tablets 10mg (Film Coated Tablets).	WHO-GMP	L.Dis.No.162 /A2/2019	03-04-2019	03-04-2022	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India	19
1728	M/s RA Chem Pharma Ltd	Plot. No. A-19/C, A-23A, A-23B, Road No. 18, IDA., Nacharam, Medchal-Malkajgiri district, Telangana, 500 076, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng. * Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: viên nén; viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	6099/11-01-2019	04-02-2019	15-11-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	19
IN-191 » Medley Pharmaceuticals Limited (Unit - II) » Plot No. 10 & 11, Survey No. 367/8 & 9, Zari Causeway Road, Kachigam, Daman - 396210, India									
1406	M/S Medley Pharmaceuticals Limited	Plot No. 10 & 11, Survey No. 367/8 & 9, Zari Causeway Road, Kachigam, Daman - 396210, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, hỗn dịch si rô khô	WHO-GMP	DCD/D&D/L A/2018-2019/2165	19-02-2019	19-02-2022	Drugs control Department Administration of Daman & Diu Daman, India	16
IN-192 » Medley Pharmaceuticals Limited » Lane No. 3, Phase-I, SIDCO, Industrial Complex Bari Brahmana, Jammu, India									
1407	M/S Medley Pharmaceuticals Limited	Lane No. 3, Phase-I, SIDCO, Industrial Complex Bari Brahmana, Jammu, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài (mỡ, kem), thuốc hít phân liều, thuốc gói	WHO-GMP	DFO/D-454/3116	12-11-2020	12-10-2023	Drugs & Food control Organization J&K, Jammu, India	16
IN-193 » Fertin India Pvt. Ltd » Plot No. L-10& L-11, Cuncolim Industrial Estate, Cuncolim, Salcette, Goa-403703, India									
1506	M/s Fertin India Pvt. Ltd	Plot No. L-10& L-11, Cuncolim Industrial Estate, Cuncolim, Salcette, Goa-403703, India	Sản phẩm: - Nicotine Polacrilex Gum USP 2mg - Nicotine Polacrilex Gum USP 4mg	WHO-GMP	1090/MFG/CERT/DFDA/2019/2985	07-11-2019	20-10-2022	Food & Drugs Administration Bambolim, Goa, India	17
IN-194 » Dr. Reddy's Laboratories Ltd » FTO-SEZ, Process Unit 01, Survey No, 57 to 59, 60, 62&72, Sector No. 9 to 14 & 17 to 20, Devunipalavalasa (V), Ranasthalam (M), Srikakulam District, Andhra Pradesh - 532 409, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1812	M/s Dr. Reddy's Laboratories Ltd	FTO-SEZ, Process Unit 01, Survey No, 57 to 59, 60, 62&72, Sector No. 9 to 14 & 17 to 20, Devunipalavalasa (V), Ranasthalam (M), Srikakulam District, Andhra Pradesh - 532 409, India	Sản phẩm: + Viên nén bao phim Sevelamer Carbonate 800mg (Tên: Kavolrad); + Viên nén bao phim Apixaban 2.5mg (Tên: Efazac 2.5mg; Etura 2.5); + Viên nang Dabigatran Etexilate 75mg; 110mg; 150mg; + Viên nén Eslicarbazepine Acetate 200mg; 400mg; 800mg	WHO-GMP	619/P&B/2020	13-02-2020	13-02-2023	Drugs Control Administration, Andhra Pradesh, India	20
IN-195 » Sun Pharmaceutical Industries Ltd » Industrial Area No.3, A.B.Road, Dewas 455001 (MP), India									
1507	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Industrial Area No.3, A.B.Road, Dewas 455001 (MP), India	* Thuốc vô trùng: thuốc tiêm chứa kháng sinh nhóm carbapenem * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả kháng sinh nhóm beta lactam, cephalosporin): Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim; syro khô, thuốc uống dạng dung dịch. * Giới hạn: chỉ tại các block sản xuất A,B,C và P	WHO-GMP	V/WHOGMP /Rev./Sun-17/2019/5115	03-10-2019	02-10-2022	FDA Madhya Pradesh, India	17
1508	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Industrial Area 3, A.B.Road, Dewas 455001 (MP), India	* Thuốc vô trùng: thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả kháng sinh nhóm beta-lactam). * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả kháng sinh nhóm beta lactam): Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói sơ cấp (bao gồm cả kháng sinh nhóm beta-lactam): Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh vô trùng và không vô trùng; hóa học/ vật lý. * Giới hạn: chỉ tại các block sản xuất A,B,C và P	EU-GMP	NL/H 19/2009632	04-02-2019	31-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	17
IN-196 » USV PRIVATE LIMITED » Khasra No.1342/1/2, Hilltop Industrial Area, Jharmajri, Baddi, Dist. Solan, Himachal Pradesh-173 205, India									
1509	USV PRIVATE LIMITED	Khasra No.1342/1/2, Hilltop Industrial Area, Jharmajri, Baddi, Dist. Solan, Himachal Pradesh-173 205, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc cổm.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 195/09 (Vol-II)	10-05-2019	24-04-2022	State Drug Controller, Health & Family Welfare Department, Himachal Pradesh, Distt. Solan, India	17
1634	USV PRIVATE LIMITED	Khasra No.1342/1/2, Hilltop Industrial Area, Jharmajri, Village Bhatoli Kalan, Baddi, Tehsil Nalagarh, Himachal Pradesh, District Solan, IN-173 205, India (Cách viết khác: Khasra No.1342/1/2, Hilltop Industrial Area, Jharmajri, Baddi, Dist. Solan, Himachal Pradesh-173 205, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; Bán thành phẩm cổm. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4415 033-0002	22-09-2017	31-12-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	18
IN-197 » Maneesh Exports (EOU) » Plot No.D-16/7, T.T.C. Industrial Area, M.I.D.C., Navi Mumbai, Thane 400703, Maharashtra State, India									
1510	Maneesh Exports (EOU)	Plot No.D-16/7, T.T.C. Industrial Area, M.I.D.C., Navi Mumbai, Thane 400703, Maharashtra State, India.	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm beta lactam: bột pha hỗn dịch/ siro; viên nang cứng, viên nén.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ KD/72993/2 018/11/239 44	24-06-2018	24-06-2021	FDA Maharashtra, India	17
IN-199 » Next wave » Rampur Ghat Road, Paonta Sahib, Distt.Sirmour, Himachal Pradesh 173025, India									
1511	Next wave	Rampur Ghat Road, Paonta Sahib, Distt.Sirmour, Himachal Pradesh 173025 (India)	Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài (kem,mỡ).	WHO-GMP	HFW-H (Drugs) 73/6	09-05-2019	08-05-2022	Health & Family welfare Department, Himachal Pradesh, Baddi, Distt. Solan., India	17
IN-200 » Makcur Laboratories Ltd » 46/4-7 Dehgam Road, Zak Village, Tal - Dehgam, Dist Gandhinagar, Gujarat State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1813	Makcur Laboratories Ltd	46/4-7 Dehgam Road, Zak Village, Tal - Dehgam, Dist Gandhinagar, Gujarat State, India	* Thuốc vô trùng: dung dịch tiêm thể tích nhỏ (ống; lọ; syringe đóng sẵn; dental cartridge); thuốc nhỏ mắt; thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.	India-GMP	21062646	30-06-2021	29-06-2024	Food & Drugs Control Administration, Gujarat state, India	20
IN-201 » Baroque Pharmaceuticals Pvt. Ltd » 192/2 & 3, 190/1 and 202/9, Sokhada-388 620, Tal-Khambhat, Dist-Anand, Gujarat State, India									
1512	Baroque Pharmaceuticals Pvt. Ltd	192/2 & 3, 190/1 and 202/9, Sokhada-388 620, Tal-Khambhat, Dist-Anand, Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim, viên nén phân tán và bao gồm cả thuốc chứa Cephalosporin và Penicillin); viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng Cephalosporin và Penicillin); Siro khô (bao gồm cả thuốc chứa Cephalosporin và Penicillin); Bột uống (dạng gói) (bao gồm cả thuốc chứa Cephalosporin và Penicillin); thuốc uống dạng lỏng.	WHO-GMP	20021850	15-02-2020	14-02-2023	Food & Drug Control Administration, Gujarat State, India	17
IN-202 » Micro Labs Limited » Plot Nos. 113 to 116, IV Phase KIADB Bommasandra Industrial Area, Jigani link Road, Anekal Taluk, Bangalore, IN -560 099 India									
1513	Micro Labs Limited	Plot No. 121 - 124, KIADB Bommasandra Industrial Area, 4th phase, Anekal Taluk, Bangalore-560 099, India	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén phân tán; viên nang cứng; Siro khô (Bột pha hỗn dịch).	WHO-GMP	No. DCD/SPL-CL-I/CR-954/2019-20 GSC.No.DD0 9900000175 25	09-10-2019	07-05-2022	Drugs Control Department, Government of Karnataka, India	17
1514	Micro Labs Limited	Plot Nos. 113 to 116, IV Phase KIADB Bommasandra Industrial Area, Jigani link Road, Anekal Taluk, Bangalore, IN -560 099, India	*Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc nhỏ mắt vô trùng dạng thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK GMP 22481 Insp GMP 22481/1080 970-0006	12-04-2018	31-12-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
1515	Micro Labs Limited	Plot No. 113 - 116, Phase IV, KIADB Industrial Area, Bommasandra, Bangalore-560 099, India	* Dung dịch thuốc nhỏ mắt (Kháng viêm, kháng khuẩn, kháng Histamine, Anti-Glaucoma & Lubricant). * Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (Giảm đau, kháng sinh (không chứa Betalactam), chống oxy hóa, cerebral activator).	WHO-GMP	No. DCD/SPL-CL-I/CR-37/2019-20 GSC.No.164 23	22-04-2019	09-01-2022	Drugs Control Department, Government of Karnataka, India	17
IN-204 » Eurolife Healthcare Pvt, Ltd. Unit-II » Khasra No.242, Bhagwanpur, Roorkee, Distt. Haridwar, -247667 Uttarakhand, India									
1516	Eurolife Healthcare Pvt, Ltd. Unit-II	Khasra No.242, Bhagwanpur, Roorkee, Distt. Haridwar, - 247667 Uttarakhand (India) *Cách viết khác: Khasra No-242, Village Bhagwanpur, Roorkee, Dist. Haridwar, Uttarakhand, India hoặc Khasra No.242, Village Bhagwanpur, Roorkee, Distt.- Haridwar, Uttarakhand, India)	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc mỡ	WHO-GMP	17P/1/169/2 009/3210	24-02-2020	24-02-2023	Medical Health & Family Welfare, Sahastradhara Road, Dehradun (Uttarakhand) India	17
1729	Eurolife Healthcare Pvt, Ltd. Unit-I	Khasra No.520 Bhagwanpur, Roorkee, Distt. Haridwar, - 247667 Uttarakhand (India)	Dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn.	WHO-GMP	17P1/118/2 007/3211	24-02-2020	24-02-2023	Medical Health & Family Welfare, Sahastradhara Road, Dehradun (Uttarakhand) India	19
IN-205 » Mylan Laboratories Limited [Beta Lactam Division] » 152/6 & 154/6, Doresanipalya, Bilekahalli, Bannerghatta Road, Bangalore -560 076, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1517	Mylan Laboratories Limited [Beta Lactam Division]	152/6 & 154/16, Doresanipalya, Bilekahalli, Bannerghatta Road, Bangalore - 560 076, India	Thuốc bột khô pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Penicillins	WHO-GMP	No.DCD/SPL-CL-1/Cr-1601/2018-19 GSC.No: 15647	02-01-2019	27-06-2021	Drugs Control Department, Government of Karnataka, India	17
IN-209 » Vee Excel Drugs and Pharmaceuticals Private Limited » B-1/A, Industrial Area GNEPIP, Kasna, Greater Noida, Gautam Budh Nagar, Up, India									
1518	Vee Excel Drugs and Pharmaceuticals Private Limited	B-1/A, Industrial Area GNEPIP, Kasna, Greater Noida, Gautam Budh Nagar, Up, India	Thuốc Non-Betalactam và Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Siro khô.	WHO-GMP	Drug/7327/3057	27-09-2018	20-06-2022	Drug Licensing and Controlling Authority Uttar Pradesh, India	17
2163	Vee Excel Drugs and Pharmaceuticals Private Limited	B-1/A, Industrial Area GNEPIP, Kasna, Greater Noida, Gautam Budh Nagar, UP, India	Thuốc Non-Betalactam và Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Siro khô.	WHO-GMP	Drug/7327/002166	10-08-2022	09-08-2025	Drug Licensing and Controlling Authority Uttar Pradesh, India	25
IN-210 » Fredun Pharmaceuticals Limited » Plot No.14,15,16 Zorabian Industrial Complex, Village Veoor, Tal.Palghar, Thane 401404 Maharashtra State, India									
2164	Fredun Pharmaceuticals Limited	Plot No. 14,15,16 Zorabian Industrial Complex, Village Vevoor, Tal.Palghar, Palghar 401404 Maharashtra State, India.	* Thuốc không vô trùng (ngoại trừ cephalosporin, penicillin, thuốc độc tế bào, hormon): viên nang, chế phẩm dùng ngoài (thuốc mỡ/creams/lotion gel); Bột pha hỗn dịch/ siro; thuốc cổm; bột uống; viên nén; viên nén bao phim, bộ kit viên nén+ viên nang; pellet	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/112298/2022/11/40801	10-06-2022	09-06-2025	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	25
IN-211 » V.S. International Private Limited » Plot No. 17&18, Golden Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman, 396215, India									
2027	V.S. International Private Limited	Plot No. 17&18, Golden Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman, 396215, India	Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang	WHO-GMP	DCD/D&D/LA/2019-2020/7911	16-08-2019	16-08-2022	Administration of Daman & Diu (UT) - Drugs Licensing Authority, India	23
IN-213 » MYLAN LABORATORIES LIMITED [Specialty Formulation Facility] » No. 19 A, Plot No.284 B/1, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, 560 105, India									
1635	MYLAN LABORATORIES LIMITED [Specialty Formulation Facility]	No. 19 A, Plot No.284 B/1, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, 560 105, India	Thuốc đông khô pha tiêm	WHO-GMP	DCD/SPL-CL-1/Cr-528/2020-2021	30-08-2021	17-03-2022	Drug Control Department, Government of Karnataka, India	18
1877	MYLAN LABORATORIES LIMITED [Specialty Formulation Facility]	No. 19 A, Plot No.284 B/1, Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore, 560 105, India Cách ghi khác: 19 A, Plot 284 B/1, Industrial Area, Bommasandra-Jigani Link Road, Bangalore, Karnataka, 560 105, India; Plot No: 284 B/1, 289-292 Bommasandra-Jigani Link Road, Industrial Area, Anekal Taluk, Bengaluru, Karnataka 560 105, India	Thuốc đông khô pha tiêm.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3007648351	28-02-2020	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	21
IN-215 » Brooks Laboratories Limited » Unit II, Village - Manglej, Nareshwar Road, Offnh -8, Taluka Karjan, City: Manglej, Dist - Vadodara -391210, Gujarat State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1636	Brooks Laboratories Limited	Unit II, Village - Manglej, Nareshwar Road, Off NH -8, Taluka Karjan, City: Manglej, Dist - Vadodara -391210, Gujarat State, India	Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm carbapenem.	WHO-GMP	20102270	14-10-2020	13-10-2023	Food & Drug Control Administration, Gujarat State, India	18
1637	Brooks Laboratories Limited	Unit II, Village Manglej, Nareshwar Road, Off NH -8, Taluka - Karjan, Dist Vadodara, Gujarat, 391210, India	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm carbapenem (chỉ có giai đoạn đóng lọ). * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	UP/1-530-10/19-03/37381-10-05/243-19-03	18-12-2019	18-07-2022	Agency for medicinal products and medical devices, Croatia	18
IN-220 » Lupin Limited » Plot No 6A1, 6A2 Sector 17, Special Economic Zone, Mihan, Nagpur Maharashtra (India) Nagpur 441108 Maharashtra State, India									
2165	Lupin Limited	Plot No 6A1, 6A2 Sector 17, Special Economic Zone, Mihan, Nagpur Maharashtra (India) Nagpur 441108 Maharashtra State, India	* Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ND/105836/2021/11/37656	14-10-2021	13-10-2024	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	25
IN-222 » Sakar Healthcare Limited » Block No. 10 -13, Sarkhej - Bavla Highway, City: Changodar - 382213, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India									
1638	Sakar Healthcare Limited	Block No. 10 - 13, Sarkhej - Bavla Highway, City: Changodar - 382213, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Siro khô.	WHO-GMP	19031242	14-03-2019	13-03-2022	Food & Drugs Control Administration, Gandhinagar, Gujarat State, India	18
IN-226 » Simpex Pharma Pvt. Ltd., » C-7 to C-13 and C-59 to C-64, Sigaddi Growth Center, SIDCUL, Sigaddi, Kotdwar-246149, Dist, PauriGarhwal, Uttarakhand, India									
2028	Simpex Pharma Pvt. Ltd.,	C-7 to C-13 and C-59 to C-64, Sigaddi Growth Center, SIDCUL, Sigaddi, Kotdwar-246149, Dist, PauriGarhwal, Uttarakhand, India	Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang.	WHO-GMP	17P/1/1/2010/26784	25-11-2019	24-11-2022	Medical Health & Family Welfare, Sahastradhara Road, Dehradung (Uttarakhand), India	23
IN-228 » Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd » Plot No. 2, 3, 4 & 5, Sector - 6B, IIE, SIDCUL, Ranipun, Haridwar-249403, Uttarakhand, India									
2073	M/s Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd	Plot No. 2, 3, 4 & 5, Sector - 6B, IIE, SIDCUL, Ranipun, Haridwar-249403, Uttarakhand, India	Thuốc tiêm bột Cephalosporin, thuốc tiêm bột Penicillin, dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ	WHO-GMP	26/1/Ausha dhi/57/2019/690	15-01-2021	15-01-2024	The Drug Licensing & Controlling Authority, Uttarakhand, India	24
2074	M/s Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd	Plot No. 2, 3, 4 & 5, Sector - 6B, IIE, SIDCUL, Ranipun, Haridwar-249403, Uttarakhand, India	Dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn.	WHO-GMP	26/1/Ausha dhi/185/2019/688	15-01-2021	15-01-2024	The Drug Licensing & Controlling Authority, Uttarakhand, India	24
IN-229 » Svizera Labs Private Limited » Plot No. D-16/6, T.T.C. Industrial Area, Maharashtra State, India									
1639	Svizera Labs Private Limited	Plot No. D-16/6, T.T.C. Industrial Area, M.I.D.C., Turbhe, Thane 400703, Maharashtra State, India	* Thuốc bột uống (cốm/pellets); viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/92111/2020/11/32612	21-07-2020	20-07-2023	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	18
IN-231 » Medisol Lifescience Pvt. Ltd. » 23/2, 26/P, Aklara, Tal-Umargam, City: Aklara - 396 105, Dist. Valsad, Gujarat State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1640	Medisol Lifescience Pvt. Ltd.	23/2, 26/P, Aklara, Tal- Umargam, City: Aklara - 396 105, Dist. Valsad, Gujarat State, India	* Thuốc hít định liều có áp lực.	India-GMP	19041286	11-04-2019	10-04-2022	Food & Drug Administration, Gujarat State, India	18
IN-233 » Unison pharmaceuticals Pvt. Ltd » Plot No C/6, Steel town, Opp Nova Petro, At& Post-Moraiya, Tal-Sanand; Moraiya - 382213 Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India									
1730	Unison pharmaceuticals Pvt. Ltd	Plot no C/6, Steel Town., Opp Nova Petro, At& Post-Moraiya, Tal- Sanand, Moraiya - 382213, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao, viên nang cứng.	WHO-GMP	19041276	04-04-2019	03-04-2022	Food& Drug Control Administration, Gandhinagar, Gujarat state, India	19
IN-234 » Emcure Pharmaceuticals Ltd » Plot No. P1 and P2, I.T.B.T. Park Phase-II, M.I.D.C. Hinjawadi Pune 411057 Maharashtra State, India									
1731	Emcure Pharmaceuticals Ltd	Plot No. P1 and P2, I.T.B.T. Park Phase-II, M.I.D.C. Hinjawadi Pune 411057, Maharashtra State, India	Nhà xưởng sản xuất thuốc uống dạng rắn (Oral Solid Dosage) các Plant I, II và IIIa: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén; viên nén bao.	Indian-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/74276/2018/11/25582	03-11-2018	02-11-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	19
1732	Emcure Pharmaceuticals Ltd	Plot No. P-1 and P-2, I.T.B.T. Park, Phase II, M.I.D.C. Hinjawadi, Pune-411057, Maharashtra, India	Nhà xưởng sản xuất thuốc uống dạng rắn (Oral Solid Dosage) các Plant I, II và IIIa: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén; viên nén bao. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); hóa học/vật lý	EU-GMP	UP/I-530-10/19-03/36; 381-10-05/162-19-04	29-11-2019	26-07-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	19
IN-236 » Zee Laboratories » Uchani G.T.Road, Karnal-132001, Haryana, India									
1733	Zee Laboratories	Uchani G.T.Road, Karnal-132001, Haryana, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam: viên nén, viên nén bao phim viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài (thuốc kem, thuốc gel) + Thuốc chứa kháng sinh nhóm betatactam: viên nén, viên nang cứng, sirô khô	WHO-GMP	7/62-1Drug-I-2019/7302	24-09-2019	08-09-2022	Office of the state drugs controller, Haryana Food and Drug Administration, India	19
IN-239 » Unison Pharmaceuticals Pvt. Ltd » Unit III, C-7, 8, 9, Steel town, OPP. Nova Petro, Moraiya, Tal-Sanand, City: Moraiya, Dist. Ahmedabad, 382 213, Gujarat state, India									
1734	Unison Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Unit III, C-7, 8, 9, Steel town, OPP. Nova Petro, Moraiya, Tal-Sanand, City: Moraiya, Dist. Ahmedabad, 382 213, Gujarat state, India	Viên nén; Viên nang cứng.	WHO-GMP	19021210	20-02-2019	19-02-2022	Food & Drugs Control Administration, Gujarat state, India	19
IN-241 » Shukra Pharmaceuticals Limited » Plot No. 795, Rakanpur, Tal-Kalol City, Rakanpur, Dist. - Gandhinagar, Gujarat State, India									
2029	Shukra Pharmaceuticals Limited	Plot No. 795, Rakanpur, Tal-Kalol City, Rakanpur, Dist. - Gandhinagar, Gujarat State, India	Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	India-GMP	21072668	06-07-2021	05-07-2024	Food and Dryg Control Administration, Gujarat State, India	23
IN-243 » Naari Pharma Private Limited » Plot No.14-16&55-57, Sector-5 IIE Pantnaga, Rudrapur, 263153, Dist. Udham Singh Nagar, Uttarakhand, India									
1944	Naari Pharma Private Limited	Plot No.14-16&55-57, Sector-5 IIE Pantnagar, Rudrapur, 263153, Dist. Udham Singh Nagar, Uttarakhand (India)	Viên nén, viên nén bao phim	WHO-GMP	17P/1/236/2016/6084	21-04-2022	20-04-2025	Cơ quan quản lý dược Ấn Độ	22

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1945	Naari Pharma Private Limited	Plot No.14-16&55-57, Sector-5 IIE Pantnagar, Rudrapur, Dist. Udham Singh Nagar, Uttarakhand, 263153, (India)	Block - 1: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng), Hóa lý / Vật lý.	EU-GMP	NL/H 18/2003804 V1	12-02-2022	31-12-2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	22
IN-244 » Sotac Pharmaceuticals Pvt.Ltd » Plot No. PF21, Sanand-GIDC-II, OPP Teva Pharma, City: Sanand-382110, Dist. - Ahmedabad Gujarat State, India									
2075	Sotac Pharmaceuticals Pvt.Ltd	Plot No. PF/21, Sanand-GIDC-II, OPP Teva Pharma, City: Sanand-382110, Dist. - Ahmedabad Gujarat State, India Cách ghi khác: Plot No. PF-21, Sanand-GIDC-II, OPP. Teva Pharmaceuticals, Sanand, District - Ahmedabad, Gujarat, India	Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc dùng ngoài, thuốc uống dạng lỏng	WHO-GMP	20022072	26-06-2020	25-06-2023	Food & Drug Administration, Gandhinagar, Gujarat State, India	24
IN-250 » Gelnova Laboratories (India) Private Limited » C-125, TTC Industrial Area, Mahape, Navi Mumbai Thane 400703, Maharashtra State, India									
2166	M/s Aishwarya Lifesciences	Plot No. 11, Vill. Lodhimajra, Nalagarh, Distt. Solan (H.P.), India	Dung dịch tiêm thể tích lớn: : sản xuất, đóng gói và kiểm soát chất lượng	WHO-GMP	HFW-H [DRUG] 550/11 Vol-II	22-06-2022	21-06-2025	Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh, Distt. Solan - India (State Drugs Controller), India	25
IN-275 » Glenmark Pharmaceuticals Limited » Plot No. - B-25, M.I.D.C, Shendra Aurangabad 431210 Maharashtra State, India									
2076	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. - B-25, M.I.D.C, Shendra Aurangabad 431210 Maharashtra State, India	* Viên nén độc tế bào): Abiraterone acetat tablets USP 250mg; Axitinib tablets 1mg; Axitinib tablets 5mg; Erlotinib tablets IP 100mg; Erlotinib tablets IP 150mg; Gefitinib tablets IP 250mg; Imatinib tablets IP 400mg; Arabitro (abiraterone acetate tablets USP 250mg); Arabitro 250mg Tableta (abiraterone acetate tablets USP 250mg); * Thuốc dạng Aerosol: Betamethasone Valerate foam 0.12%; D'acne foam (clindamycin phosphate foam 1%); Dipsotrex-B foam (calcipotriene and betamethasone dipropionate foam, 0.005%/ 0.064%); Powercort E Foam (clobetasol propionate foam 0.05% (emulsion formulation)); * Thuốc dạng hít Inhalation: Formoterol fumarate & budesonide Inhalation (6+200µg); Formoterol fumarate & budesonide Inhalation (6+400µg); Formoterol fumarate & fluticasone propionate Inhalation (6+250µg); Salbutamol Presssurised Inhalation BP 100mcg/ actuation; Salmeterol & Fluticasone propionate Inhalation IP (25+125µg); Salmeterol & Fluticasone propionate Inhalation IP (25+250µg); Rescuwave (salbutamol pressurised Inhalation BP 100mg/ actuation)	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/107644/2021/11/38 323	09-12-2021	08-12-2024	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	24
IN-276 » Zeiss Pharmaceuticals Pvt Ltd. » Plot No. 72 EPIP-1 Jharmajri, Baddi Distt. Solan. (H.P.), India									
2167	Zeiss Pharmaceuticals Pvt Ltd.	Plot No. 72 EPIP-1 Jharmajri, Baddi Distt. Solan. (H.P.), India	* Sản xuất, đóng gói và kiểm tra chất lượng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 354/05	13-05-2022	12-05-2025	State Drugs Controller, Health & Family Welfare Department Himachal Pradesh, India	25
IN-282 » Lyka Labs Limited » Plot No: 4801/B, & 4802/A, G.I.D.C Industrial Estate, City: Ankleshwar - 393 002, Dist. Bharuch, Gujarat State, India									
2168	Lyka Labs Limited	Plot No. 4801/B, & 4802/A, G.I.D.C Industrial Estate, India	- Thuốc tiêm truyền thể tích nhỏ dạng lỏng, dạng đông khô; - Thuốc bột pha tiêm; - Thuốc dùng ngoài (thuốc mỡ, kem, lotion, gel); - Bán thành phẩm vô trùng dạng bột đông khô.	WHO-GMP	20031906	11-03-2020	10-03-2023	Food & Drug Control Administration, Gujarat State, India	25
IN-283 » M. J. Biopharm Pvt. Ltd. » Plot No. L 7, MIDC Industrial Area, Taloja, Raigad 410208 Maharashtra State, India									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2169	M. J. Biopharm Pvt. Ltd.	Plot No. L 7, MIDC Industrial Area, Taloja, Raigad 410208 Maharashtra State, India	* Sản xuất, đóng gói, dán nhãn, kiểm tra chất lượng: + Viên nang (không chứa kháng sinh cephalosporin, penicillin, thuốc độc tế bào, hormon). + Thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh cephalosporin, penem). * Sản xuất, đóng gói, dán nhãn, kiểm tra chất lượng: + Viên nén, viên nén bao phim (không chứa kháng sinh cephalosporin, penicillin, thuốc độc tế bào, hormon).	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/72643/2018/11/25517	24-10-2018	23-10-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India	25
IT-001 » Bieffe medital S.p.A. » Via stelvio, 94- 23035 Sondalo (So), Italy									
8	Bieffe medital s.p.a	Via stelvio, 94- 23035 Sondalo (So), Italia	* Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn	EU-GMP	IT-55-1/H-2017	03-04-2017	28-10-2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1
185	Bieffe Medital S.P.A.	Via stelvio, 94- 23035 Sondalo (So), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	IT/196/H/2019	04-11-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
2170	Bieffe Medital S.P.A.	Via stelvio, 94- 23035 Sondalo (So), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	IT/55/H/2021	21-06-2021	14-01-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	25
IT-002 » Corden Pharma Latina » Via Del Murillo Km 2,800-04013 Sermoneta (Lt), Italy									
9	Corden Pharma Latina	Via Del Murillo Km 2,800-04013 Sermoneta (Lt), Italy	Dây chuyền sản xuất: * Thuốc vô trùng: + Thuốc SX vô trùng: dung dịch thể tích lớn chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; thuốc đông khô chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; thuốc bột chứa penicillin và cephalosporin; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa penicillin và cephalosporin; Viên nang cứng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; Viên nén chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; Viên nén cứng chứa cephalosporin; thuốc bột chứa penicillin và cephalosporin.	EU-GMP	IT/19-1/H/2018	25-01-2018	21-04-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1
IT-003 » Esseti Farmaceutici S.R.L. » Via Campobello 15-00071 Pomezia (RM), Italy									
11	Esseti Farmaceutici S.R.L	Via Campobello 15-00071 Pomezia (RM), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/40-1/H/2018		21-10-2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	2
567	Esseti Farmaceutici S.R.L	Via Campobello 15-00071 Pomezia (RM), Italia. Cách viết địa chỉ cũ: Via Campobello 15-00040, Pomezia (RM), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/100/H/2019	22-05-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-004 » Farma Italia S.P.A. » Via Zambeletti, 25-20021 Baranzate (MI), Italy									
18	Farma Italia S.P.A,	Via Zambeletti, 25-20021 Baranzate (MI), Italia	Sản xuất bán thành phẩm: Viên nén Acarbose Friulchem	EU-GMP	IT/265-1/H/2016		05-06-2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	2
462	Famar Italia S.P.A,	Via Zambelletti, 25-20021 Baranzate (MI), Italy (Cách ghi khác: Via Zambelletti, 25 I-20021 Baranzate di Bollate, Milano, Italy)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc gôm nhai (chewing gums), viên nén, thuốc bột, thuốc cổm, thuốc nén hình thoi (lozenge, pastille), viên nén được liệu.	EU-GMP	IT/93/H/2019	21-05-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-005 » Lamp San Prospero S.P.A. » Via della Pace, 25/A, I-41030 San Prospero, Modena, Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
19	Lamp San Prospero S.P.A,	Via della Pace, 25/A, I-41030 San Prospero, Modena, Italia	Đóng gói và xuất xưởng: Viên nén Acarbose Friulchem	EU-GMP	IT/168-1/H/2016		02-05-2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	2
301	Lamp San Prospero S.P.A	Via Della Pace, 25/A - 41030 San Prospero (MO) - Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm); Thuốc đặt; Viên nén.	EU-GMP	IT/91/H/2019	20-05-2019	16-11-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	7
368	Lamp San Prospero SPA	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy	* Thuốc không vô trùng: thuốc bột, thuốc cốm; thuốc đặt; viên nén. + chứng nhận lô * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; viên ngậm, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc đặt; viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng), hóa/lý.	EU-GMP	IT/72/H/2019	01-04-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
IT-006 » Sirton Pharmaceuticals S.P.A. » Piazza XX Settembre 2, 22079 Villa Guardia (CO), Italy									
37	Sirton Pharmaceuticals S.P.A	Piazza XX Settembre 2, 22079 Villa Guardia (CO), Italy	1. Thuốc vô trùng: - Thuốc SX vô trùng: + Thuốc đông khô (bao gồm các sản phẩm chiết từ mô/ tế bào của người); + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm các sản phẩm dẫn xuất hoặc chiết từ mô/ tế bào của động vật). - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/217-1/H/2017		18-12-2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	3
IT-007 » ACS Dobfar S.P.A. » V.LE Addetta 2a/12 - 20067 Tribiano (MI), Italy									
43	ACS Dobfar S.P.A	V.LE Addetta 2a/12 - 20067 Tribiano (MI), Italy	* Sản xuất sản phẩm trung gian thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa kháng sinh β -Lactam): thuốc đông khô; bán thành phẩm Cephalosporin; thuốc bột; bán thành phẩm hỗn hợp Cephalosporin và Carbapenems. * Chứng nhận xuất xưởng: thuốc sản xuất vô trùng.	EU-GMP	IT/63-1/H/2018	19-02-2018	16-06-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	4
186	ACS Dobfar S.P.A	V.LE Addetta 2a/12 - 3/5-20067 Tribiano (MI), Italy (Cách ghi khác: Viale Addetta 2a/12 - 3/5- 20067 Tribiano (MI), Italy; hoặc Viale Addetta 2a/12-3/5, 20067 Tribiano, Milano, Italy)	* Bán thành phẩm sản xuất vô trùng: đông khô cephalosporins; bột chứa hỗn hợp Cephalosporins; bột chứa hỗn hợp Carbapenems. * Xuất xưởng lô: thuốc sản xuất vô trùng. * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/228/H/2018	11-02-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
2077	ACS Dobfar S.P.A	V.LE Addetta 2a/12 - 3/5-20067 Tribiano (MI), Italy (Cách ghi khác: Viale Addetta 2a/12 - 3/5- 20067 Tribiano (MI), Italy; hoặc Viale Addetta 2a/12-3/5, 20067 Tribiano, Milano, Italy)	* Bán thành phẩm sản xuất vô trùng: đông khô cephalosporins; bột chứa hỗn hợp Cephalosporins; bột chứa hỗn hợp Carbapenems. * Xuất xưởng lô: thuốc sản xuất vô trùng. * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/104/H/2022	06-07-2022	12-03-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	24
IT-008 » Delpharm Novarra S.R.L. » Via Crosa, 86-28065 Cerano (NO), Italy									
84	Delpharm Novarra S.R.L	Via Crosa, 86-28065 Cerano (NO), Italy	* Sản xuất thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/191/H/2019	22-10-2019	31-10-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	5
IT-009 » Chiesi Farmaceutici S.P.A. » Via San Leonardo 96 - 43122 Parma (PR), Italy									
187	Chiesi Farmaceutici S.P.A.	Via San Leonardo 96 - 43122 Parma (PR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid; thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid); thuốc bột (chứa corticosteroid); thuốc dạng có áp lực (chứa corticosteroid); viên nén. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/77/H/2019	08-04-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
IT-010 » Abbvie S.R.L » S.R. 148 Pontina Km 52, Snc-Campoverde Di Aprilia (loc. APRILIA) - 04011 APRILIA (LT), Italy									
188	Abbvie S.R.L	S.R. 148 Pontina Km 52, Snc-Campoverde Di Aprilia (loc. APRILIA) - 04011 APRILIA (LT), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/214/H/2018	27-09-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-011 » S.M. Farmaceutici S.R.L. » Zona Industriale, 85050 TITO (PZ), Italy									
189	S.M. Farmaceutici S.R.L.	Zona Industriale, 85050 TITO (PZ), Italy Cách ghi khác: Zona Industriale 85050 Tito-Potenza, Itália hoặc: Zona Industriale I - 85050 Tito (PZ), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng chứa corticosteroids.	EU-GMP	IT/138/H/2019	23-07-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-012 » Valpharma International S.P.A. » Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italy									
190	Valpharma International S.P.A.	Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; dạng bào chế rắn khác (thuốc cốm, pellet); Viên nén; viên nén bao phim Phạm vi chứng nhận không bao gồm chứng nhận lô, xuất xưởng sản phẩm	EU-GMP	IT/173/H/2019	16-09-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-013 » Reparto Distaccato » Via Palermo, 26/A - 43122 Parma (PR), Italy									
191	Chiesi Farmaceutici S.P.A. (Reparto Distaccato)	Via Palermo, 26/A - 43122 Parma (PR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc sinh học: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/77/H/2019	08-04-2019	23-11-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-014 » ABIOTEN PHARMA S.P.A. » VIA MEUCCI, 36 (LOC. OSPEDALETTO) - 56121 PISA (PI), Italy									
359	ABIOTEN PHARMA S.P.A.	VIA MEUCCI, 36 (LOC. OSPEDALETTO) - 56121 PISA (PI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc dùng ngoài; dung dịch thuốc uống; viên nén; viên bao; thuốc bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/213/H/2018	27-09-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
IT-015 » LABORATORIO FARMACEUTICO S.I.T. SPECIALITA' IGIENICO TERAPEUTICHE S.R.L. » Via Cavour, 70 - 27035 MEDE (PV), Italy									
192	LABORATORIO FARMACEUTICO S.I.T. SPECIALITA' IGIENICO TERAPEUTICHE S.R.L.	Via Cavour, 70 - 27035 MEDE (PV), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (chứa hormon corticosteroid); viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường; * Thuốc sinh học (chỉ pha chế, chia liều và đóng gói): Vắc xin vi khuẩn bất hoạt dạng viên nén; sản phẩm vi sinh sống dạng viên nang cứng; * Thuốc được liệu (chỉ pha chế, chia liều và đóng gói): Viên nén; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn.	EU-GMP	IT/174/H/2019	18-09-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-016 » SANOFI S.P.A. » S.S. 17 Km 22 - 67019 Scoppito (AQ), Italy									
193	SANOFI S.P.A.	S.S. 17 Km 22 - 67019 Scoppito (AQ), Italia	1. Sản xuất toàn bộ quá trình * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường và viên nhai (bao gồm cả thuốc chứa hormon Corticosteroid). * Thuốc từ dược liệu: Viên nang mềm; Viên nén. 2. Sản xuất bán thành phẩm: thuốc cốm. 3. Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang cứng. + Đóng gói thứ cấp. 4. Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/130/H/2018	29-05-2018	31-12-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1946	Sanofi S.R.L. (tên cũ: Sanofi S.P.A.)	S.S. 17 Km 22 - 67019 Scoppito (AQ), Italia	1. Sản xuất toàn bộ quá trình * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường và viên nhai (bao gồm cả thuốc chứa hormon Corticosteroid). * Thuốc từ dược liệu: Viên nang mềm; Viên nén. 2. Sản xuất bán thành phẩm: thuốc cốm. 3. Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang cứng. + Đóng gói thứ cấp. 4. Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/120/H/2020	25-11-2020	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	22
IT-017 » Janssen Cilag S.P.A. » Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michele) - 04100 Latina (LT), Italy									
194	Janssen Cilag S.P.A	Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michele) - 04100 Latina (LT), Italy (cách ghi khác: Via C. Janssen, Borgo San Michele, 04100 Latina, Italy / Via C. Janssen, Loc. Borgo San Michele, 04100 Latina, Italy)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc xịt (pressurised preparations. Viên nén (bao gồm học môn sinh dục), viên nén bao phim. * Chứng nhận lô (batch certification) * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/184/H/2018	08-08-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-018 » Special Product's Line S.P.A. » Via Fratta Rotonda Vado Largo, 1-03012 Anagni (FR), Italy									
195	Special Product's Line S.P.A	Via Fratta Rotonda Vado Largo, 1, 03012 Anagni (FR), Italy (Cách ghi cũ: Via Strada Paduni, 240- 03012 Anagni (FR), Italy)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (corticosteroids học môn, sản phẩm sinh học trị liệu sống); thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn, thuốc đặt (corticosteroids học môn). Viên nén, viên nén bao phim (corticosteroids học môn).	EU-GMP	IT/9/H/2019	22-01-2019	01-06-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
1814	Special Product's Line S.P.A	Via Fratta Rotonda Vado Largo, 1, 03012 Anagni (FR), Italy (Cách ghi cũ: Via Strada Paduni, 240- 03012 Anagni (FR), Italy)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (corticosteroids học môn, sản phẩm sinh học trị liệu sống); thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn, thuốc đặt (corticosteroids học môn). Viên nén, viên nén bao phim (corticosteroids học môn).	EU-GMP	IT/82/H/2020	23-07-2020	30-10-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	20
IT-020 » BSP Pharmaceuticals S.p.A. » Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy									
522	BSP Pharmaceuticals S.p.A	Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy (Cách ghi khác: Via Appia Km 65,561, 04013 Latina Scalo (LT), Italy)	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng; Dung dịch thể tích nhỏ và bột đông khô sản xuất vô trùng.	EU-GMP	IT/236/H/2019	18-12-2019	20-10-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
984	BSP Pharmaceuticals S.p.A	Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy (Cách ghi khác: - Via Appia Km 65,561, 04013 Latina Scalo (LT), Italy - Via Appia Km 65, 561, 04013 Latina, Italy)	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng; Dung dịch thể tích nhỏ và bột đông khô sản xuất vô trùng. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng; thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; viên nén chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/70/H/2020	06-10-2020	26-02-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	12
2171	BSP Pharmaceuticals S.p.A.	Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy (Cách ghi khác: - Via Appia Km 65,561, 04013 Latina Scalo (LT), Italy - Via Appia Km 65, 561, 04013 Latina, Italy)	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng; Dung dịch thể tích nhỏ và bột đông khô sản xuất vô trùng. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng; thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; viên nén chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/170/H/2022	09-08-2022	22-07-2025	Italian Medicines Agency (AIFA)	25
IT-021 » ACS Dobfar S.P.A (Tên cũ: Facta Farmaceutici S.P.A.) » Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. Nicolo' A Tordino) - 64100 Teramo (TE), Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
196	ACS Dobfar S.P.A (Tên cũ: Facta Farmaceutici S.P.A.)	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. Nicolo' A Tordino) - 64100 Teramo (TE), Italia;	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm, bột pha dung dịch tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm cepha, penem.	EU-GMP	IT/6/H/2019	21-01-2019	31-12-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
1735	ACS Dobfar S.P.A (Tên cũ: Facta Farmaceutici S.P.A.)	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. Nicolo' A Tordino) - 64100 Teramo (TE), Italia; cách viết khác: Nucleo Industriale S. Atto, S. Nicolo a Tordino - 64100 Teramo (TE), Italia;	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm, bột pha dung dịch tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm cepha, penem. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/53/H/2019	13-04-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	19
IT-022 » Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L. » Via Cassia Nord, 351-53014 Monteroni D'arbia (SI), Italy									
804	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L	Via Cassia Nord; 351-53014 Monteroni D'arbia (SI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/212/H/2018	25-09-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-023 » Novartis Farma S.P.A. » Via Provinciale Schito, 131 - 80058, Torre Annunziata (NA), Italy									
197	Novartis Farma S.P.A.	Via Provinciale Schito, 131 - 80058 (cách ghi khác: Via Provinciale Schito 131), Torre Annunziata (NA), Italy	1. Sản xuất: * Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén phóng thích chậm); viên nén bao phim. * Thuốc được liệu: Viên nén. 2. Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm; viên nén (bao gồm cả viên nén phóng thích chậm); viên nén bao phim. 3. Đóng gói thứ cấp. 4. Xuất xưởng: bao gồm cả thuốc vô trùng.	EU-GMP	IT/36/H/2019	18-02-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-024 » Patheon Italia S.P.A. » 2° Trav. SX Via Morolense, 5, Ferentino (FR), 03013, Italy									
198	Patheon Italia S.P.A.	2° Trav. SX Via Morolense, 5, Ferentino (FR), 03013, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người và động vật, chế phẩm từ máu, trừ hormon corticosteroid); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, sản phẩm công nghệ sinh học). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm từ máu: Thuốc đông khô; + Sản phẩm công nghệ sinh học: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng: protein tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng.	EU-GMP	IT/156/H/2018	26-06-2018	19-04-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
1947	Patheon Italia S.P.A.	2° Trav. SX Via Morolense, 5 - 03013 FERENTINO (FR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người và động vật, chế phẩm từ máu, trừ hormon corticosteroid); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm chiết có nguồn gốc từ động vật). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng * Thuốc sinh học: + Chế phẩm từ máu: Thuốc đông khô; + Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng. + Sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người và động vật: Thuốc đông khô. * Xuất xưởng thuốc sinh học: + Chế phẩm từ máu: Thuốc đông khô; + Sản phẩm công nghệ sinh học: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng. + Sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người và động vật: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng)- Hóa học /Vật lý: Sinh học (I AL test)	EU-GMP	IT/15/H/2021	03-02-2021	15-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	22
IT-025 » Actavis Italy S.p.a - Nerviano Plant » Via Pasteur 10, 20014 Nerviano - Milan, Italy									
199	Actavis Italy S.p.a	Via Pasteur 10, 20014 Nerviano - Milan, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào) (building A100, A200), dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/ kim tế bào (tòa nhà A200); + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/ kim tế bào dạng ampoule (tòa nhà A90).	EU-GMP	IT/132/H/2018	30-05-2018	16-02-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1292	Actavis Italy S.p.a	Via Pasteur 10, 20014 Nerviano - Milan (MI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào) (building A100, A200), dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/ kim tế bào (tòa nhà A200); + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/ kim tế bào dạng ampoule (tòa nhà A90).	EU-GMP	IT/230/H/2019	12-12-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	15
IT-026 » Kedrion S.P.A. » S.S.7 Bis Km. 19,5 - 80029 Sant' Antimo (NA), Italy									
200	Kedrion S.P.A	S.S.7 Bis Km. 19,5 - 80029 Sant' Antimo (NA), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Các chế phẩm từ máu: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ: Aprotinin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (dung môi). * Thuốc sinh học: Các sản phẩm máu: chỉ Aprotinin. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/183/H/2019	27-09-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
IT-027 » Laboratorio Farmaceutico C.T S.R.L. » Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy									
658	Laboratorio Farmaceutico C.T. S.R.L.	Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; thuốc bột đông khô chứa kháng sinh nhóm Penicillin và nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/111-1/H/2018	23-04-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-028 » Aeffe Farmaceutici SRL » Via Torino, 448-10032 Brandizzo (TO), Italy									
1878	Aeffe Farmaceutici SRL	Via Torino, 448-10032 Brandizzo (TO), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc dùng trong dạng lỏng. * Chứng nhận lô thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc dùng trong dạng lỏng. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý/vi sinh/thuốc không vô trùng)	EU-GMP	IT/209/H/2018	24-09-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	21
IT-029 » Fresenius Kabi Italia S.R.L » Via Camagre, 41/43-37063 Isola Della Scala (VR), Italy									
367	Fresenius Kabi Italia S.R.L	Via Camagre, 41/43-37063 Isola Della Scala (VR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ	EU-GMP	IT/90-1/H/2018	27-03-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
IT-031 » GlaxoSmithKline manufacturing S.p.A. » Strada Provinciale Asolana N. 90 (loc. San Polo) - 43056 Torrice (PR), Italy									
201	GlaxoSmithKline manufacturing S.p.A	Strada Provinciale Asolana N. 90 (loc. San Polo) - 43056 Torrice (PR), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào, chất diệt tế bào) , viên nén (bao gồm cả chất kim tế bào, chất diệt tế bào), thuốc uống dạng lỏng.. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	IT/6-1/H/2018	01-08-2018	29-09-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
1293	GlaxoSmithKline Manufacturing S.P.A.	Strada Provinciale Asolana N. 90 (loc. San Polo) - 43056 Torrice (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào, DNA protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc tiêm dạng Liposomal (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng; viên nén (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng. + Xuất xưởng lô thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); Thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/115/H/2019	10-06-2019	19-04-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1948	GlaxoSmithKline Manufacturing S.P.A.	Strada Provinciale Asolana N. 90 (loc. San Polo) - 43056 Torrice (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào, DNA protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc tiêm dạng Liposomal (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng; viên nén (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng. + Xuất xưởng lô thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); Thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	IT/53/H/2021	06-10-2021	04-09-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	22
IT-032 » Kedrion S.P.A. » Via Provinciale (loc. Bolognana) - 55027 Gallicano (LU), Italy									
202	Kedrion S.P.A.	Via Provinciale (loc. Bolognana) - 55027 Gallicano (LU), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (các sản phẩm máu): Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu (bao gồm cả huyết tương phân đoạn).	EU-GMP	IT/113-1/H/2018	23-04-2018	20-10-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
985	Kedrion S.P.A.	Via Provinciale (loc. Bolognana) - 55027 Gallicano (LU), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (các sản phẩm máu): Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu (bao gồm cả huyết tương phân đoạn). * Xuất xưởng thuốc vô trùng tiết trùng cuối. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm máu (Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/16/H/2020	07-02-2020	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	12
IT-033 » Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A. » Via G.Pascoli, 1-20064 Gorgonzola (MI), Italy									
540	Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A	Via G.Pascoli, 1-20064 Gorgonzola (MI), Italy (Cách ghi khác: Gorgonzola MI), Via G.Pascoli, n.1, Italy)	* Thuốc không vô trùng: + Dạng bào chế bán rắn (bao gồm thuốc sinh học có nguồn gốc từ động vật). + Thuốc đạn (bao gồm thuốc dược liệu). * Thuốc sinh học: sản phẩm có nguồn gốc từ động vật * Thuốc dược liệu	EU-GMP	IT/219/H/2018	15-10-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-034 » Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A. » Reparto Distaccato – Via Muoni, 10 – 20064 – Gorgonzola (MI), Italy									
541	Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A	Reparto Distaccato – Via Muoni, 10 – 20064 – Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nén	EU-GMP	IT/219/H/2018	15-10-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-035 » Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A. » Reparto Distaccato – Via Muoni, 15 – 20064 – Gorgonzola (MI), Italy									
542	Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A	Reparto Distaccato – Via Muoni, 15 – 20064 – Gorgonzola (MI), Italy (Cách ghi khác: Reparto Distaccato in Via Muoni, 15 Italy)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột, viên nén (bao gồm cả thuốc dược liệu).	EU-GMP	IT/219/H/2018	15-10-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-036 » Bracco Imaging S.P.A. » Bioindustry park - Via Ribers, 5-10010 Colletterto Giacosa (TO), Italy									
302	Bracco Imaging S.P.A	Bioindustry park - Via Ribers, 5-10010 Colletterto Giacosa (TO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/21/H/2019	29-01-2019	15-06-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	7
1879	Bracco Imaging S.P.A	Bioindustry park - Via Ribers, 5-10010 Colletterto Giacosa (TO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/58/H/2020	09-04-2020	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	21

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
IT-037 » SANOFI S.P.A. » Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italia									
303	SANOFI S.P.A.	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc sinh học (men vi sinh): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc được liệu: Thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	IT/85/H/2019	19-04-2019	13-12-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	7
1815	SANOFI S.R.L.	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italy (* Các cách ghi khác: - Viale Europa, 11 Origgio (VA), Italy - Viale Europa 11, IT-21040 Origgio, Italy)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học (men vi sinh): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Men vi sinh. * Thuốc được liệu: Thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/38/H/2021	16-03-2021	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	20
1880	SANOFI S.R.L. (Tên cũ: SANOFI S.P.A.)	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italia Cách ghi khác: Viale Europa 11, IT-21040 Origgio, Italia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Thuốc sinh học (men vi sinh): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc sinh học: sản phẩm trị liệu sinh học sống * Thuốc được liệu: Thuốc uống dạng lỏng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/38/H/2021	16-03-2021	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	21
1949	SANOFI S.R.L.	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italy (* Các cách ghi khác: - Viale Europa, 11 Origgio (VA), Italy - Viale Europa 11, IT-21040 Origgio, Italy)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học (men vi sinh): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Men vi sinh. * Thuốc được liệu: Thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/89/H/2021	16-11-2021	18-06-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	22
2078	Opella Healthcare Italy S.R.L. (Tên cũ: SANOFI S.R.L.)	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italy (* Các cách ghi khác: - Viale Europa, 11 Origgio (VA), Italy - Viale Europa 11, IT-21040 Origgio, Italy)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học (men vi sinh): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Men vi sinh. * Thuốc được liệu: Thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/9/H/2022	11-01-2022	18-06-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	24
IT-038 » Bayer Healthcare Manufacturing S.R.L. » Via Delle Groane, 126-20024 Garbagnate Milanese (MI), Italia									
360	Bayer Healthcare Manufacturing S.R.L.	Via Delle Groane, 126-20024 Garbagnate Milanese (MI), Italia	* Thuốc không vô trùng: hỗn dịch thuốc uống; thuốc cốm; viên nén, viên bao. * Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm * Xuất xưởng: thuốc tiết trùng cuối.	EU-GMP	IT/139/H/2019	26-07-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
IT-039 » Catalent Anagni S.R.L. (tên cũ: Bristol Myers Squibb S.R.L.) » Località Fontana Del Ceraso SNC, Strada provinciale 12 Casilina N.41, Anagni (FR), 03012, Italy									
504	Catalent Anagni S.R.L (tên cũ: Bristol Myers Squibb S.R.L)	Località Fontana Del Ceraso SNC, Strada provinciale 12 Casilina N.41 (hoặc Strada provinciale Casilina 41), Anagni (FR), 03012, Italy (* cách ghi khác: Loc Fontana Del Ceraso - 03012 Anagni (FR), Italy)	1. Sản xuất thuốc: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng. 2. Đóng gói + Đóng gói sơ cấp: viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc độc tế bào/ kim tế bào); bao gồm cả viên nang cứng. + Đóng gói thứ cấp. 3. Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/59/H/2020	16-04-2020	14-02-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-040 » Pfizer Italia S.R.L. » Località Marino Del Tronto - 63100 Ascoli Piceno (AP), Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
332	Pfizer Italia S.R.L	Località Marino Del Tronto - 63100 Ascoli Piceno (AP), Italy	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (chất độc tế bào); + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon: hormon corticosteroid và hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/138/H/2018	06-06-2018	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
IT-041 » GlaxoSmithKline manufacturing S.P.A. » Via A. Fleming, 2 - 37135 Verona (VR), Italy									
333	GlaxoSmithKline manufacturing S.P.A	Via A. Fleming, 2 - 37135 Verona (VR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	IT/45-1/H/2017	28-03-2017	16-12-2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
659	GlaxoSmithKline manufacturing S.P.A	Via A. Fleming, 2 - Verona (VR), Italy Cách ghi khác: Via A. Fleming, 2 - Verona (VR), 37135, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	IT/109/H/2019	30-05-2019	19-04-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
660	ACS Dobfar S.p.A	Via A. Fleming, 2 - 37135 Verona (VR), Italy Cách ghi khác: Via Alessandro Fleming, 2, Verona, 37135 - Italy; hoặc: via A. Fleming, 2, 37135 Verona - Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. * Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Zavicefta Powder for concentrate for solution for infusion (Ceftazidime (dưới dạng ceftazidime pentahydrate) 2g; Avibactam (dưới dạng natri avibactam) 0,5g).	EU-GMP	IT/27/H/2020	27-02-2020	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-042 » Haupt Pharma Latina S.R.L. » Borgo San Michele S.S 156 Km. 47,600 - 04100 Latina (LT), Italy									
304	Haupt Pharma Latina S.R.L	Borgo San Michele S.S 156 Km. 47,600 - 04100 Latina (LT), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporin và Penicillin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột (bao gồm cả kháng sinh nhóm Penicillins); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả kháng sinh nhóm Penicillins). * Thuốc được liệt kê: Viên nén	EU-GMP	IT/181/H/2018	06-08-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	7
IT-043 » Fisiopharma S.R.L. » Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA), Italy									
305	Fisiopharma S.R.L	Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroids; chất chiết xuất có nguồn gốc từ động vật); thuốc bột. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm chứa chất chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	IT/224/H/2019	03-12-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	7
IT-044 » Delpharm Milano S.R.L. » Via Carnevale, 1 - 20090 Segrate (MI), Italy									
986	Delpharm Milano S.R.L	Via Carnevale, 1 - 20090 Segrate (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào/kim tế bào, thuốc ức chế miễn dịch): Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim; thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; hóa học/vật lý	EU-GMP	IT/191-1/H/2017	23-10-2017	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	12
IT-046 » A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l » Via Campo Di Pile 67100 L'Aquila (AQ), Italy									
343	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Via Campo Di Pile 67100 L'Aquila (AQ), Italy.	Sản xuất, đóng gói: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột;	EU-GMP	IT/183-4/H/2017	27-09-2017	22-02-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
987	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Via Campo Di Pile , 67100 L'Aquila (AQ), Italy.	Sản xuất, đóng gói, xuất xưởng: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột;	EU-GMP	IT/57/H/2020	08-04-2020	31-12-2023	AIFA Italian Medicines Agency	12
IT-047 » FRESENIUS KABI IPSUM S.R.L. » LOC.MASSERIE ARMIERI, POZZILLI (IS), 86077, Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
589	FRESENIUS KABI IPSUM S.R.L.	LOC.MASSERIE ARMIERI, POZZILLI (IS), 86077, Italy	* Sản xuất thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: bán thành phẩm Penicillin dạng đông khô (bột vô trùng); * Sản xuất thuốc không vô trùng: Bột đông khô; * Xuất xưởng lô: thuốc vô trùng sản xuất vô trùng;thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: bột đông khô, bán thành phẩm; * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/92/H/2019	21-05-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-048 » Baxter Manufacturing S.P.A. » Via G.B. Oliva, 2 loc. Ospedalletto - 56121 PisaA (PI), Italy									
390	Baxter Manufacturing S.P.A.	Via G.B. Oliva, 2 loc. Ospedalletto - 56121 PisaA (PI), Italy (Cách ghi khác: Via G.B. Oliva, 2-56121-loc. Ospedalletto Pisa (PI), Italy)	* Thuốc vô trùng (không bao gồm xuất xưởng và đóng gói, bao gồm cả kiểm tra bằng mắt thường): + Thuốc sản xuất vô trùng (chỉ sản phẩm máu): Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm máu (chỉ albumin người).	EU-GMP	IT/94/H/2019	22-05-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	8
IT-049 » Mitim S.R.L. » Via Cacciamali, 34-38-25125 Brescia (BS), Italia									
457	Mitim S.R.L.	Via Cacciamali, 34-38-25125 Brescia (BS), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin: Thuốc đông khô; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả chế phẩm tách chiết từ động vật). * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; thuốc bột; viên nén. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm chứa, chiết xuất hoặc có nguồn gốc từ tế bào/mô động vật	EU-GMP	IT/68/H/2019	26-03-2019	16-11-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-050 » Mipharm S.P.A. » Via Bernardo Quaranta, 12 - 20141 Milano (MI), Italy									
988	Mipharm S.P.A	Via Bernardo Quaranta, 12 - 20141 Milano (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng trong dạng lỏng (chứa corticosteroid và các hormon khác, không bao gồm hormon sinh dục); thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon corticosteroid và hormon sinh dục). * Sản phẩm sinh học: Viên nang cứng chứa chất chiết từ động vật. * Sản phẩm: Thuốc hỗn dịch xịt mũi Nasostad 50 micrograms/actuation nasal spray, suspension (Mometasone furoate (as monohydrate) 50 micrograms/actuation nasal spray). Tên tại Việt Nam: EU-Fastmome 50 micrograms/actuation.	EU-GMP	IT/96-1/H/2018	09-04-2018	25-01-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	12
1294	Mipharm S.P.A	Via Bernardo Quaranta, 12 - 20141 Milano (MI), Italy (Cách ghi khác: Via Quaranta, 12, 20141 Milano, Italy)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng trong dạng lỏng (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon); thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon). * Sản phẩm sinh học: Viên nang cứng chứa chất có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Sản phẩm: Thuốc hỗn dịch xịt mũi Nasostad 50 micrograms/actuation nasal spray, suspension (Mometasone furoate (as monohydrate) 50 micrograms/actuation nasal spray). Tên tại Việt Nam: EU-Fastmome 50 micrograms/actuation.	EU-GMP	IT/107/H/2020	28-10-2020	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	15
IT-051 » Italfarmaco S.P.A. » Viale Fulvio Testi, 330-20126 Milano (MI), Italy									
476	Italfarmaco S.P.A	Viale Fulvio Testi, 330-20126 Milano (MI) (hoặc 330 Milan - I-20126), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch/ dung dịch tiêm thể tích nhỏ chứa hormon và chất có hoạt tính hormon (không bao gồm hormon corticosteroid và hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch/ dung dịch tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng)	EU-GMP	IT/88/H/2019	06-05-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-052 » Merck Serono S.P.A. » Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) - 70026 Modugno (BA), Italy									
661	Merck Serono S.P.A	Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) - 70026 Modugno (BA), Italy (Cách viết khác: Via Delle Magnolie 15, (Localita Frazione Zona Industriale), Modugno (BA), I - 70026, Italy)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô: chỉ có chế phẩm sinh học chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (không bao gồm corticosteroid); Dung dịch thể tích nhỏ bao gồm chế phẩm sinh học chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (không bao gồm corticosteroid) và cytokines. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm từ máu: Chế phẩm chứa albumin người được thêm vào sản phẩm công nghệ sinh học. + Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng.	EU-GMP	IT/234/H/2018	14-11-2018	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-054 » FIDIA FARMACEUTICI S.P.A. » Via Ponte Della Fabbrica 3/A - 35031 Abano Terme (PD), Italy									
524	FIDIA FARMACEUTICI S.P.A.	Via Ponte Della Fabbrica 3/A - 35031 Abano Terme (PD), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chiết xuất từ động vật); thuốc xịt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chiết xuất từ động vật); thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc khung thấm; thuốc bán rắn; viên nén; * Thuốc sinh học: Chế phẩm miễn dịch (vắc xin virus sống giảm độc lực, từ bán thành phẩm nhập); Sản phẩm chiết xuất từ động vật.	EU-GMP	IT/120/H/2019	18-06-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	9
IT-055 » Eli Lilly Italia S.P.A. » V.Gramsci, 731-733 - 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
662	Eli Lilly Italia S.P.A	V.Gramsci, 731-733 - 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italy (Cách viết khác: Via Gramsci, 731-733, Sesto Fiorentino, 50019 Florence, Italy / Via Gramsci, 731-733, 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italy)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa chế phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm công nghệ sinh học; chế phẩm protein tái tổ hợp.	EU-GMP	IT/232/H/2018	14-11-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-056 » ABC Farmaceutici S.P.A. » Via Cantone Moretti, 29 (loc. Localita' San Bernardo) - 10015 Ivrea (TO), Italy									
663	ABC Farmaceutici S.P.A.	Via Cantone Moretti, 29 (loc. Localita' San Bernardo) 10015 Ivrea (TO), Italy (* cách ghi khác: Via Canton Moretti, 29 Localita San Bernardo-Ivrea Torino), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	IT/107-1/H/2018	20-04-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-057 » Ibsa Farmaceutici S.R.L. » Via Martiri di Cefalonia, 2 - 26900 LODI (LO), Italy									
664	Ibsa Farmaceutici Italy S.R.L.	Via Martiri di Cefalonia, 2 - 26900 Lodi (LO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; dạng bào chế có áp lực; thuốc đạn; thuốc dạng bán rắn chứa hormon corticosteroid.	EU-GMP	IT/222/H/2019	03-12-2019	24-05-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-058 » Aziende Chimiche Riunite Angelini Francesco Acraf SpA » Via Vecchia del Pinocchio, 22 - 60131 Ancona (AN), Italy									
665	Aziende Chimiche Riunite Angelini Francesco Acraf SpA	Via Vecchia del Pinocchio, 22 - 60131 Ancona (AN), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nén; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc bán rắn chứa hormon sinh dục; thuốc đặt chứa hormon sinh dục; thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	IT/164/H/2019	10-09-2019	16-05-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	10
IT-059 » S.A.L.F. SPA Laboratorio Farmacologico » Via G. Mazzini, 9 - 24069 Cenate Sotto (BG), Italy									
1295	S.A.L.F. SPA Laboratorio Farmacologico	Via G. Mazzini, 9 - 24069 Cenate Sotto (BG), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/155/H/2019	06-09-2019	17-05-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	15
IT-060 » Fresenius Kabi Ipsum S.R.L. » Via S. Leonardo 23-45010 Villadose (RO), Italy									
989	Fresenius Kabi Ipsum S.R.L	Via S. Leonardo 23-45010 Villadose (RO), Italy	* Thuốc sản xuất vô trùng: bán thành phẩm thuốc bột đông khô chứa kháng sinh nhóm penicillin; bán thành phẩm thuốc bột chứa kháng sinh nhóm penicillin; cephalosporin. * Xuất xưởng. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/135/H/2019	17-07-2019	31-12-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	12
1736	Fresenius Kabi Ipsum S.R.L	Via S. Leonardo 23-45010 Villadose (RO), Italy	* Thuốc sản xuất vô trùng: + Bán thành phẩm thuốc đông khô chứa kháng sinh nhóm penicillin; bán thành phẩm thuốc bột chứa kháng sinh nhóm penicillin, cephalosporin. + Xuất xưởng. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng; không vô trùng); hóa học/vật lý; sinh học.	EU-GMP	IT/73/H/2021	16-09-2021	21-04-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	19
IT-061 » ISTITUTO BIOCHIMICO ITALIANO GIOVANNI LORENZINI S.P.A. » Via Fossignano 2- 04011 Aprilia (LT), Italy									
805	ISTITUTO BIOCHIMICO ITALIANO GIOVANNI LORENZINI S.P.A	Via Fossignano 2- 04011 Aprilia (LT), Italia.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Penicillin + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon; không chứa corticosteroid và hormon sinh dục); thuốc bán rắn (thuốc mỡ, gels); thuốc bột; thuốc cốm; viên nén (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon; không chứa corticosteroid và hormon sinh dục)	EU-GMP	IT/204/H/2018	19-09-2018	31-12-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-062 » Alffasigma S.P.A. » Via Enrico Fermi 1 -65020 Alanno (PE), Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
806	Alfasigma S.P.A	Via Enrico Fermi 1 -65020 Alanno (PE), Italia	* Thuốc vô trùng (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormone; không bao gồm hormon sinh dục): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô . + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu; Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	IT/159-1/H/2017	24-07-2017	31-03-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
990	Alfasigma S.P.A	Via Enrico Fermi 1 -65020 Alanno (PE), Italia	* Thuốc vô trùng (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon; không bao gồm hormon sinh dục): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô . + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	IT/26/H/2020	25-02-2020	19-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	12
IT-063 » Sanofi S.P.A. » Via Valcanello, 4 - 03012 Anagni (Fr), Italy									
807	Sanofi S.P.A	Via Valcanello, 4 - 03012 Anagni (Fr), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim; Thuốc đặt (prostaglandins/Cytokines) (Chỉ kiểm nghiệm và xuất xưởng); Thuốc cốm (bán thành phẩm). * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp (Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng). * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học (Sản phẩm công nghệ sinh học). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; Thuốc đặt. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/97/H/2019	22-05-2019	15-02-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
1641	Sanofi S.R.L. (Tên cũ: Sanofi S.P.A)	Via Valcanello, 4 - 03012 Anagni (Fr), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim; Thuốc đặt (Chỉ kiểm nghiệm và xuất xưởng); Thuốc cốm (bán thành phẩm). * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp (Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng). * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học (Sản phẩm công nghệ sinh học). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; Thuốc đặt. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	IT/115/H/2020	09-11-2020	25-10-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	18
2079	Sanofi S.R.L. (Tên cũ: Sanofi S.P.A)	Via Valcanello, 4 - 03012 Anagni (Fr), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim; Thuốc đặt (Chỉ kiểm nghiệm và xuất xưởng); Thuốc cốm (bán thành phẩm). * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp (Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng). * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học (Sản phẩm công nghệ sinh học). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; Thuốc đặt. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	IT/13/H/2022	13-01-2022	18-11-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	24
IT-064 » Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.P.A. » Via De Ambrosiis 2/6-15067 Novi Ligure (AL), Italy									
808	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.P.A	Via De Ambrosiis 2/6-15067 Novi Ligure (AL), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất chiết xuất/ dẫn xuất từ mô/ tế bào động vật), thuốc lỏng thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc lỏng thể tích lớn, thuốc lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén. * Thuốc sinh học: Sản phẩm chiết xuất từ động vật * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng:	EU-GMP	IT/218/H/2018	15-10-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-065 » Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A. » Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Co), Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
809	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Co), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (đóng gói sơ cấp, kiểm tra chất lượng và xuất xưởng; bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chỉ kiểm tra chất lượng và xuất xưởng); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); viên nén (chỉ kiểm tra chất lượng và xuất xưởng). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/25/H/2020	25-02-2020	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-066 » ACS Dobfar S.P.A. » V.Laurentina Km 24,730 - 00071 Pomezia (RM), Italy									
810	ACS Dobfar S.P.A	V.Laurentina Km 24,730 - 00071 Pomezia (RM), Italy	* Thuốc không vô trùng: thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm.	EU-GMP	IT/24/H/2020	21-02-2020	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-067 » A. Menarini Manufacturing logistics and services S.R.L. » Via Sette Santi, 3-50131 Firenze (FI), Italy									
811	A. Menarini Manufacturing logistics and services S.R.L	Via Sette Santi, 3-50131 Firenze (FI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn bao gồm cả chiết xuất từ động vật * Chế phẩm sinh học: chế phẩm chiết xuất từ động vật * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học * Đóng gói sơ cấp: thuốc bán rắn * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	IT/3/H/2020	09-01-2020	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-068 » LA.FA.RE. S.R.L. » Via Sacerdote Benedetto Cozzolino 77, Ercolano (NA). Italy									
812	LA.FA.RE. S.R.L.	Via Sacerdote Benedetto Cozzolino, 77 - Ercolano (NA). Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dạng rắn (thuốc bột, thuốc cốm) bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc dạng rắn (thuốc bột, thuốc cốm) bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins). + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	IT/179/H/2018	03-08-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-069 » COSMO S.P.A. » Via C. Colombo, 1 - 20020 Lainate, Italy									
1119	COSMO S.P.A.	Via C. Colombo, 1 - 20020 Lainate (MI hoặc Milano), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon corticosteroid); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (chứa hormon corticosteroid). * Thuốc được liệu: Viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế không vô trùng trên. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	IT/120-1/H/2018	09-05-2018	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	13
IT-070 » L.MOLTENI & C.DEI F.LLI ALITTI SOCIETA' DI ESERCIZIO S.P.A. » S.S. 67 (Tosco Romagna) Località Granatieri - 50018 Scandicci (FI), Italy									
813	L.MOLTENI & C.DEI F.LLI ALITTI SOCIETA' DI ESERCIZIO S.P.A	S.S. 67 (Tosco Romagna) Località Granatieri - 50018 Scandicci (FI) , Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn chứa corticoid. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	IT/22-1/H/2018	25-01-2018	16-12-2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-071 » Doppel Farmaceutici S.R.L. » Via Martiri Delle Foibe, 1 - Cortemaggiore (PC), Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1296	Doppel Farmaceutici S.R.L	Via Martiri Delle Foibe, 1-29016 Cortemaggiore (PC), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc khung thẩm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (chứa hormon corticosteroid): kem, gel, mỡ; thuốc đặt (chứa hormon corticosteroid); viên nén (chứa hormon corticosteroids, hormon sinh dục và hormon khác: estrogen, ức chế thụ thể aromatase (aromatase inhibitors receptor) và hormon antidiuretic). * Thuốc sinh học: Sản phẩm chiết xuất từ động vật: viên nang mềm chứa ethyl ester của acid béo chưa bão hòa từ dầu cá; thuốc dạng bán rắn chứa heparin và heparinoids.	EU-GMP	IT/162/H/2018	02-07-2018	24-11-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	15
IT-073 » CIT S.R.L. » Via Primo Villa 17 - 20875, Burago Di Molgora (MB), Italy									
814	CIT S.R.L	Via Primo Villa 17 - 20875, Burago Di Molgora (MB), Italy	* Thuốc không vô trùng: + Chứng nhận lô * Đóng gói cấp hai	EU-GMP	IT/19/H/2019	28-01-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	11
IT-074 » Wyeth Lederle S.r.l » Via Franco Gorgone Z.I. -95100 Catania (CT), Italy									
1120	Wyeth Lederle S.r.l	Via Franco Gorgone Z.I. - 95100 Catania (CT), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học	EU-GMP	IT/32/H/2019	11-02-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	13
IT-075 » Bieffe Medital S.P.A. » Via Nuova Provinciale - 23034 Grosotto (SO), Italy									
1642	Bieffe Medital S.P.A.	Via Nuova Provinciale - 23034 Grosotto (SO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thẩm phân máu. * Xuất xưởng thuốc vô trùng tiết trùng cuối và thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Dung dịch thẩm phân máu. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học	EU-GMP	IT/116/H/2020	09-11-2020	20-09-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	18
IT-076 » Corden Pharma Societa' Per Azioni » Viale Dell' Industria, 3 - 20867, Caponago (MB), Italy									
991	Corden Pharma Societa' Per Azioni	Viale Dell' Industria, 3 - 20867, Caponago (MB), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp * Chứng nhận lô thuốc vô trùng * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh thuốc vô trùng, hóa lý/Vật lý, vi sinh, sinh vật	EU-GMP	IT/71/H/2019	01-04-2019	20-09-2021	AIFA Italian Medicines Agency	12
992	Corden Pharma Societa' Per Azioni	Địa chỉ chính: Viale Dell' Industria, 3 - 20867, Caponago (MB), Italy Địa chỉ nhà máy sản xuất: Reparto UP3-Via G. Galilei, 17-20867-Caponago (MB), Italy Cách ghi khác: Viale Dell'Industrial 3 E Reparto Via Galilei 17, Caponago (MB), I- 20867, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch, hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp * Chứng nhận lô thuốc vô trùng và thuốc sinh học * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh thuốc vô trùng, hóa lý/Vật lý, vi sinh, sinh vật	EU-GMP	IT/71/H/2019	01-04-2019	20-09-2021	AIFA Italian Medicines Agency	12
1816	Corden Pharma Societa' Per Azioni Cách viết khác: Corden Pharma SPA	Viale Dell' Industria, 3 - 20867, Caponago (MB), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp * Chứng nhận lô thuốc vô trùng * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh thuốc vô trùng, hóa lý/Vật lý, vi sinh, LAL test	EU-GMP	IT/45/H/2020	16-03-2020	14-06-2022	AIFA Italian Medicines Agency	20

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1817	Corden Pharma Societa' Per Azioni Cách viết khác: (Corden Pharma SPA)	Địa chỉ chính: Viale Dell' Industria, 3 - 20867, Caponago (MB), Italy Địa chỉ nhà máy sản xuất: Reparto UP3-Via G. Galilei, 17-20867-Caponago (MB), Italy Cách ghi khác: Viale Dell'Industrial 3 E Reparto Via Galilei 17, Caponago (MB), I- 20867, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch, hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp * Chứng nhận lô thuốc vô trùng và thuốc sinh học * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh thuốc vô trùng, hóa lý/Vật lý, vi sinh, LAL test	EU-GMP	IT/45/H/2020	16-03-2020	14-06-2022	AIFA Italian Medicines Agency	20
IT-077 » Bruschettini S.R.L. » Via Isonzo 6 - 16147 Genova (GE), Italy									
1121	Bruschettini S.R.L.	Via Isonzo 6 - 16147 Genova (GE), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid, prostaglandins/cytokines). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (bao gồm cả corticosteroid); viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt (thuốc uống dạng lỏng, viên nén). * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng, thuốc sinh học (thuốc miễn dịch dạng thuốc uống dạng lỏng, viên nén). * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc miễn dịch), thuốc nhỏ mũi, xịt mũi; dạng bào chế bán rắn chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (bao gồm cả corticosteroid); viên nén (bao gồm cả thuốc miễn dịch). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/20/H/2019	29-01-2019	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	13
IT-078 » ISTITUTO DE ANGELI S.R.L. » LOCALITÀ PRULLI n. 103/c - 50066 REGGELLO (FI), Italy									
1643	ISTITUTO DE ANGELI S.R.L.	LOCALITÀ PRULLI n. 103/c - 50066 REGGELLO (FI), Italy (* Cách ghi khác: Localita Prullin 103/c, 50066 Reggello, Firenze, Italy)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng trong dạng lỏng (bao gồm dung dịch khí dung) (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có chứa hoạt tính hormon, ngoại trừ hormon sinh dục); Thuốc đạn (chứa hormon hoặc chất có chứa hoạt tính hormon, ngoại trừ hormon sinh dục); Viên nén. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc đạn; Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh; Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	IT/96/H/2020	13-01-2021	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	18
IT-080 » NEOLOGISTICA S.R.L. » LARGO BOCCIONI,1, ORIGGIO (VA), 21040, Italy									
1201	NEOLOGISTICA S.R.L.	LARGO BOCCIONI,1- 21040, ORIGGIO (VA), Italy (Cách viết khác: LARGO UMBERTO BOCCIONI,1 - 21040, ORIGGIO (VA), Italy)	* Đóng gói thứ cấp	EU-GMP	IT/227/H/2019	09-12-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	14
IT-081 » Aesica Pharmaceuticals S.R.L. » Via Praglia, 15-10044 Pianezza (TO), Italy									
1202	Aesica Pharmaceuticals S.R.L	Via Praglia, 15-10044 Pianezza (TO), Italy	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng và không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh và trùng và không vô trùng, hóa học/vật lý; sinh học	EU-GMP	IT/78/H/2019	09-04-2019	01-02-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	14
1818	Aesica Pharmaceuticals S.R.L	Via Praglia, 15-10044 Pianezza (TO), Italy	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng tiết trùng cuối và không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh và trùng và không vô trùng, hóa học/vật lý; sinh học	EU-GMP	IT/71/H/2020	15-06-2020	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	20
IT-082 » Catalent Italy S.P.A. » Via Nettunense Km.20, 100 - 04011 Aprilia (LT), Italy									
1408	Catalent Italy S.P.A	Via Nettunense Km. 20,100 - 04011 Aprilia (LT), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm (bao gồm cả sản phẩm chứa chiết xuất từ động, thực vật; liệu pháp sinh học sống (live biotherapeutic); * Xuất xưởng lô; * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp các sản phẩm nói trên. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; hóa học/ vật lý.	EU-GMP	IT/46/H/2021	05-05-2021	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	16
IT-083 » NERPHARMA S.R.L. » VIALE PASTEUR, 10, MILANO (MI), 20014, Italy									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1297	NERPHARMA S.R.L.	VIALE PASTEUR, 10, MILANO (MI), 20014, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào); Viên nén (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào); Viên nén (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	IT/28-1/H/2018	29-01-2018	16-03-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	15
2030	NERPHARMA S.R.L.	VIALE PASTEUR, 10 (loc. NERVIANO) - 20014 MILANO (MI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; Thuốc đông khô (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào); Viên nén (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào); Viên nén (Thuốc độc tế bào/thuốc kim tế bào). * Đóng gói cấp 2.	EU-GMP	IT/103/H/2020	25-09-2020	17-01-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	23
IT-084 » Sofar S.P.A. » Via Firenze, 40 - 20060 Trezzano Rosa (MI), Italy									
1298	Sofar S.P.A	Via Firenze, 40 - 20060 Trezzano Rosa (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon corticosteroid); thuốc bột; thuốc cốm; viên ngậm; dạng bào chế có áp lực; thuốc dạng bán rắn: kem, gel; viên nén.	EU-GMP	IT/64-1/H/2018	20-02-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	15
IT-085 » Beltapharma S.P.A. » Via Stelvio, 66-20095 Cusano Milanino, Italy									
1881	Beltapharma S.P.A	Via Stelvio, 66-20095 Cusano Milanino, Italy	* Sản xuất và đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng: dung dịch dùng ngoài, thuốc uống dạng lỏng, thuốc kem, mỡ, gel chứa hormon Corticosteroids * Xuất xưởng lô; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng, hóa học/ vật lý.	EU-GMP	IT/123/H/2019	19-06-2019	29-03-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	21
IT-087 » Laboratorio Farmaceutico Sit Specialita Igienico Terapeutiche S.R.L. » Via Provinciale Per Lecco, 78, Tavernerio (CO), 22038, Italy									
1409	Laboratorio Farmaceutico Sit Specialita Igienico Terapeutiche S.R.L.	Via Provinciale Per Lecco, 78 - 22038 Tavernerio (CO), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc đặt. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc được liệu: Thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc đặt. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	IT/34/H/2020	28-02-2020	28-11-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	16
IT-088 » Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.P.A. » Via Matteo Civitali, 1-20148 Milano (MI), Italy									
1410	Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.P.A	Via Matteo Civitali, 1-20148 Milano (MI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa corticosteroid; thuốc uống dạng lỏng chứa corticosteroid; thuốc bột; thuốc ngậm (lozenges); thuốc dạng bán rắn chứa corticosteroid; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc được liệu: viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc không vô trùng trên. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/105/H/2019	27-05-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	16
IT-089 » E-Pharma Trento S.P.A. » Frazione Ravina - Via Provina, 2-38123 Trento (TN), Italy									
1519	E-Pharma Trento S.P.A	Frazione Ravina - Via Provina, 2-Trento (TN), Italy	Thuốc không vô trùng: Viên nén, thuốc cốm	EU-GMP	IT/3/H/2019	09-01-2019	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
IT-092 » GlaxoSmithKline Vaccines S.R.L. » Bellaria-Rosia-53018 Sovicille (SI) Italy									
2080	GlaxoSmithKline Vaccines S.R.L.	Bellaria-Rosia-53018 Sovicille (SI), Italia	* Sản xuất sản phẩm miễn dịch: - Hỗn dịch tiêm trong bơm kim tiêm đóng sẵn Bexsero (Meningococcal group B vaccine - rDNA, component, adsorbed); - Bột và dung môi pha hỗn dịch tiêm Menjugate/Menjugate Kit (Meningococcal group C oligosaccharide Conjugate vaccine, adsorbed); - Hỗn dịch tiêm Menjugate Liquide (Meningococcal group C oligosaccharide Conjugate vaccine, adsorbed); - Bột và dung dịch pha dung dịch tiêm Menveo (Meningococcal group A, C, W135 and Y Conjugate vaccine); - Hỗn dịch tiêm Anateall (tetanus toxoid adsorbed) (chỉ đóng ống/lo, dán nhãn, đóng gói); - Bột và dung dịch pha dung dịch tiêm Rabipur/ Rabavert (Rabies virus inactivated, strain Flury LEP) (dán nhãn, đóng gói); - Hỗn dịch tiêm Td-Pur (Purified Tetanus & Diphtheria toxoid) (đóng ống/lo, đóng gói); - Hỗn dịch tiêm Tetanol Pur (Purified Tetanus toxoid) (đóng ống/lo, đóng gói); - Hỗn dịch tiêm trong bơm kim tiêm đóng sẵn Fluvaval (Thiomersal Free Quadrivalent influenza vaccine) (đóng ống); - Bột và tá dược hấp phụ cho hồ dịch tiêm Shingrix (Zoster vaccine recombinantm adjuvated) (chỉ đóng gói). - Men Acwy liquid (dung dịch tiêm)	EU-GMP	IT/79/H/2021	20-09-2021	02-09-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	24
IT-093 » Fulton Medicinali S.P.A. » Via Marconi, 28/9 - 20020 Arase (MI), Italy									
1737	Fulton Medicinali S.P.A.	Via Marconi, 28/9 - 20020 Arase (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; viên đặt chứa hormon corticosteroid; viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Viên đặt chứa probiotic. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Viên đặt chứa probiotic. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc bột; viên đặt chứa hormon corticosteroid; viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh /không vô trùng/ Hóa học/Vật lý	EU-GMP	IT/177/H/2018	25-07-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	19
IT-095 » Patheon Italia S.P.A. » Viale G.B. Stucchi, 110-20900 Monza (MB), Italy									
2081	Patheon Italia S.P.A.	Viale G.B. Stucchi, 110-20900 Monza (MB), Italy	*Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô chứa prostaglandins; dung dịch thể tích nhỏ chứa chất ức chế miễn dịch (bao gồm cả thuốc công nghệ sinh học và sản phẩm miễn dịch); + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc dị nguyên, vắc xin tái tổ hợp; * Thuốc công nghệ sinh học: protein tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng; * Xuất xưởng thuốc vô trùng ; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh /vô trùng/không vô trùng/ hóa/ lý	EU-GMP	IT/52/H/2021	06-01-2021	03-01-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	24
IT-096 » Tubilux Pharma S.P.A. » Via Costarica, 20/22-00071 Pomezia (RM), Italy									
2172	Tubilux Pharma S.P.A.	Via Costarica, 20/22-00071 Pomezia (RM), Italy	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Các dạng bào chế bán rắn có chứa hormon hoặc hoạt tính hormon (gồm cả vi lượng đồng căn); dung dịch thể tích nhỏ +Xuất xưởng lô gồm cả vi lượng đồng căn * Sản xuất vi lượng đồng căn: các dạng bào chế bán rắn, thuốc có nguồn gốc từ thực vật * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh /vô trùng/không vô trùng/ hóa/ lý	EU-GMP	IT/36/H/2020	28-02-2020	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	25
IT-097 » Biologici Italia Laboratories S.r.L » Via Filippo Serpero 2 - 20060 Masate (MI), Italy									
2173	Biologici Italia Laboratories S.r.L	Via Filippo Serpero 2 - 20060 Masate (MI) Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc sinh học, thuốc chứa hormon và chất có hoạt tính hormon nhưng không chứa hormon sinh dục): Thuốc đông khô, Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon sinh dục và corticoid) * Thuốc sinh học: sản phẩm chiết xuất từ động vật * Xuất xưởng lô thuốc vô trùng và thuốc sinh học chiết suất từ người và động vật (thuốc đông khô và dung dịch thể tích nhỏ) * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: độ vô trùng + Hóa/ly + Chỉ tiêu sinh học	EU-GMP	IT/21/H/2022	27-01-2022	07-10-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	25
JP-001 » AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant » 235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
38	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Aminic.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1379	16-01-2017	16-06-2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	4
203	AY Pharmaceuticals Co., Ltd tại Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm Neoamiyu (dung dịch truyền tĩnh mạch; thành phần: L- Isoleucin, L-Leucin, L-Lysine acetat, L-Methionine, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L-Alanine, L-Arginine, L-Aspartic acid, L-Glutamic acid, L-Histidine, L-Proline, L-Serine, L-Tyrosine, Glycine, L-Cysteine, Sodium Bisulfite); * Sản phẩm Morihepamin (dung dịch truyền tĩnh mạch; thành phần: L- Isoleucin, L-Leucin, L-Lysine acetat, L-Methionine, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L-Alanine, L-Arginine, L-Aspartic acid, L-Histidine, L-Proline, L-Serine, L-Tyrosine, Glycine, L-Cysteine, Sodium Bisulfite);	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5560	26-02-2019	26-02-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
204	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền Aminic (hỗn hợp Acid amin)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1652	08-07-2019	08-07-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
205	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Neoamiyu	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4136	12-12-2016	06-12-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
206	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Morihepamin, thuốc tiêm.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4238	20-12-2016	06-09-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
1203	AY Pharmaceuticals Co., Ltd tại Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: - Dung dịch tiêm truyền Aminic (hỗn hợp Acid amin);	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	222310801738	20-05-2019	20-05-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	14
1738	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Neoamiyu	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1728	07-07-2021	20-05-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
1739	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Morihepamin, thuốc tiêm.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1268	11-06-2021	20-05-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
JP-002 » Eisai Co., Ltd Kawashima Plant » 1 Kawashimatakehaya-machi, Kakamigahara-shi, Gifu-ken, Japan									
81	Eisai Co., Ltd Kawashima Plant	1 Kawashimatakehaya-machi, Kakamigahara-shi, Gifu-ken, Japan	* Đóng gói sản phẩm: + Viên nang Lenvima (Lenvatinib 4mg) + Viên nang Lenvima (Lenvatinib 10mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1786; 1784	12-07-2018	15-09-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	5
1204	Eisai Co., Ltd Kawashima Plant	1 Kawashimatakehaya-machi, Kakamigahara-shi, Gifu-ken, Japan	* Sản phẩm: + Viên nén giải phóng kéo dài Aricept Tablets 23mg (Donepezil hydrochloride 23mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3376 6096	26-10-2020; 28-02-2018	11-06-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	14

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1520	Eisai Co., Ltd Kawashima Plant	1 Kawashimatakehaya-machi, Kakamigahara-shi, Gifu-ken, Japan	* Đóng gói sản phẩm: + Viên nang cứng Lenvima (Lenvatinib 4mg) + Viên nang cứng Lenvima (Lenvatinib 10mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5467 5468	10-02-2021	11-06-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	17
JP-003 » Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant » 4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan									
207	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch thuốc nhỏ mắt Tearbalance Ophthalmic solution 0.1% (Natri hyaluronat 1mg/ml).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3270	02-10-2019	02-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
208	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch thuốc nhỏ mắt Prano Eye Drop 0.1% (Pranoprofen 1mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	400	18-04-2019	18-04-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
209	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	* Sản phẩm: Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	6093	26-03-2018	26-03-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
JP-004 » Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant » 2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan									
210	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản xuất thành phẩm thuốc vô trùng: + Dung dịch nhỏ mắt Sanlein Mini 0.1 (Sodium Hyaluronate 1mg/mL); Sanlein Mini 0.3 (Sodium Hyaluronate 3mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Sanlein 0.1 (Sodium Hyaluronate 1mg/mL); Sanlein 0.3 (Sodium Hyaluronate 3mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Cosopt (Dorzolamide Hydrochloride 22.26mg, Timolol maleat 6.83mg/mL; Cosopt-S (Dorzolamide Hydrochloride 22.26mg, Timolol maleat 6.83mg/mL (tương đương Dorzolamide 20mg, Timolol 5mg/mL)). + Dung dịch nhỏ mắt Daigaku Eye Drops (Naphazoline Hydrochloride 0.002g, Chlorpheniramine Maleat 0.01g, Zinc Sulfate Hydrate 0.1g, E - Aminocaproic Acid 1.0g/100mL). + Dung dịch nhỏ mắt Cravit (Levofloxacin hydrat 5mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Oflovid (Ofloxacin 3.0mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Sancoba (Cyanocobalamin 0.02g/100mL). + Dung dịch nhỏ mắt Alegysal (Pemirolast Potassium 1mg/mL). + Hỗn dịch nhỏ mắt Kary Uni (Pirenoxine 0.05mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Taflotan-S (Tafluprost 0.015mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Diquas (Diquafosol Sodium 30mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Cravit 1.5% (Levofloxacin Hydrate 15mg/mL). * Đóng gói và xuất xưởng lô: + Dung dịch nhỏ mắt Eybelis (Omidenepag isopropyl 0.02mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Taptiqom-MD (Tafluprost 0.015mg, Timolol Maleat 6.83mg/mL).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1730108000 121	28-10-2019	28-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
JP-005 » Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Shiga Plant » 348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan									
211	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản xuất thành phẩm: + Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0.02 (Fluorometholone 0.2mg/mL); Flumetholon 0.1 (Fluorometholone 1mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Mydrin-P (Tropicamide 5.0mg/mL; Phenylephrine hydrochloride 5.0mg/mL). + Mỡ tra mắt Oflovid (Ofloxacin 0.003g/1g). + Dung dịch nhỏ mắt Taflotan (Tafluprost 0.015mg/mL) * Sản xuất bán thành phẩm: + Dung dịch nhỏ mắt Eybelis (Omidenepag isopropyl 0.02mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Taptiqom-MD (Tafluprost 0.015mg, Timolol Maleat 6.83mg/mL).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2522808000 275	15-07-2016	15-07-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
1521	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản xuất thành phẩm: + Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0.1 (Fluorometholone 1mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Mydrin-P (Tropicamide 5.0mg/mL; Phenylephrine hydrochloride 5.0mg/mL). + Mỡ tra mắt Oflovid (Ofloxacin 0.003g/1g).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2530208000 222 2530208000 223 2530208000 221	06-07-2020	06-07-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1644	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản xuất thành phẩm: + Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0.1 (Fluorometholone 1mg/mL). + Dung dịch nhỏ mắt Mydrin-P (Tropicamide 5.0mg/mL; Phenylephrine hydrochloride 5.0mg/mL). + Mỡ tra mắt Oflovid (Ofloxacin 0.003g/1g). + Dung dịch nhỏ mắt Taflotan (Tafluprost 0.015mg/mL). + Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0.02 (Fluorometholone 0.2mg/mL); * Sản xuất bán thành phẩm: + Dung dịch nhỏ mắt Eybelis (Omidenepag isopropyl 0.02mg/mL).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2530308000225	27-07-2021	27-07-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
JP-006 » Meiji Seika Pharma Co., Ltd., Odawara Plant » 1056, Kamonomiya, Odawara-shi, Kanagawa-ken, Japan									
571	Meiji Seika Pharma Co., Ltd. Odawara Plant	1056, Kamonomiya Odawara-shi, Kanagawa-ken, Japan	* Sản phẩm: + Fosmicin Tablets 500 (Fosfomycin Calcium Hydrate 500mg). + Thuốc bột MEIACI FINE GRANULES (Gói 0,3g chứa Cefditoren Pivoxil 30mg; Gói 0,5g chứa Cefditoren Pivoxil 50mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1423108001279	05-08-2019	05-08-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9
572	Meiji Seika Pharma Co., Ltd. Odawara Plant	1056, Kamonomiya Odawara-shi, Kanagawa-ken, Japan	* Sản phẩm: + Thuốc nhỏ tai Fosmicin S for otic (Fosfomycin Sodium 300mg). + Thuốc tiêm (dạng bột pha tiêm) Fosmicin for I.V use 1g (Fosfomycin Sodium 1g). + Thuốc tiêm (dạng bột pha tiêm) Fosmicin for I.V use 2g (Fosfomycin Sodium 2g). + Thuốc tiêm (dạng bột đông khô) Meigocid 200mg (Teicoplanin 200mg). + Thuốc tiêm (dạng bột đông khô) Meigocid 400mg (Teicoplanin 400mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1430108000164	09-08-2019	09-08-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9
JP-007 » Nipro Pharma Corporation, Odate Plant » 5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan									
212	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Meropenem 0.5g Meiji. Tên Việt Nam: Thuốc bột pha tiêm Meipunem (dưới dạng Meropenem Hydrate) 0,5g	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	522808000070	23-02-2017	23-02-2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
213	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Meropenem 1g Meiji. Tên Việt Nam: Thuốc bột pha tiêm Meipunem (dưới dạng Meropenem Hydrate) 1g	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	522808000070	23-02-2017	23-02-2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
1740	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Meropenem 0.5g Meiji. Tên Việt Nam: Thuốc bột pha tiêm Meipunem (dưới dạng Meropenem Hydrate) 0,5g	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3163	11-10-2021	23-06-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
1741	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Meropenem 1g Meiji. Tên Việt Nam: Thuốc bột pha tiêm Meipunem (dưới dạng Meropenem Hydrate) 1g	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3164	11-10-2021	23-06-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
1882	Nipro Pharma Corporation Odate Plant	5-7, Niida Aza Maedano, Odate-shi, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch Ceftriaxone sodium for intravenous infusion 1g bag <NP> (kèm dung môi hòa tan)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	6014	17-03-2021	16-10-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	21
JP-008 » Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd » 16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan									
593	Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd	16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 30mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 60mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 90ml/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 105mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 150mg/vial;	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3841	19-11-2018	19-11-2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
993	Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd (Cơ sở sản xuất)	16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Actemra 200 mg.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1225	07-06-2019	24-03-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	12
1742	Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd	16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan Cách ghi khác: 16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, 321-3231, Japan	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 30mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 60mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 90ml/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 105mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 150mg/vial.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1799	21-07-2020	03-09-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
JP-009 » Mylan EPD G.K., Katsuyama Plant (Tên cũ: Abbott Japan Co., Ltd.) » 2-1, Inokuchi 37, Katsuyama, Fukui 911-8555, Japan									
214	Mylan EPD G.K., Katsuyama Plant (Tên cũ: Abbott Japan Co., Ltd.)	2-1, Inokuchi 37, Katsuyama, Fukui 911-8555, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Elthon 50mg tablets (Itopride hydrochloride 50mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4813	24-12-2015	16-09-2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
1122	Mylan EPD G.K., Katsuyama Plant (Tên cũ: Abbott Japan Co., Ltd.)	2-1, Inokuchi 37, Katsuyama, Fukui 911-8555, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Elthon 50mg tablets (Itopride hydrochloride 50mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1104	18-06-2020	28-02-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13
JP-010 » Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant » 428, Okanouchi, Kagamiishi-machi Iwase-gun, Fukushima 969-0401, Japan									
994	Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant	428, Okanouchi, Kagamiishi-machi Iwase-gun, Fukushima 969-0401, Japan	* Viên nén bao phim IRESSA Tablets 250 (Gefitinib 250mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2001 0722808 000090	10-07-2017; 09-11-2016	09-11-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	12
1743	Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant	428, Okanouchi, Kagamiishi-machi, Iwase-gun, Fukushima 969-0401, Japan	* Viên nén bao phim IRESSA Tablets 250 (Gefitinib 250mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5972 0730108000 062	17-03-2021	10-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
JP-011 » Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Aichi Plant » 1212, Aza-teramae, Gejo-cho, Kasugai-shi, Aichi Prefecture, Japan									
215	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Aichi Plant	1212, Aza-teramae, Gejo-cho, Kasugai-shi, Aichi Prefecture, Japan Cách ghi khác: 1212, Aza-teramae, Gejo-cho, Kasugai-shi, Aichi, Japan	* Sản phẩm: NIKP-Citicoline Injection 500mg/2ml.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2323008002 176 Accreditation Mo. 23AZ2000YO	11-01-2019	11-01-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	6
JP-012 » Ajinomoto Co.,Inc. Tokai Plant » 1730, Hinaga, Yokkaichi-shi, Mie, Japan									
1205	Ajinomoto Co.,Inc. Tokai Plant	1730, Hinaga, Yokkaichi-shi, Mie, Japan	* Sản phẩm: Thuốc cốm Livact Granules (Mỗi gói 4,15 g chứa: L-Isoleucin 952mg; L-Leucin 1904mg; L-Valin 1144mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2423108000 019	20-03-2019	20-03-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	14
JP-013 » Lead chemical Co., Ltd. » 327 Hisagane, Lamiichi-Machi, Nakaniikawa-gun, Toyama, Japan									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
511	Lead chemical Co., Ltd.	327 Hisagane, Kamiichi-Machi, Nakaniikawa-gun, Toyama, Japan	* Sản xuất (không bao gồm đóng gói thứ cấp): Japroxolape 100mg (miếng dán)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4789	21-01-2019	21-01-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9
1950	Lead chemical Co., Ltd.	327 Hisagane, Kamiichi-Machi, Nakaniikawa-gun, Toyama, Japan	* Sản xuất (không bao gồm đóng gói thứ cấp): Japroxolape 100mg (miếng dán)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5213	03-02-2022	06-03-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	22
JP-014 » Teikoku Seiyaku Co., Ltd » 567 Sanbonmatsu, Higashikagawa, Kagawa 769-2695, Japan									
1645	Teikoku Seiyaku Co., Ltd	567 Sanbonmatsu, Higashikagawa, Kagawa, 769-2695, Japan	Miếng dán Lignopad Medicated Plaster 5% w/w (Lidocaine 5% w/w)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Giấy GMP: 165 Bảo cáo kết quả thanh tra: 230-Ka-GMP008	08-07-2019; 25-01-2019	25-01-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
JP-015 » Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant » 17-85, Jusohonmachi 2-chome, Yodogawa -ku, Osaka 532-8686, Japan									
1951	Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant	17-85, Jusohonmachi 2-chome, Yodogawa -ku, Osaka 532-8686, Japan	Sản xuất thành phẩm: + Bột và dung môi pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 3.75 mg (Leuporelin acetate 3.75 mg) + Bột và dung môi pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 11.25 mg (Leuporelin acetate 11.25 mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4049	30-11-2021	26-11-2026	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	22
JP-016 » EA Pharma Co., Ltd » 103-1, Shirasakaushishimizu, Shirakawa-shi, Fukushima, Japan									
391	EA Pharma Co., Ltd	103-1, Shirasakaushishimizu, Shirakawa-shi, Fukushima, Japan	* Sản phẩm: - GOOFICE, Tablets (Elobixibat Hydrate 5.13 mg); - AMIYU Granules (L-Isoleucine 203.9 mg; L-Leucine 320.3mg; L-Lysine Hydrochloride 291.0mg; L-Methionine 320.3mg; L-Phenylalanine 320.3 mg; L-Threonine 145.7mg; L-Tryptophan 72.9mg; L-Valine 233.0mg; L-Histidine Hydrochloride Hydrate 216.2mg); - ATELEC Tablets 10 (Cilnidipine 10 mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	0730108000183	17-02-2020	17-02-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	8
JP-017 » Astellas Pharma tech Co., Ltd (Toyama Technology Center) » 2-178 Kojin-machi, Toyama City, Toyama 930-0809, Japan									
1123	Astellas Pharma tech Co., Ltd (Toyama Technology Center)	2-178 Kojin-machi, Toyama City, Toyama 930-0809, Japan	Sản phẩm: Thuốc mỡ Protopic	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2383	25-08-2020	11-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13
JP-018 » Astellas Pharma tech Co., Ltd . Takaoka Plant » 30 Toidesakae-machi, Takaoka city, Toyama 939 -1118, Japan									
995	Astellas Pharma tech Co., Ltd . Takaoka Plant	30 Toidesakae-machi, Takaoka city, Toyama 939 -1118, Japan	* Sản phẩm: Bột đông khô pha dung dịch tiêm Mycamine for injection 50 mg/vial (micafungin natri 50 mg);	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1630108000726	30-04-2020	30-04-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	12
JP-019 » API Co., Ltd. Ikeda Pharmaceutical Plant » 234-1 Dan, Ikeda-cho, Ibi-gun, Gifu, Japan									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
996	API Co., Ltd. Ikeda Pharmaceutical Plant	234-1 Dan, Ikeda-cho, Ibi-gun, Gifu, Japan (hoặc 234-1 Aza-kaigome, Dan, Ikeda-cho, Ibi-gun, Gifu, Japan)	* Thuốc bột pha tiêm NIKP-Cefotiam injection 1g.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Giấy GMP số: 5816 Thông báo kết quả thanh tra số: 2130108000782	27-02-2020; 27-11-2019	27-11-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	12
JP-020 » Kowa Company Ltd., Nagoya Factory » 6-29, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya, Aichi, Japan									
568	Kowa Company Ltd., Nagoya Factory	6-29, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya, Aichi, Japan. (Cách ghi khác: 18-57, Hatooka 2-chome, Kita-ku, Nagoya, Aichi, Japan.)	Sản phẩm: + Viên nén bao phim LIVALO Tablets 2mg (Pitavastatin Calcium 2 mg). + Viên nén bao phim LIVALO Tablets 4mg (Pitavastatin Calcium 4 mg),	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2322808001672	22-12-2016	22-12-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9
2031	Kowa Company Ltd., Nagoya Factory	18-57, Hatooka 2-chome, Kita-ku, Nagoya, Aichi, Japan	Sản phẩm: + Viên nén bao phim LIVALO Tablets 2mg (Pitavastatin Calcium 2 mg). + Viên nén bao phim LIVALO Tablets 4mg (Pitavastatin Calcium 4 mg),	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2330208001964	29-01-2021	29-01-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	23
JP-021 » Sumitomo Dainippon Pharma Co.,Ltd. Suzuka Plant » 1450, Yasuzuka-cho, Suzuka, Mie 513-0818, Japan									
1299	Sumitomo Dainippon Pharma Co.,Ltd. Suzuka Plant	1450, Yasuzuka-cho, Suzuka, Mie 513-0818, Japan	Sản xuất bán thành phẩm: Viên nén bao phim Gasmotin Tablets 5mg (Mosapride citrate 5mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2430108000003	23-07-2019	23-07-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	15
JP-022 » TAKATA Pharmaceutical Co., Ltd. Kitasaitama Plant » 3207-5, Koguki, Kazo city, Saitama 347-0111, Japan									
467	TAKATA Pharmaceutical Co., Ltd. Kitasaitama Plant	3207-5, Koguki, Kazo city, Saitama 347-0111, Japan	* Sản phẩm: MILRINONE Injection 10mg [TAKATA]. Tên đăng ký tại Việt Nam: Citimax 10mg/10ml.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1122908003092	26-02-2018	26-02-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9
JP-023 » Shinshin Pharmaceutical Co., Ltd. Main Plant » 324, Imaichi, Toyama-shi, Toyama, Japan									
1124	Shinshin Pharmaceutical Co., Ltd. Main Plant	324, Imaichi, Toyama-shi, Toyama, Japan	* Sản phẩm: + Viên nang cứng NIKP-Fosfomycin Capsules 250mg (Fosfomycin Calcium Hydrate 250mg);	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1622708000015	06-04-2015	06-04-2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13
JP-024 » Nitto Medic Co., Ltd » 1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan									
1125	Nitto Medic Co., Ltd	1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Latanotoa, Ophthalmic Liquids and Solutions (Latanoprost 0.050mg/ml)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3788	31-10-2018	19-10-2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13
1126	Nitto Medic Co., Ltd	1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Eyemiru 40EX	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4211	28-11-2019	06-12-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1127	Nitto Medic Co., Ltd	1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Eyemiru Wash	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4213	28-11-2019	06-12-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13
1206	Nitto Medic Co., Ltd	1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Latachimo, Ophthalmic Liquids and Solutions (Latanoprost 50µg/ml).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3847	19-11-2018	19-10-2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	14
1646	Nitto Medic Co., Ltd. Yatsuo Plant	1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Eyemiru Ocean Tears	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2370	25-08-2020	25-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
1647	Nitto Medic Co., Ltd. Yatsuo Plant	1-14-1, Yasuuchi, Yatsuo-machi, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Eyemiru The Medical A	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4309	07-12-2020	25-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
JP-025 » Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd. (Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant) » 32-7 Hibari, Imizu City, Toyama, Japan									
519	Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd	32-7 Hibari, Imizu City, Toyama, Japan	* Sản phẩm: Miếng dán Qepentex	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1622708000484	15-05-2015	15-05-2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	9
815	Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd. (Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant)	2-10 Nihonbashi-honcho 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan (32-7 Hibari, Imizu City, Toyama, Japan)	* Sản phẩm: Miếng dán Qepentex	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	16231087000423	28-06-2019	15-04-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
JP-026 » Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory » 950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan									
666	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	* Sản phẩm: + Viên nén bao đường Myonal 50mg (Eperisone hydrochloride 50mg); + Viên nén phân tán trong miệng Aricept Evess 5mg (Donepezil hydrochloride 5mg); + Viên nén phân tán trong miệng Aricept Evess 10mg (Donepezil hydrochloride 10mg); + Viên nén bao tan trong ruột Pariet 20mg (Sodium Rabeprazole 20mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2728; 5315; 5316; 4702	04-09-2018; 14-02-2019; 14-02-2019; 10-01-2019	06-08-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1207	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	* Sản phẩm: + Viên nén bao tan trong ruột Pariet 10mg (Sodium Rabeprazole 10mg). + Viên nén bao đường Methycobal 500 µg (Mecobalamin 500 µg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4027 2375	03-12-2020; 15-08-2019	23-04-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	14
JP-027 » Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Factory » 463-10, Kagasuno, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima 771-0192, Japan									
1208	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Factory	463-10, Kagasuno, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima 771-0192, Japan	Sản phẩm: Viên nén bao phim UBIT tablet 100mg (Urea 13C 100mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3392	16-10-2019	26-11-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	14
JP-028 » Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1 » 205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama Prefecture, Japan									
816	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama Prefecture, Japan	* Sản phẩm: NIKP-Spironolactone tablet 25mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	6054	27-03-2019	27-03-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
817	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama Prefecture, Japan	* Sản phẩm: NIKP-Itopride tablet 50mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	6053	27-03-2019	27-03-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
818	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama Prefecture, Japan	* Sản phẩm: NIKP-Bisoprolol tablet 2,5mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	6060	27-03-2019	27-03-2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
997	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama Prefecture, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao phim NIPK - Rebamipide film coated tablet 100mg (Rebamipide 100mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1623008000 905	18-02-2019	18-02-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	12
JP-029 » Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Fukusaki Plant » 767-7, Aza Kazukanounonishi, Saiji, Fukusakicho, Kanzaki-gun, Hyogo-ken, Japan									
819	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Fukusaki Plant	767-7, Aza Kazukanounonishi, Saiji, Fukusakicho, Kanzaki-gun, Hyogo-ken, Japan	* Sản phẩm: Natamycin Ophthalmic Suspension 5% (Pimaricin 50 mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2830108000 342	27-01-2020	27-01-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
JP-030 » Teika Pharmaceutical Co., Ltd. Shinjo Factory » 3-27, Arkawa 1-chome, Toyama-shi, Toyama 930-0982, Japan									
1128	Teika Pharmaceutical Co., Ltd. Shinjo Factory	3-27, Arkawa 1-chome, Toyama-shi, Toyama 930-0982, Japan	* Sản phẩm: Glanatec ophthalmic solution 0.4% (Ripasudil Hydrochloride Hydrate 0.4896g/100mL).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5122808042 597	15-05-2017	15-05-2022	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	13
1522	Teika Pharmaceutical Co., Ltd. Shinjo Factory	3-27, Arakawa 1-chome, Toyama-shi, Toyama 930-0982, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Fladox 0.3%	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1630208000 696	08-09-2020	08-09-2025	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	17

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1523	Teika Pharmaceutical Co., Ltd. Shinjo Factory	3-27, Arakawa 1-chome, Toyama-shi, Toyama 930-0982, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Micipro 0.5%	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1630208000695	08-09-2020	08-09-2025	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	17
2032	Teika Pharmaceutical Co., Ltd. Shinjo Factory	3-27, Arakawa 1-chome, Toyama-shi, Toyama 930-0982, Japan	* Dung dịch nhỏ mắt Ganatec ophthalmic solution 0.4%	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1630308001365	18-11-2021	18-11-2026	Pharmaceuticals Safety and Environmental Health Bureau, Japan	23
JP-031 » Taiho Pharmaceutical Co., Ltd - Tokushima Plant » 224-15 Aza-ebisuno, Hiraishi, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima, 771-0194, Japan									
820	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd - Tokushima Plant	224-15 Aza-ebisuno, Hiraishi, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima, 771-0194, Japan	* Sản phẩm: Viên nang TS-One capsule 20, TS-One capsule 25.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3623008000046 (Accreditation number: 36AZ000051 ngày 15/5/2014).	23-04-2018	23-04-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	11
1883	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd - Tokushima Plant	224-15 Aza-ebisuno, Hiraishi, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima, 771-0194, Japan	* Sản phẩm: Viên nang TS-One capsule 20, TS-One capsule 25.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Giấy chứng nhận GMP: 1247; Reference number (Bảo cáo thanh tra): 3630308000030	11-06-2021	12-03-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	21
JP-032 » Shionogi Pharma Co., Ltd Settsu Plant » 5-1, Mishima 2-chome, Settsu, Osaka, Japan									
1648	Shionogi Pharma Co., Ltd Settsu Plant	5-1, Mishima 2-chome, Settsu, Osaka, Japan	* Sản phẩm: Viên nén XOFLUZA (Baloxavir marboxil) 40mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	976	01-06-2021	01-06-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
1649	Shionogi Pharma Co., Ltd Settsu Plant	5-1, Mishima 2-chome, Settsu, Osaka, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao phim XOFLUZA (Baloxavir marboxil) 20mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1718	07-07-2021	17-08-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
JP-033 » Nipro Pharma Corporation Ise Plant » 647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka-shi, Mie, Japan									
1129	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka-shi, Mie, Japan	Thuốc tiêm Hishiphagen combination intravenous	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Giấy GMP số: 269 Thông báo kết quả thanh tra số: 2430108001586	17-04-2020; 26-03-2020	26-03-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1300	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka-shi, Mie, Japan	Dung dịch tiêm Methycobal Injection 500 µg (Mecobalamin 0.5 mg/ml)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2423008000582	04-06-2018	04-06-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	15
1650	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka-shi, Mie, Japan	Dung dịch thuốc tiêm Radicut Inj. 30mg (Evadarone 30mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1884	25-07-2019	07-09-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	18
JP-034 » Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Itano Factory » 13 Minami, Shishitoki, Matsutani, Itano-cho, Itano-gun, Tokushima 779-0195, Japan									
1130	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Itano Factory	13 Minami, Shishitoki, Matsutani, Itano-cho, Itano-gun, Tokushima 779-0195, Japan	Viên nén bao phim Mucosta Tablets 100mg (Rebamipide 100mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Giấy GMP số: 2455 Thông báo kết quả thanh tra số: 3623008000494	28-08-2020; 22-11-2018	22-11-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	13
JP-035 » Taiho Pharmaceutical Co., Ltd. Kitajima Plant » 1-1, Iuchi, Takabo, Kitajima-cho, Itano-gun, Tokushima 771-0206, Japan									
1301	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd. Kitajima Plant	1-1, Iuchi, Takabo, Kitajima-cho, Itano-gun, Tokushima 771-0206, Japan	Sản phẩm: + Viên nén bao phim Lonsurf 15mg/6.14mg. + Viên nén bao phim Lonsurf 20mg/8.19mg.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	818	01-06-2020	09-09-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	15
JP-036 » Kissei Pharmaceutical Co., Ltd. » 19-48, Yoshino, Matsumoto City, Nagano Prefecture, Japan									
2033	Kissei Pharmaceutical Co., Ltd. Matsumoto Plant	19-48, Yoshino, Matsumoto City, Nagano Prefecture, Japan	Viên nén bao phim Urief Tablets 4mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3715	13-11-2020	19-12-2024	Mintiry of Health, Labour and Welfare, Japan	23
JP-038 » Watanabe Pharmaceutical Industrial Co., Ltd. Jojo Plant » 1-7, Mizuhashi Kitabanba, Toyama-city, Toyama, Japan									
1819	Watanabe Pharmaceutical Industrial Co., Ltd. Jojo Plant	1-7, Mizuhashi Kitabanba, Toyama-city, Toyama, Japan	* Sản phẩm Watanabe Seirogan Sugar Coated Tablet	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3167	11-10-2021	05-02-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	20
JP-040 » Kokando Co., Ltd » 9-1, Umezawa-cho 2-chome, Toyama 930-0055, Japan									
1884	Kokando Co., Ltd	9-1, Umezawa-cho 2-chome, Toyama 930-0055, Japan	* Cơ sở đóng gói sản phẩm: - Vocinti 10mg Tablets - Vocinti 20mg Tablets	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5991	11-03-2020	11-12-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	21
JP-041 » Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. - Second Tokushima Factory » 224-18, Hiraishi Ebisuno, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima 771-0182, Japan									
2082	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. - Second Tokushima Factory	224-18, Hiraishi Ebisuno, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima 771-0182, Japan	* Sản phẩm: + Pletaal OD tablets 50 mg (Viên nén tan rã trong miệng). + Pletaal OD tablets 100 mg (Viên nén tan rã trong miệng).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3630108000206	25-10-2019	07-08-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	24

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
JP-042 » Miyarisan Pharmaceutical Co., Ltd. Sakaki Plant » 102-15, Nakanojo, Sakaki-machi, Hanishina-gun, Nagano, Japan									
1744	Miyarisan Pharmaceutical Co., Ltd. Sakaki Plant	102-15, Nakanojo, Sakaki-machi, Hanishina-gun, Nagano, Japan	* Sản phẩm: MIYA-BM Fine granules (Clostridium butyricum MIYAIRI Powder 40mg / 1g)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3637; 2023008000504	25-10-2019; 30-08-2018	30-08-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	19
JP-043 » Taiyo Pharma Tech Co., Ltd., Takatsuki Plant » 4-38, Aketacho, Takatsuki, Osaka, Japan									
1302	Taiyo Pharma Tech Co., Ltd., Takatsuki Plant	4-38, Aketacho, Takatsuki, Osaka, Japan	* Sản phẩm: Bột đông khô để pha dung dịch tiêm Diagnogreen Injection (Indocyanine green 25mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Notification: 2730108008375 accreditation 27AZ200158 ngày 01/10/2019	09-10-2019	09-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	15
JP-046 » Takeda Pharmaceutical Company Limited, Hikari Plant » 1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka 540-8645, Japan (Hikari Plant: 4720, Takeda, Mitsui, Hikari, Yamaguchi 743-8502, Japan)									
1952	Takeda Pharmaceutical Company Limited (Takeda Pharmaceutical Company Limited, Hikari Plant)	1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka 540-8645, Japan (Hikari Plant: 4720, Takeda, Mitsui, Hikari, Yamaguchi 743-8502, Japan)	* Cơ sở sản xuất sản phẩm (không bao gồm đóng gói): - Vocinti 10mg film coated Tablets - Vocinti 20mg film coated Tablets	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5990	11-03-2020	21-06-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	22
JP-048 » Kyorin Pharmaceutical Group Facilities Co., Ltd. Noshiro Plant » 1, Matsubara, Noshiro-shi, Akita, 016-0000, Japan									
2034	Kyorin Pharmaceutical Group Facilities Co., Ltd. Noshiro Plant	1, Matsubara, Noshiro-shi, Akita, 016-0000, Japan	Viên nén bao phim Uritas Tablets 0.1mg	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	4289	04-12-2020	12-11-2025	Ministry of Health, Labour and Welfare, Japan	23
JP-050 » Taisho Pharmaceutical Co., Ltd Omiya Factory » 403, Yoshino-cho 1-chome, Kita-ku, Saitama-shi, Saitama, 331-9520, Japan									
2174	Taisho Pharmaceutical Co., Ltd Omiya Factory	403, Yoshino-cho 1-chome, Kita-ku, Saitama-shi, Saitama, 331-9520, Japan	Viên nén bao phim Lusefi 2.5mg (Luseogliflozin hydrat 2.575 mg); Viên nén bao phim Lusefi 5mg (Luseogliflozin hydrat 5.150 mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3323; 3324	26-10-2020	02-09-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	25
KR-001 » CL Pharm Asan Plant » 101 Ganae-gil, Sinchang-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea									
28	CL Pharm Asan Plant	101 Ganae-gil, Sinchang-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	Phim tan trong miệng, viên ngậm	PIC/S-GMP	2018-G1-2115		18-09-2021	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc	3
KR-002 » Icure Pharm Inc. » 13 Je3gongdan 3-gil, Seoun-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
72	Icure Pharm Inc.	13 Je3gongdan 3-gil, Seoun-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	Miếng dán; thuốc đắp; hệ trị liệu qua da.	PIC/S-GMP	2019-D1-0277	25-01-2019	26-03-2020	Gyeongin Regional Food and Drug Safety, Korea	5

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
506	Icure Pharm Inc.	13 Je3gongdan 3-gil, Seoun-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	Miếng dán; thuốc đắp; hệ trị liệu qua da.	PIC/S-GMP	2020-D1-2394	23-06-2020	19-11-2022	Gyeongin Regional Food and Drug Safety, Korea	9
KR-003 » Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd » 27 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea									
216	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd	27 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài (sustained release hard capsules), thuốc hít, dung dịch uống	PIC/S-GMP	2020-D1-3868	18-11-2020	21-01-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	6
217	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd/1633	27 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc hít, dung dịch thuốc uống.K86	PIC/S-GMP	2019-D1-1168	14-05-2019	23-04-2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	6
KR-004 » JW Pharmaceutical » 56 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Korea									
559	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin-1 -gil, Songak-eup Dangjin-si Chungcheongnam-do Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch tiêm, thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh chứa kháng sinh nhóm carbapenem); dung dịch rửa vết thương. Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao, viên nang cứng, viên nén đặt dưới lưỡi; Dung dịch thuốc uống, si rô, hỗn dịch; * Thuốc công nghệ sinh học: Dung dịch tiêm.	PIC/S-GMP	2020-G1-1726	27-07-2020	18-06-2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea	9
1820	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin-1 -gil, Songak-eup Dangjin-si Chungcheongnam-do Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch tiêm, thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh chứa kháng sinh nhóm carbapenem); dung dịch rửa vết thương. Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột; viên nang cứng, viên nén đặt dưới lưỡi; Dung dịch thuốc uống, si rô, hỗn dịch; * Thuốc công nghệ sinh học: Dung dịch tiêm.	PIC/S-GMP	2020-G1-1908	30-07-2021	29-04-2024	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea	20
KR-005 » Whan In Pharm. Co., Ltd. » 50-Gongdan-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea									
218	Whan In Pharm. Co., Ltd.	50-Gongdan-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea	Viên nén; viên nang, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	2018-D1-2469	25-10-2018	12-06-2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	6
998	Whan In Pharm. Co., Ltd.	50-Gongdan-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea	Viên nén; viên nén bao phim; viên nén phân tán trong miệng; viên bao đường; viên nén giải phóng kiểm soát, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén giải phóng duy trì; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2020-D1-2942	11-08-2020	18-03-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
KR-006 » Samchundang Pharm co., ltd » 71 Jeyakdongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
999	Samchundang Pharm. co., Ltd.	71 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; hỗn dịch nhỏ mũi;	PIC/S-GMP	2019-D1-1009	22-04-2019	27-06-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
2035	Samchundang Pharm. co., Ltd.	71, Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; hỗn dịch xịt mũi;	PIC/S-GMP	2021-D1-1372	26-05-2021	19-11-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	23
KR-008 » JW Shinyak Corporation » 88-24 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
219	JW Shinyak Corporation	88-24 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột; si rô khô. * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion, thuốc nhỏ tai; thuốc xịt mũi. * Thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-D1-2406	19-10-2018	18-05-2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1411	JW Shinyak Corporation	88-24 Sandan-ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột; si rô khô. * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion, thuốc nhỏ tai; thuốc nhỏ mũi, hỗn dịch xịt mũi. * Thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2020-D1-3398	07-10-2020	04-03-2023	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea	16
KR-009 » Aprogen Pharmaceuticals. Inc » 16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
220	Aprogen Pharmaceuticals. Inc	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén bao phim, viên nén không bao, viên nén bao đường, viên nén nhai, viên nén đặt âm đạo, viên nén tan trong miệng, viên nén giải phóng chậm, viên nén bao tan trong ruột); Viên nang cứng; * Thuốc mỡ: thuốc mỡ, kem; gel.	PIC/S-GMP	2019-D1-2815	20-11-2019	07-08-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	6
406	Aprogen Pharmaceuticals. Inc	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén bao phim, viên nén không bao, viên nén bao đường, viên nén nhai, viên nén đặt âm đạo, viên nén tan trong miệng, viên nén giải phóng chậm, viên nén bao tan trong ruột); Viên nang cứng; * Thuốc mỡ: thuốc mỡ, kem; gel.	PIC/S-GMP	2019-D1-2815	20-11-2019	07-08-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	8
2175	Aprogen Pharmaceuticals. Inc	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén bao phim, viên nén không bao, viên nén bao đường, viên nén nhai, viên nén đặt âm đạo, viên nén tan trong miệng, viên nén giải phóng chậm, viên nén bao tan trong ruột); Viên nang cứng; * Thuốc mỡ: thuốc mỡ, kem	PIC/S-GMP	2022-D1-1247	29-07-2022	12-05-2025	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-010 » Aju Pharm. Co., Ltd. » 23 Sandan-ro 121beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
411	Aju Pharm. Co., Ltd.	23 Sandan-ro 121beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: thuốc tiêm; viên nén; viên nén bao phim; nang cứng; thuốc cổm; thuốc Sirô; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2019-D1-2259	24-09-2019	03-08-2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	8
821	Aju Pharm. Co., Ltd.	23 Sandan-ro 121beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: thuốc tiêm; viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc cổm; thuốc Sirô; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: thuốc bột pha tiêm; viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2020-D1-2787	28-07-2020	13-05-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-011 » Samjin Pharmaceutical Co., Ltd. » 52, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
221	Samjin Pharmaceutical Co., Ltd.	52, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nhai; viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm dung dịch; thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc uống dạng hỗn dịch.	PIC/S-GMP	2019-D1-3007	06-12-2019	11-07-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	6
KR-012 » Hanmi Pharmaceutical Co., Ltd » 214 Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1303	Hanmi Pharm Co., Ltd Cách ghi khác (Hanmi Pharm Co., Ltd (Paltan site))	214 Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Paltan plant: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang, thuốc bột, thuốc hít (dạng rắn), viên nén tan trong miệng, viên nén nhai.	PIC/S-GMP	2020-D1-0626	25-02-2020	24-10-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
2176	Hanmi Pharm Co., Ltd (Cách ghi khác: Hanmi Pharm Co., Ltd (Paltan site))	214 Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Paltan plant: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang, thuốc bột, thuốc hít (dạng rắn), viên nén tan trong miệng, viên nén nhai.	PIC/S-GMP	2022-D1-1561	19-10-2022	14-07-2025	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-013 » Dai Han Pharm. Co., LTD. » 77, Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
822	Dai Han pharm. Co., Ltd	77, Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc tiêm: dung dịch tiêm; dung dịch tiêm truyền. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch uống; Dung dịch hít. * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: thuốc dùng ngoài da dạng lỏng; dung dịch thẩm phân máu.	PIC/S-GMP	2020-D1-3264	17-09-2020	16-07-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-014 » Korea Pharma Co., Ltd » 87 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1000	Korea Pharma Co., Ltd	87 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (bao gồm: viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén nhai, viên nén đặt âm đạo, viên nén tan trong miệng, viên nén giải phóng có kiểm soát, viên nén bao tan ở ruột); viên nang cứng; thuốc bột. * Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch uống. * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: Thuốc dùng ngoài dạng dung dịch; hỗn dịch (Lotions). * Thuốc mỡ: thuốc kem.	PIC/S-GMP	2020-D1-0009	03-01-2020	26-09-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
KR-016 » Theragen Etex Co., Ltd » 58 Sandan-ro 68beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
823	Theragen Etex Co., Ltd	58 Sandan-ro 68beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (bao gồm viên nén, viên nén bao phim, viên nén đặt âm đạo, viên nén bao tan ở ruột); viên nang cứng. * Thuốc uống dạng dung dịch: Si rô, dung dịch uống.	PIC/S-GMP	2020-D1-0759	05-03-2020	14-11-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-017 » Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd. » 35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea									
306	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc bột; si rô khô; + Thuốc uống dạng lỏng: Si rô; dung dịch; nhũ dịch; hỗn dịch;	PIC/S-GMP	2019-D1-1477	11-06-2018	28-03-2021	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration, Korea	7
1524	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc bột; si rô khô; + Thuốc uống dạng lỏng: hỗn dịch; * Thuốc sinh học: thuốc tiêm thể tích nhỏ, dung dịch phun xịt trên da.	PIC/S-GMP	2021-D1-0730	22-03-2021	10-12-2023	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-018 » ILDONG Pharmaceutical Co., Ltd. » 25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
824	ILDONG Pharmaceutical Co., Ltd.	25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: thuốc cốt; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao tan trong ruột; viên nang cứng; viên ngậm; si rô khô. * Thuốc vô trùng: thuốc tiêm; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; si rô khô; thuốc tiêm. * Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nang cứng; thuốc tiêm.	PIC/S-GMP	2019-D1-2849	22-11-2019	25-04-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
1525	ILDONG Pharmaceutical Co., Ltd.	25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: bột đông khô pha tiêm * Thuốc không vô trùng: thuốc cốt; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao tan trong ruột; viên nang cứng; viên ngậm; si rô khô. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; si rô khô. * Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nang cứng; thuốc tiêm.	PIC/S-GMP	2021-D1-1064	23-04-2021	10-12-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-019 » Penmix Ltd. » 33, Georimak-gil, Jiksan-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea									
1001	Penmix Ltd.	33, Georimak-gil, Jiksan-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch tiêm; thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin); * Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nén bao phim, bột pha si rô.	PIC/S-GMP	2019-G1-1667	28-08-2019	10-05-2021	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Korea	12
1526	Penmix Ltd.	33, Georimak-gil, Jiksan-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch tiêm; thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin); * Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nén bao phim, bột pha si rô.	PIC/S-GMP	2021-G1-1205	12-05-2021	11-03-2024	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-020 » Green Cross Corporation » 40 Sandan-gil, Hwasun -eup, Hwasun -gun, Jeollanam -do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
307	Green Cross Corporation	40 Sandan-gil, Hwasun -eup, Hwasun -gun, Jeollanam -do, Republic of Korea	* Sản phẩm sinh học: Dung dịch thuốc tiêm (vắc xin Cúm mùa).	PIC/S-GMP	2018-F1-0121	29-08-2018	31-05-2021	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	7
1412	Green Cross Corporation	40 Sandan-gil, Hwasun -eup, Hwasun -gun, Jeollanam -do, Republic of Korea	* Sản phẩm sinh học: Vắc xin tiêm đông khô - GCC Inj: Vắc xin Varicella .	PIC/S-GMP	2019-F1-0155	12-07-2019	31-05-2021	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	16
1527	Green Cross Corporation	40 Sandan-gil, Hwasun -eup, Hwasun -gun, Jeollanam -do, Republic of Korea	* Sản phẩm sinh học: Vắc xin tiêm đông khô - GCC Inj: Vắc xin Varicella .	PIC/S-GMP	2021-F1-0182	18-05-2021	25-02-2024	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
1528	Green Cross Corporation	40 Sandan-gil, Hwasun -eup, Hwasun -gun, Jeollanam -do, Republic of Korea	* Sản phẩm sinh học: Thuốc tiêm (vắc xin Cúm mùa).	PIC/S-GMP	2021-F1-0182	18-05-2021	25-02-2024	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-021 » Korea Prime Pharm Co., Ltd » 100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun Jeollabuk-do, Republic of Korea									
370	Korea Prime Pharm Co., Ltd	100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun Jeollabuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng; viên nang mềm.	PIC/S-GMP	2017-F1-0399	15-11-2017	12-11-2020	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	8
1002	Korea Prime Pharm Co., Ltd	100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun Jeollabuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng; viên nang mềm.	PIC/S-GMP	2020-F1-0337	11-11-2020	11-06-2023	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
KR-022 » LG Chem, Ltd » 129, Seokam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Korea									
1003	LG Chem, Ltd	129, Seokam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Korea	* Thuốc tiêm: thuốc sinh học (dung dịch tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm).	PIC/S-GMP; WHO-GMP	2019-F1-0174	16-08-2019	01-02-2022	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
1885	LG Chem, Ltd	129, Seogam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Korea	* Thuốc sinh học (vắc xin, chế phẩm tái tổ hợp gen): dung dịch tiêm; bột đông khô pha tiêm	PIC/S-GMP	2022-F1-0029	07-02-2022	09-09-2024	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	21
KR-024 » Kolmar Pharma Co., Ltd. » 93 Bio Valley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1004	Kolmar Pharma Co., Ltd.	93 Bio Valley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường; viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén nhai; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén đặt phụ khoa. * Thuốc kem, thuốc mỡ, gel.	PIC/S-GMP	2020-G1-0009	07-01-2020	20-08-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	12
1886	GENUPharma Inc.	93 Bio Valley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường; viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén nhai; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén đặt phụ khoa. * Thuốc kem, thuốc mỡ, gel.	PIC/S-GMP	2021-G1-2643	08-12-2021	20-08-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	21

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2177	GENUPharma Inc.	93 Bio Valley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén đặt phụ khoa; siro khô. * Thuốc kem, gel.	PIC/S-GMP	2022-G1-1343	06-09-2022	27-06-2025	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	25
KR-025 » Guju Pharm. Co., Ltd. » 5, Deokjeoljegi-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
508	Guju Pharm. Co., Ltd.	5, Deokjeoljegi-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên bao; viên nang cứng; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch, sirô. * Thuốc vô trùng: + Thuốc tiêm: Dung dịch; bột đông khô pha tiêm. * Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Medcalore Injection (Methyleredaisiclon dưới dạng methyleredaisiclon natri succinat 40mg)	PIC/S-GMP	2019-D1-0532	25-02-2019	31-10-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	9
1413	Guju Pharm. Co., Ltd.	5, Deokjeoljegi-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên bao; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch, sirô. * Thuốc vô trùng: + Thuốc tiêm: Dung dịch; bột đông khô pha tiêm. * Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Medcalore Injection (Methyleredaisiclon dưới dạng methyleredaisiclon natri succinat 40mg)	PIC/S-GMP	2021-D1-0870	05-04-2021	31-10-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	16
1821	Guju Pharm. Co., Ltd.	5, Deokjeoljegi-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên bao; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch, sirô. * Thuốc vô trùng: + Thuốc tiêm: Dung dịch; bột đông khô pha tiêm. * Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Medcalore Injection (Methyleredaisiclon dưới dạng methyleredaisiclon natri succinat 40mg)	PIC/S-GMP	2021-D1-2553	03-11-2021	01-09-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	20
KR-026 » CJ HealthCare Corporation » 20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
578	HK inno. N Corporation (Tên cũ: CJ HealthCare Corporation)	20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	2020-G1-0978	13-04-2020	26-06-2022	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea	9
2083	HK inno. N Corporation (Tên cũ: CJ HealthCare Corporation)	20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm truyền, nhũ tương thuốc tiêm truyền * Thuốc không vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	2022-G1-0981	28-06-2022	03-05-2025	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea	24
2084	HK inno. N Corporation (Tên cũ: CJ HealthCare Corporation)	20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	2022-G1-0987	28-06-2022	03-05-2025	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea	24
KR-027 » Hankook Korus Pharm. Co., Ltd » 78, Daepungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea									
478	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	78, Daepungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.	PIC/S-GMP	2020-G1-0049	10-01-2020	25-09-2022	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	9
2178	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	78, Daepungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.	PIC/S-GMP	2022-G1-1470	27-09-2022	22-06-2025	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-028 » BCWORLD PHARM. CO., LTD » 872-23, Yeojunam-ro, Ganam-eup, Yeosu-si, Gyeonggi-do, Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
479	BCWORLD PHARM. CO., LTD	872-23, Yeojunam-ro, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Korea	* Dạng bào chế rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên đặt dưới lưỡi; viên nén tan rã trong miệng; viên nang cứng. * Dung dịch tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm; thuốc bột pha tiêm chứa carbapenem.	PIC/S-GMP	2020-D1-0021	06-01-2020	03-10-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	9
2179	BCWORLD PHARM. CO., LTD	872-23, Yeojunam-ro, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Korea	* Dạng bào chế rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên đặt dưới lưỡi; viên nén tan rã trong miệng; viên nang cứng. * Dung dịch tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm	PIC/S-GMP	2022-D1-1519	07-10-2022	14-04-2025	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-029 » KMS Pharm Co., Ltd » 236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1131	KMS Pharm Co., Ltd	236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2019-D1-1784	25-07-2019	28-03-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	13
2085	KMS Pharm Co., Ltd	236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	** Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; viên bao phim tan trong ruột, viên giải phóng kéo dài, viên bao đường, viên bao 2 lần.	PIC/S-GMP	2022-D1-0294	18-02-2022	11-11-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	24
KR-030 » Yungjin Pharm. Co., Ltd » 66 Muha-ro, Namyang-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
339	Yungjin Pharm. Co., Ltd	66 Muha-ro, Namyang-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang.	PIC/S-GMP	2019-D1-2564	28-06-2019	27-06-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	8
825	Yungjin Pharm. Co., Ltd	66 Muha-ro, Namyang-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang. * Thuốc uống dạng lỏng: siro; hỗn dịch uống. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nang; thuốc bột, siro; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2019-D1-2564	28-06-2019	27-06-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-031 » JW Life Science Corporation » 28 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea									
352	JW Life Science Corporation	28 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm tiết trùng cuối: Dung dịch tiêm truyền, nhũ tương tiêm truyền; dung dịch vô khuẩn. * Thuốc dùng ngoài: Dung dịch thẩm phân	PIC/S-GMP	2020-G1-0124	16-01-2020	09-10-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	8
KR-033 » Dae Han New Pharm. Co., Ltd. » 66 Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
667	Dae Han New Pharm. Co., Ltd.	66 Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén không bao, viên nén bao phim); Viên nang cứng. * Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm truyền; Dung dịch tiêm; Thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2021-D1-2230	02-09-2021	18-03-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	10
KR-034 » Jeil Health Science Inc. » 7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
826	Jeil Health Science Inc.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	(building B) Thuốc dán, thuốc đắp, thuốc thấm qua da.	PIC/S-GMP	2020-D1-1811	11-05-2020	27-02-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-035 » Hwail Pharm Co., Ltd. » 156 Sandan-ro 67beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
444	Hwaii Pharm Co., Ltd.	156 Sandan-ro 67beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng; Thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2019-D1-3019	09-12-2019	20-03-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	9
KR-036 » Korea United Pharm. Inc. » 25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea									
451	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: + Viên nén (viên nén không bao; viên nén giải phóng kéo dài, viên nén giải phóng kiểm soát, viên nén giải phóng chậm; viên nén hai lớp; viên nén bao phim; viên nén tan trong ruột; viên nén tan rã). + Viên nang (viên nang cứng; viên nang giải phóng chậm; viên nang mềm). + Viên nén nhai.	PIC/S-GMP	2019-G1-0242	11-02-2019	07-06-2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	9
1529	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén bao phim; viên nang cứng; viên nang mềm. * Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén không bao; viên nén bao phim; viên nén bao phim giải phóng kéo dài/giải phóng kiểm soát/giải phóng chậm; viên nén hai lớp; viên nén tan trong ruột; viên nén tan rã); Viên nang (viên nang cứng; viên nang mềm). * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén bao phim. * Thuốc dạng tiêm: dung dịch; thuốc bột; thuốc bột đông khô.	PIC/S-GMP	2021-G1-1457	08-06-2021	15-04-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-037 » Genuone Sciences Inc. (tên cũ Kolmar Korea) » 245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Republic of Korea									
1005	Genuone Sciences Inc (Tên cũ: Kolmar Korea)	245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột, viên nén nhiều lớp; Viên nang cứng; Thuốc bột, thuốc cốm; * Thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền; * Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Thuốc uống dạng lỏng; si rô; hỗn dịch; * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion; thuốc xịt dùng ngoài da; * Thuốc mỡ; kem; gel	PIC/S-GMP	2021-G1-0342	05-02-2021	17-10-2022	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
2180	Genuone Sciences Inc.	245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột, viên nén nhiều lớp, viên nén giải phóng kéo dài; Viên nang cứng; Thuốc bột, thuốc cốm; * Thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền; * Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Thuốc uống dạng lỏng; si rô; hỗn dịch; * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion; thuốc xịt dùng ngoài da; * Thuốc mỡ; kem; gel	PIC/S-GMP	2022-G1-1644	27-10-2022	04-08-2025	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Ministry of Food & Drug Safety, Korea	25
KR-038 » TDS Pharm Co., Ltd » 168-49 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1953	TDS Pharm Co., Ltd	168-49 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: miếng dán	PIC/S-GMP	2021-G1-1203	12-05-2021	23-06-2023	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	22
KR-039 » Binex Co., Ltd » 368-3, Dadae-ro, Saha-gu, Busan, Republic of Korea									
827	Binex Co., Ltd	368-3, Dadae-ro, Saha-gu, Busan, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên bao tan ở ruột; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm. * Thuốc nhỏ mắt: dung dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2019-C1-0282	17-12-2019	04-10-2021	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
1822	Binex Co., Ltd	368-3, Dadae-ro, Saha-gu, Busan, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên bao tan ở ruột; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm. * Thuốc nhỏ mắt: dung dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2021-C1-0313	23-11-2021	26-08-2024	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	20
KR-040 » Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd » 18 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
668	Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd	18 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng, viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Siro; Thuốc kem; Thuốc mỡ; Lotion.	PIC/S-GMP	2019-D1-3084	24-12-2019	22-08-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2086	Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd	18 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng, viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Siro; Thuốc kem; Thuốc mỡ; Lotion.	PIC/S-GMP	2022-D1-1432	14-09-2022	19-05-2025	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea	24
KR-041 » Yuhan Corporation » 219 Yeonggudanji-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1006	Yuhan Corporation	219 Yeonggudanji-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: bột đông khô pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và penicillins); dung dịch tiêm; * Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao, viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và penicillins); thuốc bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin); viên nén nhai; thuốc uống dạng lỏng (siro, hỗn dịch uống); thuốc nhỏ mũi; siro khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và penicillins); thuốc kem, mỡ. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý; vi sinh vô trùng và không vô trùng; phép thử trên động vật.	PIC/S-GMP	2020-G1-0546	04-03-2020	12-02-2023	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	12
KR-042 » Myungmoon Pharm. Co., Ltd. » 26, Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1132	Myungmoon Pharmaceutical Co., Ltd.	26, Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng. * Thuốc tiêm: Dung dịch thuốc tiêm; Thuốc đông khô. * Thuốc dùng ngoài: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Aerosols; Miếng dán ngoài da. * Thuốc chứa hormon sinh dục: Viên nén; thuốc kem.	PIC/S-GMP	2020-D1-1800	11-05-2020	25-10-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea	13
1954	Myungmoon Pharm. Co., Ltd.	26, Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên bao tan trong ruột, viên nén bao đường); Viên nang cứng. * Thuốc tiêm: Dung dịch; Thuốc đông khô. * Thuốc dùng ngoài: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Aerosol. * Thuốc khác: Miếng dán ngoài da. * Thuốc chứa hormon sinh dục: Viên nén; thuốc kem. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Vi sinh; Không vô trùng, vô trùng	PIC/S-GMP	2021-D1-2510	26-10-2021	26-08-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea	22
KR-043 » Samil Pharm. Co., Ltd. » 216 Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea									
560	Samil Pharm. Co., Ltd.	216 Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc vô trùng: thuốc mỡ tra mắt; Dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: + Viên nén (viên bao phim, viên nén giải phóng chậm/ kéo dài); thuốc bột; thuốc cốm; si rô thuốc (dạng rắn); viên nhai; + Thuốc uống dạng lỏng; si rô thuốc (dạng lỏng); hỗn dịch thuốc uống. + Thuốc bôi da dạng lỏng; thuốc xịt mũi dạng dung dịch, hỗn dịch. + Thuốc mỡ; thuốc gel	PIC/S-GMP	2019-D1-2067	02-09-2019	30-05-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	9
2181	Samil Pharm. Co., Ltd.	216 Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc vô trùng: thuốc mỡ tra mắt; Dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: + Viên nén (viên bao phim, viên nén giải phóng chậm/ kéo dài); thuốc bột; thuốc cốm; si rô thuốc (dạng rắn); viên nhai; + Thuốc uống dạng lỏng; si rô thuốc (dạng lỏng); hỗn dịch thuốc uống. + Thuốc bôi da dạng lỏng; thuốc xịt mũi dạng dung dịch, hỗn dịch. + Thuốc mỡ; thuốc gel	PIC/S-GMP	2022-D1-1225	25-07-2022	07-04-2025	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-044 » HK inno.N Corporation » 811 Deokpyeong-ro, Majang-myeon, Incheon-si, Gyeonggi-do, Korea									
828	HK inno.N Corporation	811 Deokpyeong-ro, Majang-myeon, lcheon-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc sinh học: Thuốc tiêm (vắc xin, sản phẩm tái tổ hợp DNA)	PIC/S-GMP	2020-D1-2030	22-05-2020	07-04-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-045 » Korea United Pharm. Inc. » 107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea									
496	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; Thuốc tiêm (dung dịch, bột, bột đông khô).	PIC/S-GMP	2019-G1-0241	11-02-2019	27-06-2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	9
1530	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; Thuốc tiêm (dung dịch, bột, bột đông khô).	PIC/S-GMP	2021-G1-1650	28-06-2021	06-05-2024	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-046 » Kuyng Dong Pharm Co., Ltd » 224-3, Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1304	Kyung Dong Pharm Co., Ltd	224-3, Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang cứng, viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột, viên nén kéo dài. * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm; thuốc đông khô. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nang cứng; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2019-D1-3087	24-12-2019	18-04-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
KR-047 » Janssen Korea, Ltd » 45 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
669	Janssen Korea, Ltd	45 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Viên nén, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2020-D1-2068	27-05-2020	08-04-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	10
KR-048 » Myung In Pharm.Co., Ltd. » 361-12 Noha-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
829	Myung In Pharm.Co., Ltd.	361-12 Noha-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Dạng thuốc rắn: viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nang; viên nén giải phóng duy trì; viên nén phân tán trong miệng; viên nén bao tan trong ruột), viên nang cứng. * Thuốc tiêm: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô. * Thuốc bán rắn: thuốc kem, thuốc mỡ.	PIC/S-GMP	2019-D1-2384	10-10-2019	02-05-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
1955	Myung In Pharm.Co., Ltd.	361-12 Noha-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Dạng thuốc rắn: viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng duy trì; viên nén phân tán trong miệng; viên nén bao tan trong ruột), viên nang cứng. * Thuốc tiêm: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý, Vi sinh (không vô trùng); Vô trùng.	PIC/S-GMP	2022-D1-0797	12-05-2022	24-03-2025	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	22
KR-049 » Suheung Co., Ltd. » 61 Osongsaengmyeong-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
830	Suheung Co., Ltd. (1518)	61 Osongsaengmyeong-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang mềm; viên nang cứng, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	2020-G1-1703	22-07-2020	19-05-2023	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	11
KR-050 » Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd » 495, Hanu-ro, Hoengseong-eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do, Republic of Korea									
1305	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd	495, Hanu-ro, Hoengseong-eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang; phim phân tán trong miệng. * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel * Miếng dán, thuốc đắp. * Dung dịch uống chứa chất độc tế bào.	PIC/S-GMP	2020-B1-0021	13-01-2020	21-06-2021	Seoul Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
1887	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd	495, Hanu-ro, Hoengseong-eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang; phim phân tán trong miệng. * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel * Miếng dán, thuốc đắp. * Dung dịch uống chứa chất độc tế bào.	PIC/S-GMP	2021-B1-0532	30-09-2021	27-01-2024	Seoul Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	21
KR-051 » Sinil Pharmaceutical Co., Ltd. » 28, Boksanggol-gil, Angseong-myeon, Chungju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
670	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd.	28, Boksanggol-gil, Angseong-myeon, Chungju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng kéo dài; viên nang cứng; thuốc bột; viên ngậm (trocher); viên nhai (gum). * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel. * Miếng dán hấp thu qua da; bột nhão.	PIC/S-GMP	2019-G1-2292	29-11-2019	29-08-2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	10
2182	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd.	28, Boksanggol-gil, Angseong-myeon, Chungju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng kéo dài; viên nang cứng; thuốc bột; viên ngậm (trocher); viên nhai (gum). * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel. * Miếng dán hấp thu qua da; bột nhão.	PIC/S-GMP	2022-G1-0712	10-05-2022	24-06-2024	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	25
KR-052 » Ahngook Pharmaceutical Co., Ltd. » 40, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1306	Ahngook Pharmaceutical Co., Ltd.	40, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng; + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: Sirô.	PIC/S-GMP	2020-D1-0003	02-01-2020	21-03-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
1745	Ahngook Pharmaceutical Co., Ltd.	40, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng; + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén trần, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén giải phóng có kiểm soát), viên nang; thuốc bột, (thuốc cốm). + Thuốc uống dạng lỏng: Sirô.	PIC/S-GMP	2021-D1-1205	11-05-2021	17-12-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-053 » Nexpharm Korea Co., Ltd. » 168-41 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1007	Nexpharm Korea Co., Ltd.	168-41 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc cốm, thuốc bột.	PIC/S-GMP	2019-G1-0980	29-05-2019	07-03-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	12
2087	Nexpharm Korea Co., Ltd.	168-41 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc cốm, thuốc bột. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch	PIC/S-GMP	2022-G1-0120	28-01-2022	09-12-2024	Daejeon Regional Office of Ministry of Food & Drug Safety, Korea	24
KR-054 » IL-YANG BIOPHARM./No.312 » 8 Bio valley 3-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1307	IL-YANG BIOPHARM	8 Bio valley 3-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nén bao; viên nang.	PIC/S-GMP	2019-G1-1278	09-07-2019	18-10-2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
2088	IL-YANG BIOPHARM	8 Bio valley 3-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nén bao phim; viên nang.	PIC/S-GMP	2022-G1-0021	05-01-2022	12-08-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	24
2183	IL-YANG BIOPHARM. Co., Ltd	8 Bio valley 3-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nén bao phim; viên nang.	PIC/S-GMP	2022-G1-0021	05-01-2022	12-08-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-055 » Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd » 7 Wonsi-ro, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
831	Shin Poong Pharm. Co., Ltd	7 Wonsi-ro, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc cốm. * Thuốc tiêm: thuốc tiêm đóng sẵn syringe. * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel.	PIC/S-GMP	2020-D1-1796	11-05-2020	19-02-2023	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea	11
KR-056 » Dasan Pharmaceutical Co., Ltd. » 342, Deogamsan-ro, Dogo-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea									
832	Dasan Pharmaceutical Co., Ltd.	342, Deogamsan-ro, Dogo-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén bao phim, viên nén, viên nén nhiều lớp, viên nén giải phóng kéo dài); Thuốc cốm.	PIC/S-GMP	2020-G1-2312	28-10-2020	24-04-2021	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1531	Dasan Pharmaceutical Co., Ltd.	342, Deogamsan-ro, Dogo-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén bao phim, viên nén, viên nén nhiều lớp, viên nén giải phóng kéo dài); Thuốc cốm.	PIC/S-GMP	2021-G1-1016	20-04-2021	21-01-2024	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc	17
KR-057 » Medica Korea Co., Ltd » 96 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1308	Medica Korea Co., Ltd	96 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang cứng; viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	2019-D1-2696	11-11-2019	10-07-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
KR-058 » Samyoung Unitech Co., Ltd » 33, Techno 11-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Korea									
833	Samyoung Unitech Co., Ltd	33, Techno 11-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc tiêm chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch uống chứa dược chất phóng xạ. * Kiểm tra chất lượng.	PIC/S-GMP	MFDS-6-F-2419-2-2019-8	30-01-2019	08-01-2022	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
1309	Samyoung Unitech Co., Ltd	33, Techno 11-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc tiêm chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch uống chứa dược chất phóng xạ. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Vi sinh (không vô trùng); Thử vô trùng.	PIC/S-GMP	2021-G1-0811	25-03-2021	08-01-2022	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
1823	Sam Young Unitech Co., Ltd	33, Techno 11-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc tiêm chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch uống chứa dược chất phóng xạ. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Vi sinh (không vô trùng); Thử vô trùng.	PIC/S-GMP	2022-G1-0083	21-01-2022	07-10-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	20
KR-059 » Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd » 174, Sirok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea									
1008	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd	174, Sirok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2020-G1-1751	31-07-2020	02-04-2023	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	12
KR-060 » Hanlim Pharm. Co., Ltd. » 2-27 Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
834	Hanlim Pharm. Co., Ltd.	2-27 Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Viên nén; viên nén bao; viên nang; * Thuốc tiêm; bột đông khô pha tiêm; * Dung dịch nhỏ mắt; Hỗn dịch nhỏ mắt; * Dung dịch thuốc uống; siro (dung dịch); elixir; dung dịch thuốc xịt mũi; hỗn dịch thuốc xịt mũi. * Thuốc mỡ tra mắt; gel. * Dung dịch nhỏ tai. * Kiểm tra chất lượng	PIC/S-GMP	2020-D1-0057	13-01-2020	29-08-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	11
KR-061 » HK Bioinnovation Co., Ltd » 729, Osonggarak-ro, Oksan-myeon, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
835	HK Bioinnovation Co., Ltd (Tên cũ: TS Corporation)	729, Osonggarak-ro, Oksan-myeon, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Sản phẩm sinh phẩm vô trùng: Recombinant Human Erythropoietin (rhEPO) (nuôi cấy, chiết tách, bất hoạt virus, dược chất)	PIC/S-GMP	2020-G1-1935	26-08-2020	09-04-2023	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	11
KR-062 » Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp » 797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1133	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp	797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột; bột pha siro. * Thuốc tiêm truyền. * Thuốc nhỏ mắt. * Siro (lỏng); hỗn dịch uống; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch uống. * Thuốc chứa penicillin: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang; bột pha siro; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc ung thư độc tế bào: Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2020-G1-1530	25-06-2020	06-09-2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	13
1956	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp	797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; bột pha siro. * Thuốc tiêm truyền. * Siro (lỏng); hỗn dịch; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch uống. * Thuốc chứa penicillin-clavulanic: viên nén bao phim; viên nang; bột pha siro; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc ung thư độc tế bào: Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2021-G1-2083	06-09-2021	01-07-2024	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	22
2184	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp	797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; bột pha siro. * Thuốc tiêm truyền. * Siro (lỏng); hỗn dịch; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch uống. * Thuốc chứa penicillin-clavulanic: viên nén bao phim; viên nang; bột pha siro; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc ung thư độc tế bào: Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm. * Khác: sản phẩm CKDEloseta 100mg (Erlotinib (Erlotinib hydrochloride 100mg; CKDEloseta 150mg (Erlotinib (Erlotinib hydrochloride 150mg; CKDlretinib 250mg (Cisplatin 250mg).	PIC/S-GMP	2022-G1-0388	15-03-2022	01-07-2024	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	25
KR-063 » Cho-a Pharm. Co., Ltd » 318 Gwangieong-ro, Haman-myeon, Haman-gun, Gyeongsangnam-do, Republic of Korea									
1009	Cho-a Pharm. Co., Ltd	318 Gwangieong-ro, Haman-myeon, Haman-gun, Gyeongsangnam-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc cốm; viên nhai. * Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch, siro.	PIC/S-GMP	2020-C1-0099	19-03-2020	21-08-2022	Busan Reginal Office of Food and Drug Safety, Korea	12
2185	Cho-a Pharm. Co., Ltd	318 Gwangieong-ro, Haman-myeon, Haman-gun, Gyeongsangnam-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm; viên nhai. * Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch, siro. * Dung dịch dùng ngoài.	PIC/S-GMP	2022-C1-0122	16-09-2022	13-07-2025	Busan Reginal Office of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-064 » Korea Arlico Pharm Co., Ltd » 21 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1134	Korea Arlico Pharm Co., Ltd	21 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa hormon sinh dục, không chứa chất gây độc tế bào và không chứa dược chất sinh học: * Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang. * Thuốc mỡ dạng không vỏ trũng: Thuốc mỡ; Thuốc kem; Thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-G1-1677	03-09-2018	29-05-2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	13
1746	Korea Arlico Pharm Co., Ltd	21 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa hormon sinh dục, không chứa chất gây độc tế bào và không chứa dược chất sinh học: * Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang. * Thuốc mỡ dạng không vỏ trũng: Thuốc mỡ; Thuốc kem; Thuốc gel.	PIC/S-GMP	2021-G1-1668	29-06-2021	22-04-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-065 » Yoo Young Pharmaceutical Co., Ltd » 33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea									
1010	Yoo Young Pharmaceutical Co., Ltd	33 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa hormon sinh dục, không chứa chất gây độc tế bào và không chứa dược chất sinh học: * Viên nén, viên nén bao tan ở ruột; viên nén nhai, viên nén bao phim; Viên nang cứng; Thuốc cốm. * Dung dịch tiêm (bơm tiêm đóng sẵn).	PIC/S-GMP	2019-G1-2452	19-12-2019	17-04-2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	12
1414	YooYoung Pharmaceutical Co., Ltd	33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa hormon sinh dục, không chứa chất gây độc tế bào và không chứa dược chất sinh học: * Viên nén, viên nén bao tan ở ruột; viên nén nhai, viên nén bao phim; Viên nang cứng. * Dung dịch tiêm (dạng bơm tiêm đóng sẵn).	PIC/S-GMP	2021-G1-0979	16-04-2021	18-02-2024	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	16
KR-066 » Austin Pharm Co., Ltd » 20 Seonggok-ro 146 beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1011	Austin Pharm Co., Ltd	20 Seonggok-ro 146beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén (viên nén trần, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); Viên nang cứng; Viên nang mềm; Thuốc cốm; Thuốc bột. * Dung dịch thuốc uống; Si rô thuốc (si rô lỏng và si rô khô); Hỗn dịch thuốc uống. * Thuốc kem; Thuốc mỡ; Thuốc gel.	PIC/S-GMP	2020-D1-0457	17-02-2020	25-07-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	12
1747	Austin Pharm Co., Ltd	20 Seonggok-ro 146beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); Viên nang cứng; Thuốc cốm; Thuốc bột. * Thuốc kem; Thuốc mỡ; Thuốc gel.	PIC/S-GMP	2021-D1-2155	23-08-2021	12-05-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-067 » Daewon Pharm Co., Ltd. » 24, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1209	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh beta lactam, không chứa chất có hoạt tính hormon và không chứa chất độc tế bào: + Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng; si rô khô. + Thuốc tiêm. + Si rô (dạng lỏng); hỗn dịch uống. * Thuốc chứa chất có hoạt tính hormon: Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	2019-D1-2981	06-12-2019	12-07-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	14
1532	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh beta lactam, không chứa chất có hoạt tính hormon và không chứa chất độc tế bào: + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường tan trong ruột; viên nang cứng; si rô khô. + Thuốc tiêm (dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền). + Si rô (dạng lỏng); hỗn dịch uống. * Thuốc chứa chất có hoạt tính hormon: Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	2021-D1-1010	19-04-2021	12-07-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
1748	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh beta lactam, không chứa chất có hoạt tính hormon và không chứa chất độc tế bào: + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường tan trong ruột; viên nang cứng; si rô khô. + Thuốc tiêm (dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền, nhũ dịch tiêm). + Si rô (dạng lỏng); hỗn dịch uống. * Thuốc chứa chất có hoạt tính hormon: Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	2021-D1-1933	20-07-2021	22-04-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-068 » Hankook Korus Pharm. Co., Ltd » 30 Gangjeo-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1135	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	30 Gangjeo-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Viên nén, viên nén bao phim	PIC/S-GMP	2020-G1-2399	27-10-2020	03-04-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	13
2036	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	30 Gangjeo-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Viên nén, viên nén bao phim	PIC/S-GMP	2022-G1-0772	19-05-2022	26-01-2025	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	23
KR-069 » Kukje Pharma Co., Ltd. » 47 Sanseong-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1136	Kukje Pharma Co., Ltd.	47 Sanseong-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim; viên nén bao tan trong ruột; viên nén giải phóng kéo dài; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); si rô (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); * Thuốc vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	PIC/S-GMP	2019-D1-2879	27-11-2019	05-09-2022	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea	13
KR-070 » Reyon Pharmaceutical Co., Ltd » 69-10 Hansam-ro, Deoksan-eup, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1137	Reyon Pharmaceutical Co., Ltd	69-10 Hansam-ro, Deoksan-eup, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc bột. * Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm, thuốc bột đông khô pha tiêm	PIC/S-GMP	2020-G1-0484	26-02-2020	28-11-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	13
KR-071 » Union Korea Pharm Co., Ltd » 246 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1651	Union Korea Pharm Co., Ltd	246 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa hormon sinh dục, không chứa chất gây độc tế bào và không chứa dược chất sinh học: + Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng, viên nang mềm. + Thuốc tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2020-B1-0611	17-07-2020	25-03-2023	Seoul Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	18
KR-072 » Dongbang Future Tech & Life Co., Ltd » 78 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1210	Dongbang Future Tech & Life Co., Ltd	78 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	Viên nang cứng; viên nang mềm	PIC/S-GMP	2019-D1-2022	26-08-2019	22-11-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	14
1888	Dongbang Future Tech & Life Co., Ltd	78 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	Viên nang cứng; viên nang mềm	PIC/S-GMP	2021-D1-2925	22-12-2021	09-09-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	21
KR-073 » Samyang Biopharmaceuticals Corporation » 79 Sinildong-ro, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea									
1138	Samyang Biopharmaceuticals Corporation	79 Sinildong-ro, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc độc tế bào: thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2019-G1-0504	20-03-2019	11-04-2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	13
1889	Samyang Biopharmaceuticals Corporation	79 Sinildong-ro, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc tiêm chứa hoạt chất độc tế bào chữa ung thư: thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2021-G1-0991	16-04-2021	04-02-2024	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	21
KR-074 » Il-Yang Pharm. Co., Ltd » 110 Hagal-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Korea									
1139	Il-Yang Pharm. Co., Ltd	110 Hagal-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên bao phim, viên bao đường, viên nang; thuốc bột; viên nhai. * Thuốc hỗn dịch uống, dung dịch uống, sirô	PIC/S-GMP	2020-D1-1297	07-04-2020	05-02-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	13
KR-075 » DongKook Pharmaceutical Co., Ltd » 33-19, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea									
1415	DongKook Pharmaceutical Co., Ltd	33-19, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	Thuốc không chứa kháng sinh beta lactam, không chứa chất có hoạt tính hormon và không chứa chất độc tế bào: * Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm (nhũ tương).	PIC/S-GMP	2020- G1-2655	01-12-2020	10-04-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	16
1533	DongKook Pharmaceutical Co., Ltd	1103, Jingwang-ro, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ	PIC/S-GMP	2021- G1-1056	23-04-2021	18-09-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-076 » Jeil Pharmaceutical Co., Ltd » 18-29 Seongseo-ro, Dalseo-gu, Daegu, Republic of Korea									
1310	Jeil Pharmaceutical Co., Ltd	18-29 Seongseo-ro, Dalseo-gu, Daegu, Republic of Korea	* Dung dịch tiêm	PIC/S-GMP	2019-E1-0122	26-11-2019	03-05-2021	Daegu Regional Office of Food & Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1534	Jeil Pharmaceutical Co., Ltd	18-29, Seongseo-ro, Dalseo-gu, Daegu, Republic of Korea	* Dung dịch tiêm	PIC/S-GMP	2021-E1-0146	14-05-2021	15-04-2024	Daegu Regional Office of Food & Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-077 » Taiguk Pharm.Co., Ltd » 123 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1311	Tai Guk Pharm. Co., Ltd	123 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	Thuốc không vô trùng: viên nén (viên nén trần, viên nén bao phim); viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; kem; gel; mỡ.	PIC/S-GMP	2019-D1-3051	12-12-2019	11-04-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
1535	Taiguk Pharm.Co., Ltd	123 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang; dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; kem; gel, mỡ.	PIC/S-GMP	2020-D1-1883	12-05-2020	11-04-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-078 » Green Cross Corporation » 586 Gwahaksaneop 2-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1312	Green Cross Corporation	586 Gwahaksaneop 2-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm. * Thuốc sinh học (sản phẩm dẫn xuất huyết tương, sản phẩm tái tổ hợp gen): Thuốc tiêm; Thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2019-G1-1081	14-06-2019	04-10-2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
1890	Green Cross Corporation	586 Gwahaksaneop 2-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc sinh học (sản phẩm dẫn xuất huyết tương, sản phẩm tái tổ hợp gen): Thuốc tiêm; Thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2021-G1-2277	06-10-2021	15-07-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	21
KR-079 » Young Poong Pharmaceutical Co., Ltd. » 333 Hambangmoe-ro, Namdong-gu Incheon, Republic of Korea									
1313	Young Poong Pharmaceutical Co., Ltd.	333 Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nén đặt âm đạo; Viên nang cứng; Viên nang mềm.	PIC/S-GMP	2020-D1-0539	19-02-2020	22-05-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
KR-080 » Taiguk Pharm.Co., Ltd » 821 Geumbaek-ro, Chochon-myeon, Buyeo-gun, Chungcheongnam-do, Republic of Korea									
1314	Tai Guk Pharm. Co., Ltd	821 Geumbaek-ro, Chochon-myeon, Buyeo-gun, Chungcheongnam-do, Republic of Korea.	Thuốc không vô trùng: dung dịch dùng ngoài da, lotions, dung dịch nhỏ mũi, kem; gel; mỡ, Quasi drug (thuốc mỡ)	PIC/S-GMP	2019-G1-2427	18-12-2019	12-02-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
KR-081 » Pharvis Korea Pharm Co., Ltd. » 127, Sandan-ro 83beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1315	Pharvis Korea Pharm Co., Ltd.	127, Sandan-ro 83beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột; viên nang cứng; thuốc bột.	PIC/S-GMP	2019-D1-2010	23-08-2019	23-05-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
KR-082 » Hana Pharmaceutical Co., Ltd. » 13-39, Jeyakdanji-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1316	Hana Pharmaceutical Co., Ltd.	13-39, Jeyakdanji-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng; * Thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2020-D1-2008	20-05-2020	12-02-2023	Gyeongin Regional Commissioner Food&Drug Administration - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
KR-083 » Huons Co., Ltd. » 100 Bio valley-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1652	Huons Co., Ltd.	100, Bio valley-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nén; Viên nang; Viên nén nhai. * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm; Dung dịch rửa vết thương (Irrigations). * Dung dịch thuốc nhỏ mắt. * Hỗn dịch; Siro (dạng lỏng); thuốc súc miệng (dạng lỏng).	PIC/S-GMP	2021-G1-1345	28-05-2021	18-03-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drus Safety, Ministry of Food and Drug Safety Korea	18
KR-084 » DHP Korea Co.,Ltd » 50 Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chucheongbuk-do, Republic of Korea									
1416	DHP Korea Co.,Ltd	50 Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Dung dịch nhỏ mắt, hỗn dịch nhỏ mắt, nhũ tương nhỏ mắt. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý, Vi sinh (không vô trùng) và phép thử vô trùng.	PIC/S-GMP	2020-G1-1260	28-05-2020	05-12-2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	16
KR-085 » Dongkwang Pharm.Co., Ltd » 115 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1317	Dongkwang Pharm.Co., Ltd	115 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea (Hàn Quốc)	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm; thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc bột pha tiêm chứa Carbapenem); thuốc đông khô (đóng lọ, đóng ống, bơm tiêm đóng sẵn) * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dạng kem: Mỡ, kem, gel. + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim, viên nang.	PIC/S-GMP	2020- D1-3938	26-11-2020	13-06-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	15
2037	Dongkwang Pharm.Co., Ltd	115 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén không bao, viên nén bao phim); Viên nang cứng * Thuốc vô trùng: Dung dịch tiêm; thuốc bột pha tiêm chứa Carbapenem; thuốc đông khô (đóng lọ, đóng ống, bơm tiêm đóng sẵn) * Thuốc dạng bán rắn: mỡ, kem, gel	PIC/S-GMP	2022-D1-0800	12-05-2022	02-12-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea	23
KR-086 » PharmaKing Co., Ltd. » 87-17, Haengguni-gil, Gamgok-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea									
1417	PharmaKing Co., Ltd.	87-17, Haengguni-gil, Gamgok-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng	PIC/S-GMP	No.2021-G1-0951	15-04-2021	18-02-2023	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea	16
KR-087 » Mirae Pharm. Co., Ltd » 104, Gongdan 2-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea									
1418	Mirae Pharm. Co., Ltd	104, Gongdan 2-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén bao phim, viên không bao), viên nang (viên nang cứng, viên nang mềm), thuốc cốm (granules)	PIC/S-GMP	No.2021-D1-0866	02-04-2021	29-08-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	16
1749	Mirae Pharm. Co., Ltd	104, Gongdan 2-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén bao phim, viên không bao), viên nang (viên nang cứng, viên nang mềm)	PIC/S-GMP	No.2021-D1-2255	08-09-2021	24-06-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-088 » Huteks Korea Pharmaceutical Co., Ltd » 99 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1419	Huteks Korea Pharmaceutical Co., Ltd	99 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2021-D1-0373	10-02-2021	24-04-2022	Gyeongin Regional office of Food and Drug Safety, Korea	16

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
KR-089 » Jin Yang Pharm. Co., Ltd. » 34 Sinpyeong-ro, Jijeong-myeon, Wonju-si Gangwon-do, Republic of Korea									
1536	Jin Yang Pharm. Co., Ltd.	34 Sinpyeong-ro, Jijeong-myeon, Wonju-si Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nén nhiều lớp; viên nang cứng; si rô khô	PIC/S-GMP	2020-B1-0282	24-03-2020	19-09-2022	Seoul Regional Office of Food & Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
2186	Jin Yang Pharm. Co., Ltd.	34 Sinpyeong-ro, Jijeong-myeon, Wonju-si Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nén nhiều lớp; viên nang cứng; si rô khô	PIC/S-GMP	2022-B1-0376	07-09-2022	08-06-2025	Seoul Regional Office of Food & Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	25
KR-092 » Daewon Pharm Co., Ltd. » 44 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea									
1420	Daewon Pharm Co., Ltd.	44 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	Thuốc uống dạng lỏng: Siro (dạng lỏng); Hỗn dịch.	PIC/S-GMP	2020-G1-1089	04-05-2020	05-01-2023	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	16
KR-093 » Bukwang Pharm. Co., Ltd. » 47 Neungan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea									
1537	Bukwang Pharm. Co., Ltd.	47 Neungan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén; Viên nang; Thuốc cốm. + Thuốc uống dạng lỏng; Si rô; Hỗn dịch. + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Dung dịch nhỏ mũi. + Kem, gel, paste.	PIC/S-GMP	2019-D1-2393	11-10-2019	30-05-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-094 » Daewoo Pharm. Co., Ltd. » 153, Dadae-ro, Saha-gu Busan, Korea									
1538	Daewoo Pharm. Co., Ltd.	153, Dadae-ro, Saha-gu Busan, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường; Viên nang cứng. + Dung dịch nhỏ mắt; Hỗn dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2020-C1-0327	18-12-2020	25-06-2023	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-097 » MG Co., Ltd » 27, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1539	MG Co., Ltd	27, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Dung dịch/ nhũ dịch thuốc tiêm truyền.	PIC/S-GMP	2020-G1-2384	23-10-2020	20-03-2022	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
2089	MG Co., Ltd	27, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Dung dịch/ nhũ dịch thuốc tiêm truyền.	PIC/S-GMP	2022-G1-0227	17-02-2022	16-12-2024	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	24
KR-098 » Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd » 7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1540	Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Thuốc vô trùng: + thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền; + thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm carbapenem * Thuốc không vô trùng: + Viên nén (trần, bao phim, bao đường, nhiều lớp, giải phóng chậm (delayed release)); viên nang cứng, viên nang mềm; thuốc cốm. + Thuốc đặc tả bào chế chống ung thư: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc cốm	PIC/S-GMP	2020-D1-2208	08-06-2020	27-02-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea	17
KR-099 » Kwang Dong Pharmaceutical Co., Ltd » 114 Sandan-Ro, Pyeongtaek-Si, Gyeonggi-Do, Korea									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1750	Kwang Dong Pharmaceutical Co., Ltd	114 Sandan-ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén (viên nén bao phim; viên nén không bao, viên nén giải phóng kéo dài); viên nang cứng; thuốc cốm; viên hoàn. + Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch; hỗn dịch; dịch chiết (dạng lỏng). * Kiểm tra chất lượng.	PIC/S-GMP	2021-D1-2558	03-11-2021	03-06-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-100 » Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd » 70, Sandan-ro 19beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
1957	Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd	70, Sandan-ro 19beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins: Viên nén, bột pha siro (dry syrups)	PIC/S-GMP	2021-D1-1597	11-06-2021	11-03-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	22
KR-101 » Yuyu Pharma, Inc » 94, Bio Valley 1-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1653	Yuyu Pharma, Inc	94, Bio Valley 1-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén (viên nén trần, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng chậm); viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc kem, mỡ, gel;	PIC/S-GMP	2020-G1-2762	15-12-2020	30-01-2022	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Korea	18
2187	Yuyu Pharma, Inc	94, Bio Valley 1-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén (viên nén trần, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng chậm); viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc kem, mỡ, gel;	PIC/S-GMP	2022-G1-1137	20-07-2022	16-11-2024	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Korea	25
KR-103 » Korea Drug Co., Ltd » 69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Korea									
1654	Korea Drug Co., Ltd	69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén trần, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột...), viên nang, viên tan rã tại miệng, viên nhai; thuốc uống dạng lỏng: dung dịch uống, siro, hỗn dịch	PIC/S-GMP	2021-D1-1097	28-04-2021	29-08-2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	18
1751	Korean Drug Co., Ltd	69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén trần, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột...), viên nang, viên tan rã tại miệng, viên nhai; thuốc uống dạng lỏng: dung dịch uống, siro, hỗn dịch	PIC/S-GMP	2021-D1-2187	11-06-2021	10-06-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	19
KR-104 » Handok Inc. » 78, Deapungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea									
1958	Handok Inc.	78, Deapungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng, viên nén nhai, viên nén giải phóng, dung dịch bôi ngoài da, lotion, mỡ, kem, gel, miếng dán. * Kiểm tra chất lượng: Hóa lý/Vật lý/Vi sinh (vô trùng và không vô trùng)	PIC/S-GMP	2020-G1-2452	03-11-2020	16-01-2023	Deajeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	22
KR-107 » Samsung Biologics Co., Ltd. » Samsung Biologics, 300, Songdo bio-daero, Yeonsu-gu, Incheon, Republic of Korea									
2188	Samsung Biologics Co., Ltd.	Samsung Biologics, 300, Songdo bio-daero, Yeonsu-gu, Incheon, Republic of Korea	* Thuốc tiêm: sản phẩm tái tổ hợp; vaccine. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Vi sinh (không vô trùng), vô trùng. Không bao gồm hoạt động dán nhãn thành phẩm và đóng gói cấp 2.	PIC/S-GMP	2022-D1-0138	26-01-2022	10-01-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea	25
KR-110 » RP Bio Inc. » 35-7 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea									
2090	RP Bio Inc.	35-7 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm	PIC/S-GMP	2020-D1-0951	19-03-2020	27-11-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea	24
LT-001 » UAB Aconitum » Inovaciju g.4, Biruliskiu k., Kauno r.sav., Lithuania									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
308	UAB Aconitum	Inovaciju g.4, Biruliskiu k., Kauno r.sav., Lithuania	* Sản xuất (không bao gồm đóng gói, xuất xưởng): - Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; - Thuốc được liệu, - Thuốc vi lượng đồng căn. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; Hóa học/vật lý.	EU-GMP	LT/11H/2017	08-12-2017	31-12-2021	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania	7
1541	UAB Aconitum	Inovaciju g.4, LT-54469 Biruliskiu k., Karmelavos sen., Kauno r.sav., Republic of Lithuania	* Sản xuất: - Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; - Thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng/lô; * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; Hóa học/vật lý.	EU-GMP	LT/10H/2020	26-10-2020	17-09-2023	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania	17
LT-002 » Santonika, UAB » Veiveriu g. 134B, Kauno m., Kauno m.sav., Lithuania									
1318	Santonika, UAB	Veiveriu g. 134B, Kauno m., Kauno m.sav., Lithuania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng/ Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý: Sinh học	EU-GMP	LT/04H/2019	13-05-2019	25-03-2022	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania	15
LV-001 » Joint stock Company Grindeks » 53 Krustpils Street, Riga, LV-1057, Latvia									
20	Joint stock Company Grindeks (cách viết khác: AS Grindeks).	53 Krustpils Street, Riga, LV-1057, Latvia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào, chất kim tế bào); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng; thuốc mỡ, thuốc gel, viên nén; viên nén bao phim;	EU-GMP	ZVA/LV/2017/016H		04-07-2020	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	2
836	Akciju sabiedriba "Grindeks" (I vieta) / Joint Stock Company "Grindeks" (I vieta) (cách ghi khác: AS Grindeks/ JSC "Grindeks")	Krustpils iela 53, Riga, LV-1057, Latvia / 53 Krustpils Street, Riga, LV-1057, Latvia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào, chất kim tế bào); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn, viên nén; viên nén bao phim; * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng * Đóng gói sơ cấp và thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh vô trùng và không vô trùng, hóa học/vật lý, sinh học.	EU-GMP	ZVA/LV/2019/016H	15-11-2019	31-12-2022	State Agency of Medicines of the Republic of Latvia	11
LV-002 » Limited liability company Pharmidea (Pharmidea Sia) » 4 Rupnicu Street, Olaine, Olaine district, LV-2114, Latvia									
386	Limited liability company Pharmidea (Pharmidea Sia) Cách ghi khác: Limited liability company "Pharmidea" / Sabiedriba ar ierobezotu atbildību Pharmidea (Pharmidea Sia / Sia Pharmidea)	4 Rupnicu Street, Olaine, Olaine district, LV-2114, Latvia Cách ghi khác: Rupnicu iela 4, Olaine, Olaines novads, LV-2114, Latvia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả (including) thuốc độc tế bào/ kim tế bào): Thuốc đông khô, thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả (including) thuốc độc tế bào/ kim tế bào): thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Chứng nhận lô * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng. + Hóa/lý + Sinh học.	EU-GMP	ZVA/LV/2018/012H	16-08-2018	31-12-2022	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2189	Limited liability company Pharmidea (Pharmidea Sia) Cách ghi khác: Limited liability company "Pharmidea" / Sabiedriba ar ierobezotu atbildibu Pharmidea (Pharmidea Sia / Sia Pharmidea)	4 Rupnicu Street, Olaine, Olaine district, LV-2114, Latvia Cách ghi khác: Rupnicu iela 4, Olaine, Olaines novads, LV-2114, Latvia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả (including) thuốc độc tế bào/ kim tế bào): Thuốc đông khô, thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả (including) thuốc độc tế bào/ kim tế bào): thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Chứng nhận lô * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng. + Hóa/lý + Sinh học	EU-GMP	ZVA/LV/2022/001H	08-04-2022	03-12-2024	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	25
LV-003 » Joint Stock Company "Kalceks" » 71E Krustpils Street, Riga, LV-1057, Latvia									
1542	Joint Stock Company "Kalceks" (cách ghi khác: AS "Kalceks"/ JSC "Kalceks") .	71E Krustpils Street, Riga, LV-1057, Latvia	Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng.	EU-GMP	ZVA/LV/2019/021H	17-12-2019	31-12-2022	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	17
2190	Joint Stock Company "Kalceks" (cách ghi khác: AS "Kalceks"/ JSC "Kalceks") .	71E Krustpils Street, Riga, LV-1057, Latvia	Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng.	EU-GMP	ZVA/LV/2022/004H	22-06-2022	28-02-2025	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	25
MD-001 » Farmaprim SRL » MD-4829, Republica Moldova, r. Criuleni, s. Porumbeni, str. Crinilor, 5									
382	Farmaprim Ltd (hoặc Ltd Farmaprim)	MD-4829, Republica Moldova, r. Criuleni, s. Porumbeni, str. Crinilor, 5 (hoặc (Cách viết tiếng Anh: 5 Crinilor street, Village Porumbeni, Criuleni reg., MD-4829 - Republic of Moldova; hoặc 5 Crinilor street, Porumbeni, Criuleni district, MD-4829, Republic of Moldova)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hóc môn): Thuốc bán rắn (thuốc mỡ, kem, gels, dầu xoa); thuốc đạn, thuốc trứng	WHO-GMP	AMDM.MD. GMP.003.2019	17-05-2019	25-04-2022	Ministry of Health of the Republic of Moldova	8
MK-001 » Alkaloid AD Skopje » Blvd. "Aleksandar Makedonski" 12, 1000 Skopje, Macedonia									
2191	Alkaloid AD Skopje	Blvd. "Aleksandar Makedonski" No. 12, 1000 Skopje, Macedonia	Viên nén, viên nén bao phim	Macedonia – GMP	18-12166/3	29-12-2021	22-12-2024	Agency for Medicines and Medical Devices, Republic of North Macedonia	25
MK-002 » Replek Farm Ltd Skopje » Kozle 188, Skopje, 1000, Macedonia, The Former Yugoslav, Republic of Macedonia									
837	Replek Farm Ltd Skopje	Kozle 188, Skopje, 1000, Macedonia, The Former Yugoslav Republic of Macedonia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn.	EU-GMP	409-8/2016-12	15-01-2018	31-12-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
838	Replek Farm Ltd Skopje	ul. „ Kolze " 188, 1000 Skopje, Macedonia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Thuốc đặt.	EU-GMP	18-1990/3	09-03-2017	28-02-2020	Agency for Medicines and Medical Devices, Macedonia	11
MT-001 » Actavis Ltd » BLB015-016, Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN3000, Malta									
839	Actavis Ltd	BLB015-016, Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN3000, Malta	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén nhai). + Xuất xưởng lỗ. * Đóng gói sơ cấp: Viên nén; Viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	MT/031HM/2018	20-12-2018	31-12-2021	Medicines Authority of Malta (MAM)	11
1824	Actavis Ltd	BLB015-016, Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN3000, Malta Cách ghi khác: BLB 016, Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN3000, Malta.	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén nhai). + Xuất xưởng lỗ. * Đóng gói sơ cấp: Viên nén; Viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng.	EU-GMP	MT/034HM/2021	24-11-2021	17-09-2024	Medicines Authority of Malta (MAM)	20
MT-002 » Pharmacare Premium Ltd » HHF003 Hal Far Industrial Estate, Hal Far Birzebbugia BBG 3000, Malta									
1752	Pharmacare Premium Ltd	HHF003 Hal Far Industrial Estate, Hal Far Birzebbugia BBG 3000, Malta	* Thuốc không vô trùng (thuốc có hoạt tính cao, thuốc độc tế bào): Viên nang cứng, viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim). + Chứng nhận lỗ * Đóng gói cấp 1, cấp 2 * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh, hóa/lý	EU-GMP	MT/017HM/2020	21-05-2020	12-03-2023	Medicines Authority of Malta (MAM)	19
MX-001 » Merck S.A de C.V » Calle 5 No. 7 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P.53370, Mexico									
840	Merck S.A de C.V	Calle 5 No. 7 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P.53370, Mexico (cách ghi khác trên GMP Mexico: Calle 5 No.7, Col. Fraccionamiento Industrial Alce Blanco, C.P.53370, Naucalpan de Juarez, Mexico)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nhai, viên bao, viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài, thuốc bột, viên ngậm, viên ngậm giải phóng kéo dài, viên ngậm bao. * Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch, hỗn dịch * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: dung dịch * Thuốc chứa hóc môn: viên nén	PIC/S-GMP	203300516A0758	04-08-2020	20-08-2022	Federal Commission for the Protection Against Sanitary Risks (COFEPRIS)	11
841	Merck S.A de C.V	Calle 5 No. 7 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P.53370, Mexico	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (Levothyroxine)	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0034	19-03-2019	11-09-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	11
1655	Merck S.A de C.V	Calle 5 No. 7 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P.53370, Mexico	* Thuốc không vô trùng: Viên nén Levothyroxine (25mcg, 50mcg, 75mcg, 88mcg, 100mcg, 112 mcg, 125mcg, 137mcg, 150mcg, 175mcg, 200mcg)	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2021_0026	16-04-2021	16-09-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	18
MX-002 » Boehringer Ingelheim Promeco S.A. de C.V. » Boehringer Ingelheim Promeco S.A. de C.V., Calle del Maiz No. 49, Col. Barrio Xaltocan, C.P. 16090 Xochimilco, Mexico City, Mexico									
1959	Boehringer Ingelheim Promeco S.A. de C.V.	Calle del Maíz No. 49, Barrio Xaltocan, C.P. 16090 Xochimilco, Ciudad de Mexico, Mexico	* Thuốc uống dạng rắn (viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim).	PIC/S-GMP	203300CI110101	28-02-2020	22-07-2022	Federal Commission for the Protection Against Sanitary Risks (COFEPRIS)	22
MY-002 » Xepa-Soul Pattinson (M) Sdn Bhd » Lot 1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
539	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ tai. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; dung dịch thuốc dùng ngoài; thuốc bán rắn, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nén, viên nang cứng, thuốc bột. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng, thuốc bột.	PIC/S-GMP	107/17	16-03-2017	16-06-2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia	9
1211	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ tai. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; dung dịch thuốc dùng ngoài; thuốc bán rắn, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng, thuốc bột. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng, thuốc bột.	PIC/S-GMP	1310/19	02-08-2019	08-03-2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia	14
1212	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; thuốc bán rắn, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng, thuốc bột. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng, thuốc bột.	EU-GMP	OGYÉI/1825 5-6/2017	01-09-2017	31-12-2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	14
1825	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ tai. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; dung dịch thuốc dùng ngoài; thuốc bán rắn, si rô khô, viên nén, viên nén bao phim. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng, thuốc bột. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng, thuốc bột.	PIC/S-GMP	1952/20	21-12-2020	29-09-2023	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia	20
1826	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; thuốc bán rắn, thuốc bột pha hỗn dịch, viên nén., viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/3579 1-6/2021	16-09-2021	30-07-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	20
MY-003 » B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd. » Bayan Lepas Free Industrial Zone, 1900 Bayan Lepas, Pulau Pinang, Malaysia									
842	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Bayan Lepas Free Industrial Zone, 11900 Bayan Lepas, Pulau Pinang, Malaysia	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S-GMP	1380/19	20-09-2019	27-06-2022	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health Malaysia	11
2091	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Bayan Lepas Free Industrial Zone, 11900 Bayan Lepas, Pulau Pinang, Malaysia.	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh: vô trùng; hóa học/ vật lý.	PIC/S-GMP	2151/21	15-06-2021	23-03-2023	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health Malaysia	24
MY-004 » Sterling Drug (Malaya) Sdn. Bhd. » Lot 89, Jalan Enggang, Ampang/ Hulu Kelang Industrial Estate, 68000 Ampang, Selangor, Malaysia									
1012	Sterling Drug (Malaya) Sdn. Bhd.	Lot 89, Jalan Enggang, Ampang/ Hulu Kelang Industrial Estate, 68000 Ampang, Selangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột, viên nén	PIC/S-GMP	KKM/NPRA. PKP/600-2/5	27-06-2019	26-04-2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia	12
1543	Sterling Drug (Malaya) Sdn. Bhd.	Lot 89, Jalan Enggang, Ampang/ Hulu Kelang Industrial Estate, 68000 Ampang, Selangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột, viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim)	PIC/S-GMP	2125(a)/21	07-05-2021	10-12-2022	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia	17
MY-005 » Fresenius Medical Care Production Sdn. Bhd. » Lot 34618, PT 29466, Techpark @ Enstek, 71760 Bandar Enstek, Negeri Sembilan, Malaysia									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1013	Fresenius Medical Care Production Sdn. Bhd.	Lot 34618, PT 29466, Techpark @ Enstek, 71760 Bandar Enstek, Negeri Sembilan, Malaysia	* Thuốc vô trùng + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	PIC/S-GMP	965/18	20-12-2018	16-08-2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health Malaysia	12
MY-006 » Hoe Pharmaceutical Sdn. Bhd » Lot 10, Jalan Sultan Mohamed 6, Bandar Sultan Suleiman, 42000 Port Klang, Salangor, Malaysia									
1140	Hoe Pharmaceutical Sdn. Bhd	Lot 10, Jalan Sultan Mohamed 6, Bandar Sultan Suleiman, 42000 Port Klang, Salangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon steroids); thuốc bán rắn: kem, mỡ, gel, lotion (bao gồm cả thuốc chứa hormon steroids).	PIC/S-GMP	1376(d)/19	18-09-2019	13-04-2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia	13
MY-007 » AV Manufacturing Sdn. Bhd » Lot 10621 (PT 16700), Jalan Permata 2, Arab Malaysian Industrial Park, 71800 Nilai, Negeri Sembilan, Malaysia									
1421	AV Manufacturing Sdn. Bhd	Lot 10621 (PT 16700), Jalan Permata 2, Arab Malaysian Industrial Park, 71800 Nilai, Negeri Sembilan, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh không vô trùng; hóa học/ vật lý.	PIC/S-GMP	655/18	14-05-2018	28-03-2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia	16
MY-008 » Y.S.P. Industries (M) Sdn.Bhd » Lot 3,5 & 7, Jalan P/7, Section 13, Kawasan Perindustrian Bandar Baru Bangi, 43000 Kajang, Selangor, Malaysia									
1544	Y.S.P. Industries (M) Sdn.Bhd	Lot 3,5 & 7, Jalan P/7, Section 13, Kawasan Perindustrian Bandar Baru Bangi, 43000 Kajang, Selangor, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc nhỏ mắt; + Thuốc sản xuất có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc đạn; thuốc đặt; viên nén; viên nén bao phim;	PIC/S-GMP	1685/20	23-07-2020	23-08-2022	National Pharmaceutical Control Bureau - Malaysia	17
MY-009 » Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd. » No. 1, 2 & 3, Jalan TTC 12, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia									
1656	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	No. 1, 2 & 3, Jalan TTC 12, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng bán rắn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa steroid); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa steroid); Thuốc bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa steroid); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa steroid); Thuốc bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Đóng gói thứ cấp.	PIC/S-GMP	1377(e)/19	19-09-2019	15-03-2022	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia	18
NL-001 » Janssen Biologics B.V. » Einesteinweg 101, Leiden, 2333CB, Netherlands									
222	Janssen Biologics B.V.	Einesteinweg 101, Leiden, 2333CB (hoặc 2333 CB Leiden), Netherlands	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học. * Kiểm tra chất lượng. * Nguyên liệu hoạt chất (Sản xuất và kiểm tra chất lượng): Infliximab; Abciximab; Golimumab; Ustekinumab; Siltuximab.	EU-GMP	NL/H 18/2008473	22-11-2018	31-12-2023	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	6
NL-002 » Abbott Biologicals B.V » Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands									
223	Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục) * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NL/H 19/2010100	08-03-2019	31-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2192	Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục) * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NL/H22/2041220	30-06-2022	20-04-2025	Health and Youth Care Inspectorate, Netherlands	25
2193	Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Chứng nhận lô * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon) + Chứng nhận lô * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + chứng nhận lô * Đóng gói sơ cấp: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NL/H22/2041220	30-06-2022	20-04-2025	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	25
NL-003 » Merck Sharp & Dohme B.V. » Waarderweg 39, HAARLEM, 2031BN, Netherlands									
309	Merck Sharp & Dohme B.V.	Waarderweg 39, HAARLEM, 2031BN, (hoặc 2031 BN Haarlem hoặc NL-2031 BN Haarlem), Netherlands (the Netherlands)	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim, viên nén nhai, thuốc bột dạng gói (sachet); * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng; thuốc miễn dịch; * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén; viên nén bao phim, viên nén nhai, thuốc bột dạng gói (sachet); * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NL/H17/2002429	16-02-2018	31-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	7
NL-004 » N.V. Organon » Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands									
671	N.V. Organon	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (cách ghi khác: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon): thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc chứa hormon): dung dịch thể tích nhỏ; sản phẩm cấy ghép. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon): + Viên nén; viên nén bao; thuốc cốm. + Xuất xưởng. * Sản phẩm sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; các sản phẩm chiết xuất từ nước tiểu. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm.	EU-GMP	NL/H19/214277A	17-12-2019	31-12-2023	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Products, Netherlands	10
NL-005 » Abbott Biologicals B.V. » C.J. van Houtenlaan 36, WEESP, 1381 CP, Netherlands									
1213	Abbott Biologicals B.V.	C.J. van Houtenlaan 36, WEESP, 1381CP hoặc "1381CP WEESP", Netherlands	* Bán thành phẩm vắc xin 3 giá và 4 giá: Bán thành phẩm Hỗn dịch tiêm Influvac (vắc xin phòng bệnh cúm mùa).	EU-GMP	NL/H17/1014466a	20-03-2017	31-12-2021	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	14
1891	Abbott Biologicals B.V.	C.J. van Houtenlaan 36, WEESP, 1381CP hoặc "1381CP WEESP", Netherlands	* Bán thành phẩm vắc xin 3 giá và 4 giá: Bán thành phẩm Hỗn dịch tiêm Influvac (vắc xin phòng bệnh cúm mùa).	EU-GMP	NL/H21/2029452	16-09-2021	09-06-2024	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	21
NL-006 » Sanquin Plasma Products B.V. » Plesmanlaan 125, Amsterdam, 1066CX, Netherlands									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
349	Sanquin Plasma Products B.V.	Plesmanlaan 125, Amsterdam, 1066CX, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu.	EU-GMP	NL/H 18/2008748	10-02-2019	31-12-2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	8
NL-007 » Pharmachemie B.V » Swensweg 5, Haarlem, 2031GA, Netherlands									
672	Pharmachemie B.V	Swensweg 5, Haarlem, 2031GA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (kim tế bào): Thuốc đông khô, thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (kim tế bào): Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bột khô hít - dry powder inhalation)	EU-GMP	NL/H 18/2003994	15-06-2018	31-12-2021	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	10
1960	Pharmachemie B.V	Swensweg 5, Haarlem, 2031GA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (kim tế bào): Thuốc đông khô, thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (kim tế bào): Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bột khô hít - dry powder inhalation)	EU-GMP	NL/H 21/2031762 A	07-10-2021	09-09-2024	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Products, Netherlands	22
NL-008 » Astellas Pharma Europe B.V. » Hogemaat 2, MEPPEL, 7942 JG, Netherlands									
843	Astellas Pharma Europe B.V.	Hogemaat 2, MEPPEL, 7942 JG, Netherlands Cách ghi khác: Hogemaat 2, 7942 JG, Meppel, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh nhóm Penicillin); viên nén bao phim phóng thích chậm, viên nén phóng thích kéo dài; thuốc bột và thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh nhóm Penicillin); viên nén bao phim phóng thích chậm, viên nén phóng thích kéo dài; thuốc bột. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NL/H 18/2008094	22-11-2018	31-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate, Pharmaceutical Affairs, Netherlands	11
NL-009 » Patheon Softgels B.V » De Posthoornstraat 7, Tilburg, 5048AS, Netherlands									
1214	Patheon Softgels B.V	De Posthoornstraat 7, Tilburg, 5048AS, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm	EU-GMP	NL/H 19/2012371	19-12-2019	09-10-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	14
NL-010 » Synergy Health Ede B.V. » Soeverinstraat 2, Etten-leur, 4879NN, Netherlands									
1319	Synergy Health Ede B.V.	Soeverinstraat 2, Etten-leur, 4879NN, Netherlands (Cách viết khác: Soeverinstraat 2, 4879NN, Etten-leur, Netherlands)	* Tiết trùng hoạt chất/tá dược/thành phẩm: Chiếu xạ Gamma.	EU-GMP	NL/V 17/0010	23-05-2017	31-12-2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	15
NL-011 » AbbVie Logistics B.V. » Zuiderzeelaan 53, Zwolle, 8017JV, Netherlands									
1320	AbbVie Logistics B.V.	Zuiderzeelaan 53, Zwolle, 8017JV, Netherlands (hoặc Zuiderzeelaan 53, 8017 JV Zwolle, Netherlands).	* Xuất xưởng: - Thuốc vô trùng và không vô trùng. - Thuốc công nghệ sinh học; Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật;	EU-GMP	NL/H 16/1008041 V2	03-02-2020	31-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	15
NL-012 » Curium Netherlands B.V. » Westerduinweg 3, PETTEN, 1755LE, Netherlands									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1753	Curium Netherlands B.V.	Westerduinweg 3, PETTEN, 1755LE, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc phóng xạ); Radionuclide generator; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ); * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (thuốc phóng xạ); Radionuclide generator; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (thuốc phóng xạ); Radionuclide generator; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học (Thử Endotoxine). (Xuất xưởng song song (Parametric release) áp dụng cho các sản phẩm: - MIBG (I-123) Injection, solution for injection 74 MBq/ml, - DRN 5379 - Sodium Iodide (I-123) Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 5375 - Gallium (Ga-67) Citrate Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 3103 - Thallous (Tl-201) chloride Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 8103 - Indium (In-111) chloride, radiopharmaceutical solution 370 MBq/ml, - DRN 4901 - Indium (In-111) Oxinate, radiopharmaceutical solution 37 MBq/ml, - DRN 4908 - Indium (In-111) DTPA Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 4916 - Indium (In-111) Chloride, radiopharmaceutical solution 122 MBq, - DRN 4920 - Hippuran (I-123) Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 5376)	EU-GMP	NL/H 20/2016374	12-03-2020	31-12-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	19
1754	Curium Netherlands B.V.	Westerduinweg 3, PETTEN, 1755LE, Netherlands	* Sản xuất API: + Gallium Chloride (Ga67) - dung dịch bán thành phẩm, + Molybdeen (Mo99) trong NaOH, + Indium (111 In) Chloride - dung dịch, + Thallous (Tl201) Chloride - dung dịch bán thành phẩm, + Sodium Iodide (123 I), + Rubidium-81 (81Rb), + Xenon (133 Xe)	EU-GMP	NL/API 20/2016374	17-01-2020	16-01-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	19
NO-001 » Fresenius Kabi Norge AS » Svinesundsveien 80 and Svinesundsveien 336, Halden, NO-1788, Norway									
1141	Fresenius Kabi Norge AS	Svinesundsveien 80 and Svinesundsveien 336, Halden, NO-1788, Norway	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng. (Kho bảo quản thành phẩm tại Svinesundsveien 336, các hoạt động khác tại Svinesundsveien 80)	EU-GMP	19/15509-4	21-01-2020	31-12-2023	Norwegian Medicines Agency (NOMA)	13
NO-003 » GE Healthcare AS - Oslo Plant » Nycoveien 1, OSLO, NO-0485, Norway									
1657	GE Healthcare AS - Oslo Plant	Nycoveien 1, OSLO, NO-0485, Norway	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	19/18004-6	19-12-2019	05-12-2022	Norwegian Medicines Agency (NOMA)	18
2194	GE Healthcare AS - Oslo Plant	Nycoveien 1, OSLO, NO-0485, Norway	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng; Không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	21/07443-11	02-07-2021	29-04-2024	Norwegian Medicines Agency (NOMA)	25
NZ-001 » Douglas Manufacturing Ltd » Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610, New Zealand									
673	Douglas Manufacturing Ltd	Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610, New Zealand	* Thuốc chứa kháng sinh (không bao gồm nhóm penicillin và cephalosporin): Thuốc kem; viên nang cứng; dung dịch; viên nén. * Thuốc chứa hormon và steroid: Thuốc kem; viên nang mềm; kem dưỡng; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Các chế phẩm (không bao gồm vitamin) có liều nhỏ hơn hoặc bằng 5mg: Viên nang cứng; viên nang mềm; Elixir; Siro ho; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Thuốc chống ung thư, thuốc ức chế miễn dịch (không bao gồm steroid): Viên nang mềm; viên nén. * Thuốc khác: Thuốc kem; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống nhỏ giọt; Elixir; Gel; siro ho; kem dưỡng; thuốc mỡ; thuốc bột; dầu gội; dung dịch; hỗn dịch; siro; viên nén. * Đóng gói thành phẩm viên nang mềm	PIC/S-GMP	TT60-42-16-3-3	21-02-2020	21-08-2021	Medicines and Medical Devices Safety Authority (Medsafe), New Zealand	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1961	Douglas Manufacturing Ltd	Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610, New Zealand	* Thuốc chứa kháng sinh (không bao gồm nhóm penicillin và cephalosporin): Thuốc kem; viên nang cứng; dung dịch; viên nén. * Thuốc chứa hormon và steroid: Thuốc kem; viên nang mềm; lotion; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Các chế phẩm (không bao gồm vitamin) có liều nhỏ hơn hoặc bằng 5mg: Viên nang cứng; viên nang mềm; Elixir; Siro ho; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Thuốc chống ung thư, thuốc ức chế miễn dịch (không bao gồm steroid): Viên nang mềm; viên nén. * Thuốc khác: Thuốc kem; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống nhỏ giọt; Elixir; Gel; siro ho; lotion; thuốc mỡ; thuốc bột; dầu gội; dung dịch; hỗn dịch; siro; viên nén.	PIC/S-GMP	TT60-42-16-3-3	01-12-2021	01-06-2023	Medicines and Medical Devices Safety Authority (Medsafe), New Zealand	22
PH-001 » Amherst Laboratories, Inc. » UNILAB Pharma Campus, Barangay. Mamplasan, Biñan, Laguna, Philippines									
1321	Amherst Laboratories, Inc.	UNILAB Pharma Campus, Barangay, Mamplasan, Biñan, Laguna, Philippines	Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm β-Lactam: Viên nang; Thuốc kem, thuốc mỡ; Bột pha hỗn dịch; Viên nén, viên nén bao; Siro; Hỗn dịch; Thuốc đặt.	PIC/S-GMP	DM-2019-08	05-02-2019	08-03-2022	Philippines Food and Drug Administration	15
PK-002 » Medcraft Pharmaceuticals (Pvt) Ltd » 126-B, Industrial Estate Havatabad, Peshawar, Pakistan									
1215	M/s Medcraft Pharmaceuticals (Pvt) Ltd	126-B, Industrial Estate Hayatabad, Peshawar, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: Viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc kháng khuẩn, thuốc chống nấm, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần); viên nang cứng (bao gồm cả thuốc kháng khuẩn, thuốc chống nấm, thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); bột pha hỗn dịch uống (bao gồm cả thuốc kháng khuẩn, thuốc chống nấm); thuốc siro dạng lỏng.	WHO-GMP	F11-23/2019-DRAP-61	30-09-2019	20-03-2022	Drug Regulatory Authority of Pakistan (Peshawar) Ministry of National Health Services, Regulations & Coordination	14
2092	M/s Medcraft Pharmaceuticals, (Pvt) Ltd	126-B, Industrial Estate, Hayatabad, Peshawar, Khyber Pakhtunkhwa, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); bột pha hỗn dịch uống (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); thuốc siro dạng lỏng. * Thuốc vô trùng: dung dịch tiêm/tiêm truyền thể tích nhỏ; thuốc tiêm (bao gồm cả thuốc hướng thần); thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin)	WHO-GMP	F11-23/2022-DRAP-43	13-05-2022	10-05-2025	Drug Regulatory Authority of Pakistan (Peshawar) Ministry of National Health Services, Regulations & Coordination	24
PK-003 » Getz Pharma Pvt. Ltd. » Plot 29-30, Sector 27, Korangi Industrial Area, 74900 Karachi, Pakistan									
417	Getz Pharma Pvt. Ltd.	Plot 29-30, Sector 27, Korangi Industrial Area, 74900 Karachi, Pakistan	* Viên nén (Các giai đoạn: trộn, sấy khô, sát hạt, dập viên, bao, ép vi, đóng gói); * Viên nang cứng (Các giai đoạn: trộn, sấy khô, sát hạt, đóng nang, đóng gói); * Bột khô pha hỗn dịch (Các giai đoạn: trộn, sát hạt, đóng lọ, đóng gói); * Bột khô pha tiêm (Các giai đoạn: đóng lọ, đóng gói); * Thuốc gói (Các giai đoạn: trộn, sát hạt, ép gói, đóng gói); * Thuốc tiêm dạng lỏng (Các giai đoạn: Pha chế, lọc, đóng lọ, tiệt trùng, đóng gói); * Thuốc tiêm dạng lỏng chứa Insulin (Các giai đoạn: Pha chế, đóng lọ, đóng gói); * Thuốc bột pha hỗn dịch (Các giai đoạn: trộn, sấy khô, sát hạt, đóng lọ, đóng gói);	WHO-GMP	04/2019-DRAP (K)	24-01-2019	07-01-2022	Drug Regulatory Authority of Pakistan	8
PK-004 » Genome Pharmaceutical (Pvt) Ltd » Plot No. 16/1, Phase-IV, Industrial Estate, Hattar, Haripur, (KPK), Pakistan									
2038	Genome Pharmaceuticals (Pvt) Ltd	Plot No. 16/1, Phase-IV, Industrial Estate, Hattar, Haripur, (KPK), Pakistan	* Viên nén (thông thường; kháng sinh); * Viên nang (thông thường; kháng sinh nhóm Cephalosporin); * Thuốc bột pha hỗn dịch (thông thường; kháng sinh nhóm Cephalosporin) * Thuốc bột (thông thường).	Pakistan-GMP	F.11/34/2021-DRAP-47	16-06-2021	02-04-2023	Drug Regulatory Authority of Pakistan (Peshawar)	23
PK-005 » CCL Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd » 62-Industrial Estate, Kot Lakhpat, Lahore, Pakistan									
1322	CCL Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd	62-Industrial Estate, Kot Lakhpat, Lahore, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; si rô; thuốc bột pha hỗn dịch; * Thuốc vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	WHO-GMP	118/2019-DRAP (AD-789112-762)	13-05-2019	30-04-2022	Drug Regulatory Authority of Pakistan	15
PK-006 » Atco Laboratories Limited » B-18, S.I.T.E Karachi, Pakistan									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1545	Atco Laboratories Limited	B-18, S.I.T.E Karachi, Pakistan (Cách ghi khác: B-18, S.I.T.E, Karachi-75700, Pakistan)	* Thuốc vô trùng: Thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: Thuốc xổ (Enema).	WHO-GMP	No. 160/2020-DRAP (K)	24-12-2020	06-11-2023	Drug Regulatory Authority of Pakistan	17
PK-007 » Glitz Pharmaceuticals » Plot No. 265, Industrial Triangle Kahuta Road, Islamabad-Pakistan									
2195	M/s Glitz Pharma	Plot No. 265, Industrial Triangle Kahuta Road, Islamabad-Pakistan	* Viên nén; viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins); siro thuốc; hỗn dịch thuốc; thuốc bột khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin); Thuốc bột pha tiêm chứa cephalosporin; thuốc kem, mỡ, lotion, gel; thuốc dùng ngoài (Pyodine Iodine).	Pakistan - GMP	F. 3-21/2019-Addl. Dir. (QA<-I)-30	15-10-2021	16-06-2024	Drug Regulatory Authority of Pakistan	25
PK-010 » The Searle Company Limited » F-319, S.I.T.E Karachi, Pakistan									
1546	The Searle Company Limited	F-319, S.I.T.E Karachi, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang; Thuốc uống dạng lỏng (Siro); Thuốc bột khô (gói); Dung dịch (ORS-Oral rehydration salts).	WHO-GMP	No.147/2019-DRAP (K)	24-07-2019	11-07-2022	Drug Regulatory Authority of Pakistan	17
PK-011 » Nabilqasim Industries (Pvt.) Ltd » 17/24, Korangi Industrial Area, Karachi, Pakistan									
2039	M/s. Nabilqasim Industries (Pvt.) Ltd	17/24, Korangi Industrial Area, Karachi, Pakistan	* Viên nén (non-betalactam); Viên nang (non-betalactam và cephalosporin); thuốc bột pha hỗn dịch (kháng sinh non-betalactam và cephalosporin), siro (không kháng sinh và kháng sinh); kem/mỡ/lotion (không kháng sinh, kháng sinh và steroids); liquid enema, sachet; gel và viên nén (hóc môn).	Pakistan-GMP	222/2019-DRAP (K)	05-09-2019	23-07-2022	Drug Regulatory Authority of Pakistan	23
PK-012 » GlaxoSmithKline Consumer Health Care Pakistan Limited » Petaro Road, Jamshoro, Pakistan									
1892	GlaxoSmithKline Consumer Health Care Pakistan Limited	Petaro Road, Jamshoro, Pakistan	* Pha chế, sản xuất, đóng gói: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén sủi bọt, viên nang cứng, thuốc bột (kháng sinh) pha hỗn dịch, thuốc kem, thuốc gel, thuốc uống dạng lỏng (sirô, dung dịch, hỗn dịch).	Pakistan-GMP	0043-19-DRAP (K)	09-05-2019	28-11-2021	Drug Regulatory Authority of Pakistan (Karachi)	21
PL-001 » Aflofarm Farmacja Polska Sp.z o.o » Ul. Krzywa 2, 95-030 Rzgów, Poland									
55	Aflofarm Farmacja Polska Sp.z o.o	Ul. Krzywa 2, 95-030 Rzgów, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IWPS.405.13.2018.ER.1 WTC/0108_01_01/297	05-12-2018	14-09-2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	4
1547	Aflofarm Farmacja Polska Sp.z o.o	ul. Krzywa 2, 95-030 Rzgów, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao). + Đóng gói thứ cấp. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính cao).	EU-GMP	IWSF.405.3.2021.AF.3 WTC/0108_01_01/38	23-04-2021	28-01-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	17
PL-002 » Nobilus Ent, Tomasz Kozluk » ul. Zegrzynska 22A, 05-110 Jablonna, Poland									
59	Nobilus Ent, Tomasz Kozluk (tên cũ: Nobilus Ent)	ul. Zegrzynska 22A, 05-110 Jablonna, Poland (cách viết khác: Zegrzynska 22A, 05-110 Jablonna, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa Imatinib; dung dịch dùng ngoài; thuốc bán rắn.	EU-GMP	IWPS.405.2.2018.ER.1 WTC/0167_01_01/251	15-11-2018	31-12-2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	5
1827	Nobilus Ent, Tomasz Kozluk (cách viết khác: Nobilus Ent)	ul. Zegrzynska 22A, 05-110 Jablonna, Poland (cách viết khác: Zegrzynska 22A, 05-110 Jablonna, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa Imatinib 100, 400mg; dung dịch dùng ngoài; thuốc bán rắn.	EU-GMP	IWSF.405.83.2021.IP.1 WTC/0167_01_01/209	27-08-2021	11-06-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	20

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
PL-003 » Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (hoặc Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna) » 2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland									
224	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (Sản xuất tại tòa nhà p15)	EU-GMP	IWPS.405.81.2019.KK.1 WTC/0196_02_02/181	21-08-2019	31-12-2022	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6
225	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh Penicillin): viên nang cứng; cốm pha hỗn dịch uống; bột pha hỗn dịch uống; viên nén.	EU-GMP	IWZJ.405.29.2018.MG.1 WTC/0196_02_06/58	14-03-2018	09-11-2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6
226	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học (thuốc Insulin) (Sản xuất tại tòa nhà D-31)	EU-GMP	IWPS.405.87.2019.KK.1 WTC/0196_02_03/208	16-09-2019	31-12-2023	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6
227	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế rắn và cấy ghép (bao gồm cả kháng sinh Penicillin)	EU-GMP	IWZJ.405.108.2018.ER.1 WTC/0196_02_05/201	03-09-2018	06-06-2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6
228	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	Đóng gói thứ cấp, kiểm nghiệm	EU-GMP	IWZJ.405.16.2019.KKW.1 WTC/0196_02_07/29	14-02-2019	20-11-2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1658	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (* Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh Penicillin): + Viên nang cứng; cốm pha hỗn dịch uống; bột pha hỗn dịch uống; viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh Penicillin): Viên nang cứng; cốm pha hỗn dịch uống; bột pha hỗn dịch uống; viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	IWSF.405.64 .2021.IP.1 WTC/0196_02_06/184	20-07-2021	14-05-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	18
1659	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (* Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế rắn và cấy ghép: thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả kháng sinh nhóm Penicillin). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWSF.405.4. 2021.IP.1 WTC/0196_02_05/52	10-03-2021	11-12-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	18
2196	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (sản xuất tại toàn nhà P15) * Xuất xưởng lô; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: vi sinh vô trùng; hóa học/vật lý; Sinh học.	EU-GMP	IWSF.405.43 .2021.IP.1 WTC/0196_02_02/79	13-04-2022	14-01-2025	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	25
PL-004 » Lek S.A » ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland									
229	Lek S.A	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland (cách ghi khác: 16 Podlipie street, 95-010 Stryków, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IWZJ.405.43. 2018.MG.2 WTC/0095_04_01/77	10-04-2018	31-12-2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6
1548	Lek S.A	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland (cách ghi khác: 16 Podlipie street, 95-010 Stryków, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IWP.N.405.8. 2021.KL.1W TC/0095_04_01/46	01-03-2021	08-12-2023	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	17
PL-005 » GlaxoSmithKline Pharmaceuticals S.A » ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznan, Poland									
230	Glaxosmithkline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznan, Poland (cách viết khác: Grunwaldzka 189 Street, 60-322 Poznan, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	IWPS.405.89 .2019.KK.1 WTC/0092_01_01/213	06-09-2019	31-12-2022	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	6
848	Glaxosmithkline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznan, Poland (cách viết khác: Grunwaldzka 189 Street, 60-322 Poznan, Poland)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt tính mạnh/độc tính cao/nhạy cảm/chất dễ cháy/gây kích ứng): Viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bán rắn.	EU-GMP	IWPS.405.44 .2019.KKW.1 WTC/0092_01_03/81	30-04-2019	01-03-2022	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2093	Glaxosmithkline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznan, Poland (cách viết khác: Grunwaldzka 189 Street, 60-322 Poznan, Poland)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt tính mạnh/độc tính cao/nhạy cảm/chất dễ cháy/gây kích ứng): Viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bán rắn.	EU-GMP	IWSF.405.29 .2022.IP.1 WTC/0092_01_03/43	10-02-2021	18-11-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	24
PL-006 » Lek S.A » ul. Domaniewska 50c, 02-672 Warszawa, Poland									
231	Lek S.A	ul. Domaniewska 50c, 02-672 Warszawa, Poland	* Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang mềm, viên nang cứng * Đóng gói thứ cấp * Chứng nhận lô (batch certification): thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: hóa, lý	EU-GMP	IWPS.405.4. 2019.ER.1W TC/0095_01_01/7	07-01-2019	31-12-2021	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	6
2197	Lek S.A	ul. Domaniewska 50c, 02-672 Warszawa, Poland	* Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang mềm, viên nang cứng * Đóng gói cấp 2 * Chứng nhận lô (batch certification): thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: hóa, lý	EU-GMP	IWPS.405.63 .2021.IP.1W TC/0095_01_01/180	15-07-2021	26-04-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	25
PL-007 » Adamed Pharma S.A » Pienkow, ul. Mariana Adamkiewiczza 6A, 05-152 Czosnow, Poland									
232	Adamed Pharma S.A	ul. Marszałka Jozefa Pilsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào), Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormone và steroid), Thuốc lỏng dùng ngoài, Thuốc lỏng uống, Thuốc bột.	EU-GMP	IWPS.405.7. 2019.KKW.1 WTC/0039_01_01/14	26-02-2019	31-12-2021	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	6
1660	Adamed Pharma S.A	ul. Marszałka Jozefa Pilsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào), Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormone và steroid), Thuốc lỏng dùng ngoài, Thuốc lỏng uống, Thuốc bột.	EU-GMP	IWSF.405.18 .2021.IP.1 WTC/0039_01_01/74	09-04-2021	26-01-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	18
PL-008 » Polfarmex S.A. » 9, Józefów Str., 99-300 Kutno, Poland									
233	Polfarmex S.A.	9, Józefów Str., 99-300 Kutno, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Thuốc bột để hít; Viên nén, viên nén bao phim; viên nén bao phim giải phóng kéo dài và viên nén giải phóng chậm (bao gồm cả thuốc chứa các chất có độc tính cao); Hỗn dịch thuốc (bao gồm cả thuốc chứa hormone steroid tổng hợp). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Thuốc từ dược liệu * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Thuốc bột để hít; Viên nén, viên nén bao phim; viên nén bao phim giải phóng kéo dài và viên nén giải phóng chậm (bao gồm cả thuốc chứa các chất có độc tính cao); Hỗn dịch thuốc (bao gồm cả thuốc chứa hormone steroid tổng hợp). + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWPS.405.84 .2019.KK.1 WTC/0020_01_01/197	27-08-2019	31-12-2022	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	6
PL-009 » Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spółka Akcyjna (hoặc Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.) » ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warszawa, Poland									
234	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spółka Akcyjna)	ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warszawa, Poland (Cách ghi địa chỉ tiếng anh: Karolkowa 22/24, 01-207 Warsaw, Poland)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc nhỏ mũi); thuốc bán rắn; dung dịch thực trực tràng.	EU-GMP	IWZJ.405.4.2 018.MG.1 WTC/0102_02_02/8	09-01-2018	12-10-2020	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
501	Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spółka Akcyjna (* Tên tiếng Anh: Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.)	ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warszawa, Poland (Cách ghi địa chỉ tiếng anh: Karolkowa 22/24, 01-207 Warsaw, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	IWZJ.405.10 9.2018.ER.1 WTC/0102_02_01/202	03-09-2018	08-06-2021	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	9
1422	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (* Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spolka Akcyjna)	ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warszawa, Poland (* Cách ghi địa chỉ tiếng anh: Karolkowa 22/24, 01-207 Warsaw, Poland)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc nhỏ mũi); thuốc bán rắn.	EU-GMP	IWSC.405.20 .2020.E.1 WTC/0102_02_02/126	29-12-2020	05-10-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	16
1423	Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spółka Akcyjna (* Tên tiếng Anh: Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.)	ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warszawa, Poland (* Cách ghi địa chỉ tiếng anh: Karolkowa 22/24, 01-207 Warsaw, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	IWPS.405.11 6.2019.KK.1 WTC/0102_02_01/278	20-12-2019	04-10-2022	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	16
PL-010 » Zakład Farmaceutyczny Adamed Pharma S.A (hoặc Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company) » 33, Szkolna Str., 95-054 Ksawerow, Poland									
310	Adamed Pharma S.A.	ul. Szkolna 33, 95-054 Ksawerow, Poland (cách viết khác: 95-054 Ksawerow, Szkolna St. 33- Poland).	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	IWZJ.405.11 5.2018.ER.1 WTC/0258_01_01/224	21-09-2018	10-08-2021	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	7
1755	Adamed Pharma S.A.	ul. Szkolna 33, 95-054 Ksawerow, Poland (cách viết khác: 95-054 Ksawerow, Szkolna St. 33- Poland).	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWSF.405.76 .2021.IP.1 WTC/0258_01_01/200	18-08-2021	20-05-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	19
PL-011 » Narodowe Centrum Badan Jadrowych » ul. Andrzeja Soltana 7, 05-400 Otwock, Poland									
311	Narodowe Centrum Badan Jadrowych	ul. Andrzeja Soltana 7, 05-400 Otwock, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa thuốc phóng xạ). * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (chứa thuốc phóng xạ).	EU-GMP	IWPS.405.72 .2019.KK.1 WTC/0348_01_01/163	02-08-2019	31-12-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	7
312	Narodowe Centrum Badan Jadrowych	ul. Andrzeja Soltana 7, 05-400 Otwock, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Bình phát hạt nhân phóng xạ (radionuclide generators).	EU-GMP	IWPS.405.93 .2019.ABU.1 WTC/0348_01_01/219	25-09-2019	27-06-2022	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	7

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2040	Narodowe Centrum Badan Jadrowych	ul. Andrzeja Soltana 7, 05-400 Otwock, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa thuốc phóng xạ); Bình phát hạt nhân phóng xạ (radionuclide generators). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học	EU-GMP	IWSF.405.38 .2022.IP.1 WTC0348_01_01/59	17-03-2022	16-12-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	23
PL-012 » Pharmaceutical Works Polpharma S.A » Duchnice, 28/30 Ozarowska Str., 05-850 Ozarow Mazowiecki, Poland									
429	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (cách viết khác: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	Duchnice, ul. Ozarowska 28/30, Ozarów Mazowiecki, 05-850, Poland (cách viết khác: Duchnice, 28/30 Ozarowska Str., 05-850 Ozarow Mazowiecki, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm cephalosporin. + Xuất xưởng. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh vô trùng + Vi sinh không vô trùng + Hoá học/vật lý + Sinh học	EU-GMP	IWPS.405.12 3.2021.IP.1 WTC/0105_01_03/318	25-11-2021	01-10-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	8
430	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (cách viết khác: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	Duchnice, ul. Ozarowska 28/30, Ozarów Mazowiecki, 05-850, Poland (cách viết khác: Duchnice, 28/30 Ozarowska Str., 05-850 Ozarow Mazowiecki, Poland)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén; viên nén bao phim chứa kháng sinh nhóm cephalosporin. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nén; viên nén bao phim chứa kháng sinh nhóm cephalosporin. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	GIF-IW-400/0105_01_01/04/209/17	05-09-2017	23-06-2020	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	8
1424	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (* Cách viết khác: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	Duchnice, ul. Ozarowska 28/30, Ozarów Mazowiecki, 05-850, Poland (* Cách viết khác: Duchnice, 28/30 Ozarowska Str., 05-850 Ozarow Mazowiecki, Poland)	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim chứa kháng sinh nhóm cephalosporin. * Đóng gói: viên nén; viên nén bao phim chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.	EU-GMP	IWSC.405.27 .2020.I.J.1 WTC/0105_01-01/152	14-12-2020	18-09-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	16
PL-013 » BIOFARM Sp. z o.o. » BIOFARM Sp. z o.o. ul. Walbrzyska 13, 60-198 Poznan, Poland									
425	BIOFARM Sp. z o.o.	BIOFARM Sp. z o.o. ul. Walbrzyska 13, 60-198 Poznan, POLAND	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm * Thuốc được liệu.	EU-GMP	IWZJ.405.14. 2017.MG.2 WTC/0060_01_02/246	08-12-2017	31-12-2021	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	8
1425	BIOFARM Sp. z o.o.	BIOFARM Sp. z o.o. ul. Walbrzyska 13, 60-198 Poznan, POLAND	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốm. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	IWPN.405.4. 2021.ASI.1 WTC/0060_01_01/28	10-02-2021	27-11-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	16
PL-014 » Medana Pharma Spolka Akcyjna » 57, Polskiej Organizacji Wojskowej, 98-200 Sieradz, Poland									
844	Medana Pharma Spolka Akcyjna	UL. POLSKOJEJ ORGANIZACJI WOJSKOWEJ 57, 98-200 SIERADZ, POLAND	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang mềm; + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: dung dịch; thuốc nhỏ giọt; hỗn dịch; + Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc độc tính cao; thuốc chứa hoạt chất hướng thần; thuốc chứa hoạt chất nhạy cảm): dung dịch; thuốc nhỏ giọt; hỗn dịch; + Thuốc bán rắn (bao gồm cả thuốc độc tính cao): gel; nhũ dịch; + Dung dịch thực trực tràng (bao gồm cả thuốc chứa chất hướng thần). * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; dung dịch thực trực tràng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWPS.405.10 9.2019.KK.3 WTC/0037_03_01/256	21-11-2019	30-08-2020	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1426	Medana Pharma Spolka Akcyjna	UL. POLSKOJ ORGANIZACJI WOJSKOWEJ 57, 98-200 SIERADZ, POLAND	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang mềm; + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: dung dịch; thuốc nhỏ giọt; hỗn dịch; + Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc độc tính cao; thuốc chứa hoạt chất hướng thần; thuốc chứa hoạt chất nhạy cảm): dung dịch; thuốc nhỏ giọt; hỗn dịch; + Thuốc bán rắn (bao gồm cả thuốc độc tính cao): gel; nhũ dịch; + Dung dịch thực trực tràng (bao gồm cả thuốc chứa chất hướng thần). * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; dung dịch thực trực tràng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWSC.405.3.2021.Pfa.5 WTC/0037_03_01/11	13-01-2021	06-11-2023	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	16
PL-015 » Medana Pharma Spolka Akcyjna » 98-200 Sieradz, Wladyslawa Lokietka 10, Poland									
845	Medana Pharma Spolka Akcyjna	UL. WLADYSLAWA LOKIETKA 10, 98-200 SIERADZ, POLAND	Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	EU-GMP	IWPS.405.10 9.2019.KK.2 WTC/0037_02_01/255	03-12-2019	30-08-2020	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	11
1427	Medana Pharma Spolka Akcyjna	UL. WLADYSLAWA LOKIETKA 10, 98-200 SIERADZ, POLAND	Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	EU-GMP	IWSC.405.3.2021.Pfa.5 WTC/0037_02_01/9	13-01-2021	06-11-2023	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	16
PL-016 » Bioton S.A. » Macierzysz, ul. Poznańska 12, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland									
447	Bioton S.A.	Macierzysz, ul. Poznańska 12, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	IWPS.405.19 .2018.ER.1 WTC/0026_01_05/312	02-01-2019	04-10-2021	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	9
1756	Bioton S.A.	Macierzysz, ul. Poznańska 12, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lỗ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học. + Xuất xưởng lỗ sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWSF.405.47 .2021.IP.1 WTC/0026_01_05/149	15-06-2021	19-03-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	19
PL-017 » Pharmaceutical Works Polpharma S.A. (Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A.) » 19 Pelplinska Street (hoặc ul. Pelplinska 19), 83-200 Starogard Gdanski, Poland									
545	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Tên tiếng anh: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland (Cách ghi tiếng anh: 19 Pelplinska Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IWZJ.405.24.2018.MG.1. WTC/0105_02_04/39	01-03-2018	06-12-2020	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	9
846	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Tên tiếng anh: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland (Cách ghi tiếng anh: 19 Pelplinska Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IWSF.405.55 .2020.KK.1 WTC/0105_02_04/116	02-07-2020	31-12-2022	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1142	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. (Tên tiếng anh: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland (Cách ghi tiếng anh: 19 Pelplinska Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc cốm; thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén; viên nén bao phim	EU-GMP	IWSF.405.88.2019.KK.2 WTC/0105_02_03/210	03-09-2019	27-06-2022	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	13
1893	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. (Tên tiếng anh: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland (Cách ghi tiếng anh: 19 Pelplinska Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa dược chất nhạy cảm cao): dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc chứa dược chất có độc tính mạnh và chất có nguy cơ gây quái thai): dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IWSF.405.17.2022.IP.1 WTC/0105_02_04/31	24-02-2022	29-04-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	21
2198	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. (Tên tiếng anh: Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland (Cách ghi tiếng anh: 19 Pelplinska Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc cốm; thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén, viên nén bao phim (sản xuất và đóng gói liên quan đến nguyên liệu nhạy cảm cao, độc tính mạnh, nguy cơ gây quái thai) + Chứng nhận lô * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc cốm; thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén; + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	IWSF.405.10.3.2022.IP.1 WTC/0105_02_03/239	05-09-2022	10-06-2025	Chief Pharmaceutical Inspectorate (CPI), Poland	25
PL-020 » Gedeon Richter Polska Sp. Zo.o. » ul. Graniczna 35, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland									
847	Gedeon Richter Polska Sp. Zo.o.	ul. Graniczna 35, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland (* Cách ghi khác: 35 Graniczna Str., 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc cốm; viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc cốm; viên nén * Đóng gói thứ cấp. * Không bao gồm hoạt động kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IWPS.405.36.2019.KKW.2 WTC/0031_03_01/68	12-04-2019	17-01-2022	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	11
1962	Gedeon Richter Polska Sp. Zo.o.	ul. Graniczna 35, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland (* Cách ghi khác: 35 Graniczna Str., 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc cốm; viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc cốm; viên nén * Đóng gói thứ cấp. * Không bao gồm hoạt động kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IWPS.405.15.2022.IP.1 WTC/0031_03_01/20	20-01-2022	29-10-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	22
PL-022 » Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o. » ul. Podstoczysko 30, 07-300 Ostrów Mazowiecka, Poland									
1014	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o.	ul. Podstoczysko 30, 07-300 Ostrów Mazowiecka, Poland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột sủi; Thuốc bột pha dung dịch uống; Viên nén, viên nén sủi. * Thuốc được liệu: Viên nang cứng.	EU-GMP	IWZJ.405.17.2018.MG.1 WTC/0291_01_01/27	21-02-2018	30-11-2020	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	12
1549	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o.	ul. Podstoczysko 30, 07-300 Ostrów Mazowiecka, Poland (Cách ghi khác: 07-300 Ostrów Mazowiecka, ul. Podstoczysko 30, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột sủi; Thuốc bột pha dung dịch uống; Viên nén, viên nén sủi. * Thuốc được liệu: Viên nang cứng.	EU-GMP	IWP.N.405.1.2021.BBe.1.1 WTZ/WTJ_0291_01_01/6	08-06-2021	22-10-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	17
PL-023 » Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy "GALENA" » ul. Dozynkowa 10, 52-311 Wrocław, Poland									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1661	Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy "GALENA"	ul. Dozynkowa 10, 52-311 Wrocław, Poland	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén. + Xuất xưởng. * Thuốc được liệu. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IWZJ.405.10 4.2018.ER.1 WTC/0047_ 02_01/194	10-08-2018	08-06-2021	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	18
PL-024 » Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy "GALENA" » ul. Krucza 62, 53-411 Wrocław, Poland									
1216	Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy "GALENA"	ul . Krucza 62, 53-411 Wrocław, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (siro; dung dịch uống); viên nén. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng (siro; dung dịch uống); viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IWPS.405.10 8.2019.KK.1 WTC/0047_ 01_01/252	08-11-2019	05-09-2022	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	14
PL-025 » Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o » 133/151 Partyzancka Street, 95-200 Pabianice, Poland									
1323	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o	133/151 Partyzancka Street, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc kem; thuốc mỡ; gel; thuốc bột. * Thuốc từ được liệu.	EU-GMP	IWZJ.405.68. 2018.MG.1 WTC/0108_ 03_01/138	07-06-2018	31-12-2021	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	15
1324	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o	ul. Szkolna 31, 95-054 Ksawerów, Poland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc bột, thuốc đặt, viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc từ được liệu. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Đóng gói + Đóng gói sơ cấp: các dạng bào chế trên + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa Kiểm Kí/ủ cấp thuốc không vô trùng	EU-GMP	IWPN.405.2. 2020.DC.1 WTC/0108_ 02_01/137	04-12-2020	11-09-2023	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	15
1828	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o	ul. Partyzancka 133/151, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc kem; thuốc mỡ; gel; thuốc bột. * Thuốc từ được liệu. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa Kiểm Kí/ủ cấp thuốc	EU-GMP	IWSP.405.72 .2021.IP.1 WTC/0108_ 03_01/194	11-08-2021	21-05-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	20
PL-026 » Celon Pharma S.A » ul. Mokra 41A, 05-092 Lomianki/Kielpin, Poland									
1662	Celon Pharma S.A	ul. Mokra 41A, 05-092 Lomianki/Kielpin, Poland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột dạng hít	EU-GMP	IWPS.405.53 .2019.KK.1 WTC/0062_ 01_01/118	07-06-2019	05-03-2022	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	18
2094	Celon Pharma S.A	ul. Mokra 41A, 05-092 Lomianki/Kielpin, Poland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột dạng hít	EU-GMP	IWSF.405.60 .2022.MP.3 WTC/0062_ 01_01/100	17-05-2022	25-02-2025	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	24
PL-027 » Celon Pharma S.A » ul. Marymoncka 15, 05-152 Kazun Nowy, Poland									
1663	Celon Pharma S.A	ul. Marymoncka 15, 05-152 Kazun Nowy, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén	EU-GMP	IWPS.405.53 .2019.KK.2 WTC/0062_ 02_01/119	07-06-2019	05-03-2022	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	18

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2095	Celon Pharma S.A	ul. Marymoncka 15, 05-152 Kazun Nowy, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, Thuốc bột dạng hít	EU-GMP	IWSF.405.60 .2022.MP.1 WTC/0062_02_01/98	17-05-2022	25-02-2025	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland	24
PT-001 » Laboratórios Vitória, S.A » Rua Elias Garcia, n.º 28, Amadora, 2700-327, Portugal									
26	Laboratórios Vitória, S.A	Rua Elias Garcia, n.º 28, Amadora, 2700-327, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên đặt; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm; pessaries.	EU-GMP	F019/S1/MH /001/2017		11-05-2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	2
849	Laboratórios Vitória, S.A	Rua Elias Garcia, n.º 28, Amadora, 2700-327, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên đặt; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc trứng. * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp: Thuốc không vô trùng nêu trên. + Đóng gói sơ cấp.	EU-GMP	F019/S1/MH /001/2020	24-04-2020	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	11
PT-002 » Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A » Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros,3465-157, Portugal									
235	Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros,3465-157, Portugal (Cách ghi khác: Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và nhóm Penicillin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc dùng ngoài; dung dịch thuốc uống; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel); viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F010/S1/MH /002/2017	28-07-2017	14-07-2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	6
850	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros,3465-157, Portugal (Cách ghi khác: Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và nhóm Penicillin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm/ truyền thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc dùng ngoài; dung dịch thuốc uống; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel); viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F010/S1/MH /001/2020	25-06-2020	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	11
2199	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros,3465-157, Portugal (Cách ghi khác: Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và nhóm Penicillin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm/ truyền thể tích lớn; dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc dùng ngoài; dung dịch thuốc uống; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel); viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F010/S1/MH /001/2022	29-11-2022	31-03-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	25
PT-003 » Hikma Farmacêutica (Portugal), S.A. » Estrada do Rio da Mó, n.º 8, 8-A e 8-B - Fervença, Terrugem SNT, 2705-906, Portugal									
236	Hikma Farmacêutica (Portugal), S.A.	Estrada do Rio da Mó, n.º 8, 8-A e 8-B - Fervença, Terrugem SNT, 2705-906, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột (cephalosporin), hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ, hỗn dịch. - Xuất xưởng thuốc viên nén	EU-GMP	F006/S1/MH /001/2018	19-12-2018	02-03-2021	National Authority of Medicines and Health Products, I.P, Portugal	6
PT-004 » Sofarimex - Indústria Química e Farmacêutica, S.A. » Av.das Indústrias - Alto do Colaride, Cacém, 2735-213, Portugal									
237	Sofarimex - Indústria Quísmica e Farmacêutica, S.A.	Av.das Indústrias - Alto do Colaride, Cacém, 2735-213, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bán rắn; Viên nén; viên nén bao phim	EU-GMP	F027/S1/MH /001/2018	13-07-2018	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1829	Sofarimex - Indústria Quísmica e Farmacêutica, S.A.	Av.das Indústrias - Alto do Colaride, Cacém, 2735-213, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bán rắn; Viên nén; viên nén bao phim	EU-GMP	F027/S1/MH /001/2021	30-04-2021	12-02-2024	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	20
1894	Sofarimex - Indústria Quísmica e Farmacêutica, S.A.	Av.das Indústrias - Alto do Colaride, Cacém, 2735-213, Portugal Cách ghi khác: Avenida das Indústrias - Alto do Colaride - Agualva 2735-213 Cacém, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bán rắn; Viên nén; viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc vô trùng, thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bán rắn; Viên nén; viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	F027/S1/MH /001/2021	30-04-2021	12-02-2024	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	21
PT-005 » Laboratorios Atral, S.A. » Rua da Estacao no. 42, Vala do Carregado, Castanheira do Ribatejo, 2600-726, Portugal									
372	Laboratórios Atral, S.A.	Rua da Estação, n.º 42, Vala do Carregado, Castanheira do Ribatejo, 2600-726, Portugal	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Penicillin: Thuốc bột. + Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Thuốc dạng viên nén; Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén; Viên nén bao phim; Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén; Viên nén bao phim	EU-GMP	F015/S1/MH /001/2020	30-03-2020	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products, I.P, Portugal	8
2200	Laboratorios Atral, S.A.	Rua da Estacao, Ns 1 And 1 A, Castanheira do Ribatejo, 2600-726, Portugal (Bồ Đào Nha)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép, thuốc bột chứa kháng sinh nhóm beta-lactam. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Thuốc bột. + Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Viên nang cứng; Viên nang mềm; Viên nén; Viên nén bao phim	EU-GMP	F015/S1/MH /002/2022	31-05-2022	09-03-2024	National Authority of Medicines and Health Products, I.P, Portugal	25
PT-006 » Laboratório Edol- Produtos Farmacêuticos, S.A. » Av. 25 de Abril, No. 6-6A, Linda - a-Velha, 2795-225, Portugal									
1428	Laboratório Edol- Produtos Farmacêuticos, S.A.	Av. 25 de Abril, No. 6-6A, Linda - a-Velha, 2795-225, Portugal	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, mỡ)	EU-GMP	F012/S1/MH /001/2018	05-01-2022	30-06-2022	National Authority of Medicines and Health Product, I, P, Portugal	16
PT-007 » Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A » S. Martinho do Bispo, Coimbra, 3045-016, Portugal									
543	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A	S. Martinho do Bispo, Coimbra, 3045-016, Portugal	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	F001/S1/MH /002/2018	01-08-2018	07-12-2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	9
1143	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A	S. Martinho do Bispo, Coimbra, 3045-016, Portugal	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý	EU-GMP	F001/S1/MH /001/2020	21-08-2020	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	13
PT-008 » Atlantic Pharma - Producoes Farmaceuticas, S.A » Rua da Tapada Grande, no 2, Abrunheira, Sintra, 2710-089, Portugal									
461	Atlantic Pharma - Producoes Farmaceuticas, S.A	Rua da Tapada Grande, no 2, Abrunheira, Sintra, 2710-089, Portugal	* Thuốc vô trùng: chứng nhận lô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	F036/S1/MH /001/2018	26-06-2018	31-12-2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1895	Atlantic Pharma - Producões Farmacêuticas, S.A	Rua da Tapada Grande, no 2, Abrunheira, Sintra, 2710-089, Portugal	* Thuốc vô trùng: chứng nhận lô * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	F036/S1/MH/001/2021	30-08-2021	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	21
PT-009 » Generis Farmacêutica, S.A. » Rua João de Deus, n.º 19, Venda Nova, 2700-487 Amadora, Portugal									
548	Generis Farmacêutica, S.A.	Rua João de Deus, n.º 19, Venda Nova, 2700-487 Amadora, Portugal (Cách viết khác: Rua João de Deus, 19 -2700-487 Amadora, Portugal)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột (bao gồm cả bột pha dung dịch uống); thuốc cốm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột (bao gồm cả bột pha dung dịch uống); thuốc cốm.	EU-GMP	F051/S1/MH/001/2019	18-03-2019	31-12-2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	9
1963	Generis Farmacêutica, S.A.	Rua João de Deus, n.º 19, Venda Nova, 2700-487 Amadora, Portugal (Cách viết khác: Rua João de Deus, 19 - 2700-487 Amadora, Portugal)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột (bao gồm cả bột pha dung dịch uống); thuốc cốm. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột (bao gồm cả bột pha dung dịch uống); thuốc cốm. + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng/ không vô trùng); Hóa học/Vật lý	EU-GMP	F051/S1/MH/001/2021	22-02-2021	31-12-2023	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	22
PT-010 » Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A. » Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, Condeixa-a-Nova, 3150-194, Portugal									
851	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A.	Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, Condeixa-a-Nova, 3150-194, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F005/S1/MH/001/2017	31-10-2017	31-10-2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	11
1964	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A.	Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, Condeixa-a-Nova, 3150-194, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén. + Đóng gói thứ cấp: Transdermal Patches. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý (bao gồm Hormon Testosterone propionate).	EU-GMP	F005/S1/MH/001/2020	13-11-2020	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	22
PT-012 » Iberfar - Indústria Farmacêutica, S.A. » Rua Consiglieri Pedroso, n.º 121 - 123, Queluz de Baixo, Barcarena, 2734-501, Portugal									
1550	Iberfar - Indústria Farmacêutica, S.A.	Rua Consiglieri Pedroso, n.º 121 - 123, Queluz de Baixo, Barcarena, 2734-501, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén; Thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	F008/S1/MH/001/2020	16-07-2020	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products, Portugal	17
PT-013 » Laboratórios Basi - Indústria Farmacêutica, S.A. » Parque Industrial Manuel Lourenço Ferreira, Lotes 15 e 16, Mortágua, 3450-232, Portugal									
1217	Laboratórios Basi - Indústria Farmacêutica, S.A.	Parque Industrial Manuel Lourenço Ferreira, Lotes 8, 15 e 16, Mortágua, 3450-232, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; thuốc không vô trùng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. + Đóng gói thứ cấp: viên nén và viên nang (viên nang cứng, viên nang mềm); sản phẩm vô trùng: thuốc đông khô * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng/ không vô trùng); Hóa học/Vật lý	EU-GMP	F016/S1/MH/001/2020	27-07-2020	31-12-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	14
RO-001 » S.C. Magistra C&C S.R.L. » B-dul Aurel Vlaicu nr. 82A, Constanta, cod 900055, Jud. Constanta, Romania									
2	S.C.Magistra C&C S.R.L	B-dul Aurel Vlaicu nr. 82A, Constanta, cod 900055, Jud. Constanta, Romania	* Dây chuyền SX: Thuốc không vô trùng: viên nén bao phim; viên nén đặt âm đạo; thuốc bán rắn; viên đặt/ viên trứng, viên nén (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroids)	EU-GMP	030/2017/RO	22-05-2017	31-12-2022	NAMMD (National Agency for Medicines and Medical Devices), Rumani	1

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2201	Magistra C&C S.R.L Hoặc: S.C.Magistra C&C S.R.L	B-dul Aurel Vlaicu nr. 82A, Municipiul Constanta, Judetul. Constanta, cod postal 900055, Romania Cách viết khác: B-dul Aurel Vlaicu nr. 82A, Constanta, cod 900055, Jud. Constanta, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nén bao phim; viên nén đặt âm đạo; thuốc bán rắn; viên đặt/ viên trứng, viên nén (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroids) * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên + Đóng gói thứ cấp * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc không vô trùng); Hóa lý/Vật lý	EU-GMP	033/2021/RO	17-11-2021	01-07-2024	NAMMD (National Agency for Medicines and Medical Devices), Rumania	25
RO-002 » S.C. Rompharm Company S.R.L. » Str. Eroilor nr.1A, Oras Otopeni, cod 075100, Jud.Ilfov, Romania									
6	S.C. Rompharm Company S.R.L	Str. Eroilor nr.1A, Oras Otopeni, cod 075100, Jud.Ilfov, Rumania	* Dây chuyền SX: + Thuốc SX vô trùng và tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc vô trùng: Viên nang cứng, thuốc nước dùng ngoài, thuốc nước uống, thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	048/2017/RO	10-10-2017	25-08-2020	NAMMD (National Agency for Medicines and Medical Devices), Rumania	1
852	S.C. Rompharm Company S.R.L	Str. Eroilor nr.1A, Oras Otopeni, cod 075100, Jud.Ilfov, Rumania	* Dây chuyền SX: + Thuốc SX vô trùng và tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc vô trùng: Viên nang cứng, thuốc nước dùng ngoài, thuốc nước uống, thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc Đăng ký: dung dịch tiêm Algesin -N (Kerotolac trometamol 30mg)	EU-GMP	048/2017/RO	10-10-2017	31-12-2022	National Agency for Medicines and Medical Devices from Rumania	11
1896	Rompharm Company S.R.L	Str. Eroilor, nr.1A, Oras Otopeni, Judetul Ilfov,cod postal 075100, Rumania - CLADIRI ROMPHARM 1 SI ROMPHARM 2. Rumania	* Dây chuyền SX: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch nhỏ mắt, hỗn dịch nhỏ mắt; dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch tiêm); + Thuốc vô trùng: Viên nang cứng, thuốc nước dùng ngoài, thuốc nước uống, thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	026/2021/RO	10-05-2021	16-06-2024	National Agency for Medicines and Medical Devices from Rumania	21
RO-003 » S.C. Sindan-Pharma S.R.L » B-dul Ion Mihalache nr.11, sector 1, Bucuresti, cod 011171, Romania									
562	S.C. Sindan-Pharma S.R.L	B-dul Ion Mihalache nr.11, sector 1, Bucuresti, cod 011171, Romania (cách ghi khác: 11th Ion Mihalache blvd., Sector 1, Zip code 011171, Bucharest, Romania)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (độc tế bào/kim tế bào); thuốc lỏng thể tích nhỏ (độc tế bào/kim tế bào, hợp chất chống ung thư). + Thuốc tiệt trùng cuối: thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (độc tế bào/kim tế bào). * Thuốc không vô trùng (độc tế bào/kim tế bào, hợp chất chống ung thư): Viên nang cứng, viên nén, viên bao (bao gồm viên nén bao phim).	EU-GMP	027/2018/RO	23-07-2018	31-12-2022	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	9
RO-004 » Antibiotice SA » Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania									
313	Antibiotice SA (Cách ghi khác: S.C. Antibiotice S.A.)	Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania (Cách ghi khác: Str. Valea Lupului nr. 1, 707410, Iasi, Romania / 1 Valea Lupului Street, zip code 707410, Iasi-Romania)	* Building P11-PP: Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: thuốc bột pha tiêm.	EU-GMP	056/2019/RO	02-12-2019	31-12-2023	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	7
674	Antibiotice SA (Cách ghi khác: S.C. Antibiotice S.A.)	Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania (Cách ghi khác: Str. Valea Lupului nr. 1, 707410, Iasi, Romania / 1 Valea Lupului Street, zip code 707410, Iasi-Romania)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa nhóm kháng sinh Penicillin và nhóm kháng sinh Cephalosporin); viên nén, viên nén bao phim; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, kem, gel); thuốc đạn.	EU-GMP	040/2017/RO	11-08-2017	31-12-2022	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	10
RO-005 » S.C. Zentiva S.A. » B-dul Theodor Pallady nr.50, sector 3, Bucuresti, cod 032266, Romania									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2202	Zentiva SA	B-dul Theodor Pallady nr.50, sectorul 3, Bucuresti, cod postal 032266, Romania (Cách viết khác: B-dul Theodor Pallady nr.50, sector 3, Bucuresti, cod 032266, Romania)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; pellet/viên nang chứa pellet. + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén bao phim, viên nén, pellet/viên nang chứa pellet. + Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng lô (thuốc vô trùng, không vô trùng) * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý/Sinh học	EU-GMP	021/2022/RO	27-04-2022	07-10-2024	National Agency for Medicines and Medical devices from Romania	25
2203	Zentiva SA	B-dul Theodor Pallady nr.50, sectorul 3, Bucuresti, cod postal 032266, Romania (Cách viết khác: B-dul Theodor Pallady nr.50, sector 3, Bucuresti, cod 032266, Romania)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; pellet/viên nang chứa pellet. + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, viên nén bao phim, viên nén, pellet/viên nang chứa pellet. + Đóng gói thứ cấp. * Xuất xưởng lô (thuốc vô trùng, không vô trùng) * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý/Sinh học	EU-GMP	021/2022/RO	27-04-2022	07-10-2024	National Agency for Medicines and Medical devices from Romania	25
RO-006 » Gedeon Richer Romania S.A. » Str. Cuba-Voda nr. 99-105, Targu-Mures, Jud. Mures, Cod 54306, Romania									
362	Gedeon Richter Romania S.A.	Str. Cuza-Voda nr. 99-105, Targu-Mures, Jud. Mures, Cod 540306, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; dung dịch thuốc dùng ngoài (bao gồm cả thuốc chứa homron); dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; siro; viên nén bao phim; viên nén; pellet.	EU-GMP	021/2019/RO	01-04-2019	31-12-2022	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	8
RO-007 » AC Helcor S.R.L » Str. Dr. Victor Babes nr. 62, Loc. Baia Mare, Municipiul Baia Mare, Jud. Maramures, cod 430083, Romania									
383	AC Helcor S.R.L (cách ghi khác S.C. AC Helcor S.R.L)	Str. Dr. Victor Babes nr. 62, Loc. Baia Mare, Municipiul Baia Mare, Jud. Maramures, cod 430083, Romania (Cách ghi khác: Str. Victor Babes, nr.62, Baia Mare, Romania/ 62 Dr. Victor Babes street, Baia Mare, 430083, Romania/ 62 Dr. Victor Babes Street, Baia Mare, Romania/ Dr. Victor Babes Street, no. 62, Baia Mare local, Baia Mare Municipality, Maramures County, code 430083, Romania)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, viên bao	EU-GMP	017/2019/RO	07-03-2019	31-12-2023	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	8
RO-008 » S.C. Swisscaps Romania S.R.L. » Str. Carol I nr.1, Comuna Cornu, Jud. Prahova, cod 107180, Romania									
1016	S.C. Swisscaps Romania S.R.L.	Str. Carol I nr.1, Comuna Cornu, Jud. Prahova, cod 107180, Romania	* Thuốc không vô trùng: sản xuất sản phẩm trung gian (không bao gồm đóng gói, kiểm tra chất lượng, xuất xưởng): viên nang mềm.	EU-GMP	034/2018/RO	12-09-2018	11-05-2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	12
RO-009 » S.C. Slavia Pharm S.R.L » B-dul Theodor Pallady nr. 44C, sector 3, cod 032266, Bucuresti, Romania									
380	S.C. Slavia Pharm S.R.L	B-dul Theodor Pallady nr. 44C, sector 3, cod 032266, Bucuresti, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng, viên nén bao phim; thuốc cốm, thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel; bao gồm cả thuốc chứa hormon corticosteroid); viên nén.	EU-GMP	039/2019/RO	03-09-2019	31-12-2023	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
RO-010 » Infomed Fluids S.R.L. » Bulevardul (hoặc Str.) Theodor Pallady nr. 50, sector 3, Bucuresti cod 032266, Romania									
455	Infomed Fluids S.R.L. (Cách ghi khác: S.C. Infomed Fluids S.R.L.)	Bulevardul Theodor Pallady nr. 50, sector 3, Bucuresti, cod 032266, Romania (Cách ghi khác: Str. Theodor Pallady nr. 50, sector 3, București, cod 032266, Romania / 50 Theodor Pallady blvd., Sector 3, Bucharest - Romania)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn [được đóng trong lọ thủy tinh (glass vial) và trong túi PVC/non-PVC (thể tích từ 50ml tới 5000ml)]. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	004/2019/RO	16-01-2019	31-12-2022	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	9
RO-011 » Arena Group S.A. » Bd. Dunarii nr.54, Oras Voluntari, Jud. Ilfov, cod 077190, Romania									
675	Arena Group S.A. Tên cũ: S.C Arena Group S.A.	Bd. Dunarii nr.54, Oraș Voluntari, Jud. Ilfov, cod 077190, România (Cách ghi khác: 54 Dunarii Blvd, Voluntari, Ilfov district, 077910-Romania / Bd. Dunarii nr.54, Voluntari, Ilfov district, 077190, Romania / B-dul Dunării, Nr. 54, Oras Voluntari, Jud. Ilfov, cod 077190, Romania / 54 Dunarii Bd., Voluntari City, Ilfov County, code 077910, Romania)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam, corticosteroid); viên nén, viên nén bao, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid).	EU-GMP	010/2018/RO	12-02-2018	31-12-2023	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	10
RO-013 » SANDOZ S.R.L. » Str. Livezeni nr. 7A, 540472, Targu Mures, Jud. Mures, Romania									
853	SANDOZ S.R.L. (hoặc S.C. SANDOZ S.R.L)	Str. Livezeni nr. 7A, 540472, Targu Mures, (hoặc Jud. Mures,) Romania	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	011/2019/RO	30-01-2019	31-12-2023	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	11
RO-014 » Vim Spectrum S.R.L » Corunca nr.409, Jud.Mureș, cod 547367, Rumani									
1551	Vim Spectrum S.R.L	Corunca nr.409, Jud.Mureș, cod 547367, Rumani	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao, viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm để pha dung dịch, hỗn dịch. * Xuất xưởng lô; * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm để pha dung dịch, hỗn dịch; viên nén. * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng: hóa học, vật lý.	EU-GMP	008/2019/RO	29-01-2019	30-11-2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	17
RS-001 » Hemofarm A.D. » Beogradski put bb, 26300 Vrsac, Serbia									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1325	Hemofarm A.D.	Hemofarm A.D., Beogradski put bb, Solid Dosage Forms Plant (PCF + PC), 26300 Vrsac, Serbia	1. Sản xuất (tất cả các công đoạn sản xuất): + Viên nén bao phim: Cholipam (10mg; 20mg); Clopidix 75mg; Cornelin (10mg; 20mg); Eifonis 400mg; Erynorm (50mg; 100mg); Famotidin HF (20mg; 40mg); Hemokvin (10mg; 20mg); Hemokvin plus (20mg+12,5mg); Hypolip (10mg; 20mg; 40mg); Horizont 20mg; Indapamid 2,5mg; Irbenida (150mg; 300mg); Irbenida plus (150mg+12,5mg; 300mg+12,5mg); Paravano (5mg; 10mg; 20mg); Sidata (50mg; 100mg); Ticlodix 250mg; Verapamil 80mg; Yanida (320mg; 80mg); Yanida plus (160mg+12,5mg; 160mg+25mg; 320mg+12,5mg; 320mg+25mg; 80mg+12,5mg); Zanida (250mg; 500mg; 1000mg); Hemomycin 500mg; Sildenafil (25mg; 50mg); Treana (5mg; 10mg) Tregona (5mg; 10mg); Zenix 600mg; + Viên nén: Demetrin 10mg; Diazepam (5mg; 10mg); Enzix (10mg+2,5mg); Enzix duo (10mg+2,5mg); Enzix duo forte (20mg+2,5mg); Flunisan 20mg; Gelusil-Lac 500mg; Hemopres (50mg+5mg); Midol 100mg; Milenol (12,5mg; 25mg); Phenobarbiton (15mg; 100mg); Prilenap (5mg; 10mg; 20mg); Prilenap H (10mg+25mg); Prilenap HL (10mg+12,5mg); Prilinda (2,5mg; 5mg; 10mg); Yurinx 1mg; + Viên súi: Febricet C (330mg+200mg); Ranitidin (75mg; 150mg; 300mg); Vitamin C 1000mg; + Viên nén phóng thích biến đổi: Raptin Duo 75mg; Raptin forte 100mg; + Viên nén bao phim phóng thích biến đổi Cortiazem retard 90mg; Omnitus (20mg; 50mg); + Viên nén bao Nystatin 500000i.u.; Viên nén phóng thích kéo dài Dilcoran 80mg; Viên nang cứng Fluconal 50mg; Viên nén kháng dịch vị Midol 100mg; Viên nén bao kháng dịch vị: Panlux 5mg; Viên nén phân tán trong miệng Trefero (10mg; 15mg). 2. Một phần của quy trình sản xuất - đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Viên nén Panarak (0,7mg; 0,18mg). 3. Một phần của quy trình sản xuất - đóng gói thứ cấp: + Viên nang cứng phóng thích biến đổi Betamsal 0,4mg; + Viên nén: Bonap 70mg; Prilinda plus (2,5mg+12,5mg; 5mg+25mg); Reguly 2mg; + Viên nén bao phim: Erynorm plus (50mg+12,5mg); Forteca (250mg; 500mg), Gluformin 1000mg, Lata 10mg; Robenan 5mg, Saurus (5mg; 10mg), Tensec (5mg; 10mg), Tensec plus (5mg+12,5mg); + Viên nén kháng dịch vị: Pepticaid control 20mg; Pepticaid (20mg; 40mg); + Viên nén phân tán trong miệng: Treana D (5mg; 10mg), Tregona D (5mg; 10 mg).	Serbia-GMP	53	10-04-2017	24-02-2020	Bộ Y tế Serbia	15
1326	Hemofarm A.D.	Hemofarm A.D., Beogradski put bb, Solid Dosage Forms Plant (PCF + PC), 26300 Vrsac, Serbia	* Thuốc không vô trùng: + Cốm: Bán thành phẩm cốm Paracetamol / Ascorbic Acid / Caffeine / Chlorpheniramine (400mg/5mg/300mg/50mg) cho Grippostad®. + Cốm pha hỗn dịch uống: Acetylsalicylic Acid / Pseudoephedrine (500mg/30mg) (dạng vi hạt chứa được chất và tá dược). + Viên nén: Aripiprazol (5mg; 10mg; 15mg; 20mg; 30mg); Carvedilol (3,125mg; 6,25mg; 12,5mg; 25mg); Diazepam (2mg; 5mg; 10mg); Enalapril (2,5mg; 5mg; 10mg; 20mg); Enalapril/HCT 20mg/12,5mg; Ezetimib 10mg; Ezetimib/Simvastatin 10mg/10mg; Ramipril (1,25mg; 2,5mg; 5mg; 10mg); Ramipril/HCT (2,5mg/12,5mg; 5mg/25mg); Rizatriptan (5mg; 10mg); Vildagliptin 50mg; Zolmitriptan (2,5mg; 5mg). + Viên nén phân tán trong miệng: Aripiprazol (10mg; 15mg); Rizatriptan (5mg; 10mg); Zolmitriptan (2,5mg; 5mg) + Viên nén bao phim: Amlodipin/Valsartan (5mg/80mg; 5mg/160mg; 10mg/160mg); Amlodipin/Valsartan/HCT (5mg/160mg/12,5mg; 5mg/160mg/25mg; 10mg/160mg/12,5mg; 10mg/160mg/25mg; 10mg/320mg/25mg); Atorvastatin (10mg; 20mg; 30mg; 40mg; 60mg; 80mg); Benazepril (5mg; 10mg; 20mg); Benazepril/HCT (10mg/12,5mg; 20mg/25mg); Cetirizin 10mg; Cinalcacet (10mg; 30mg; 60mg; 90mg); Donepezil (5mg; 10mg); Febuxostat (80mg; 120mg); Gabapentin (600mg; 800mg); Irbesartan (75mg; 150mg; 300mg); Irbesartan/HCT (150mg/12,5mg; 300mg/12,5mg; 300mg/25mg); Lercanidipin HCl (10mg; 20mg); Levetiracetam (250mg; 500mg; 750mg; 1000mg); Linezolid 600mg; Metformin 1000mg (bán thành phẩm); Moxifloxacin 400mg; Naratriptan 2,5mg; Olmesartan (10mg; 20mg; 40mg); Olmesartan/HCT (20mg/12,5mg; 20mg/25mg; 40mg/12,5mg; 40mg/25mg); Olmesartan/Amlodipin (20mg/5mg; 40mg/10mg; 40mg/5mg); Olmesartan/Amlodipin/HCT (20mg/6,935mg/12,5mg; 40mg/6,935mg/12,5mg; 40mg/6,935mg/25mg; 40mg/13,87mg/12,5mg; 40mg/13,87mg/25mg); Paroxetin/Prasugrel HBr 20mg/5mg; Prasugrel HBr 10mg; Prasugrel HCl (5mg; 10mg); Quinapril 20mg; Quinapril/HCT (10mg/12,5mg; 20mg/12,5mg; 20mg/25mg); Risperidon (0,25mg; 0,5mg; 1mg; 2mg; 3mg; 4mg; 6mg; 8mg); Rosuvastatin (5mg; 10mg; 20mg; 40mg); Sildenafil (20mg; 25mg; 50mg; 100mg); Simvastatin (5mg; 10mg; 20mg; 40mg; 80mg); Solifenacin (5mg; 10mg); Tadalafil (2,5mg; 5mg; 10mg; 20mg); Ticagrelor (60mg; 90mg); Valsartan (40mg; 80mg; 160mg; 320mg); Valsartan/HCT (80mg/12,5mg; 160mg/12,5mg; 160mg/25mg; 320mg/12,5mg; 320mg/25mg); Vildagliptin/Metformin (50mg/850mg; 50mg/1000mg); Zopiclon 7,5mg. + Viên nén bao phim phóng thích kéo dài: Diclofenac Sodium 100mg; Tilidine/Naloxone (50mg/4mg; 100mg/8mg; 150mg/12mg; 200mg/16mg). + Viên nang cứng: Gabapentin (100mg; 300mg; 400mg); Levodopa/Benserazid (50mg/12,5mg; 100mg/25mg; 200mg/50mg).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0138	22-08-2019	06-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	15
RU-001 » CJSC Biocad » Building 2, Petrovo-Dalneye, Krasnogorsky district, Moscow Region, 143422 Russia									
557	JSC Biocad	Petrovo-Dalneye village, Krasnogorsky district, Moscow Region, 143422, Russia	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột; * Thuốc không vô trùng: dung dịch dùng ngoài; thuốc đặt; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học: thuốc điều hòa miễn dịch; kháng thể đơn dòng; cytokines, sản phẩm máu biến đổi gen. * Thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật: sản phẩm điều trị từ phủ tạng; * Thuốc kim tế bào: dung dịch (đậm đặc) tiêm truyền; thuốc bột pha tiêm. * Các sản phẩm được thanh tra: + Toàn bộ quy trình sản xuất: Thuốc bột: Gemcitabine hydrochloride; Granisetron hydrochloride; Docetaxel anhydrous; Irinotecan hydrochloride trihydrate; Carboplatin, Oxaliplatin; Paclitaxel; Fludarabine phosphate; Thuốc dạng dung dịch: Recombinant Human Interferon alfa-2b (rhIFN alfa-2b); Recombinant Human Interferon alfa-1b (rhIFN alfa-1b); Pegylated interferon alfa-2b (Cepeginterferon alfa-2b); Pegylated recombinant human granulocyte colony-stimulating factor (Empegfilgrastim); Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền: Avegra® JSC Biocad (Bevacizumab 25mg/mL); Avegra® (Bevacizumab 25mg/mL); Avomit® (Granisetron 1mg/mL); Acellbia® (Rituximab 10mg/mL); B-Mab (Bevacizumab 25mg/mL); Bevacizumab (25mg/mL); Belavia (Bevacizumab 25mg/mL); Zolerix® (Zoledronic acid 0.8mg/mL); Interdam (Rituximab 10mg/mL); Carboplatin 10mg/mL; Novotax (Docetaxel 20mg/mL, 40mg/mL); R-mab (Rituximab 10mg/mL); Taxacad® (Paclitaxel 6mg/mL); Usmal (Rituximab 10mg/mL); Cizub (Bevacizumab 25mg/mL); Cituvin® (Vinorelbine 10mg/mL); Dung dịch tiêm dưới da: Algeron® (200 µg/mL); Glacetate (Glatiramer acetate 20mg/mL); Interferon beta-1b (8mln IU/mL, 8mln IU/ 0,5mL); Dalibra® (Adalimumab 40mg/0,8mL); Teberif® (Interferon beta-1a 22µg/0,5mL, 44µg/0,5mL); Timexon® (Glatiramer acetate 20mg/mL); Extimia® (Empegfilgrastim); Effeira (Netakimab 60mg/mL); Bột pha dung dịch tiêm truyền: Advate® 250IU, 500IU, 1000IU, 1500IU; Gemcitare® (Gemcitabine 1000mg, 200mg); Infiximab 100mg; Infilimab 100mg; Pemetrexed 100mg, 500mg; Platidac® (Oxaliplatin 50mg, 100mg, 150mg, 200mg); Bột pha dung dịch đậm đặc tiêm truyền: Kovada (Bendamustine 25mg, 100mg); Bột pha dung dịch tiêm truyền: Trastuzumab (150mg, 44mg); Trastumab (Trastuzumab 150mg, 440mg); Tuzdal (Trastuzumab 150mg, 440mg); T-Mab (Trastuzumab 150mg, 440mg); Bột pha dung dịch tiêm truyền và tiêm dưới da: Bortezomib (3,5mg); Bột đông khô pha dung dịch tiêm tĩnh mạch: Flugarda (Fludarabine 50mg); Viên đặt âm đạo, hậu môn: Genferon® (Benzocaine + Interferon alfa-2b + Taurine: 55mg + 250 000IU + 10mg; 10mg +500 000IU + 55mg; 10mg + 1000 000IU + 55mg); Genferon® Light (Interferon alfa-2b + Taurine 125 000IU + 5mg; 250 000IU + 5mg); Thuốc nhỏ mũi: Genferon® Light (Interferon alfa-2b + Taurine 10 000IU + 0,8mg); Thuốc xịt mũi: Genferon® Light (Interferon alfa-2b + Taurine 50 000IU + 1mg); Dung dịch tiêm truyền: Iron (III)-hydroxide sucrose complex 20mg/mL; Darbestim (Darbeopetin alfa 25µg/mL, 40µg/mL, 100µg/mL, 200µg/mL, 500µg/mL; Dung dịch tiêm Ropivacaine 2mg/mL, 5mg/mL, 7,5mg/mL, 10mg/mL; Sodium enoxaparin (10 000 anti -Xa IU/mL); Dung dịch tiêm dưới da và tiêm truyền Leucostim® (Filgrastim 150µg/mL, 300µg/mL, 600µg/mL); Bột đông khô pha tiêm Herticad® (Trastuzumab 150mg, 440mg); + Xuất xưởng: viên nén bao phim: Zilacomb® (Zidovudine + Lamivudine 300mg + 150mg); Teriflunomide 14mg; Tenofovir 300mg; Darunavir 75mg, 150mg, 300mg, 400mg, 600mg, 800mg; viên nang cứng Atazanavir 150mg, 200mg, 300mg.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0022-000438/19	04-12-2019	23-08-2022	Russian Federation	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2204	Joint-Stock Company BIOCAD (JSC BIOCAD)	Petrovo-Dalneye village, Krasnogorsky district, Moscow Region, 143422, Russia	* Thuốc vô trùng: dung dịch (đậm đặc) tiêm truyền và thuốc bột pha tiêm (chứa Rituximab, Trastuzumab, Bevacizumab). Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: dung dịch dùng ngoài; thuốc đặt. Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: thuốc không vô trùng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng	Russian-GMP / WHO-GMP	GMP-0022-000580/20	04-12-2020	06-08-2023	Ministry of Industry and Trade of the Russian Federation	25
RU-002 » "Scientific Technological Pharmaceutical Firm "POLYSAN", Ltd. » Lit. A, Building 2, 72 Salova Street, Saint Petersburg, Russia									
547	"Scientific Technological Pharmaceutical Firm "POLYSAN", Ltd. (Tên viết tắt "STPF "POLYSAN" Ltd.)	Lit. A, Building 2, 72 Salova Street, Saint Petersburg, Russia	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Sản phẩm được kiểm tra: Dung dịch 33% Meglumine sodium succinate; Viên nén bao tan trong ruột Cytoflavin (Inosine + Nicotinamide + Riboflavin + Succinic acid); Dung dịch tiêm Cycloferon (Meglumine acridonacetate 125mg/mL); Viên nén bao tan trong ruột Cycloferon (Meglumine acridonacetate 150mg); Dung dịch tiêm Cytoflavin (Inosine + Nicotinamide + Riboflavin + Succinic acid); Dịch truyền Remaxol (Inosine + Meglumine + Methionine + Nicotinamide + Succinic acid); Dịch truyền 1.5% Reamberin (Meglumine sodium succinate); Dung dịch tiêm Ultravist (Iopromide 300mg iodine/mL, 370mg iodine/mL); Dung dịch tiêm Mexiprim (Ethylmethyl hydroxypyridine succinate 50mg/mL); Dịch truyền Moxifloxacin STADA (Moxifloxacin 1.6mg/mL); Viên nén bao phim Jakvinus (Tofacitinib 5mg); Viên nén bao phim Liprimar (Atorvastatin 10mg, 20mg, 40mg, 80mg); Viên nén bao phim Zivox (Linezolid 600mg); Dầu xoa Cycloferon (Meglumine acridonacetate 5%) (chỉ kiểm tra chất lượng và xuất xưởng).	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0004-000477/20	24-04-2020	02-03-2023	Ministry of Industry and Trade of the Russian Federation	9
RU-003 » Sotex PharmFirm » Belikovo village, Bereznyakovskoe rural settlement, Sergiev-Posad municipal district, Moscow region, 141345, Russian Federation									
676	"PharmFirm "Sotex"	Tỉnh Matxcova, quận Sergiev Posad, làng Bereznyakovskoe, khu dân cư Belikovo, nhà số 10, Liên bang Nga	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ: thuốc chứa hormon (dung dịch tiêm; dung dịch truyền); thuốc có nguồn gốc từ động vật (dung dịch tiêm); thuốc không yêu cầu sản xuất riêng (dạng lỏng cô đặc; dung dịch tiêm). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ: Thuốc không yêu cầu sản xuất riêng (dung dịch đậm đặc; dung dịch tiêm); thuốc công nghệ sinh học. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch uống.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0038-000332/18	29-11-2018	08-10-2021	Bộ Công thương, Liên bang Nga	10
677	"PharmFirm "Sotex"	Tỉnh Matxcova, quận Sergiev Posad, làng Bereznyakovskoe, khu dân cư Belikovo, nhà số 12, Liên bang Nga	* Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp: Dung dịch tiêm, dung dịch truyền chứa hormon; dung dịch tiêm thuốc sinh học có nguồn gốc từ động vật; dung dịch tiêm; thuốc cổm; viên nang; viên nang mềm; dung dịch; viên nén, viên nén bao phim.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0038-000333/18	10-12-2018	08-10-2021	Bộ Công thương, Liên bang Nga	10
678	"PharmFirm "Sotex"	Tỉnh Matxcova, quận Sergiev Posad, làng Bereznyakovskoe, khu dân cư Belikovo, nhà số 11, Liên bang Nga	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0038-000334/18	10-12-2018	08-10-2021	Bộ Công thương, Liên bang Nga	10
679	CJSC "Sotex "PharmFirm"	Bld. 10, bld. 11, bld. 12, Belikovo village, Bereznyakovskoe rural settlement, Sergiev-Posad municipal district, Moscow region, 141345, Russian Federation	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (Tại dây chuyền A, B, D). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (Tại dây chuyền A, D).	EU-GMP	UP/I-530-10/19-03/25, 381-10-05/243-19-03	02-10-2019	07-03-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	10
SE-001 » QPharma AB » Agneslundsvägen 27, Malmö, 21215, Sweden									
39	QPharma AB	Agneslundsvägen 27, Malmö, 21215, Sweden	* Thuốc không vô trùng: viên nén	EU-GMP	6.2.1-2017-061519	21-06-2018	23-11-2020	Medical Products Agency (MPA), Sweden	4
1218	QPharma AB	Agneslundsvägen 27, Malmö, 21215, (hoặc SE-21215) Sweden	Thuốc không vô trùng: viên nén (viên nén đặt âm đạo)	EU-GMP	6.2.1-2019-107727	09-06-2020	13-03-2023	Medical Products Agency - Sweden	14
SE-002 » Recipharm Karlskoga AB » Bjorkbornsvagen 5, Karlskoga, 69133, Sweden									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
238	Recipharm Karlskoga AB	Bjorkbornsvagen 5, Karlskoga, 69133, Sweden	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối dạng bán rắn (gel); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thực trực tràng; thuốc dạng bán rắn (kem, mỡ), thuốc đạn; miếng dán ngoài da	EU-GMP	5.9.1-2018-102303	20-12-2018	23-08-2021	Medical Products Agency (MPA), Sweden	6
1757	Recipharm Karlskoga AB	Bjorkbornsvagen 5, Karlskoga, 69133, Sweden	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối dạng bán rắn (gel); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thực trực tràng; thuốc dạng bán rắn (kem, mỡ), thuốc đạn; miếng dán ngoài da	EU-GMP	5.9.1-2021-066913	24-08-2021	04-09-2023	Medical Products Agency (MPA), Sweden	19
SE-003 » Fresenius Kabi AB » Rapskatan 7, Uppsala, 75174, Sweden									
314	Fresenius Kabi AB	Rapskatan 7, Uppsala, 75174, Sweden	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ; nhũ tương thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ; dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích lớn; nhũ tương thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích lớn.	EU-GMP	6.2.1-2018-069808	22-01-2019	16-10-2021	Medical Products Agency (MPA), Sweden	7
1664	Fresenius Kabi AB	Rapskatan 7, Uppsala, 75174, Sweden	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ; nhũ tương thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích nhỏ; dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích lớn; nhũ tương thuốc tiêm/ tiêm truyền thể tích lớn.	EU-GMP	6.2.1-2020-002243	28-01-2021	15-10-2023	Medical Products Agency (MPA), Sweden	18
SE-004 » Octapharma AB » Lars Forssells gata 23, Stockholm, 112 75, Sweden									
239	Octapharma AB	Lars Forssells gata 23, Stockholm, 112 75, Sweden	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ, * Thuốc sinh học: chế phẩm máu.	EU-GMP	5.9.1-2020-004526	28-01-2020	31-12-2022	Medical Products Agency (MPA), Sweden	6
315	Octapharma AB	Lars Forssells gata 23, Stockholm, 112 75, Sweden	* Thuốc công nghệ sinh học: thuốc từ tế bào người (thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô).	EU-GMP	6.2.1-2019-029698	26-08-2019	31-12-2022	Medical Products Agency (MPA), Sweden	7
2205	Octapharma AB	Lars Forssells gata 23, Stockholm, 112 75, Sweden	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (Nước cất pha tiêm; dung dịch 0.1 % polysorbate 80 làm dung môi pha các chế phẩm đông khô). + Xuất xưởng thuốc sản xuất vô trùng/thuốc tiết trùng cuối * Thuốc sinh học: + Chế phẩm máu: sản phẩm từ huyết tương người; + Sản phẩm công nghệ sinh học: sản phẩm từ tế bào người, chỉ đóng lọ, đông khô, kiểm tra protein tái tổ hợp. + Xuất xưởng Chế phẩm máu/Sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: thuốc vô trùng/thuốc không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học	EU-GMP	6.2.1-2022-033497	13-09-2022	19-05-2025	Medical Products Agency (MPA), Sweden	25
SE-005 » AstraZeneca AB » SE-15185 Sodertälje, Sweden									
316	AstraZeneca AB	Blow Fill Seal, Forskargatan 18, Södertälje, 151 85, Sweden. (* Địa chỉ chung: SE- 15185 Sodertälje, Sweden)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, hỗn dịch khí dung dùng để hít (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone, trừ hormone sinh dục); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone, trừ hormone sinh dục); (Ghi chú: Thuốc sản xuất đóng ống nhựa theo công nghệ Blow Fill Seal)	EU-GMP	6.2.1-2019-010661	06-12-2019	31-12-2023	Swedish Medical Products Agency (MPA)	7
317	AstraZeneca AB	Forskargatan 18, Södertälje, 151 36, Sweden.	Sản xuất, xuất xưởng, đóng gói sơ cấp: * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hỗn dịch xịt mũi); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột hít đa liều (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone, trừ hormone sinh dục); Đóng gói thứ cấp. Kiểm tra chất lượng: thử nghiệm vi sinh không vô trùng; vật lý/ hóa học. Sản xuất nguyên liệu hoạt chất (xử lý vật lý: vi mô hóa, chuẩn hóa; Kiểm tra chất lượng: thử nghiệm vi sinh không vô trùng; vật lý/ hóa học): Budesonide dạng vi mô (micronized); Formoterol fumarate dihydrate; Glucocuronium bromide; Terbutaline sulfate	EU-GMP	5.9.1-2022-019455	17-03-2022	31-12-2023	Swedish Medical Products Agency (MPA)	7

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
582	AstraZeneca AB	Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden (Địa chỉ chung: SE-15185 Sodertalje, Sweden)	AstraZeneca AB, Oral Solid Dosage, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden: Sản xuất không bao gồm hoạt động đóng gói: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	5.9.1-2019-075591	11-10-2019	31-12-2022	Swedish Medical Products Agency (MPA)	9
583	AstraZeneca AB	Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden (Địa chỉ chung: SE-15185 Sodertalje, Sweden)	AstraZeneca AB, PET Packaging, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden Đóng gói thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	5.9.1-2019-081103	12-11-2019	31-12-2022	Swedish Medical Products Agency (MPA)	9
680	AstraZeneca AB	Freeze Dried and Genuair, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden (* Địa chỉ chung: SE- 15185 Sodertälje, Sweden)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm/tiêm truyền tĩnh mạch. * Thuốc không vô trùng: Thuốc bột hít đa liều.	EU-GMP	6.2.1-2019-088795	25-02-2020	31-12-2023	Swedish Medical Products Agency (MPA)	10
2206	AstraZeneca AB	Gärtunavägen, Sodetalje, 152 57, Sweden	Oral Solid Dosage, AstraZeneca AB: Sản xuất không bao gồm hoạt động đóng gói: + Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim + Viên nén bao phim Tagrisso (Osimertinib 40mg, 80mg)	EU-GMP	6.2.1-2021-050663	11-07-2022	01-10-2024	Swedish Medical Products Agency (MPA)	25
2207	AstraZeneca AB	Gartunavagen, Sodetalje, 152 57, Sweden	Packaging, AstraZeneca AB: * Đóng gói + Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	6.2.1-2022-049804	11-07-2022	02-10-2024	Swedish Medical Products Agency (MPA)	25
SE-006 » AstraZeneca AB » Sweden BioManufacturing Center, Byggnad B921, Gartunavagen, Sodertalje, 151 85, Sweden									
1429	AstraZeneca AB	Sweden BioManufacturing Center, Byggnad B921, Gartunavagen, Sodertalje, 151 85, Sweden (* Cách ghi khác: Gartunavagen, Sodertalje, SE 151 85, Sweden)	* Thuốc vô trùng: Chứng nhận lô (batch certification) * Sản phẩm miễn dịch (immunological products): Chứng nhận lô (batch certification) * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc vô trùng, không vô trùng); hóa/lý; sinh học	EU-GMP	5.9.1-2020-055908	01-07-2020	17-01-2022	Medical Products Agency (MPA), Sweden	16
1965	AstraZeneca AB	Sweden BioManufacturing Center, Byggnad B921, Gartunavagen, Sodertalje, 151 85, Sweden (* Cách ghi khác: Gartunavagen, Sodertalje, SE 151 85, Sweden)	* Thuốc vô trùng: thuốc lỏng thể tích nhỏ. + Chứng nhận lô (batch certification) * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch (immunological products), sản phẩm công nghệ sinh học (biotechnology products). + Chứng nhận lô (batch certification) * Đóng gói cấp 2 * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (thuốc vô trùng, không vô trùng); hóa/lý; sinh học	EU-GMP	5.9.1-2021-085331	25-10-2021	16-04-2024	Medical Products Agency (MPA), Sweden	22
SG-001 » Baxter Healthcare SA, Singapore Branch » 2 Woodlands ind park D Street 2, Singapore 737778									
1	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	2 Woodland ind park D Street 2 Singapore 73778	Dây chuyền SX: Chế phẩm dung dịch vô trùng không để tiêm	PIC/S-GMP	M00190	06-05-2003	06-05-2019	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	1

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
590	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	2 Woodlands ind park D Street 2 Singapore 737778, Singapore hoặc 2 Woodlands Industrial park D Street 2 Singapore 737778, Singapore	* Thuốc vô trùng: Chế phẩm dung dịch vô trùng không để tiêm; Dung dịch thẩm phân thể tích lớn (tiệt trùng nhiệt ẩm, parametric release): dung dịch thẩm phân phúc mạc.	PIC/S-GMP	M00190	06-05-2003	06-05-2022	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	9
1966	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	2 Woodlands ind park D Street 2 Singapore 737778, Singapore hoặc 2 Woodlands Industrial park D Street 2 Singapore 737778, Singapore	* Thuốc vô trùng: Chế phẩm dung dịch vô trùng không để tiêm; Dung dịch thẩm phân thể tích lớn (tiệt trùng nhiệt ẩm, parametric release): dung dịch thẩm phân phúc mạc.	PIC/S-GMP	M00190	08-04-2022	06-05-2023	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	22
SG-002 » Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte.Ltd » 10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore									
555	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte.Ltd	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim uống	PIC/S-GMP	MLMP0800001	23-07-2008	22-07-2021	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	9
556	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte.Ltd	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm đóng gói sơ cấp, thứ cấp): viên nén, viên nén bao phim * Đã kiểm tra các sản phẩm: Kisqali (tên khác Krixana) viên nén bao phim; Jalra viên nén; Eucreas (tên khác Galvus Met) viên nén bao phim, Neparvis viên nén bao phim; Galvus viên nén; Entresto (tên khác Uperio) viên nén bao phim; Xilixar viên nén; Icandra viên nén bao phim; Zomarist viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2020_0021	06-03-2020	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1758	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte.Ltd	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim uống	PIC/S-GMP	MLMP0800001	08-07-2021	22-07-2022	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	19
2096	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte.Ltd	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim uống	PIC/S-GMP	MCGM2000368	28-09-2020	17-06-2023	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	24
SG-003 » Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte. Ltd. » 15 Changi North way #01-02, #02-02, #02-10, Singapore 498770									
512	Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte. Ltd.	15 Changi North way #01-02, #02-02, #02-10, Singapore 498770	* Đóng gói thứ cấp.	PIC/S-GMP	MCGM2000246	06-01-2020	22-04-2023	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	9
SG-004 » Poli Medical Company Pte Ltd » 65 Sims Avenue #06-10, #06-11 Yi Xiu Factory Building, Singapore 387418									
854	Poli Medical Company Pte Ltd	65 Sims Avenue #06-10, #06-11 Yi Xiu Factory Building Singapore 387418, Singapore	Thuốc được liệu: thuốc dạng gói dùng ngoài, viên nang, trà thuốc, viên hoàn, thuốc bột uống, thuốc uống dạng lỏng.	PIC/S-GMP	MCGM1700456	31-10-2018	18-09-2020	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	11
SG-007 » Haw Par Healthcare Litmited » 2 Chia Ping road Haw Par Tiger Balm Building, Singapore 619968									
1219	Haw Par Healthcare Limited	2 Chia Ping road Haw Par Tiger Balm Building Singapore 619968	* Dầu gió, cao xoa, miếng cao dán (medicated oil, medicated plaster, medicated balm)	PIC/S-GMP	MCGM2000386	08-12-2020	02-06-2023	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	14
SG-008 » Leung Kai Fook Medical Co Pte Ltd » 577 Macpherson road Yun Chee Building, Singapore 368238									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1220	Leung Kai Fook Medical Co Pte Ltd	577 Macpherson road Yun Chee Building Singapore 368238 (địa chỉ kho: 10 Howard road Yun Chee Building 2 Singapore 369582)	* Dầu gió (ống hít); dầu gió (bôi ngoài) - (Medicated oil (as impregnated filters/ cartridges for vapour inhalation; Medicated oil (as external liquid preparations)	PIC/S-GMP	MCGM1900 333	28-06-2019	28-04-2022	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	14
2208	Leung Kai Fook Medical Co Pte Ltd	577 Macpherson road Yun Chee Building Singapore 368238 (địa chỉ kho: 10 Howard road Yun Chee Building 2 Singapore 369582)	* Dầu gió (ống hít); dầu gió (bôi ngoài) - (Medicated oil (as impregnated filters/ cartridges for vapour inhalation; Medicated oil (as external liquid preparations)	PIC/S-GMP	MCGM2200 339	03-08-2022	14-03-2025	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	25
SG-009 » MSD International GmbH (Singapore Branch) » 70 Tuas West Drive, Singapore 638414									
1552	MSD International GmbH (Singapore Branch)	70 Tuas West Drive, Singapore 638414 (cách ghi khác: 70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore).	* Thuốc không vô trùng: thuốc viên nén (đường uống)	PIC/S-GMP	MLMP13000 01	19-02-2021	03-02-2022	Singapore Health Sciences Authority	17
1553	MSD International GmbH (Singapore Branch)	70 Tuas West Drive, Singapore, SG-638414, Singapore (cách ghi khác: 70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore).	* Thuốc không vô trùng: thuốc viên nén (đường uống)	EU-GMP	UK GMP 39349 Insp GMP 39349/3258 67-0007	23-11-2017	31-12-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	17
SG-011 » Borden Company (Private) Limited » 9 Jalan Kilang # 06-01 Borden Center Singapore 159409									
2209	Borden Company (Private) Limited	9 Jalan Kilang # 06-01 Borden Center Singapore 159409	Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: dầu xoa	PIC/S-GMP	MCGM2100 238	03-08-2021	24-01-2024	Health Sciences Authority (HSA), Singapore	25
SI-001 » Lek Pharmaceuticals d.d. » Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia									
240	Lek Pharmaceuticals d.d.	Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia (* Cách ghi khác: Verovškova 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả prostaglandins/cytokines, độc tế bào/kim tế bào, ức chế miễn dịch). Dạng lỏng thể tích nhỏ (hóc môn và chất có hoạt tính học môn, độc tế bào/kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính học môn). * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch, sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	401-6/2018-4	07-06-2018	25-05-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	6
241	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.), Verovškova 57, Ljubljana, Slovenia	Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc lỏng dùng ngoài (thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi, thuốc bôi da, hóc môn hoặc chất có hoạt tính học môn); thuốc lỏng uống (dung dịch uống, hỗn dịch uống, siro); thuốc từ dược liệu. * Đóng gói sơ cấp (không bao gồm thuốc được liệu), thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	450-6/2018-1	06-03-2018	25-05-2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	6
242	Lek Pharmaceuticals d.d (viết tắt: Lek d.d)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana) Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả chứa chất ức chế miễn dịch, chất độc tế bào, chất kim tế bào - trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib, dabrafenib, pazopanib, trametinib, alpelisib); Viên nén, viên nén bao phim và viên nén bao đường (bao gồm cả chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, Prostaglandins/cytokines, chất ức chế miễn dịch, chất độc tế bào/chất kim tế bào - trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib, dabrafenib, pazopanib, trametinib, alpelisib); Thuốc bột, thuốc cốm; hạt pellet, vi nang (micropellet); * Thuốc được liệu.	EU-GMP	401-25/2017-5	24-01-2018	23-11-2020	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
580	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.), Verovskova 57, Ljubljana, Slovenia	Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc lỏng dùng ngoài (thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi, thuốc bôi da, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc lỏng uống (dung dịch uống, hỗn dịch uống, siro); thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	401-2/2020-6	22-04-2020	07-02-2023	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	9
1327	LEK farmacevtska družba d.d. (hoặc Lek Pharmaceuticals d.d.)	Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia (* Cách ghi khác: Verovskova 57, 1526 Ljubljana, Slovenija)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả prostaglandins/cytokines, độc tế bào/kim tế bào, ức chế miễn dịch). Dung dịch thể tích nhỏ (hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn, độc tế bào/kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch, sản phẩm công nghệ sinh học. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch, sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	450-13/2020-5	03-08-2020	07-02-2023	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	15
1328	Lek Pharmaceuticals d.d (viết tắt: Lek d.d)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana) Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim và viên nén bao đường; Thuốc bột, thuốc cốm; hạt pellet, vi nang (micropellet); * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	450-9/2020-1	16-06-2020	09-03-2023	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	15
2210	Lek Pharmaceuticals d.d.	Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia	* Thuốc vô trùng: + Chế phẩm vô trùng: bột đông khô. Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc vô trùng sản xuất có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô * Chế phẩm sinh học & Xuất xưởng thuốc sinh học: Thuốc ức chế miễn dịch và sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học, vi sinh, độc tính, không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học	EU-GMP	401-3/2022-4	24-06-2022	18-03-2025	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	25
2211	Lek Pharmaceuticals d.d (viết tắt: Lek d.d)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana) Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim và viên nén bao đường; Thuốc bột, thuốc cốm; hạt pellet, vi nang (micropellet); * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	450-9/2021-1	22-10-2021	31-12-2023	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	25
2212	LEK farmacevtska družba d.d. (hoặc Lek Pharmaceuticals d.d.)	Verovškova ulica 57, Ljubljana, 1526, Slovenia (* Cách ghi khác: Verovskova 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả prostaglandins/cytokines, độc tế bào/kim tế bào, ức chế miễn dịch). Dung dịch thể tích nhỏ (hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn, độc tế bào/kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn). * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch, sản phẩm công nghệ sinh học. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch, sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học, vi sinh, độc tính, không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học	EU-GMP	401-3/2022-4	24-06-2022	18-03-2025	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	25
SI-002 » Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.) » Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia									
318	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia	* Xuất xưởng thuốc không vô trùng: * Đóng gói sơ cấp, thứ cấp: Viên nang cứng (thuốc ức chế miễn dịch); Viên nang mềm (thuốc ức chế miễn dịch); Viên nén (hormon/hoạt chất có hoạt tính hormon; prostagladin/cytokin; thuốc độc tế bào/kim tế bào (chỉ bao gồm: trastuzumab; rituximab; erlotinib); thuốc ức chế miễn dịch). * Kiểm soát chất lượng	EU-GMP	401-8/2018-4	30-07-2018	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	7
1759	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.),	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia	Plant Poslovna enota Proizvodnja Lendava: * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả các thuốc ức chế miễn dịch, thuốc độc tế bào, thuốc kim tế bào); Viên nang mềm (bao gồm cả thuốc ức chế miễn dịch); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormon/hoạt chất có hoạt tính hormon; prostagladin/cytokin; thuốc độc tế bào/kim tế bào, thuốc ức chế miễn dịch). * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: Hóa học, vật lý, vi sinh (thuốc không vô trùng)	EU-GMP	401-2/2021-11	12-08-2021	02-04-2024	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	19

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2213	Lek farmacevtska družba d.d. (hoặc Lek Pharmaceuticals d.d. hoặc Lek d.d., PE Proizvodnja Lendava)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia	Plant Poslovna enota Proizvodnja Lendava: * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả các thuốc ức chế miễn dịch, thuốc độc tế bào, thuốc kim tế bào); Viên nang mềm (bao gồm cả thuốc ức chế miễn dịch); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormon/hạt chất có hoạt tính hormon; prostagladin/cytokin; thuốc độc tế bào/kim tế bào, thuốc ức chế miễn dịch). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa lý, vật lý, vi sinh (thuốc không vô trùng)	EU-GMP	401-2/2021-11	12-08-2021	02-04-2024	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	25
SI-003 » Lek d.d., PE Proizvodnja Prevalje » Perzonal 47, Prevalje, 2391, Slovenia									
243	Lek d.d., PE Proizvodnja Prevalje (Lek Pharmaceutical d.d hoặc Lek d.d)	Perzonal 47, Prevalje, 2391, Slovenia	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh penicillin): Viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm . * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp (bao gồm cả nang cứng). + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	401-3/2019-5	28-05-2019	14-03-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	6
2214	Lek Pharmaceutical d.d (Lek d.d., PE Proizvodnja Prevalje hoặc Lek d.d)	Perzonal 47, Prevalje, 2391, Slovenia	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh penicillin): Viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm . * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp (bao gồm cả nang cứng). + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	450-8/2022-1	06-09-2022	12-08-2024	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	25
SI-004 » Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.) » Kolodvorska cesta 27, Mengeš, 1234, Slovenia									
379	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.), Verovskova 57, Ljubljana, Slovenia	Kolodvorska cesta 27, Mengeš, 1234, Slovenia	* Xuất xưởng thuốc vô trùng; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao đường;	EU-GMP	450-40/2017-5	29-11-2017	11-04-2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	8
SI-005 » KRKA, d.d., Novo Mesto » Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia									
432	KRKA, d.d., Novo Mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia (cách ghi khác: Smarjeska cesta 6, Novo mesto, SI-8501, Slovenia)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng kéo dài; viên nén phân tán trong miệng; viên nang cứng; thuốc cốm.	EU-GMP	401-12/2018-5	16-01-2019	31-12-2021	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	8
855	KRKA, d.d., Novo Mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Xuất xưởng lọ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	450-18/2019-1	20-12-2019	17-10-2022	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	11
1665	KRKA, d.d., Novo Mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia (* Cách ghi khác: Smarjeska cesta 6, Novo mesto, SI-8501, Slovenia)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng kéo dài; viên nén phân tán trong miệng; viên nang cứng; thuốc cốm.	EU-GMP	401-5/2021-5	06-07-2021	16-04-2024	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	18

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2097	KRKA, d.d., Novo Mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vô sinh /Vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý: Sinh học	EU-GMP	401-12/2021-5	14-10-2021	23-07-2024	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	24
SK-001 » HBM Pharma s.r.o. » Sklabinská 30, 036 80 Martin, Slovak Republic									
244	HBM Pharma s.r.o	Skalabinká 30, Martin, 03680, Slovakia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	SK/002V/2019	05-02-2019	31-12-2022	State Institute for Drug Control, Slovakia	6
SM-001 » Valpharma S.p.A. » Via Ranco, 112 (loc. SERRAVALLE), Serravalle, 47899, San Marino									
1554	Valpharma S.p.A.	Via Ranco, 112 (loc. SERRAVALLE), Serravalle, 47899, San Marino	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có nguồn gốc từ động vật); Viên nén; Thuốc cốm bán thành phẩm (bao gồm cả sản phẩm có nguồn gốc từ động vật). + Xuất xưởng lô: Các sản phẩm bán thành phẩm. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ động vật: Viên nang bán thành phẩm; Thuốc cốm bán thành phẩm. + Xuất xưởng lô: Viên nang bán thành phẩm và thuốc cốm bán thành phẩm. * Kiểm tra chất lượng: (Cần ghi nhận bán thành phẩm); Vô sinh; Không vô trùng); Hóa học/Vật lý:	EU-GMP	IT/GMP/E/16/2017	07-11-2017	31-03-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	17
2098	Valpharma S.p.A.	Via Ranco, 112 (loc. SERRAVALLE), Serravalle, 47899, San Marino (cách viết khác: Via Ranco, 112 Serravalle, 47899, San Marino)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có nguồn gốc từ động vật); Viên nén (bao gồm cả viên nén phóng thích kéo dài); Thuốc cốm bán thành phẩm (bao gồm cả sản phẩm có nguồn gốc từ động vật). + Xuất xưởng lô: Các sản phẩm bán thành phẩm. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ động vật: Viên nang bán thành phẩm; Thuốc cốm bán thành phẩm. + Xuất xưởng lô: Viên nang bán thành phẩm và thuốc cốm bán thành phẩm. * Kiểm tra chất lượng: (Cần ghi nhận bán thành phẩm); Vô sinh; Không vô trùng); Hóa học/Vật lý:	EU-GMP	IT/31/H/2022	11-02-2022	24-09-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)	24
TH-001 » Olic (Thailand) Limited » 166 Bangpa-in Industrial Estate, Udomsorayuth road, Moo 16, Bangkrason, Bangpa-in, Ayutthaya, 13160, Thailand									
319	Olic (Thailand) Limited	166 Bangpa-in Industrial Estate, Udomsorayuth road, Moo 16, Bangkrason, Bangpa-in, Ayutthaya, 13160, Thailand (cách ghi khác: 166 Moo 16 Bangpa-in Industrial Estate, Udomsorayuth road, Bangpa-in district, Ayutthaya province, Thailand / Bangpa-in Industrial Estate, 166 Moo 16 Bangkrason Sub-district, Udomsorayuth road, Bangpa-in district, Ayutthaya province, Thailand)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc lỏng dùng ngoài; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc bán rắn (kem; mỡ; lotion; gel); viên nén (viên nén trơn; viên nén bao phim; viên bao đường và viên súi); viên nang mềm (chứa hóa môn sinh dục). * Đóng gói sơ cấp (chỉ bao gồm): Viên nén. * Đóng gói thứ cấp (chỉ bao gồm): Viên nang cứng; thuốc lỏng dùng ngoài; thuốc lỏng uống, viên nén. * Xuất xưởng: viên nén.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-20-00021	05-08-2019	31-12-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	7
TH-002 » T.P.Drug Laboratories (1969) CO., LTD. » 98 SOI SUKHUMVIT 62 YAK 1, PHRA KHANONG TAI, PHRA KHANONG, BANGKOK 10260, THAILAND									
320	T.P.Drug Laboratories (1969) CO., LTD.	98 SOI SUKHUMVIT 62 YAK 1, PHRA KHANONG TAI, PHRA KHANONG, BANGKOK 10260, THAILAND	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00012	20-02-2018	19-02-2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	7
TH-003 » Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Limited » 65 Moo 12, Lardkrabang-Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn, Th-10540, Thailand									
856	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Limited	65 Moo 12, Lardkrabang-Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn, Th-10540, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, Thuốc dùng trong dạng lỏng, viên nén, viên ngậm.	PIC/S-GMP	1-2-07-18-00068	21-05-2018	20-05-2022	Cơ quan quản lý Dược Thái Lan	11
TH-004 » Siam Bheasach Co., Ltd. » 123 Soi Chokechairuammitr, Vibhavadi-Rangsit Road, Chatuchak, Bangkok 10900 and 9 Soi Chokechairuammitr 3, Vibhavadi-Rangsit Road, Dindang, Bangkok 10400, Thailand									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1830	Siam Bheasach Co., Ltd.	123 Soi Chokechairuammitr, Vibhavadi-Rangsit Road, Chatuchak, Bangkok 10900 and 9 Soi Chokechairuammitr 3, Vibhavadi-Rangsit Road, Dindang, Bangkok 10400, Thailand	* Thuốc vô trùng - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, carbapenem) -Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; si rô; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bột; viên nén. Thuốc viên nén, viên nang cứng, thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	PIC/S-GMP	1-2-17-17-20-00063-00470	19-08-2019	18-08-2022	FDA Thailand	20
TH-005 » Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd » 1899 Phaholyothin Road, Ladyao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand									
346	Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd	1899 Phaholyothin Road, Ladyao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand	* Sản xuất, đóng gói sơ cấp, thứ cấp: - Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim, viên nén bao đường; viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén phân tán trong miệng; viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng; * Đóng gói sơ cấp: viên nang mềm; * Đóng gói thứ cấp: thuốc sinh học (Tacrolimus Injection);	PIC/S-GMP	1-2-07-17-20-00020	10-06-2019	09-06-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	8
TH-006 » BioLab Co., Ltd » 625 Soi 7a Bangpoo Industrial Estate, Sukhumvit road, Moo 4, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand									
1760	BioLab Co., Ltd	625 Soi 7a Bangpoo Industrial Estate, Sukhumvit road, Moo 4, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Carbapenem); thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục); thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin (viên nang cứng; thuốc bột).	PIC/S-GMP	1-2-07-17-18-00029	29-03-2021	04-02-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	19
TH-007 » Mega Lifesciences Public Company Limited » Plant I: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand									
1761	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plant I: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm	Australian-GMP (tương đương EU-GMP)	MI-2019-CE-07343-1	02-06-2021	17-10-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	19
TH-008 » Mega Lifesciences Public Company Limited » Plant II: 515/1 Moo 4, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand									
1017	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plant II: 515/1 Moo 4, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand (Cách ghi khác: Plant II: 515/1 Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00009	04-06-2018	03-06-2023	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	12
1018	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plan I: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand (cách ghi khác: Plan I: 384 Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand)	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00009	04-06-2018	03-06-2023	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1144	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plan I: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand (Cách ghi khác: Plan I: 384 Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand)	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm kiểm tra chất lượng, xuất xưởng): viên nang mềm (Vitamin E 600; Alfacalcidol 0,25mcg; Alfacalcidol 1,0mcg; Ibuprofen 200mg; Ibuprofen 400mg; Ibuprofen 600mg; Ursodeoxycholic acid 250mg; Ferrovit (Ferrous fumarate 162mg + folic acid 0.75mg + cyanocobalamin 0.0075mg).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1017	07-07-2017	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Arnsberg), Germany	13
1145	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plant II: 515/1 Moo 4, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand (cách ghi khác: Plant II: 515/1 Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand)	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm đóng gói, xuất xưởng): viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén (viên nén bao Doloteffin; viên nang cứng Korea Ginseng; viên nang Vitamin E 600; Viên nang mềm: Alfacalcidol 0,25mcg / 0,5mcg / 1,0mcg; Ibuprofen 200mg; Ibuprofen 400mg; Ibuprofen 600mg; URSOLIV 250 (Ursodeoxycholic acid 250mg); Ferrovit (Ferrous fumarate 162mg + folic acid 0.75mg + cyanocobalamin 0.0075mg).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1013	07-07-2017	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Arnsberg), Germany	13
1762	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plant II: 515/1 Moo 4, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm, dạng bào chế rắn (viên nang cứng, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim)	Australian-GMP (tương đương EU-GMP)	MI-2019-CE-00258-1	02-06-2021	17-10-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	19
TH-009 » Patar Lab (2517) Co., Ltd » 51 Leabklong 7Rd., M.3, (Thanyaburi- Lumlukka), Bungkamproy, Lumlukka, Pathumthani 12150, Thailand									
1329	Patar Lab (2517) Co., Ltd	51 M.3, Leabklong 7Rd., (Thanyaburi- Lumlukka), Bungkamproy, Lumlukka, Pathumthani 12150, Thailand	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bán rắn, viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-20-00067	18-02-2020	17-02-2023	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	15
TH-010 » Unison Laboratories Co., Ltd. » 39 Moo 4, Klong Udomcholjorn, Muang Chachoengsao, Chachoengsao 24000, Thailand									
1019	Unison Laboratories Co., Ltd.	39 Moo 4, Klong Udomcholjorn, Muang Chachoengsao, Chachoengsao 24000, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, thuốc dạng xịt); thuốc uống dạng lỏng (si rô, hỗn dịch); thuốc bột; thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp: bao gồm cả thuốc viên nén chứa hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-18-00044	19-02-2018	18-02-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	12
TH-012 » The United Drug (1996) Co., Ltd » 208 Romklao Road, Minburi, Bangkok 10510, Thailand									
1221	The United Drug (1996) Co., Ltd	208 Romklao Road, Minburi, Bangkok 10510, Thailand	Viên nang cứng; Thuốc dạng lỏng dùng ngoài; Thuốc dạng lỏng dùng trong; Thuốc bột; Thuốc bán rắn; Viên nén.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-18-00046	20-02-2018	19-02-2022	Food and Drug Administration, Ministry of Public Health, Thailand	14
TH-016 » Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd. » 222 Romklao road, Klongsampravet, Latkrabang, Bangkok 10520, Thailand									
1222	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.	222 Romklao road, Klongsampravet, Latkrabang, Bangkok 10520, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc bán rắn (cream), viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	1-2-17-17-19-00126-00771	21-05-2019	20-05-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	14

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1897	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.	222 Romklao road, Klongsampravet, Latkrabang, Bangkok 10520, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc bán rắn (cream), viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00065	14-12-2021	20-05-2023	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	21
TH-017 » R.X. Manufacturing Co., Ltd » 76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand									
1330	R.X. Manufacturing Co., Ltd.	76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; Viên nén. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins: Viên nang cứng; Thuốc bột; Viên nén.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00016	07-08-2019	21-05-2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	15
1763	R.X. Manufacturing Co., Ltd.	76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (từ ngày 28/10/2019). + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins: Viên nang cứng; Thuốc bột; Viên nén.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-20-00061	11-06-2021	21-05-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	19
TH-020 » Thai Nakorn Patana Co., Ltd » 14 Soi Ngamwongwan 8, Ngamwongwan Road, Bangkhen, Mueang, Nonthaburi 11000, Thailand									
1764	Thai Nakorn Patana Co., Ltd	14 Soi Ngamwongwan 8, Ngamwongwan Road, Bangkhen, Mueang, Nonthaburi 11000, Thailand	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc vô trùng chứa hormon sinh dục: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng trong; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc bột; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao phim. * Thuốc không vô trùng chứa hormon sinh dục: viên nén; viên nén bao đường.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00058	04-03-2019	03-03-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand	19
TR-001 » Eczacibasi Monrol Nukleer Urunler San. Ve tic A.S. » Tubitak Mam Technoparki Baris Mah. Dr.Zeki Acar Cad.No:1, Gebze-Kocaeli, 41470, Turkey									
23	Eczacibasi Monrol Nukleer Urunler San. Ve tic A.S.	Tubitak Mam Technoparki Baris Mah. Dr.Zeki Acar Cad.No:1, Gebze-Kocaeli, 41470, Turkey	* Thuốc phóng xạ: + Dung dịch uống MON.IYOT-131 (74-18500 MBq); + Viên nang cứng MON.IYOT-131 (37-7400MBq); + Viên nang cứng MON.IYOT-131 (0,37-36 MBq); + Bình phát hạt nhân phóng xạ - dung dịch rửa giải dùng cho tiêm hoặc nhỏ mắt MON.TEK 99Mo/99m TC	EU-GMP	049/2017/R O		31-07-2019	NAMMD (National Agency for Medicines and Medical Devices), Rumani	2
24	Eczacibasi Monrol Nukleer Urunler San. Ve tic A.S.	Tubitak Mam Technoparki Baris Mah. Dr.Zeki Acar Cad.No:1, Gebze-Kocaeli, 41470, Turkey	* Thuốc phóng xạ: + Dung dịch uống MON.IYOT-131 (74-18500 MBq); + Viên nang cứng MON.IYOT-131 (37-7400MBq); + Viên nang cứng MON.IYOT-131 (0,37-36 MBq); + Bình phát hạt nhân phóng xạ - dung dịch rửa giải dùng cho tiêm hoặc nhỏ mắt MON.TEK 99Mo/99m TC	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/105 d		30-11-2020	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	2
1223	Eczacibasi Monrol Nukleer Urunler San. Ve tic A.S.	Tubitak Mam Technoparki Baris Mah. Dr.Zeki Acar Cad.No:1, Gebze-Kocaeli, 41470, Turkey	Thuốc phóng xạ: - MON.IYOT-131 74-18500 MBq Oral Solution in a vial (Sodium Iodide(131I)); - MON.IYOT-131 037-7400 MBq (10µCi-200mCi) Oral Capsule (Sodium Iodide (131I)); - MON.TEK 99Mo/99m TC - bình phát hạt nhân phóng xạ (dung dịch rửa giải) (Sodium Pertechnetate (99Tc) Sodium Molybdate (99Mo); - MON.MIBG-131I- Diagnostic 9-120 MBq/ml Solution for I.V. Injection in a Vial (131I); MON.MIBG-131I- Therapeutic 370-3700 MBq/ml Solution for I.V. Injection in a Vial;	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/228	01-11-2018	15-08-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	14
1224	Eczacibas Monrol Nukleer Urunler	Tubitak Mam Tecnopark, Gebze, Kocaeli, 41470, Turkey	Thuốc phóng xạ: MON.IYOT-131 (dung dịch uống, nang cứng), MON.TEK 99Mo/99m TC - bình phát hạt nhân phóng xạ (dung dịch rửa giải)	EU-GMP	DK H 00126119	18-12-2019	14-11-2022	Danish Medicines Agency	14
TR-002 » World Medicine İlaç San.ve Tic.A.Ş » 15 Temmuz Mah. Cami Yolu Cad. No:50 Güneşli Bağcılar/İstanbul, Turkey									
34	World Medicine İlaç San.ve Tic.A.Ş	15 Temmuz Mah. Cami Yolu Cad. No:50 Güneşli Bağcılar/İstanbul TURKEY	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	BG/GMP/2018/119		19-01-2021	Bulgarian Drug Agency	3

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
857	World Medicine Ilac San. Ve Tic. A.S.	15 Temmuz Mah. Cami Yolu Cad. No:50, P.K. 34212 Gunesli Bagcilar, Istanbul, Republic of Turkey	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng (siro; thuốc uống nhỏ giọt); dạng bào chế rắn khác (viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc cốm); chế phẩm sử dụng áp lực (thuốc hít chia liều; thuốc bột hít; thuốc xịt mũi); dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, mỡ, gel); thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	BG/GMP/2018/119	18-04-2018	31-12-2021	Bulgarian Drug Agency	11
858	World Medicine Ilac San. Ve Tic. A.S.	15 Temmuz Mah. Cami Yolu Cad. No:50 Gunesli Bagcilar/Istanbul Turkey	+ Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng (siro, hỗn dịch, dung dịch, thuốc nhỏ tai, thuốc uống nhỏ giọt, thuốc nhỏ mũi, thuốc xịt mũi, thuốc xịt miệng), chế phẩm có áp lực (bột khô để hít, thuốc hít phân liều); dạng bào chế bán rắn (sáp, kem, gel); thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc túi; thuốc ngâm.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/110	11-06-2018	03-08-2020	Turkish Ministry of Health	11
1331	World Medicine Ilac San. Ve Tic. A.S.	15 Temmuz Mah. Cami Yolu Cad. No:50 Gunesli Bagcilar/Istanbul Turkey	+ Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, siro, hỗn dịch), thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch thuốc nhỏ tai, dung dịch thuốc nhỏ mũi, dung dịch thuốc xịt mũi), dạng bào chế rắn khác (thuốc cốm; viên ngâm, thuốc bột hít, thuốc bột uống; vi nang); dạng bào chế bán rắn (sáp, kem, gel); thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; dạng bào chế khác (thuốc hít phân liều; túi cốm) .	PIC/S-GMP	TR/GMP/2019/96	03-07-2019	20-02-2022	Turkish Ministry of Health	15
TR-003 » Mefar İlaç Sanayii A.Ş. » Ramazanoğlu Mah. Ensar Cad. No: 20, Kurtköy - Pendik / Istanbul, Turkey									
1146	Mefar İlaç Sanayii A.S	Ramazanoglu Mah. Ensar Cad. No. 20, Kurtkoy, Istanbul, 34906, Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô.	EU-GMP	DK H 00114519	13-03-2019	21-09-2021	Danish Health and Medicines Authority (DHMA)	13
1147	Mefar İlaç San. A.Ş.	Ramazanoğlu Mah. Ensar Cad. No: 20, Kurtköy - Pendik / Istanbul, Turkey	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/333	27-12-2018	21-09-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	13
TR-004 » Bilim İlaç San. Ve Tic. A.S. » Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sokak No: 1904 41480 Gebze- Kocaeli, Turkey									
245	Bilim İlaç Sanayii Ve Ticaret A. S. (Cách viết khác: Bilim İlaç San. Ve Tic. A.S.)	Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sok. No: 1904, Gebze, Kocaeli, Turkey (Cách viết khác: Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sokak, No: 1904 41480 Gebze-Kocaeli, Turkey)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc nhỏ mắt, hỗn dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ tai, hỗn dịch thuốc nhỏ tai + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng: Giải phóng thay đổi, kháng dịch vị, giải phóng kéo dài; + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: dung dịch nhỏ mũi, dung dịch thuốc nhỏ tai, hỗn dịch nhỏ mũi, hỗn dịch thuốc nhỏ tai, thuốc xịt mũi. + Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch, thuốc nhỏ giọt, siro, hỗn dịch, nhũ dịch. + Dạng bào chế bán rắn khác: Thuốc cốm giải phóng thay đổi, thuốc cốm sủi bột, thuốc cốm kháng dịch vị. + Thuốc bán rắn: kem, gel, mỡ	PIC/S-GMP	TR/GMP/2019/199	21-11-2019	29-11-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	6
246	Bilim İlaç Sanayi Ve Ticaret A. S. (Cách viết khác: Bilim İlaç San. Ve Tic. A.S.)	Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sokak No: 1904, Gebze, Kocaeli, Turkey (Cách viết khác: Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sokak, No: 1904 41480 Gebze-Kocaeli, Turkey)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (siro và hỗn dịch); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống (đóng chai và gói).	EU-GMP	381-10-05/162-18-07	05-01-2017	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices, Croatia	6
TR-005 » Sandoz Grup Sağlık Ürünleri İlaçları San. Ve Tic. A.S. » Gebze Organized Industrial Region İhsan Dede Cadde No. 900. Sokak TR-41480 Gebze-Kocaeli, Turkey									
415	Sandoz Grup Sağlık Ürünleri İlaçları San. Ve Tic. A.S.	Gebze Organized Industrial Region İhsan Dede Cadde No. 900. Sokak TR-41480 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2019_0012	15-03-2019	31-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	8
TR-006 » İlko İlaç San. Ve Tic. A.S. » 3. Organize Sanayi Bolgesi (hoặc OSB), Buyuk Kayacik Mah. Kuddusi Cad., 23.Sok. No:1, Selcuklu, Konya, Turkey									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
510	ILKO ILAC SAN. VE TIC. A.S	3. Organize Sanayi Bolgesi (hoặc OSB), Buyuk Kayacik Mah. Kuddusi Cad., 23.Sok. No:1, Selcuklu, Konya, Turkey (cách ghi khác: 3. Organize Sanayi Bolgesi (hoặc OSB), Kuddusi Cad., 23.Sok. No:1, Selcuklu, Konya, Turkey)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (viên nang kiểm soát giải phóng, viên nang tan trong ruột); thuốc bán rắn (mỡ, kem, gel); Viên nén; Viên nén bao; viên nén kiểm soát giải phóng; viên nén bao phim; viên nhai; viên bao tan trong ruột; thuốc khác (cốm, bột, pellet)	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/195	19-09-2018	11-05-2021	Cơ quan quản lý Thổ Nhĩ Kỳ	9
TR-008 » Sanofi Ilac Sanayi. Ve Tic. A.S. » Kucukkaristiran Mah. Merkez Sok. No. 223/A Buyukkaristiran / Luleburgaz/Kirklareli									
247	Sanofi Ilac Sanayi. Ve Ticaret Anonim Sirketi (AS)	Kucukkaristiran Mahallesi, Merkez Sok. No. 223/A 39780, Buyukkaristiran / Luleburgaz/Kirklareli, Turkey.	Thuốc không vô trùng: thuốc đặt.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/99	23-05-2018	25-01-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	6
2215	Sanofi Ilac Sanayi. Ve Ticaret Anonim Sirketi (AS)	Kucukkaristiran Mahallesi. Merkez Sok. No. 223/A 39780, Buyukkaristiran / Luleburgaz/Kirklareli, Turkey.	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả viên nang cứng bao tan trong ruột; viên nang cứng chứa cephalosporin; viên nang cứng giải phóng kéo dài); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch xịt mũi; dung dịch, hỗn dịch dùng ngoài da); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch uống; dung dịch, thuốc dạng lỏng dạng giọt ; hỗn dịch chứa kháng sinh nhóm penicillin, syrup chứa kháng sinh nhóm penicillins); thuốc cốm; cốm pha hỗn dịch uống chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Penicillins; thuốc ngậm (pastille); thuốc bột hít; thuốc bán rắn (kem, kem bôi âm đạo, gel, gel thấm qua da, mỡ, mỡ thấm qua da; thuốc đặt, thuốc trứng; viên nén (tan trong miệng, nhai, giải phóng biến đổi, sủi, bao tan trong ruột, giải phóng kéo dài; bao phim, bao đường chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins và Penicillins); * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp các dạng thuốc trên; * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh vô trùng và không vô trùng; hóa học/ vật lý; sinh học.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2022/268	09-11-2022	25-03-2025	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	25
TR-009 » Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Şirketi » Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mh. 5. Sk. No.6, Kapaklı- Tekirdağ, 59510, Turkey									
485	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.Ş. (Cách viết khác: Bilim Ilac San. Ve Tic. A.S.)	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi Karaağaç Mah. 5. Sok. No:6 Kapaklı/Tekirdağ, Turkey (Cách viết khác: Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mahallesi. 5. Sok. No:6, Kapaklı- Tekirdağ , Turkey)	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài, viên nang cứng giải phóng thay đổi, viên nang cứng tan trong ruột. + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng thay đổi, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén tan trong ruột. + Thuốc bột pha dung dịch uống, thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dạng uống, thuốc bột pha siro. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dạng uống, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2020/57	02-03-2020	26-10-2020	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	9
486	BILIM İLAÇ SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ (Cách viết khác: Bilim Ilac San. Ve Tic. A.S.)	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mh. 5. Sk. No.6, Kapaklı- Tekirdağ 59510, Turkey (Cách viết khác: Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mahallesi. 5. Sok. No:6, Kapaklı- Tekirdağ , Turkey)	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	Klasa: UP/I-530-10/17-03/16, Urbroj: 381-10-05/243-17-11	22-12-2017	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices, Croatia	9
1225	Bilim Ilac Sanayii Ve Ticaret A.Ş. (* Cách ghi khác: Bilim Ilac San. Ve Tic. A.S.)	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi Karaağaç Mah. 5. Sok. No:6 Kapaklı/Tekirdağ, Turkey (Cách viết khác: Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mahallesi. 5. Sok. No:6, Kapaklı- Tekirdağ , Turkey)	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài, viên nang cứng giải phóng thay đổi, viên nang cứng tan trong ruột. + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng thay đổi, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén tan trong ruột. + Thuốc bột pha dung dịch uống, thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dạng uống, thuốc bột pha siro. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dạng uống, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2020/193	07-10-2020	01-04-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	14

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1430	Bilim İlaç Sanayii Ve Ticaret A.Ş. (* Cách ghi khác: Bilim İlaç San. Ve Tic. A.S.)	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi Karaağaç Mah. 5. Sok. No:6 Kapaklı/Tekirdağ, Turkey (Cách viết khác: Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mahallesi. 5. Sok. No:6, Kapaklı-Tekirdağ, , Turkey)	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài, viên nang cứng giải phóng thay đổi, viên nang cứng tan trong ruột. + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng thay đổi, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén tan trong ruột. + Thuốc bột pha dung dịch uống, thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dạng uống, thuốc bột pha siro. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dạng uống, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2021/77	16-03-2021	31-12-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	16
TR-011 » SANTA FARMA İLAÇ SANAYİİ ANONİM ŞİRKETİ » Kocaeli, Gebze V (Kimya) İhtisas OSB Erol Kiresepi Cad. No:8, 41455 Dilovasi - KOCAELİ, Turkey									
423	SANTA FARMA İLAÇ SANAYİİ ANONİM ŞİRKETİ	Kocaeli, Gebze V (Kimya) İhtisas OSB Erol Kiresepi Cad. No:8, 41455 Dilovasi KOCAELİ, Turkey cách viết khác: Kocaeli, Gebze V (Kimya) İhtisas OSB Erol Kiresepi Cad. No:8, Dilovasi - KOCAELİ, Turkey	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Thuốc dùng trong dạng lỏng: Thuốc sirô; thuốc xit; dung dịch; nước súc miệng; thuốc nhỏ mũi; thuốc nhỏ tai; thuốc xịt mũi (chứa hormon Cortisone); + Thuốc cốt; thuốc pellet; thuốc bột pha dung dịch-hỗn dịch uống; thuốc cốt pha dung dịch-hỗn dịch uống; + Thuốc bán rắn: Thuốc mỡ; thuốc kem (chứa hormon Cortisone); gel; lotion; + Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UP/I-530-10/20-03/04; 381-10-05/241-20-03	11-02-2020	05-09-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	8
424	SANTA FARMA İLAÇ SAN. A.S	Gebkim Organize Sanayi Bölgesi Çerkesli, Yolu, Üzeri Erol Kiresepi Cad. No:8 Dilovasi/Kocaeli/Turkey (* Cách viết khác: Gebkim Kimya İhtisas Organize Sanayi Bölgesi Çerkesli, Yolu, Üzeri Erol Kiresepi Cad. No:8, 41455 Dilovasi/Kocaeli/Turkiye)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nang cứng tan trong ruột, viên nang cứng kiểm soát giải phóng; + Thuốc dùng trong dạng lỏng: sirô; dung dịch uống, nước súc miệng; hỗn dịch. + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: thuốc xịt; thuốc nhỏ mũi; thuốc nhỏ tai; thuốc xịt mũi; dung dịch thực trực tràng. + Thuốc cốt; thuốc cốt sủi bọt, thuốc cốt giải phóng có kiểm soát, thuốc cốt tan tại ruột; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc cốt pha hỗn dịch uống; pellet. + Thuốc mỡ; thuốc kem; gel; lotion. + Viên nén; viên nén bao phim, viên nén giải phóng kiểm soát, viên nén tan tại ruột, viên nén đặt dưới lưỡi, viên nén hòa tan, viên nén nhai, viên nén ngậm, viên nén phân tán, viên nén đặt âm đạo, viên, viên nén bao hai lớp, viên nén sủi.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2019/99	28-05-2019	08-05-2022	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	8
TR-012 » Novartis Sağlık, Gıda Ve Tarım Ürünleri San. Ve Tic. A.S. » Yenisehir Mahallesi İhlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey									
681	Novartis Sağlık, Gıda Ve Tarım Ürünleri San. Ve Tic. A.S.	Yenisehir Mahallesi, İhlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang cứng giải phóng biến đổi; thuốc cốt, bột nhão, viên nén nhai, viên nén giải phóng biến đổi, viên nén sủi bọt, viên nén tan trong ruột, viên nén bao phim, viên nén bao. Viên nén pha hỗn dịch, viên nén, viên nén giải phóng chậm.	PIC/S-GMP	TR/ÜY/2020/25-1	05-06-2020	11-03-2023	Republic of Turkey Ministry of Health	10
682	Novartis Sağlık, Gıda Ve Tarım Ürünleri San. Ve Tic. A.S.	Yenisehir Mahallesi, İhlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén: Viên nén, viên nén bao đường; viên nén bao tan trong ruột; viên nén không tan trong dạ dày; (Phạm vi thanh tra chỉ giới hạn ở viên nén)	EU-GMP	DE_BE_05_GMP_2019_0064	27-09-2019	31-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức	10
TR-013 » PHARMAVISION SAN. VE TİC. A.S. » Davutpasa Caddesi No:145 Topkapi, Istanbul, Turkey									
859	Pharmavision Sanayi Ve Ticaret Anonim Şirketi (Cách viết khác: Pharmavision San. Ve Tic. A.S.)	Davutpasa Caddesi No:145 Topkapi, Istanbul, Turkey (Cách viết khác: Davutpasa Caddesi No:145 Topkapi, Zeytinburnu, Istanbul, Turkey)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (thuốc dùng ngoài da). + Thuốc dùng trong dạng lỏng (dung dịch uống, hỗn dịch uống, si rô, thuốc uống nhỏ giọt). + Thuốc bột pha hỗn dịch uống. + Thuốc dạng bán rắn (kem, thuốc mỡ, gel, nhũ tương dùng ngoài da). + Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén nhai, dragee). * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nang cứng.	PIC/s-GMP	TR/GMP/2019/145	05-08-2019	21-03-2022	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	11
1148	Pharmavision Sanayi Ve Ticaret Anonim Şirketi (Cách viết khác: Pharmavision San. Ve Tic. A.S.)	Davutpasa cad. No:145, 34010 Topkapi, Istanbul, Turkey	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/15; 381-10-05/241-18-11	17-01-2018	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
TR-014 » Berko Ilac Ve Kimya San. A.S » Adil Mahallesi, Yörükler Sokak No: 2 34920 Sultanbeyli, Istanbul, Turkey									
1967	Berko Ilac Ve Kimya San. A.S	Adil Mahallesi, Yörükler Sokak No: 2 34920 Sultanbeyli, Istanbul, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Siro; thuốc uống nhỏ giọt; thuốc xịt (không có khí gas); dung dịch thuốc; hỗn dịch thuốc; viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc gói; thuốc bột pha hỗn dịch; thuốc đạn; lotion; thuốc trứng; thuốc kem; thuốc mỡ; thuốc gel.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/281	26-11-2018	20-04-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA), Turkey	22
2216	Berko Ilac Ve Kimya San. A.S	Adil Mahallesi, Yörükler Sokak No: 2 34920 Sultanbeyli, Istanbul, Turkey	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc xịt (không có khí gas); dung dịch thuốc uống/ thuốc uống nhỏ giọt; hỗn dịch thuốc uống; siro; thuốc kem; thuốc mỡ; thuốc gel; thuốc đạn; thuốc trứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc gói.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2021/247	23-11-2021	10-09-2024	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA), Turkey	25
TR-015 » NOBEL ILAC SANAYII VE TICARET A.S. » Sancaklar 81100, Duzce, Turkey									
1149	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S.	Sancaklar Mah. Eski Akcakoca Cad. No: 299, 81100, Duzce. Turkey	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (viên nang, micropellet); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (thuốc xịt, dung dịch dùng ngoài); Thuốc dùng trong dạng lỏng (hỗn dịch, si rô); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel); Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên ngậm, dragee); Thuốc bột, thuốc cốm. + Xuất xưởng lọ. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén bao phim; Bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói sơ cấp: + Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (viên nang, micropellet); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (thuốc xịt, dung dịch dùng ngoài); Thuốc dùng trong dạng lỏng (hỗn dịch, si rô); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel); Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên ngậm, dragee); Thuốc bột, thuốc cốm. + Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén bao phim; Bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng); Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/204	27-09-2018	12-04-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	13
1431	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S.	Sancaklar 81100, Duzce- Turkey (* Cách ghi khác: Sancaklar Mah. Eski Akcakoca Cad. No: 299, 81100, Duzce. Turkey)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc xịt; si rô, hỗn dịch uống; thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc cốm pha hỗn dịch niêm mạc miệng; thuốc kem; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	BG/GMP/2018/113	11-01-2018	31-12-2021	Bulgarian Drug Agency	16
TR-016 » Atabay Kimya San. ve Tic. A.S. » Dilovası Organize Sanayi Bölgesi 4. Kısım Sakarya Cad. No:28, Gebze/Kocaeli, Turkey									
860	Atabay Kimya Sanayi ve Ticaret A.S. (Gebze sterile plant, Gebze non-sterile plant and Gebze beta-lactam antibiotic plant)	Dilovası Organize Sanayii Bölgesi 4, Kısım Sakarya Caddesi No:28 Gebze / Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Bột pha hỗn dịch uống; Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	BG/GMP/2019/159	02-08-2019	12-06-2022	Bulgarian Drug Agency	11
861	Atabay Kimya San. ve Tic. A.S.	Dilovası Organize Sanayi Bölgesi, 4. Kısım Sakarya Caddesi No:28, Gebze / Kocaeli, Turkey	* Thuốc uống chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống; viên nang.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/109	31-05-2018	01-02-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	11
TR-020 » Pharmactive Ilac Sanayi ve Ticaret A.S. » C.O.S.B. Karaagac Mahallesi Fatih Bulvarı, No 32, Kapaklı/Tekirdag, 59510, Turkey									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1151	Pharmactive İlaç Sanayi ve Ticaret A.S.	Karaagac Mahallesi Fatih Bulvarı, No: 32, Çerkezköy, Organize Sanayi Bölgesi Kapaklı/Tekirdag, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotion, thuốc xịt ngoài da); Thuốc dùng trong dạng lỏng (thuốc uống nhỏ giọt, thuốc dung dịch uống, si rô, nhũ dịch, hỗn dịch uống); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Viên nén (Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén sủi, viên nén nhai, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén rã, viên nén bao, dragee). * Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotion, thuốc xịt ngoài da); Thuốc dùng trong dạng lỏng (thuốc uống nhỏ giọt, thuốc dung dịch uống, si rô, nhũ dịch, hỗn dịch uống); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Viên nén (Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén sủi, viên nén nhai, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén rã, viên nén bao, dragee). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Vật lý: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2018/276	20-11-2018	02-03-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	13
1898	Pharmactive İlaç Sanayi ve Ticaret A.Ş.	Çerkezköy, Organize Sanayi Bölgesi Karaağaç Mahallesi Fatih Bulvarı, No: 32, Kapaklı Tekirdağ, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (Viên nang cứng tan trong ruột, viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch xịt niêm mạc miệng, dung dịch xịt mũi, thuốc xịt ngoài da, nước súc miệng, nhũ dịch); Thuốc dùng trong dạng lỏng (thuốc uống nhỏ giọt, dung dịch uống, si rô, nhũ dịch, hỗn dịch uống); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Viên nén (Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén sủi, viên nén nhai, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén rã trong miệng, viên nén bao). * Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng, Không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2021/300	21-12-2021	08-10-2024	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	21
2099	Pharmactive İlaç Sanayi ve Ticaret A.Ş.	Çerkezköy, Organize Sanayi Bölgesi Karaağaç Mahallesi Fatih Bulvarı, No: 32, Kapaklı Tekirdağ, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (Viên nang cứng tan trong ruột, viên nang cứng, viên nang cứng giải phóng kéo dài); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch xịt niêm mạc miệng, dung dịch xịt mũi, thuốc xịt ngoài da, nước súc miệng, nhũ dịch); Thuốc dùng trong dạng lỏng (thuốc uống nhỏ giọt, dung dịch uống, si rô, nhũ dịch, hỗn dịch uống, nhũ dịch); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel, mỡ); Viên nén (Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén sủi, viên nén nhai, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén rã trong miệng, viên nén bao); Thuốc dạng rắn khác (Thuốc bột sủi bọt, cốm sủi bọt, bột pha hỗn dịch uống, thuốc bột dùng ngoài). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Thuốc dạng bán rắn; Viên nén; Thuốc dạng rắn khác. * Đóng gói thứ cấp.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2022/31	26-01-2022	08-10-2024	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	24
TR-021 » Exeltis İlaç San. ve Tic. A.Ş. » Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Gaziosmanpaşa Mahallesi, Fatih Bulvarı No:19/2, Çerkezköy-Tekirdağ, Turkey									
1555	Exeltis İlaç San. ve Tic. A.Ş.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Gaziosmanpaşa Mahallesi, Fatih Bulvarı No:19/2, Çerkezköy-Tekirdağ, Turkey	* Thuốc trứng/thuốc đạn; Thuốc kem/Gel	EU-GMP	ES/074HV/18*	10-02-2021	19-02-2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	17
1556	Exeltis İlaç San. ve Tic. A.Ş.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Gaziosmanpaşa Mahallesi, Fatih Bulvarı No:19/2, Çerkezköy-Tekirdağ, Turkey	* Thuốc trứng/thuốc đạn; Thuốc kem/Gel	PIC/S-GMP	TR/GMP/2021/80	17-03-2021	31-12-2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	17
TR-023 » DEVA Holding A.S. » Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaagac Mah., Atatürk Cad. No. 32 TR-59510 Kapaklı/ Tekirdag Turkey									
2217	Deva Holding A.S.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mah., Atatürk Cad., No: 32, Kapaklı / Tekirdağ, Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền dạng lọ (chứa kháng sinh cephalosporin); * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa kháng sinh non-betalactam; chứa kháng sinh Cephalosporin); Viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch xịt miệng chứa kháng sinh non-betalactam; thuốc xịt mũi chứa kháng sinh non-betalactam; dung dịch dùng ngoài da chứa kháng sinh non-betalactam/chứa hormone); Thuốc dùng trong dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch, siro chứa kháng sinh non-betalactam); bột pha hỗn dịch uống (chứa kháng sinh non-betalactam/chứa penicillin, cephalosporin); Bột hít dạng viên nang cứng; Dạng bào chế có áp lực (Thuốc hít); Thuốc dạng bán rắn (kem, gel; mỡ chứa kháng sinh non-betalactam/chứa hormone); Thuốc đạn chứa kháng sinh non-betalactam; Viên nén, viên nén bao phim (chứa kháng sinh non-betalactam/chứa penicillin, cephalosporin/chứa hormone); viên nén nhai, viên nén kháng dịch vị (chứa kháng sinh non-betalactam); * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc dùng trong dạng lỏng, dạng bào chế rắn khác, dạng bào chế có áp lực, thuốc bán rắn, thuốc đạn, viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng); Vi sinh (Không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2022/120	05-04-2022	17-12-2024	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	25

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2218	Deva Holding A.S.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mah., Atatürk Cad., No. 32, TR-59510 Kapaklı / Tekirdağ, Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng trong dạng lỏng; Bột pha hỗn dịch uống chứa kháng sinh nhóm Penicillin; Dạng bào chế có áp lực; Viên nén, viên nén bao phim bao gồm cả chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (Vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0044	14-03-2019	13-10-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	25
TR-024 » Osel Ilac San. Ve Tic. A.S. » Akbaba Mahallesi Maras Caddesi No.: 52 Beykoz Istanbul, Turkey									
1432	Osel Ilac San. Ve Tic. A.S.	Akbaba Mahallesi Maras Caddesi No.: 52 Beykoz Istanbul, Turkey	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ: Dung dịch tiêm. - Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích lớn (Dung dịch tiêm truyền; dung dịch rửa vết thương); Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Dung dịch tiêm; dung dịch tiêm truyền). * Thuốc không vô trùng: - Thuốc dạng lỏng dùng ngoài: Dung dịch dùng cho trực tràng; Dung dịch xịt niêm mạc miệng; Dung dịch nhỏ mũi; Dung dịch xịt mũi; Dung dịch xịt ngoài da; Dung dịch súc miệng; Dung dịch nhỏ tai; Thuốc nhỏ niêm mạc miệng; Nhũ dịch dùng ngoài da; Hỗn dịch trực tràng; Hỗn dịch dùng cho niêm mạc miệng. - Thuốc dạng lỏng dùng bên trong: Dung dịch uống; Dung dịch nhỏ giọt; Hỗn dịch dùng cho dạ dày; Hỗn dịch dùng cho trực tràng; Siro.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2020/125	18-06-2020	09-08-2022	Turkish Medicines and Medical Devices Agency	16
TR-028 » AROMA İLAÇ SAN LTD ŞTİ » Vakıflar OSB Mahallesi Sanayi Caddesi No:22/1 Kat:2 Ergene/ TEKİRDAĞ, Turkey									
2100	AROMA İLAÇ SAN. LTD. ŞTİ.	Vakıflar OSB Mahallesi, Sanayi Caddesi, No: 22/1 Kat 2, Ergene/Tekirdağ, Turkey	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: + Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc bột đậm đặc pha dung dịch để tiêm truyền và bột pha dung dịch uống). + Dung dịch thể tích nhỏ dạng ampoule, lọ. - Thuốc tiết trùng cuối: + Dung dịch thể tích nhỏ dạng ampoule, lọ. * Thuốc sinh học: - Thuốc miễn dịch (sản xuất một phần bulk (trộn sản phẩm bulk vô trùng trước khi đóng), đóng gói sơ cấp và thứ cấp cho vắc xin bất hoạt Coronavac Trung Quốc phát triển bởi công ty SINOVAC). - Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp.	PIC/S-GMP	TR/GMP/2021/307	23-12-2021	31-12-2022	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)	24
TW-001 » Pfizer Biotech Corporation, Hsinchu Plant » No. 290-1, Chung Lun Village, Hsinfeng, Hsinchu, 30442, Taiwan									
321	Pfizer Biotech Corporation, Hsinchu Plant	No. 290-1, Chung Lun Village, Hsinfeng, Hsinchu, 30442, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên bao), thuốc bột; viên nang cứng;	PIC/S-GMP	4731	20-11-2018	26-11-2020	The Republic of China Food and Drug Administration (Taiwan)	7
1020	Pfizer Biotech Corporation, Hsinchu Plant	No. 290-1, Chung Lun Village, Hsinfeng, Hsinchu, 30442, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên bao), thuốc bột; viên nang cứng;	PIC/S-GMP	06395	20-06-2020	26-11-2022	The Republic of China Food and Drug Administration (Taiwan)	12
TW-003 » Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd. » No. 6-20, Tuku., Tuku Village, Sinying district, Tainan city 73055, Taiwan									
463	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	No. 6-20, Tuku., Tuku Village, Sinying district, Tainan city 73055, Taiwan	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Hỗn dịch tiêm, dung dịch tiêm thể tích nhỏ, thuốc tiêm bột đông khô; Thuốc tiêm bột cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc, viên nang, viên nén, viên nén bao, thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S-GMP	4985	22-02-2019	11-03-2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	9
1433	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	No. 6-20, Tuku., Tuku Village, Sinying district, Tainan city 73055, Taiwan	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Hỗn dịch tiêm, dung dịch tiêm thể tích nhỏ, thuốc tiêm bột đông khô; Thuốc tiêm bột cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc, viên nang, viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S-GMP	06983	01-04-2021	11-03-2023	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	16
TW-004 » Lotus Pharmaceutical Co., Ltd. Nantou Plant » No.30, Chenggong 1st Rd., Sinsing Village, Nantou City, Nantou County 54066, Taiwan									
248	Lotus Pharmaceutical Co., Ltd. Nantou Plant	No.30, Chenggong 1st Rd., Sinsing Village, Nantou City, Nantou County 54066, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: - dung dịch thuốc - viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, viên nang mềm - Thuốc chứa chất độc tế bào: viên nén bao, viên nang cứng, viên nang mềm , - Thuốc chứa hormon: viên nén	PIC/S-GMP	5272	04-07-2019	05-11-2021	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)	6

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1968	Lotus Pharmaceutical Co., Ltd. Nantou Plant	No.30, Chenggong 1st Rd., Sinsing Village, Nantou City, Nantou County 54066, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: - Dung dịch thuốc. - Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, viên nang mềm. - Thuốc chứa chất độc tế bào: viên nén bao phim, viên nang cứng, viên nang mềm.	PIC/S-GMP	07489	02-11-2021	05-11-2024	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)	22
TW-005 » 2nd Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd » No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan									
683	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, hỗn dịch thuốc uống, dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ) miếng gạc, viên nén, viên bao đường, viên bao phim, viên nén phóng thích kéo dài, thuốc cốm, viên nang cứng, pellet, thuốc đặt.	PIC/S-GMP	5594	05-10-2019	11-12-2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	10
1765	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, hỗn dịch thuốc uống, dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ) miếng gạc, viên nén, viên bao đường, viên bao phim, viên nén phóng thích kéo dài, thuốc cốm, viên nang cứng, pellet, thuốc đặt.	PIC/S-GMP	07433	18-10-2021	11-12-2022	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	19
1969	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, hỗn dịch thuốc uống, nhũ dịch thuốc uống, dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ) miếng gạc, viên nén, viên bao, thuốc cốm, viên nang cứng, pellet.	PIC/S-GMP	07561	15-12-2021	11-12-2024	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	22
TW-006 » Gentle Pharma Co., Ltd. » No.2, Fon Tan Rd., Jiasing Village, Da Bi Hsiang, Yunlin, Taiwan, R.O.C.									
472	Gentle Pharma Co., Ltd.	No.2, Fon Tan Rd., Jiasing Village, Da Bi Hsiang, Yunlin, Taiwan, R.O.C. (* Cách ghi khác: No.2, Fon Tan Rd., Fon Tan Ind. Dist., Da Bi Hsiang, Yunlin Hsien, Taiwan, R.O.C.)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ; thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai, nhỏ mũi; thuốc bột đông khô. + Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch; thuốc dạng bán rắn; viên nén, thuốc bột, thuốc cốm; viên nang. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: + Thuốc vô trùng (thuốc sản xuất vô trùng): Đóng lọ thuốc bột. + Thuốc không vô trùng: Thuốc cốm, thuốc bột; viên nang. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: + Thuốc vô trùng (thuốc sản xuất vô trùng): Đóng lọ thuốc bột. + Thuốc không vô trùng: Thuốc cốm; viên nang. * Thuốc chứa kháng sinh Carbapenem:	PIC/S-GMP	5666	28-10-2019	30-09-2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	9
TW-007 » Ta Fong Pharmaceutical Co. Ltd » 11, An-Tou Lane, Yen-Ping Li, Changhua City, Taiwan, ROC									
374	Ta Fong Pharmaceutical Co. Ltd.	11, An-Tou Lane, Yen-Ping Li, Changhua City, Taiwan, (R.O.C.)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm (Dạng lỏng thể tích nhỏ). + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm (Dạng lỏng thể tích nhỏ; Bao gồm cả sản phẩm chứa học môn sinh dục nữ). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch; thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel); viên bao (viên nén, cốm, bột); viên nang; thuốc đạn.	PIC/S-GMP	06103	08-01-2020	09-03-2022	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	8
TW-008 » TTY Biopharm Company Limited Lioudu Factory » No.5, Gongjian W.Rd., Qidu district, Keelung, Taiwan, R.O.C									
862	TTY Biopharm Company Limited Lioudu Factory	No.5, Gongjian W.Rd., Qidu district, Keelung, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	1072000219 34-001 (3181)	05-08-2016	06-02-2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	11
1970	TTY Biopharm Company Limited Lioudu Factory	No.5, Gongjian W.Rd., Qidu district, Keelung, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	07384	01-10-2021	06-02-2023	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	22
TW-009 » TTY Biopharm Company Limited Chungli Factory » 838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
863	TTY Biopharm Company Limited Chungli Factory	838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn. * Thuốc chứa chất độc tế bào: thuốc tiêm (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối); Liposome để tiêm (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng); viên nang.	PIC/S-GMP	6038	19-11-2019	30-09-2021	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)	11
1971	TTY Biopharm Company Limited Chungli Factory	838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn. * Thuốc chứa chất độc tế bào: thuốc tiêm (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối); Liposome để tiêm (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng); viên nang.	PIC/S-GMP	7332	24-08-2021	30-09-2023	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)	22
TW-010 » Taiwan Biotech Co., Ltd. » 22, Chieh Shou Rd., Taoyuan Dist., Taoyuan City, Taiwan, R.O.C									
498	Taiwan Biotech Co., Ltd.	22, Chieh Shou Rd., Taoyuan Dist., Taoyuan City, Taiwan (R.O.C)	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: + Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc tiêm, tiêm truyền); + thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai, nhỏ mũi. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ và dung dịch thể tích lớn (thuốc tiêm, tiêm truyền). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch; viên bao, viên nén, thuốc cốm, thuốc bột; viên nang cứng chứa pellet; pellets; miếng dán	PIC/S-GMP	06030	18-11-2019	30-12-2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	9
2041	Taiwan Biotech Co., Ltd.	No. 22, Chieh-Shou Rd., Taoyuan Dist., Taoyuan City, Taiwan, R.O.C.	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc tiêm, tiêm truyền); thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai, nhỏ mũi. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ và dung dịch thể tích lớn (thuốc tiêm, tiêm truyền). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch; viên bao, viên nén, thuốc cốm, thuốc bột; viên nang cứng chứa pellet; pellets; miếng dán.	PIC/S-GMP	07651	10-01-2022	30-12-2023	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	23
TW-011 » Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd » 128 Shinmin Road, Hunei Village, West District, Chiayi City, Taiwan									
595	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd	128 Shinmin Road, Hunei Village, West District, Chiayi City, Taiwan	* Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ, thuốc tiêm truyền, hỗn dịch tiêm * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc; thuốc kem; thuốc mỡ; viên nén; viên nén bao phim; viên nang	PIC/S-GMP	6291	15-05-2020	17-11-2022	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	9
TW-012 » Nang Kuang Pharmaceutical Co., Ltd » No. 1001, 1001-1, Zhongshan Rd., Xinhua Dist, Tainan City, Taiwan (R.O.C.)									
684	Nang Kuang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1001, 1001-1, Zhongshan Rd., Xinhua Dist, Tainan City, Taiwan (R.O.C.)	* Thuốc không vô trùng: dung dịch; thuốc mỡ (thuốc kem); viên nén bao phim (viên nén, thuốc bột, thuốc cốm); viên nang cứng.	PIC/S-GMP	4748	03-12-2018	11-06-2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	10
1152	Nang Kuang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1001, 1001-1, Zhongshan Rd., Xinhua Dist, Tainan City, Taiwan (R.O.C.)	* Thuốc không vô trùng: dung dịch; thuốc mỡ (thuốc kem); viên nén bao phim (viên nén, thuốc bột, thuốc cốm); viên nang cứng.	PIC/S-GMP	06346	22-05-2020	11-06-2022	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	13
TW-013 » Orient Pharma Co., Ltd. » No. 8, Kehu 1st Road, Huwei Township, Yunlin County 63247, Taiwan, R.O.C									
864	Orient Pharma Co., Ltd.	No. 8, Kehu 1st Road, Huwei Township, Yunlin County 63247, Taiwan, R.O.C	Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang chứa pellet, pellet, viên nang	PIC/S-GMP	06625	06-10-2020	28-04-2024	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	11
TW-015 » U Chu Pharmaceutical Co., Ltd. » (32473) No. 17-1 Chih Lan Vil., Shin Wu dist., Tao Yuan city, Taiwan, R.O.C									
865	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd.	(32473) No. 17-1 Chih Lan Vil., Shin Wu dist., Tao Yuan city, Taiwan, R.O.C. (Cách viết khác: No. 17-1 Chih Lan Vil., Shin Wu dist., Tao Yuan city, Taiwan, R.O.C.)	* Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; Thuốc dạng bán rắn (thuốc mỡ, kem); viên nén bao phim, viên nén; thuốc bột, thuốc cốm; viên nang mềm, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	6534	03-09-2020	14-10-2023	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	11
TW-016 » China Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd. Hsinfong Plant » No. 182-1, Keng Tze Kou, Hsinfong Shiang, Hsinchu County, Taiwan (R.O.C)									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1226	China Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd. Hsinfong Plant	No. 182-1, Keng Tze Kou, Hsinfong Shiang, Hsinchu County, Taiwan (R.O.C)	* Thuốc vô trùng: + Dạng rắn: thuốc sản xuất vô trùng dạng bột đông khô * Thuốc không vô trùng: + Dạng lỏng: dung dịch; thuốc bán rắn; viên bao (viên nén, thuốc bột, thuốc cốm); viên nang chứa pellets; pellets; thuốc đặt.	PIC/S-GMP	06654	30-10-2020	09-10-2022	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	14
TW-017 » Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd. » No. 26, Shin Chong Road, Tainan, Taiwan									
2101	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 26, Shin Chong Road, Tainan, Taiwan	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ; dung dịch nhỏ mắt, tai, mũi thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng dung dịch dùng trong, dùng ngoài; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	5331	22-07-2019	20-09-2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	24
TW-019 » Tai Yu Chemical&Pharmaceutical Co., Ltd » No.1 Alley 13, Lane 11, Yun San Road, Chutung, Hsinchu, Taiwan									
1831	Tai Yu Chemical&Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Alley 13, Lane 11, Yun San Road, Chutung, Hsinchu, Taiwan R.O.C	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ, dung dịch tiêm thể tích nhỏ và thể tích lớn, dung dịch thể tích lớn, nước pha tiêm (thể tích lớn và thể tích nhỏ), + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm bột * Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao, thuốc cốm, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	06935	09-03-2021	07-03-2023	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)	20
UA-001 » Private Joint Stock Company "Pharmaceutical firm "Darnitsa" » 13 Boryspilska street, Kyiv, 02093, Ukraine									
1021	Private Joint Stock Company "Pharmaceutical firm "Darnitsa" (PrJSC "Pharmaceutical firm "Darnitsa")	13 Boryspilska street, Kyiv, 02093, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon); thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon và sulfanilamide); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon và sulfanilamide). * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học.	PIC/S-GMP	035/2019/GMP	07-06-2019	12-04-2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	12
1557	Private Joint Stock Company "Pharmaceutical firm "Darnitsa"	13 Boryspilska street, Kyiv 02093, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học. Giới hạn phạm vi: Fluconazole IBE 2 mg/ml solution for infusion 100 ml bottle LT/1/17/4063/001, Furosemide IBE 10 mg/ml 2 ml amp. N10 solution for injections or infusions LT/1/17/4155/001, Glucose IBE 50 mg/ml solution for infusion 250 ml, 500ml bottle LT/1/17/4060/001-002, Magnesium sulfate heptahydrate IBE 250 mg/ml solution for injections/infusions 5 ml amp. N10, 10 ml amp. N5, 10 ml amp. N10 LT/1/17/4110/001-003, Sodium chloride IBE 9mg/ml 5 ml amp. N10 solution for injections LT/1/17/4062/003, Sodium chloride IBE 9mg/ml solution for infusions 250 ml, 500 ml bottle LT/1/17/4062/001-002	EU-GMP	LT/07H/2019	05-09-2019	05-07-2022	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania	17
UA-002 » Private Joint-Stock Company "on the Production of Insulin "Indar" Site 1, site 2 » 5 Zroshuvalna Str., Kyiv, 02099, Ukraine									
249	Private Joint-Stock Company "on the Production of Insulin "Indar" Site 1, site 2	5 Zroshuvalna Str., Kyiv, 02099 - Ukraine	* Thuốc vô trùng - Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, hỗn dịch * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học.	PIC/S-GMP	083/2016/SAUMP/GMP	06-12-2016	04-11-2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control	6
UA-003 » Pharmaceutical Company "Zdorovye" » 22, Shevchenko Str., Kharkiv, 61013, Khakiv Region, Ukraine									
250	Limited Liability Company "Pharmaceutical Company "Zdorovye" (hoặc LLC "Pharmaceutical Company "Zdorovye")	22, Shevchenko Str., Kharkiv, 61013, Khakiv Region, Ukraine (* Các cách ghi khác: - 22, Shevchenko Street, Kharkiv city, Khakiv Region, 61013, Ukraine. - 22, Shevchenko Str., Kharkiv, Khakiv Region, 61013, Ukraine)	* Thuốc vô trùng - Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ), thuốc phun mù, thuốc được liệu	PIC/S-GMP	015/2017/GMP	24-04-2017	17-03-2020	State Service of Ukraine on Medicines	6
UA-004 » Farmak JSC » Frunze Street 74, Kiev, 04080, Ukraine									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
408	Farmak JSC	Kyrylivska Street 74, Kyiv, 04080, Ukraine	* Workshop No. 5, Site No. 1: Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules). * Workshop No. 5, Site No. 3: Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục) (vials và syringes). * Workshop No. 5, Site No. 5: Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules và Vials).	EU-GMP	Klasa: UP/I-530-10/18-03/06, Urbroj: 381-10-05/241-20-09	16-01-2020	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices, Croatia	8
409	Joint Stock Company "FARMAK"	74, Kyrylivska str., Kyiv, 04080, Ukraine	* Workshop No. 5, Site No. 1: Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules). * Workshop No. 5, Site No. 3: Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục) (vials và syringes). * Workshop No. 5, Site No. 5: Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules và Vials).	PIC/S-GMP	076/2019/GMP	06-11-2019	18-03-2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	8
468	Farmak JSC	Kyrylivska Street 74, Kyiv, 04080, Ukraine	Workshop No.1, Site No.3: Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng. Workshop No.1, Site No.4: Thuốc vô trùng: thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). Workshop No.3, Site No.3: Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel). Workshop No.3, Site No.4: Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. Workshop No.4, Site No.4 và Site No.5: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột/thuốc cốm pha dung dịch uống phân liều; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục).	EU-GMP	Klasa: UP/I-530-10/18-03/06, Urbroj: 381-10-05/241-20-09	16-01-2020	31-12-2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices, Croatia	9
469	Joint Stock Company "FARMAK"	74, Kyrylivska str., Kyiv, 04080, Ukraine	Workshop No.4: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột, dragee; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục).	PIC/S-GMP	075/2019/GMP	10-10-2019	18-03-2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	9
470	Joint Stock Company "FARMAK"	74, Kyrylivska str., Kyiv, 04080, Ukraine	Workshop No.3: Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel).	PIC/S-GMP	074/2019/GMP	10-10-2019	18-03-2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	9
471	Joint Stock Company "FARMAK"	74, Kyrylivska str., Kyiv, 04080, Ukraine	Workshop No.1: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng.	PIC/S-GMP	072/2019/GMP	10-10-2019	18-03-2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	9
1766	Farmak Joint Stock Company (Cách ghi cũ: Farmak JSC)	Kyrylivska Street 74, Kyiv, 04080, Ukraine	* Workshop No.1, Site No.3: Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng. * Workshop No.3, Site No.3: Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel). * Workshop No.3, Site No.4: Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. * Workshop No.4, Site No.4 và Site No.5: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột/thuốc cốm pha dung dịch uống phân liều; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). * Workshop No. 5, Site No. 1: Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules). * Workshop No. 5, Site No. 3: Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục) (vials và syringes). * Workshop No. 5, Site No. 5: Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules và Vials).	EU-GMP	Klasa: UP/I-530-10/21-03/13, Urbroj: 381-13-08/318-21-03	28-10-2021	24-05-2024	Agency for Medicinal Products and Medical Devices, Croatia	19
UA-006 » Limited Liability Company "Pharmex Group" » 100, Shevchenka street, Boryspil, Kyiv region, 08301, Ukraine									
434	Limited Liability Company "Pharmex Group"	100, Shevchenka street, Boryspil, Kyiv region, 08301, Ukraine	* Thuốc không vô trùng: viên đặt (bao gồm viên đặt âm đạo).	PIC/S-GMP	033/2018/GMP	30-05-2018	06-04-2021	State Service of Ukraine on Medicines and Drug Control	8
UA-007 » Joint Stock Company "Lekhim-Kharkiv" » Ukraine, 61115, Kharkiv region, Kharkiv, Severyna Pototskoho street									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1153	Joint Stock Company "Lekhim-Kharkiv"	Ukraine, 61115, Kharkiv region, Kharkiv, Severyna Pototskoho street, building 36.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc đạn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm chiết xuất từ động vật. * Thuốc được liệu.	PIC/S-GMP	023/2017/GMP	30-05-2017	14-04-2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	13
1558	Joint Stock Company "Lekhim-Kharkiv"	Ukraine, 61115, Kharkiv region, Kharkiv, Severyna Pototskoho street, building 36	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lớn. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc đạn; Thuốc bột, thuốc cốm; Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa Sulfanilamides). * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm chiết xuất từ động vật. * Thuốc được liệu. * Đóng gói thứ cấp.	PIC/S-GMP	019/2020/GMP	23-03-2020	20-12-2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)	17
US-001 » AstraZeneca Pharmaceuticals LP (formerly Bristol Myers Squibb Company) » 4601 Highway 62 East, Mount Vernon, IN, 47620, USA									
17	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (formerly Bristol Myers Squibb Company)	4601 Highway 62 East, Mount Vernon, IN, 47620, USA	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, Viên nén, viên nén bao phim, Thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột pha dung dịch uống	EU-GMP	IT/GMP/E/6-2015 rev1		13-02-2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	2
251	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (formerly Bristol Myers Squibb Company)	4601 Highway 62 East, Mount Vernon, IN, 47620, USA (Cách viết khác: 4601 Highway 62 East Mount Vernon, Indiana 47620, USA)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, Viên nén, viên nén bao phim, Thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột pha dung dịch uống	EU-GMP	IT/E/GMP/8/2017	09-06-2017	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	6
US-002 » Biogen U.S. Corporation (Biogen Incorporated) » 900 Davis Drive, Research Triangle Park, 27709, USA									
33	Biogen U.S. Corporation (Biogen Incorporated)	900 Davis Drive, Research Triangle Park, 27709, USA	Sản xuất bán thành phẩm: * Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP US-cGMP	UK GMP 22913 Insp GMP 22913/1404 041-0005	14-09-2016	18-07-2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	3
US-003 » Steri-Pharma, LLC » South West Street 429, Syracuse, NY 13202, USA									
41	Steri-Pharma, LLC	South West Street 429 (hoặc 429 S. West Street), Syracuse, NY 13202, United States	* Sản xuất và đóng gói sơ cấp (không bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng): Bột pha dung dịch tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin	EU-GMP	IT/GMP/E/01/2018	15-01-2018	31-12-2023	Italian Medicines Agency (AIFA)	4
US-004 » CATALENT PHARMA SOLUTIONS LLC » 2725 SCHERER DRIVE, ST PETERSBURG, 33716-1016, USA									
62	CATALENT PHARMA SOLUTIONS LLC	2725 SCHERER DRIVE, ST PETERSBURG, 33716-1016, United States	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. (Không bao gồm đóng gói, xuất xưởng).	EU-GMP	UK GMP 20656 Insp GMP 33168/4600 35-0005	14-07-2017	27-03-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	5
US-005 » Corixa Corporation d/b/a Glaxo Smith Kline Vaccines » 325 North Bridge Street, Marietta, Pennsylvania, PA 17547, USA									
2219	Corixa Corporation d/b/a Glaxo Smith Kline Vaccines	325 North Bridge Street, Marietta, Pennsylvania, PA 17547, United States. Cách ghi khác: 325 North Bridge Street, Marietta, Pennsylvania, 17547, United States	Đóng gói và dán nhãn vắc xin Zoster (non-live)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 3007726770 (Báo cáo thanh tra)	28-02-2022	31-12-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2220	Corixa Corporation d/b/a Glaxo Smith Kline Vaccines	325 North Bridge Street, Marietta, Pennsylvania, PA 17547, United States. Cách ghi khác: 325 North Bridge Street, Marietta, Pennsylvania, 17547, United States	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng, không vô trùng); Sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2019/018	29-04-2019	31-12-2023	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	25
US-006 » Glaxosmithkline LLC » 1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina, 27597, USA									
1022	GlaxoSmithKline LLC	1011 North Arendell Avenue, Zebulon, NC 27597, United States of America (* Cách ghi khác: 1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina 27597, United States of America)	* Sản phẩm: Bột hít phân liều Advair Diskus, 250 mcg/50 mcg, Inhalant (Salmeterol 50 Microgram; Fluticasone propionate 250 Microgram). Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/250mcg.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	UM3C-BCTS	11-07-2019	10-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1023	GlaxoSmithKline LLC	1011 North Arendell Avenue, Zebulon, NC 27597, United States of America (* Cách ghi khác: 1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina 27597, United States of America)	* Sản phẩm: Bột hít phân liều Advair Diskus, 500 mcg/50mcg, Inhalant (Salmeterol 50 Microgram; Fluticasone propionate 500 Microgram). Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/500mcg.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	MBCH-9TB5	23-07-2019	22-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1434	GlaxoSmithKline LLC	1011 North Arendell Avenue, Zebulon, NC 27597, United States of America (* Cách ghi khác: 1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina 27597, United States of America)	* Sản phẩm: Bột hít phân liều Advair Diskus, 250 mcg/50 mcg, Inhalant (Salmeterol 50 Microgram; Fluticasone propionate 250 Microgram). Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/250mcg.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	AXR6-6Q48	18-11-2020	17-11-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1435	GlaxoSmithKline LLC	1011 North Arendell Avenue, Zebulon, NC 27597, United States of America (* Cách ghi khác: 1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina 27597, United States of America)	* Sản phẩm: Bột hít phân liều Advair Diskus, 500 mcg/50mcg, Inhalant (Salmeterol 50 Microgram; Fluticasone propionate 500 Microgram). Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/500mcg.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	P89W-6JZQ	23-02-2021	22-02-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
US-007 » Hospira Incorporation » Highway 301 North, Rocky Mount, North Carolina, 27801, USA									
1666	Hospira Incorporation	Highway 301 North, Rocky Mount, North Carolina, 27801, United States	* Sản phẩm thuốc tiêm Precedex (dexmedetomidine hydroclorid 200mcg/2ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	NL/H 16/1008831	13-04-2020	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2102	Hospira Inc.	Highway 301 North, Rocky Mount, North Carolina (NC), 27801, United States American (USA).	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ - Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Báo cáo thanh tra, Số đăng ký cơ sở sản xuất trên website US FDA: 1021343	Ngày kết thúc thanh tra GMP: 21/11/2019	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	24
US-008 » Jubilant HollisterStier LLC » 3525 N. Regal Street, Spokane, Washington 99207, USA									
322	Jubilant HollisterStier LLC	Small Volume Parenteral Facilities, 3525 N. Regal Street, Spokane, WA 99207, United States (cách ghi khác: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S. 99207).	Sản xuất dung môi Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live - Oka/Merck) 1350pfu/dose.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	RTZY-WHKT WHO	08-05-2019	07-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
1024	Jubilant HollisterStier LLC	Small Volume Parenteral Facilities, 3525 N. Regal Street, Spokane, WA 99207, United States (* Cách ghi khác: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S. 99207).	Sản xuất dung môi Vắc xin M-M-R II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	MR5Y-VKBW WHO	28-02-2019	27-02-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1332	Jubilant HollisterStier LLC	Small Volume Parenteral Facilities, 3525 N. Regal Street, Spokane, WA 99207, United States (cách ghi khác: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S. 99207).	Sản xuất dung môi Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live (Oka/Merck); 1350pfu/dose).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FDUH-EUMJ WHO	17-09-2020	16-09-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1333	Jubilant HollisterStier LLC	Small Volume Parenteral Facilities, 3525 N. Regal Street, Spokane, WA 99207, United States (* Cách ghi khác: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S. 99207 - USA hoặc 3525 North Regal Street, Spokane, 99207, United States).	Sản xuất dung môi Vắc xin M-M-R II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	RW2Z-3VMH WHO	04-08-2020	03-08-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
US-009 » Bristol-Myers Squibb Manufacturing Company » State Road n° 3, Km 77.5, Humacao, Puerto Rico, 00791, USA									
1025	Bristol-Myers Squibb Manufacturing Company	State Road n° 3, Km 77.5, Humacao, Puerto Rico, 00791, United States	* Sản xuất bán thành phẩm: viên nén bao phim Eliquis (Apixaban 2,5mg), Eliquis (Apixaban 5mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	07/20/1478 79	14-08-2020	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
US-010 » Tolmar Inc » 701 Centre Avenue, Fort Collins, Colorado, 80526, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1436	Tolmar Inc	701 Centre Avenue, Fort Collins, CO 80526 United States of America	* Sản phẩm: + Eligard® 7,5mg (Leurplide Acetate for Injectable Suspension), Thuốc tiêm. Hàm lượng, hoạt chất: Leuprorelin acetate 7,5mg.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	ZNFN-CUDY	18-10-2019	17-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1437	Tolmar Inc	701 Centre Avenue, Fort Collins, CO 80526 United States of America	* Sản phẩm: Eligard® 22.5mg (Leurplide Acetate for Injectable Suspension), Thuốc tiêm. Hàm lượng, hoạt chất: Leuprorelin acetate 22.5mg.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3KVA-WR7Y	18-10-2019	17-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
US-011 » Alcon Research, LLC » 6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, USA									
323	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Vigamox Ophthalmic Solution (moxifloxacin hydrochloride, eq 0.5% base).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	ES2N-QZ2Z	10-05-2019	09-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
324	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Azopt® Ophthalmic Suspension (brinzolamide, 1%).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	8N2H-AXCR	09-05-2019	08-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
325	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Pataday Ophthalmic Solution (Olopatadine hydrochloride, eq 0.2% base).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	DVUH-3MHM	14-05-2019	13-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
326	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Systane Ultra Lubricant Eye Drops (propylene glycol 0.3%; polyethylene glycol 400 0.4%)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	VHTE-B55X	12-06-2019	11-06-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
327	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Systane Lubricant Eye Drops, Solution (polyethylene glycol 400 0.4%; propylene glycol 0.3%)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	7SAK-5AB4	12-06-2019	11-06-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
1334	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Vigamox (Moxifloxacin Ophthalmic Solution) 0,5% (moxifloxacin hydrochloride, eq 0.5% base).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	N23D-PF74	30-12-2020	29-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1335	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Pataday once Daily Relife, Solution (Olopatadine hydrochloride, eq 0.2% base).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PMMF-79HC	29-01-2021	28-01-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1438	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Azopt® (Brinzolamide Ophthalmic Suspension) 1%. Tên tại Việt Nam: Azopt	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEDN-H76F	04-02-2021	03-02-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1559	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Sản phẩm: Systane Lubricant Eye Drops, Solution (polyethylene glycol 400 0.4%; propylene glycol 0.3%)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	6BP9-WJJD	12-03-2021	11-03-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
1667	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	*Dung dịch nhỏ mắt: Systane Ultra Lubricant Eye Drops, (polyethylene glycol 400 0.4%; propylene glycol 0.3%)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CGDM-ZF78	12-03-2021	11-03-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18
2221	Alcon Research, LLC	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134 (Texas 76134), United States	* Thuốc vô trùng: hỗn dịch nhỏ mắt (trong đó có sản phẩm: Azopt), dung dịch nhỏ mắt (trong đó có các sản phẩm: Vigamox, Pataday)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 1610287	24-09-2018	31-12-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25
US-012 » Mallinckrodt Incorporated » Greenville plant, Covidien, 100 Louis Latzer Drive, Greenville 62246, USA									
363	Mallinckrodt Incorporated	Greenville plant, Covidien, 100 Louis Latzer Drive, Greenville 62246, USA	* Sản xuất thuốc bột bán thành phẩm.	EU-GMP	UK GMP 20424 Insp GMP 20424/1348 3-0003	07-06-2017	05-06-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	8
1026	Mallinckrodt Incorporated	Greenville plant, Covidien, 100 Louis Latzer Drive, Greenville 62246, USA	* Sản xuất thuốc bột bán thành phẩm: acetaminophen, ibuprofen	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Báo cáo thanh tra: 1419579 Giấy phép sản xuất: 1419579	25-01-2019	31-12-2021	Food and Drug Administration, USA	12
US-013 » Baxalta US Inc. » 25212, W. Illinois Route 120, Round Lake, IL 60073, USA									
1227	Takeda Pharmaceutical Company Limited (* Tên cũ: Baxalta US Inc.)	25212, W. Il Route 120, Round Lake, Illinois (IL) 60073-9610, USA	* Sản xuất từ bán thành phẩm dung dịch tiêm Albumin (Human), USP, 25% Solution, Flexbumin 25%, 50 ml và 100ml;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3015799786	25-09-2019	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	14
1336	Baxalta US Inc.	25212, W. Il Route 120, Round Lake, Illinois (IL) 60073-9610, USA	* Sản xuất từ bán thành phẩm dung dịch tiêm Albumin (Human), USP, 20% Solution for infusion, Flexbumin 20%, 50 ml và 100ml single dose plastic containers	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GK8U-ASVW WHO	14-05-2020	13-05-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
US-014 » AstraZeneca Pharmaceuticals LP » 587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA									
866	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Arimidex® Tablet 1mg (anastrozole 1mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	V4A6-QVXB	18-06-2019	17-06-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
867	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR ® Tablet 50mg (Quetiapine 50mg); Seroquel XR ® Tablet 200mg (Quetiapine 200mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3NAP-Z5ZP; F7QJ-RQ4D	28-03-2019	27-03-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
868	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR® 300mg (Quetiapine 300mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	899Y-6R9K	27-03-2019	26-03-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
1439	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR® 50mg (Quetiapine fumarate 50mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	32AT-HTEW	09-12-2020	08-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1440	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR® 200mg (Quetiapine fumarate 200mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	N2S7-DRSG	09-12-2020	08-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1441	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR® 300mg (Quetiapine fumarate 300mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3FGN-RGWX	09-12-2020	08-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1832	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Arimidex® Tablet 1mg (anastrozole 1mg);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	D3TZ-QDSA	25-10-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	20
US-015 » Allergan Sales, LLC » 8301 Mars Drive, Waco, Texas, 76712, USA									
685	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA (cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Restasis® (Cyclosporine ophthalmic emulsion) 0,05% Tên ở Việt Nam: : Restasis - Ophthalmic emulsion	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	WK6N-MXXF	30-04-2020	29-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
686	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA (cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Alphagan® P (Brimonidine Tartrate Ophthalmic solution) 0,15% Tên ở Việt Nam: Alphagan P - Ophthalmic solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	2U7E-574N	07-10-2019	06-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
687	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA (cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Refresh Tears®, Drops Tên ở Việt Nam: Refresh Tears - Ophthalmic solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	XVCY-KQAU	20-08-2019	19-08-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
869	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA (cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Refresh Optive® Lubricant eye drops (carboxymethylcellulose sodium 5mg/1ml; glycerin 9 mg/1ml) Tên ở Việt Nam: Optive, Ophtalmic solution.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	677H-X3VA	21-05-2020	20-05-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
870	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA (cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Refresh Liquigel® Lubricant eye gel (carboxymethylcellulose sodium) Tên ở Việt Nam: Refresh Liquigel - Lubricant eye drops;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	HZFW-BUEH	30-04-2019	29-04-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1337	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA (cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Acuvail (Ketorolac tromethamine ophtalmic solution) 0,45% Tên ở Việt Nam: Acuvail	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CCME-RYHU	20-11-2020	19-11-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1560	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Drive, Waco, TX 76712, USA (Cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Alphagan® P (Brimonidine Tartrate Ophthalmic solution) 0,15% Tên ở Việt Nam: Alphagan P - Ophthalmic solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	S6BP-DQJP	28-04-2021	27-04-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
1561	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Drive, Waco, TX 76712, USA (Cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Refresh Tears®, Drops Tên ở Việt Nam: Refresh Tears - Ophthalmic solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	NV37-YEH5	11-05-2021	10-05-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
1562	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Drive, Waco, TX 76712, USA (Cách ghi khác: Waco, Texas (TX), 76712, USA)	* Sản phẩm: Refresh Liquigel® Lubricant eye gel (carboxymethylcellulose sodium) Tên ở Việt Nam: Refresh Liquigel - Lubricant eye drops;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	8WQT-XRPS	22-02-2021	21-02-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
US-016 » Genentech Inc. » NE Brookwood Pkwy 4625, OR 97124 Hillsboro, USA									
1027	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway, Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: MabThera (Rituximab 500mg/50ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	YC7S-PV6A	03-03-2020	02-03-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1228	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway, Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: + Avastin (Bevacizumab 100mg VÀ 400mg) + Herceptin (Trastuzumab 150mg) + Rituxan (Rituximab 100mg và 500mg) + Cathflo Activase (Alteplase 2mg)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1015	12-07-2017	23-03-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	14
1442	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway (Pkwy), Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: + Herceptin, Injection (Trastuzumab 440mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	NDVB-CS2N	15-01-2021	14-01-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1767	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway, Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: MabThera (Rituximab 100mg/10ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	YKUA-HJEV	23-10-2020	22-10-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1768	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway (Pkwy), Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: + Herceptin, Injection (Trastuzumab 150mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	N645-U2S2	13-04-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
US-018 » Bausch and Lomb Incorporated » 8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637, USA									
1154	Bausch and Lomb Incorporated (cách ghi khác: Bausch and Lomb Inc)	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637 (cách ghi khác: Tampa, Florida 33637), United States of America .	Lotemax (Loteprednol Etabonate 0.5% (5mg/ml)), Ophthalmic suspension	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	VTRG-WSE9	16-08-2019	15-08-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1338	Bausch and Lomb Incorporated	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637, United States of America	Besivance (Besifloxacin ophtalmic suspension)0,6% (sterile) suspension	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	ZFHT-PMK2	01-08-2019	31-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1668	Bausch and Lomb Incorporated	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637, United States of America	Besivance (Besifloxacin ophthalmic suspension) 0,6%	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	4K6V-SVA4	05-05-2021	04-05-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18
2103	Bausch and Lomb Incorporated (cách ghi khác: Bausch and Lomb Inc)	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637 (cách ghi khác: Tampa, Florida 33637), United States of America .	Thuốc vô trùng: hỗn dịch nhỏ mắt Lotemax (Loteprednol Etabonate)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Báo cáo thanh tra, Số đăng ký cơ sở sản xuất trên website US FDA: 1000113778	Báo cáo thanh tra: 30/1/2019	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	24
US-019 » AndersonBrecon Inc. » 4545 Assembly Dr, Rockford, IL 61109-3081, USA									
1028	AndersonBrecon Inc.,	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA	* Cơ sở đóng gói: Thuốc viên nang cứng Imbruvica® (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	R4ST-HWPC	18-11-2019	17-11-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1029	AndersonBrecon Inc	4545 Assembly Drive, Rockford, IL 61109, USA	* Cơ sở đóng gói: + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 18mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 27mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 36mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 54mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PF4Z-8RS5; U4DU-U6RY; KXQM-TQZC; H9SP-XHDC	09-03-2020	08-03-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1769	AndersonBrecon Inc.,	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA	* Cơ sở đóng gói: Thuốc viên nang cứng Imbruvica® (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	964A-KJS8	30-12-2020	29-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1899	AndersonBrecon Inc	4545 Assembly Drive, Rockford, IL 61109, USA	* Cơ sở đóng gói: + Sản phẩm GAVRETO™, capsule (pralsetinib 100mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	4GQE-WDFZ	01-10-2021	30-09-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	21
1972	AndersonBrecon Inc	4545 Assembly Drive, Rockford, IL 61109, USA	* Cơ sở đóng gói: + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 18mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 27mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 36mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	9VFR-MP4Q; RKR8-F32F; 6VWP-QFM5	17-11-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-020 » Lilly del Caribe, Inc., » 12.6 km 65th Infantry Road, Carolina, 00985 Puerto Rico, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1770	Lilly del Caribe, Inc.,	12.6 KM 65th Infantry Road (PR01), Carolina, PUERTO RICO 00985 (* Các cách ghi khác: - 12.6 KM 65th Infantry Road, Carolina, 00985 PUERTO RICO - 12,6KM 65th Infantry Road, Carolina, PR 00985 - PUERTO RICO)	* Sản xuất sản phẩm (không bao gồm đóng gói, xuất xưởng): Viên nén Cialis (Tadalafil); Viên nang Cymbalta (Duloxetine); Viên nén Olumiant (Baricitinib).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 2619243 EI End: 21/09/2018	21-09-2018	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1771	Lilly del Caribe, Inc.,	12.6 KM 65th Infantry Road (PR01), Carolina, PUERTO RICO 00985 (* Các cách ghi khác: - 12.6 KM 65th Infantry Road, Carolina, 00985 PUERTO RICO - 12,6KM 65th Infantry Road, Carolina, PR 00985 - PUERTO RICO)	* Sản xuất sản phẩm (không bao gồm đóng gói, xuất xưởng): Viên nén Verzenio (Abemaciclib).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 2619243 EI End: 12/07/2019	12-07-2019	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
US-021 » IPR Pharmaceuticals, Inc » Road 188, Lot 17, San Isidro Industrial Park, Canovanas, PR 00729, USA									
328	IPR Pharmaceuticals, Inc	Road 188, Lot 17, San Isidro Industrial Park, Canovanas, PR 00729, USA (Cách ghi khác: Carr 188, Lote 17, San Isidro Industrial Park, Po Box 1624, Canovanas, PR 00729, USA)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim.	Tương đương EU-GMP	3003009422	23-07-2019	21-06-2021	Commomwealth of Puerto Rico, USA	7
1669	IPR Pharmaceuticals, Inc (* Cách ghi khác: IPR Pharmaceuticals Incorporated)	Road 188, Lot 17, San Isidro Industrial Park, Canovanas, PR 00729, USA (* Cách ghi khác: Carr 188, Lote 17, San Isidro Industrial Park, Po Box 1624, Canovanas, PR 00729, USA)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim.	Tương đương EU-GMP	3003009422	30-06-2021	21-06-2023	Commomwealth of Puerto Rico, USA	18
US-022 » West-Ward Columbus Inc. » 1809 Wilson road, Columbus, OH 43228, USA									
329	West-Ward Columbus Inc.	1809 Wilson road, Columbus, OH 43228, (hoặc: Ohio 43228), United States of America	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tradjenta (Linagliptin 5mg); Tên tại Việt Nam: Trajenta.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	98M9-SCQV	09-04-2019	08-04-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	7
1339	West-Ward Columbus Inc.	1809 Wilson road, Columbus, OH 43228, (hoặc: Ohio 43228), United States of America	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tradjenta (Linagliptin 5mg); Tên tại Việt Nam: Trajenta.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	BYGF-MWTC	17-09-2020	16-09-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2104	West-Ward Columbus Inc.	1809 Wilson road, Columbus, OH 43228, (hoặc: Ohio 43228), United States of America	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tradjenta (Linagliptin 5mg); Tên tại Việt Nam: Trajenta.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Báo cáo thanh tra, Số đăng ký cơ sở sản xuất trên website US FDA: 1510690; CPP: FAKM-F4RU	Báo cáo thanh tra: 13/11/2019	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	24
US-023 » AbbVie Inc. » 1401 Sheridan road, North Chicago, IL 60064, USA									
1030	AbbVie Inc.	1401 Sheridan road, North Chicago, IL 60064, USA	* Sản phẩm: + Survanta® (beractant) Intratracheal Suspension 4 ml (beractant 25 mg/ 1 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	2YXN-SMP2	29-04-2020	28-04-2022	United States Food and Drug Administration	12
US-024 » Piramal Critical care, Inc » 3950 Schelden Circle, Bethlehem, PA 18017, USA									
1900	Piramal Critical care, Inc	3950 Schelden Circle, Bethlehem, PA 18017 United States of America	Thuốc dạng lỏng không vô trùng dùng cho xông hít Seaoflura (Sevoflurane 250ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GYPR-MUA7 Báo cáo thanh tra:FEI: 1000135935	26-02-2021	25-02-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	21
US-025 » Merck Sharp & Dohme Corp. Wilson Plant » 4633 Merck Road, Wilson, North Carolina, 27893, USA									
871	Merck Sharp & Dohme Corp. Wilson Plant (cách ghi khác: Merck Sharp & Dohme Corp.)	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina, 27893, United States	* Đóng gói sơ cấp và thứ cấp: viên nang cứng; thuốc dạng rắn khác (thuốc cốm; thuốc bột).	EU-GMP	NL/H 17/1014440	08-06-2017	31-12-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	11
872	Merck Sharp & Dohme Corp. Wilson Plant	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina, 27893, United States	Đóng gói thuốc cốm Singulair Oral (montelukast sodium 4mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	EK26-WH86	02-11-2018	01-11-2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
873	Merck Sharp & Dohme Corp. Wilson Plant	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina, 27893, United States	Đóng gói thứ cấp thuốc bột pha dung dịch tiêm Cubicin RF (Daptomycin reformulated 500mg/lọ)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	JBNG-A5XB	01-11-2018	31-10-2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
1155	Merck Sharp & Dohme Corp. Wilson Plant	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina, 27893, United States	Đóng gói thuốc cốm Singulair Oral (montelukast sodium 4mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CPP: HYDH-HED9 Giấy phép sản xuất: 1036761	CPP: 30-03-2022 Ngày kết thúc	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	13
US-026 » Pfizer Pharmaceuticals LLC » K.M 1.9, Rd 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
505	Pfizer Pharmaceuticals LLC	K.M 1.9, Rd 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA	* Sản phẩm: Viên nang cứng Neurontin® (gabapentin 300 mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FFMN-RKUB	08-08-2018	08-07-2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	9
688	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén Norvasc (Amlodipine besylate 5 mg), tên thương mại tại Việt Nam: Amlor	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	T7ZD-UB2Y	14-05-2019	13-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
689	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nang Celebrex (Celecoxib 200mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	A5J4-8XVG	14-02-2020	13-02-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
690	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nang cứng Neurontin (Gabapentin 300mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	7PN6-DJRK	09-10-2019	08-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
691	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 10 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	SHE8-69Z5	31-10-2019	30-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
692	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 20 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	W3CG-SS7P	31-10-2019	30-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10
693	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 40 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PBW2-ZB5E	07-11-2019	06-11-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	10

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1443	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (* Cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén Norvasc (Amlodipine 5mg (dưới dạng amlodipine besylate), tên thương mại tại Việt Nam: Amlor	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	6QEN-65U5	17-11-2020	16-11-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1444	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (* Cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nang cứng Celebrex (Celecoxib 200mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	6UQH-HZX5	28-12-2020	27-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1445	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (* Cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nang cứng Neurontin (Gabapentin 300mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	EJD9-W4DR	01-02-2021	31-01-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1446	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (* Cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 10 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	XY2J-85ZA	26-01-2021	25-01-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1447	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (* Cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 20 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	K5PV-YRPV	26-01-2021	25-01-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
1448	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (* Cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 40 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	HSMD-QPRY	26-01-2021	25-01-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	16
US-027 » Baxter Healthcare Corporation » Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA									
489	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Suprane (Desflurane USP), Inhalant (Desflurane USP 240mL)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	ZZ7C-UYZP	07-06-2019	06-06-2021	United State Food and Drug Administration	9

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
490	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Sevoflurane, USP, Inhalant (sevoflurane, usp 250ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	YGP8-D6SJ	03-07-2019	02-07-2021	United State Food and Drug Administration	9
491	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm Forane (Isoflurane, USP), Inhalant (1-chloro-2,2,2-trifluoroethyl difluoromethyl ether 250ml) Tên tại Việt Nam: Aerrane	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	QGME-2RM7	08-04-2020	07-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	9
1031	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Forane (Isoflurane, USP), Inhalant (isoflurane, usp 100 ML). Tên thương mại: Aerrane	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	G6MV-QX6N	09-07-2019	08-07-2021	United State Food and Drug Administration	12
1449	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Forane (Isoflurane, USP), Inhalant (isoflurane, usp 100 ML). Tên thương mại: Aerrane	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CHPF-SCAZ	14-01-2021	13-01-2023	United State Food and Drug Administration	16
1450	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Sevoflurane, USP, Inhalant (sevoflurane, usp 250ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	2U94-KEUY	15-01-2021	14-01-2023	United State Food and Drug Administration	16
1451	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Suprane (Desflurane USP), Inhalant (Desflurane USP 240mL)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	5YFX-KMUY	14-01-2021	13-01-2023	United State Food and Drug Administration	16
US-028 » Merck Sharp & Dohme Corp » 770 Sumneytown Pike, West Point, PA 19486, USA									
330	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm vắc xin M-M-R II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD), 0.5mL (chưa bao gồm dung môi pha tiêm và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	MR5Y-VKBW WHO	28-02-2019	27-02-2021	United States Food and Drug Administration	7
354	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm vắc xin Varivax Refrigerator Stable Formulation (Varicella Virus vaccine Live (Okta/ Merck), 1350pfu/dose) (chưa bao gồm dung môi pha tiêm, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	T4BR-AR2E WHO	26-07-2019	25-07-2021	United States Food and Drug Administration (US FDA)	8
355	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Sản phẩm: RotaTeq® (Rotavirus Vaccine, Live, Oral, Pentavalent); Oral Solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	EGA6-RR5F WHO	11-07-2019	10-07-2021	United States Food and Drug Administration (US FDA)	8
356	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm Gardasil (vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi - rút HPV ở người tít 6, 11, 16, 18) (chưa bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	XFYB-YGGY WHO	25-07-2018	24-07-2020	United States Food and Drug Administration (US FDA)	8

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
357	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm Gardasil 9 (vắc xin tái tổ hợp cứu giá phòng vi - rút HPV ở người) (chưa bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	DSMV-VUTX WHO	20-11-2017	19-11-2019	United States Food and Drug Administration (US FDA)	8
358	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm vắc xin Pneumovax 23 (vắc xin Pneumococcal đa giá) 0,5mL (thuốc tiêm dưới da hoặc tiêm bắp) (không bao gồm đóng gói, kiểm tra chất lượng và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	KNK2 -3CFA WHO	20-04-2020	19-04-2022	United States Food and Drug Administration (US FDA)	8
1340	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm vắc xin M-M-R II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD), 0.5mL (chưa bao gồm dung môi pha tiêm và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	RW2Z-3VMH WHO	04-08-2020	03-08-2022	United States Food and Drug Administration	15
1341	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm Gardasil (vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi - rút HPV ở người tít 6, 11, 16, 18) (chưa bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CKQF-D9VN WHO	25-08-2020	24-08-2022	United States Food and Drug Administration (US FDA)	15
1342	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm vắc xin Varivax Refrigerator Stable Formulation (Varicella Virus vaccine Live (Oka/ Merck), 1350pfu/dose) (chưa bao gồm dung môi pha tiêm, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FDUH-EUMJ WHO	17-09-2020	16-09-2022	United States Food and Drug Administration (US FDA)	15
1452	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Sản phẩm: RotaTeq® (Rotavirus Vaccine, Live, Oral, Pentavalent); Oral Solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	38X9-GYTB WHO	07-12-2020	06-12-2022	United States Food and Drug Administration (US FDA)	16
1772	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm Gardasil 9 (vắc xin tái tổ hợp cứu giá phòng vi - rút HPV ở người) (chưa bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	5ZXVY-ZEQ4 WHO	26-03-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (US FDA)	19
US-029 » Grifols Biologicals Inc » 5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, CA 90032, USA									
874	Grifols Biologicals LLC (tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	5555 Valley Boulevard, Los Angeles, CA 90032, USA (* Cách ghi khác: 5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, 90032, USA)	* Sản xuất API và thành phẩm cuối: sản phẩm Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®20%, 50mL & 100mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®25%, 50mL & 100mL;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TDPX-4E3E WHO	26-02-2020	25-02-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
1229	Grifols Biologicals LLC (* Tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	5555 Valley Boulevard, Los Angeles, CA 90032, USA (* Cách ghi khác: 5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, 90032, USA)	* Sản xuất API và thành phẩm cuối: Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®5%, 250mL & 500mL	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TVJG-3NGX WHO	05-10-2020	04-10-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	14

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1773	Grifols Biologicals LLC (tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	5555 Valley Boulevard, Los Angeles, CA 90032, USA (* Cách ghi khác: 5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, 90032, USA)	* Sản xuất API và thành phẩm cuối: sản phẩm Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®5%, 250mL & 500mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®20%, 50mL & 100mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®25%, 50mL & 100mL;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PT23-KK22 WHO	01-09-2021	31-08-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
US-030 » Grifols Biological Inc » 13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA									
875	Grifols Biologicals LLC (tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA	* Đóng gói và dán nhãn: sản phẩm Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®20%, 50mL & 100mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®25%, 50mL & 100mL;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TDPX-4E3E WHO	26-02-2020	25-02-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
1230	Grifols Biologicals LLC (* Tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA	* Đóng gói và dán nhãn: Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®5%, 250mL & 500mL	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TVJG-3NGX WHO	05-10-2020	04-10-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	14
1774	Grifols Biologicals LLC (tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA	* Đóng gói và dán nhãn: Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®5%, 250mL & 500mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®20%, 50mL & 100mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®25%, 50mL & 100mL;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PT23-KK22 WHO	01-09-2021	31-08-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
US-031 » Patheon Manufacturing Services LLC » 5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA									
385	Patheon Manufacturing Services, LLC (part of Thermo Fisher Scientific)	5900 Martin Luther King Jr. Highway Greenville, NC 27834, USA	* Sản phẩm: Colistimethate for Injection	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	73317	26-09-2019	26-09-2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	8
1032	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, United States	Thuốc đông khô Herceptin; dung môi vô trùng; viên nén Zantac; viên nén Trintellix 5, 10, 20mg	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Báo cáo thanh tra: 1018495 Giấy phép sản xuất: 1018495	17-05-2019	31-12-2021	Food and Drug Administration, USA	12
1033	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng): + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 400 mg / 16 ml). + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 100 mg / 4 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	QRHM-KAK2; TYQJ-3Q39	30-09-2019	29-09-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1156	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản xuất (không bao gồm đóng gói): + Sản phẩm Singulair® Oral, Granule (Montelukast Sodium 4 mg). Tên thương mại quốc tế: Singulair.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GXWQ-MWVC	18-09-2020	17-09-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	13
1157	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản xuất: + Sản phẩm Bridion® (SUGAMMADEX), 100mg/mL (2mL per vial), Injection, solution. + Sản phẩm Bridion® (SUGAMMADEX), 100mg/mL (5mL per vial), Injection, solution.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	WAP7-EA4V; UYQZ-938E	21-09-2018	20-09-2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	13

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1343	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, United States of America	* Sản xuất: Sản phẩm IV BUSULFEX® (BUSULFAN) INJECTION, (Busulfan 6 mg/1 mL).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	RUT9-TRFB	10-04-2020	09-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1563	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản xuất: + Sản phẩm Bridion® (SUGAMMADEX), 100mg/mL (2mL per vial), Injection, solution.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	8MCV-GNDG	06-11-2020	05-11-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
1670	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng): + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 400 mg / 16 mL). + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 100 mg / 4 mL).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	JHWA-4GVM; V45V-D96H	12-04-2021	11-04-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18
2222	Patheon Manufacturing Services LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: Thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 1018495	13-05-2019	31-12-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25
US-032 » Eli Lilly & Company » Indianapolis, IN 46285, USA									
876	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	*Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Alimta (pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri heptahydrate) 500 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CPP: W9T-92PH Bảo cáo thanh tra: 1819470	25-11-2019	24-11-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
877	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Alimta (pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri heptahydrate) 100 mg	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CPP: T9B9-PR34 Bảo cáo thanh tra: 1819470	03-12-2019	02-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
878	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Thuốc tiêm Taltz (Ixekezumab 80mg/1ml);	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CPP: BCGD-HXJU Bảo cáo thanh tra: 1819470	07-03-2019	06-03-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
879	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Dung dịch tiêm Trulicity (dulaglutide 1.5mg/0.5ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CPP: GH8Q-DWA8 Bảo cáo thanh tra: 1819470	28-02-2020	27-02-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
880	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Dung dịch tiêm Trulicity (dulaglutide 0.75mg/0.5ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	CPP: PZRD-29QG Bảo cáo thanh tra: 1819470	28-02-2020	27-02-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
881	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana 46285, USA	+ Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Alimta (pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri heptahydrate) 500 mg ; + Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Alimta (pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri heptahydrate) 100 mg ; + Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm Cyramza (Ramucirumab, 10mg/ml), lọ 10ml, lọ 50ml. + Dung dịch tiêm Humalog Kwikpen (Insulin lispro 300U/3ml (tương đương 10.5mg); + Hỗn dịch tiêm Humalog Mix 50/50 Kwikpen (Insulin lispro (trong đó 50% là dung dịch insulin lispro và 50% là hỗn dịch insulin lispro protamine) 300U/ 3ml (tương đương 10.5mg); + Hỗn dịch tiêm Humalog Mix 75/25Kwikpen (Insulin lispro (trong đó 25% là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine) 300U/ 3ml (tương đương 10,5mg); + Hỗn dịch tiêm Humulina 30:70, 100UI/ml. Tên tại Việt Nam: Humulin 70/30; + Dung dịch tiêm Humulina Regular 100UI/ml. Tên tại Việt Nam: Humulin R. + Hỗn dịch tiêm Humulina NPH 100 UI/ml. Tên tại Việt Nam: Humulin N; + Dung dịch tiêm Taltz (Ixeizumab 80mg/1ml);	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	AG30400327	03-03-2020	03-03-2025	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	11
1775	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Dung dịch tiêm Trulicity (dulaglutide1.5mg/0.5ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GPSX: 1819470 CPP: GD7U-E9Q3	CPP: 11/05/2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
2042	Eli Lilly & Company	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Dung dịch tiêm Lyumjev Kwikpen (insulin lispro 300 units/3ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GPSX: 1819470 CPP: 5N78-X95H	18-09-2020	17-09-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	23
US-034 » Sharp Corporation » 7451 Keebler Way, Allentown, PA 18106, USA									
1345	Sharp Corporation	7451 Keebler way, Allentown, PA 18106, USA	* Đóng gói sơ cấp: thuốc không vô trùng dạng rắn (đóng lọ, vỉ, túi - bottles, blister, pouching). * Đóng gói thứ cấp: thuốc không vô trùng dạng rắn (đóng lọ, vỉ, túi - bottles, blister, pouching). Thuốc vô trùng.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3004161147	28-02-2017	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
US-035 » AbbVie Inc. » 1 N Waukegan road, AP 16/16A, IL 60064 North Chicago, USA									
518	AbbVie Inc.	1 N Waukegan road, AP 16/16A, IL 60064 North Chicago, USA	* Đóng gói sơ cấp, thứ cấp: viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp: dung dịch tiêm.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP-2017_1007	23-05-2017	04-06-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	9
1231	AbbVie Inc.	1 N Waukegan road, AP 16/16A, IL 60064 North Chicago, USA (* Cách ghi khác: 1 N Waukegan road, North Chicago, IL 60064, USA)	* Sản phẩm: Kaletra (Lopinavir/ Ritonavir) oral solution 80mg/ 20mg per mL	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	JGEJ-9WWEV	16-07-2019	15-07-2021	United States Food and Drug Administration	14
US-036 » Catalent Indiana, LLC » 1300 South Patterson Drive, Bloomington, IN 47403, USA									
526	Catalent Indiana, LLC	1300 South Patterson Drive, Bloomington, IN 47403, United States of America	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp cho sản phẩm: + Imfinzi® Injection 120mg/2.4mL (Durvalumab 50mg/1mL) (Dạng bào chế đăng ký tại Việt Nam: Dung dịch truyền tĩnh mạch); + Imfinzi® Injection 500mg/10mL (Durvalumab 50mg/1mL) (Dạng bào chế đăng ký tại Việt Nam: Dung dịch truyền tĩnh mạch).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	XH9P-Y3JJ WV54-VJEB	19-02-2019	18-02-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	9
1344	Catalent Indiana, LLC	1300 South Patterson Drive, Bloomington, IN 47403, United States of America	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp cho sản phẩm: + Imfinzi™ Injection 120mg/2.4mL (Durvalumab 50mg/1mL) (Dạng bào chế đăng ký tại Việt Nam: Dung dịch truyền tĩnh mạch); + Imfinzi™ Injection 500mg/10mL (Durvalumab 50mg/1mL) (Dạng bào chế đăng ký tại Việt Nam: Dung dịch truyền tĩnh mạch).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	E8H2-FC79 MUKW-PZEE	24-08-2020	23-08-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1973	Catalent Indiana, LLC	1300 South Patterson Drive, Bloomington, IN 47403, United States of America	* Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp cho sản phẩm: + Imfinzi® Injection 120mg/2.4mL (Durvalumab 50mg/1mL) (Dạng bào chế đăng ký tại Việt Nam: Dung dịch truyền tĩnh mạch).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	656T-KMC8	08-11-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
1974	Catalent Indiana, LLC	1300 South Patterson Drive, Bloomington, IN 47403, United States of America	* Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp cho sản phẩm: + Imfinzi® Injection 500mg/10mL (Durvalumab 50mg/1mL) (Dạng bào chế đăng ký tại Việt Nam: Dung dịch truyền tĩnh mạch).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	5BMG-EMN3	04-11-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-037 » Baxter Pharmaceutical Solutions LLC » 927 South Curry Pike, Bloomington, 47403 (hoặc IN-47403), USA									
882	Baxter Pharmaceutical Solutions LLC	927 South Curry Pike, Bloomington, 47403 (hoặc IN-47403 hoặc Indiana 47403), United States.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch.	EU-GMP	UK GMP 18058 Insp GMP 18058/1036 7-0012	25-07-2017	03-04-2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	11
896	Baxter Pharmaceutical Solutions LLC	927 South Curry Pike, Bloomington, 47403 (hoặc IN-47403 hoặc Indiana 47403), United States.	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	BE/GMP/20 18/144	01-04-2019	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	11
US-038 » Janssen-Ortho LLC » State Road 933 Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, 00778, USA									
1034	Janssen-Ortho LLC	State Road 933 Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, 00778, USA	* Cơ sở kiểm nghiệm xuất xưởng: + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 18mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 27mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 36mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 54mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PF4Z-8RS5; U4DU-U6RY; KXQM-TQZC; H9SP-XHDC	09-03-2020	08-03-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1564	Janssen-Ortho LLC	State Road 933 Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, 00778, United States	* Sản xuất không bao gồm công đoạn đóng gói và xuất xưởng: Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén. * Sản phẩm kiểm tra cụ thể: viên nén bao phim Invokana, Vokanamet, Rezolsta, Preszista; viên nang Topamax, Sprinkle.	EU-GMP	IT/GMP/E/1 1/2017	31-08-2017	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	17
1565	Janssen-Ortho LLC	State Road 933 Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, 00778, United States	Thuốc dạng rắn: viên nén nhiều lớp Invokana, Invokamet, viên nén Xarelto, viên nang Elmiron.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3002942061	28-08-2018	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
1975	Janssen-Ortho LLC	State Road 933 Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, 00778, USA	* Cơ sở sản xuất và đóng gói: + Sản phẩm Viên nén bao phim ERLEADA™, Tablet (apalutamide 60mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	KFWM-YEG5	10-12-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
1976	Janssen-Ortho LLC	State Road 933 Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, 00778, USA	* Cơ sở kiểm nghiệm xuất xưởng: + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 18mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 27mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 36mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	9VFR-MP4Q; RKR8-F32F; 6VWP-QFM5	17-11-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-039 » Avara Pharmaceutical Technologies Inc » 3300 Marshall avenue, Norman, OK 73072, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1232	Avara Pharmaceutical Technologies Inc	3300 Marshall avenue, Norman, OK 73072, USA	* Sản xuất, đóng gói sơ cấp: Mirabegron (Sản phẩm Betmiga prolonged-release tablet (mirabegron 25mg); Sản phẩm Betmiga prolonged-release tablet (mirabegron 50mg)).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	3004998655	30-07-2019	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	14
US-040 » C.B. Fleet Company, Inc., » 4615 Murray Pl., Lynchburg, VA 24502, USA									
883	C.B. Fleet Company, Inc.,	4615 Murray Pl., Lynchburg, VA 24502, USA	* Sản phẩm: Fleet (Sodium Phosphate, Dibasic and Sodium Phosphate, Monobasic) Enema, Enema. Hoạt chất, hàm lượng: Sodium Phosphate, dibasic 7 GM; Sodium Phosphate, monobasic 19 GM. Tên tại Việt Nam: Fleet Enema.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	9A7C-VN8P	31-07-2019	30-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
884	C.B. Fleet Company, Inc.,	4615 Murray Pl., Lynchburg, VA 24502, USA	Sản phẩm: Fleet Pedia-Lax Enema Fleet Enema For Children (Sodium Phosphate, Dibasic and Monobasic Enema), Enema. Hoạt chất, hàm lượng: Sodium Phosphate, dibasic 3.5 GM; Sodium Phosphate, monobasic 9.5 GM. Tên tại Việt Nam: Fleet Enema for Children.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	4CXV-MUTX	22-04-2019	21-04-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
2223	C.B. Fleet Company, Inc.,	4615 Murray Pl., Lynchburg, VA 24502, USA	Sản phẩm: Fleet Enema for Children (Sodium Phosphate, Dibasic and Monobasic Enema) Enema. Hoạt chất, hàm lượng: Monobasis Sodium Phosphate 9,5GM, Dibasic Sodium Phosphate 3,5MG.	US-cGMP (Tương đương EU-GMP)	FEI:1111503	09-07-2021	08-07-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25
2224	C.B. Fleet Company, Inc.,	4615 Murray Pl., Lynchburg, VA 24502, USA	Sản phẩm: Fleet (Sodium Phosphate, Dibasic and Sodium Phosphate, Monobasic) Enema. Hoạt chất, hàm lượng: Sodium Phosphate, Dibasic 7 MG; Sodium Phosphate Monobasis 19 GM.	US-cGMP (Tương đương EU-GMP)	FEI:1111503	21-07-2021	20-07-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25
US-041 » Baxalta US Inc. » 1700 Rancho Conejo Boulevard, Thousand Oaks, CA 91320, USA									
1566	Baxalta US Inc.	1700 Rancho Conejo Boulevard, Thousand Oaks, CA 91320, USA	* Xuất xưởng lô: Sản phẩm ADYNOVATE [Antihemophilic Factor (Recombinant), REGylated], hàm lượng: 250 IU, 500 IU, 750 IU, 1000 IU, 1500 IU, 2000 IU, 3000 IU.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FNJQ-26Q7 WHO	06-02-2019	05-02-2021	United States Food and Drug Administration	17
US-043 » CSL Behring LLC » Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA									
885	CSL Behring LLC	Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA (* Cách ghi khác: P.O. Box 511 Kankakee, IL 60901, USA hoặc Kankakee, IL 60901, USA)	* Sản phẩm: Albumin (Human) USP, Albuminar®; 25% 50 mL (Albumin 12.5g/50mL)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Q7AQ-3963 WHO	30-08-2019	29-08-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
886	CSL Behring LLC	Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA (* Cách ghi khác: P.O. Box 511 Kankakee, IL 60901, USA hoặc Kankakee, IL 60901, USA)	* Sản phẩm: + Albumin (Human) 25%; AlbuRx®; 25% 50 mL & 100 mL (Albumin 12.5g/50mL; 25g/100mL). + Albumin (Human) 5%; AlbuRx®; 5% 250 mL (Albumin 12.5g/250mL).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	E24W-J6TH WHO M9AC-226V WHO	02-05-2019	01-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
887	CSL Behring LLC	Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA (* Cách ghi khác: P.O. Box 511 Kankakee, IL 60901, USA hoặc Kankakee, IL 60901, USA)	* Sản phẩm: Albumin (Human) 20%; AlbuRx®; 20% 50 mL (Albumin 10g/50mL).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	693J-57KE WHO	26-07-2019	25-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
US-044 » Patheon Puerto Rico Inc » State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
888	Patheon Puerto Rico Inc	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/500mg (Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg và Metformin hydroclorid 500mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	5RME-UAAU	09-07-2019	08-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
889	Patheon Puerto Rico Inc	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/850mg (Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg và Metformin hydroclorid 850mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	V6RM-H6HG	03-07-2019	02-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
890	Patheon Puerto Rico Inc	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/1000mg (Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg và Metformin hydroclorid 1000mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	KAW7-P5VA	09-07-2019	08-07-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
1977	Patheon Puerto Rico Inc	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/1000mg (Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg và Metformin hydroclorid 1000mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	55QX-SG8D	13-04-2022	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
1978	Patheon Puerto Rico Inc	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/500mg (Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg và Metformin hydroclorid 500mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	7J9H-2SV4	13-04-2022	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
1979	Patheon Puerto Rico Inc	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/850mg (Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg và Metformin hydroclorid 850mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	SP3W-JZ3K	20-04-2022	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-045 » Merck Sharp & Dohme Corp. » 2778 South East Side Highway, Elkton, VA 22827, USA									
891	Merck Sharp & Dohme Corp.	2778 South East Side Highway, Elkton, VA 22827, United States of America	* Sản xuất và đóng gói sơ cấp: Primaxin ® I.V. Injection. (Imipenem 500mg, Cilastatin sodium 500mg). (Tên tại Việt Nam: Tienam, Bột pha truyền tĩnh mạch).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	688C-KKHF	30-04-2020	29-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	11
1833	Merck Sharp & Dohme Corp.	2778 South East Side Highway, Elkton, VA 22827, United States of America	* Sản xuất và đóng gói sơ cấp: Primaxin ® I.V. Injection. (Imipenem 500mg, Cilastatin sodium 500mg). (Tên tại Việt Nam: Tienam, Bột pha truyền tĩnh mạch).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	EU2Z-7AU2	07-07-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	20
US-047 » AbbVie Limited (Abbvie LTD) » Km 58 Carretera 2 Cruce Davila, Barceloneta, Puerto Rico, 00617, USA									
1035	AbbVie Limited (Abbvie LTD)	Carretera 2, Km 58.0, Cruce Davila, Barceloneta, Puerto Rico 00617, USA	Viên nén bao phim Lynparza 100mg (Olaparib 100mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	DRRG-DN9V	10-08-2020	09-08-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1036	AbbVie Limited (Abbvie LTD)	Carretera 2, Km 58.0, Cruce Davila, Barceloneta, Puerto Rico 00617, USA	Viên nén bao phim Lynparza 150mg (Olaparib 150mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	6W2Q-9HQN	10-08-2020	09-08-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
US-048 » Catalent CTS, LLC » 10245 Hickman Mills Dr, Kansas City, MO 64137, USA									
1233	Catalent CTS, LLC	10245 Hickman Mills Drive, Kansas City, MO 64137, United States of America	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói): Thuốc viên nang cứng Imbruvica® (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	R4ST-HWPC	18-11-2019	17-11-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	14
1776	Catalent CTS, LLC	10245 Hickman Mills Drive, Kansas City, MO 64137, United States of America	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói): Thuốc viên nang cứng Imbruvica® (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	964A-KJS8	30-12-2020	29-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1901	Catalent CTS, LLC	10245 Hickman Mills Drive, Kansas City, MO 64137, United States of America	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói): + Sản phẩm GAVRETO™, capsule (pralsetinib 100mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	4GQE-WDFZ	01-10-2021	30-09-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	21
US-049 » Pharmacia & Upjohn Company LLC » 7000 Portage Road, Kalamazoo, MI 49001, USA									
1037	Pharmacia & Upjohn Company LLC (Tên cũ: Pharmacia & Upjohn Company)	7000 Portage Road, Kalamazoo, MI 49001, United States of America (* Cách ghi khác: 7000 Portage Road, Kalamazoo, Michigan (MI) 49001, United States (USA))	* Sản phẩm SOLU-MEDROL, injection, powder for solution (tương đương Methylprednisolone 125mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GUJ7-N7V4	26-12-2019	25-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1346	Pharmacia & Upjohn Company LLC	7000 Portage Road, Kalamazoo, MI 49001, United States of America	* Sản phẩm ERAXIS®, Lyophilised powder for solution for injection (Anidulafungin 100mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	R9N8-PFWX	20-11-2020	19-11-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1671	Pharmacia & Upjohn Company LLC (Tên cũ: Pharmacia & Upjohn Company)	7000 Portage Road, Kalamazoo, MI 49001, United States of America (* Cách ghi khác: 7000 Portage Road, Kalamazoo, Michigan (MI) 49001, United States (USA))	* Sản phẩm SOLU-MEDROL®, injection, powder for solution (tương đương Methylprednisolone 125mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	RQN9-S6KR	03-06-2021	02-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18
US-050 » Janssen-Cilag Manufacturing, LLC » State Road 933, Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico 00778, USA									
1038	Janssen-Cilag Manufacturing, LLC	State Road 933, Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico 00778, USA	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói, kiểm nghiệm xuất xưởng): + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 18mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 27mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 36mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 54mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PF4Z-8RS5; U4DU-U6RY; KXQM-TQZC; H9SP-XHDC	09-03-2020	08-03-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1980	Janssen-Cilag Manufacturing, LLC	State Road 933, Km 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico 00778, USA	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói, kiểm nghiệm xuất xưởng): + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 18mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 27mg). + Sản phẩm CONCERTA®, Tablet, extended release (Methylphenidate HCl 36mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	9VFR-MP4Q; RKR8-F32F; 6VWP-QFM5	17-11-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-051 » Amgen Manufacturing Limited » State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1039	Amgen Manufacturing Limited	Road 31 Km. 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất: + Sản phẩm Dung dịch tiêm Neupogen® Singleject® (Filgrastim) Single dose prefilled syringe (Filgrastim 300 mcg / 0.5 ml tương đương 30MU/0.5ml). Tên thương mại quốc tế: Neupogen.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GCTR-F4NU	27-04-2020	26-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1040	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Kilometer 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất: + Sản phẩm Dung dịch tiêm Neulasta® (PegFilgrastim) Single dose prefilled syringe for injection (PegFilgrastim 6 mg / 0.6 ml). Tên thương mại quốc tế: Neulastim.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	HD3G-MWCD	02-03-2020	01-03-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1041	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Prolia® (Denosumab) Single use prefilled syringe (Denosumab 60 mg / 1 ml). Tên thương mại tại Việt Nam: CORORA.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	HU4R-HXDE	09-04-2020	08-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1042	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Xgeva® (Denosumab) 120mg/1.7ml Single use vial (Denosumab 120 mg / 1.7 ml). * Cơ sở sản xuất: + Sản phẩm Repatha® (Evolocumab) Sureclick® for subcutaneous use (Evolocumab 140 mg / 1 ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	XSN3-A474; KKCW-QC26	01-11-2019	31-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1043	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Single use prefilled syringe for injection (Adalimumab-Atto 20 mg / 0.4 ml). + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Single use prefilled syringe for injection (Adalimumab-Atto 40 mg / 0.8 ml). + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Sureclick® Prefilled Autoinjector (Adalimumab-Atto 40 mg / 0.8 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	P83M-ZYCV; UMGQ-XUU8; STJN-7NZG	08-05-2019	07-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1044	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 100 mg / 4 ml). + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 400 mg / 16 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PCJS-PXH4; CEA8-AYMJ	21-01-2020	20-01-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1045	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA (* Cách ghi khác: State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777-4060, USA)	* Cơ sở đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng: + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 400 mg / 16 ml). + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 100 mg / 4 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	QRHM-KAK2; TYQJ-3Q39	30-09-2019	29-09-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	12
1567	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA (* Cách ghi khác: State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777-4060, USA)	* Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: + Sản phẩm Kanjinti™ (Trastuzumab-Anns) Vial for injection, Single dose vial (Trastuzumab-Anns 150 mg). + Sản phẩm Kanjinti™ (Trastuzumab-Anns) Vial for injection, Single dose vial (Trastuzumab-Anns 420 mg).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	SBFY-N5DF; QFHE-SD2B	03-08-2020	02-08-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	17
1672	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA (* Cách ghi khác: State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777-4060, USA)	* Cơ sở đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng: + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 400 mg / 16 ml). + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 100 mg / 4 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	JHWA-4GVM; V45V-D96H	12-04-2021	11-04-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18
1777	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm: + Sản phẩm Repatha® (Evolocumab) Sureclick® injection (Evolocumab 140 mg / 1 ml). Tên thương mại quốc tế: REPATHA	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	DQP6-CBCZ	29-06-2021	28-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1778	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Xgeva® (Denosumab) 120mg/1.7ml Single use vial (Denosumab 120 mg / 1.7 ml). Tên thương mại quốc tế: XGEVA.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	7KBB-FR7R	23-06-2021	22-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1779	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Kilometer 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất dược chất và thành phẩm: + Sản phẩm Dung dịch tiêm Neulasta® (PegFilgrastim) Single dose prefilled syringe for injection (PegFilgrastim 6 mg / 0.6 ml). Tên thương mại quốc tế: Neulastim.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	H8EA-WWQ5	03-06-2021	02-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1780	Amgen Manufacturing Limited	Road 31 Km. 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất dược chất và thành phẩm: + Sản phẩm Dung dịch tiêm Neupogen® (Filgrastim) Single prefilled syringe (Filgrastim 300 mcg / 0.5 ml tương đương 30MU/0.5ml). Tên thương mại: Neupogen.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	NF6Q-Z54P	27-05-2021	26-05-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1781	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA (* Cách ghi khác: State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777-4060, USA)	* Cơ sở sản xuất thành phẩm bao gồm đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng: + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Becavizumab-Awwb 100 mg / 4 ml). + Sản phẩm Mvasi™ (Becavizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Becavizumab-Awwb 400 mg / 16 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	4JYS-MDQ8; UP72-JKCY	12-04-2021	11-04-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1782	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: + Sản phẩm Amgevita™ (Adalimumab-Atto) Single use prefilled syringe for injection (Adalimumab-Atto 20 mg / 0.4 ml). Tên thương mại tại Việt Nam: Amgevita + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Single use prefilled syringe for injection (Adalimumab-Atto 40 mg / 0.8 ml). Tên thương mại tại Việt Nam: Amgevita + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Sureclick® Prefilled Autoinjector (Adalimumab-Atto 40 mg / 0.8 ml). Tên thương mại tại Việt Nam: Amgevita	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TARA-WMJP; 4ZMB-VPPG; XXUM-J4YJ	25-02-2021	24-02-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	19
1981	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Prolia® (Denosumab) Single use prefilled syringe (Denosumab 60 mg / 1 ml). Tên thương mại tại Việt Nam: CORORA.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	ESWJ-TQEX	03-02-2022	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-053 » MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC » Pridco Indus Park, SR 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, USA									
1347	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC	Pridco Indus Park, SR 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA) (Cách ghi khác: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA))	Viên nén; viên nén bao phim; viên nén giải phóng chậm; viên nang cứng.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	2650155	26-02-2020	31-12-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	15
1982	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC	Pridco Indus Park, SR 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA) (Cách ghi khác: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA))	Sản phẩm: viên nén bao phim giải phóng chậm Janumet XR 100mg/1000mg (Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphate monohydrate) 100mg, Metformin hydrochlorid 1000mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Giấy phép sản xuất: 2650155 CPP sản phẩm: QCWB-SYWU	CPP: 13/04/2022	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
1983	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC	Pridco Indus Park, SR 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA) (Cách ghi khác: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA))	Sản phẩm: viên nén bao phim giải phóng chậm Janumet XR 50mg/500mg (Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg, Metformin hydrochlorid 500mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Giấy phép sản xuất: 2650155 CPP sản phẩm: 9CEB-J38Y	CPP: 13/04/2022.	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
1984	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC	Pridco Indus Park, SR 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA) (Cách ghi khác: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico (PR) 00771, United States (USA))	Sản phẩm: viên nén bao phim giải phóng chậm Janumet XR 50mg/1000mg (Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg, Metformin hydrochlorid 1000mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Giấy phép sản xuất: 2650155 CPP sản phẩm: M728-6RFG	CPP: 13/04/2022	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	22
US-055 » Genetech, INC » 1 DNA Way South San Francisco, CA 94080-4990, USA									
1673	Genentech, INC	1 DNA Way South San Francisco, CA 94080-4990, USA	Sản phẩm: bột pha dung dịch để pha dịch tiêm truyền Herceptin (trastuzumab 440mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TPB9-YEW7	10-03-2020	09-03-2022	United States Food and Drug Administration	18
US-056 » Genzyme Corporation » 11 Forbes Road, Northborough, Massachusetts (MA) 01532, USA									
1674	Genzyme Corporation	11 Forbes Road, Northborough, Massachusetts (MA) 01532, United States (USA)	* Đóng gói thứ cấp	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 3009389940	28-02-2020	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	18
US-057 » Regeneron Pharmaceuticals Incorporated » 81 Columbia, Turnpike, Rensselaer, 12144, USA									
2225	Regeneron Pharmaceuticals Incorporated	81 Columbia, Turnpike, Rensselaer, 12144, United States.	* Sản xuất bán thành phẩm công nghệ sinh học (trong đó có thuốc Eylea solution for injection (aflibercept, 40mg/ml, 1 vial),...) * Kiểm tra chất lượng	US-cGMP (Tương đương EU-GMP)	FEI: 1000514603	18-10-2019	31-12-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25
US-062 » Sanofi Pasteur Inc. » 1 Discovery Drive Swiftwater, PA 18370, United States									
2105	Sanofi Pasteur Inc.	1 Discovery Drive Swiftwater, PA 18370, United States	Vắc-xin MENACTRA® (polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh A, C, Y và W-135) và protein giải độc tổ bạch hầu)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	Báo cáo thanh tra, Số đăng ký cơ sở sản xuất trên website US FDA: 2518760; CPP: NCTU-X62F WHO	Ngày kết thúc thanh tra GMP: 15/06/2018	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	24
US-063 » Baxalta Inc. (Shire Inc.) » 4501 Colorado Boulevard, Los Angeles, CO 90030, USA									

ID CHỨNG CHỈ	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	ĐỢT CÔNG BỐ
2226	Baxalta Inc. (Shire Inc.)	4501 Colorado Boulevard, Los Angeles, CO 90030, USA	* Sản xuất sản phẩm trung gian và sản phẩm chờ đóng lọ/ đóng gói các sản phẩm từ máu (trong đó có Hemophil M, Flexbumin,...)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 2011021	02-11-2018	31-12-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	25
Gồm: 1179 cơ sở sản xuất và 2217 giấy chứng nhận GMP				Cập nhật:				17/01/2023	